

# VĂN HÓA HUẾ

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THỪA THIÊN HUẾ

**SỐ 47 • 2023**

“Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.”

*(Trích Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng)*

- Nhật ký trong tù - Bảo vật Quốc gia - NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH
- Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh trong văn học dân gian xứ Huế - LÊ VĂN HÀ, TRẦN THỊ HỘI
- Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế với hành trình tháng 5 nhớ Bác - HỒNG HẠNH
- Các giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế - LÊ VĂN HÀ, TRẦN THỊ HỘI
- Đề án "Huế - Kinh đô Áo dài Việt Nam" sẽ đưa di sản Áo dài đến với cộng đồng - PHAN THANH HẢI
- Bóng dáng Áo dài xưa qua các trang báo cũ - ĐỖ MINH ĐIỂN
- Vài suy nghĩ về lễ phục và Quốc phục Việt Nam - YÊN CHI
- Chế phong của vua Bảo Đại ban thường cho Tiền quân đô thống Võ Văn Kiêm - VÕ VINH QUANG
- Nội các nhà Nguyễn - Cơ quan văn phòng trong cải cách hành chính thời hoàng đế Minh Mạng - ĐẶNG ĐỨC ĐIỀU HẠNH
- Sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật của một cặp đôi nghệ sĩ ở Huế - PHAN THANH BÌNH - YTOSHA
- Kinh nghiệm quốc tế hồi hương cổ vật - PHAN THANH HẢI, NGUYỄN HÒA
- Phát huy di sản nón lá và áo dài Huế trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa - PHAN THANH HẢI, TRẦN VĂN DŨNG
- Phát huy giá trị di tích danh nhân Đặng Huy Trứ, người con ưu tú của quê hương Thừa Thiên Huế - HỒ SỸ HUYNH
- Mấy ý kiến về việc ghi danh nghệ thuật trình diễn dân gian Hồ Giã gạo vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia - PHAN THUẬN THẢO
- Hồ Quang Đại và hai bản sắc phong Thành Hoàng ở làng Hương Cẩn - ĐỖ NGỌC BẢO THU
- Lễ hội truyền thống của người Pacô - TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG
- Cuộc vượt ngục huyền thoại đầu tiên ở Phú Quốc - TIẾN VINH
- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa xứng tầm đô thị di sản - TRẦN VŨ
- Chính sách bảo tồn nhà vườn Huế nhìn từ góc độ bảo tồn và phát huy giá trị - HOÀNG ANH
- Chiếc ấn vàng huyền thoại và sự trở về - NHẬT MINH
- Bảo tàng ngoài công lập với công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế - NGUYỄN THỊ LỢI
- Văn bia mộ thượng thư Hồng Nhung - TRẦN ĐẠI VINH, TRẦN VĂN DŨNG
- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản nghệ thuật ca Huế trong bối cảnh đương đại - NGUYỄN THỊ LỢI, HOÀNG LONG
- Đưa Nghệ thuật Địch Mũ Phùng Thị vào cuộc sống - PHẠM ĐĂNG NHẬT THÁI
- Tranh dân gian làng Sinh trong mô hình thiết chế văn hóa làng nghề xứ Huế - PHAN THANH BÌNH
- Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na (Pô Innu Nagar) tại Huế nhìn từ hệ thống sắc phong làng Hải Cát - VÕ VINH QUANG
- Phủ Phú Bình Quận Vương và những câu chuyện lịch sử - TRẦN VĂN DŨNG
- Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế - LÊ THỊ MAI AN
- Hệ thống di tích lịch sử về cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968 ở Thừa Thiên Huế: Công tác bảo tồn và phát huy - NGUYỄN ĐỨC LỘC
- Nghĩa Trừng xứ làng Mỹ Lợi - TIẾN VINH
- Bảo tàng Mỹ thuật Huế đồng hành với Festival Bốn mùa 2023 - NGUYỄN QUANG TRUNG
- Điềm lại một số chương trình nghệ thuật nổi bật tại Festival Nghệ truyền thống Huế năm 2023 - THÁI ĐÌNH DŨNG
- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế qua góc nhìn của nghệ thuật ký họa - ĐÌNH THỊ HOÀI TRAI
- Di sản và cộng đồng - NHẬT MINH
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới - THU MỸ
- Vai trò của hương ước, quy ước trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, con người xứ Huế - NGUYỄN TRÍ
- Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Thừa Thiên Huế - thực trạng và giải pháp - MINH TỬ
- Dữ liệu số trong thời đại công nghệ số: Thực trạng và thách thức - THANH PHONG
- Ngày Gia đình Việt Nam 28 tháng 6: "Gia đình hạnh phúc - Quốc gia thịnh vượng" - NGHI DUNG
- Lan tỏa giá trị và nét đẹp của văn hóa đọc trong đời sống cộng đồng - THIÊN NGÂN
- Hiệu quả từ việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho học sinh - NGÂN HÀ
- Câu lạc bộ Taekwondo ở Hương Văn - Học võ là rèn luyện sức khỏe và nhân cách - XUÂN TRƯỜNG
- Bóng đá Huế, niềm tin từ các tuyển bóng đá trẻ - KIM PHỤNG
- Đọc sách: Bùi Huy Tín với thực nghiệp Dân báo và Trảng An báo - YÊN CHI
- Đề Luật Phòng, chống bạo lực gia đình phát huy hiệu lực, hiệu quả - BẢO MINH
- Giáo dục ứng xử trong gia đình: Bắt đầu từ vấn đề xung hô - DUƠNG HỒNG LAM
- Phụ nữ có vai trò quan trọng từ trong căn bếp ra ngoài xã hội - DUƠNG KHẢ
- *Truyện ngắn*: Bài hát từ núi Côi - DUƠNG THƯỜNG
- Đất học An Truyền - LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG
- Mưa trên ngày tháng - LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG
- Điện tử văn hóa bên dòng Ô Lâu - THÚY NHUNG
- Anh Nghề với phòng đọc bản Hạ Long - HỮU UY
- Giữ đất cha ông, giữ bóng thời gian - LÊ VIẾT XUÂN
- Huế, thành phố của cây xanh, bóng mát - TRẦN HOÀNG
- Sống hết lòng với sinh viên nghèo - DẪN VÕ
- *Thơ của các tác giả*: VÕ VĂN DẪN, DUƠNG THƯỜNG, HẠ TRẮNG, LÊ VIẾT XUÂN, NGÂN THƯƠNG, HỒ NGỌC DIỆP, ĐẶNG NGUYỄN, KIM ĐÔNG, MAI VĂN HOAN

# NHẬT KÝ TRONG TÙ - BẢO VẬT QUỐC GIA

■ NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH\*

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người sáng lập, rèn luyện Đảng cộng sản Việt Nam và khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho đất nước, cho hạnh phúc của Nhân dân.

Trong khối di sản tinh thần mà Người để lại cho dân tộc Việt Nam, có 5 di sản đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia (năm 2014), đó là các tác phẩm: “Đường Kách mệnh”; “Ngục trung nhật ký” (Nhật ký trong tù); “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”; “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước” và “Bản di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Mỗi di sản mà Người để lại đều chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa, ý nghĩa lớn lao và luôn tỏa sáng, soi đường cho cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang và vững bước trên con đường đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## 1. Nhà văn, nhà thơ Hồ Chí Minh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa bao giờ tự nhận mình là nhà báo, nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp, mà chỉ tự nhận mình là một nhà cách mạng chân chính, mọi hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ là công cụ để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Trong bài thơ *Khai quyển* mở đầu cuốn *Nhật ký trong tù*, Người bộc lộ: “Lão phu nguyên ái bất ngâm thi”, nghĩa là: “Già này vốn không thích ngâm thơ”, nhà thơ Nam Trân dịch là: “Ngâm thơ ta vốn không ham”. Nhưng điều đó không có nghĩa là Người không yêu văn học, nghệ thuật, mà bởi vì, Người từng trả lời một số nhà báo nước ngoài năm 1946 sau khi cuộc Tổng tuyển cử thành công tốt đẹp: “Tôi chỉ có một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Bởi vậy, Người đã dồn tất cả trí tuệ, tâm huyết, sức lực cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân, trở thành nhà chính trị, nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc. Bút danh Nguyễn Ái Quốc mà Người lấy những năm 20 của thế kỷ XX khi hoạt động cách mạng tại Pháp đã bộc lộ rõ ý chí, khát vọng của “người thanh niên yêu nước”, mong muốn cứu nước, cứu dân. Nhưng, trên thực tế, Người lại để lại cho dân tộc và nhân loại một di sản văn học vô cùng to lớn, trở thành nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc và thế giới. Điều gì đã đưa Người tìm đến với văn chương nghệ thuật? Đã có nhiều nhà nghiên cứu lí giải về điều này. Đó là, Người cầm bút chủ yếu là do hoàn cảnh thôi thúc, do nhiệm vụ cách mạng yêu cầu. Nghĩa là, trên con đường hoạt động cách mạng, Người nhận thấy văn chương thực sự là một vũ khí lợi hại, sắc bén phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng, Người đã nắm lấy nó, mài sắc nó bằng nhiệt tình cách mạng và đã trở thành nhà văn, nhà thơ ngoài dự

\* Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế

định của mình. Nghiên cứu di sản văn học Hồ Chí Minh, chúng ta nhận thấy, phần lớn sáng tác của Người được làm để phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã đến với văn chương trên con đường hoạt động cách mạng, dùng văn chương như một vũ khí sắc bén để tuyên truyền, đấu tranh cách mạng, đánh thức đồng bào, hiệu triệu non sông. Sự nghiệp văn học của Người gắn liền với sự nghiệp cứu nước cứu dân. Ở Hồ Chí Minh, văn cũng tức là Người. Văn thơ của Người phản ánh tâm hồn cao đẹp và cuộc đời vĩ đại của Người - một cuộc đời trọn đời vì nước, vì dân. Đó là sự nghiệp văn học lớn lao về tầm vóc, phong phú đa dạng về thể loại và đặc sắc về phong cách sáng tạo. Có thể nói, sáng tác của Hồ Chí Minh chủ yếu thuộc 3 lĩnh vực chính sau đây: văn chính luận, truyện và kí, thơ ca.

Trong những năm tháng bôn ba tìm đường cứu nước, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sử dụng các tác phẩm báo chí như một vũ khí sắc bén để đấu tranh, phơi bày bộ mặt của chế độ thực dân, khơi dậy tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Tiêu biểu như:

- “Việt Nam yêu cầu ca”: Năm 1919, bản Yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Quốc tế vì hoà bình họp ở Vécxây (Versailles). Bản yêu sách tám điểm bằng tiếng Pháp này đã được đăng toàn văn trên báo L’Humanité số ra ngày 18/6/1919 phía dưới có ghi: “Thay mặt nhóm những người yêu nước An Nam - Nguyễn Ái Quốc”. Sau đó, chính bản yêu sách này đã được Nguyễn Ái Quốc dịch ra tiếng Việt theo thể thơ lục bát chuyển về phổ biến rộng rãi với đồng bào trong nước dưới nhan đề “Việt Nam yêu cầu ca”.

- “Paris”: Truyện ngắn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo Nhân đạo, số ra các ngày 30, 31/5/1922. Qua tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc đã lên án cuộc chiến tranh đế quốc tàn bạo.

- “Bản án chế độ thực dân Pháp”: Bản án chế độ thực dân Pháp được Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) khởi thảo từ đầu những năm hai mươi, là tác phẩm chính trị nổi tiếng, đồng thời cũng là một tác phẩm có nhiều giá trị về văn học, ngôn ngữ, lịch sử...

- “Đường Kách mệnh”: Đường Kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh) là cơ sở đầu tiên cho cương lĩnh cách mạng của Đảng năm 1930. Với Đường Kách mệnh, Chủ nghĩa Mác Lênin được đưa vào sự nghiệp vận động cách mạng Việt Nam, quần chúng công nông trở thành người làm chủ cách mạng.

- “Lịch sử nước ta”: Lịch sử nước ta viết theo thể lục bát, có nội dung sâu sắc, hình thức trong sáng, mộc mạc, bồi dưỡng lòng yêu nước, kêu gọi chống ngoại xâm, là tác phẩm sử học, đồng thời là sự sáng tạo thống nhất hài hòa giữa nhà viết sử và nhà thơ trong con người Hồ Chí Minh. Điều lý thú là trong bảng liệt kê những năm quan trọng có ghi rõ dự đoán thiên tai: “1945, Việt Nam độc lập”.

- “Ca binh lính, ca sợi chỉ, hòn đá...” Những bài thơ tuyên truyền này của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 của Đảng (tháng 5/1941), giáo dục truyền thống yêu nước, hướng dẫn việc xây dựng lực lượng vũ trang Nhân dân, kêu gọi đoàn kết “đề cùng nhau cứu nước Nam ta”.

- “Đời sống mới”: Đời sống mới yêu cầu thực hành đổi mới cách ăn, cách ở, cách đi

lại, cách làm việc của từng người, từng nhóm người và của xã hội, tức là xây dựng lối sống mới ở Việt Nam.

- “Tuyên ngôn độc lập”: Tuyên ngôn độc lập là văn kiện lịch sử có giá trị lớn cả về lý luận chính trị lẫn văn học.

- “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”: Lời kêu gọi thể hiện lẽ sống của mỗi người dân Việt Nam, niềm tin vào chính nghĩa tất thắng, cô đúc sức mạnh của cả dân tộc, lôi cuốn toàn dân đi theo.

- Bút tích tác phẩm “Vừa đi đường vừa kể chuyện”: Nội dung cuốn sách ghi lại một số mẫu chuyện về đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian Người hoạt động ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác vào khoảng từ năm 1923 đến trước ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công. Phần cuối của cuốn sách ghi lại một số hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm Nhân dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp. Những mẫu chuyện này do Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại trên đường Người ra mặt trận trong Chiến dịch Biên giới năm 1950.

- “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, ngày 17/7/1966”: Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi Nhân dân Việt Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược đến thắng lợi cuối cùng bởi “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

- “Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”: là tác phẩm cuối đời Người để lại cho dân tộc Việt Nam, một tài liệu quý giá, vừa chứa chan tình yêu thương với đồng bào vừa có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển của đất nước. Di chúc được Người bắt đầu chấp bút từ tháng 5/1965 đến tháng 5/1969, ghi lại những suy nghĩ, lời căn dặn của một người “chuẩn bị đi xa” đối với những thế hệ sau nên đó tất nhiên là những điều rất thực, rất tâm huyết.

Trong tác phẩm trên, có 5 tác phẩm được công nhận là Bảo vật Quốc gia: Đường Kách mệnh, Nhật ký trong tù, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi tác phẩm đều mang những giá trị, nội dung, phong cách riêng biệt, đặc trưng. Trong đó, Nhật ký trong tù được xem là một tác phẩm đặc biệt tiêu biểu, là tác phẩm nổi bật thuộc thể loại thơ ca trong các sáng tác của Hồ Chí Minh.

## **2. Nhật ký trong tù - Bảo vật quốc gia**

### **- Nhật ký trong tù - ra đời nơi tù ngục**

Sau một thời gian hoạt động ở Cao Bằng cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 13/8/1942, lấy tên là Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc. Với danh nghĩa là Đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ Quốc tế chống xâm lược của nước ta, nhà yêu nước và cách mạng Hồ Chí Minh nhằm mục đích tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của quốc tế lúc bấy giờ.

Trên đường đi Người đã ở lại nhà một người nông dân dân tộc Choang ở Quảng Tây. Vừa đến Túc Vinh - một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giữ. Suốt 13 tháng bị giam cầm, qua gần 30 nhà tù thuộc 13 huyện của tỉnh Quảng Tây, cuối cùng bị giam ở phòng tạm giam của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu Liễu Châu. Thời gian ấy, Người bị đối xử tàn tệ, sống trong thiếu thốn cơ hàn, người tù Hồ Chí Minh bằng trí tuệ, nghị lực và tinh thần lạc quan cách mạng của mình, đã vượt qua tất cả để sống còn, để trở về nước tiếp

tục sự nghiệp vẻ vang của mình. Sau khi được trả tự do, ngày 10/9/1943, Hồ Chí Minh tham gia một số công việc của Việt Nam cách mạng Đồng minh hội thành lập ở Liễu Châu. Người ở một phòng thuộc tầng 2 trong căn nhà dưới chân núi Ngự Phong. Trên đường trở về nước, Người có ở lại tại một trường tiểu học tại Long Châu. Đến cuối năm 1944, Người trở về nước.

Trong thời gian bị cầm tù, Hồ Chí Minh đã hoàn tất tập Ngục trung nhật ký (Nhật ký trong tù) bằng chữ Hán. Đây là một tác phẩm nhật ký bằng thơ có giá trị lịch sử, tư tưởng và nhân văn. Đã được công nhận là Bảo vật quốc gia theo Quyết định số 1426/QĐ-TTg ngày 01/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhật ký trong tù - bản gốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một cuốn sổ tay ghi “nhật ký”, trang bìa có 4 chữ “Ngục trung nhật ký” bằng chữ Hán, cạnh hình vẽ hai cánh tay với bàn tay nắm chặt, bị xích, kèm 4 câu:

*“Thân thể tại ngục trung,  
Tinh thần tại ngục ngoại.  
Dục thành đại sự nghiệp  
Tinh thần cánh yếu đại!”*

Cuốn Nhật ký được chia thành hai phần, giữa hai phần là những trang giấy để trắng. Phần thứ nhất: từ trang 1 đến trang 53 gồm 133 bài thơ (không kể bài “Đề từ” ghi trên bìa) và 6 trang rưỡi ghi chép bằng văn xuôi. Bài thơ cuối cùng không được đánh số ở trang 53. Xen giữa phần thơ, từ trang 47 đến trang 52

là những ghi chép của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng chữ Hán với tiêu đề: “Những hiểu biết cơ bản về quân sự” và một số tin quốc tế cùng những suy nghĩ của Người. Phần thứ hai: từ trang 63 đến trang 68 và trang 79 mang tiêu đề “Xem bảng yết báo”, những ghi chép về thời sự trong nước và thế giới; một số tư liệu về Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp; một số sự việc, nội dung, sự kiện, suy nghĩ tản mạn được Người ghi lại không có hệ thống vì đó là những ghi chép cần cho riêng Người, không phải để xuất bản và không phải để cho người khác đọc. Xen giữa những trang ghi chép có một số trang để trắng.

Nhật ký trong tù là một văn kiện lịch sử quan trọng, đồng thời là một tác phẩm văn học lớn thể hiện tư tưởng, tình cảm của người anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam và có tác dụng giáo dục sâu sắc đối với nhiều thế hệ người Việt Nam. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nói: *“Tập thơ Nhật ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một kho tàng về biết bao khía cạnh của cuộc đời, con người và nghệ thuật mà sự phong phú còn cần được tiếp tục nghiên cứu”*.

Ngày 14/9/1955, khi đến thăm triển lãm tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao tác phẩm này cho đồng chí Nguyễn Việt - Trưởng ban tổ chức triển lãm và nói: *“Tôi có quyển sổ tay cách đây mười mấy năm còn giữ đến bây giờ, các cô, các chú xem có triển lãm được thì dùng”*. Cuốn Ngục trung nhật ký (Nhật ký trong tù) của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đưa ra trưng bày, giới thiệu tới công chúng ngay tại triển lãm.



Tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên năm 1960, được nhiều nhà xuất bản trong nước và trên thế giới in, phát hành hàng vạn bản với trên 20 ngôn ngữ khác nhau. Các bài thơ trong Nhật ký trong tù cũng nhiều lần được thể hiện bằng thư pháp chữ Việt, Hán, Triều Tiên, Nhật Bản...

Một số hình ảnh là những trang góc kèm bản dịch thơ của tập thơ Nhật ký trong tù:



Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế

### - Nhật ký trong tù - Sức sống mãnh liệt

“Nhật ký trong tù dịch ra tiếng nước ngoài đã nhanh chóng đi vào lòng người, tạo nên những cảm xúc thẩm mỹ mới lạ trước hình tượng Hồ Chí Minh. Thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh được dịch ra tiếng Việt... ngọt ngào như tiếng hát dân gian, thanh cao như cốt cách dân tộc”.

Nhật ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố một phần trên các tạp chí ở Hà Nội vào năm 1959, năm 1960 được in thành tập.

Không chỉ có ý nghĩa văn chương sâu sắc, Nhật ký trong tù còn là tài sản vô giá trong di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam, đặc biệt từ khi tác phẩm được dịch ra tiếng Việt, phát hành rộng rãi năm 1960 đã lan tỏa và thấm sâu vào đời sống xã hội Việt Nam. Tác phẩm đã được các tầng lớp nhân dân cả nước đón đọc, trở thành món ăn tinh thần của mỗi người dân đất Việt, được đưa vào giảng dạy trong nhà trường. Tác phẩm không chỉ được phổ biến sâu rộng ở trong nước, mà còn được đánh giá cao và giới thiệu bằng nhiều thứ tiếng: Anh, Bồ Đào Nha, Đức, Hàn Quốc, Myanmar, Nga, Nhật Bản, Pháp, Romania, Séc, Trung Quốc, Tây Ban Nha...

Tập thơ là kỷ vật vô giá mà những người được lưu giữ luôn trân trọng, đã trở thành cảm nang tôi luyện tinh thần, giữ vững ý chí chiến đấu, lao động.

Đặc biệt, tác phẩm Nhật ký trong tù do Khối Báo chí Hội Liên hiệp sinh viên Huế thực hiện là bản sao của cuốn Nhật ký trong tù do Nhà xuất bản Phổ thông phát hành tại Hà Nội năm 1960. Trang bìa, bìa lót được các học sinh, sinh viên Huế vẽ và kẻ



chữ bằng tay, nội dung tác phẩm đã được đánh máy và quay roneo tại Huế vào năm 1971, dày 41 trang, khổ 10x20cm, in trên giấy thường màu nâu nhạt. Với khổ sách nhỏ, các bài thơ được chọn lọc, một trang in 3-4 bài thơ để hạn chế số trang, tạo thành một tác phẩm nhỏ, gọn, thuận lợi cho công tác tuyên truyền phục vụ phong trào đấu tranh đô thị Huế.

Nhật ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh phát hành tại Huế mang giá trị vô cùng to lớn, động viên tinh thần tranh đấu của các tầng lớp học sinh, sinh viên.





Nguồn: Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế

### 3. Nhật ký trong tù - Lan tỏa những giá trị tư tưởng, nhân văn

#### - Nhật ký trong tù - Lan tỏa giá trị lịch sử, tư tưởng, nhân văn

*“Văn thơ của Bác văn thơ thép  
Mà vẫn mềm mông bát ngát tình”.*

Chúng ta thấy Bác “đọc” ra thơ hơn là “nghĩ” ra thơ. Nếu câu nói “thơ là người” là đúng thì thơ của Bác cũng phản ánh tính chất giản dị của Bác”. Đó là câu nói của Nhà nghiên cứu Trần Huy Liệu khi đọc thơ của Hồ Chí Minh.

Nhà phê bình Hoài Thanh thì đã nhận xét: Tập thơ Nhật ký trong tù “*đứng vô song trong văn học nước ta vì nó là những tiếng tâm hồn của Hồ Chủ tịch*”.

Dịch giả Kim Sang Il - Hàn Quốc đã nói rằng: “*Tôi thật sự cảm động, vì qua các bài thơ, tôi có cảm giác như Hồ Chí Minh là một bác láng giềng nhân hậu, chất phác, nhưng ẩn trong đó là cả một ý chí bất khuất, bất từ nan, và một tình thương ấm áp...*”

Theo Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh: “*Nhà thơ Trung Quốc Quách Mạt Nhược nhận thấy trong Nhật ký trong tù có một số bài rất hay, nếu đặt lẫn vào trong tập thơ của những thi nhân đời Đường, đời Tống thì khó mà phân biệt được. Dĩ nhiên, đó không phải chỉ là nhận xét về chỗ tương đồng giữa thơ Bác với thơ cổ điển của Trung Hoa về bút pháp, phong cách mà còn là một cách đánh giá cao về phẩm chất nghệ thuật của Nhật ký trong tù*”.

#### - Nhật ký trong tù - Nguồn cảm hứng nghệ thuật

Nhà thư pháp Lỗ Nguyên (Trung Quốc) bằng tất cả niềm đam mê và lòng kính trọng,

qua nhiều bút pháp như Lệ thư, Tuyên thư và Thảo thư... đã biến các bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ cái đọc thâm thúy thành cái nhìn biểu tượng tinh túy, nơi các con chữ kết hợp thành hình ảnh khí phách của một người tù khát vọng tự do, một Anh hùng giải phóng dân tộc. “Tôi kính yêu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người cộng sản chân chính nhất của Nhân dân Việt Nam”. 31 bức thư pháp thơ Nhật ký trong tù do nhà thư pháp Lỗ Nguyên thực hiện được trao tặng cho UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhân kỷ niệm 62 năm Ngày Quốc khánh Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945-2/9/2007). Tập thơ Nhật ký trong tù cũng đã được thể hiện qua nghệ thuật thư pháp Hàn Quốc, và các tác phẩm này đã được trưng bày triển lãm tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế năm 2010.

Các nhà thư pháp Huế qua bút pháp đa dạng và tài hoa với những tình cảm sâu nặng và lòng biết ơn vô hạn trước công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng cảm hứng sáng tạo đã thể hiện những bức thư pháp thơ Nhật ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các tác phẩm ấy được thực hiện trên các chất liệu khác nhau như gỗ, giấy, giấy cuộn, tre...

Nghề đan lát mây tre đan Bao La ở Quảng Điền qua quá trình phát triển, các nghệ nhân ngoài việc sáng tạo ra các sản phẩm truyền thống, còn chú trọng sáng tạo những hiện vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện những bức thư pháp bằng tre, ghép mây về thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh tạo điểm nhấn sáng trong về tài hoa con người, về tình cảm của nghệ nhân xứ Huế dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt, hai bài thơ là Đi đường (Tầu lộ) và Ngắm trăng (Vọng nguyệt) là bài thơ thứ 29 và 20 trong tập Nhật ký trong tù đã được nghệ nhân Võ Chúc - Thái Phi Hùng ở làng nghề mây tre đan Bao La thực hiện năm 2013 bằng chữ quốc ngữ.

Chào mừng 133 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023), 80 năm ra đời tác phẩm *Nhật ký trong tù* (1943-2023), Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế cũng đã tổ chức triển lãm chuyên đề “*Nhật ký trong tù - Bảo vật Quốc gia*”. Với gần 180 hiện vật, tư liệu, hình ảnh, triển lãm đã mang đến cho du khách hình dung được thế giới tâm hồn nhiều cung bậc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thấy được tầm vóc trí tuệ của một chân dung vĩ đại, với khát vọng cao đẹp nhất là “*Độc lập cho dân tộc và Tự do cho con người*”.

#### 4. Kết luận

Nhật ký trong tù là tập thơ của một người cộng sản vĩ đại, hơn nửa thế kỷ đã không ngừng chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của loài người. Từ những vần thơ Người viết trong ngục tù luôn tỏa ra ánh sáng lấp lánh của một tâm hồn lớn, một nhân cách lớn, một tài năng lớn. Nhật ký trong tù không những là một văn kiện lịch sử vô giá, một bảo vật Quốc gia, mà còn là một thi phẩm đặc sắc đạt tới đỉnh cao của truyền thống thơ ca dân tộc, bởi hồn thơ vĩ đại này thuộc về Hồ Chí Minh - Người Anh hùng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất.

Mỗi câu chữ trong tác phẩm đều ẩn chứa sức sống mãnh liệt của Người trong tù đầy gian khổ, hy sinh, thấm sâu và lan tỏa những giá trị lịch sử, văn hóa và nhân văn cao cả. Đã tròn 80 năm tập thơ ra đời, chúng ta cùng nhìn lại và chiêm nghiệm những giá trị lớn lao của bảo vật quốc gia - một bảo vật mà qua thời gian, luôn có sức cuốn hút, lan tỏa kỳ diệu đến tận ngày nay. ■



# HÌNH ẢNH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG VĂN HỌC DÂN GIAN XỨ HUẾ

■ LÊ VĂN HÀ\* - TRẦN THỊ HỘI\*\*

Thừa Thiên Huế là mảnh đất đã gắn liền với cuộc sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người trong gần mười năm thời niên thiếu. Khoảng thời gian đó và hình ảnh thân thương của Bác vẫn luôn in đậm trong tâm thức người dân xứ Huế. Hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hiện hữu trong văn học dân gian của người dân sông Hương, núi Ngự. Những câu ca, điệu hò tuy mộc mạc đơn sơ nhưng chứa chan tình cảm, là ân tình sâu nặng, là tình cảm thiêng liêng của người dân xứ Huế dành cho Người. Tất cả đã trở thành di sản văn hóa phi vật thể độc đáo làm đa dạng thêm bản sắc văn hóa Huế.

Điệu hò, ca dao, câu vè là một thể loại văn học dân gian, nói lên tình cảm, nguyện vọng tha thiết của người dân lao động, câu từ tuy đơn giản, mộc mạc nhưng cũng rất sâu lắng và dễ đi vào lòng người. Đối với người Huế, từ những câu ca dao có thể chuyển thành những điệu hò, khi sâu lắng, khi tha thiết mệnh mang trên phá Tam Giang, hay êm ả theo nhịp chèo sông Hương triu mến.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, trong những đêm trăng ở làng Vĩ Dạ người ta thường nghe thậm thịch vang lên điệu hò giã gạo với lời ca tha thiết. Trong lời ca ấy, hình ảnh thân thương của Cụ Hồ lại hiện lên như thúc giục, như động viên, như ngọn đèn soi đường chỉ lối:

*“Cụ Hồ Chí Minh mới là người thiết tình yêu nước  
Anh em mình kẻ trước người sau  
Đứng lên theo ngọn cờ đào  
Đã có người anh minh chỉ lối  
Thì cách mạng nào cũng thành công...”*

Hay lắng đọng trên dòng Hương Giang trong xanh, một giọng hò mái nhì xao xuyến dưới ánh trăng:

*“Bát ngát hương sen tỏa trên thành Huế  
Trăng sáng mệnh mông gió nhẹ nhẹ lay  
Sen từ làng Sen, sen quyện đất này  
Con sông Hương nhớ Bác, những hàng cây bồi hồi”  
... “Trường Quốc Học về làng Dương Nỗ  
Đường ven sông Hương thuở nhỏ Bác thường qua  
Cây đơm hoa chim rộn rã tiếng ca*

\* Trường phòng Tuyên truyền Hướng dẫn Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế.

\*\* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế.



*Bộ sưu tập giấy bạc có hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh do Nhân dân Thừa Thiên Huế cất giữ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế*

*Từ thành Vinh đến Huế Bác không xa chúng mình”  
... “Vàng trắng Ba Đình vẫn tròn tình xứ Huế  
Sóng nước sông Hương vẫn nhớ thời còn trẻ Bác đã ở đây  
Phượng nở bên sông, rục rờ cả trời mây  
Tháng năm càng nhớ Bác, Bác về đây với chúng mình”.*

Có khi những câu hò, câu ca dao thật cảm động về nỗi lòng khát khao, thương nhớ và mong mỏi của người dân xứ Huế được gặp Bác Hồ:

*“Á... ạ... A... ơi. Đường đi Việt Bắc bao xa?  
Màn rừng đi được... mà ra Cụ Hồ  
Hầu thăm Cụ ở nơi mô?  
Răng chừ... độc lập! để Cụ vô... Huế mình”.*

Để ủng hộ chính sách diệt “giặc đói”, “giặc dốt” và “giặc ngoại xâm” của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở Huế có những câu hò:

*“Ai thương dân mình bằng Cụ Hồ Chí Minh vĩ đại...  
Diệt dốt, diệt đói rồi lại đánh Tây...”*

*Cho nông dân mình có ruộng cày, để công nhân có nhà máy, dựng xây nước nhà”.*

Hay:

*“Cụ Hồ gọi thi đua diệt dốt  
Bà con mình cùng tới lớp bình dân  
Thi đua học tập chuyên cần  
Đến ngày bầu cử ghi hai chữ ân nhân là Cụ Hồ*

Khi chính quyền Ngô Đình Diệm được dựng lên nhằm phá hoại cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước, nhằm phản đối chính quyền họ Ngô và ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở xứ Huế lại vang lên những điệu hò, câu ca thâm thúy:

“*Ăn bí Ngô<sup>1</sup> nó làm tôi xách quần  
chạy ra, chạy vô bạc mặt...*

*Chẳng khác gì bị giặc đuổi sau lưng  
Lòng dạ nôn nao rệu rã cả tay chân  
May nhờ đội nước Hồ<sup>2</sup> lay tỉnh,  
không thì cứng lưng trong hòm!*

Trong hai cuộc kháng chiến, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ muốn xóa bỏ hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và cấm Nhân dân theo Đảng, theo Bác, nhưng người dân xứ Huế vẫn giữ một lòng thủy chung son sắt và gắn kết keo sơn, thể hiện qua những điệu hò, câu ca hết sức sâu sắc:

“*Em có giữ hình chí mô<sup>3</sup> mà anh  
nói hình Cụ Hồ em thu em giấu.  
Thưa thiệt với anh dù đổ máu, đầu  
roi. Trong trái tim em giữ mãi trọn  
một lời. Dù nhà tan cửa nát em vẫn  
đời đời thủy chung.*

Hay: “*Em lên rừng lấy miếng gỗ  
trắc. Dem về em khắc bốn câu thơ.  
Câu thương, câu nhớ, câu đợi, câu  
chờ. Dẫu non mòn, biển cạn ơn nghĩa Cụ Hồ không quên*”.

Ở mỗi vùng miền đều có những câu ca quen thuộc về Bác Hồ, những câu ca ấy thường gắn liền với cảnh vật, cỏ cây, sông núi hay những sản vật đặc trưng của mỗi vùng miền. Đồng bào Nam Bộ có câu ca:

“*Tháp Mười đẹp nhất bông sen  
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ*”.

Còn ở xứ Huế nhân dân lấy sông An Cựu, chùa Bồng Lai, biển Cảnh Dương, nón bài thơ... để làm biểu tượng thể hiện tình cảm, lòng thành kính biết ơn sâu sắc đến Người:

“*Trăng trên trời có khi tròn, khi khuyết  
Nước sông An Cựu<sup>4</sup> nắng đục, mưa trong  
Miền Nam muôn thuở một lòng  
Nhớ ơn cách mạng, nhớ công Bác Hồ*”.

Hay:

“*Trăng trên trời có khi tròn, khi khuyết  
Nước dưới sông có khúc cạn, khúc sâu  
Ai ra miền Bắc thưa với Cụ Hồ  
Lòng miền Nam vẫn tròn vành vạnh như nón bài thơ<sup>6</sup> đội đầu*”



Chân dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có chữ ký để tặng của Người cho ông Hà Văn Lâu ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 1950 được trưng bày tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế

Hoặc:

*“Ngó lên chùa Bông Lai cây cao bóng mát  
Ngó xuống bãi biển Cảnh Dương<sup>6</sup> dào dạt sóng xao  
Nhờ ai đường rộng nhà cao  
Nhờ Cụ Hồ lãnh đạo đồng bào mình được ấm no...”*

Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những câu ca, điệu hò được truyền tụng trong dân gian xứ Huế hiện lên thật gần gũi, thân thương. Những tác phẩm đó đã góp phần giúp chúng ta thấy rõ hơn tấm lòng thành kính và tri ân sâu sắc của người dân xứ Huế dành cho Người. Việc gìn giữ và phát huy giá trị của các tác phẩm văn học dân gian về Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế nói riêng và cả nước nói chung là một việc làm quan trọng, bởi nó mang tính giáo dục, tính nhân văn, dễ đi sâu vào lòng người và được đông đảo quần chúng nhân dân đón nhận, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi cả nước đang tiếp tục “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. ■

## VÕ VĂN DẦN

# Huế thương

*Huế rặng mà đẹp lạ chùng  
Đi mô cũng nhớ đến tình sợi thương  
Đền đài lẫm tẩm uy nghiêm  
Khảm vào trong gió ẩn tiềm hoa văn  
Nón lá che dáng em nghiêng  
Tĩnh Tâm sen nở dịu hiền màu da  
Đông Ba-Gia Hội đôi bờ  
Dùng dằng nổi nhớ mấp mờ miền thương  
Áo dài tha thướt vấn vương  
Nhẹ nhàng in bóng sóng Hương mím cười  
Tìm trong sâu thẳm Huế ơi  
Lung linh cung điện sáng ngời nước non  
Ngàn xa kỷ ức vẫn còn  
Mơ về xứ Huế vương tròn tình quê.*

# BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH THỪA THIÊN HUẾ VỚI HÀNH TRÌNH THÁNG 5 NHỚ BÁC

■ HỒNG HẠNH

Tháng 5 hàng năm luôn trở nên đặc biệt, là thời gian mà cả dân tộc Việt Nam kỷ niệm Ngày sinh của một bậc vĩ nhân - Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta*”<sup>1</sup>.

Những ngày tháng 5 lịch sử càng có ý nghĩa hơn tại Thừa Thiên Huế, mảnh đất này là nơi Người đã sống những năm tháng tuổi thơ, tuổi thanh niên đầy nhiệt huyết và hoài bão, là nơi Người đã bắt đầu đi học, trưởng thành, tham gia các hoạt động yêu nước; những năm tháng đó đã góp phần hun đúc nên người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành với trí tuệ lỗi lạc, trái tim nhiệt huyết, tâm hồn thanh cao và trên hết là lòng yêu quê hương đất nước, yêu thương đồng bào, chuyển hóa thành khát vọng cứu nước, cứu dân.

Kỷ niệm Ngày sinh của Người, tỉnh Thừa Thiên Huế đã chỉ đạo Bảo tàng Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan đơn vị, đặc biệt với sự ủng hộ của quần chúng nhân dân tổ chức các hoạt động tạo nên một hành trình tháng 5 nhớ Bác trang nghiêm, xúc động và ý nghĩa.

## Lễ hội làng Dương Nỗ lần đầu tiên được tổ chức tại Thừa Thiên Huế

Làng Dương Nỗ, ngôi làng được chọn để tổ chức Lễ hội mừng sinh nhật Bác chính là nơi Người đã sống từ năm 1898-1900, khi cùng anh theo cha về đây dạy học. Ngày nay làng Dương Nỗ còn lưu lại dấu ấn về Người với 02 di tích quốc gia đặc biệt (*Nhà lưu niệm Bác Hồ; Đình làng Dương Nỗ*) và 02 di tích cấp tỉnh (*Am Bà, Bến Đá*).

Tại ngôi làng đặc biệt này, với không gian văn hóa từ Đình làng đến Nhà lưu niệm Bác Hồ, Lễ hội làng Dương Nỗ được tổ chức với 11 hoạt động diễn ra từ ngày 16 đến 18/5/2023, khai mạc Lễ hội là chương trình nghệ thuật “*Hồ Chí Minh - Sáng mãi niềm tin*” giàu cảm xúc khi tái hiện lại tuổi thơ của Người trong những năm tháng sống trên đất Huế, tạo dấu ấn trong lòng du khách và quần chúng nhân dân.

Trong khuôn khổ Lễ hội, sáng ngày 17/5, trang trọng nghi thức Rước và dâng hoa sen lên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đoàn rước với sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể, quần chúng nhân dân, quý thầy cô giáo và các em học sinh..., trang nghiêm dưới cờ Đảng, cờ Tổ quốc, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và những lẵng hoa Sen thơm ngát được rước từ Đình làng đến Nhà lưu niệm. Tại đây, Lễ dâng hương, dâng hoa tưởng niệm, tri ân Chủ tịch Hồ Chí Minh được thực hiện trang trọng, thành kính nhân kỷ niệm 133 năm Ngày sinh của Người.

Bên cạnh phần Lễ trang nghiêm, phần hội cũng được tổ chức với nhiều hoạt động

1. Điều văn của Ban chấp hành trung ương Đảng đọc trong lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9-9-1969



phong phú: Trong không gian Nhà lưu niệm, các hoạt động văn hóa được tổ chức nhằm tái hiện lại không gian văn hóa truyền thống như: triển lãm mỹ thuật “*Tranh dân gian Việt Nam*”; trải nghiệm làm hoa sen giấy, in tranh, viết thư pháp...; đặc biệt tại đây các em học sinh còn được thể hiện tài năng, ước mơ, tấm lòng kính yêu đối với Bác Hồ qua liên hoan sáng tác hội họa với chủ đề “*Thiếu nhi với Bác Hồ*” với sự tham gia của trên 100 em học sinh đến từ các trường học trên địa bàn xã Phú Dương, thành phố Huế. Tại ngôi đình làng cổ kính, các gian hàng ẩm thực với các sản vật địa phương: các loại bánh dân dã, các loại chè, bánh chưng, bánh tét truyền thống được phục vụ nhân dân và du khách; nhiều trò chơi dân gian được tổ chức như: đi cà kheo, chơi ô ăn quan, bịt mắt đập niêu... làm cho không khí Lễ hội càng thêm rộn ràng.

Ngôi làng Dương Nỗ cổ kính hơn 500 năm tuổi cùng với di sản văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được các nghệ sỹ nhiếp ảnh ghi lại những khoảnh khắc đẹp, lắng đọng thời gian, giới thiệu với công chúng qua bộ triển lãm ảnh nghệ thuật trên 80 tác phẩm chủ đề “*Nét đẹp Di sản Hồ Chí Minh*”. Chương trình ca Huế và Bolero diễn ra vào đêm 17/5; Hội đua trải truyền thống vào ngày 18/5 là những hoạt động mang tính cộng đồng, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia.

Tại Lễ hội, Bảo tàng Hồ Chí Minh còn xây dựng và giới thiệu đến du khách gần xa không gian trưng bày về truyền thống lịch sử, văn hóa làng Dương Nỗ, nơi lưu lại dấu ấn đặc biệt về làng Dương Nỗ, ngôi làng giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, gắn bó sâu sắc với tuổi thơ của Người.

Lễ hội làng Dương Nỗ là hành trình trải nghiệm đặc biệt, về với di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần gắn kết giữa di tích với cộng đồng, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản, đồng thời gắn với phát triển du lịch. Trong 02 ngày diễn ra Lễ hội, làng Dương Nỗ đã thu hút hàng ngàn du khách và người dân đến tham quan và tham gia các hoạt động. Lễ hội làng Dương Nỗ lần đầu tiên được tổ chức, và trong tương lai, đây sẽ là Lễ hội được tổ chức thường xuyên vào đúng dịp sinh nhật Bác, 19/5; như một lời tri ân với những cống hiến, hy sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với đất nước, với dân tộc; là tình cảm thiết tha của quần chúng nhân dân đối với Người.

### **Lễ dâng hoa và khai mạc triển lãm chuyên đề tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế**

Ngày 19/5, đã thành truyền thống, các đồng chí lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Huế, các sở ban ngành, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân lại đến Bảo tàng Hồ Chí Minh để dâng lên Người những bông hoa sen đầu mùa tươi thắm và cùng lắng đọng trước lời căn dặn của Người.

Kỷ niệm 19/5 năm nay, cũng là năm kỷ niệm 80 năm ra đời của tác phẩm “*Nhật ký trong tù*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế giới thiệu đến công chúng bộ triển lãm “*Nhật ký trong tù - Bảo vật Quốc gia*”, triển lãm khai mạc đúng vào Ngày sinh Người (19/5/1890-19/5/2023). Với gần 180 tư liệu, hình ảnh, hiện vật trưng bày trong 3 chủ đề: *Danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh; Nhật ký trong tù - Bảo vật Quốc gia; Nhật ký trong tù - Lan tỏa những giá trị tư tưởng, nhân văn; triển lãm*

giới thiệu đến công chúng về chân dung tác giả - Hồ Chí Minh; nguồn gốc ra đời của tác phẩm; bản chụp bút tích 53 trang - 133 bài thơ và các trang ghi chép trong Nhật ký trong tù. Đặc biệt trong 80 năm sau khi ra đời, tác phẩm Nhật ký trong tù luôn là nguồn cảm hứng không chỉ của những nhà nghiên cứu, mà còn của những nghệ sỹ Việt Nam và thế giới, trong đó có nghệ thuật thư pháp.

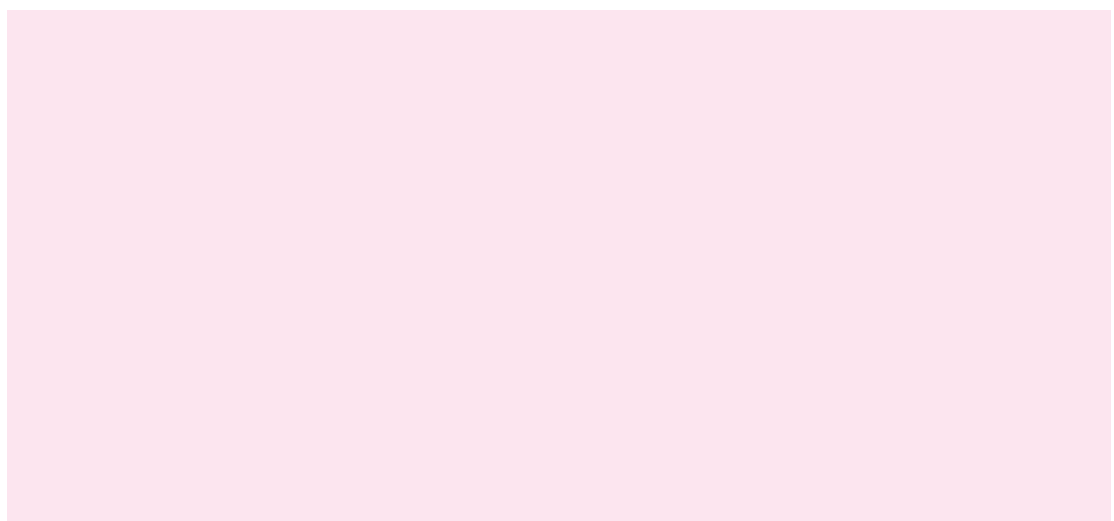
Phát biểu khai mạc triển lãm, đồng chí Lê Thuỳ Chi, Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế khẳng định: *“Triển lãm sẽ giúp khách tham quan có thêm cơ hội để thưởng lãm, tìm hiểu một các có hệ thống, toàn diện về đẹp tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm Nhật ký trong tù, nơi từng câu chữ ẩn chứa sức sống mãnh liệt của Người trong tù đầy gian khổ hy sinh, thấm sâu và lan tỏa những giá trị lịch sử, văn hóa và nhân văn cao cả, góp phần đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ chiến sỹ, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay”*.

Triển lãm phục vụ công chúng đến hết tháng 8 năm 2023 tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế.

### ***Chương trình thơ - nhạc mừng sinh nhật Bác***

Chương trình thơ - nhạc mừng sinh nhật Bác diễn ra vào đêm 19/5/2023, là tâm lòng của những người yêu thơ và làm thơ xứ Huế kính dâng lên Bác Hồ kính yêu đúng dịp sinh nhật của Người, đồng thời, thể hiện niềm tin tưởng, son sắt hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết tâm học tập và làm theo tư tưởng, phong cách của Người; những tình cảm thiết tha hướng về cội nguồn dân tộc, về tình yêu quê hương đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

Trong *Hành trình tháng 5 nhớ Bác*, Bảo tàng Hồ Chí Minh và các di tích lưu niệm về Người trên đất Thừa Thiên Huế là địa chỉ đở đỡ Nhân dân và du khách bốn phương cùng hành hương về nguồn, cảm nhận, chiêm nghiệm cội nguồn, góp phần hình thành nên tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; để cùng lắng đọng một lời thơ *“Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn/ Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi/ Vững như muôn ngọn dải Trường Sơn”*. ■



# CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở THỪA THIÊN HUẾ

■ Bài và ảnh: LÊ VĂN HÀ\* - TRẦN THỊ HỘI\*\*

## Mở đầu

Thừa Thiên Huế vinh dự và tự hào là mảnh đất đã có những năm tháng Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng những người thân trong gia đình Người từng sống, lao động, học tập và tham gia hoạt động yêu nước. Những năm tháng đó cùng với tình cảm thiêng liêng giữa Người với Thừa Thiên Huế và Thừa Thiên Huế với Người, đã để lại cho vùng đất này một di sản văn hóa vật thể, phi vật thể hết sức phong phú, đa dạng, mang giá trị lịch sử, văn hóa, tinh thần sâu sắc và có vị trí quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh trên toàn quốc.

## 1. Giá trị lịch sử

Trên phương diện văn hóa vật thể, mỗi di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đều ghi dấu ấn những năm tháng của Người ở Huế, đánh dấu sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và tư chất, từ cậu bé Nguyễn Sinh Cung đến anh thanh niên Nguyễn Tất Thành. Đồng thời, qua đó cũng cho chúng ta thấy được bức tranh lịch sử đầy biến động của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Thừa Thiên Huế gắn liền với Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người trong hai giai đoạn: từ năm 1895 đến 1901 và 1906 đến 1909, mỗi giai đoạn đều mang những trị lịch sử riêng của nó.

Giai đoạn thứ nhất: Trong ngôi nhà đầu tiên, Nguyễn Sinh Cung chứng kiến nỗi vất vả, gian truân của gia đình. Tuổi thơ của Người đã trải qua những tháng ngày tần tảo của mẹ, nỗi khó khăn của cha trong con đường cử nghiệp. Và chính nơi đây, khi bước sang tuổi mười một, Người đã phải trải qua hai nỗi đau thương, mất mát lớn: mất mẹ và mất em. Kỷ niệm những năm tháng trẻ thơ của Người ở chốn kinh đô, là nỗi đau mất đi những người thân yêu, là tiếng khóc xé lòng của người em thơ khi đói sữa; nỗi u uất tang thương của người dân xứ Huế bởi dư âm của sự kiện thất thủ kinh đô năm 1885.



*Đồng chí Hà Thị Nga - UVBCH TW Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh dâng hoa, dâng hương, tham quan Di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở 112 đường Mai Thúc Loan, thành phố Huế*

\* Trưởng phòng Tuyên truyền Hướng dẫn Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế.

\*\* Khoa Lịch sử, trường Đại học Khoa học Huế

Ở ngôi nhà thứ hai là mái trường đầu tiên Người bắt đầu tiếp cận với nền Hán học từ người thầy cũng là người cha thân yêu của mình. Từ hình ảnh quen thuộc *cây đa, bến nước, sân đình* của một vùng quê có truyền thống lịch sử lâu đời và sống trong tình yêu thương, đùm bọc, chan chứa nghĩa tình của những người dân quê mộc mạc làng Dương Nỗ, đã sớm bồi đắp, nhen nhóm trong cậu bé Nguyễn Sinh Cung một tình yêu quê hương đất nước.



Đoàn khách đến dâng hương, tham quan Di tích Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở làng Dương Nỗ, xã Phú Dương, thành phố Huế

Đồng thời, trong khoảng thời gian lần thứ nhất ở Huế đã cho Nguyễn Sinh Cung những hiểu biết đầu tiên về xã hội thuộc địa nửa phong kiến ở ngay trung tâm của nó. Những “*ông Tây*” nghênh ngang, hách dịch đang giữ quyền kiểm soát mọi công việc xứ thuộc địa... trái ngược hẳn với những ông quan Nam triều khúm núm rụt rè trong áo gấm, hài nhung, mũ cánh chuồn. Lầu son gác tía thâm nghiêm tương phản với những số phận đau khổ, tủi nhục của số đông những lao động: phu khuân vác, kéo xe tay, trẻ em lang thang trên đường phố... Những hình ảnh đó đã ăn sâu trong ký ức của Nguyễn Sinh Cung.

Giai đoạn thứ hai: Đây là khoảng thời gian quan trọng, chứng kiến bước trưởng thành trong con người Nguyễn Tất Thành, không còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung hồn nhiên, hiếu động mà đã là một thanh niên với nhiều suy tư, nhiều ý chí, hoài bão lớn trước vận mệnh của dân tộc. Đồng thời, cho chúng ta thấy được lịch sử của dân tộc những năm đầu thế kỷ XX.

Qua chính sách đào tạo của Pháp ở trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và trường Quốc Học cho chúng ta thấy được bản chất nền giáo dục thực dân tại nước ta lúc bấy giờ. Không phải để “*khai hóa*” dân trí mà thực chất là “*đồng hóa*” văn hóa Pháp đối với người Việt Nam và đào tạo đội ngũ tay sai đắc lực cho chúng. Thời gian Nguyễn Tất Thành học ở đây cũng là thời gian có nhiều biến động trong lịch sử dân tộc. Giai đoạn này diễn ra nhiều phong trào yêu nước mới với những hình thức đấu tranh khác nhau như: phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, đặc biệt là phong trào chống thuế của Nhân dân miền Trung.

Đây được xem là giai đoạn đánh dấu những sự kiện lịch sử quan trọng không chỉ với Nguyễn Tất Thành mà còn với cả lịch sử dân tộc. Tại nơi đây, Nguyễn Tất Thành tham gia những hoạt động yêu nước đầu tiên, đặc biệt là phong trào chống thuế của Nhân dân Thừa Thiên Huế, đã đánh dấu sự chuyển biến về chất trong quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Người, từ nhận thức yêu nước đến hành động yêu nước. Sự kiện

này được xem là mốc quan trọng trong cuộc đời của Người, mở đầu cho hồ sơ chính trị cách mạng lỗi lạc Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Đồng thời, chúng ta cũng thấy được phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX diễn ra rất sôi động, với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau, nhưng tiếc thay các phong trào đó đều nhanh chóng thất bại và



*Đoàn cán bộ Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương tham quan di tích trường THPT chuyên Quốc Học Huế*

bị chìm trong “*biển máu*”. Đó là sự bế tắc trong phong trào yêu nước và con đường giải phóng dân tộc Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Đây cũng chính là những điều Nguyễn Tất Thành luôn suy tư, trăn trở và tạo thành động lực thôi thúc anh sớm có quyết định ra nước ngoài tìm chân lý về giải phóng dân tộc.

*Trên phương diện phi vật thể*, thông qua những bức thư, những món quà Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng nhằm động viên, khen ngợi tinh thần chiến đấu của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Thừa Thiên Huế; những lần gặp gỡ giữa Bác Hồ với đồng bào, chiến sĩ, cán bộ nơi đây, khi họ ra miền Bắc thăm Người... Tất cả đều thể hiện mối quan hệ tình cảm thiêng liêng giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Huế. Qua đó phần nào cho chúng ta thấy bức tranh lịch sử đầy sinh động của Nhân dân Thừa Thiên Huế trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Cũng như cuộc đời, con người của Chủ tịch Hồ



Chí Minh - tên tuổi, sự nghiệp cách mạng của Người luôn gắn liền với lịch sử dân tộc và trường tồn cùng non sông, đất nước.

## **2. Giá trị văn hóa**

Di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho Thừa Thiên Huế rất phong phú và đa dạng, thể hiện

*Chân dung các già làng, trưởng bản miền núi Thừa Thiên Huế được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1955 - 1959*

trên hai phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể.

*Trên phương diện vật thể*, là hệ thống các di tích và địa điểm di tích in đậm dấu ấn của Người và gia đình. Các di tích chứa đựng trong nó những nét văn hóa của dân tộc Việt Nam. Các di tích lưu niệm về Người “là hiện thân của những giá trị lịch sử, văn hóa và nhân văn, phản ánh đầy đủ cuộc sống và hơi thở của thời đại, gắn kết và hòa cùng với bối cảnh, con người ở chốn kinh đô”<sup>1</sup>. Di tích Nhà lưu niệm 112 Mai Thúc Loan và Nhà lưu niệm Dương Nỗ, là những ngôi nhà theo kiểu nhà rường truyền thống Huế, một kiểu kiến trúc đẹp và tiện dụng, một hình thức “văn hóa ở” khá phổ biến lúc bấy giờ. Di tích Đình làng Dương Nỗ, Am Bà, và miếu Âm Hồn là những công trình văn hóa, nghệ thuật có kiến trúc đình, miếu dân gian chứa đựng giá trị lịch sử và văn hóa đặc sắc. Đình làng, một trong những hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam “cây đa, bến nước, sân đình” là cội nguồn của lịch sử, là truyền thống văn hóa nuôi dưỡng bao tâm hồn người Việt. Am Bà, minh chứng cho sự giao thoa văn hóa giữa người Việt và người Chăm, đó là tín ngưỡng thờ mẫu - thờ mẹ sông nước...

Giá trị văn hóa không chỉ hiện diện trong các di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại trên mảnh đất sông Hương núi Ngự mà còn thể hiện rõ trong tình cảm và sự quan tâm của Người đối với Thừa Thiên Huế và Thừa Thiên Huế đối với Người trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Những bức thư, những kỷ vật, những trang hồi ký... như càng thiêng liêng hơn khi chứa đầy cảm xúc, in dấu tình cảm của Người đối với người dân xứ Huế. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dù bận trăm công nghìn việc, nhưng Người vẫn dành thời gian quan tâm, động viên, thăm hỏi, dặn dò đến cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Thừa Thiên Huế qua hàng chục bức thư gửi cho Huế, hàng trăm cuộc gặp khi có đoàn cán bộ, chiến sĩ ở miền Nam ra thăm (trong đó có những người con xứ Huế) và rất nhiều những món quà mà Người trao tặng... Tất cả trở thành những kỷ ức không bao giờ quên đối với những người may mắn, vinh dự được gặp Bác và những kỷ vật vô giá, mang giá trị văn hóa tinh thần sâu sắc, luôn được Đảng bộ, nhân dân Thừa Thiên Huế trân trọng giữ gìn.

Giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh còn được thể hiện sự tôn kính và lập bàn thờ Bác trong các gia đình ở Thừa Thiên Huế. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, mặc dù Huế lúc bấy giờ đang ở bên kia giới tuyến, kẻ thù ra sức ngăn cản, cấm đoán nhưng trong cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã dấy lên một phong trào bí mật để tang, làm lễ truy điệu và nhiều gia đình lập bàn thờ Người. Đó chính là truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung và người dân xứ Huế nói riêng.

Trong hệ thống di sản văn hóa mà Người để lại cho nhân dân xứ Huế, “*Họ Hồ*” là một món quà đặc biệt, vô giá. Đồng bào các dân tộc thiểu số miền Tây Thừa Thiên Huế, tự nguyện lấy họ Hồ làm họ của mình đã trở thành một nét văn hóa độc đáo. Phong trào mang họ Hồ của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Thừa Thiên Huế đã minh chứng cho sức mạnh niềm tin to lớn, sự kính trọng và tình cảm thiêng liêng của đồng bào đối với Người. Đồng thời, tạo nên nét văn hóa mới đặc sắc trong di sản văn hóa tinh thần của đồng bào các dân tộc nơi đây. Hơn nữa, đó chính là biểu hiện của tinh thần đại đoàn kết

<sup>1</sup> Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Phú Chủ tịch (2004), Di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.307.



*Đến em học sinh đến dâng hoa tham quan Bảo tàng Hồ Chí Minh  
tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế*

dân tộc, một nét tiêu biểu của truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Đối với di sản văn hóa mà Người để lại trên mảnh đất Thừa Thiên Huế còn có những giá trị riêng và đặc trưng. Bởi Huế là quê hương thứ hai, là gần 10 năm tuổi trẻ Người đã sống, nơi chứng kiến nỗi đau mất mẹ và mất em; nơi Người tham gia các hoạt động yêu nước; nơi chứng kiến bước trưởng thành, phát triển từ cậu bé Nguyễn Sinh Cung đến anh thanh niên Nguyễn Tất Thành; nơi góp phần hình thành nên đạo đức, tư tưởng và nhân cách cao đẹp Hồ Chí Minh.

### **3. Giá trị tinh thần**

Ngoài giá trị văn hóa và lịch sử thì hệ thống di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh còn mang giá trị tinh thần. Việc xem xét giá trị tinh thần thành một vấn đề riêng so với giá trị văn hóa kể trên, chúng tôi muốn đề cao vai trò của giá trị này đối với việc giáo dục đạo đức, tư tưởng và lối sống. Hiện nay, hệ thống di tích của Người ở Huế được Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế gìn giữ, bảo tồn, tôn tạo nhằm phát huy giá trị trong việc tuyên truyền, giáo dục về cuộc đời sự nghiệp, đạo đức, lối sống và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất.

Bảo tàng Hồ Chí Minh và các di tích trên địa bàn Thừa Thiên Huế, ngoài vai trò lưu giữ và đề cao giá trị về mặt lịch sử và văn hóa gắn với cuộc đời Người, nơi đây còn là địa chỉ đỏ mang ý nghĩa tinh thần nhân văn cao cả, nơi tổ chức những buổi lễ long trọng như: lễ dâng hoa, dâng hương, báo công lên Người; lễ kết nạp Đảng, Đoàn, Đội. Hàng năm, vào các ngày lễ lớn của dân tộc: 3/2, 30/4, 19/5, 2/9... và các sự kiện lớn của tỉnh, Bảo tàng Hồ Chí Minh và các di tích đón rất nhiều đoàn đại biểu, đoàn khách trong và ngoài tỉnh đến thăm viếng, dâng hương, dâng hoa. Với sức lan tỏa của một nhân cách tư



*Cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đến dâng hoa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế*

tưởng lớn, của một anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, như một lễ đương nhiên, Bảo tàng và hệ thống di tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên toàn quốc nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng trở thành những điểm tham quan hấp dẫn, thu hút một lượng lớn khách trong và ngoài nước. Du khách đến đây vừa tìm hiểu về thân thế của một con người đã hiến trọn cả cuộc đời mình cho sự nghiệp độc lập của dân tộc, tự do và hạnh phúc của Nhân dân, vừa trở về với đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, và trở về với những giá trị nhân văn cao đẹp.

Di tích Nhà lưu niệm 112 Mai Thúc Loan và Nhà lưu niệm làng Dương Nỗ, hàng ngày đều có du khách đến tham quan và dâng những nén hương thơm tỏ lòng thành kính, tri ân tưởng nhớ tới Người. Các di tích đã trở thành chốn tâm linh và nơi thể tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của Nhân dân Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng đến vị cha già của dân tộc.

### **Kết luận**

Bằng tấm lòng thành kính, sự biết ơn vô hạn Đảng bộ và Nhân dân Thừa Thiên Huế đang ra sức gìn giữ và phát huy giá trị di sản vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và gia đình Người để lại. Với những giá trị lịch sử, văn hóa, tinh thần, đặc biệt lại nằm ở vùng đất giàu truyền thống văn hóa và cách mạng như xứ Huế, việc phát huy giá trị di sản văn hóa Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ rất thuận lợi, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi cả nước đang tiếp tục “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, Bảo tàng và các di tích của Người trở thành một địa chỉ đỏ, để mọi tầng lớp Nhân dân hướng về. Qua đó, sẽ tạo ra những chuyển biến mới trong nhận thức, hành động trong cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và quần chúng nhân dân Thừa Thiên Huế, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương, để sớm đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. ■



# ĐỀ ÁN “HUẾ - KINH ĐÔ ÁO DÀI VIỆT NAM” SẼ ĐƯA DI SẢN ÁO DÀI ĐẾN VỚI CỘNG ĐỒNG

■ PHAN THANH HẢI

## Đề án “Huế - Kinh đô áo dài” được UBND tỉnh chính thức phê duyệt

Những người yêu áo dài truyền thống Việt Nam hết sức vui mừng khi Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài” đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành tại Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 29/03/2023, bởi đây chính là cơ sở pháp lý để cố đô Huế triển khai đồng bộ và đẩy mạnh công cuộc phục hưng áo dài truyền thống. Việc khôi phục lại vị thế và thương hiệu “Huế - Kinh đô Áo dài” của Việt Nam là câu chuyện phục hưng một di sản văn hóa truyền thống, đưa di sản ấy vào cuộc sống xã hội đương đại, để di sản ấy tỏa sáng như nó đã từng. Đây cũng là quá trình từng bước xây dựng hình ảnh, thương hiệu Áo dài Huế, đưa Áo dài trở thành sản phẩm văn hóa du lịch đặc sắc, thành một lợi thế đặc biệt của cố đô Huế. Và như vậy, Áo dài không chỉ là hình ảnh, là bản sắc văn hóa của Thừa Thiên Huế mà còn là một sản phẩm du lịch dịch vụ đặc trưng, là thứ góp phần quan trọng để Huế trở nên giàu có, sang trọng bằng chính sở trường, thế mạnh của mình.

## Di sản Áo dài đã được “đánh thức” và đang lan tỏa trong cộng đồng

Những năm qua, câu chuyện lan tỏa Áo dài từ các lễ hội truyền thống cho đến đời sống thường nhật được ngành văn hóa Thừa Thiên Huế triển khai, vận động rất hiệu quả nhờ quan điểm xác định di sản phải thuộc về cộng đồng, phải do cộng đồng nắm giữ và chung tay bảo vệ, phát huy giá trị thì di sản ấy mới được bảo vệ bền vững và phát huy giá trị tốt nhất. Áo dài là một di sản đặc biệt của cố đô Huế, và nó vốn thuộc về cộng đồng. Vì vậy, công việc của người chủ trì đề án là “đánh thức di sản”, đưa di sản ấy trở lại với cộng đồng, khuyến khích cộng đồng tham gia vào việc bảo vệ và phát huy di sản này. Chính vì vậy, trong thời gian qua, bên cạnh những công việc mang tính chuyên môn như tổ chức hội thảo khoa học, sưu tầm, số hóa các tư liệu liên quan, xây dựng hồ sơ về áo dài với tư cách là một di sản..., thì Sở Văn hóa & Thể thao luôn tìm cách đưa áo dài vào cuộc sống thường nhật, trong các lễ hội văn hóa, thể thao, lễ Chào cờ nơi công sở, trong đón tiếp khách ngoại giao... Đồng thời Sở đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan để lan tỏa và đẩy mạnh công cuộc phục hưng áo dài.

Tiêu biểu là, với Sở Giáo dục và Đào tạo, sau khi đã phổ biến áo dài nữ ở chốn học đường khối trung học phổ thông, cũng đã và đang thử nghiệm đưa áo dài nam vào trong các hoạt động quan trọng của ngành. Tại lễ tôn vinh học sinh danh dự toàn tỉnh hàng năm, các thầy cô giáo và học sinh đã mặc áo dài tham dự lễ, tạo nên một không khí trang nghiêm và đầy bản sắc. Và tiếp đến, khối du lịch, dịch vụ và quản lý di tích gồm Sở Du lịch, Hiệp hội Du lịch, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế cũng đã đồng hành cùng ngành Văn hóa Thể thao, ngành Giáo dục để Áo dài Huế nhanh chóng lan tỏa mạnh mẽ, góp phần xây dựng thương hiệu “Huế - Kinh đô Áo dài” của Việt Nam.

Trong một loạt các sự kiện diễn ra trong năm các 2021, 2022 và đầu năm 2023 này, áo dài đã được ngành Du lịch và bảo tồn di tích quan tâm đầu tư, tạo nên những hình ảnh rất đẹp cho Huế, như tổ chức các tour du lịch Áo dài và khám phá Huế trong Liên hoan phim Việt Nam lần thứ XXII (tháng 11/2021), tổ chức Lễ Ban sóc vào ngày đầu tiên năm 2022, 2023, các hoạt động đón tết, vui xuân trong dịp tết Nhâm Dần, Quý Mão...; và mới đây nhất là các hoạt động hưởng ứng sôi nổi Tuần lễ Áo dài đầu tháng 3 do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động.

Sở Văn hóa & Thể thao cũng phối hợp chặt chẽ với nhiều câu lạc bộ yêu Áo dài và văn hóa truyền thống, trong đó có những câu lạc bộ có hàng chục nghìn thành viên như Đình Làng Việt để tổ chức các hoạt động áo dài cộng đồng. Có thể nói, phong trào nghiên cứu, phục hồi cổ phục bao gồm cả áo dài, đưa di sản này vào cuộc sống đương đại đã và đang được đông đảo giới trẻ quan tâm, đón nhận nồng nhiệt. Đây thực sự là tín hiệu đáng mừng, cho thấy giới trẻ nhận thức được giá trị di sản văn hóa, cổ phục Việt Nam rất đẹp, đáng tự hào, và nhận thấy cần thể hiện cái riêng của dân tộc mình trong dòng chảy văn hóa nhân loại.

Những việc làm và hành động cụ thể nêu trên đã xây dựng một nền tảng cơ bản vững chắc để thực hiện thành công những mục tiêu của Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài”.

### **Và những mục tiêu quan trọng nhất của đề án**

Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài” đã đưa ra nhiều mục tiêu cụ thể, rõ ràng và kế hoạch để triển khai, hoàn thành tất cả mục tiêu ấy. Thật khó nếu khẳng định mục tiêu nào là quan trọng nhất, bởi mục tiêu nào cũng quan trọng. Tuy nhiên, mục tiêu cao nhất của đề án là đưa di sản thực sự về với cộng đồng, có vậy thì Huế mới thực sự là Kinh đô Áo dài Việt Nam.

Về danh hiệu đạt được để góp phần xây dựng thương hiệu thì mục tiêu hoàn thiện hồ sơ “Nghề may đo Áo dài và tập quán sử dụng Áo dài truyền thống Huế” đệ trình UNESCO xem xét, ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại là quan trọng xuyên suốt. Bởi nghề may đo và tập quán sử dụng Áo dài Huế là di sản có giá trị nhân văn sâu sắc, gắn liền với đời sống tinh thần và các phong tục, tập quán của người dân Huế, được cộng đồng trân trọng và liên tục lưu truyền qua nhiều thế hệ đến nay. Vì vậy, di sản này xứng đáng được ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này vẫn còn nhiều việc cần phải làm như trước mắt cần tiến hành kiểm kê, nhận diện giá trị di sản, đồng thời đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đưa di sản “Nghề may đo Áo dài và tập quán sử dụng Áo dài truyền thống Huế” vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Sau đó tiếp tục đề nghị Bộ VH, TT&DL xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Hồ sơ “Nghề may đo Áo dài và tập quán sử dụng Áo dài Huế truyền thống Huế” đệ trình UNESCO đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Nếu di sản Nghề may đo và tập quán sử dụng Áo dài Huế được UNESCO ghi danh sẽ tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp tục nhận diện, nghiên cứu, tư liệu hóa, xây dựng biện pháp bảo vệ di sản trong cộng đồng. Đồng thời cho thấy cộng đồng thế giới đã tái xác nhận và khẳng định kho tàng di sản văn hóa phong phú của Việt Nam và trân

trọng ghi nhận những đóng góp của dân tộc chúng ta vào việc làm giàu hơn nữa kho tàng văn hoá của nhân loại.

### **Và vai trò của cộng đồng đối với việc phục hưng di sản Áo dài**

Những năm qua, việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa theo phương thức xã hội hóa được triển khai ở nhiều địa phương, trong đó có Cố đô Huế với sự tham gia hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, thể hiện rõ nhất ở việc tu bổ di tích, khôi phục các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống. Với ý thức tôn trọng quá khứ, lòng tự hào về tổ tiên của nhân dân, công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn di sản văn hóa đã mang lại kết quả tích cực. Vì vậy, việc thực hiện thành công Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài” trên cơ sở huy động nguồn lực xã hội hóa có ý nghĩa quyết định và mang tính khả thi. Và lại, khi thực hiện đề án này, Sở Văn hóa & Thể thao luôn xác định phải hướng đến cộng đồng, để cộng đồng chung tay bảo vệ và phát huy giá trị di sản, nguồn lực đầu tư cho đề án phần lớn cũng từ cộng đồng, vì vậy cùng với việc triển khai đề án Sở cũng sẽ tiến hành nghiên cứu và tham mưu đề xuất những chính sách phù hợp để huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa và phát huy sức mạnh của cộng đồng.

Hiện nay, Thừa Thiên Huế đang thúc phát triển công nghiệp văn hóa một cách bền vững. Áo dài thực sự là một ngành nghề thủ công đặc biệt đồng thời cũng gắn chặt với lĩnh vực thiết kế, thời trang, để tạo nên những sản phẩm ấn tượng. Vì vậy, việc triển khai thực hiện Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài” sẽ tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất, cung ứng, giới thiệu, quảng bá sản phẩm áo dài Huế đến với cộng đồng người Việt và bạn bè quốc tế. Có thể nêu một dẫn chứng cụ thể vào năm 2019, Huế đón gần 5 triệu lượt khách. Nếu phục vụ được 20% lượng khách đến Huế may áo dài với chi phí tầm 1 triệu đồng/khách, thì doanh thu từ áo dài có thể đạt khoảng 1.000 tỷ đồng, và doanh số này có thể tăng gấp đôi, gấp ba đến năm 2030 nếu đề án thành công với thương hiệu Huế - Kinh đô Áo dài Việt Nam. Cùng với Áo dài, có thể thúc đẩy phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, phụ kiện hỗ trợ. Đây chính là cách phát triển công nghiệp văn hóa, phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu, tạo công ăn việc làm, mang lại nguồn thu cho doanh nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân, vừa bảo tồn, lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống ■

# BÓNG DÁNG ÁO DÀI XƯA QUA CÁC TRANG BÁO CŨ (1920 - 1945)

■ ĐỖ MINH ĐIỀN\*

## 1. Dẫn đề

Áo dài Việt Nam nói chung “*được sinh ra từ Huế từ nửa đầu thế kỷ XVIII, gắn liền với vai trò đặc biệt của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, đến thời vua Minh Mạng chủ trương thống nhất trang phục trong cả nước được ông vua thứ nhà Nguyễn ráo riết thực hiện*”<sup>1</sup>. Kể từ đây, áo dài trở thành danh tính chính trị, văn hoá; là trang phục được sử dụng phổ biến từ Bắc đến Nam. Đến những năm đầu của thế kỷ XX, loại hình trang phục này nhiều lần được các cơ quan ngôn luận người Việt xướng danh, xác định là “Quốc phục” hoặc “Quốc tục”, một biểu tượng đặc trưng của vùng đất và con người Việt Nam.

Không hoàn toàn xuất phát từ mục tiêu truy nguyên lai lịch chiếc áo dài, cũng như định vị vai trò và vị thế của nó trong dòng chảy lịch sử văn hoá dân tộc; bài viết này, như một sự gợi nhớ hình ảnh của trang phục truyền thống qua một vài ghi chép trên các trang báo xưa, qua đó tiếp tục khẳng định giá trị to lớn của bộ quốc phục Việt Nam, đồng thời góp thêm một ít tư liệu để từng bước đưa di sản “áo dài” vào cuộc sống đương đại và để nó tỏa sáng như vốn đã từng có trong lịch sử.



Mẫu áo dài do họa sỹ Lemur Cát Tường vẽ năm 1940. Nguồn: Tin Mới (số 277, 20/11/1940)

## 2. Bóng dáng áo dài xưa qua các trang báo cũ (1920-1945)

Chiếc áo dài đã gắn bó trong suốt quá trình dài của lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, kể từ khi thực dân Pháp hiện diện ở nước ta, cũng giống như thơ ca, âm nhạc, hội họa..., trang phục dân tộc nói chung đứng trước cơ hội mới để giao lưu, tiếp nhận và hiện đại hoá, song cũng lắm thử thách để có thể gìn giữ những nét đẹp vốn có của mình. Tiếp nối dòng chảy truyền thống văn hoá lịch sử, đồng thời hưởng ứng ngọn gió canh tân loại hình trang phục cổ truyền, từ đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, hàng loạt các tờ báo của Việt Nam lúc đó đều ra sức vận động người Việt cố gắng gìn giữ y phục truyền thống của dân tộc.

Phục hưng tà áo dài đầu tiên phải bắt đầu từ việc thay đổi thói quen mặc áo dài. Và có lẽ báo chí là một trong những kênh thông tin đặc lực góp phần để lan toả hình ảnh chiếc áo dài vào giai đoạn này. Trong bài diễn thuyết của *Huỳnh Thiên Kim* tại *Nam Kỳ khuyến học hội* vào tháng 7 năm 1923, có đoạn: “[...] Theo mấy lẽ tôi vừa chỉ thì rõ ràng đàn bà mặc y phục Annam đi đứng gọn gàng hơn mặc Âu phục, vậy thì nữ lưu ta

\* Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế

<sup>1</sup> Phan Thanh Hải (2020), “Từ cải cách trang phục dưới thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng nghĩ đến tư tưởng thống nhất, tự chủ về văn hoá”. Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển Thừa Thiên Huế*, số 7 (161), tr. 37



Ông Đỗ Văn Niên,  
chủ hiệu vải lụa Long Vân

trong bài viết “Chị em nữ học sinh nên mặc áo dài là phải” được đăng tải trên tờ “Phụ Nữ tân văn” (số 174, 27/10/1932), tác giả nhấn mạnh: “*Vẫn biết mỗi nước đều có những phong tục riêng, song chúng ta có thể nói chung rằng chẳng cứ người nước nào, hễ đã gọi là văn minh thì về cách y phục khi đi ra ngoài là giữ sao cho đoan chính và trang nhã*”. Xuất phát từ ý niệm bảo vệ hồn cốt dân tộc Việt Nam, tác giả tha thiết đề nghị: “*Và lại, thiết tưởng mỗi người nữ học sinh chỉ phải sắm một đến hai cái áo dài bằng vải cũng đủ rồi, có cần gì phải sắm mới năm mới ba và may hàng Bombay hay hàng Thượng Hải ở đâu mà lo sợ tốn kém nhiều quá?. Như quan Giám đốc vẫn biết hết thấy học sinh các trường Nữ học ở Huế và Hà Nội lâu nay vẫn đều mặc áo dài*”<sup>4</sup>.

Vào thời kỳ này, Hà Nội, rồi Sài Gòn là hai địa phương dẫn đầu trong hoạt động canh tân áo dài, rất nhiều các tiệm may/cửa hàng chào mời khách hàng bằng những tin quảng cáo giới thiệu các kiểu mẫu thiết kế mới cho đến chất liệu vải, có thể kể đến như: Thanh Tâm Nữ công học đường (số 227-229-231 Bd Galliéni, Saigon), nhà may Phan Bá (số 169-171 đường D’Espagne, Saigon), tiệm may Nghĩa Thành (số 18, đường Nguyễn Tấn Nghiêm, Saigon), tiệm Huỳnh Ngọc Nữ (số 115 Maréchal Foch, Dakao, Saigon), tiệm An Ninh (Dakao, Saigon), tiệm Hoà Thạnh (30 Bd Thuận Kiều, Chợ

nên mặc quốc phục là hơn. Vậy vì danh dự, vì quốc thể Việt Nam tôi cầu xin nữ lưu hãy cùng nhau mà tẩy chay Âu phục đi”<sup>2</sup>.

Cũng xuất phát từ sự ưu tư và trăn trở về tiền đồ văn hoá nước nhà, trên *Công Luận* báo tác giả Hà Tri bày tỏ quan điểm: “*vì thế nên ta đã nghe nhiều người cãi cọ nhau vì sự ăn mặc, vì cách đổi cũ dùng mới mà nực cười. Có người hỏi ta rằng: sao đời nay những vị thanh niên đều thích mặc Tây phục [...], dày vàng dày đen, kiến [kính] cọng vàng, dây chuyền đồng hồ mà chẳng thích mặc Nam phục khăn đen, áo dài như ông cha ta khi xưa. Sao chẳng khuyên can để họ quên giòng giống mình*”<sup>3</sup>.

Đến đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, hoạ sỹ Lemur Cát Tường và nhóm Tự Lực văn đoàn tích cực khởi xướng cho phong trào canh tân áo dài truyền thống, với kiểu cách tân từ y phục phụ nữ 5 thân truyền thống, dựa theo kiểu dáng và chi tiết âu phục của các “bà đầm” Pháp. Sau tờ *Phong Hoá*,



Tiệm may áo dài Cùng Bạn.

Nguồn: Tuần báo Cùng Bạn (số 10, 15/12/1931)

<sup>2</sup> Huỳnh Thiên Kim (1923), “Nữ lưu giáo dục”, báo *Công Luận*, số 641 (11/12/1923), tr. 2.

<sup>3</sup> Hà Tri (1923), Nên đoán tâm lý người hay là đoán quần áo của người?, số 635/52 (20/11/1923), tr. 1.

<sup>4</sup> Phụ Nữ tân văn (1934), Chị em nữ học sinh nên mặc áo dài là phải, số 174 (27/10/1932), tr. 1, 2.



Vua Bảo Đại và Nam Phương hoàng hậu trong trang phục truyền thống. Nguồn: Sogny Marien, 1934

xe cô đi lại cũng khá rộn rịp. Các cô gái Huế cô nào cũng tóc đen, da trắng hồng, dáng dấp mỹ miều thật đẹp đẽ thương cả. Chị em lao động chị nào cũng có vẻ đẹp dễ thương cả. Chị em Huế cách phục sức khác hẳn chị em trong ta là khi ra đường trời nắng hay mát, đầu cũng đội cái nón lá, mà bây giờ có nhiều cô không vấn tóc rẽ đường ngôi lệch mà chỉ bôi dầu tóc như chị em trong ta. Đàn ông ở đây hầu hết là mặc áo dài đầu bịt khăn đóng”<sup>5</sup>.

Trước và sau khi lời kêu gọi người dân mang quốc phục, để bảo tồn nét đẹp truyền thống, thì bản thân chính quyền nhà Nguyễn cũng không ít lần ban hành các chỉ, dụ yêu cầu tất cả người dân, bao gồm quan lại, binh lính, học sinh cố gắng ăn mặc theo lối “quốc tục”. Vào tháng 3 năm 1942, đại lễ Nam Giao được cử hành tại Huế. Trong dịp này, bộ Lễ nghi Công tác phát đi thông báo, “muốn giữ gìn cho có trật tự được thêm phần long trọng cho quốc lễ, những người đi cung chiêm phải nên giữ lễ trước và ăn mặc chỉnh đốn theo quốc tục: Khăn đen, áo dài”<sup>6</sup>. Cũng trên tờ báo “Hà Thành ngọc báo” (số 1550, 29/10/1932), dưới triều vua Bảo Đại, tất cả cá nhân khi muốn vào bệ kiến hoàng đế, bắt buộc phải đội khăn và mặc áo dài xanh. Dù được biết đến là một trong những vị vua được đào tạo ở Pháp từ nhỏ, sớm tiếp nhận các trào lưu văn hoá phương Tây, song có thể nói, ông vua thứ 13 nhà Nguyễn lại ý thức rất rõ trong việc bảo tồn những nét đẹp văn hoá truyền thống của dân tộc.

Chiếc áo dài trước năm 1945, được phổ biến một cách rộng rãi, từ vua quan, binh lính, cho đến tiểu thương, dân thường. Áo dài cũng góp mặt trong hầu hết đời sống

Lớn), hiệu Toàn Thành (28 phố Hàng Đào, Hà Nội), hiệu Long Vân...

Trên thực tế, như chúng ta đã biết, chiếc áo dài truyền thống (theo đúng nghĩa nguyên của nó) được bắt đầu từ Huế, về sau, trở thành một loại trang phục phổ biến trên toàn cõi nước Đại Nam. Cho đến đầu thế kỷ XX, qua những trang phóng sự của các nhân chứng đương thời, chúng ta sẽ thấy rất rõ một điều rằng: áo dài dường như là loại trang phục phổ biến của tất cả dân Huế: “Ngoài đường phố



Mẫu áo dài canh tân năm 1935.

Nguồn: Báo Sài Gòn (số 438, 31/10/1934)

<sup>5</sup> Phụ Nữ tân văn (1934), Thơ ở Huế, số 242 (17/5/1934), tr. 11.

<sup>6</sup> Báo Sài Gòn (1942), Bộ Lễ nghi Công tác thông cáo về lễ Nam Giao, số 15017 (21/3/1942), tr. 1.



sinh hoạt của người dân Việt (lễ nghi, thường phục...), nhưng hơn hết, giống như chữ Quốc ngữ, áo dài còn để ấn định bản sắc văn hoá riêng của dân tộc, “trước đây ở Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ đã có lần các ông đại biểu Annam vì muốn tỏ dấu đồng tâm, nên rủ nhau nhất luật bận đồ quốc phục khăn đóng, áo dài để đến dự hội”<sup>7</sup>. Từ Sài Gòn, tờ *Công Luận báo* (do Tô Ngọc Đường làm Tổng lý, báo quán tại 146 đường Pellerin,

Sài Gòn) trong bài “*Y phục của phụ nữ, có cần cải cách không?*” được đăng trên số đặc biệt “*Giai phẩm mùa xuân*” (số 7278, 17/11/1936) tiếp tục khẳng định giá trị nổi bật của áo dài. Tác giả bài viết cho biết: “*Nói về sự khít khao, kín đáo, đoan trang, tôi dám chắc y phục của phụ nữ ta đã đành chiếm giải [giải] nhất [nhất]*”. Cũng theo bài báo này, phong trào cải cách y phục phát nguyên từ Hà Nội “lan tràn lần vô Trung Kỳ, đến ngày nay một phần đông tân nữ lưu ở Sài Gòn đã theo gương chị em Bắc Hà mặc nhiều kiểu y phục ai thấy cũng muốn nhìn. [...] Một lần nữa chúng tôi xin nói: Y phục của phụ nữ ta cần phải cải cách và nếu hễ cải cách nhiều thì nó sẽ hoá ra tốt đẹp hơn kiểu cũ nhiều lắm”<sup>8</sup>.

### 3. Kết từ

Lược khảo các thông tin trên báo, có thể thấy, trong nửa đầu thế kỷ XX, chiếc áo dài của người Việt tiếp tục được đông đảo báo giới, tất cả các giai tầng trong xã hội bày tỏ sự quan tâm, liên tục lên tiếng kêu gọi mọi người dân nâng niu, gìn giữ bộ quốc phục trước nguy cơ có thể bị lãng quên do tác động bởi trào lưu Âu phục đang ngày một thịnh hành. Đồng thời, từ Hà Nội phong trào cách tân y phục dần lan toả đến mọi miền trong cả nước.

Kể từ sau năm 1945<sup>9</sup>, chiếc áo dài cả nam lẫn nữ cũng nổi trôi theo vận nước. Sau ngày đất nước thống nhất, áo dài lại hiện diện trong hầu hết các không gian văn hóa, hoạt động lễ nghi, lễ hội truyền thống. Ngày 29/3/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Huế - Kinh đô áo dài”. Mới đây, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế trình lên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hồ sơ đề nghị đưa nghề may đo và tập quán sử dụng áo dài truyền thống Huế vào danh mục Di sản phi vật thể quốc gia. Đó là những tín hiệu đáng mừng cho những nỗ lực không biết mệt mỏi nhằm tìm lại vị trí xứng đáng của chiếc áo dài sau một thời gian dài gần như bị lãng quên. Qua đó, góp phần xây dựng thương hiệu áo dài Huế như một tài sản trí tuệ độc đáo của vùng đất Cố đô. ■

<sup>7</sup> Lan Đình (1937), “Chẳng nên nói tiếng Annam”, báo *Điện Tín*, số 330 (28/10/1937), tr. 1.

<sup>8</sup> *Công Luận báo* (1936), *Y phục của phụ nữ, có cần cải cách không?*, số 7278 (17/11/1936), tr. 28.

<sup>9</sup> Cũng cần nói thêm rằng, vào ngày 10 tháng 9 năm 1946, tức chỉ sau đúng 1 năm cách mạng tháng 8 thành công thành công, bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục lúc đó là ông Ca Văn Thỉnh ký Nghị định về chương trình bậc học cơ bản, trong đó, áo dài được nhà nước công nhận như một loại trang phục bắt buộc dành cho học sinh. Xem thêm: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1946), *Việt Nam Dân quốc công báo*, số 43 (26/10/1946), tr. 563.

# VÀI SUY NGHĨ VỀ LỄ PHỤC & QUỐC PHỤC VIỆT NAM

■ YÊN CHI

**T**rong những ngày cả nước đang hân hoan rộn rã chuẩn bị kỷ niệm 80 năm ngày ra đời Đề cương Văn hóa Việt Nam (1943-2023), thật vui vì các vấn đề về văn hóa, bản sắc truyền thống, bản sắc dân tộc được rất nhiều người, nhiều diễn đàn quan tâm trao đổi, thảo luận, trong đó có câu chuyện về quốc phục, lễ phục Việt Nam.

Thực ra quốc phục, lễ phục không phải là vấn đề mới mà đã được dư luận quan tâm, thảo luận từ khá lâu. Cách đây tròn 10 năm, Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch đã từng có hẳn một đề án cấp nhà nước về lễ phục, tuy nhiên, nay vẫn câu chuyện này vẫn còn bỏ ngõ do nhiều nguyên nhân...

## ● ĐÔI ĐIỀU VỀ QUỐC PHỤC VÀ QUỐC PHỤC CỦA VIỆT NAM

Nhìn chung trên thế giới, ở tất cả mọi quốc gia đều không có quy định về quốc phục mà chỉ có quy định về lễ phục, tuy nhiên, ý niệm và tính biểu tượng của quốc phục lại thường rất cao bởi gắn liền với truyền thống văn hóa và niềm tự hào của cả một quốc gia. Nhưng không phải quốc gia nào cũng có quốc phục.

Quốc phục là loại hình trang phục truyền thống, được cộng đồng dân tộc/quốc gia sử dụng trong thời gian dài, mặc nhiên được xem là trang phục chung. Quốc phục được sử dụng trong các lễ tết truyền thống, các nghi thức lễ tân ngoại giao quan trọng, vì vậy nó được cả cộng đồng trân trọng, tự hào. Nói đến quốc phục hẳn chúng ta sẽ nghĩ ngay đến bộ Kimono của người Nhật Bản, Hanbok của Hàn Quốc, Sari của Ấn Độ, váy Skilt của Scotland, bộ Kebaya của Indonesia... Còn ở Việt Nam, chắc chắn sẽ là Áo dài!

Áo dài là loại hình trang phục tiêu biểu, đã đi cùng lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển đất nước của người Việt Nam, tuy ở các thời kỳ khác nhau có sự thay đổi nhưng đó vẫn là chiếc Áo dài! Khoảng đầu thế kỷ XVII, ở Đàng Trong đã xuất hiện một loại áo dài mới, rất phù hợp với môi trường sống, quan niệm sống và tính cách của người Việt hồi đó: Áo ngũ thân (hay áo năm thân). Đây cũng là tiền thân của các loại hình áo dài truyền thống đương đại của nước ta hiện nay. Từ năm 1744, gắn liền với công cuộc cải cách và định chế trang phục ở Đàng Trong, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã quy định, áo ngũ thân trở thành loại thường phục chung của cư dân toàn xứ sở. Sang đầu thế kỷ XIX, trong những năm 1827-1837, sau khi thống nhất và ổn định tình hình đất nước, vua Minh Mạng đã đưa ra quy định bắt buộc tất cả người dân Việt Nam, từ Bắc chí Nam đều phải sử dụng trang phục áo ngũ thân, và xem đây là sự thống nhất về văn hóa của một quốc gia độc lập với nền văn hiến lâu đời, có chế độ y quan (áo mũ) rạch rỡ!

So với các loại hình áo dài khác (cả áo dài nam và nữ), áo ngũ thân tay chèn là loại trang phục giản tiện, gọn gàng vì nó là loại thường phục dành cho tất cả mọi đối tượng, không phân biệt địa vị, giai tầng xã hội (rất khác so với *triều phục* vốn có sự phân biệt rất rõ ràng về thứ bậc). Tuy nhiên, áo dài ngũ thân lại mang trên mình những ý nghĩa

\* Ủy viên Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia Việt Nam, Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao Thừa Thiên Huế.



rất sâu sắc. Trang phục áo dài ngũ thân đầy đủ bao gồm 4 bộ phận: khăn vấn, áo, quần và giày/guốc. Đối với đàn ông Việt, chiếc khăn vấn (từ đầu thế kỷ 20 xuất hiện loại khăn đóng sẵn để tiện hơn và phù hợp với việc cắt tóc ngắn) có hình chữ Nhân hay chữ Nhất, không chỉ làm tôn lên dáng vẻ khuôn mặt, khắc phục được các hạn chế về mái tóc, giúp họ cao hơn vài phân mà còn khiến họ không thể nhầm lẫn với đàn ông các dân tộc khác. Chiếc áo ngũ thân có chiếc cổ tròn, cao từ 3-4cm, giữ cho người mặc luôn nhìn thẳng; áo có 5 thân, gồm hai thân trước, hai thân sau (được đầu nối với nhau do ngày xưa khổ vải hẹp) và một thân con bên trong, biểu tượng cho tứ thân phụ mẫu và bản thân người mặc; 5 hạt cúc áo thì biểu tượng cho 5 phẩm chất cao quý làm người (ngũ thường): Nhân, Lễ, nghĩa, Trí, Tín (hoặc Dũng), cũng biểu trưng cho 5 mối quan hệ rường cột trong xã hội (ngũ luân): Vua-tôi, thầy-trò, cha-con, chồng-vợ, và bạn bè. Chiếc quần trắng ống rộng giúp người mặc thoải mái. Đôi hài (thành thị) hoặc guốc gỗ (vùng nông thôn) được sử dụng cùng, nhưng từ đầu thế kỷ 20, tiếp thu ảnh hưởng của văn minh phương Tây, trang phục áo ngũ thân đã kết hợp với giày tây, hay giày hạ hoặc các loại dép da...

Với nữ giới thì chiếc áo ngũ thân (cấu tạo cũng gần tương tự chiếc áo nam) khiến cho họ trở nên đoan trang, kín đáo mà vẫn nền nã, nữ tính. Áo ngũ thân nữ có cổ áo thấp để khoe chiếc cổ cao 3 ngón duyên dáng; phối cùng áo là khăn lụa vấn đầu một hoặc hai lớp, cùng quần trắng và hài hoặc guốc mộc, sau này thường kết hợp với các loại giày cao gót được thiết kế phù hợp.

Bên ngoài áo ngũ thân tay chèn, khi có nghi lễ thì ông cha chúng ta sẽ khoác thêm một chiếc áo tay rộng (gọi là áo lễ hay áo thụng), cùng kiểu cổ tròn, cổ đứng (viên lĩnh, lập lĩnh) như áo tay chèn hay vạt chéo (giao lĩnh) tùy theo nghi lễ, còn hầu hết những lúc khác chỉ mặc thường phục tay chèn.

Có thể nói, áo dài ngũ thân là loại trang phục độc đáo, riêng có của người Việt, vừa tiện dụng, phù hợp với môi trường sống, tâm vóc và tính cách của người Việt Nam lại vừa rất đẹp và không kém phần trang trọng, kín đáo.

Từ đầu thế kỷ XX, sau khi bị thực dân Pháp đô hộ, dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh phương Tây và các phong trào cải cách, các loại âu phục dần chiếm lĩnh và thay thế Áo dài truyền thống, đặc biệt là đối với áo dài nam. Tuy vậy, trong thời kỳ này, Áo dài vẫn được gọi là Quốc phục để phân biệt với Âu phục, là loại trang phục mới tiếp thu của người châu Âu. Áo dài đã trở thành một danh từ riêng và được giữ nguyên dạng “ÁO DÀI”/ “AO DAI” trong nhiều bộ từ điển lớn trên thế giới khi viết về trang phục đặc trưng của người Việt Nam. Không phải ngẫu nhiên mà năm 2006, chúng ta đã đề nghị toàn bộ các vị nguyên thủ quốc gia tham dự hội nghị APEC mặc áo dài Việt Nam trong một buổi lễ rất trang trọng của nước chủ nhà.

Vậy sao chúng ta còn phải băn khoăn và đi tìm **Quốc Phục** cho mình?!

### • **Lễ phục và những quy định còn bất cập hiện nay**

Khác với quốc phục, lễ phục lại có quy định chặt chẽ, cụ thể.

Ở các nước Âu Mỹ, lễ phục cũng có lịch sử lâu đời và được quy định rất chặt chẽ với các loại hình khác nhau. Trong các nghi lễ trọng thể mang tính quốc gia, quốc tế họ thường sử dụng loại lễ phục White-Tie (trang phục áo đuôi tôm màu trắng, thắt nơ

trắng); đối với các nghi lễ mang tính riêng tư hơn như lễ đính hôn, lễ cưới thì thường sử dụng loại lễ phục Black-Tie (thắt nơ đen) và kèm theo các quy định rất chặt chẽ về các phụ kiện đi kèm (mũ, cổ áo, tay áo, khuy áo, đai bụng, giày, tất). Còn bộ comple/veston (quần âu, áo sơ mi, áo vét và cà vạt) mà chúng ta thường thấy thì chỉ xếp vào loại thường phục (Business Suite), có thể mặc ở chốn công sở hay trong mọi hoạt động hàng ngày.

Ở nước ta, trong thời quân chủ, lễ phục cũng được quy định rất chặt chẽ cho cả bốn loại hình nghi lễ quan trọng nhất: Quan, hôn, tang, tế, chứ không sử dụng tùy tiện. Theo quan điểm truyền thống, trang phục (chế độ Y quan) là biểu hiện của một quốc gia độc lập, một nền văn hiến và tự chủ nên hầu như các triều đại sau khi thành lập đều tiến hành định chế triều phục. Một chế độ “Y quan rục rờ” luôn là niềm tự hào của các triều đại độc lập. Tương truyền, vào năm 1407, khi Hồ Quý Ly bị giặc bắt và giải đến Kim Lăng, triều đình nhà Minh có hỏi ông về phong hóa của người Việt, ông đã tự hào và khẳng khái trả lời: “Y quan Đường chế độ/Lễ nhạc Hán quân thần”. Nghĩa là Áo mũ tương tự nhà Đường, Lễ nhạc như vua quan nhà Hán (Đường và Hán là hai triều đại lí tưởng của phong kiến Trung Hoa).

Triều Nguyễn là triều đại có quy định chặt chẽ, tỉ mỉ nhất về các loại lễ phục. Bộ sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* do Nội các biên soạn đã dành một dung lượng khá lớn ở phần Bộ Lễ để nói rõ những quy định về lễ phục của triều đại. Như vậy, trước năm 1945, chúng ta có lễ phục với những quy định cụ thể.

Hiện nay, chúng ta chưa có một quy định riêng về lễ phục, nhưng tại Quy chế văn hóa công sở do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg) thì đã có quy định: Lễ phục nam giới là bộ comple, áo sơ mi, caravat, và với nữ giới là áo dài truyền thống và bộ comple nữ. Quy định này xem ra chưa phù hợp vì ít nhất 2 điều: Thứ nhất, bộ comple, như trên đã viết, chỉ là bộ thường phục của các nước Âu Mỹ, dù hiện nay đã rất phổ biến trên toàn thế giới, nhưng làm sao lại có thể trở thành lễ phục của một quốc gia? Và thứ hai, tại sao lễ phục của nữ giới là áo dài truyền thống mà nam giới lại không có loại trang phục này?

Đã đến lúc chúng ta cần nghiêm túc, khách quan nhìn thẳng vào vấn đề trên.

Theo tôi, hoàn toàn có thể quy định: Lễ phục của người Việt Nam là Áo dài truyền thống, bao gồm cả hai giới nam và nữ. Chiếc áo dài của ta hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu về tính trang trọng, về đẹp, bản sắc văn hóa... của một bộ lễ phục. Nhưng cần có quy định cụ thể về quy cách, màu sắc, họa tiết trang trí và các phụ kiện đi kèm.

Một quốc gia có lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm với nền văn hiến lâu đời thì không thể không có quốc phục và lễ phục! ■

# CHẾ PHONG CỦA VUA BẢO ĐẠI BAN THƯỜNG CHO TIỀN QUÂN ĐÔ THỐNG VÕ VĂN KIÊM

■ VÕ VINH QUANG\*

Tiền quân Đô thống Võ Văn Kiêm (1864-1940) vị quan phục vụ 6 đời vua Nguyễn, từ triều vua Hàm Nghi đến đời vua Khải Định. Theo thông tin từ văn bia đặt tại sinh từ [đền thờ được lập lúc còn sống] của Ông, do Tham tri Nguyễn Văn Trình biên soạn năm Giáp Tý triều vua Khải Định (1924), Võ Văn Kiêm thuở nhỏ học tại Trường Quốc tử giám, rồi khi trưởng thành được học ở Trường Anh Danh. Suốt 36 năm làm quan trong triều ngoài trấn, công lao rạng rỡ, sử sách vinh danh: “... Thuở nhỏ ông học ở Quốc Tử giám<sup>1</sup>, trưởng thành học trường Anh Danh<sup>2</sup>. Nghiệp “vân lôi”<sup>3</sup> - thư kiếm (văn chương - võ nghệ) kinh luân<sup>4</sup>, lãnh mệnh trời sủng ân phò tá. Vua tặng ban tên đẹp. Trù tính binh nhung nơi quận Hạc, võ công tri triển chốn thành Cù. Triều đình chép rõ công lao, lảng giềng báo ơn trọng thị. [Huân chương] Bội tinh, kim khánh

\* TS, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế

<sup>1</sup> Dịch từ Quốc giám: tức Quốc tử giám của triều Nguyễn

<sup>2</sup> Dịch từ Anh trường: tức trường Anh Danh. Theo Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ tục biên, quyển 34: Bộ Binh, Phần 1 - mục Quan chế (Nxb. Khoa học Xã hội, HN, 2009, tr.16): “Anh Danh: năm Tự Đức thứ 18 (1865), một khoản trong Nghị bàn được chuẩn: từ nay về sau, phạm võ quan viên nào xác thực được công lao (tức được Ân chuẩn ghi công tòng chinh) và là người ngay thẳng hiền lương đáng ghi (tức được Ân chuẩn cho thờ ở đền Hiền Lương) thì các cháu của họ được vào danh mục xét: Chánh, Tòng nhất phẩm được 3 người cháu; Chánh nhị phẩm được 2 người cháu; Tòng nhị phẩm và Chánh, Tòng tam phẩm cho 1 người cháu, nhưng không câu nệ là dòng trưởng hay thứ, viên nào có sức vóc tráng kiện đều cho bổ nhập trường Anh Danh, theo lệ cấp lương bổng cho học tập. Và các cháu quan văn không có học vấn, muốn vào hệ Anh Danh, cũng cho theo lệ này mà làm cho đều nhau”. Như vậy, Anh Danh là ngôi trường võ bị đặc trưng của thời Nguyễn.

<sup>3</sup> Vân lôi 雲雷: chỉ người tài năng vĩ nghiệp trị nhậm quốc gia. Kinh Dịch 易經, quẻ Truân 屯 (còn gọi là quẻ Thủy lôi truân) Tượng 象 rằng: “Vân lôi”, quẻ Truân, bậc quân tử có tài kinh luân. (雲雷, 屯, 君子以經綸). Truân (tượng: ☵☳) gồm quẻ khâm 坎 (tượng: ☵) ở trên, quẻ chấn 震 (tượng: ☳) ở dưới. Tượng của quẻ Truân 屯 có nghĩa là “vân lôi tụ” 雲雷聚 (mây-sấm tụ hợp), mây bay ở trên, sấm động ở dưới. Tượng truyện 象傳: “lấy mưa làm ân trạch (nguồn ân), lấy sấm so với hình phạt”. Ý bảo rằng bậc quân tử thấu suốt quái Trưng 卦象 (tượng quẻ) cùng quái danh 卦名 (ý nghĩa tên quẻ), tất thông tỏ, thành thực việc dùng ân trạch cùng hình phạt, đó là bậc kinh luân của đất nước. Trần Sư Đạo 陳師道 đời Tống 宋, trong tác phẩm Hậu Sơn đàm chúng 后山談眾, quyển 3 viết rằng: “lang miếu trừ trung vu cựu đức, vân lôi thủy hiệp vu tân ân” 廊廟佇徵于舊德, 雲雷始洽于新恩 (Miếu vũ rõ bày ân đức cũ, kinh luân sớm hợp nghĩa ân nay)

<sup>4</sup> Kinh luân 經綸: nghĩa gốc của nó là người tạo tác, chỉnh lý, hoàn bị được những sợi tơ tầm thành sản phẩm. Đó là chỉnh lại các sợi tơ, sửa sang và nối liền những sợi tơ ấy cho ngay thẳng, thống nhất các bước ấy thì gọi là kinh luân 經綸. Từ nghĩa gốc đó, lại thể hiện ý khái quát là tính toán, trù hoạch, trị nhậm việc lớn của quốc gia. Kinh Dịch, quẻ Truân 屯 (đã dẫn) có câu: “Vân lôi”, quẻ Truân, bậc quân tử có tài kinh luân (đã dẫn ở mục chú thích “Vân lôi”). Không Dĩnh Đạt 孔穎達 đã sơ 疏 (giải thích) rằng: “ Kinh, vị kinh vĩ, luân vị võng luân, ngôn quân tử pháp thử Truân tượng hữu vi chi thời, dĩ kinh luân thiên hạ, ước thúc u vật” 經謂經緯, 綸謂綱綸, 言君子法此屯象有為之時, 以經綸天下, 約束於物 (nghĩa là: “kinh” gọi là nối liền các sợi tơ ngang, “luân” gọi là xâu chuỗi thành hệ thống các sợi tơ lưới ấy. Ý nghĩa của nó là dụ để nói về đạo của bậc quân tử theo quẻ Truân mà thi hành, để từ đó kinh luân – thống suất, trị nhậm thiên hạ, sai khiến muôn vật.)

trùng điệp ân sâu. Cửa Bắc, thành Nam trải vang danh tiếng. Ba mươi sáu năm rờ ràng trong sử sách, triều đình vinh thăng hàm nhất phẩm về quê”<sup>5</sup>.

Đến năm 1919, Tiền quân Võ Văn Kiêm được triều đình thăng thưởng và cho về hưu trí tại quê nhà ở làng An Ninh Hạ<sup>6</sup> (nay là đường Nguyễn Phúc Thụ, phường Hương Long, thành phố Huế). Ông đã tham chước các mẫu thức sinh từ khắp nơi, tự tay vẽ kiêu, đốc thúc việc xây dựng sinh từ cho mình. Cho đến nay, sinh từ của vị Thiện Khanh tướng quân - Võ Văn Kiêm vẫn là một trong những công trình rất đáng để tham quan chiêm ngưỡng tại Huế.

Nhà thờ Thiện Khanh tướng quân Võ Văn Kiêm ở Hương Long hiện nay vẫn còn bảo lưu được khoảng 35 văn bản chế phong, sắc chỉ, tờ ban thưởng Long tinh... quý giá do các triều vua Tự Đức, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại thưởng ban cho cha mẹ tổ tiên của Thiện Khanh tướng quân, cho chính Ông và sắc chỉ bổ nhiệm, thăng chức cho các con cái của ông Võ Văn Kiêm. Đây là nguồn tư liệu giá trị, góp phần giúp tìm hiểu sâu hơn về truyền thống học hành đỗ đạt và con đường thăng tiến của dòng họ Võ làng An Ninh Hạ này.

Nhân đợt trưng bày triển lãm số hóa tư liệu Hán Nôm ở Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018, bấy giờ ban tổ chức có nhờ tôi lược dịch, tóm tắt nội dung một số bản chế cáo, sắc chỉ dùng vào việc chú thích. Khi tiếp cận bản chế phong cho Tiền quân Võ Văn Kiêm vào tháng Chạp năm Bảo Đại thứ 9 (Dương lịch: tháng 1 năm 1935), do rất thích thú nên bên cạnh việc tóm lược nội dung, tôi đã tiến hành dịch thuật trọn vẹn bản Chế phong theo đúng chính thể (tứ lục, tứ lục biến thể) với tính đăng đối, âm điệu cân xứng nhằm mong muốn toát lên được nét hay, nét đẹp trong văn phong của thể tài Chế phong. Hôm nay, tại bài viết này, tôi xin cung cấp bản dịch thể tứ lục đó.

### **\*Chế phong cho Tiền quân Đô thống Võ Văn Kiêm (năm Bảo Đại thứ 9)**



<sup>5</sup> Trích từ *Văn bia Tiền quân Đô thống Võ Văn Kiêm* trong bài “Tiền sĩ Nguyễn Văn Trình với văn bia Tiền quân Đô thống Võ Văn Kiêm” của chúng tôi, link: <https://vovinhquang.wordpress.com/2020/06/01/thuong-thu-nguyen-van-trinh-voi-van-bia-tien-quan-do-thong-vo-van-kiem/>

<sup>6</sup> Chúng tôi xác định năm này là căn cứ vào bản Chế phong ban cấp cho Tiền quân Võ Văn Kiêm vào ngày 18 tháng 1 năm Khải Định thứ 4 (1919), lúc này ông giữ chức *Tiền Nhị vệ Thống Chế*, và được vinh thăng chức *Tráng Vũ tướng quân Đô Thống phủ Đô thống, trật tòng nhất phẩm và cho về trí sĩ vinh hương*.

Hán văn:

承天興運皇帝制曰

朕惟:

名臣久著勳勞，功成者退。

熙代不忘故舊，恩寵有加。

亶協穀辰，載頒芝綈。

睠惟

都統府都統致事武文兼:

軒昂壯志，磊落雄才。

榮紹箕裘，識名家之有後。

學成書劍，依禁闈而近光。

尋以升階，歷躋要路

湯州重地，北門嚴鎖鑰之防。

京闕朝天，王國受干城之寄。

久迪師中之吉，儒將風流

晚尋林下之遊，耆英圖繪。

議舊式隆彝憲，念先朝簪履之遺

推恩合陟崇階，榮一字袞花之賜

茲特準陞授特進壯武將軍都統府都統掌府事，仍置事，錫之誥命。

尚其:

鴻恩祇受，白髮知榮。

退處江湖，心無忘於憂愛；

憂游歲月，年長引於期頤。

與國同休，則余以懌。欽哉

保大政年拾貳月拾五日[珠印: 救命之寶]

Phiên âm:

Thừa thiên hưng vận Hoàng đế Chế viết:

Trẫm duy:

Danh thần cửu trú huân lao, công thành giả thối;

Hy đại bất vong cố cữu, ân sủng hữu gia.

Đản hiệp cốc thời, tải ban chi phát.

Quyển duy:

Đô Thống phủ Đô thống trí sự Võ Văn Kiêm

Hiên ngang tráng chí - lỗi lạc hùng tài.

Vinh thiệu cơ cừu, thức danh gia chi hữu hậu

Học thành thư kiếm, y cầm thát nhi cận quang.  
Tâm dĩ thăng giai - lịch tê yếu lộ.  
Thang châu trọng địa, bắc môn nghiêm toả thược chi phòng;  
Kinh khuyết triều thiên, vương quốc thụ can thành chi ký.  
Cửu địch sư trung chi cát, nho tướng phong lưu;  
Văn tâm lâm hạ chi du, kỳ anh đồ hội.  
Nghị cựu thức long di hiển, niệm tiên triều trâm lý chi di;  
Suy ân hợp trắc sùng giai, vinh nhất tự cổn hoa chi tứ.

Tư đặc chuẩn thăng thụ Đặc tiên Tráng Vũ Tướng quân Đô Thống phủ Đô thống  
Chương Phủ sự, nhưng trí sự, tích chi cáo mệnh.

Thượng kỳ:                    Hong ân chi thụ, bạch phát tri vinh.  
Thoái xử giang hồ, tâm vô vong ư ưu ái;  
Ưu du tuế nguyệt, niên trường dẫn ư kỳ di.  
Dữ quốc đồng hưu, tác dư dĩ địch.

Khâm tai!

Bảo Đại cửu niên thập nhị nguyệt thập ngũ nhật [châu ấn:  
*Sắc mệnh chi bảo*]

Dịch (tứ lục, theo thể chế phong) :

Thay trời dấy vận, Hoàng thượng Chế rằng:

Trẫm nghĩ:

Danh thân<sup>7</sup> rực rỡ công lao, công thành bèn thoái.  
Triều đình không quên tôi cũ, ân sủng tăng thêm.  
Ngày lành vừa hiệp, chế cáo lại ban.

Mến nghĩ:

Đô Thống phủ Đô thống trí sự Võ Văn Kiêm  
Hiên ngang chí lớn, lỗi lạc tài cao.  
Nói nghiệp tổ tiên, rõ danh gia truyền hậu duệ.  
Thành danh văn võ, nương cung cấm rạng đời sau.  
Trải đã vinh thăng, qua nhiều chức bậc.  
Thang châu trọng địa, then cài nghiêm Ái Bắc canh phòng.  
Cửa Khuyết châu hầu, vương quốc vững thành trì gửi gắm.

<sup>7</sup> *Danh thân*: bầy tôi tài giỏi.

Quân trường giữ lâu dài tốt đẹp, nho nhã phong lưu;  
Nghỉ ngơi tìm rừng suối ngoạn du, tinh anh tụ hội.  
Bàn phép tắc thường hằng tốt đẹp, nghĩ tiên triều còn để trâm  
anh;  
Nâng đặc ân cất nhắc thường thăng, vinh một chữ cỏn hoa ban  
bố.

Nay, đặc biệt chuẩn thăng *Đặc tiến Tráng vũ Tướng quân Đô Thống phủ Đô thống*  
*Chương Phủ sự*, vẫn nguyên trí sự, cáo mệnh thưởng phong.

Ngõ hầu: Nhận lấy hồng ân, vinh danh tóc bạc.  
Về với xóm làng, lòng không quên triều đình ưu ái.  
Tháng ngày nhàn nhã, sống dài lâu trăm tuổi tạc thành.  
Vui cùng đất nước, tất đẹp lòng ta . Khâm tai!

Ngày 15 tháng chạp năm Bảo Đại thứ 9 (Dương lịch: 19/01/1935) [Ấn son: *sắc mệnh*  
*chi bảo*]

## DƯƠNG THƯỜNG

*Nụ Palo Santo*

*Đêm băng khuâng chín  
trong nỗi nhớ  
ta đốt nụ Palo santo  
hương gỗ cháy và khói thơm  
đưa ta đến miền cỏ lạ...*

*Mưa về từ núi xa  
mấy mùa không có em ở đó  
trắng thượng huyền khuyết rồi tờ  
riêng nụ môi em trong ta cứ mãi mãi  
tròn!*

*Một mình lên non  
hát: “núi cao chi lắm...”  
vạn dặm mây xanh thành mây trắng quanh đầu  
ta ở đâu?  
em nơi đâu?*

*Đêm chạm đáy sâu  
cây cam già cũng vĩa đem nụ  
cuối mùa xuân  
mơ hồ tiếng chim tu hú  
khắc khoải mùa sang  
năm ngoái hay giờ?*

*Chợt tỉnh giấc mơ  
mặt trời chạm vào miền nhớ  
câu Tâm kinh dang dở  
theo khói nụ Palo santo...  
về trời!*

# NỘI CÁC NHÀ NGUYỄN - CƠ QUAN VĂN PHÒNG TRONG CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH THỜI HOÀNG ĐẾ MINH MẠNG

■ ĐẶNG ĐỨC DIỆU HẠNH<sup>1\*</sup>

## 1. Quá trình thành lập

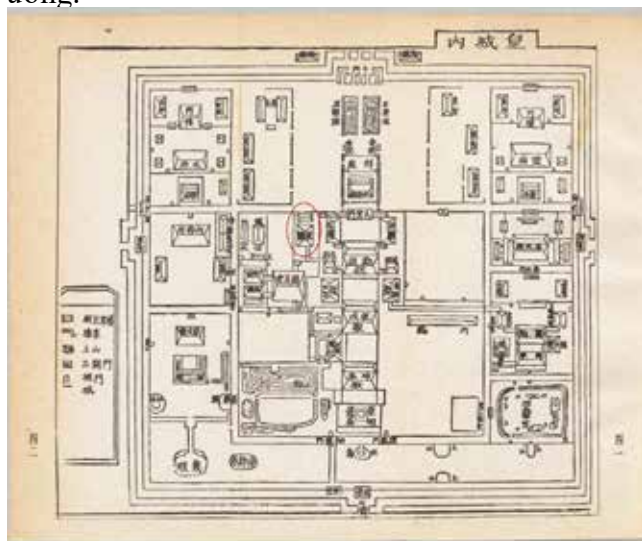
Sau khi đánh bại triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu Gia Long, xác lập nên vương triều Nguyễn. Để đảm bảo sự ổn định và thống nhất đất nước ngay sau khi vương triều thành lập, Hoàng đế Gia Long đã ban hành nhiều chính sách và biện pháp mềm dẻo để ổn định và phát triển đất nước. Trong quá trình thiết lập bộ máy cai trị, tiếp thu cách tổ chức bộ máy của triều trước, đặc biệt là triều Lê, Gia Long đã lập ra cơ quan nhà nước ở Trung ương.

Kế thừa những thành quả to lớn do vua cha để lại, Hoàng đế Minh Mạng (1820-1841) tiếp tục thiết chế lại cơ cấu lại tổ chức bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương nhằm củng cố, hoàn thiện bộ máy và nâng cao năng lực hoạt động của nó. Hoàng đế Minh Mạng đã cải cách và thiết đặt thêm một số cơ quan trong hệ thống bộ máy hành chính so với triều đại trước, như thành lập Cơ mật viện, Đô sát viện, Tôn nhân phủ, đặc biệt nhập Tam nội viện thành Văn thư phòng - sau đổi thành Nội Các.

Dưới thời Hoàng đế Gia Long, nhà vua cho lập các viện và ty gồm Thị Thư Viện, Thị Hàn Viện, Nội Hàn Viện và Thượng Bảo Ty. Đây là những văn phòng giúp việc trực tiếp cho nhà vua, phụ trách việc soạn thảo văn bản, chuyển phát văn thư cùng các chiếu, dụ; quản lý các ngự chế của nhà vua và quản lý ấn tín.

Khi mới lên ngôi, Hoàng đế Minh Mạng đã cho đặt Văn Thư Phòng trên cơ sở nhập Thị Thư Viện, Nội Hàn Viện và Thị Thư Viện. Văn Thư Phòng vẫn chuyên trách công việc văn phòng như các Viện trước đây. Văn Thư Phòng được cấp con dấu riêng và chính thức trở thành một cơ quan của chính phủ mà không phải là một nhóm thư ký riêng của hoàng đế như trước đây.

Năm 1822, Hoàng đế Minh Mạng cho lập thêm Hàn Lâm Viện trong Văn Thư Phòng để giúp cho Văn Thư Phòng làm nhiệm vụ chuyên trách việc soạn thảo văn bản. Năm 1926, Văn Thư Phòng được giao thêm nhiệm vụ quản lý toàn bộ châu bản của triều



Vị trí tòa Nội Các (khoanh màu đỏ) trong tổng thể khu vực Đại Nội, Nguồn Sách Đại Nam nhất thống chí

<sup>1\*</sup> Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế



đình vốn được lưu trữ phân tán của các của cơ quan chuyên môn.

Việc tập hợp toàn bộ châu bản về cho Văn Thư Phòng cất giữ tạo thành khối tài liệu hành chính lưu giữ đầy đủ, hoàn chỉnh thông tin và có hệ thống đã phục vụ đắc lực cho công tác điều hành chính sự của guồng máy nhà nước.



Tòa Đông Các (ảnh tư liệu)

Trong quá trình điều hành đất nước, thấy được tầm quan trọng của cơ quan văn phòng, năm 1829, Hoàng đế Minh Mạng cho bãi bỏ Văn Thư Phòng và Thượng Bảo Ty, lập ra một cơ quan mới gọi là Nội Các. Vua Minh Mạng dụ rằng: “Quốc gia ta sau khi bình định, Hoàng khảo Thế tổ cao Hoàng đế ta, đã đặt ra Viện Thị Thư, đến khi trẫm lên chấp chính, lại đổi là phòng Văn Thư, danh sắc tuy có khác nhau nhưng cũng đều là chức coi giữ sách vở đứng hầu hai bên cả.

*Nay nghĩ đặt là phòng Văn Thư chưa đúng nên mới đổi là Nội Các, bọn các người nên bàn định tên quan chức để thi hành”<sup>2</sup>*

Thành lập Nội Các dưới triều Nguyễn là một việc làm quan trọng nhằm củng cố và nâng cao chức năng quản lý điều hành của cơ quan đầu não trung ương đối với nền hành chính quốc gia.

## **2. Cơ cấu và chức năng của Nội Các**

Tổ chức Nội Các lúc mới thành lập gồm 4 cơ quan gọi là tào. Đó là Thượng Bảo tào, Ký Chú tào, Đồ Thư tào, Biểu Bạ tào để chuyên trách từng phần công việc, trong đó:

- Thượng Bảo tào: Phụ trách coi giữ các loại ấn tín, bảo tỳ, các loại quan phòng, đồ ký, bài ngà của các nha môn, bản phó dụ chỉ, bản thảo chiếu biểu và châu bản. Ngoài ra các bản chiếu, chỉ dụ đã được khâm định và các loại chương sớ đã được nhà vua xem duyệt đều giao cho tào đóng dấu bảo, sau đó giao bản phó cho cơ quan đương sự giải quyết, bản chính giao cho Biểu Bạ tào tàng trữ.

- Ký Chú tào: Phụ trách việc ghi chép các sinh hoạt, ngôn luận của nhà vua cùng các tấu nghị, chương sớ do bách quan tâu trình và nhật ký học tập của các hoàng tử. Ngoài ra còn có chức trách coi giữ các đồ ngự dụng, sách vở bút nghiên dùng cho Hoàng thượng.

- Đồ Thư tào: Phụ trách ghi chép các các bài ngự chế, thi văn, coi giữ các loại sách của triều đình và các công văn bang giao với ngoại quốc và đây cũng là bộ phận trông coi thư viện riêng của hoàng đế.

- Biểu Bạ tào: Phụ trách việc cất giữ các bản tấu sớ đã được ngự phê (châu bản) và bản phó các biểu chương trong và ngoài nước.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà vua cho đổi tên Đồ Thư tào thành Bí Thư tào, Ký Chú tào thành Thừa Vụ tào nhưng chức trách không thay đổi.

Năm 1844, vua Thiệu Trị (1840-1847) đã cho cải tổ lại Nội Các bằng việc đổi các tào

<sup>2</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mạng chính yếu*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2010, tr.167-168.



*Ngự tiền Văn phòng, ảnh chụp năm 2023*



*Ngự tiền Văn phòng, ảnh chụp năm 2023*

thành các sở gồm Thượng Bảo sở, Đồ Thư sở, Ty Luân sở, Bản Chương sở. Trong đó, Bản Chương sở lại chia thành 3 Chương để tiện phụ trách công việc. Các sở cũng được sắp đặt lại cơ cấu tổ chức và phân chia công việc khoa học hợp lý hơn.

- Thượng Bửu sở: Phụ trách công việc giống như Thượng Bảo tào trước đó. Các công việc như chép lại các chiếu văn, chỉ dụ ... để tiến trình hoàng đế; đóng dấu ấn của hoàng đế lên các văn thư v.v... sao chép, gửi các phó bản các chỉ, dụ, chiếu văn về các cơ quan để thi hành.

- Ty Luân sở: Phụ trách công việc thu nhận các loại tập tấu, lập phiếu nghị phê đáp cho các tập tấu, khởi thảo các bản chiếu lệnh theo chỉ dụ của hoàng đế, coi giữ tất cả các chiếu chỉ, dụ ngữ.

- Bí Thư sở: Phụ trách công việc giống như Bí Thư tào trước đây bao gồm việc sao chép ngự chế thi văn, giữ gìn các bản đồ văn thư và các công văn bang giao.

- Bản Chương sở: Phụ trách công việc của Biểu Bạ tào trước đây, nhưng nay đề cao trách nhiệm và chuyên môn hóa hơn. Nhiệm vụ của bộ phận này là thu nhận tài liệu ở Thượng Bửu sở và Ty Luân sở đóng thành tập hồ sơ đóng dấu cất giữ. Chức năng chính là lưu trữ công văn trung ương. Châu Bản và các tài liệu khác do Bản Chương sở cất giữ. Trong Bản Chương sở chia làm 3 chương: Lại Hộ chương, Lễ Bình chương và Hình Công chương.

Lại Hộ chương cất giữ các công văn thuộc bộ Lại và bộ Hộ, của Cơ Mật Viện, Thị Vệ, Đô Sát Viện, ty Thông Chính, kho thuốc súng cùng các doanh giao đến

Lễ Bình chương lưu giữ các văn bản của bộ Lễ và bộ Binh, của các cơ quan như Tôn Nhân Phủ, Nội Vụ Phủ, Thương Trường, Hàn Lâm Viện, Khâm Thiên Giám, Quốc Tử Giám, Thái Thường Tự, Quang Lộc Tự, Tào Chính Ty, Thừa Thiên Phủ, các phủ đệ cùng các phái viên xuất dương.

Hình Công chương lưu giữ các sổ sách liên quan đến hai bộ Hình và bộ Công và của Đại Lý tự, Tam Pháp Ty, Võ Khố, ty Chế Tạo, ty Tiết Thận, kho gỗ, ty doanh Thiện.

Như vậy việc cải tổ bộ máy của Nội Các vẫn trên cơ sở kế thừa thời Minh Mạng, nhưng phân hành được hoạch định phân minh hơn, việc phân phối công vụ được hợp lý hóa, cụ thể hơn.

### ***b. Quan lại thuộc Nội các***

Các nhân viên trong Nội Các hầu hết đều lấy biên chế các Bộ, Viện sung vào làm việc.

Cơ cấu tổ chức gồm có đường quan và các thuộc viên.

Đường quan: Đường quan gồm có 4 người. Trong đó, 2 người có trật Tam phẩm do Thị Lang các Bộ hoặc Chương viên học sĩ Viện Hàn Lâm kiêm nhiệm làm Thượng Bảo

Khanh. Hai người hàm Tứ phẩm lấy Thị độc học sĩ Viện Hàn Lâm kiêm nhiệm làm Thượng Bảo Thiếu Khanh.

Hoàng đế Minh Mạng quy định, quan đứng đầu Nội Các trật chỉ đến tam phẩm và phải đứng sau Lục Bộ (tức là không thể thăng đến hàm Đại học sĩ hoặc lãnh chức Thượng thư các bộ tương đương trật nhị phẩm) để tránh sự lạm quyền. Hoàng đế có chỉ dụ: “*Văn thư phòng là chỗ then chốt, mà xét đến tên thì theo chế độ nhà Minh chỉ là một tào riêng thôi. Trước ý trẫm không muốn cho dài các có quyền lớn, cho nên mượn tên ấy để cho giữ sổ sách, chạy công việc mà thôi. Lúc trẫm mới lên ngôi, Nguyễn Đăng Tuân đã tâu xin đổi lại, trẫm nghĩ chưa được người xứng đáng nên chưa y lời xin. Nay nghĩ phòng ấy rất quan hệ về chính sự, dẫu không có danh Tể tướng mà hình như có thực quyền Tể tướng rồi thì tên quan cũng nên tương xứng. Song không nên đặt quan cao. Người trưởng và người thứ nên dùng từ hàm Nhị, Tam phẩm, cũng ví như thêm sáu bộ làm bảy thôi. Phàm số tâu ở các nơi đưa đến, cái nào nên do bộ thì do bộ, trong đó việc gì nên hỏi tị thì mới do Các nghĩ sẵn lời chỉ, dùng giấy vàng dán nêu ra mà tiến trình, đợi trẫm quyết định rồi mới thi hành. Nếu còn chưa đáng thì cũng cho bộ thân bàn tâu, gói gửi trả lại, như thế thì không lo lấn quyền nữa. Hơn nữa, sau này còn đặt gián quan, Các thân có muốn che giấu thì làm sao được?”. Đến bấy giờ dụ bấy tôi rằng: “*Đế vương ngày xưa kính lo công việc, tóm giữ quyền cương, không ai không có người tôi thân cận để chực châu ở gần nơi cung cấm, giúp đỡ việc lớn. Nhưng cách đặt quan thì mỗi đời một khác. Xét Bắc triều gần đây đầu nhà Minh sợ việc Tể tướng chuyên quyền mà đặt Nội Các, nhà Thanh cũng làm theo*”<sup>3</sup>*

#### **Các thuộc viên:**

Lúc mới thành lập, Nội Các gồm 28 người. Trong đó Chánh ngũ phẩm Hàn lâm viện Thị độc, Tông ngũ phẩm Thừa chỉ, mỗi hàm 2 người; Tông lục phẩm Tu soạn 4 người; Chánh thất phẩm Biên tu, Tông thất phẩm Kiểm thảo, mỗi hàm 2 người; Tông bát phẩm Điền bạ, Tông cửu phẩm Đãi chiếu, mỗi hàm 8 người. Đến năm 1835, Hoàng đế Minh Mạng chuẩn định bổ sung nhân viên của Nội các lên 30 người.

Năm 1844, Hoàng đế Thiệu Trị cho tăng cường số lượng lên 34 người. Năm 1847, số lượng nhân sự trong Nội Các tiếp tục thay đổi cho phù hợp với chức năng công việc của thời kỳ này. Số lượng thuộc viên Nội Các thời Hoàng đế Thiệu Trị được phân bố như sau:

TT	Cơ quan	Nhân viên	Phẩm trật	Năm 1844	Năm 1847
1	Sở Thượng bảo	Thừa Chi	Tông ngũ phẩm	1	2
		Tu Soạn	Tông lục phẩm	1	2
		Biên Tu	Chánh thất phẩm	1	2
		Kiểm Thảo	Tông thất phẩm	1	2
		Điền Bạ	Tông bát phẩm	1	2
		Đãi Chiếu	Tông cửu phẩm	1	2

<sup>3</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 2, bản dịch Viện Sử Học, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2003, tr.927.

2	Sở Ty Luân	Thị Độc	Chánh ngũ phẩm	1	1
		Trước Tác	Chánh lục phẩm	1	1
		Tu Soạn	Tòng lục phẩm	1	1
		Điện Bạ	Tòng bát phẩm	2	1
		Đãi Chiếu	Tòng cửu phẩm	2	1
		Biên Tu	Chánh thất phẩm	1	2
		Kiểm Thảo	Tòng thất phẩm	1	2
3	Sở Bí thư	Thị Độc	Chánh ngũ phẩm	1	1
		Trước Tác	Chánh lục phẩm	1	1
		Tu Soạn	Tòng lục phẩm	1	0
		Điện Bạ	Tòng bát phẩm	2	1
		Đãi Chiếu	Tòng cửu phẩm	2	1
		Biên Tu	Chánh thất phẩm	1	2
		Kiểm Thảo	Tòng thất phẩm	1	2
4	Sở Bản Chương	Thừa Chi	Tòng ngũ phẩm	1	1
		Tu Soạn	Tòng lục phẩm	1	1
		Biên Tu	Chánh thất phẩm	1	2
		Kiểm Thảo	Tòng thất phẩm	1	4
		Điện Bạ	Tòng bát phẩm	3	1
		Đãi Chiếu	Tòng cử phẩm	3	1
Tổng				<b>34</b>	<b>39</b>

Sang đời Tự Đức, tổ chức Nội Các vẫn theo nề nếp được hoàn thiện dưới thời Hoàng đế Thiệu trị. Các chức danh, phẩm trật trong Nội Các hầu như vẫn được giữ nguyên cho đến các đời sau.

### 3. Trụ sở Nội Các:

Để tiện việc phục vụ công việc mà họ đảm nhiệm bên cạnh nhà vua, các cơ quan mang chức năng Văn phòng dưới triều Gia Long có trụ sở ở Tả trực phòng của Tả vu, bên cạnh ở điện Cần Chánh thuộc khu vực Tử Cấm Thành - nơi vua Nguyễn làm việc hàng ngày. Và đây cũng là đơn vị hành chính duy nhất được đặt trụ sở bên trong Tử Cấm Thành.

Để có một nơi làm việc qui củ và phù hợp với qui mô ngày càng lớn cũng như lưu trữ tất cả các điều ước mà vua triều Nguyễn đã ký với ngoại quốc; các văn thư ngoại giao với ngoại quốc; các ngự chế thi văn; các bản địa đồ; châu bản các triều..., vào năm 1826, Hoàng đế Minh Mạng đã cho xây một điện khác gọi là Đông Các, tọa lạc đằng sau Tả vu (trong khu vực Tử Cấm Thành). Kiến trúc của Nội Các được mô tả rằng: “*nền cao 3 thước 8 tấc, gác 2 tầng, lợp bằng ngói lưu ly xanh, hướng tây, phía tây 3 bệ, chính giữa 3 lối ra, bên tả bên hữu đều một lối ra, phía nam phía bắc đều 2 bệ, mỗi bệ một lối ra. Đều 4 cấp, nền bằng gạch lưu ly, thân bệ bằng đá, lan can chạm con rồng con cầu*”<sup>4</sup>.

Để vào được khu vực này các nhân viên Văn thư phòng hoặc Nội Các vào châu trực

<sup>4</sup> Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 13, bản dịch Viện Sử Học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 21.

trong Đông Các phải có thể ngà ra vào.

Sau khi Nội Các bị bãi bỏ, tòa Đông Các bị hư hỏng dần. Hiện nay Đông Các chỉ còn là một phế tích.

Nội Các triều Nguyễn tồn tại hơn 100 năm, từ năm 1829 cho đến năm 1933 thì vua Bảo Đại xoá bỏ để thành lập Ngự Tiền Văn Phòng. Mặc dù vậy chức trách của Văn phòng này vẫn không thay đổi, đây vẫn là cơ quan giúp việc trực tiếp của nhà vua; luân chuyển, tàng trữ các văn thư quan trọng của triều đình và là một bộ phận đặc biệt trọng yếu trong hệ thống các cơ quan hành chính của triều Nguyễn.

Như vậy, Nội Các được thành lập dưới thời Minh Mạng là một cơ quan của bộ máy nhà nước lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam. Chức năng của Nội Các là một cơ quan văn phòng của hoàng đế bao gồm các công việc liên quan đến văn thư, ấn tín, chế tác, lưu trữ, quản lý thư sách, sao chép lời vua ban, giám sát công việc...

#### **4. Tạm kết**

Cải cách này của Hoàng đế Minh Mạng về văn phòng đã góp phần quản lý tốt những giấy tờ quan trọng của triều đình, phục vụ đắc lực cho việc điều hành, lưu trữ công văn của triều đại, gìn giữ nguồn tư liệu cho các thời kỳ sau. Hơn nữa cuộc cải cách này đã làm cho Nội Các và Lục Bộ đã tạo điều kiện thuận lợi để nhà vua thu tóm quyền lực, củng cố chế độ trung ương tập quyền có tác dụng thúc đẩy bộ máy chính trị hoạt động tốt hơn, có hiệu quả hơn. Tuy còn những hạn chế về thời đại, nhưng cuộc cải cách của vua Minh Mạng đã đóng góp cho sự phát triển của đất nước ta thời kỳ bấy giờ. ■

## SỰ ĐỒNG CẢM TRONG SÁNG TẠO CỦA MỘT CẶP ĐÔI HỌA SĨ Ở HUẾ

■ PHAN THANH BÌNH - YTOSHA

Mỹ thuật ở Huế những năm đầu thế kỷ 21 đến nay có những dấu ấn mới mẻ và sự biến đổi đa chiều, nhiều mặt của thời kỳ hậu đổi mới đầy biến động, chúng đã tác động và làm thay đổi diện mạo của đời sống mỹ thuật và in dấu trong sáng tạo của nhiều họa sĩ, đặc biệt nhận rõ là ở sáng tác của những họa sĩ trẻ ở Huế mà với hai họa sĩ Nguyễn Đức Huy (Trường Đại học Sư phạm Huế) và Đặng Thu An (Trường Đại học Nghệ thuật Huế) là những người mang đậm sắc thái như vậy. Những sáng tác của Đức Huy-Thu An làm người xem thấy ngay là cần có những cách tiếp cận mới trong việc “hiểu” về sáng tác của những họa sĩ trẻ nói chung và chính họ nói riêng. Từ những xu hướng sáng tạo cởi mở, mới mẻ hơn và cách mà chính họa sĩ “khơi gợi” người xem hiểu mình không chỉ qua bình diện sáng tạo đa phong cách, bút pháp, tư tưởng... mà ở chiều sâu nội tâm và sự biểu đạt rất cá tính trong đó.

Như nhiều họa sĩ khác ở Huế, Đức Huy-Thu An đã tiếp nhận nghệ thuật đương đại khá sớm và không ngần ngại tìm kiếm, đi đầu cho cuộc chinh phục đầy gian nan trước công chúng khá khó tính, nặng về hoài cổ ở Cố đô về các giá trị mới của nghệ thuật Hậu hiện đại. Giữa những phong cách, bút pháp sáng tác hiện đại mênh mông, phong phú của mỹ thuật Việt đương đại, người xem vẫn nhận ra Đức Huy-Thu An một cách không quá khó thì đó đã là một thành công đáng nói của họ. Trước những bức tranh của Thu An - Đức Huy, người xem cảm giác như đang đứng trong không gian hùng hực chất sống về cõi sâu lắng bên trong góc nhìn không cần quá bí ẩn, họ gửi đến cho công chúng thông điệp rằng cái đẹp và ngay cả bi kịch của chính cái đẹp nếu có cùng những giá trị tinh thần của nó luôn tồn tại, hiện hữu trong mọi ngõ ngách của cuộc sống và trong chiều sâu nội thức của mỗi người. Qua các tác phẩm của mình với nhiều không gian ảo thực hay bán trừu tượng cho thấy Đức Huy-Thu An không chỉ tự rèn luyện cho mình bản lĩnh nghề nghiệp vững chắc, mà còn học hỏi được những cách ứng xử nghệ thuật đầy tự trọng trong môi trường nghệ thuật hiện nay. Họ tự điều chỉnh chính mình, có những quan hệ xã hội, giao lưu nghệ thuật lành mạnh và bồi bổ cho mình những giá trị thẩm mỹ - văn hóa tích cực rất cần thiết một cách cần trọng và thực sự có hiệu quả.

Với Đức Huy, là những gam màu bông bênh trôi lơ lửng và những vệt màu nhuộm tinh nhã cứ ào ạt tuôn chảy, những điều đó không làm mất đi cảm xúc đã được nuôi dưỡng mà ngược lại làm cho chúng như bám chặt hơn vào ký ức với bao khắc khoải không nguôi. Những lớp màu sắp xếp đầy chủ ý và được kết nối trên những lớp không gian ẩn hiện đã làm cho tranh của Đức Huy có những nét gần với các họa sĩ hiện đại qua hình hài của những vật thể mang đậm tính triết lý phương Đông, những con cá đa sắc, những bức tượng Phật, những sợi tơ màu như cái mạng nhện bí ẩn trong chuyện cổ Ba Tư... Trong đó có cả những tương phản mạnh mẽ nhưng không đối chọi mà làm cho người xem liên tưởng xa xăm, sâu lắng hơn trước bao sự bình

dị của cuộc sống. Đức Huy tỏ ra rất làm chủ chất liệu dù đó là sơn mài hay acrylic thì anh vẫn rất tập trung và tinh tế ở kỹ thuật, kỹ xảo tạo hình mà không lạm dụng nó trong biểu đạt nghệ thuật. Tuy vậy, anh cũng không dấu rằng nếu thiếu đi những kỹ năng kỹ thuật và cả những kỹ xảo tạo hình độc đáo thì không chắc tác phẩm sẽ đạt được điều mà người họa sĩ mong muốn.

Với Thu An không hẳn những ám ảnh đủ sức soi xoáy sâu vào suy tưởng nhưng có lẽ đó là cách hay nhất mà cô lựa chọn để diễn trình ở mỗi bức tranh như một sáng tạo tự tại, đầy nỗi niềm và nghĩ suy, trăn trở day dứt. Nhưng chính ở trong mỗi tác phẩm của mình, Thu An cũng phớt lờ những kiểu hiện thực chỉ để cho có nhưng chẳng đạt được gì khi không tìm ra lối mở của hiện đại? Thu An tìm về phía hiện thực ảo trong những dáng hình phụ nữ tha thướt, góc bố cục lạ, những thế dáng “độc” nhưng không èo uột, kêu gọi kiểu sexy, những khuôn mặt mà động dung làm ta phải chú ý, nghĩ suy và tư lự. Thu An có lần tự thối rằng: “Bản thân là một nữ họa sĩ, tôi không chỉ vẽ lại “sắc” mà còn mong muốn biểu tả về chiều sâu của cái “duyên”... Tôi thích khai thác vẻ đẹp trong từng tính cách của người phụ nữ mà mình đã nắm bắt trong từng câu chuyện đâu đó ngoài đời thực, nhìn thấy vẻ đẹp của họ trong từng cung bậc cảm xúc hỷ, nộ, ái, ô... bởi họ biết che giấu, trong cái lúng liếng, cái đanh đá, cái mời gọi, cái hờn dỗi... rất... rất “men đàn bà” với tất cả sự khát khao, say đắm, nồng nàn, lay động. Dầu thế nào họ vẫn làm cho cả thế giới phải yêu cuồng si và có cả ngàn lý do để yêu họ mà với lý do nào, nguyên do nào cũng đều rất chân thành và rõ ràng. (Từ sách của Khoa Sư phạm Mỹ thuật, ĐH Nghệ thuật Huế).

Sự kết hợp tính lãng mạn trữ tình hiện đại của Thu An với nét bông bình êm ả của Đức Huy tạo cho những sáng tác của “cặp đôi” thực ngoài đời này thêm chất lý tưởng và sự gắn kết thẩm mỹ đặc sắc. Đó là điều không phải cứ muốn là có được mà nó chỉ có thể hình thành và khởi phát từ sự đồng cảm, chia sẻ và gắn kết nghề rất chuyên nghiệp và lâu năm của họ. Trong sáng tạo nghệ thuật, đôi khi sự hòa hợp giữa những nghệ sĩ lại là một giá trị vì nếu thiếu chúng sẽ dường như thiếu tất cả. Cảm nhận điều này sẽ rõ hơn khi ta nhìn ngắm bộ tranh *Hương Thời gian*, với sắc màu sơn dầu được Thu An chọn đưa vào tranh những hình ảnh trang trí chim phụng cung đình Huế, hoa văn hoa lá dây thời Nguyễn một cách đầy ý tứ và có tính đến một cách tinh tế về hiệu quả thẩm mỹ. Tạo nên một cảm giác thiếu nữ và hoa, với hoa sen, hoa hồng, hoa lá, con bướm tưởng như vu vơ nhưng đó là nét duyên tình về phụ nữ mà Thu An muốn nói đến. Có lẽ, với hướng sáng tác hiện nay, chất cung đình Huế xưa sẽ nhiều hơn trong tranh của Thu An trong thời gian tới khi chị tỏ ra rất thích với những hoa văn phục trang cung đình thời Nguyễn và đưa nó vào tranh của mình.

Nghệ thuật là vậy, sự sáng tạo không bao giờ có mẫu số chung cho tất cả nhưng lại có những giá trị mẫu mực cho những ai luôn say mê khát khao sáng tạo, tìm kiếm cái mới và những giá trị chân chính. Cũng như nhiều họa sĩ trẻ hiện nay, Đức Huy-Thu An vẫn luôn tìm kiếm khám phá không ngừng. Xem tranh của Thu An- Đức Huy bắt giác ta nhớ lại lời của Lỗ Tấn, nhà văn danh tiếng Trung Quốc: “Lộ tại cực hạ” (đường dưới chân mình, đi mãi thành đường). Phía trước của Đức Huy-Thu An còn dài và xa gần mờ ảo khó lường, nhưng quan trọng là họ đã tạo ra được dấu ấn riêng của mình trên con đường sáng tạo đó. ■



*Họa sĩ Đặng Thu An*



*Tác phẩm Tuổi thần tiên  
của họa sĩ Đặng Thu An*



*Tác phẩm Dáng xưa 5  
của họa sĩ Nguyễn Đức Huy*



*Họa sĩ Nguyễn Đức Huy*



# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ ĐỂ HỒI HƯƠNG CỔ VẬT

■ PHAN THANH HẢI, NGUYỄN HÒA

Cổ vật bị cướp bóc hay thất lạc là câu chuyện chung của nhiều quốc gia, đặc biệt là trong thời Cận đại, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây bành trướng ra khắp thế giới. Đội quân xâm lược của các nước châu Âu không chỉ tàn phá nhiều nền văn minh ở các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương mà còn cướp bóc vô số các cổ vật quý giá của các quốc gia, dân tộc bị xâm lược và nô dịch. Nhưng trong khoảng vài chục năm trở lại đây, một số nước đã khá thành công trong việc hồi hương các cổ vật vốn được xem là báu vật hay biểu tượng về văn hóa, lịch sử của họ. Những kinh nghiệm phong phú của các quốc gia này là những bài học kinh nghiệm rất quý cho Việt Nam...

## *Bài học từ Trung Quốc*

Trong khoảng 20 năm trở lại đây, Trung Quốc là một trong những quốc gia thành công nhất trong việc hồi hương các báu vật, cổ vật từ nước ngoài nhờ sự vào cuộc quyết liệt của chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của lực lượng Hoa kiều, và đặc biệt là nhờ có những chính sách linh hoạt, phù hợp.

Theo Học viện Di tích Văn hóa Trung Quốc, tính từ mốc chiến tranh Nha phiến 1840 đến nay, có khoảng 10 triệu cổ vật Trung Quốc đã bị cướp bóc, bị chuyển ra nước ngoài bằng nhiều con đường khác nhau. Đây là một kho tàng di sản khổng lồ vốn có của quốc gia đông dân nhất trên thế giới mà nhất thiết họ phải từng bước đòi lại bằng được. Chính phủ Trung Quốc đã xem việc hồi hương các cổ vật là một trong những vấn đề cần được ưu tiên hàng đầu, từ đó họ có sự đầu tư xứng đáng để nghiên cứu, ban hành những chính sách phù hợp. Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an... là những bộ ngành quan trọng nhất đóng vai trò tham mưu, xây dựng các chính sách về vấn đề này. Tựu trung, các chính sách của Trung Quốc thể hiện nổi bật ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất là tăng cường tham gia các điều ước, công ước quốc tế về vấn đề hồi hương, trao trả cổ vật, hạn chế ngăn chặn tình trạng buôn bán trái phép, đánh cắp cổ vật, tìm cách đưa thành viên tham gia trực tiếp vào các tổ chức quốc tế liên quan. Tác dụng và hiệu quả của chính sách này thể hiện rất rõ. Chỉ sau một thời gian ngắn, Trung Quốc đã có chân, thậm chí đã trở thành “những thế lực quan trọng” trong nhiều tổ chức quốc tế, nhất là Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO và một số tổ chức thuộc Liên Hiệp quốc. Họ đã có tiếng nói mạnh mẽ trong các diễn đàn này, từ đó tham gia bổ sung, điều chỉnh các công ước, điều ước quốc tế theo hướng có lợi cho việc hoàn trả các cổ vật bị cướp bóc hay bị đánh cắp trong quá khứ. Đó cũng là căn cứ pháp lý quan trọng để họ tiến hành đàm phán ngoại giao, thậm chí khởi kiện xuyên quốc gia để đòi lại cổ vật khi cần thiết.

Thứ hai là, Trung Quốc tích cực tham gia ký kết các hiệp định song phương về bảo vệ và trao trả các di sản văn hóa với các nước để mở đường cho việc hồi hương các cổ vật. Đến nay Trung Quốc đã ký kết 23 thỏa thuận song phương với các quốc gia ở châu Âu, Mỹ, Úc, là những quốc gia hiện đang nắm giữ nhiều nhất các cổ vật có nguồn gốc Trung Quốc để tạo hành lang pháp lý cho việc hồi hương các cổ vật và di sản văn hóa của họ.

Thứ ba là, tích cực vận động Hoa kiều ở các nước chung tay tìm kiếm, phát hiện, cung cấp danh sách các cổ vật Trung Quốc đang ở nước ngoài, vận động Hoa kiều tham gia quyên góp, đấu giá, hiến tặng cổ vật cho đất nước. Hoa kiều là một lực lượng hùng hậu và có nguồn lực rất lớn và dường như có mặt ở khắp thế giới. Trong nhiều năm qua, họ đã có những đóng góp rất tích cực cho công tác hồi hương cổ vật.

Nói tóm lại, kinh nghiệm của Trung Quốc là sự vận dụng các chính sách và phương pháp tổng hợp bao gồm hợp tác quốc tế, thực thi song phương, đàm phán ngoại giao, khởi kiện xuyên quốc gia, vận động quyên góp và mua lại qua thương lượng hoặc đấu giá.

Thành công của Trung Quốc thì có nhiều, nhưng tiêu biểu là sự kiện năm 2013, tỷ phú người Pháp Pinault đã trả lại 7 chiếc mặt nạ linh thú bằng đồng (trong số 12 mặt nạ của 12 con giáp ở Viên Minh Viên, Bắc Kinh) có trị giá tới 126 triệu USD vốn bị liên quân Anh- Pháp cướp đi trong cuộc tấn công năm 1860. Hay sự kiện năm 2019, một nhà sưu tầm người Mỹ đã phải trả lại cho Trung Quốc 361 hiện vật, nhóm hiện vật rất có giá trị sau khi FBI phát hiện đây là các cổ vật bị đánh cắp. Một ví dụ khác là tỷ phú Hồng Kông Hà Hồng Sâm đã nhiều lần tặng lại các cổ vật quý cho nhà nước Trung Quốc, trong đó có hai chiếc mặt nạ thỏ và chuột của Viên Minh Viên, trị giá hàng chục triệu USD...

### ***Bài học từ Ai Cập***

Ai Cập là một trong những quốc gia có lượng cổ vật quý giá bị cướp đoạt nhiều nhất trong quá khứ, nhưng gần đây chính phủ Ai Cập đã tỏ rõ nỗ lực hồi hương các cổ vật của đất nước mình. Chính phủ Ai Cập đã phát động một chiến dịch toàn cầu chủ yếu là thông qua con đường đàm phán ngoại giao để đòi lại các cổ vật, và họ đã đạt được nhiều thành công rất đáng kể. Tháng 2/2021, chính phủ Mỹ đã trả lại khoảng 5.000 cổ vật cho Ai Cập, và đây là kết quả của những nỗ lực đàm phán từ năm 2016. Cuối năm 2021, Ai Cập lại thông báo họ thu hồi được 36 cổ vật từ Tây Ban Nha, đây là các cổ vật bị đánh cắp và buôn lậu từ Ai Cập qua quốc gia châu Âu này. Bên cạnh việc đàm phán ngoại giao với các quốc gia, Ai Cập cũng quyết liệt kiểm soát nạn buôn lậu cổ vật từ trong nước. Họ thành lập cơ quan theo dõi các trang giao dịch trực tuyến và các sàn đấu giá cổ vật của phương Tây để nắm được tình trạng các cổ vật đã và đang bị buôn bán hay đấu giá, từ đó đưa ra các giải pháp để ngăn chặn hay thu hồi những cổ vật này. Họ cũng tích cực làm việc với các nhà đấu giá, các sàn giao dịch cổ vật và các nhóm nghiên cứu, đấu tranh cho văn hóa để nắm thông tin và tìm cách kiểm soát việc buôn bán cổ vật có nguồn gốc từ đất nước mình. Cách đây khoảng 10 năm, Ai Cập đã hồi hương được 83 cổ vật thông qua việc kiểm soát này, đồng thời ngăn chặn được bán 390 cổ vật Ai Cập trên khắp thế giới, mở đường cho việc hồi hương các cổ vật này.

### ***Bài học từ Ấn Độ***

Tháng 4/2022, chính phủ Australia trao trả cho Ấn Độ 29 cổ vật. Trước đó, từ tháng 9/2021, Thủ tướng Modi đã thuyết phục thành công chính phủ Mỹ trả lại cho Ấn Độ 157 cổ vật khi Ông viếng thăm quốc gia này. Ấn Độ đã xem ngoại giao cổ vật là một trong những chính sách ngoại giao văn hóa-chính trị quan trọng đối với các nước phương Tây. Và Thủ tướng Modi đã thành công không chỉ một lần với chính phủ Mỹ, mà Ông đã thuyết phục thành công chính phủ các nước Đức, Canada, Singapore... trả lại cổ vật cho Ấn Độ. Sau khi lên nắm quyền năm 2014, ông Modi đã có công trực tiếp thuyết phục thành công và hồi hương hàng chục cổ vật sau những chuyến công du

ngoại giao. Để hỗ trợ cho việc này, Modi đã cho thành lập một cơ quan đặc biệt (STF) tập hợp một số quan chức ngoại giao và văn hóa có năng lực để thường xuyên liên lạc với chính phủ của các quốc gia nhằm xác minh rõ các cổ vật Ấn Độ đang được lưu giữ tại các quốc gia này. Chính phủ Ấn Độ còn tích cực ký kết biên bản ghi nhớ với một số nước về vấn đề trao đổi, hồi hương cổ vật. Một số cơ quan chuyên môn về khảo cổ học, bảo tàng, cơ quan điều tra cũng phải tham gia vào hoạt động này. Bên cạnh đó, chính phủ còn phát động các dự án như “Tự hào Ấn Độ”, “Khôi phục niềm kiêu hãnh Ấn Độ” để huy động các tình nguyện viên và Ấn kiều trên toàn cầu tham gia.

Bên cạnh các quốc gia tiêu biểu, nổi bật trong công cuộc hồi hương cổ vật như Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ nói trên, hiện nay các quốc gia ở châu Phi, Nam Mỹ, Đông Nam Á... cũng rất quan tâm đến vấn đề này. Các nước châu Phi và Nam Mỹ thì chủ yếu thông qua con đường ngoại giao để đòi lại các báu vật mà họ đã từng bị tước đoạt. Một số nước như Nigeria, Benin, Peru đã đạt được những thành công nhất định khi một số quốc gia châu Âu như Đức, Pháp, Bỉ và cả Hoa Kỳ đã đồng ý trao trả lại cho họ một số cổ vật quý vốn bị cướp đoạt trong quá khứ.

\*

Từ những kinh nghiệm quý giá của các quốc gia trong công tác hồi hương cổ vật, Việt Nam cần đầu tư nghiên cứu để rút ra bài học bổ ích cho mình. Điều quan trọng nhất hiện nay là phải nhanh chóng xây dựng được một chiến lược quốc gia về hồi hương cổ vật và các di sản văn hóa. Từ đó chủ động xây dựng và ban hành những chính sách linh hoạt, phù hợp và có sách lược vận dụng khéo léo trong từng trường hợp cụ thể.

Người Việt Nam luôn tự hào là một dân tộc thông minh. Ít ra, họ phải chứng minh được điều đó trong việc “lấy lại những gì mình đã mất”, mà chuyện hồi hương cổ vật có thể xem là một thí dụ điển hình. ■

## HẠ TRẮNG

*Đường về*

*Nhẹ bước đường trần nhẹ bước duyên  
Quanh cơ lối vắng gót chân thiên  
Vườn mây hoa lá thơm hương cỏ  
Vẳng tiếng chim trời lộng cánh tiên*

*Được mát buồn vui mộng có đâu  
Duyên kia niệm khởi buổi ban đầu  
Trăng thanh rợp đóa hoa sen nở  
Một sớm đường về đẹp giọt châu*

# PHÁT HUY DI SẢN NÓN LÁ VÀ ÁO DÀI HUẾ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA

■ PHAN THANH HẢI - TRẦN VĂN DŨNG

Nón lá và áo dài được nhiều người biết đến như một hình ảnh biểu tượng của văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa Huế nói riêng. Đó không chỉ là những sản phẩm thủ công truyền thống mang đậm bản sắc Huế mà còn chuyển tải và phản ánh sống động dòng chảy văn hóa lịch sử lâu đời của vùng đất đế đô. Di sản nón lá và áo dài Huế đã được ghi dấu ấn một cách sâu đậm trong thơ ca, hội họa, âm nhạc và cả trong nếp sống sinh hoạt hằng ngày của người dân, trở thành biểu trưng cho vẻ đẹp, sự dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng của người con gái xứ Huế với nét đặc trưng riêng có. Vì vậy, việc gìn giữ, tôn vinh, khai thác, phát huy giá trị di sản nón lá và áo dài Huế trong chiến lược phát triển văn hóa, đặc biệt là phát triển các ngành công nghiệp văn hóa cần được quan tâm và chú trọng trong bối cảnh hiện nay. Đó cũng là những hành động cụ thể, thiết thực để góp phần triển khai thành công các nội dung của Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

## 1. Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển di sản nón lá và áo dài Huế

Hình ảnh nón lá đã được nhắc đến trong cuốn *Đại Việt sử ký toàn thư* khi mô tả về Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư đội nón lá đến gặp nhà vua vào năm 1283. Sử liệu này còn đề cập đến nón Ma Lôi, tên nón được lấy từ tên một địa phương chuyên đan cật tre làm nón<sup>1</sup>. Điều này cho phép chúng ta bước đầu nhận định rằng nón lá đã xuất hiện muộn nhất là từ thời nhà Trần, khoảng thế kỷ XIII và thời kỳ này đã có làng nghề chuyên làm nón lá. Hiện nay có nhiều ngôi làng chuyên làm nón lá truyền thống nổi tiếng được nhiều người biết đến ở khắp 3 miền đất nước như làng Chuông (Thanh Oai, Hà Nội), làng Dạ Lê (Hương Thủy), Phủ Cam, Đốc Sơ (Huế), làng Phú Gia (Bình Định), làng La Hà (Quảng Bình)... Mỗi làng nghề đều có cách chọn nguyên liệu và kỹ thuật làm nón khác nhau. Nếu nón Phú Gia (Bình Định) làm bằng lá cọ và cây giang, nổi tiếng với những đường thêu long lân quy phụng, có bịt bạc thì nón lá Huế được làm bằng lá cây bồ quy điệp và tre, nổi tiếng với những hình ảnh danh lam thắng cảnh được ép giữa hai lớp lá. Khác với vẻ đẹp cầu kỳ của hai loại nón này, nón lá La Hà (Quảng Bình) đẹp mộc mạc, thanh mảnh với nguyên liệu lá nón và tre.

Nón lá Huế đã trải qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, có sự biến đổi dưới nhiều hình thức để tồn tại và thích nghi với đời sống. Từ chiếc nón được kết hình tròn ở miền Bắc xưa đến nón tròn dẹt, nón thúng quai thao và nón chóp (nón Huế). Nón dạng hình chóp vành rộng, tròn, giữa lòng có đính một vòng nhỏ đan bằng tre vừa đủ ôm khít đầu

<sup>1</sup> Ngô Sĩ Liên (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (dịch), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

người đội, có dây đeo làm bằng vải để giữ trên cổ. Đây là loại nón hiện được sử dụng phổ biến bởi mặt tạo khối vững vàng, vừa nâng cao được hiệu quả thẩm mỹ, vừa có chiều sâu để phục vụ được việc che mưa, che nắng nhiều hơn và trở thành một món đồ không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân xứ Huế từ bao đời nay. Ngoài ra còn có những chiếc nón ngựa bịt bạc, bịt đồng được dùng cho giới quý tộc, quan lại triều Nguyễn khi cưỡi ngựa.

Nón lá không chỉ là vật dụng che nắng mưa mà hơn thế nó đã trở thành biểu tượng riêng gắn với nét dịu dàng của người con gái xứ Huế, trở thành món quà tặng đầy ý nghĩa dành cho du khách. Hình ảnh nón lá nhẹ nhàng đi vào thơ ca của vùng đất sông Hương núi Ngự:

*“Ai ra xứ Huế mộng mơ,  
Mua về chiếc nón bài thơ làm quà.”*

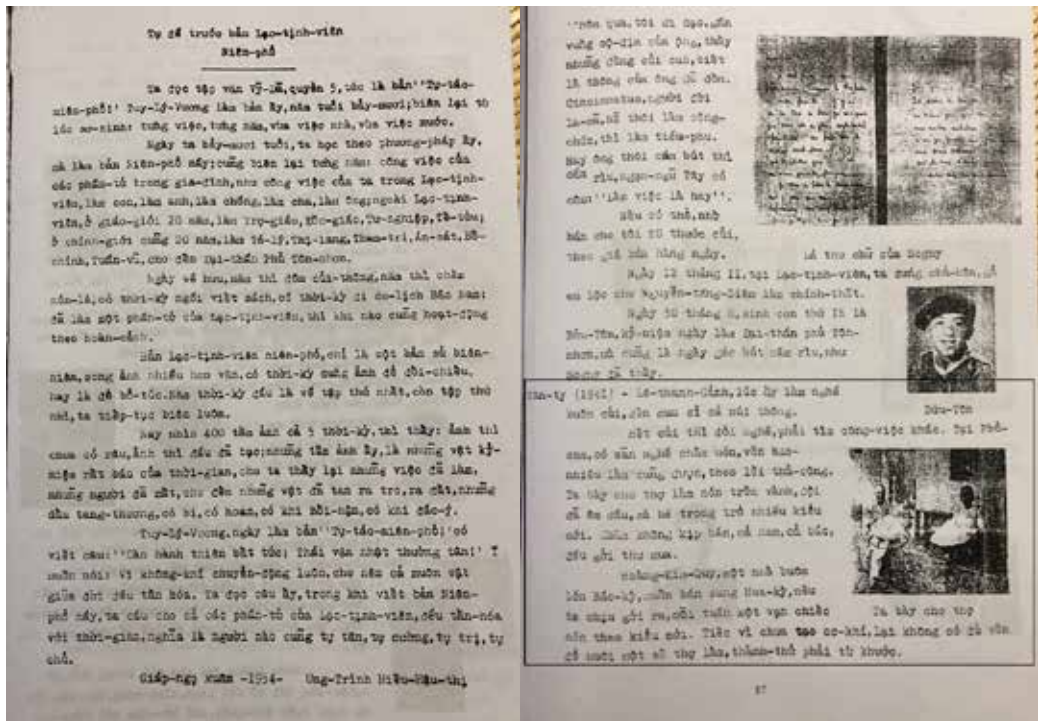
Trong quá trình nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển nghề nón lá Huế chúng tôi bước đầu nhận thấy Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Trình (1882-1974) là người có nhiều công lao đối với việc phát triển và kinh doanh ngành nón lá dưới thời Nguyễn. Chính cụ Ứng Trình là người đã tiến hành cải tiến chiếc nón lá Huế, tạo nên hình dáng nhẹ nhàng, duyên dáng như ngày nay. Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Trình, tự là Kính Đình, hiệu là Hiếu Hậu Thi, là con trai trưởng của Đông Các Đại học sĩ Hường [Hồng] Kháng, cháu nội ngài Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Năm 1902, Ông làm Trợ giáo Trường Quốc Học, rồi trải qua nhiều chức vụ quan trọng như: Tế tửu (Hiệu trưởng) Quốc Tử Giám, Bó chánh Hà Tĩnh, Án sát Quảng Trị, Bó chánh Quảng Nam, Phủ doãn Thừa Thiên (12/1929 - 12/1931), Bó chánh Thanh Hóa, Tham tri Bộ Hình, Tuần phủ Khánh Hòa (1935), Kiêm nhiếp Tôn Nhân Phủ đại thần (1/1935-2/1940). Năm 1939, Ông được thăng hàm Hiệp tá Đại học sĩ. Khi về hưu, cụ Ứng Trình sống tại Lạc Tịnh viên<sup>2</sup> nằm bên bờ sông Phủ Cam, một ngôi nhà vườn tuyệt đẹp, rộng 8 sào, do thân phụ của cụ là ngài Hường Kháng mua đất và tạo dựng.

Vào những năm 40 của thế kỷ XX, cụ Ứng Trình đã phát triển nghề làm nón truyền thống ở làng Phủ Cam trở nên phồn thịnh và kinh doanh phát đạt, giao lưu buôn bán nón lá ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Sách *Lạc Tịnh viên niên phổ di cao* do cụ Ứng Trình biên soạn cho biết:

Vào năm “Tân Tỵ (1941), tại Phủ Cam có sẵn nghề chằm nón, vốn bao nhiêu làm cũng được, theo lối thủ công. Ta [cụ Ứng Trình] bày cho thợ làm nón trổ vành, đội đã êm đầu, mà bề trong trở nhiều kiểu mới. Chằm không kịp bán, cả nam, cả bắc đều gởi thư mua. Hoàng Kim Quy, một nhà buôn lớn Bắc kỳ muốn bán sang Hoa Kỳ, nếu ta chịu gởi ra mỗi tuần một vạn chiếc nón theo kiểu mới. Tiếc vì chưa tạo cơ khí, lại không có đủ vốn để nuôi một số thợ làm, thành thử phải từ khước”<sup>3</sup>.

<sup>2</sup> Năm 1889, cụ Hường Kháng mua 8 sào đất hoang ở làng Dương Xuân bên bờ sông Phủ Cam để lập nên Lạc Tịnh viên. Hiện nay, Lạc Tịnh viên là một nhà vườn truyền thống tiêu biểu tại Cố đô Huế.

<sup>3</sup> Ứng Trình (1954), *Lạc Tịnh viên niên phổ di cao*, Đại học Y khoa Minh Đức phát hành, tr. 57.



Trích nội dung sách *Lạc Tĩnh viên niên phổ di cao* do Hiệp tá Ưng Trình biên soạn

Đến nay, nghề làm nón lá ở Huế tuy không thịnh vượng như xưa, nhưng vẫn còn đó những làng nghề làm nón lá truyền thống nổi tiếng như Phú Cam, Đốc Sơ, Dạ Lê, Vân Thê, Tây Hồ, Mỹ Lam... Những nghệ nhân tài hoa trong các làng nghề vẫn âm thầm truyền dạy nghề và gắn bó với nghề làm nón. Làm ra một chiếc nón lá phải trải qua nhiều công đoạn. Từ việc chọn khung, uốn vành, lợp lá, cắt hoa văn, đến chằm hoàn thiện chiếc nón và cuối cùng là đánh bóng bảo quản. Mỗi công đoạn đòi hỏi người thợ phải có sự chăm chỉ, cần mẫn và sự khéo léo của đôi bàn tay. Cho nên, nhân lực trong các làng nghề chủ yếu là phụ nữ, nam giới có chăng chỉ làm mô, vót vành. Vì thế, nghề chằm nón được coi là nghề dành riêng cho phụ nữ. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, các nghệ nhân làm nón lá Huế phải luôn cần mẫn, khéo léo, sáng tạo về mẫu mã và màu sắc. Những chiếc nón vốn đã đẹp, nay còn được gửi gắm lên những lời hay ý đẹp, những câu thơ trữ tình, những cảnh sắc thiên nhiên, danh lam thắng cảnh xứ Huế làm tăng thêm tính nghệ thuật cho nón lá Huế.

Hiện nay, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã công nhận 3 nghề và làng nghề nón lá truyền thống: Nghề nón lá Vân Thê, làng nghề nón lá Mỹ Lam và Thanh Tân. Các làng nghề truyền thống ở Huế cho ra thị trường hàng triệu chiếc nón, không chỉ đáp ứng nhu cầu của người dân, mà còn là món quà lưu niệm đặc sắc cho du khách trong và ngoài nước mỗi khi ghé thăm Cố đô Huế. Ngoài chiếc nón 3 lớp, nón bài thơ, nón lá kè, các nghệ nhân Huế đã cho ra đời thêm những sản phẩm mới lạ, tinh tế và đầy sự sáng tạo nghệ thuật như nón lá bàng, nón lá sen, nón trúc chỉ,...

Gắn liền với nón lá là chiếc áo dài Huế. Trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, áo dài

vẫn luôn được xem là trang phục truyền thống không thể thiếu của mỗi người dân xứ Huế từ xưa cho đến nay. Áo dài Huế có nguồn gốc từ chiếc áo dài ngũ thân, theo nhiều nhà nghiên cứu, đây là loại áo dài đã được cư dân Đàng Trong sáng tạo và bắt đầu sử dụng từ đầu thế kỷ XVII. Sử gia Phan Khoang chép rằng, Đào Duy Từ đã khuyên chúa Nguyễn Phúc Nguyên bỏ kiểu trang phục Đàng Ngoài là áo tứ thân để dùng áo ngũ thân, bỏ kiểu nón bằng để dùng nón hình chóp; tuy nhà Chúa chưa áp dụng nhưng kiểu áo ngũ thân và nón lá hình chóp vẫn phát triển nhanh và càng ngày càng phổ biến ở Đàng Trong.

Một trong những dấu mốc quan trọng của văn hóa trang phục áo dài Huế phải đề cập đến, là vào năm 1744, sau khi lên ngôi vương và quy hoạch, xây dựng lại Đô thành Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã ban hành nhiều chính sách và tiến hành sửa đổi, chuẩn hóa triều phục đồng thời định chế cả thường phục cho cư dân toàn xứ Đàng Trong. Sách Đại Nam thực lục do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn ghi nhận lại sự kiện này: “Chúa cho rằng lời sấm có nói:

*“Tám đời trở lại trung đô”, bèn đổi y phục, thay phong tục, cùng dân đổi mới; châm chước chế độ các đời, định triều phục văn võ (văn từ chức Quản bộ đến Chiêm hậu, Huấn đạo; võ từ Chương dinh đến Cai đội, mũ sức vàng bạc, áo dùng măng bào hoặc gấm đoạn, theo cấp bậc). Thế là văn vật một phen đổi mới”<sup>4</sup>.*

Như vậy, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đã cho sửa đổi y phục ở Đàng Trong để tạo nên bản sắc riêng cho xứ sở, ngoài Lễ phục dành cho triều đình và quan lại các cấp, thì chúa còn chú ý định chế cả thường phục để dành cho mọi tầng lớp nhân dân, không kể sang hèn. Chúa đã chọn chiếc áo ngũ thân mà dân gian gọi là kiểu “quần chân áo chít” rất độc đáo và mang đậm bản sắc Huế. Từ đó, chiếc áo dài ngũ thân trên đất Huế được chú trọng, trân quý và trở thành trang phục chính thức của cả hai giới ở vùng đất Đàng Trong.

Sang triều Nguyễn (1802-1945), triều đình muốn thống nhất y phục hai miền khởi đầu từ sự quan tâm của vua Gia Long (nối tiếp việc sửa đổi của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát), nhưng ngại sự tốn kém khó khăn của dân chúng còn nghèo, không buộc phải gấp rút tuân hành. Vào triều vua Minh Mạng (1820-1841), nhà vua theo lời tâu xin của sĩ phu Bắc Hà, từ năm 1827, ban lệnh từ sông Gianh trở ra Bắc kể từ mùa xuân sang năm phải đồng loạt thay đổi y phục theo như kiểu thức của dân chúng từ sông Gianh trở về Nam.

Đại Nam thực lục chép, năm Minh Mạng thứ 8 (1827), nhà vua xuống dụ:

*“Nhà nước ta cõi đất hợp một, chính trị, phong tục há nên có khác? Tháng trước các trấn thần lần lượt xin đổi áo mặc cho sĩ dân, đã từng theo như lời xin. Nay các hạt ở Bắc thành cũng nên kịp thời sửa đổi lại để cho được đồng nhất. Nhưng thay đổi phong tục, là việc mới bắt đầu làm, mà dân gian nghèo giàu không đều, về sự nhu cầu mặc, tất nên rộng hạn cho ngày tháng. Vậy thiết tha xuống dụ này: Các người đại thần nên sức khắp cho sĩ dân trong hạt: Phạm cách thức áo mặc đổi theo cách thức Quảng Bình trở vào Nam, chuẩn cho đến cuối mùa xuân năm Minh Mạng thứ 10, nhất tề sửa đổi*

<sup>4</sup> Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), Đại Nam thực lục tiền biên, Tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, tr. 153.

lại, để nêu ý nghĩa “vâng theo phép vua”<sup>5</sup>.

Sau khi dụ của vua Minh Mạng được tuyên cáo toàn dân, khiến dân tình miền Bắc xôn xao, phản ứng bằng 4 câu ca:

“Tháng Tám có chiếu vua ra  
Cắm quần không đậy người ta hãi hùng  
Không đi thì chợ không đông  
Đi thì phải lột quần chồng sao đang?”

Nhưng chính hành động quyết liệt của vua Minh Mạng đã tạo cơ hội cho không chỉ đàn ông mà toàn bộ phụ nữ Việt Nam nói chung được mặc áo dài thường xuyên, từ đó đi vào nền nếp trong đời sống hàng ngày. Cũng từ đây, chiếc áo dài ngũ thân, cổ đứng chít 5 khuy bên phải kèm với cái quần hai ống được chính thức công nhận là quốc phục của nước Việt Nam, phổ biến từ trong cung đình ra đến dân gian. Áo dài ngũ thân lan tỏa ra khắp cả nước để trở thành “Quốc phục” của người Việt Nam.



*Cụ Hoàng Khẳng cùng các con mặc áo dài ngũ thân tại Lạc Tịnh viên*

Như vậy, chiếc áo dài xứ Huế đã đi qua một chặng đường dài hình thành và phát triển với nhiều thăng trầm lịch sử. Áo dài Huế ra đời từ chính tâm hồn và nét thẩm mỹ của người Huế, mang trên đó những nét duyên dáng riêng có của mảnh đất Thần kinh. Có lẽ cũng kể từ đó, phụ nữ Huế luôn coi áo dài như một trang phục thường ngày chứ không chỉ dùng trong những dịp lễ, tết hay sự kiện đặc biệt nào đó và tùy theo điều kiện kinh tế mà ai cũng có vài bộ áo dài dành cho riêng mình. Còn với nam giới thì chiếc áo dài ngũ thân là trang phục thường xuyên không chỉ trong các nghi thức lễ lạc quan trọng mà còn trong cả đời sống thường nhật. Tuy nhiên, áo dài Huế cũng trải qua một giai đoạn không được coi trọng, thậm chí, chiếc áo dài ngũ thân nam giới đã gần như mất hẳn sau khi người Pháp vào Đông Dương mang theo quần Âu, áo sơ mi, comple và những biến cố trong chiến tranh, kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn, chỉ còn lại

<sup>5</sup> Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 6 (Quyển 69 - Quyển 95), bản dịch Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.216 - 217.



những chiếc áo thụng, áo tấc xuất hiện trong các nghi lễ tế tự, cúng giỗ của các đình làng, nhà thờ họ, gia đình..., vì vậy rất nhiều người không biết áo dài ngũ thân nam truyền thống là gì.

Sau Đổi Mới, thành phố Huế cũng là nơi đầu tiên khôi phục và đưa áo dài nữ vào học đường, công sở, để từ đó lan tỏa ra toàn quốc. Và từ năm 2020, Huế lại một lần nữa đóng vai trò tiên phong trong việc phục hồi và đưa áo dài nam vào công sở, tạo ra hiệu ứng truyền thông mạnh mẽ, ngày càng lan tỏa tích cực trong đời sống cộng đồng xã hội.

## **2. Mối quan hệ giữa di sản nón lá và áo dài Huế trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa**

Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Chính phủ ban hành năm 2016 nêu rõ quan điểm:

*“Các ngành công nghiệp văn hóa là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút tối đa nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên sự sáng tạo, khoa học công nghệ và bản quyền trí tuệ, khai thác tối đa yếu tố kinh tế của các giá trị văn hóa”<sup>6</sup>.*

Như vậy, Chiến lược này đã nhấn mạnh đến tính sáng tạo và khai thác yếu tố kinh tế của các giá trị di sản văn hóa truyền thống cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Thừa Thiên Huế luôn xác định vấn đề gìn giữ, bảo tồn di sản văn hóa truyền thống phải luôn song hành cùng với sự phát triển văn hóa, du lịch bền vững. Nón lá và áo dài là hai di sản độc đáo có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau trong việc xây dựng, phát huy bản sắc văn hóa Huế theo hướng phát triển công nghiệp văn hóa, và có thể tạo ra những giá trị rất lớn, trên nhiều phương diện. Một trong những mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 33-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng là: “Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam”. Cả nón lá và áo dài đều đáp ứng rất tốt cho mục tiêu này.

Hiện nay, Huế cũng đang nỗ lực triển khai Nghị quyết số 54-NQ/TW, ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về “xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường”. Các ngành công nghiệp văn hóa trong đó ẩm thực, điện ảnh, thiết kế, thời trang, thủ công mỹ nghệ truyền thống, du lịch văn hóa là những ngành trọng tâm. Nón lá và áo dài là sự kết hợp tổng hợp của các lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, thiết kế, thời trang, lại là sản phẩm phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp phát triển du lịch, dịch vụ nên cần được đặc biệt xem trọng.

Như chúng ta đã biết, di sản nón lá và áo dài Huế đã được nghiên cứu, khai thác để phát huy giá trị từ khá sớm. Trải qua hơn 20 năm, Thừa Thiên Huế đã tổ chức thành công 11 kỳ Festival văn hóa quốc tế và 8 kỳ Festival Nghề truyền thống Huế, Lễ hội áo dài với hình ảnh người phụ nữ mặc áo dài, đầu đội nón lá được xem là một trong nội

<sup>6</sup> Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8-9-2016 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

dung quan trọng, là chương trình “đỉnh” của các kỳ Festival. Có thể nói, nón lá và áo dài đã góp phần xây dựng nên thương hiệu Festival Huế - Festival văn hóa hàng đầu của Việt Nam hiện nay. Nón lá và áo dài cũng góp phần quảng bá rất lớn cho ngành du lịch của Huế, tạo nên sức hút mạnh mẽ của vùng đất Cố đô. Đồng thời, hình ảnh chiếc nón lá và áo dài luôn gắn bó với các hoạt động xúc tiến du lịch cả ở trong và ngoài nước, và ở góc độ nào đó có thể nói, nón lá và áo dài đã trở thành thương hiệu nổi tiếng, góp phần quảng bá không nhỏ cho ngành du lịch Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trong bài phát biểu bế mạc SEAGAMES lần thứ 31 vừa qua đã nhấn mạnh: “Việt Nam là đất nước của **Hồn sen, Nón lá và Áo dài**”.

Khẳng định của Thủ tướng càng tiếp thêm cho chúng ta động lực để từng bước xây dựng và khẳng định hình ảnh, thương hiệu nón lá và áo dài Huế, đưa nón lá và áo dài trở thành sản phẩm văn hóa du lịch đặc sắc, thành một lợi thế đặc biệt cho sự phát triển của Cố đô Huế.

Bản thân áo dài Huế đã là một thương hiệu nổi tiếng, một sản phẩm du lịch dịch vụ rất được ưa thích. Đặc biệt, ngày 29/03/2023, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Huế - Kinh đô Áo dài”, với 3 mục tiêu chung: Khẳng định giá trị, vị trí của Áo dài Huế trong dòng chảy văn hóa vùng đất Cố đô Huế và văn hóa Việt Nam. Tôn vinh nét đẹp văn hóa của Áo dài Huế, tôn vinh những người khai sáng và phát triển Áo dài Huế trong lịch sử hình thành và phát triển. Khai thác, phát huy vị thế Áo dài Huế trong phát triển du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch dịch vụ gắn với Áo dài Huế, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây chính là cơ sở pháp lý để Sở Văn hóa và Thể thao triển khai đồng bộ và đẩy mạnh công cuộc phục hưng áo dài truyền thống tại Cố đô Huế.

Như vậy, nón lá sẽ song hành cùng áo dài và có thể dựa vào áo dài để quảng bá và phát huy giá trị một cách bền vững. Đây chắc chắn là một cách làm hay, mang lại hiệu quả kinh tế du lịch rất cao. Và như vậy, nón lá và áo dài Huế không chỉ là hình ảnh, là bản sắc văn hóa Huế mà còn là một sản phẩm du lịch dịch vụ đặc trưng, là yếu tố góp phần quan trọng để Huế trở nên giàu có, sang trọng bằng chính sở trường, thế mạnh của mình.

### **3. Giải pháp phát huy giá trị di sản nón lá và áo dài Huế phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa**

Xác định mục tiêu của việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản nón lá và áo dài Huế là phải đặt trong thời kỳ hội nhập kinh tế, cụ thể là phục vụ chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa; có nghĩa là vừa gìn giữ, bảo tồn di sản nón lá và áo dài theo hướng phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, nhưng đồng thời vừa bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống. Trên cơ sở đó, định hướng bảo tồn và phát huy di sản nón lá và áo dài mới phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW, ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Để thực hiện định hướng phát triển này, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất cần xác định quan điểm phát triển công nghiệp văn hóa theo hướng hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế bền vững. Xây dựng và phát triển công nghiệp văn hóa thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và các công nghệ mới. Đồng thời kiện toàn khung thể chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời những rào cản, vướng mắc, khó khăn, phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực cho công nghiệp văn hóa phát triển theo hướng đáp ứng yêu cầu thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế. Từ đó tạo cơ sở vững chắc để ngành nón lá và áo dài Huế phát triển theo hướng công nghiệp văn hóa.

Thứ hai, chúng ta phải nhìn nhận di sản nón lá và áo dài Huế không chỉ là sản phẩm thủ công truyền thống mang đậm giá trị bản sắc văn hóa mà còn góp phần không nhỏ trong việc giới thiệu, quảng bá hình ảnh văn hóa - du lịch cố đô Huế nói riêng, và Việt Nam nói chung đến với bạn bè quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

Thứ ba, trong xu thế hội nhập và phát triển, việc tạo ra được sự đồng thuận trong cộng đồng để duy trì, gìn giữ và phát triển di sản nón lá và áo dài Huế có vị trí, vai trò cần thiết hơn bao giờ hết. Bởi di sản này tồn tại trong đời sống cộng đồng và chỉ có thể được bảo vệ, gìn giữ bởi cộng đồng. Nhân dân là chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản nón lá và áo dài một cách bền vững. Do đó chỉ có sự đồng thuận của cộng đồng xã hội mới có thể giúp chúng ta có thái độ ứng xử đúng đắn với di sản và tìm ra được biện pháp bảo vệ hợp lý để di sản luôn là một phần không thể thiếu trong đời sống cộng đồng đương đại. Vì vậy phải xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản nón lá và áo dài, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ; nâng cao niềm tự hào của mỗi người dân, để cả cộng đồng cùng chung tay tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản nón lá và áo dài Huế trong bối cảnh hiện nay.

Thứ tư, cần phải coi trọng phát triển, sáng tạo quà lưu niệm để phát triển kinh tế du lịch, tạo sinh kế cho người dân. Trong đó phát triển sản phẩm lưu niệm, quà tặng theo hướng gắn với bản sắc văn hóa Huế là rất cần thiết để tạo nét riêng, định vị điểm đến cho du lịch. Chính vì vậy, việc phát triển sản phẩm lưu niệm từ chất liệu, hình ảnh nón lá và áo dài truyền thống cần được chú trọng và phát triển hơn nữa trong tương lai. Chúng tôi cho rằng việc phục hồi và phát triển các loại hình nón nam như nón lính, nón ngựa dành cho nam giới khi mặc cổ phục, đặc biệt là áo dài ngũ thân tham quan Quần thể di tích Cố đô Huế là một ý tưởng rất hay. Giống như mặc trang phục Hanbok Hàn Quốc phải kết hợp với mũ Jobawi hoặc Ayam. Bên cạnh đó, cũng như các loại cổ phục, các loại nón lá cổ cũng phục vụ tốt cho thị trường sân khấu, điện ảnh (như phim cổ trang), ca nhạc...

Thứ năm, tăng cường nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước, huy động các nguồn lực xã hội hóa để bảo vệ và phát huy di sản nón lá và áo dài Huế. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế, những người tâm huyết với di sản nón lá và áo dài Huế có những hành động thiết thực góp phần bảo vệ, tôn vinh, phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch di sản văn hóa.

Thứ sáu, tiến hành kiểm kê, lập hồ sơ, có hành động cụ thể để tôn vinh di sản nón lá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm giúp cộng đồng nâng cao nhận thức về giá trị di sản, khuyến khích cộng đồng cam kết bảo vệ di sản, góp phần bảo vệ, lưu giữ di sản, đồng thời phát huy tính sáng tạo, giữ lòng tự tôn trong các cộng đồng dân cư và cá nhân những chủ thể đang nắm giữ bí quyết về di sản nón lá Huế. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai xây dựng hồ sơ khoa học “Nghề làm nón lá Huế” (với các loại hình nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian, tập quán xã hội) đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Ngoài ra cần tiến hành quy hoạch, phát triển các làng nghề truyền thống làm nón lá, khai thác không gian, cảnh quan văn hóa, hình thành các điểm tham quan, du lịch hấp dẫn. Nghiên cứu hình thành các trung tâm trưng bày, thao diễn nghề làm nón lá gắn với trung tâm trưng bày, trình diễn và nghề may đo áo dài Huế, tạo thành chuỗi sản phẩm văn hóa, du lịch đặc sắc phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước. Đồng thời hỗ trợ các nghệ nhân lão thành truyền dạy thực hành nghề làm nón lá và may đo áo dài cho cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ.

\*

Có thể nói, di sản nón lá và áo dài Huế là sự kết tinh trí tuệ và sự sáng tạo của con người qua nhiều thế hệ. Khi tạo ra sản phẩm nón lá và áo dài, các nghệ nhân ngoài việc vận dụng những kỹ thuật được học từ ông cha còn phải tìm hiểu, khám phá và sáng tạo ra những họa tiết, kỹ thuật, mẫu mã mới, để đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Việc khai thác phát huy giá trị di sản nón lá và áo dài Huế trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa là con đường bền vững để giữ gìn di sản trong cuộc sống đương đại, giúp cải thiện đời sống người dân, phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững. ■

## LÊ VIẾT XUÂN

### *Vẫn còn...*

*Vẫn còn nắng ở trên đồi  
Vẫn còn em đó, lặng ngồi bên anh  
Vẫn còn một khoảng trời xanh  
Vẫn còn một ngọn gió lành mơn man  
Đường như đã chớm thu sang  
Hồn nhiên hoa có nhuốm vàng lối đi  
Sao em chẳng nói câu gì  
Nắng chiều nán ná vãn vi tở trời  
Vẫn còn nắng ở trên đồi  
Vẫn còn hình bóng ai ngồi bên ai  
Chuyện tình như thế liêu Trai  
Hèn chi gió kể mãi hoài không thôi...  
Vẫn còn nắng ở trên đồi,..*

# PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH DANH NHÂN ĐẶNG HUY TRỨ Ở THỪA THIÊN HUẾ

■ Bài và ảnh: HỒ SỸ HUYNH

**D**i tích danh nhân Đặng Huy Trứ (bao gồm Lăng mộ ở thôn Hiền Sĩ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền và Nhà thờ ở làng Thanh Lương, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà) là một trong những di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu khái quát về di tích, những giá trị tiêu biểu và đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa giá trị di tích trong thời gian tới.



Các đại biểu dự kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống Nhiếp ảnh Việt Nam (15/3/1953-15/3/2023) tại Di tích Nhà thờ Đặng Huy Trứ

## 1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp danh nhân Đặng Huy Trứ

Danh nhân Đặng Huy Trứ (1825-1874), quê làng Bắc Vọng (Quảng Điền) sau sinh ngụ ở làng Thanh Lương, nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 18 tuổi đỗ cử nhân, năm 1847 thi Hội đỗ đầu (Giải nguyên) và bước vào quan trường năm 1856. Ông mất năm Giáp Tuất (1874) tại xã Cao Lăng, Chợ Bến, Đồn Vàng, thuộc tổng Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), thi hài ông được đưa về an táng tại thôn Hiền Sĩ, nay thuộc xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đặng Huy Trứ là người có tư tưởng canh tân đất nước, là nhà văn, nhà thơ, đã để lại cho di sản văn hóa dân tộc 12 tập thơ và 10 cuốn sách. Ông cũng là một trong những

người có công đầu đưa nhiếp ảnh vào Việt Nam, bằng việc mở hiệu ảnh Cẩm Hiếu Đường (ngày 14 tháng 3 năm 1869) ở phố Thanh Hà, Hà Nội và là người đầu tiên đưa kỹ nghệ đóng tàu phương Tây du nhập vào Việt Nam. Cả cuộc đời Đặng Huy Trứ đã cống hiến cho đất nước về nhiều mặt: Giáo dục, văn hoá, chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự và là nhà tri thức hết mực yêu thương quê hương, đất nước.

Ghi nhận những đóng góp to lớn của ông, Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ban hành Quyết định số 2307-QĐ/VH ngày 30/12/1991 xếp hạng Lăng mộ và Nhà thờ Đặng Huy Trứ là di tích lịch sử quốc gia (loại hình lưu niệm danh nhân) và do Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế trực tiếp quản lý<sup>1</sup>.

## 2. Khái quát đặc điểm di tích danh nhân Đặng Huy Trứ

**Lăng mộ:** Sau khi ông mất, thi hài được đưa về chôn cất tại thôn Hiền Sĩ, nay thuộc xã Phong Sơn, huyện Phong Điền. Ban đầu mộ ông chỉ được đắp bằng đất nằm trên khu đồi cao với con sông Bồ uốn khúc, đằng xa là dãy núi Trường Sơn trùng trùng điệp điệp, với phong cảnh hùng vĩ nên thơ.

Đến năm 1930, bà Đặng Thị Sâm là cháu nội của Đặng Huy Trứ, con của ông Đặng Hữu Vĩ đã xây lăng cho Đặng Huy Trứ. Lăng được xây theo kiểu hình yên ngựa, bề cao của lăng 0.7m với chất liệu là gạch vồ và xi măng,



Lăng mộ Đặng Huy Trứ ở thôn Hiền Sĩ, xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, ảnh chụp năm 2022

hình thức kết cấu của lăng đơn giản. Đến năm 1990 con cháu dòng họ Đặng (Đặng Hưng Doanh) bỏ tiền xây thêm một cái bia nằm phía ngoài lăng “Mộ Đặng Huy Trứ 1825-1874 nhà yêu nước, nhà thơ”.

**Nhà thờ:** Cũng trong năm 1930, bên cạnh việc xây lăng mộ thì nhà thờ của ông cũng được xây dựng trên mảnh đất của cụ cố trong dòng họ thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà hiện nay. Nhà thờ được kết cấu theo kiểu nhà vuông, gồm một gian hai chái lợp bằng ngói liệt, nội thất, kết cấu bên trong nhà thờ được xây dựng theo kiểu nhà rường xưa. Ở gian giữa của nhà thờ là một khánh vị bằng gỗ được sơn đỏ để thờ các ngài thủy tổ; hai phía tả hữu của gian giữa đặt hai ảnh của Đặng Huy Trứ, một ảnh thi đậu trạng nguyên và một ảnh ông đi sứ sang Trung Quốc.

<sup>1</sup> Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh phân cấp quản lý di tích đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.



*Di tích Nhà thờ Đặng Huy Trứ ở làng Thanh Lương, phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, ảnh chụp năm 2022*

Nhà thờ được nối với nhà kiêu bằng một cửa hông và thông với nhà kiêu là bếp gồm hai gian một chái, xung quanh được xây bằng gạch chắc chắn. Tất cả khu vực nhà thờ, nhà kiêu và bếp được lợp bằng ngói liệt, nhưng trải qua thời gian dài chiến tranh và do thiên tai tàn phá, do đó ngói bị vỡ và hư hỏng nên con cháu đã nhiều lần sửa chữa. Từ ngói liệt, tòn, nay lại lợp bằng ngói móc; nền nhà nguyên trước kia lát bằng gạch hoa nhưng nay được tráng bằng xi măng; phía trước (năm 1990) xây dựng thêm một cái cổng “Đặng Từ Môn” với lối xây ván, mặt trước có hai câu đối với hai con sư tử, mái lợp bằng ngói ống.

### **3. Những giá trị tiêu biểu của di tích**

**Về giá trị văn hóa, lịch sử:** Di tích Lăng mộ và Nhà thờ danh nhân Đặng Huy Trứ mang trong mình những giá trị riêng, phản ánh một giai đoạn lịch sử của dân tộc. Lăng mộ là nơi diễn ra các hoạt động dâng hương, dâng hoa, báo công nhân các ngày lễ, kỷ niệm; Nhà thờ là nơi thờ cúng, tổ chức các lễ hiếu kỵ của danh nhân và là không gian gặp mặt, sinh hoạt văn hoá của các thế hệ con cháu trong họ tộc và đông đảo nhân dân, học sinh, sinh viên đến tham quan, học tập, nghiên cứu khoa học, hun đúc thêm truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, khắc ghi công lao của bậc tiền nhân với những đóng góp to lớn cho dân tộc.

**Về giá trị giáo dục:** Thông qua di tích để tuyên truyền, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ về tình yêu quê hương, đất nước; gắn với tổ chức các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Tiếp lửa truyền thống”, nhắc nhở thế hệ trẻ ngày nay phải tiếp bước cha ông, kế tục xứng đáng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, biết trân trọng những giá trị truyền thống, góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy di sản ông cha để lại một cách hiệu quả, thiết thực hơn. Việc làm này là cần thiết và là một hướng đi đúng, phù hợp với thực tiễn giáo dục hiện nay, bởi nội dung giáo dục truyền thống sẽ được thực hiện một cách linh hoạt, mềm dẻo, đa dạng. Không có sự giáo dục truyền thống nào tốt hơn khi thế hệ hôm nay được hiểu về vùng đất mình được sinh ra và lớn



*Triển lãm nhân kỷ niệm 154 năm danh nhân Đặng Huy Trứ đưa nghệ ảnh về Việt Nam (1869-2023) tại Di tích Nhà thờ Đặng Huy Trứ, tháng 3 năm 2023.*

lên, về nơi mà ông bà, cha mẹ mình đã sinh cơ, lập nghiệp, tình yêu đất nước của mỗi người đều phải bắt nguồn từ tình yêu gia đình, làng xóm, quê hương. Từ đó nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong học tập, lao động, biết vượt qua khó khăn, có ý chí và khát vọng phấn đấu để trở thành những công dân có ích, đóng góp tích cực vào sự nghiệp dựng xây và phát triển của quê hương, đất nước.

**Về giá trị du lịch:** Bên cạnh các giá trị về lịch sử, văn hoá, giáo dục thì di tích danh nhân Đặng Huy Trứ mang những giá trị nhất định về mặt du lịch, là điểm đến của du khách trong và ngoài nước tìm đến tham quan, nghiên cứu, học tập, đã có nhiều đề tài khoa học và công trình nghiên cứu chuyên sâu về thân thế, sự nghiệp của ông. Tại di tích Nhà thờ, nhiều tư liệu, hiện vật quý và sự nhiệt tình của gia đình dòng họ, chính quyền địa phương đã trở thành một điểm đến tham quan du lịch hấp dẫn, góp phần quảng bá và phát huy giá trị của di tích, thúc đẩy kinh tế du lịch của địa phương phát triển.

#### **4. Một số giải pháp phát huy giá trị di tích danh nhân Đặng Huy Trứ**

Trong thời gian tới, để làm tốt hơn nữa công tác phát huy hiệu quả giá trị di tích, có sức lan tỏa sâu rộng trong quần chúng nhân dân, trở thành một địa chỉ tham quan, nơi giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho các thế hệ trẻ, đồng thời làm tăng thêm tính sinh động, phong phú và đa dạng cho các loại hình di tích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, thiết nghĩ rằng cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

*Một là,* đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá về di tích, những đóng góp to lớn của ông với tư cách là nhà cải cách thời cận đại, một trong những người có công đầu đưa nhiếp ảnh vào Việt Nam và là người đầu tiên đưa kỹ nghệ đóng tàu phương Tây du nhập vào Việt Nam như: Tổ chức các hội thảo, viết, đưa tin, bài trên báo chí, ấn phẩm, tạp chí du lịch, website, fanpage, kết nối đường dẫn giữa các trang web, chia sẻ



tài nguyên số, chia sẻ các video,... tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của quê hương, các buổi sinh hoạt dưới cờ của các trường mang tên Đặng Huy Trứ hay tại các sự kiện như Festival Huế...

*Hai là*, thực hiện tốt công tác sưu tầm tư liệu, hiện vật về danh nhân Đặng Huy Trứ, nhất là có sự kết nối với các địa phương nơi ông từng đảm nhiệm các nhiệm vụ như Thông phán Ty Bô chính tỉnh Thanh Hóa; Tri huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa; Tri phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định; Bô chính Quảng Nam... và nhiều địa phương khác trong cả nước để có thêm tư liệu, hiện vật bổ sung trưng bày về cuộc đời và sự nghiệp của ông làm tăng thêm tính hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, của khách tham quan, học sinh, sinh viên và nhân dân trong cả nước.

*Ba là*, phối hợp với gia đình dòng họ trong việc thực hiện công tác xã hội hóa nguồn kinh phí để trùng tu, tôn tạo di tích, mở rộng không gian trưng bày về cuộc đời, sự nghiệp vinh quang của ông để trưng bày các tác phẩm, những đóng góp về nghề nghiệp ảnh, đưa kỹ thuật đóng tàu vào Việt Nam... Thực hiện công tác chỉnh trang, mở rộng và bổ sung không gian trưng bày tại di tích Nhà thờ và một số hạng mục liên quan bằng nguồn kinh phí xã hội hóa.

*Bốn là*, đầu tư hạ tầng, đường giao thông, bia biển chỉ dẫn vào di tích, thực hiện tốt chức năng bảo tồn và phát huy giá trị di tích, chủ động lập dự án sửa chữa, chống xuống cấp kịp thời khi di tích bị hư hỏng, thực hiện quy hoạch trồng cây xanh tạo bóng mát và cảnh quan môi trường trong khuôn viên.

*Năm là*, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động dâng hương, dâng hoa, tọa đàm, hội thảo, triển lãm chuyên đề kỷ niệm ngày sinh, ngày mất, Ngày truyền thống Nhiếp ảnh Việt Nam và một số hoạt động khác liên quan đến danh nhân Đặng Huy Trứ ngay tại di tích Lăng mộ, Nhà thờ ông.

Phát huy giá trị di tích danh nhân Đặng Huy Trứ trên quê hương Thừa Thiên Huế chính là phát huy giá trị di sản văn hóa, phát huy truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của một thời kỳ lịch sử, làm tô đẹp truyền thống yêu nước của con người và vùng đất Thừa Thiên Huế, một truyền thống tốt đẹp đã góp phần sản sinh những người con ưu tú như Đặng Huy Trứ, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu, Hoàng Anh, Lê Đức Anh và bao thế hệ cha ông trong lịch sử đấu tranh của dân tộc. Đồng thời, hướng đến xây dựng không gian gặp mặt, sinh hoạt văn hoá của các thế hệ con cháu trong họ tộc và đông đảo nhân dân, học sinh, sinh viên đến tham quan, học tập, minh chứng nhắc nhở con cháu ý nghĩa “uống nước, nhớ nguồn”, luôn hướng về cội nguồn dân tộc, góp phần gìn giữ những truyền thống tốt đẹp, những trang sử hào hùng của dân tộc, như một bản trường ca còn vang mãi tới những thế hệ mai sau về những công lao to lớn của ông. ■

# MÁY Ý KIẾN VỀ VIỆC GHI DANH NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN DÂN GIAN HÒ GIÃ GẠO VÀO DANH MỤC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA

■ PHAN THUẬN THẢO

Vào ngày 20/2/2023, Công thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đăng tải thông tin về 14 di sản phi vật thể của Việt Nam vừa được ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia<sup>1</sup>. Trong số các di sản phi vật thể được ghi danh đợt này, chúng tôi chú ý đến loại hình di sản “Nghệ thuật trình diễn dân gian Hò giã gạo huyện Hải Lăng, huyện Triệu Phong, huyện Cam Lộ, huyện Gio Linh, huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị”, bởi Hò giã gạo là tài sản chung của Quảng Trị và Thừa Thiên Huế chứ không chỉ có ở các huyện nêu trên của Quảng Trị.

## 1. Quảng Trị và Thừa Thiên Huế - sự tương đồng về văn hóa và âm nhạc

Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là hai tỉnh liền kề thuộc vùng Bắc Trung bộ, giới hạn bởi dãy Trường Sơn và biển Đông, phía nam có núi Hải Vân phân cách, phía bắc giáp tỉnh Quảng Bình. Ngược dòng lịch sử, đây vốn là vùng đất thuộc hai châu Ô và Lý (Rí) của Chiêm Thành, đến khi người Việt tiếp quản sau đám cưới Huyền Trân Công chúa (1306) thì được đổi thành châu Thuận và châu Hóa, rồi được gộp thành phủ Thuận Hóa thời thuộc Minh. Dù địa giới của vùng Thuận Hóa thay đổi theo chiều dài lịch sử, có khi kéo dài ra đến tận chân đèo Ngang, hoặc vượt qua khỏi đèo Hải Vân vào đến Quảng Nam, song bao giờ cũng bao phủ lên hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế hiện nay. Đến những năm 1975-1989, ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế từng được sát nhập thành một tỉnh, gọi là tỉnh Bình Trị Thiên, một trong những lý do là vì chúng có những tương đồng nhất định về địa lý, văn hóa.

Trong quyển “Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam”, GS.TS Ngô Đức Thịnh đã xếp Bình - Trị - Thiên vào cùng một tiểu vùng văn hóa và cho rằng có thể coi xứ Huế là dạng văn hóa đặc trưng và tiêu biểu nhất<sup>2</sup>. Còn trên lĩnh vực âm nhạc, PGS.TS Nguyễn Thụy Loan khi chia dân ca Việt Nam thành 6 vùng cũng đã xếp dân ca của hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế vào cùng một tiểu vùng dân ca đồng bằng và ven biển Bình - Trị - Thiên, thuộc vùng dân ca Bắc Trung bộ<sup>3</sup>. Với cái nhìn tiệm cận thì dân ca vùng Bình Trị Thiên có thể chia nhỏ ra thành hai phần: dân ca Quảng Bình ở phía bắc và dân ca Trị - Thiên ở phía nam. Về mặt địa lý, Quảng Bình nằm ở vị trí gần hơn với Nghệ - Tĩnh, dễ tiếp thu văn hóa âm nhạc từ phía bắc. Về mặt lịch sử, thời Trịnh Nguyễn phân tranh kéo dài khoảng 150 năm (1627-1777) (chưa kể những xung đột về ngoại giao trước đó) với sông Gianh làm giới tuyến, dẫn tới sự phân cách về văn hóa âm nhạc của Đàng Ngoài và Đàng Trong ngay trên đất Quảng Bình. Còn Quảng Trị nằm liền kề với Thừa Thiên Huế, không có sự phân cách đáng kể nào về mặt địa

<sup>1</sup> Thêm 14 di sản được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, <https://bvhttdl.gov.vn/them-14-di-san-duoc-ghi-danh-vao-danh-muc-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-20230220144346514.htm>, truy cập ngày 5/5/2023.

<sup>2</sup> Ngô Đức Thịnh (chủ biên), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.129.

<sup>3</sup> Nguyễn Thụy Loan, *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.172.

lý, cả hai lần lượt là nơi đóng thủ phủ của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, trong đó Thừa Thiên Huế là thủ phủ hưng thịnh trong một giai đoạn khá dài (1626-1775) nên có sự hội tụ và lan tỏa về văn hóa nói chung và âm nhạc nói riêng là điều dễ hiểu. Vì thế, âm nhạc dân gian Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có nhiều điểm tương đồng, còn âm nhạc dân gian Quảng Bình lại có những điểm riêng hòa trong cái tổng thể của tính chất âm nhạc dân gian Bình Trị Thiên nói chung. Tác giả Vĩnh Phúc cũng đã cho rằng dân ca - nhạc cổ của Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là một, ông lý giải: “Bình - Trị - Thiên là tên ghép của ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế..., không hẳn chỉ vì trong quá khứ, do điều kiện lịch sử, địa lý đã nhiều lần là một đơn vị hành chính; mà sự gắn kết này, nổi trội lên là do tính chất tương đồng về văn hóa. Bởi vậy mà đôi lúc người ta thường gọi cả khu vực ba tỉnh Bình - Trị - Thiên là Xứ Huế. Tính chất đồng văn được thể hiện rõ nhất trong hệ thống dân ca - nhạc cổ của xứ này. Đặc biệt là Quảng Trị và Thừa Thiên, được xem như chỉ là một”<sup>4</sup>. Tác giả sách “Âm nhạc cổ truyền Quảng Trị” cũng đã nhận định: “Để phân biệt rạch ròi sự khác nhau giữa âm nhạc dân gian và truyền thống Quảng Trị với dòng âm nhạc dân gian truyền thống Thừa Thiên Huế là việc làm hết sức khó khăn và nhiều khi chẳng ích lợi gì vì suốt chiều dài lịch sử hai vùng đất vẫn cùng chung sự phát triển một phong cách âm nhạc cả dân gian và cung đình”<sup>5</sup>. Tuy rằng nhận định này cần được xem lại với dòng âm nhạc cung đình, nhưng nó đã nói lên quan điểm về sự tương đồng trong âm nhạc giữa hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, thực chất là đều nằm trong cùng một vùng/tiểu vùng văn hóa âm nhạc. Riêng về thể loại Hò, sách “Ca Huế & Dân ca Bình Trị Thiên” cũng cho rằng Hò của Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có nhiều điểm thống nhất: “... mặc dù ba tỉnh Bình Trị Thiên nằm trong một vùng địa văn hóa nhưng lại được phân chia ra thành 2 vùng hò riêng biệt. Quảng Bình là tỉnh nằm giữa Nghệ - Tĩnh và Trị - Thiên nên nó vừa có nét chung với tiểu vùng Nghệ Tĩnh ở Đàng Ngoài lại vừa có nét chung với tiểu vùng Trị Thiên ở Đàng Trong. Vì vậy thể loại Hò của vùng Quảng Bình có cấu tạo theo điệu thức Bắc như của vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh; còn vùng Trị - Thiên, các điệu hò có cấu tạo theo điệu thức Nam giọng ai, có ảnh hưởng của âm nhạc Chiêm Thành”<sup>6</sup>. Như vậy, các nhà nghiên cứu văn hóa và âm nhạc đã thống nhất quan điểm rằng Quảng Trị và Thừa Thiên Huế được xếp trong cùng một tiểu vùng văn hóa âm nhạc, ngay cả thể loại Hò cũng được đưa vào cùng một “vùng hò”, gọi chung là hò Trị Thiên. Chính vì hò ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có nhiều điểm chung khó phân biệt nên thường được gộp chung thành một, thể hiện rõ nhất trong công trình nghiên cứu “Những đặc trưng của Hò Trị Thiên” do nhà nghiên cứu Tôn Thất Bình thực hiện và xuất bản năm 2006.

## **2. Hò giã gạo - điệu hò có ở cả Quảng Trị và Thừa Thiên Huế**

Chúng ta biết rằng hoạt động nông nghiệp từng diễn ra ở rất nhiều nơi trên thế giới và có nhiều bài hát/hò khác nhau được dùng khi giã gạo ở nhiều địa phương khác nhau. Ở đây, chúng ta đang quan tâm đến một bài dân ca có tên gọi là Hò giã gạo (còn gọi là

<sup>4</sup> Vĩnh Phúc, Âm nhạc cổ truyền Việt Nam qua báo chí nửa sau thế kỷ XX, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2011, tr.71-72.

<sup>5</sup> Nguyễn Xin, Đặng Nguyễn, Âm nhạc cổ truyền Quảng Trị, Viện Nghiên cứu Âm nhạc, Sở Văn hóa Thông tin, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Trị xuất bản, Quảng Trị, 1997, tr.6.

<sup>6</sup> Nguyễn Đình Sáng, Nguyễn Thị Kim Liên, *Ca Huế & Dân ca Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2012, tr.77-78.

Hò khoan) được dùng ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

Cũng như đa số các bài bản dân ca khác, Hò giã gạo không có thông tin tài liệu về tên tác giả, nguồn gốc xuất xứ. Là âm nhạc dân gian nên nó vốn được lưu truyền qua con đường truyền khẩu mà không được ghi vào sách vở. Căn cứ vào đặc điểm âm nhạc, lời ca và môi trường diễn xướng, chúng ta biết rằng nó từng được những người nông dân xưa ở vùng Quảng Trị và Thừa Thiên sử dụng khi giã gạo sau các vụ mùa. Tiết tấu mạnh mẽ, chắc, khỏe của chày giã vào cối cũng chính là tiết tấu của âm nhạc trong Hò giã gạo. Điệu hò sinh ra để đi kèm với động tác giã gạo, đồng thời cũng dùng để bày tỏ tâm tư tình cảm của người nông dân xưa, là phương tiện để trai gái giao lưu, tỏ bày tình cảm. Về sau, khi máy móc dần thay thế bàn tay con người, điệu Hò giã gạo tách khỏi môi trường diễn xướng nguyên thủy của nó và được dùng với mục đích biểu diễn giao lưu trong các cuộc hội hè đình đám của những người bình dân, cũng như được đưa lên sân khấu biểu diễn. TS. Lê Văn Chương đã viết: “Hò giã gạo miền Trung, đặc biệt ở Huế, đã hình thành nhiều thể kỹ và phát triển mạnh vào đầu thế kỷ XX cho nên có tính ổn định và phổ biến về làn điệu, thể thức diễn xướng và kết cấu”<sup>7</sup>. Sách “Dân ca Thừa Thiên Huế” cho biết thông tin về điệu hò này từng được trình diễn ở Huế trước đây: “*Hò giã gạo* là một hình thức sinh hoạt dân ca rất phổ biến ở nông thôn Thừa Thiên. Không những chỉ được diễn xướng ở miền quê vào những đêm trăng ngày mùa, mà ngay tại thành phố Huế trước đây người ta cũng thường tổ chức những cuộc hò có giải thưởng với sự tham gia của nhiều nghệ nhân và đông đảo công chúng. *Trương Bà Tuấn*, rapper hát bội nổi tiếng của Huế đầu thế kỷ XX (nay là địa điểm của Đặng Ngọc Từ đường) là một trong những nơi thường diễn ra những cuộc thi *hò giã gạo* lý thú nay vẫn còn trong ký ức của các bậc cao niên”<sup>8</sup>. Tại kinh đô Huế, Hò giã gạo không còn là “của riêng” của những người nông dân mà ngay cả giới trí thức, hoàng gia ở Huế cũng tham gia sáng tạo. Nhà thơ hoàng tộc nổi tiếng xứ Huế là Ứng Bình Thúc Gia Thi (1877-1961) đã sáng tác phần lời cho điệu Hò giã gạo từ năm 1939 và được in trong quyển “Bán buồn mua vui” xuất bản ở Huế năm 1954, là một đóng góp ý nghĩa về khía cạnh văn học cho Hò giã gạo. Đây cũng là một bằng chứng cho thấy Hò giã gạo đã trở nên phổ biến ở Huế vào cuối thập niên 1930:

Gái: Đêm hăm lăm tháng hai năm Mão<sup>9</sup>

*Quanh trường giã gạo giữa chốn ba quân.*

*Bạn mà rêu ai giỏi quốc văn*

*Vô đây tranh giải với bạn xoa quần thử chơi*

Trai: *Gái Tây Thi ai bì nước Việt*

*Gái Văn Khương lại ở bên nước Tề*

*Nực cười cô gái nhà quê*

*Đến đây cô dám trở nghề văn chương*<sup>10</sup>.

Thông thường, một điệu hò/hát dân gian được truyền khẩu một thời gian khá dài cho tới khi nó trở nên phổ biến, định hình phong cách rồi mới được ghi vào sách vở. Cho nên, Hò giã gạo có lẽ đã được diễn xướng khá lâu ở Huế trước thời điểm năm 1939 khi

<sup>7</sup> Lê Văn Chương, *Du lịch xứ Huế trên những nẻo dân ca*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.45.

<sup>8</sup> Trần Thùy Mai (sưu tầm và biên soạn), *Dân ca Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2003, tr.91.

<sup>9</sup> Tức 14/4/1939.

<sup>10</sup> Ứng Bình Thúc Gia Thi, *Bán buồn mua vui*, Vĩ Dạ, Huế, 1954, tr.56.

nhà thơ Ứng Bình Thúc Giạ Thị sáng tác lời cho điệu hò này để trình diễn trong một dịp hội chợ ở Huế. Đây cũng là giai đoạn muộn trong lịch sử tồn tại của Hò giã gạo, khi nó đã được dùng cho mục đích trình diễn.

Từ khi âm nhạc dân gian Việt Nam bắt đầu được quan tâm sưu tầm, ký âm, nghiên cứu, Hò giã gạo thường được ghi chép là điệu hò được sử dụng ở cả hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Trong các bản ký âm, Hò giã gạo thường được ghi là điệu hò của Quảng Trị và Thừa Thiên (tên cũ của Thừa Thiên Huế)<sup>11</sup>. Một số bản ký âm khác thì ghi Hò giã gạo là dân ca Bình Trị Thiên<sup>12</sup> hoặc dân ca miền Trung<sup>13</sup>, chúng tôi chưa tìm thấy văn bản nào ghi rằng đó là dân ca của riêng Quảng Trị. Trong quyển “Đặc khảo dân nhạc ở Việt Nam” xuất bản cách đây hơn 50 năm, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết rằng Hò giã gạo có ở vùng Quảng Trị, Thừa Thiên<sup>14</sup>. Nhà nghiên cứu Tôn Thất Bình trong các sách chuyên khảo về dân ca Bình Trị Thiên nói chung và hò Trị Thiên nói riêng cũng đã viết: “Hò giã gạo (hay hò khoan) là điệu hò tập thể, phổ biến khắp Trị Thiên”<sup>15</sup>. Sách “Đặc khảo Hò Huế” của TS. Lê Văn Chương đương nhiên có Hò giã gạo trong danh mục của đối tượng nghiên cứu, thêm vào đó, khi xác định phạm vi của Hò Huế, tác giả còn viết rằng: “... Quảng Bình, nhất là Quảng Trị có quan hệ về lịch sử, địa lý, xã hội, văn hóa với Thừa Thiên Huế... Do vậy, về một khía cạnh nào đó, thuật ngữ Hò Huế còn vươn đến hò Quảng Trị”<sup>16</sup>. Thậm chí, GS.TS. Trần Văn Khê trong quyển “Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam” khi đề cập đến Hò giã gạo thì chỉ nhắc đến điệu hò này ở vùng Thừa Thiên Huế<sup>17</sup>. Điềm qua các tư liệu thành văn như trên để thấy rằng từ trước đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn thống nhất quan điểm cho rằng Hò giã gạo không chỉ riêng có ở Quảng Trị mà đã phổ biến ở Huế muộn nhất là cuối thập niên 1930.

Trên thực tế hiện nay, giai điệu âm nhạc và trình thức diễn xướng Hò giã gạo ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là như nhau. Nói cách khác, Hò giã gạo ở hai địa phương này là một, điểm khác nhau có chăng chỉ là khi người ta đổi lời mới sao cho phù hợp với môi trường, mục đích trình diễn và đó chỉ là tiểu tiết, nó không làm thay đổi đặc điểm, tính chất âm nhạc và phương thức trình diễn của điệu hò. Nếu xét về tần suất sử dụng thì hiện nay, Hò giã gạo được dùng nhiều hơn ở Huế, bởi vào mùa du lịch, mỗi đêm có hàng chục suất diễn trên sông Hương, và suất diễn nào cũng có trình diễn Hò giã gạo.

Như vậy, chưa xét đến việc Hò giã gạo có xuất phát từ Huế - nơi được xem là trung tâm văn hóa của vùng Thuận Hóa xưa - rồi lan tỏa ra Quảng Trị hay không, cả trên mặt nghiên cứu lý luận và thực tiễn đều cho thấy điệu Hò giã gạo được dùng chung ở cả Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Nó là một trong những điệu hò nằm trong hệ thống hò Trị Thiên.

<sup>11</sup> - *Dân ca Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1976, tr.160.

- *Dân ca Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 2001, tr.338.

- Phạm Phúc Minh, *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 1994, tr.284.

<sup>12</sup> Tú Ngọc, *Dân ca người Việt*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội, 1994, tr.31.

<sup>13</sup> Xuân Khải (sưu tầm, tuyển chọn), *Dân ca Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2001, tr.102.

<sup>14</sup> Phạm Duy, *Đặc khảo dân nhạc ở Việt Nam*, Nxb Hiện Đại, Sài Gòn, 1972, tr.71-73.

<sup>15</sup> - Tôn Thất Bình, *Dân ca Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997, tr.71.

- Tôn Thất Bình, *Những đặc trưng của Hò Trị Thiên*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr.27.

<sup>16</sup> Lê Văn Chương, *Đặc khảo Hò Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2000, tr.16.

<sup>17</sup> Trần Văn Khê, *Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.50-52.

### 3. Về việc ghi danh Hò giã gạo vào Danh mục Di sản phi vật thể quốc gia

Để xem xét ghi danh một loại hình văn hóa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã có các tiêu chí cụ thể được ghi trong Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ về *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*. Điều 5 của Nghị định này ghi rõ các tiêu chí như sau:

- Có tính đại diện, thể hiện bản sắc của cộng đồng, địa phương
- Phản ánh sự đa dạng văn hóa và sự sáng tạo của con người, được kế tục qua nhiều thế hệ.
- Có khả năng phục hồi và tồn tại lâu dài
- Được cộng đồng đồng thuận, tự nguyện đề cử và cam kết bảo vệ<sup>18</sup>.

Như đã chứng minh ở trên, Hò giã gạo không chỉ riêng có ở Quảng Trị mà đã phổ biến cả ở Thừa Thiên Huế, muộn nhất là vào cuối thập niên 1930. Hò giã gạo là tài sản chung của cả hai tỉnh cho nên được gọi là hò Trị Thiên, chúng ta không nên và không thể tách riêng nó thuộc tỉnh nào bởi việc phân biệt hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là mang tính hành chính, còn về văn hóa thì chúng cùng ở trong một tiểu vùng văn hóa âm nhạc, trong đó nhiều bài bản âm nhạc dân gian được dùng chung ở cả hai địa phương này. Nói cách khác, chủ nhân của điệu hò này là nhân dân của cả hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, cho nên, điệu hò chỉ đáp ứng các tiêu chí nêu trên chỉ khi “cộng đồng” của nó là nhân dân của cả hai tỉnh chứ không riêng của Quảng Trị.

Từ trước đến nay, trong danh mục các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của quốc gia hay quốc tế đã có nhiều di sản là tài sản chung của nhiều tỉnh hay nhiều nước khác nhau. Danh mục di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO đã ghi danh *Dân ca Quan họ* của hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh, *Dân ca Ví Giặm* là của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, *Nghệ thuật Bài Chòi* của một loạt các tỉnh miền Trung từ Quảng Bình vào đến Phan Thiết, *Không gian văn hóa chông chiêng* của 5 tỉnh Tây nguyên, Đờn ca Tài tử của nhiều tỉnh ở Nam bộ... Ở bình diện quốc tế cũng đã xảy ra việc nhiều nước cùng sở hữu chung một di sản và cùng hợp tác làm hồ sơ như trường hợp 4 nước Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines với di sản *Nghi lễ và Trò chơi kéo co* đã được ghi vào danh mục của UNESCO vào năm 2015.

Những ví dụ trên cho thấy nhiều tỉnh hay nhiều nước cùng sở hữu chung một di sản văn hóa nào đó là điều hết sức bình thường. Ở đây, chúng ta cần nhận thức rõ rằng Hò giã gạo là tài sản chung của hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, và nó cần phải được ghi nhận là như thế trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Chúng tôi kiến nghị các nhà quản lý văn hóa cấp tỉnh và cấp Bộ cùng xem xét lại vấn đề này một cách nghiêm túc, nếu không sẽ tạo nên một tiền lệ xấu cho việc thiếu sự kết hợp giữa các địa phương trong thực hiện hồ sơ đề nghị được ghi danh vào danh mục di sản quốc gia hay quốc tế, và nguy hại hơn là việc nhận thức và tôn vinh di sản một cách thiếu chính xác, gây sự hiểu nhầm cho dư luận và các thế hệ mai sau. ■

<sup>18</sup> Nghị định số 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ về *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*, <https://vanban.chinhphu.vn>, truy cập ngày 5/5/2023.

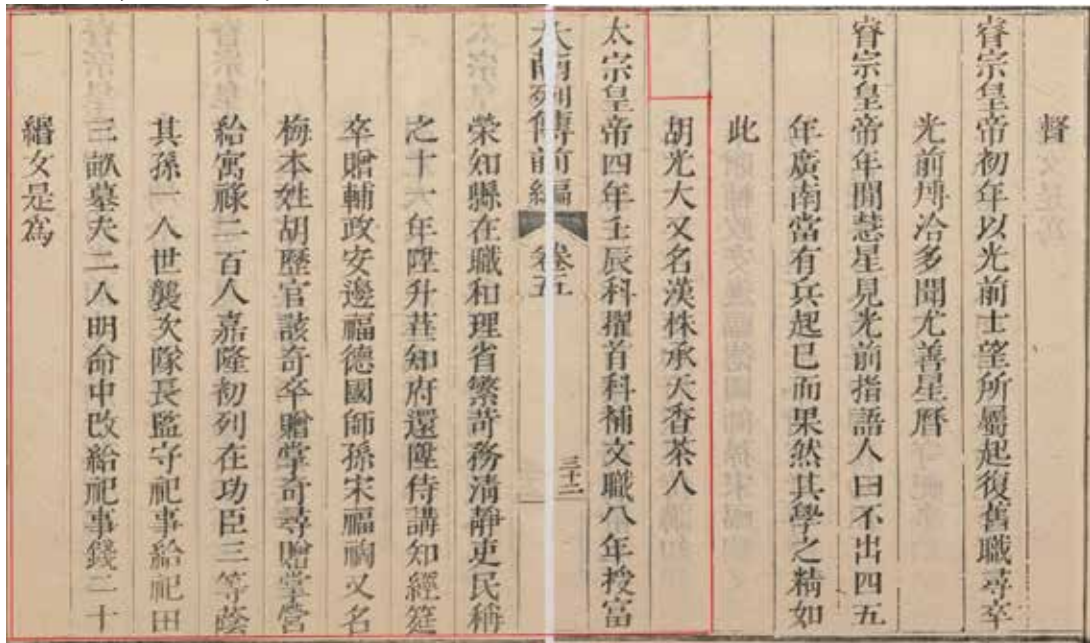
# HỒ QUANG ĐẠI VÀ HAI BẢN SẮC PHONG THÀNH HOÀNG Ở LÀNG HƯƠNG CÀN

■ ĐỖ NGỌC BẢO THƯ

## 1. Đôi nét về tiểu sử của Đức Xuyên tử Hồ Quang Đại

Theo gia phả họ Hồ, thủy tổ họ Hồ là ngài Hồ Minh, thi đỗ Tiến sĩ, sau đó ông theo đoàn quân của Tiên chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, “nhập Nam Hà biệt ban nhậm thực Nguyệt Biều xã”. Vị tổ đời thứ 2 được tài liệu dòng tộc biên chép là ông Thuật Hồ Đình Thám (胡廷探), qua đời thứ 3 là ông Hồ Đình Tú (胡廷秀), rồi đời thứ 4 là Hồ Đình Ý (胡廷倚). Hồ Đình Câu (胡廷駒) con trai trưởng của Hồ Đình Ý chính là thân sinh của Hồ Quang Đại. Như vậy, theo kế thế các đời, Hồ Quang Đại được xác định là tổ thứ 6 dòng họ Hồ ở Nguyệt Biều.

Đức Xuyên tử Hồ Quang Đại (德川子胡光大), tên tự “Hán Châu” (漢株), húy là “Nghị” (儀), nguyên quán làng Nguyệt Biều (nay là phường Thủy Biều, thành phố Huế). Năm Nhâm Thìn (1652), thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687), ông thi đỗ Thủ khoa, sau đó được bổ làm “Văn chức”.



Tiểu sử Hồ Quang Đại trong sách Đại Nam liệt truyện, Tiên biên, quyển 5, tờ 32a-b

Sách “Đại Nam liệt truyện” (Tiên biên, quyển 5), có đoạn chép: “Hồ Quang Đại, còn có tên là Hán Châu, người huyện Hương Trà, Thừa Thiên. Khoa thi năm Nhâm Thìn, đời Thái tông hoàng đế [Nguyễn Phúc Tần] thứ 4 [1652] ông đỗ thủ khoa, được bổ vào Văn Chức viện. Năm thứ 8 [1656], giữ chức Tri huyện Phú Vang. [Hồ Quang Đại] làm quan chằm chước lý lẽ, giám phiên hà, cốt yên tĩnh, thuộc lại và nhân dân đều khen ngợi. Năm thứ 11 [1659] thăng làm Tri phủ Thăng Hoa, sau triệu về Kinh thăng làm Thị giảng Tri kinh diên”<sup>(1)</sup>.

<sup>(1)</sup> Nguyên văn: 胡光大又名漢株，承天香茶人。太宗皇帝四年壬辰擢科首科，補文職，八

Có không ít những vấn đề hay sự kiện diễn ra dưới thời các chúa Nguyễn mãi không thể soi tỏ tường tận, mà nguyên nhân có lẽ khởi nguồn từ việc khuyết vắng nguồn sử liệu. Tương tự như vậy, việc phục dựng chân dung, hành trạng của khá nhiều vị quan lại vào giai đoạn này cũng đành phải bỏ ngõ, bởi tất cả hệ thống tư liệu liên quan ở nhiều gia tộc vùng Huế đều khó lòng vượt qua nghịch cảnh thời gian, cộng thêm bao phen chiến tranh khói lửa. Trường hợp Hồ Quang Đại phải nói rằng đó là số ít hiếm hoi.



Văn bản Thị vào ngày 26 tháng 4 năm Cảnh Trị thứ 7 (1669)

Hiện nay, gia tộc đang lưu giữ khá tốt tất cả 9 bản “Thị” và 1 tờ “Sai”, có niên đại từ năm 1667 đến 1671. Đây là những văn bản “hành chính” cung cấp thêm cho chúng ta rất nhiều tư liệu bổ ích về việc bổ nhiệm chức vụ và sai phái Hồ Quang Đại tham gia công tác “duyet tuyển” (kiểm kê dân số), lập địa bạ ở vùng đất Nam Trung bộ dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Theo nội dung bản “Thị”, vào năm 1667, Đức Xuyên tử nhận lệnh lên đường vào các xã, thôn, phường ở tổng Phù Ly và huyện Tuy Viễn, phủ Quy Ninh<sup>(2)</sup> tiến hành khám đạc các loại ruộng công, ruộng tư, lập sổ thu thuế để nạp về Chính dinh. Kế đó, ông lần lượt đặc trách tiếp tục tham gia duyet tuyển, thu nạp sổ “kiến canh bạ”, thu thuế ruộng (công tư điền) ở các địa bàn: Các xã, thôn, phường ở tổng Phù Ly Hạ và huyện Tuy Viễn, phủ Quy Ninh (26/3/1667); tổng Phù Ly Thượng,

年授富榮知縣，在職和理省繁苛務清靜吏民稱之，十一年陞升華知府，還陞侍講知經筵。Xem thêm:

- Quốc Sử quán triều Nguyễn (1929). Đại Nam liệt truyện Tiền biên. Lê Tấn, Lê Trọng Phan, Nguyễn Tư Châm, Lương Thúc Kỳ, Đỗ Hữu Dương, Trịnh Luyện, Hồ Đắc Liêu dịch. Nhà in Đắc Lập xuất bản. tr. 139.

- Quốc Sử quán triều Nguyễn (1995). Đại Nam liệt truyện Tiền biên. Bản dịch Cao Tự Thanh. Nxb Khoa học Xã hội. tr. 228.

<sup>(2)</sup> Quy Ninh phủ, là tên của một địa danh hành chính, nay thuộc về tỉnh Bình Định. Vào năm 1471, vua Lê Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành, sau đó lấy phần đất từ biên giới Cổ Lũy đến Cù Mông lập thành phủ Hoài Nhơn, thống quản 3 huyện: Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn, cho lệ vào Quảng Nam thừa tuyên. Năm 1602, đổi phủ Hoài Nhơn thành Quy Nhơn/Nhân. Năm 1651 cải danh từ phủ Quy Nhơn thành phủ Quy Ninh và đến 1742 đổi lại là phủ Quy Nhơn.

Xem thêm: Quốc Sử quán triều Nguyễn (2012). Đại Nam nhất thống chí. Tập I, Hoàng Văn Lâu dịch. Nxb Lao Động. tr. 552.



Phù Ly Trung, phủ Quy Ninh (8/3/1668); đốc thúc các xã, thôn, phường ở Diên Ninh, Thái Khang<sup>(3)</sup> kê khai nhân số (12/1/1669); thu nạp “kiến canh bạ” ở hai phủ Diên Ninh, Thái Khang (12/1/1669); thu thuế tại các xã, thôn, phường tổng Phù Ly Hạ và huyện Tuy Viễn, phủ Quy Ninh (26/4/1669); tổng Phù Ly Thượng, Phù Ly Hạ và huyện Bồng Sơn, phủ Quy Ninh (25/3/1670); tổng Phù Ly Hạ và huyện Tuy Viễn, phủ Quy Ninh (21/3/1671); tổng Phù Ly Hạ và huyện Tuy Viễn, phủ Quy Ninh (21/5/1671); các xã, thôn, phường ở huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa/Ngãi<sup>(4)</sup> (không rõ niên đại).

Trong “*Phủ biên tạp lục*”, khi nhắc đến “số ngạch công tư điền trang ở hai xứ Thuận, Quảng”, Lê Quý Đôn từng cho biết rằng “Năm Cảnh Trị thứ 7 [1669], Dũng quốc công Nguyễn Phúc Tần mới sai quan đi khám đạc ruộng công ruộng tư, nhà nước thu thóc tô định làm hạng nhất, hạng nhì, hạng ba cùng đất khô và bãi màu, biên vào sổ sách, cho ruộng công đều trả về xã, cho chia đều mà cày cấy và nộp thuế”<sup>(5)</sup>. Theo như ghi chép của sử quan nhà Nguyễn, đợt khám đạc diễn ra vào tháng Giêng năm 1669, được thực hiện dựa trên ý tưởng đề xuất của Ký lục Võ Phi Thừa, và Hồ Quang Đại là một trong những người được chúa Nguyễn Phúc Tần tin tưởng giao phó thực hiện. Sách “Đại Nam thực lục, Tiền biên” xác nhận: “Kỷ Dậu, năm thứ 21 [1669], mùa xuân, tháng giêng, bắt đầu làm việc duyệt tuyển ở hai phủ Diên Ninh và Thái Khang, sai Văn chức Hồ Quang Đại đến làm”<sup>(6)</sup>.

Như vậy, có thể thấy, đây là đợt lập địa bạ có ý nghĩa rất quan trọng. Việc thực hiện khám đạc đất đai, kiểm tra nhân số trải dài trên địa phận từ Quảng Ngãi, Bình Định đến Khánh Hòa, bên cạnh mục tiêu kiểm soát tình hình khai phá đất đai, số lượng dân cư, tổng số làng xã, bổ sung nguồn thu đáng kể cho ngân sách; thì nó là bước tiến vững chắc nhằm củng cố quyền lực của chính quyền Đàng Trong trên vùng đất vốn được xác định là biên viễn phía Nam Đại Việt. Trong sự thành công đó, phải nhắc đến vai trò của Hồ Quang Đại.

Suốt cuộc đời làm quan, Hồ Quang Đại từng đảm đương rất nhiều nhiệm vụ trọng yếu, kinh qua nhiều chức vụ khác nhau, đồng thời ông là thầy dạy của hai vị chúa (Nguyễn Phúc Thái, Nguyễn Phúc Chu) sau này; chính vì thế, sau khi ông mất, được truy tặng “*Phụ chính An biên Phúc Đức quốc sư*” (輔政安邊福德國師). Ban đầu, phần mộ của ông được an táng tại Cồn Sừng. Sau năm 1975, thực hiện chủ trương di dời của nhà nước, con cháu đã tiến hành cải táng lên khu vực nghĩa trang Bàu Hồ (phường Thủy Biều, thành phố Huế).

<sup>(3)</sup> Thái Khang và Diên Ninh nay thuộc tỉnh Khánh Hòa. Năm 1653, chúa Nguyễn Phúc Tần cho lập dinh Thái Khang, bao gồm 2 phủ: Thái Khang, Diên Ninh. Năm 1690, đổi phủ Thái Khang thành phủ Bình Khang và tiếp đó cho đổi phủ Diên Ninh thành phủ Diên Khánh, cả 2 phủ lệ thuộc dinh Bình Khang (1742). Xem thêm: Quốc Sử quán triều Nguyễn (2012). Đại Nam nhất thống chí. Sđd. tr. 630.

<sup>(4)</sup> Dưới thời Lê, đặt phủ Tư Nghĩa quản 3 huyện: Nghĩa Giang, Bình Sơn và Mộ Đức. Năm 1602, trấn Quảng Nam đổi thành dinh Quảng Nam, phủ Tư Nghĩa đổi thành phủ *Quảng Nghĩa* (thuộc dinh Quảng Nam). Đến năm 1776, đổi phủ Quảng Nghĩa thành phủ Hòa Nghĩa. Năm 1803, nhà Nguyễn phục hồi tên phủ Quảng Nghĩa nhưng đọc *Quảng Ngãi*. Năm 1832, tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, là 1 trong 30 tỉnh của cả nước. Từ năm 1909 đến năm 1945, tỉnh có 4 phủ: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức và 2 huyện Nghĩa Hành, Đức Phổ.

Xem thêm: Quốc Sử quán triều Nguyễn (2012). Đại Nam nhất thống chí. Sđd. tr. 394.

<sup>(5)</sup> Lê Quý Đôn (1977). *Phủ biên tạp lục*. Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Ngọc Tinh dịch. Nxb Khoa học Xã hội. tr. 125.

<sup>(6)</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002). Đại Nam thực lục [Tiền biên, quyển V, Thực lục về Thái tông Hiếu Triết hoàng đế]. Tập I. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Giáo dục. tr. 82.

Hồ Quang Đại lấy bà chánh thất là Phan Thị Do sinh ra 4 người con trai: Hồ Quang Tài (胡光才), Hồ Quang Ân (胡光恩), Hồ Quang Đôn (胡光惇), Hồ Quang Tăng (胡光曾), sau chính là tổ của 4 chi phái ở Nguyệt Biều. Ở Hương Cẩn, ông với bà thứ thất hạ sanh 7 người con trai, lập thành 7 phái, gồm: phái Tống Hồ (tổ là Hồ Văn Duyên), phái Hồ Tống (tổ Hồ Tống Học), phái Hồ Đức (tổ Hồ Đức Lang), phái Hồ Đăng (tổ Hồ Đăng Văn), phái Hồ Công (tổ Hồ Văn Nê), phái Hồ Hữu (tổ Hồ Hữu Đường) và phái Hồ Văn (tổ Hồ Văn Đệ)<sup>(7)</sup>.

Con cháu của Hồ Quang Đại về sau đều đỗ đạt, trở thành các trọng thần của triều đình, như: Hồ Văn Duyên làm đến chức Cai hợp. Cháu ông là Hồ Văn Mai (Tống Phước Đào) làm đến Cai cơ, khi mất được tặng Chương doanh. Đặc biệt, ái nữ của ông Hồ Văn Mai là bà Hồ Thị Đặng (Được) được nhập cung làm Hữu cung tần, rồi được tấn phong lên Chiêu Nghi. Bà sinh hạ hai người con là Ninh vương Nguyễn Phúc Thụ (1697-1738) và Luân quốc công Nguyễn Phúc Tứ (1700-1753). Đến thời Gia Long truy tôn bà là “Từ huệ Cung thực Ý đức Kính mục Hiếu Minh hoàng hậu”<sup>(8)</sup>.

## 2. Về hai đạo sắc phong “Thành hoàng” ân ban cho Hồ Quang Đại

Với sự mẫn cán trong công việc, tận tụy với quốc gia xã tắc, sinh thời ông nhận được sự tin yêu của đồng liêu, cũng như lòng kính trọng của tất cả người dân. Để tưởng nhớ công lao to lớn đó, tại làng Nguyệt Biều - nơi sinh quán của Hồ Quang Đại, người dân đã thuận lòng thiết dựng một ngôi “Miếu Ông” làm trú sở thờ tự.



Miếu Ngài Hồ ở Giáp Kiên, làng Hương Cẩn

Tại Giáp Kiên, làng Hương Cẩn (Hương Toàn, thị xã Hương Trà), có một ngôi miếu khác, tục gọi là “Miếu Ngài Hồ” cũng được xây dựng để hương khói thường niên, đồng thời nhân dân làng Hương Cẩn nhất trí tôn vinh ông làm “Bổn thổ Thành Hoàng”. Về sau, dưới triều vua Thành Thái (1889 - 1907) rồi Duy Tân (1907-1916), triều đình lần lượt ban cấp cho làng Hương Cẩn hai đạo sắc phong nhằm chuẩn hóa hoạt động thờ tự

<sup>(7)</sup> Võ Vinh Quang, Hồ Xuân Thiên, Hồ Xuân Diên (2018). “Họ Hồ làng Nguyệt Biều – Hương Cẩn và dấu ấn của Đức Xuyên từ Hồ Quang Đại với lịch sử xã hội xứ Thần kinh”. Tạp chí *Sông Hương*, số Đặc biệt (352 – 6/2018). tr. 111.

<sup>(8)</sup> Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Nxb Thuận Hóa. tr. 152.

trước đó, qua đó, xiên dương công đức Hồ Quang Đại, một danh thần lỗi lạc “sinh vi lương tướng, tử vi thần”. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu nguyên văn và dịch nghĩa hai văn bản đã đề cập ở trên:

**- Sắc phong 1:**



Sắc phong Bổn thổ Thành hoàng ân ban cho Hồ Quang Đại, 1890

**Nguyên văn**

敕承府，香茶縣，香芹社奉事本土城隍胡貴公之神，稔著靈應，向來未有預封。肆今丕承耿命，緬念神庥，著封為翊保中興靈扶之神，準依舊奉事，神其相佑保我黎民。欽哉

成泰貳年貳月貳拾日

[印:救命之寶]

**Dịch nghĩa**

Sắc ban cho xã [làng] Hương Càn, huyện Hương Trà, phủ Thừa [Thiên] phụng thờ Bổn thổ Thành hoàng Hồ quý công chi thần, linh ứng rõ rệt, từ trước đến nay chưa được phong tặng. Nay Trẫm vâng mệnh lớn, nghĩ đến công đức của thần, [nên] phong tặng Dực bảo Trung hưng linh phù chi thần, vẫn chuẩn cho [xã Hương Càn] phụng thờ như cũ. Thần hãy cùng phò trợ, bảo vệ dân ta. Khâm tai!

Ngày 20 tháng 2 năm Thành Thái thứ 2 (Ngày 10 tháng 3 năm 1890).

(Đóng ấn son: Sắc mệnh chi bảo).

**- Sắc phong 2:**



Sắc phong Bổn thổ Thành hoàng ân ban cho Hồ Quang Đại, 1909

## Nguyên văn

敕旨承天府，香茶縣，香芹社從前奉事翊保中興靈扶本土城隍胡貴公之神。節經頒給敕封，準其奉事。維新元年，晉光大禮，經頒寶詔覃恩，禮隆登秩，特準依舊奉事，用誌國慶，而申祀典。欽哉

維新參年捌月拾壹日

[印：救命之寶]

## Dịch nghĩa

Sắc chỉ ban cho xã [làng] Hương Càn, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên phụng thờ thần: Dực bảo Trung hưng Linh phủ Bồn thổ Thành hoàng Hồ quý công chi thần. Đã từng ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ phụng. Năm Duy Tân thứ nhất [1907], nhân dịp đại lễ lên ngôi, đã ban chiếu chỉ quý báu với ân tình sâu đậm, lễ tiết lớn, đặc biệt chuẩn cho [xã Hương Càn] phụng thờ như cũ, ghi chép vào ngày khánh tiết quốc gia, đưa vào “tự điển” (điển chế thờ phụng của vương triều). Khâm tai!

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (Ngày 24 tháng 9 năm 1909).

(Đóng ấn son: Sắc mệnh chi bảo).

## 3. Thay lời kết

Thành Hoàng làng là một dạng thần hiệu chung “chỉ vị thần quản lý lãnh thổ trên một khu vực nhỏ nhất từ một làng, cho đến lớn hơn là một tỉnh và lớn nhất là kinh đô”<sup>(9)</sup>. Trong hệ thống thần điện dân gian vùng Huế, Bồn thổ Thành Hoàng (hay Bồn cảnh/Bồn xứ/Bồn xã/Đương cảnh Thành Hoàng) là đối tượng được thờ cúng rất phổ biến ở các làng xã. Trong khi thần hiệu Thành Hoàng ở nhiều làng xã trên đất Huế thường được biết đến như một dạng “phiếm xưng”, thần tích không rõ ràng; thì trường hợp ở Hương Càn tuy không phải là cá biệt, song, có thể nói rất đặc biệt khi một “nhân thần” được người dân tôn phong làm phúc thần.

Hồ Quang Đại là một danh thần xuất thân từ con đường khoa bảng, ông thi đỗ thủ khoa, khoa thi năm 1652. Sau đó, ông lần lượt đảm nhận các chức vụ trọng yếu của chính quyền Đàng Trong, từ Văn chức, Tri huyện Phú Vang, Tri phủ Thăng Hoa, rồi Thị giảng Tri Kinh diên. Đặc biệt, ông là thầy dạy của hai vị chúa (Nguyễn Phúc Thái, Nguyễn Phúc Chu), chính vì thế sau khi ông mất được truy tặng: Phúc Đức quốc sư. Gia tộc họ Hồ kể từ ông trở đi với truyền thống của một dòng dõi thế phiệt trâm anh đã sản sinh cho quê hương rất nhiều vị danh thần lỗi lạc.

Hồ Quang Đại nổi tiếng khí khái, cốt cách can trọng, nghiêm cẩn, trong thời gian nhậm chức, ông được bạn bè kính mến, nhân dân một lòng tôn kính. Do đó, sau ngày ông tạ thế, người dân Nguyệt Biều tỏ lòng thương tiếc, lập miếu để thờ. Điều đó càng chứng tỏ công lao và uy tín của ông đối với người dân. Qua dẫn giải ở trên, có thể khẳng định rằng, Hồ Quang Đại là một trong những hình mẫu nhân sĩ trí thức tiêu biểu. Tên tuổi của Đức Xuyên tử không chỉ lưu danh trong chính sử, mà hơn thế, dấu ấn sự nghiệp của ông đối với các làng xã vẫn còn rất đậm nét. Chính vì lẽ đó, vào ngày 03 tháng 4 năm 2023, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định số 706/QĐ-UBND, xếp hạng Nhà thờ Hồ Quang Đại (phường Thủy Biều, thành phố Huế) là di tích lịch sử (lưu niệm danh nhân) cấp Tỉnh. ■

<sup>(9)</sup> Trần Đại Vinh (1995). *Tín ngưỡng dân gian vùng Huế*. Nxb Thuận Hóa. tr. 102.

# LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI PACÔ

■ TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG

**N**gười Pa Cô có quan niệm vạn vật hữu linh cho nên những lễ nghi tôn giáo gắn liền với hoạt động sản xuất, sinh hoạt, quan hệ xã hội trong cộng đồng đã tạo nên những lễ hội đặc trưng. Các nghi lễ, lễ hội này gắn liền với các hoạt động kinh tế nương rẫy cổ truyền<sup>(1)</sup> đa phần các lễ hội được tổ chức vào sau mùa vụ, đây là khoảng thời gian nông nhàn trong năm, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần với nhiều hình thức vui chơi nghỉ ngơi sau một mùa vụ sản xuất mệt nhọc.

Với người Pa Cô, các nghi lễ liên quan đến sản xuất kinh tế nông nghiệp chiếm một phần lớn trong hình thức sinh hoạt tín ngưỡng. Bởi chu kỳ của một vụ mùa nông nghiệp bao giờ cũng đối diện với những thử thách như được mùa hay mất mùa và nhiều mối đe dọa từ thiên nhiên như mưa đá, giông tố, sấm sét, lốc, gió bão, lũ lụt, hạn hán, sâu bọ hại cây trồng. Vì vậy, mối quan tâm hàng đầu của người Pa Cô là đón nhận sự ban bố những ân huệ của thiên nhiên đó là hình tượng của các vị thần (Yàng) như Thần Trời, thần Đất, thần Sông suối, thần Rừng, thần Núi và các thần Cây cối. Trong đó, cây lúa là nguồn lương thực chính đóng một vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng, những lễ thức tín ngưỡng đều gắn với quy mô toàn cộng đồng hay trong phạm vi gia đình, dòng họ, đều xoay quanh thần lúa hiện thân Yang Haro. Hình ảnh và quyền năng của Yang Haro không chỉ gắn với một vụ mùa bội thu mà còn liên quan đến sự nguy an của cả cộng đồng. Vì thế, nghi lễ trong chu kỳ canh tác nông nghiệp liên quan đến thần Lúa thường có các lễ như: Lễ tria lúa (churót); Lễ cúng khi tria xong (Đâm pê vác); Lễ cúng khi lúa sắp lên bông (Prêlich); Lễ cúng trước khi thu hoạch (Xót haro têmêe); Lễ cúng đưa lúa về kho (Chêrê quách Avĩ); Lễ cúng lúa mới khi thu hoạch xong (Bhuôih Avĩ têmêe).

Ngoài một số lễ liên quan đến sản xuất phục vụ đời sống hàng ngày, thì người Pa Cô còn có các lễ hội truyền thống đặc trưng mang đậm bản sắc văn hóa của mình đó là lễ mừng lúa mới (Ariêu Aza), lễ dời mả (Ariêu ping) và lễ Ariêu Car.

## 1. Lễ hội mừng lúa mới Ariêu Aza

Đây là lễ hội mang tính cộng đồng mang nhiều ý nghĩa: Nghi lễ cuối cùng trong năm, khép lại một chu kỳ sản xuất, đồng thời là lễ hội đầu tiên của chu kỳ sản xuất mới, năm mới, mở ra khoảng thời gian nông nhàn, vui chơi trước khi bước vào vụ mùa mới.

Ariêu Aza là một lễ hội phản ánh rõ nét sinh hoạt kinh tế nương rẫy, xét về tính chất, thì lễ hội Ariêu Aza có ý nghĩa như lễ tết đón năm mới của người Việt. Những năm được mùa lớn, trong lễ vật dâng Yang của làng, gồm cơm trắng, xôi, bánh Aquat bằng loại gạo, nếp ngon nhất, những tấm vải Dèng, những hạt giống cây trồng tốt nhất, đẹp nhất, rồi mô dê, heo, gà...ngoài các thứ khác ra còn có trâu, và được tổ chức kéo dài trong nhiều ngày với nhiều nghi thức: đâm trâu, cúng tế, ăn uống, hò hát nhảy múa, vui chơi.

Nội dung chính của lễ hội Ariêu Aza là cúng tạ ơn các vị thần linh, đặc biệt là thần lúa đã phù hộ cho một mùa bội thu, bản làng yên vui và cầu xin sự bội thu trong mùa rẫy mới. Bởi thế, trong ý nghĩa của con vật hiến sinh cho Yang, lễ mừng lúa mới chính

1: Trần Nguyễn Khánh Phong: *Lễ chọn đất làm nhà và cúng nương rẫy của người Pa Cô*. Tập san Văn hóa Huế, số 43.2021, trang 197 - 200.

là cầu mong cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đẩy lùi bệnh tật, khắc nghiệt của thời tiết cho cộng đồng trong mùa vụ mới. Tính chất quan trọng và linh thiêng của lễ này còn được phản ánh qua những quy định về kiêng cử nhằm hạn chế xui xẻo đối với dân làng cũng như khách mời tham dự.

Đây là lễ hội có quy mô lớn nhất trong năm nên trách nhiệm, quyền lợi của các thành viên đối với bản làng luôn được tuân thủ. Bởi thế, trong những ngày diễn ra lễ hội bản làng trở nên rộn ràng hơn, đầy sức sống bởi không khí náo nức chuẩn bị của mỗi thành viên, trong từng gia đình.

Nhà làng được sửa sang, sân làng được dọn sạch, trang hoàng lại cổng làng, hàng rào, các loại cổng chiêng, chum ché, vũ khí được lau chùi, đem ra trưng bày tại phòng khách của nhà làng. Trai làng rủ nhau vào rừng săn bắn, các cô gái xuống suối bắt cá để chuẩn bị thực phẩm cho ngày hội, chọn gỗ tốt làm cột đâm trâu, tuyển chọn trâu...những công việc này đòi hỏi sự cầu kỳ và đầu tư nhiều công sức nhất là trang trí cây nêu và cột đâm trâu.

Mỗi gia đình trong làng thường chuẩn bị cho mình ba mâm cúng, đó là mâm dành cho Yàng đất rừng, mâm dành cho Yàng Haro (thần Lúa) cùng các loại giống cây trồng và mâm dành cho người đã khuất. Mâm cúng thể hiện điều kiện của mỗi gia đình, đối với gia đình khá giả lễ vật cúng thường có dê, heo. Đối với gia đình khó khăn, ngoài các món ăn truyền thống thường có thêm con gà trong mâm lễ. Trong lễ hội Ariêu Aza, các vị khách mời chủ yếu là con cháu trong làng. Tập tục này gọi là Târ lênh, lễ báo cáo cho Yàng và tổ tiên con cháu về làng dự hội.

Sau khi các gia đình đã chuẩn bị lễ vật xong, thanh niên trai tráng của làng thừa lệnh trưởng làng đánh lên những tiếng keng báo hiệu thời khắc lễ hội Ariêu Aza đã đến. Sau tiếng keng ngân vang, nhà nhà trong làng thắp hương, đốt đèn và bắt đầu cúng thần linh. Quanh không gian lễ hội Ariêu Aza, những tấm vải Dèng được treo tạo thành một gian hành lễ. Mỗi gia đình có cách treo các tấm vải Dèng khác nhau. Lễ vật được bày biện trang trọng. Nghệ nhân ưu tú Hồ Văn Hạnh cho biết *“Bà con làm lễ hội Ariêu Aza để tạ ơn các Yàng đã ban phúc lành, tạo nên những mùa màng no ấm và cầu mong nương rẫy luôn xanh tươi, mùa màng bội thu, nhà cửa bình an, mọi người trong nhà khoẻ mạnh. Mong sao sang năm mới có nhiều điều phát đạt, con cái học hành tiến bộ hơn”*<sup>(2)</sup>.

Tổ chức cúng Yàng trong nhà xong, mỗi gia đình mang lễ vật đến nhà sinh hoạt cộng đồng của làng để tổ chức cúng Yàng chung của làng. Đó là những vị thần bảo hộ cho làng và những người thành lập làng. Ngày trước, phần lễ vật dành cho làng sẽ được mang đến nhà của trưởng làng để chung vui. Từ khi có nhà sinh hoạt cộng đồng, hoạt động này thường được tổ chức ở đây, sau đó mâm lễ được góp lại chung vui với mọi người trong làng.

Sau nghi thức cúng Yàng chung của làng, trưởng bản đánh chiêng, trống báo hiệu sự vui mừng của bà con cho mùa mới, năm mới bắt đầu. Trong tiếng chiêng, trống ngân vang, các nam thanh nữ tú của làng bắt đầu đi vòng quanh nơi cúng Yàng của làng và múa điệu Pochiêngcoon (điệu tuốt lúa) để tái hiện công việc nương rẫy của một mùa đã

<sup>2</sup> Trần Nguyễn Khánh Phong: *Du lịch trải nghiệm qua hai di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Nghệ dệt Dèng và lễ Aza của người Tà Ôi - Pa Cô huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế*. Thừa Thiên Huế, 2020, Đề tài đạt Giải Khuyến khích cuộc thi Sáng tạo Kỹ thuật lần thứ X năm 2020 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế, trang 60, 61.

qua. Điều múa đó cũng bày tỏ mong muốn mùa rẫy mới được bội thu hơn, một mùa vụ mới bắt đầu. Đó cũng là bắt đầu một năm mới với đồng bào Pa Cô, cho nên lễ hội Ariêu Aza hiện nay vẫn còn lưu giữ cơ bản những nghi thức truyền thống, ở đó đồng bào Pa Cô có niềm tin về sự no ấm mà mùa lúa mới, mùa rẫy mới sẽ mang lại. Ariêu Aza như sợi dây kết nối xóm làng thêm gắn bó, bền chặt.

Trước đây, người Pa Cô quan niệm sự may mắn của năm mới phụ thuộc vào người đâm trâu khi con trâu chết ngay hay đợi một lúc sau mới chết, máu ở vết đâm phun ra mạnh hay yếu. Tuy nhiên, điều này còn phụ thuộc vào tính chất của lễ hội khi có tổ chức lễ hiến sinh thì mới có tục đâm trâu. Trong lễ hội mừng lúa mới, trâu thường được giết chết bởi một nhát lao quyết định của vị chủ lễ - chủ làng. Khi trâu chết, nếu mặt trâu ngửa lên trời, người ta cho rằng đó là điềm xấu, nếu trâu nằm nghiêng quay về phía nhà làng hoặc nơi có vị chủ làng đứng, chứng tỏ sự khuất phục, đồng ý, năm đó làng sẽ không có tai ương, dịch bệnh, không bị mất mùa.

Nghi lễ đâm trâu vốn có nguồn gốc từ tục hiến sinh cầu mùa, cầu an xa xưa, rất phổ biến trong các cư dân nông nghiệp, bởi máu được như là chất liệu kết nối, thúc đẩy mối giao hòa giữa hai yếu tố trời và đất và thông thường từ 5-7 năm mới có thể tổ chức lễ hiến sinh lớn bằng lễ cúng trâu và có thể là trâu đen hoặc trâu trắng tùy thuộc vào tính chất và kinh tế của cộng đồng làng.

Trong hoạt động tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp, nghi lễ đâm trâu là dấu vết của thời kỳ hoang sơ, có điệu múa hùng tráng, đầy tinh thần thượng võ của già làng và các thợ săn của làng mang nội dung diễn tả những hình ảnh xa xưa, phản ánh các hoạt động kinh tế chiếm đoạt của giai đoạn tiền nông nghiệp là săn bắn, hái lượm. Trong lễ hội mừng lúa mới, nghi lễ đâm trâu phản ánh ý nghĩa sâu xa nhất của lễ hội, mà qua đó người xem có thể hiểu được tâm tính, quan niệm, nhân sinh quan cũng như thế giới quan của các tộc người ở đây.

Sau nghi lễ đâm trâu, tiếng trống, tiếng chiêng vang lên như thâu gọi hồn thiêng sông núi, như dững khí xưa đuổi tà ma, càng làm cho buổi lễ thêm linh thiêng, tạo chất men nối kết cộng đồng trong sự thúc giục gọi mời của những điệu vũ Zazã, Tântung, của những lời ca Cha chấp, Ba bói, Xiêng đối đáp, Oát và Atêravinh.

Lễ hội Ariêu Aza đánh dấu thời điểm kết thúc của một năm làm việc và mở ra một năm làm việc mới. Tuy thời gian tiến hành của mỗi làng có khác nhau vì ngày tổ chức do làng quyết định, song lễ hội Ariêu Aza của tất cả các làng ở cộng đồng Pa Cô thường được tổ chức trong tháng 11 Âm lịch.

Già làng Ku Xết, thôn Pi Reh 1, xã Hồng Thủy, cho hay “*Từ đời ông, cha năm nào cũng tổ chức lễ Ariêu Aza, nên đến nay chúng tôi tiếp nối. Ariêu Aza thuộc lễ hội truyền thống của bà con Pa Cô. Phong tục này được lưu truyền đến nay vẫn còn giữ nguyên bản các nghi lễ. Nhà nào dù nghèo khó thì trong mâm cúng ít nhất cũng phải có con gà để cúng tạ ơn các thần linh. Qua lễ Aza, thể hiện sự đoàn kết của các gia đình trong làng mình*”<sup>(3)</sup>. Trong số các lễ hội của đồng bào Pa Cô, Ariêu Aza là lễ hội quan trọng thứ hai của dân làng sau lễ Ariêu ping, do vậy mỗi khi làng tổ chức, con em trong làng

<sup>3</sup> Tư liệu điền dã của Trần Nguyễn Khánh Phong ngày 20 tháng 7 năm 2018, gặp già làng Ku Xết tại thôn A Năm, xã Hồng Vân để chuẩn bị cho lễ hội Ariêu Aza tổ chức theo kế hoạch của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế lam hồ sơ công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

dù làm ăn xa cũng quay về để cùng đón lễ với gia đình, làng xóm. Lễ Ariêu Aza được đồng bào chú trọng đến từng gia đình, dòng họ riêng trong nghi lễ.

Lễ hội Ariêu Aza không chỉ là lễ hội, là ngày tết vui tươi nhộn nhịp mà còn thể hiện lòng thành kính đến các vị thần linh, lòng biết ơn đến mẹ của các giống cây trồng đặc biệt là bà mẹ lúa đã nuôi dưỡng lớp lớp con cháu từ thế hệ này đến thế hệ khác. Lễ hội Ariêu Aza để khẳng định tình cảm gắn bó thiêng liêng sống chết có nhau, no đói cùng nhau của con cháu làng bản.

Và trong cuộc sống hiện đại hôm nay, lễ hội Ariêu Aza vẫn còn sống mãi trong lòng người Pa Cô, điển hình nhất là ngày 20/12/2018, lễ tết Aza có quy mô lớn nhất từ trước đến nay của người Pa Cô được phục dựng, bảo tồn theo đúng nghi lễ truyền thống tại làng A Năm, xã Hồng Vân, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lần này do UBND huyện A Lưới phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh tổ chức nhằm củng cố hoàn thiện hồ sơ lễ tết Aza là di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia. Theo đánh giá của lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh thì *“Đây được xem là vấn đề cấp thiết, bởi hiện nay, còn rất ít già làng, trưởng bản am hiểu tường tận lễ hội này, nếu để lâu những người này tuổi cao sức yếu mất đi thì chúng ta khó có tư liệu sống để phục dựng lại được”*. Và ngày 20/12/2019, lễ Aza Koonh (lễ mừng lúa mới) của người Pa Cô, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế được đưa vào Danh mục là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, theo Quyết định số 4582/QĐ-BVHTTDL. Ngày 18/1/2020, tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế đã đón nhận bằng công nhận lễ hội Aza Koonh là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Trong lễ đón nhận bằng công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, đồng bào Pa Cô huyện A Lưới đã dày công chuẩn bị đầy đủ các nghi thức từ đơn giản đến phức tạp nhằm tái hiện lại lễ Aza Koonh trong không khí vui tươi, nhộn nhịp, người dân cùng nhau quây quần, ăn uống, chúc tụng, chia sẻ những kinh nghiệm trong chăn nuôi, trồng trọt, giúp nhau phát triển kinh tế và cùng nhau thể hiện các làn điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ, cùng hòa nhịp trống, chiêng bằng những giai điệu âm áp tình người, thể hiện tinh thần đoàn kết, thiêng liêng giữa con người với con người.

Để được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thì trước đó 3 năm, các làng đồng bào Pa Cô đã thường xuyên tổ chức lễ Aza Koonh nhằm khôi phục và thu thập thêm thông tin để hoàn thiện hồ sơ di sản.

Năm 2020, xảy ra nhiều biến động do thiên tai dịch bệnh nên người dân không tổ chức lễ hội, thay vào đó họ chú trọng vào những nghi lễ chính để vừa giữ được truyền thống, giữ được lễ hội quan trọng *“Ariêu Aza là lễ hội lớn và quan trọng nhất trong năm. Cùng với những nghi lễ tâm linh để cầu mùa màng bội thu, dân làng được sống yên vui, sự kết nối tình cảm của người dân khiến cho họ biết trân trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa”*<sup>(4)</sup>.

## **2. Lễ dòi mả (Têeng ping/Ariêu ping)**

Đối với người Pa Cô khi kết thúc một chu kỳ vòng đời người thì lễ dòi mả là một nghi lễ không thể thiếu, là sự kết nối nhiều yếu tố văn hóa, tín ngưỡng trong quan hệ giữa người sống và người chết. Vì đây là lần tiễn biệt cuối cùng mà người sống dành cho người đã

<sup>4</sup> Tư liệu điền dã của Trần Nguyễn Khánh Phong ngày 20/8/2021, gặp già làng Hồ Văn Hạnh tại thôn Lê Triêng 1, xã Trung Sơn, huyện A Lưới.



khuất, cũng là sự giải phóng tâm lý đối với người sống, thể hiện ước vọng cầu mùa, nhu cầu âm nhạc, nghệ thuật tạo hình trong đời sống tín ngưỡng của cộng đồng.

Trong lễ dơi mã của người Pa Cô, các giá trị nghệ thuật được bàn tay của các nghệ nhân thể hiện những họa tiết trang trí rất sinh động trên và trong nhà mồ, chúng ta thường bắt gặp các loại tượng người phụ nữ múa, người đàn ông thổi khèn và đánh trống, người ngồi hút thuốc với chiếc tẩu dài, biểu tượng cho chủ làng. Những tượng người này thể hiện sự chia ly giữa người sống và người chết, theo cách giải thích của họ thì đây là một hình thức đánh lừa ma trong giai đoạn vĩnh biệt này. Các hoa văn khác như mặt trời, mặt trăng, các hoa Atút (lá cây đùng đình), cá, gà, chim, biểu tượng Apoal đều thể hiện một tư duy lưỡng hợp mang tính hài hoà, những con vật này thể hiện được mối quan hệ xã hội giữa nhà trai, nhà gái mang tới. Ngoài ra, cũng có thể linh hồn của chúng khi chết sẽ về bên nhà mồ, kéo theo bầy đàn của chúng để đi theo người chết qua thế giới bên kia.

Trong lễ dơi mã, nghệ thuật diễn xướng của các tộc người ở đây thể hiện rất đặc trưng. Khi trâu đã vào cột thì suốt đêm, tiếng cồng, chiêng, cùng tiếng trống nổi lên, nhiều vũ điệu Tântung của đàn ông, phụ nữ Zazã đều đi vòng quanh con trâu nhảy theo nhịp trống, cồng chiêng và những bài dân ca Ra rọi đầy tính triết lí nhân sinh trong cuộc sống.

Đây là giai đoạn chuyển tiếp cuộc chia ly nên lễ dơi mã thường kéo dài 3 ngày cho voi bót niềm thương nhớ, cũng như người sống sẽ được hồn thiêng che chở. Là giai đoạn cuối cùng của vòng đời, kết thúc bằng nghi lễ ma chay để từ đó, bắt đầu một hành trình mới về với tổ tiên. Từ nay hồn người chết thuộc một thành viên của Yàng Camoách/ Yàng Cu múi. Đây là một cuộc tiễn đưa người thân đến nơi tổ tiên của họ.

Lễ hội Ariêu ping hay còn được gọi là lễ dơi mã thường tổ chức từ 5 năm đến 10 năm một lần. Bởi vì đến thời gian đó xương cốt của người quá cố đã khô sạch. Nhà mồ cũng đã cũ nát cần thay lại nhà mồ mới đẹp để khang trang hơn. Đây là lễ hội lớn linh thiêng nhất của cộng đồng, cho nên họ rất thận trọng trong khâu chuẩn bị và chọn thời gian thuận lợi nhất để tiến hành tổ chức. Thông thường lễ hội này diễn ra vào mùa hè, là thời điểm nắng ráo rất thuận lợi cho việc chuẩn bị các nguyên vật liệu cho các món ăn, thức uống đặc biệt để tiếp đãi khách cũng như nguyên vật liệu để dựng nhà mồ mới.

Trong lễ hội Ariêu ping cần phải qua các bước như sau:

- *Làng họp bàn và đi mời khách* (Tâng hung veel - Tân teeng): Già làng là người có trách nhiệm tập họp lại các gia đình, dòng họ cùng nhau bàn bạc kĩ lưỡng từ cách thức tổ chức, lễ vật cúng tế, địa điểm để dựng lán trại, chôn cọc nêu, số lượng khách được mời, lương thực thực phẩm đều được tính toán đầy đủ.

- *Lễ tẩy rửa sự ô uế và tục gọi hồn người đã mất* (Axa arah - Pa xool ku mụi): Đây là một nghi lễ rất quan trọng trong lễ hội linh thiêng này. Nó như một dòng nước linh nghiệm để rửa sạch mọi tội lỗi như bản do con cháu gây nên.

- *Dựng nhà mồ mới và trang trí hoa văn cho nhà mồ* (Chooh piing - Taraan piing): Sau khi đã tìm kiếm đầy đủ, các loại vật liệu này được đưa về tập trung ở đầu làng. Tại đó với sự chỉ đạo của già làng họ cùng nhau đục đẽo chạm trổ các thứ như: quan tài nhỏ (giống như cái tiều), tượng nhà mồ, mái lợp, hoa văn trang trí.

- *Các nghi lễ liên quan đến việc bốc mộ*: Đây là bước chính của lễ hội Ariêu piing, ở khâu này có các lễ nghi nhỏ được người dân trong làng chuẩn bị rất chu đáo. Gồm các

công việc đi bốc mộ (Rộ ku mụi), lễ cúng sân bãi và lán trại (Pa cheen Âng kum Ân traap), lễ nhận lỗi - chịu phạt và mời người quá cố vào (Nhin phạt ka vô - Ku mụi), lễ rước linh hồn người chết vào lều ma (Amoor Ku mụi), lễ đâm trâu và nuôi linh hồn người quá cố (Chật ti rĩa - Chiem ku mụi).

Ngày cuối cùng của lễ hội Ariêu ping, vào buổi sáng sớm già làng và các trưởng họ tiến hành làm lễ tiễn đưa người quá cố (Ka lỳh ku mụi - Pa chòo tâm mooì) với lời khấn “*Lễ hội Ariêu piing đến đây đã hết, mời tổ tiên người quá cố về nhà mồ mới cho vui lòng mát dạ. Cầu mong tổ tiên người quá cố phù hộ cho làng bản con cháu khoẻ mạnh, làm ăn phát đạt, tránh được rui ro đau ốm để con cháu lại có điều kiện làm nhà mồ mới cho người quá cố to đẹp hơn*”<sup>5</sup>).

Nghi lễ vừa kết thúc, họ trở lại lán trại để tiến hành một nghi lễ cuối cùng của lễ hội là tiễn khách ra về. Đây là một nghi lễ khá đơn giản, mỗi gia đình chỉ cần chuẩn bị sẵn một cặp bánh A quát, hay một nải chuối hoặc một cây mía. Ý nghĩa của nghi lễ này là để thông báo cho con cháu làng bản, thần nhà, thần sân làng là lễ hội Ariêu ping đã kết thúc, muốn đi đâu làm việc gì cũng không còn kiêng cử nữa. Nghi lễ Zi zaar kết thúc thì đồng nghĩa với lễ hội Ariêu ping khép lại, phải chờ đến 5 hoặc 10 năm sau lại diễn ra.

Lễ hội Ariêu ping là lễ hội lớn và linh thiêng nhất của người Pa Cô, đây là một truyền thống văn hóa tốt đẹp mang ý nghĩa sâu sắc, nghĩa tình thiêng liêng giữa người sống với người đã khuất được lưu truyền từ đời này sang đời khác và ngày nay vẫn được lưu giữ và duy trì<sup>6</sup>).

### 3. Lễ Ariêu Car

Người Pa Cô gọi lễ Ariêu Car là ngày hội đoàn kết, mỗi đoàn kết giữa các gia đình, dòng họ trong một làng với nhau, đoàn kết giữa làng này với làng khác. Sở dĩ có ngày hội này là vì từ ngàn xưa, nơi hoang vu rừng núi, người Pa Cô sống trên những khu vực khác nhau, họ thường đối mặt với những đe dọa thử thách thú dữ, kẻ thù. Vì thế, liên kết để sống còn trở thành một nhu cầu của họ. Và nhu cầu ấy đã chuyên hóa thành lễ Ariêu Car. Lễ hội này đến nay vẫn được người Pa Cô duy trì và trở thành một nét đẹp truyền thống.

Thông thường lễ Ariêu Car được tổ chức 5-7 năm một lần, hoặc 10 năm một lần tùy thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế, thiên tai, thời tiết, dịch bệnh, mất mùa. Cộng đồng sẽ có sự phân công cho từng làng tổ chức Ariêu Car kiểu luân phiên nhau. Thời gian để tổ chức lễ Ariêu Car thường diễn ra sau khi việc tria lúa rẫy đã xong.

Buổi chiều, ngày diễn ra Ariêu Car, ở sân của làng tổ chức, các già làng, các trưởng dòng họ, các chủ đất, những người có vai vế ở các làng kết nghĩa sẽ cùng tập trung về nơi tiến hành lễ hội. Một già làng của làng tổ chức ra gần cổng làng, đánh một điệu chiêng có nhịp chậm để báo hiệu. Đoàn khách của làng bắt đầu đi vào làng. Họ vừa đi vào làng, hướng về nhà khách của làng, vừa đánh chiêng, đánh trống, thổi khèn, thổi sáo.

Tại nhà khách của làng, một tiệc rượu đón khách đã được bày sẵn. Tiệc có bánh sừng trâu, rượu cần, rượu mía, xôi, thịt gà luộc. Trong tiếng nhạc, đoàn khách của làng cùng

<sup>5</sup> Trần Nguyễn Khánh Phong: *Lễ hội Ariêu ping của người Pa Cô*. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 2(91).2012, trang 111.

<sup>6</sup> Trần Nguyễn Khánh Phong: *Lễ hội Ariêu ping của người Pa Cô*. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 2(91). 2012, trang 103-114.



người làng nhảy múa, hát hò.

Ở nghi thức đón khách này, có phần đấu trí bằng lời ca tiếng hát được các trưởng làng thực hiện bằng điệu hát Ba bói. Mỗi bài hát được các trưởng làng hát lên lấy những hình ảnh mang tính biểu tượng để diễn đạt các thách đố, mà qua đó, trưởng làng chủ nhà phải giải đáp hoặc hóa giải bằng các lý lẽ của mình. Khi đã bằng lòng với sự giải đáp của trưởng làng chủ nhà, đoàn khách của làng mới tiếp

tục thực hiện nghi thức đâm trâu trong đại lễ đoàn kết Ariêu Car.

Nơi diễn ra nghi thức đâm trâu là trung tâm sân của làng chủ nhà. Đoàn khách của làng sẽ vừa đi vừa múa, hát, vừa tấu nhạc và hướng về sân hành lễ. Ở đó, mỗi dòng họ có một con trâu, bò hoặc dê đã được cột sẵn vào cột. Làng chủ nhà còn có riêng một con trâu hoặc bò được cột ở cột lễ. Đó là cái cột dùng để cột con trâu, con bò dùng cho một trưởng làng khách mời dùng lao để đâm. Cái cột ấy có sự trang trí các hoa văn mang bản sắc Pa Cô với đỉnh cột là hoa văn hình mũi thuyền màu trắng viền các viền đỏ.

Đoàn khách của làng, khi tới sân hành lễ, hòa cùng đoàn người của làng chủ nhà, vừa đi vòng quanh sân hành lễ theo hướng ngược chiều kim đồng hồ vừa ngâm vang những câu chúc tụng, vừa đánh chiêng, đánh trống một cách náo nhiệt. Có người thì cầm một ngọn cây mía để còn nguyên ngọn lá vừa nhip chân vừa đung đưa ngọn mía. Người khác thì vác cả một ống nứa chứa rượu mía hoặc rượu sắn để rót vào những chiếc cốc bằng tre, nứa cho khách, cho những người tham dự lễ. Nghi thức múa hát quanh sân lễ đâm trâu được đồng bào Pa Cô sử dụng điệu múa Xiatyría (điệu múa đâm trâu).

Sau khi thực hiện 7 vòng quanh sân lễ, vị trưởng làng chủ nhà hát một bài theo thể Ba Bói mời một trong các vị trưởng làng khách mời thực hiện nghi thức đâm trâu. Thông thường, vị trưởng làng chủ nhà thường hát rằng:

*Ai là người tinh mắt như chim đại bàng bay trên trời cao?*

*Ai là khéo luôn lách như con cá dưới nước?*

*Nâng tảng đá và dời được núi.*

*Uy nghi ấy ai làm được chăng?*

Trước đó, trong đoàn trưởng làng khách mời, các vị đã có sự thỏa thuận với nhau và chọn người đâm trâu giỏi nhất để thực hiện đâm trâu. Vì thế, vị trưởng làng khách mời được chọn sẽ ra hát đối đáp lại. Rằng:

*Mũi tên bắn bay nhanh lắm nên có ai tránh né được đâu.*

*Tháo cái kè thì nước suối chảy mạnh.*

*Mũi tên để bảo vệ xóm làng ta.*

*Cái kè để bảo vệ ruộng nương ta<sup>(7)</sup>.*

Vừa hát, vị trưởng làng khách mời vừa nhún nhảy và cầm một con gà mái tiến ra

<sup>7</sup> Tư liệu điền dã của Trần Nguyễn Khánh Phong ghi lại ngày 15/7/2019, do nghệ nhân Võ Lang, làng Đụt, xã Hồng Kim, huyện A Lưới cung cấp.



giữa sân lễ. Vị trưởng làng khách mời sẽ hát một bài hát ca ngợi các vị thần, ca ngợi sự ban ơn của các vị thần cho cộng đồng được yên bình. Con gà mái biểu trưng cho sự tiếp nối, sinh sản và phát triển. Đó còn là sợi dây ban ơn của các thần linh cho người Pa Cô. Hát xong, ông ta đưa con gà mái cho một người

thanh niên để cột lên cột đâm trâu. Xong, vị trưởng làng khách mời tiến tới chỗ trưởng làng chủ nhà và hát tiếp một bài khác theo điệu Ba bói. Vị trưởng làng chủ nhà sẽ trao cây lao cho trưởng làng khách mời. Vị trưởng làng khách mời cầm ngọn lao tiến về phía con trâu hiến lễ. Nhanh như cắt, vị trưởng làng khách mời phóng ngọn lao vào nách trái của con trâu. Chưa đầy 1 phút sau, con trâu đã nằm sổng soài dưới chân cột lễ.

Vinh dự đâm trâu trong lễ Ariêu Car được dành cho một trưởng làng khách mời vừa thể hiện tình cảm vừa thể hiện sự nhún nhường, sự sẻ chia và lòng son sắt của tình anh em, bè bạn.

Nghi lễ đâm trâu đã xong, các dòng họ của làng chủ nhà xẻ thịt những con trâu, bò, dê cúng tế của mình để chuẩn bị mời đoàn khách vào ban đêm. Đó là đoàn Razoọc, đoàn khách tự do của các làng xung quanh và các làng kết nghĩa. Đoàn Razoọc đủ mọi thành phần, nhiều lứa tuổi khác nhau, có thể bao gồm cả những già làng. Đó vừa là một đoàn khách vừa là một nghi thức hòa hợp của các làng, các tầng lớp. Nghi thức Razoọc còn là nghi thức mừng cho sự chuyển giao thời gian giữa đất trời và con người. Đến trước mỗi nhà, những người trong đoàn Razoọc nhảy múa và hát những bài hát ca ngợi tình yêu thương, đùm bọc cộng đồng.

Tuy nhiên, đoàn Razoọc lại là một đoàn khách mang tính hiếu lễ, hiếu khách của mọi nhà. Trong lễ Ariêu Car, nếu nhà nào không có đoàn Razoọc đến có nghĩa là nhà đó không may mắn, không được lòng mọi người, thần linh sẽ không ban ơn cho nhà đó. Vì thế, ai cũng cố gắng làm những món ngon, chuẩn bị rượu ngon để đoàn Razoọc ghé đến.

Cùng lúc đó, tại nhà khách của làng chủ nhà, buổi trình diễn âm nhạc được các trưởng làng, già làng và các nghệ nhân ở các làng mở ra. Đây là buổi mừng vui có ý nghĩa tạo sự liên tục không ngừng nghỉ trong thời gian diễn ra lễ Ariêu Car. Những người tham gia sẽ múa, sẽ tấu nhạc đến khi diễn ra nghi thức Razoọc. Vẫn là điệu hát chủ đạo Ba bói, các vị trong hội đồng già làng của làng chủ nhà sẽ phải hát Ba bói để đối đáp những thử thách, những ẩn ý từ khách mời. Nếu chủ nhà không đối đáp được thì sẽ bị cười chê. Buổi hát đối đáp đó thường diễn ra từ chiều cho đến tối. Họ chỉ dừng khi tất cả đã hài lòng và đoàn Razoọc mới bắt đầu đi đến các nhà.

Sau khi nhận sự chia sẻ của các chủ nhà xong, các nhóm của đoàn Razoọc hướng về sân trung tâm để thực hiện phần kết thúc của nghi thức Razoọc. Cả đoàn Razoọc cùng

người làng chủ nhà đứng quanh sân và chuẩn bị. Một đồng lửa được đốt lên. Mọi người nhảy múa một cách tự do tùy thích. Họ chỉ quan trọng là sự hoà đồng giữa người với người. Họ sẽ hát, múa đến khi nào đồng lửa giữa sân hết cháy thì thôi. Khách mời sẽ ra về khi mặt trời chưa kịp nhú lên.

Lễ Ariêu Car là dịp hiếm hoi để các tầng lớp của cộng đồng Pa Cô thể hiện sự đoàn kết, đùm bọc và yêu thương ở quy mô liên làng. Sự ngăn cách của rừng núi khiến cho các làng ít có cơ hội giao lưu, vì thế, Ariêu Car trở thành ngày hội lớn nhất trong các ngày hội để cộng đồng Pa Cô gắn bó bền chặt hơn.

Ngày nay, tục đâm trâu đã được thay thế mang tính biểu trưng bằng những con vật hiền sinh khác như heo, gà, dê mà thôi. Càng ngày nghi lễ này càng được mở rộng với nhiều mục đích, ý nghĩa khác nhau để trở thành một sinh hoạt văn hóa có tính cộng đồng mang nhiều ước vọng: tổ chức trong phạm vi gia đình (cưới hỏi), dòng họ (vào dịp bỏ mã, cải táng cầu an) và toàn cộng đồng (vào dịp cúng cơm mới, khánh thành nhà làng, kết nghĩa...).

Ngày 17/5/2009, tại huyện A Lưới đã tổ chức lễ hội Ariêu Car có quy mô lớn nhất từ trước đến nay với sự tham dự của liên làng A Diên (xã A Ngo), Pa Đu (xã Hồng Quảng), A Tia (xã Hồng Kim) và Paring (xã Hồng Hạ), lễ hội là dịp hội tụ các già làng, trưởng họ nổi tiếng xưa nay ở A Lưới, họ trở tài hát lý, nhảy múa, trình diễn nhạc cụ và đặc biệt là có lễ đâm trâu trắng đã tái hiện lại đầy đủ những giá trị của lễ hội. Sau lễ hội là tinh thần đoàn kết keo sơn gắn bó để vượt qua khó khăn thử thách trong cuộc sống, chống chọi lại thiên nhiên khắc nghiệt và xây dựng cuộc sống ấm no được các làng kết nghĩa khắc sâu ghi nhớ. ■

## NGÀN THƯƠNG



*Tháng 5 em về thăm Huế  
ngắm con diều biếc dùng dằng  
gió chiều mênh mang Thôn Vỹ  
mang tình Dương Nỗ xa xăm*

*Mùa này phương đang còn thắm  
rực hồng thấp lửa bên sông  
thuyền ai êm đềm xuôi mái  
đêm trăng khoan nhặt câu hò*

*Câu thơ về em chợt đến  
trong lòng một thoáng mơn man  
cuộc đời giàu thêm niềm cảm  
ru tôi quên nổi phong trần...*

# CUỘC VƯỢT NGỤC HUYỀN THOẠI ĐẦU TIÊN Ở PHÚ QUỐC

■ TIẾN VINH

**R**út kinh nghiệm từ cuộc vượt ngục đầu tiên ở nhà lao Đà Nẵng thất bại, cụ Phú tiếp tục tổ chức cuộc vượt ngục “huyền thoại” bằng hầm đầu tiên ở Phú Quốc của tù binh Cộng sản, gây tức tối cho bọn Mỹ, ngục trong thời gian dài, góp phần làm nên lịch sử cuộc chiến đấu bất khuất ở nhà tù Phú Quốc.

Cụ Hồ Quốc Phú, sinh năm 1927 tại làng Bàn Môn (Lộc An, Phú Lộc), vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nơi đặt Chi bộ Đảng đầu tiên ở vùng nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế (4/1930). Chính vì vậy gia đình cụ đã sớm giác ngộ Cách mạng. Cha cụ tham gia hoạt động trước năm 1945 và từng là Trung đội trưởng cảnh vệ huyện Phú Lộc, mẹ cụ là cơ sở Cách mạng suốt những năm kháng chiến.

Năm 1948, cụ tham gia bộ đội địa phương. Năm 1954, cụ được cử ra Bắc học Trường Lục quân Sơn Tây. Năm 1959, cụ được điều động trở lại Nam Bộ, làm Đại đội trưởng Đại đội Vũ trang Tuyên truyền của ba huyện phía Nam (Phú Vang, Hương Thủy, Phú Lộc). Gọi là Đại đội nhưng do chiến tranh nên biên chế khá ít, chỉ có khoảng 12 - 14 người.

Cụ Phú vẫn nhớ năm 1960, khi chế độ Diệm bắt thanh niên Khu I tập hợp để phổ biến chính sách mị dân của chúng. Biết trước được thời gian, địa điểm chúng tổ chức, cụ chỉ đạo các chiến sĩ chuẩn bị cờ, vũ khí xen lẫn giữa đám thanh niên. Đội tên chỉ huy thân Pháp bước lên bục, Cụ Phú ra hiệu cho các chiến sĩ xông ra khống chế, trói tay chân. Rồi đồng loạt giương cao ngọn cờ Cách mạng, tuyên bố chế độ Diệm là bất hợp pháp và kêu gọi thanh niên đi theo Cách mạng, thoát khỏi ách áp bức của Pháp - Mỹ. Lần đó có hơn 30 thanh niên địa phương xung phong đi theo Cách mạng.

Năm 1959-1961, cụ được Tỉnh ủy cử sang Lào làm công tác huấn luyện bộ đội địa phương về bắn súng, cung, nỏ, đặt mìn... cách thức bố trí trận địa và chiến thuật chiến tranh du kích cho cán bộ địa phương Lào.

Năm 1962, cụ được phân công làm Huyện đội trưởng Phú Lộc. Năm 1966, trong trận đánh Niêm Phò (Quảng Điền), Cụ Phú cùng hai đồng đội được điều lên tiếp ứng nhưng bị địch bắt khi chưa đến địa điểm. Trong trận đánh đó, đồng chí Nam hy sinh và đồng chí Dũng, Chính ủy, đã bị thương ở tay, trong khi cụ Phú bị thương ở đầu. Sau đó địch đã dùng trực thăng để chở cụ đến đồn Mang Cá, rồi vào giam ở Đà Nẵng.

## Vượt ngục bất thành ở Đà Nẵng

Tại Đà Nẵng, Cụ Phú đã tổ chức các đồng chí Cách mạng cùng nhau vượt ngục. Để chọn ra những đồng chí tâm huyết và đáng tin cậy, cụ đã quyết định thực hiện công việc “thanh lọc” và đào tạo. Nếu cuộc vượt ngục thất bại, những đồng chí bị bắt phải nhận trách nhiệm chủ mưu và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ các đồng chí khác. Sau khi công tác thanh lọc và tư tưởng đã hoàn tất, Cụ Phú đã phân công cho các đồng chí chuẩn bị các dụng cụ cần thiết như muỗng, chén, cà mèn... để chuẩn bị cho một cuộc vượt ngục bằng cách đào hầm.

Để thực hiện công việc đào hầm thuận lợi, Cụ Phú đã tổ chức thành ba nhóm. Những người mạnh khỏe vào một nhóm trực tiếp đào hầm. Những người ốm yếu được phân làm hai nhóm. Một nhóm phụ trách công tác “khẩu chiến”, tức chỉ có mỗi việc duy nhất là gây ồn ào, tạo ra sự lộn xộn để đánh lạc hướng quân địch khi địch đến gần hầm, tạo điều kiện thuận lợi để nhóm đang đào hầm nghe thấy và rút lui tắm rửa, xóa dấu vết. Nhóm còn lại tập hợp những người yếu ớt và già vò mắc bệnh lao, buộc quân đội phải cách ly các đồng chí đó vào một nơi, và đó cũng là nơi lý tưởng mà chúng ta dễ dàng ngụy trang miệng hầm mà không bị quân địch chú ý, bởi tên nào cũng sợ bệnh, sợ chết, chẳng đại gì đến những nơi biết là đang có bệnh?

Rất may, địa điểm chúng tập trung những người “bệnh lao” chỉ cách hàng rào ngoài cùng chừng 20m. Mọi việc diễn ra khá suôn sẻ, sau 2 tháng, đã đào xong đường hầm vừa đủ để một người bò ra ngoài, chỉ còn cách mặt đất chừng 20cm. Để lâu sợ lộ nên cụ quyết định tổ chức cho anh em tối hôm đó cùng nhau vượt ngục. Mọi người lần lượt tiến ra phía miệng hầm, cụ Phú đi đầu phá lớp đất còn lại để lên phía trên. Không may cho các đồng chí, vì non kinh nghiệm, miệng hầm được đào đúng ngay chòi canh gác của bọn lính ngụy. Sự việc bại lộ, cụ Phú bị “giam đặc biệt” ba tháng, phòng không có ánh sáng, chỉ có mỗi lỗ nhỏ đủ bát cơm chui lọt. Chúng bắt ở trần, mặc quần đùi, mỗi ngày chỉ cho ăn một bát cơm nhỏ với hạt muối trắng to... bằng ngón tay. Phòng giam lại liên thông phòng tắm, khi chúng tắm giặt thì nước dâng cao, cụ bị ngập trong nước bẩn nên toàn thân ngứa ngáy, ghẻ lở khắp mình.

### **Cuộc vượt ngục đầu tiên ở Phú Quốc**

Sau ba tháng bị giam đặc biệt, chúng gom và bịt mắt những “tên tù lì lợm” lên thuyền, rồi lên tiếp máy bay. Đến nơi, mọi người mới biết đó là đảo Phú Quốc. Cụ cùng các đồng chí mới tới đều phải làm “thủ tục vô công trại” bằng một trận đòn phủ đầu thừa sống, thiếu chết. Dù chỉ mới vào trại, nhưng khi biết cụ là người từng được bọn ngụy “chăm sóc đặc biệt”, nên cụ được tham gia vào sinh hoạt Đoàn Thanh niên của ta ở trại Phú Quốc (lúc này lấy Đoàn Thanh niên làm cơ sở để hoạt động công khai, do trong trại có tên phản bội nên Đảng bộ tạm thời hoạt động kín).

Trong tù, cụ cùng các anh em Đoàn Thanh niên quyết định tiêu diệt kẻ phản bội. Sau khi giết tên phản bội và tạo hiện trường như một vụ trượt chân té ngã, chúng tức tối nhưng không có bằng chứng, nên chia người của ta thành nhiều nhóm khác nhau nhằm dễ quản lý. Cụ Phú cùng 20 đồng chí khác được đưa vào nhóm “ngoan cố”, nhờ đó chúng vô tình giúp cụ và các anh em thực hiện công việc “thanh lọc”. Tại đây, đồng chí Võ Cường được bổ nhiệm làm Bí thư, cụ là Phó Bí thư và chịu trách nhiệm trực tiếp cho cuộc đào hầm vượt ngục lần thứ hai.

Để kiểm tra lượng đất thừa thiếu và thuận lợi cho công việc đào hầm, cụ xin bọn trại giam đào một cái hố để đổ rác. Họ đồng ý nhưng không đưa ra địa điểm. Nhân lúc chúng không để ý, các anh em tù nhân đã đào ngay trước cửa phòng của chúng, chúng phát hiện và bắt dập lại thì thấy thiếu đất. Cuộc “thử nghiệm” đất đã thành công và cụ cùng 20 đồng chí “ngoan cố” đã quyết định tổ chức vượt ngục lần hai.

Cũng như lần đầu, dụng cụ dùng để đào là muống, que kềm gai, cọng sắt. Đường

hầm dài 120m nên phải đào cách mặt đất khoảng 1,5m và có đường kính khoảng 0,6m. Mỗi đêm, một nhóm ba người thay phiên nhau đào. Người thứ nhất đào đất, người thứ hai cho đất vào túi, còn người thứ ba dùng những chiếc bao bố được xé nhỏ, kết nối làm dây để kéo đất ra bên ngoài, cứ đào tới 6m - 8m thì đào một lỗ nhỏ thông hơi... Phần đất thừa được giấu trong ống quần, lần lượt đổ xuống nhà cầu, hố rác. Lúc nhà cầu đầy, anh em vận động bọn ngục xin được đào ống nước, trồng rau để cải thiện cuộc sống, nhờ thế, đất mới được đổ ra ngoài mà bọn chúng không hề biết.

Khó khăn đã xuất hiện, đường hầm ban đầu đi bị chệch, dốc. Và “trong cái khó, ló cái khôn”, một chiến sĩ đã nghĩ ra cách làm la bàn, bằng cách dùng lưỡi lam Mỹ thả vào chén nước, mũi tên ở hướng nào thì đó là hướng Bắc, nên cứ theo đó mà đào. Để cân mặt bằng đường hầm, anh em lấy hai ống thuốc tây (dạng ống có hai đầu nhọn), cho nằm trên một tấm ván phẳng để cân.

Đường hầm đi được chừng 90m thì gặp một khó khăn lớn hơn, đoạn hầm chạy ngang qua ngay đường ô tô, mọi người nghĩ ra cách đào hầm zích zắc, để khi xe chạy ngang qua chỉ một bánh đè lên hầm, giảm mức tối thiểu nguy cơ sập hầm.

Sau 4 tháng nỗ lực, việc đào đường hầm đã hoàn thành. Tuy nhiên, trong khi chuẩn bị cho kế hoạch vượt ngục, bọn công binh đã nắm được thông tin và đi gài mìn xung quanh để bắt giữ các tù nhân. Để lâu dễ bị lộ, Ban Thường vụ Đảng uỷ nhà tù quyết định tổ chức cho anh em đi sớm hơn dự kiến. Đợi cho bọn lính ngủ say, đúng 03 giờ sáng ngày 21-1-1969, 21 chiến sĩ ở phòng giam số 13, phân khu B2 lần lượt thoát ra bên ngoài. Tại đây, cụ liên lạc với tổ chức và tiếp tục hoạt động ở Phú Quốc với chức vụ Tham mưu trưởng huyện đảo Phú Quốc.

Năm 1974, cụ Phú chuyển về làm Huyện đội trưởng huyện Phú Lộc đến ngày nghỉ hưu.

Hiện cụ Phú vẫn còn nhớ hai đồng chí từng hoạt động ở Huế cùng thoát ra đêm đó là đồng chí Nguyễn Quang (Vinh) - Đại đội trưởng đặc công và Phan Thuần. Họ là những chiến binh kiên cường và đã cùng nhau tạo nên huyền thoại cuộc vượt ngục bằng hầm thành công đầu tiên tại nhà tù Phú Quốc, tiền đề cho nhiều cuộc vượt ngục thành công sau này của các tù binh Cộng sản, tiếp tục gây tức tối cho bọn Mỹ, Ngụy trong thời gian dài, góp phần làm nên lịch sử cuộc chiến đấu bất khuất ở nhà tù Phú Quốc.

*Hiện nay, tại Khu di tích Nhà tù Phú Quốc có một đường hầm được phục dựng, mô tả lại đường hầm đầu tiên do cụ Phú cùng 20 đồng đội đào. Tại nơi đây cũng trưng bày những chiếc thìa là dụng cụ được các chiến sĩ sử dụng để đào các đường hầm, tổ chức vượt ngục năm xưa. ■*



# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA XỨNG TẦM ĐÔ THỊ DI SẢN

■ TRẦN VŨ



Ngọ môn nhìn từ bên trong (Ảnh: TL)

**X**ây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan thân thiện môi trường và thông minh theo tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là một chủ trương lớn dựa trên nền tảng hệ thống di sản văn hóa mà Thừa Thiên Huế đang quản lý. Để hiện thực hóa chủ trương ấy, các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - chủ nhân của di sản văn hóa phải cùng chung tay bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa xứng đáng là đô thị di sản...

## 1. Hệ thống di sản văn hóa vật thể phong phú...

Quần thể Di tích Cố đô Huế đã được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa Thế giới với hơn 100 công trình và Thủ tướng Chính phủ công nhận 03 quần thể/ hệ thống di tích cấp quốc gia đặc biệt là *Quần thể Di tích Cố đô Huế, hệ thống đường Trường Sơn (Hồ Chí Minh) đoạn đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế* và hệ thống di tích lưu niệm *Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thừa Thiên Huế*; 89 di tích cấp quốc gia; 94 di tích cấp tỉnh và 205 công

trình, địa điểm lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu thuộc Danh mục Kiểm kê di tích của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành và triển khai các quy hoạch, đề án, kế hoạch phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh: Quy hoạch Khảo cổ tỉnh Thừa Thiên Huế đến 2020, định hướng đến năm 2030<sup>1</sup>; Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế<sup>2</sup>; Kế hoạch quản lý Quần thể Di tích Cố đô Huế giai đoạn 2015-2020, định hướng đến 2030<sup>3</sup>; Xây dựng Điều lệ (Quy định) quản lý xây dựng theo đề án Quy hoạch chi tiết Khu Kinh thành Huế<sup>4</sup>; Phê duyệt, công bố Danh mục Kiểm kê các công trình, địa điểm lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế<sup>5</sup>; Hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (nằm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030<sup>6</sup>...

Căn cứ vào mô, tính chất, phạm vi ảnh hưởng, khả năng phát huy giá trị di tích, UBND tỉnh ban hành các Quyết định phân công quản lý di tích. Theo đó, những di tích gắn với cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh do Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế trực tiếp quản lý hoặc phối hợp quản lý; di tích gắn liền với vương triều Nguyễn do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế trực tiếp quản lý hoặc phối hợp quản lý; di tích lịch sử cách mạng, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ có giá trị tiêu biểu hoặc di tích có sự kết nối nhiều địa bàn do Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế trực tiếp quản lý hoặc phối hợp quản lý; các di tích còn lại do các địa phương trực tiếp quản lý và có sự phối hợp, hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn.

Bên cạnh thống kê di tích lịch sử văn hóa, tỉnh Thừa Thiên Huế còn sở hữu các sưu tập được công nhận Bảo vật quốc gia. Có 10 nhóm cổ vật, bộ sưu tập (gồm 35 hiện vật) gắn liền với các di tích thuộc Quần thể di tích Cố đô Huế và các hiện vật văn hóa Champa đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật Quốc gia<sup>7</sup>. Đồng thời, các bảo tàng và di tích đang quản lý 71.437 hiện vật<sup>8</sup>.

## 2. Di sản văn hóa phi vật thể đa dạng...

Trên địa bàn tỉnh có 6 di sản văn hóa phi vật thể gắn liền với vùng đất Cố đô và triều

<sup>1</sup> Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2016; Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017.

<sup>2</sup> Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2015.

<sup>3</sup> Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2015.

<sup>4</sup> Quyết định số 2318/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 1999; Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2012; Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017.

<sup>5</sup> Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019

<sup>6</sup> Đề án số 256/ĐA-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021

<sup>7</sup> Quyết định số: 1426/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2012, 2599/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 12 năm 2013, 2382/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015, Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2020), cụ thể: *Bộ Cửu vị thần công* (gồm 09 hiện vật) trước Đại Nội; *Bộ Cửu đỉnh* (gồm 09 hiện vật) tại di tích Thế Miếu; Đại hồng chung và Bia “*Ngự kiến Thiên Mục Tự*” tại di tích Chùa Thiên Mục; *Bộ sưu tập vạc đồng thời Chúa Nguyễn* (gồm 10 hiện vật) tại điện Cần Chánh, điện Kiến Trung, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và lăng vua Đồng Khánh; *Bia Khiêm Cung Kỳ* tại lăng vua Tự Đức; Áo Tê giao tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, *Ngai Vua triều Nguyễn* tại điện Thái Hòa. Quyết định số 2382/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2015; Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2020, cụ thể: *Bệ thờ Vân Trạch Hòa và Bộ Chóp tháp Chăm Pa Linh Thái hiện đang được bảo quản tại bảo tàng Lịch sử tỉnh.*

<sup>8</sup> Số liệu báo cáo kiểm kê năm 2022 của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguyễn đã được UNESCO vinh danh: Nhã nhạc cung đình Huế (Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại); Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ Việt Nam, Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại); Châu bản triều Nguyễn, Mộc bản triều Nguyễn; Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (Di sản tư liệu thế giới) và 3 DSVHPVT đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Ca Huế (2015), Nghề dệt Dèng của dân tộc Tà Ôi (2016) và Lễ hội truyền thống A Da Koonh (Mừng lúa mới) của người Pa Cô (2019).

Sở Văn hóa và Thể thao cùng với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã triển khai các Đề án: Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2017-2022; Phát huy giá trị và xây dựng Ca Huế trở thành sản phẩm dịch vụ văn hóa du lịch đặc sắc giai đoạn 2021-2025; Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Bài chòi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2023; xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu lập bộ hồ sơ “Nghệ thuật Ca Huế” đệ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại; triển khai việc lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể về Nghề may đo và tập quán sử dụng Áo dài truyền thống Huế và Âm thực Huế đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; “Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về văn hóa ẩm thực Huế” nhằm tập hợp, lưu trữ một cách có hệ thống phục vụ nghiên cứu và phát huy lễ hội.

Các đề tài khoa học cấp tỉnh kiểm kê lễ hội trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, qua thống kê hiện có khoảng 500 lễ hội được nhân dân tổ chức hằng năm, trong đó, lựa chọn có 63 lễ hội tiêu biểu, có sự ảnh hưởng rộng, bảo tồn các giá trị truyền thống đảm bảo hai yếu tố phần lễ và phần hội được địa phương thống nhất đưa vào Danh mục kiểm kê lễ hội. Các lễ hội truyền thống thường xuyên duy trì khôi phục theo phong tục, tập quán của từng dân tộc như: Lễ hội A Da, Ariêu Piing, Ariêu Car, cưới hỏi, ATanpanuôn, mừng nhà mới... tổ chức đúng theo chu kỳ của từng lễ hội.

Công cuộc truyền dạy và phát huy di sản văn hóa phi vật thể được chú trọng. Với Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2017-2022 được UBND phê duyệt, từ năm 2019, đã đưa di sản Ca Huế vào trường học, đưa Ca Huế trở thành môn học trong chương trình giáo dục địa phương. Thực hiện Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Bài Chòi trên địa bàn giai đoạn 2019-2023; trong giai đoạn 2020-2022, đã tổ chức tập huấn truyền dạy, thực hành và tham gia các Chương trình giao lưu, Hội thi ngoại tỉnh về trình diễn Bài Chòi tại các địa phương. Đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Cục Di sản văn hóa và các tỉnh, thành phố (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Đà Nẵng) xây dựng hồ sơ di sản Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam. Ngày 07/12/2017, Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam đã chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

### **3. Nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị**

Trong hơn 20 năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức xây dựng hồ sơ xếp hạng hơn 100 di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh; kiểm kê lựa chọn 205 công trình có giá trị đưa vào danh mục bảo vệ; ban hành 15 Quyết định phân công quản lý các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản



*Cửu đỉnh - Sưu tập Bảo vật quốc gia (Ảnh: TL)*

lý, huy động nguồn lực xã hội hóa trong việc bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh. Xây dựng và triển khai Quy hoạch Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế đến năm 2020; Quy hoạch Khảo cổ học trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến 2030; Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích kiến trúc nghệ thuật Làng cổ Phước Tích và đang tổ chức lập Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2050. **Đã** đầu tư tu bổ tôn tạo với tổng số vốn hơn 3.700 tỷ đồng cho hơn 100 công trình, di tích lịch sử văn hóa<sup>9</sup>; Chính sách hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030<sup>10</sup>; Chính sách hỗ trợ đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng (năm ngoài Quần thể di tích Cố đô Huế)<sup>11</sup>.

Cùng với công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể, việc lập hồ sơ đề nghị UNESCO và chương trình ký ức thế giới công nhận di các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị toàn cầu và khu vực luôn được chú trọng<sup>12</sup>. Tỉnh đã ban hành các đề án Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể: Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2017-2022<sup>13</sup> (đã tiến hành tổng kết và đang đề xuất phê duyệt Đề án bảo vệ và phát huy di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2023-2028); Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản

<sup>9</sup> Giai đoạn 2001-2010 tổng kinh phí 367,467 tỷ đồng

Giai đoạn 2011-2020 tổng kinh phí 3.416 tỷ đồng (NS TƯ: 1.400 tỷ; NS tỉnh và huy động xhh: 2.016 tỷ)

<sup>10</sup> Quyết định số 258/ĐA-UBND ngày 03/12/2020

<sup>11</sup> Dự kiến tổng kinh phí thực hiện khoảng 267,827 tỷ đồng (ngân sách đề nghị trung ương hỗ trợ là 254 tỷ đồng; ngân sách tỉnh quản lý là 186,137 tỷ đồng; ngân sách sự nghiệp cấp huyện, xã quản lý là 5,147 tỷ đồng; nguồn vốn huy động ngoài ngân sách Nhà nước là 51,143 tỷ đồng).

<sup>12</sup> Nghệ thuật Bài chòi được UNESCO công nhận là di sản đại diện của nhân loại; Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế được đưa vào chương trình ký ức Thế giới

<sup>13</sup> Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 19/8/2017

nghệ thuật Bài Chòi trên địa bàn giai đoạn 2019-2023<sup>14</sup>; Hiện nay, Sở Văn hóa và Thể thao đang phối hợp với các cơ quan, đơn vị chuyên môn liên quan xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu lập bộ hồ sơ “Nghệ thuật Ca Huế” đệ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; triển khai việc lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể về “Nghề may đo Áo dài truyền thống Huế” và “Âm thực Huế” đệ nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

Để công tác bảo tồn và phát huy hiệu quả hệ thống di sản ở Thừa Thiên Huế trong thời kỳ mới, các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân cần tiếp tục chung tay sớm hoàn thành mục tiêu đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương: Trước mắt cần tập trung hoàn thành quy hoạch tổng thể tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó quy hoạch bảo tồn và phát huy hệ thống di sản Huế gắn liền phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao đảm bảo sự đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Hai là khẩn trương hoàn thành quy hoạch bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Huế, xây dựng văn hóa Huế, con người Huế đáp ứng nhu cầu của thời đại. Huy động mọi nguồn lực để bảo tồn di sản, chú trọng chính sách đào tạo bồi dưỡng lực lượng kế cận; hỗ trợ nghệ nhân, nghệ sĩ sáng tạo và truyền dạy cho các thế hệ.

Ba là đẩy nhanh chương trình số hóa di sản văn hóa đặc biệt là hệ thống di sản đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu, phổ biến tri thức và phát triển du lịch, dịch vụ tạo tiền đề vững chắc cho phát triển bền vững.

Bốn là kết hợp chặt chẽ và hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế sáng tạo, kinh tế xanh phù hợp với phát triển đô thị di sản.

Năm là nâng cao hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến giá trị di sản văn hóa, lấy di sản văn hóa làm đối tượng tham gia các chương trình quảng bá và đối ngoại trên các diễn đàn trong nước và quốc tế ■

<sup>14</sup> Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 16/11/2018

# CHÍNH SÁCH BẢO TỒN NHÀ VƯỜN HUẾ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ

■ HOÀNG ANH

*Từ những năm đầu thực hiện đề án bảo tồn và phát huy giá trị nhà vườn Huế (2006)<sup>1</sup> đến Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng” giai đoạn 2015-2020 được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua<sup>2</sup> là cả một quá trình thay đổi từ nhận thức đến cách thức tổ chức thực hiện. Với những nỗ lực của các cấp chính quyền đến sự tham gia của cộng đồng và chủ nhân các nhà vườn Huế đã tạo sự chuyển biến rõ nét. Nhiều nhà vườn Huế xứng đáng được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được bảo tồn từ nguồn vốn nhà nước và sự đóng góp của xã hội. Để chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng ngày càng thiết thực, hài hòa với chủ trương lớn của tỉnh trong xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan thân thiện môi trường và thông minh... cần xây dựng cơ chế nhằm tạo động lực để huy động được các nguồn lực xã hội tham gia đóng góp cho công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị nhà vườn Huế, tạo nguồn lực để bảo tồn nhà vườn Huế lâu dài và bền vững.*

## *1. Những thành quả mà chính sách bảo tồn nhà vườn Huế đã mang lại...*

Năm 2006, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách bảo vệ nhà vườn Huế. Năm 2009, UBND tỉnh quy định một số chính sách quản lý và bảo vệ nhà vườn Huế<sup>3</sup> đã quyết định bảo vệ 150 nhà vườn Huế<sup>4</sup>. Tuy nhiên, nhưng mục tiêu của đề án không mang lại kết quả như mong đợi.

Năm 2015, “Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng” (gọi tắt là đề án bảo tồn nhà vườn Huế) giai đoạn 2015 - 2020 được HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua và sau đó mở rộng đối tượng tham gia<sup>5</sup>. Hệ thống các nhà vườn được hưởng chính sách của Đề án bảo tồn nhà vườn Huế giai đoạn 2015-2020 gồm 46 nhà vườn, trong đó thành phố Huế có 21 nhà vườn, Di tích kiến trúc nghệ thuật Làng cổ Phước Tích có 25 nhà vườn<sup>6</sup>.

Đến năm 2022, việc triển khai thực hiện đề án bảo tồn nhà vườn Huế đã tu bổ thành công 38 nhà vườn<sup>7</sup> (thành phố Huế: 13 nhà vườn; huyện Phong Điền: 25 nhà vườn) cho

<sup>1</sup> Nghị quyết 3i/2006/NQBT-HĐND5 ngày 10/4/2006 của Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp bất thường lần 3.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 05/04/2015.

<sup>3</sup> Quyết định số 2434/2009/QĐ-UBND ngày 04/11/2009.

<sup>4</sup> Nghị quyết 3i/2006/NQBT-HĐND5 ngày 10/4/2006 của Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp bất thường lần 3

<sup>5</sup> Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 05/04/2015; Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND 11/12/2015.

<sup>6</sup> Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 về việc phê duyệt bổ sung danh mục các nhà vườn thuộc Làng cổ Phước Tích với 25 nhà; Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách nhà vườn TP Huế (đợt 1) với 14 nhà; Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt danh sách nhà vườn TP Huế (đợt 2) với 7 nhà.

<sup>7</sup> Báo cáo 2024 /SKHĐT-KGVX ngày 30 tháng 5 năm 2022.



*Nhà vườn Hồ Văn Tế được tu bổ năm 2018*

thấy sự hưởng ứng của cộng đồng và chủ nhân nhà vườn Huế. Nguồn lực cho công tác tu bổ nhà vườn Huế khá đa dạng. Ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương, nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện còn có sự đóng góp của nguồn lực xã hội<sup>8</sup>.

Sự lan tỏa của đề án bảo vệ nhà vườn Huế tạo sự chuyển biến trong nhận thức và sự cộng hưởng để chủ nhân nhà vườn chung tay bảo vệ loại hình kiến trúc độc đáo, riêng có của Huế. Với hơn 17 ngôi nhà chưa đưa vào danh mục bảo vệ được chủ nhân tu sửa bằng nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác và theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn là thành công ngoài mong đợi.

Công tác phát huy giá trị nhà vườn Huế cũng được chú trọng. Đã có 09 nhà vườn thuộc địa bàn thành phố Huế đưa vào tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch với một số sản phẩm chủ yếu: tham quan, lưu trú homestay; thưởng thức ẩm thực truyền thống Huế, học chế biến một số món ăn dân dã Huế; tĩnh tọa, ngâm chân với nguyên liệu cây lá trong vườn; tour xe đạp khám phá cuộc sống, các công trình có giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật kiến trúc của cộng đồng dân cư và nghề truyền thống Huế; nói chuyện, trao đổi, tìm hiểu về lịch sử văn hóa và con người Huế; bán hàng lưu niệm... Tổng doanh thu các nhà đạt khoảng 3.340 triệu đồng/năm<sup>9</sup>.

Hoạt động dịch vụ ở làng cổ Phước Tích có nhiều thuận lợi với nhiều hình thức:

<sup>8</sup> Kinh phí hơn 27 tỷ đồng (NS Trung ương 03 tỷ, NS tỉnh 21 tỷ; NS huyện Phong Điền 500 triệu và xã hội hóa khoảng 3 tỷ đồng).

<sup>9</sup> Nhà vườn Hồ Xuân Doanh: 120 triệu đồng/năm, nhà vườn Đặng Văn Thành 600 triệu đồng/năm, nhà vườn Hồ Xuân Đài 400 triệu đồng/năm, nhà vườn Phan Thuận An 400 triệu đồng/năm, nhà vườn Nguyễn Hữu Thông 100 triệu đồng/năm, nhà vườn Tôn Thất Nghệ 200 triệu đồng/năm, nhà vườn Hoàng Xuân Bạc 1.000 triệu đồng/năm, nhà vườn Lê Thị Gái 120 triệu đồng/năm,...



*Nhà vườn Ngọc Sơn Công chúa được tu bổ năm 2017*

dịch vụ lưu trú homestay; tour tham quan trải nghiệm kết hợp du thuyền; trải nghiệm làm gốm, trải nghiệm làm bánh, quảng diễn nghề làm sản phẩm từ cỏ bàng. Hoạt động tham quan Làng cổ sông nổi vào các dịp lễ hội Festival Huế, các ngày lễ của làng. Đã hình thành phiên chợ “Hương xưa làng cổ” theo định kỳ hàng năm.

Những kết quả bước đầu tạo sự khích lệ cho người dân trong việc tham gia xây dựng tour tuyến, các sản phẩm đặc trưng của địa phương. Tuy nhiên, kinh doanh dịch vụ tại nhà vườn theo hình thức đơn độc, chưa thật sự kết nối hệ thống, tour tuyến, người dân chưa thực sự tham gia cung cấp dịch vụ một cách chuyên nghiệp nhằm hình thành sản phẩm du lịch cộng đồng, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của vùng đất mang đậm nét văn hóa, truyền thống còn được bảo lưu. Cơ sở dữ liệu theo dõi khách tham quan/khách/doanh thu lưu trú từ các hoạt động dịch vụ tại các nhà vườn chưa được hình thành; vì vậy, chưa thể đánh giá cụ thể hiệu quả việc khai thác kinh doanh cũng như việc cải thiện thu nhập cho các nhà vườn tham gia kinh doanh<sup>10</sup>.

## ***2. Cần nâng cao hiệu quả của đề án bảo tồn nhà vườn Huế...***

Có thể nói, những thành công bước đầu trong việc triển khai đề án bảo tồn nhà vườn Huế là cơ sở để tiếp tục xây dựng và triển khai đề án trong giai đoạn tiếp theo. Một số bất cập, khó khăn trong hơn 10 năm thực hiện đề án cần được đánh giá và khắc phục: Đầu tư dịch vụ, du lịch nhà vườn chưa được triển khai đồng bộ, vẫn còn tình trạng manh mún, tự phát; một số nhà vườn biết tự kinh doanh dịch vụ, biết khai thác lợi thế của nhà vườn, của địa phương để làm du lịch nhưng thiếu tính tổ chức, thiếu sự đầu tư cơ sở vật chất lưu trú, dịch vụ, thiếu sự chuẩn bị và kỹ năng làm du lịch; bên cạnh đó chưa có sự sáng tạo và tạo điểm nhấn riêng biệt, chưa tạo ra những sản phẩm du lịch

<sup>10</sup> Báo cáo 2024 /SKHĐT-KGVX ngày 30 tháng 5 năm 2022



đặc trưng của nhà vườn, sản phẩm du lịch nhà vườn Huế chưa đúng với bản chất, chưa thu hút được khách đến tham quan trải nghiệm có khả năng chi tiêu mức phí cao để tăng doanh thu du lịch.

Nguồn nhân lực du lịch địa phương hạn chế về số lượng và chất lượng, chủ yếu là con cháu trong gia đình nhà vườn tự tổ chức làm dịch vụ, trình độ nghiệp vụ, kỹ năng chưa đáp ứng nhu cầu du khách; đặc biệt ở Làng cổ Phước Tích thiếu lực lượng lao động trẻ, đa số là người già yếu nên khó khăn trong phục vụ du khách.

Cơ sở hạ tầng du lịch thiết yếu chưa đồng bộ, tạo nên khó khăn cho du khách đến tham quan và trải nghiệm nhà vườn, cũng như gây khó khăn cho các đơn vị lữ hành trong tiếp cận và phục vụ du khách tại các cụm điểm du lịch. Công tác tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá nhà vườn còn hạn chế, chưa thật sự quảng bá rộng rãi đến người dân, doanh nghiệp, chưa quảng bá rộng rãi trên môi trường mạng<sup>11</sup>.

Bảo tồn và phát huy giá trị nhà vườn Huế là nhiệm vụ quan trọng, giúp địa phương bảo tồn nhà vườn Huế trên địa bàn. Lan tỏa đến ý thức trách nhiệm bảo tồn nhà vườn trong cộng đồng. Đồng thời, việc trùng tu nhà vườn cũng giúp cải thiện cảnh quan tạo môi trường sinh thái trước sự biến đổi khí hậu, bảo tồn nghề truyền thống Huế, phát triển du lịch dịch vụ góp phần quảng bá giá trị di sản Huế. Để làm được như vậy, thiết nghĩ đề án trong giai đoạn tới cần giải quyết được những nội dung sau:

Một là, chính sách hỗ trợ bảo tồn nhà vườn Huế phải xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thiết thực của cộng đồng và hài hòa với chủ trương lớn của tỉnh trong xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế.

Hai là, chính sách phải huy động được các nguồn lực xã hội tham gia đóng góp cho công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị nhà vườn Huế tạo nguồn lực để bảo tồn nhà vườn Huế lâu dài và bền vững.

Ba là, ngành du lịch phải phát huy thế mạnh, nâng cao vai trò trách nhiệm trong đào tạo và tổ chức hoạt động du lịch. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tạo sự chuyên biến và thu hút đông đảo khách tham quan, lưu trú, sử dụng dịch vụ...

Bốn là, hình thành mạng lưới lao động có tay nghề, có nhiệt huyết, năng động cung cấp các dịch vụ, bổ sung nguồn nhân lực vừa thiếu, vừa yếu của các chủ nhân nhà vườn đáp ứng yêu cầu của du khách.

Năm là, kết nối mạng lưới nhà vườn Huế với di sản văn hóa phi vật thể đặc trưng (ca Huế, Bún bò Huế, áo dài Huế) và bảo tàng ngoài công lập tạo sự đa dạng trong các loại hình du lịch, khai thác hệ thống du lịch homestay và các lễ hội của Huế tạo thế đứng ổn định cho phát triển du lịch, dịch vụ xứng đáng với danh hiệu thành phố Festival, đô thị di sản.

Hi vọng rằng, với sự quyết tâm của chính quyền các cấp và sự đồng lòng của cộng đồng dân cư, đề án bảo tồn nhà vườn Huế sẽ làm tiền đề lan tỏa, phát huy ý thức tự nguyện của người dân trong công cuộc bảo vệ những giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, góp phần xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng đô thị di sản, văn hóa, sinh thái cảnh quan.

<sup>11</sup> Báo cáo 2024 /SKHĐT-KGVX ngày 30 tháng 5 năm 2022

# CHIẾC ẮN VÀNG HUỖN THOẠI VÀ SỰ TRỞ VỀ

■ NHẬT MINH

**Đ**ó là chiếc ắn vàng lớn nhất của triều Nguyễn được hoàng đế Minh Mạng cho đúc cách đây đúng 200 năm; là chiếc ắn đã trải qua 12 triều đại các vua nhà Nguyễn, chứng kiến bao sự thăng trầm của lịch sử nước Việt từ thời Cận đại qua Hiện đại đến thế giới đương đại: Ắn Hoàng Đế Chi Bảo.

Trong gần 150 tồn tại, triều Nguyễn có hơn 100 chiếc ắn được tạo tác từ các loại vật liệu quý như vàng, bạc, ngọc, ngà voi, thậm chí cả từ thiên thạch... nhưng Hoàng Đế Chi Bảo vẫn là chiếc ắn có giá trị vượt trội về nhiều mặt không chỉ bởi kích thước, chất liệu, tính thẩm mỹ mà còn do sứ mệnh mà nó được giao phó.

Về sự kiện đúc chiếc ắn này, sách Đại Nam thực lục (tập VI, bản dịch của Viện Sử Học, Nxb KHXH, 1963, trang 146) có ghi khá rõ:

“Ngày Giáp thìn đúc ắn Hoàng Đế chi bảo (nuóm làm rỗng cuốn hai tầng, vương 3 tắc 2 phân, dày 5 phân, làm bằng vàng 10 tuổi, nặng 280 lượng 9 đồng 2 phân”.

Căn cứ vào hình ảnh tư liệu, thì đây là một chiếc ắn có hình vương, quai ắn là một con rồng uốn khúc, đầu ngẩng cao, mắt nhìn thẳng về phía trước. Đỉnh đầu rồng khắc hình chữ vương; kỳ (vây lưng) dựng đứng; đuôi cũng dựng đứng, vây đuôi uốn cong về phía trước; 4 chân rồng đúc rõ 5 móng, tư thế chống chân xuống mặt ắn rất vững vàng. Mặt dưới của ắn khắc 4 chữ triện “Hoàng đế chi bảo”. Mặt trên của ắn, phía 2 bên quai khắc nổi 2 dòng chữ:

- *Minh Mạng tứ niên nhị nguyệt sơ tứ nhật cát thời chủ tạo*

(Đúc vào giờ tốt ngày mùng 4 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 4, tức là ngày 16/3/1823).

- *Thập thành hoàng kim, trọng nhị bách thập lượng cửu tiền nhị phân*

(Đúc bằng vàng, trọng lượng 280 lượng 9 chỉ 2 phân - tức nặng 10,78kg)

Theo quy định của triều Nguyễn, ắn Hoàng Đế Chi Bảo có chức năng rất quan trọng, chỉ đem ra sử dụng khi:

“... gặp khánh tiết ban ơn, đại xá thiên hạ cùng là các cáo dụ thân huân, đi tuần thú các nơi để xem xét các địa phương, mọi điển lễ long trọng ấy, và ban sắc, thư cho ngoại quốc”.

Điều đó có nghĩa đây là chiếc ắn tượng trưng cho quyền lực của Hoàng đế, người đứng đầu thiên hạ, chỉ dùng đóng trên các văn bản có ý nghĩa đặc biệt của quốc gia về đối nội, đối ngoại.

Vua Minh Mạng (1820-1841) là vị hoàng đế vĩ đại nhất của triều Nguyễn, có tầm nhìn xa và kiến thức sâu sắc. Sau khi kế thừa sự nghiệp của vua Gia Long, nhà vua đã ban hành và quyết liệt thực hiện nhiều chính sách để thống nhất nền hành chính quốc gia, thống nhất về văn hóa, kể cả văn hóa trang phục (ông chính là người đưa ra quy định bắt buộc sử dụng chiếc áo dài ngũ thân trong cả nước và biến nó thành quốc phục của người Việt), tổ chức thi tiến sỹ để tuyển chọn nhân tài, chăm lo phát triển nông nghiệp, phát triển giao thông, củng cố binh bị và mở rộng lãnh thổ, phát triển ngoại giao... đưa Việt Nam trở thành một cường quốc trong khu vực. Trong thời kỳ ông trị vì,

triều Nguyễn đã cho đúc đến 14 chiếc ấn vàng (kim bảo), ấn ngọc (ngọc tử) với những chức năng riêng, và đó đều là những chiếc ấn rất quý giá. Điều may mắn đến kỳ lạ là dù trải qua rất nhiều biến động của lịch sử nhưng cả 14 chiếc báu ấy đến nay vẫn còn, trong đó 13 chiếc đang được lưu giữ bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam. Riêng chiếc ấn Hoàng Đế Chi Bảo thì lại có một số phận đặc biệt, từ kinh đô Huế nó đã được đưa ra Hà Nội, rồi đưa sang Pháp, nhưng nay cũng đang trên đường trở về với đất mẹ...

### ***Sự lưu lạc kì lạ của chiếc ấn báu***

Chiều ngày 30/08/1945, trên nền đài tầng 2 lầu Ngũ Phụng cửa Ngọ Môn, trước mặt hơn 2 vạn nhân dân Thừa Thiên Huế đang sục sôi trong khí thế cách mạng, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn đã trao bộ ấn kiểm tượng trưng quyền lực vương triều cho đại diện chính quyền cách mạng. Đó chính là chiếc ấn Hoàng Đế Chi Bảo và một thanh kiếm thời Khải Định. Thay mặt Chính phủ Cách mạng, ông Trần Huy Liệu đã tiếp nhận ấn kiểm và gắn huy hiệu công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho cựu hoàng. Bộ ấn kiểm này ngay ngày hôm sau đã được đem ra Hà Nội để kịp dự lễ Độc lập vào ngày 2/9/1945. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Thủ đô, đơn vị làm nhiệm vụ cất giữ bộ ấn kiểm trên đã đem giấu chúng tại một ngôi nhà ở làng Nghĩa Đô gần hồ Tây, trước khi rút lên Việt Bắc vào cuối năm 1946. Nhưng trớ trêu thay, sau đó ít lâu, khi lính Pháp càn quét làng Nghĩa Đô, họ đã phát hiện ra bộ ấn kiểm trên. Ngày 8/3/1952, người Pháp đã tổ chức một nghi lễ khá long trọng tại Hà Nội để trao lại ấn kiểm cho Quốc trưởng Bảo Đại.

Năm 1953, để bảo vệ cho bộ ấn kiểm trên được an toàn, cựu hoàng Bảo Đại đã ủy quyền cho bà Mộng Điệp mang chúng sang Pháp, trao cho hoàng hậu Nam Phương và thái tử Bảo Long. Năm 1963, sau khi bà Nam Phương mất, bộ ấn kiểm này do ông Bảo Long quản lý và ông đã gửi chúng tại két sắt của Ngân Hàng Châu Âu (Union des Banques Européennes). Ngày 31/7/1997, cựu hoàng Bảo Đại qua đời, chiếc ấn Hoàng Đế Chi Bảo thuộc về bà Monique Marie Eugene Baudot, người vợ cuối cùng có hôn thú của cựu hoàng. Ngày 27/9/2021, bà Baudot mất, tin tức về chiếc ấn vàng tưởng cũng chìm vào quên lãng...

Đầu tháng 10/2022, nhà đấu giá Millon (Paris, Pháp) thông báo sẽ đem bán đấu giá công khai chiếc ấn Hoàng Đế Chi Bảo vào ngày 31/10. Báo chí và dư luận trong nước đặc biệt quan tâm đến thông tin trên. Với sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Đại sứ Việt Nam tại Cộng hòa Pháp, ông Nguyễn Thế Hồng, một nhà sưu tầm cổ vật có bảo tàng tư nhân ở Bắc Ninh đã thương lượng thành công không qua đấu giá để mua lại ấn Hoàng Đế Chi Bảo. Và theo kế hoạch, sau khi hoàn tất các thủ tục pháp lý, chiếc ấn báu sẽ được đưa về Việt Nam vào khoảng đầu tháng 6/2023.

Như vậy, sau 70 lưu lạc nơi đất khách quê người, chiếc ấn vàng Hoàng Đế Chi Bảo, một trong những cổ vật tiêu biểu nhất của Việt Nam thời kỳ quân chủ phong kiến sẽ quay trở về Tổ quốc, để được gìn giữ và phát huy giá trị một cách hiệu quả nhất trong lòng cộng đồng. Việc ông Nguyễn Thế Hồng, với sự hỗ trợ của các cơ quan nhà nước đã mua thành công một cổ vật quý của Việt Nam ở nước ngoài còn mở ra một hướng đi mới cho công cuộc hồi hương cổ vật. Và như vậy, mọi cá nhân, tổ chức trong và ngoài công lập đều có thể tham gia vào công việc đầy ý nghĩa này. ■

# BẢO TÀNG NGOÀI CÔNG LẬP VỚI CÔNG CUỘC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HUẾ

■ NGUYỄN THỊ LỢI

Lịch sử hình thành và phát triển của các bảo tàng trên thế giới cho thấy, loại hình bảo tàng tư nhân (còn gọi là bảo tàng ngoài công lập) ra đời từ rất sớm và không ngừng phát triển về số lượng, chất lượng với nhiều loại hình, quy mô lớn nhỏ khác nhau. Ngày nay, cùng với công cuộc đổi mới đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Từ đó, sự ra đời của các bảo tàng ngoài công lập, sưu tập tư nhân theo chủ trương của Đảng và Nhà nước đã xuất hiện, đặc biệt, từ sau khi Luật Di sản văn hóa có hiệu lực (năm 2001), nhiều nhà sưu tập đã tích cực chuẩn bị cho sự ra đời bảo tàng ngoài công lập thuộc sở hữu của mình. Tuy vẫn còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất (quỹ đất, kinh phí xây dựng nhà trưng bày và tổ chức hoạt động, đội ngũ cán bộ chuyên môn...) nhưng với lòng nhiệt huyết tham gia vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, một số nhà sưu tập đã sớm thành lập các bảo tàng ngoài công lập. Đến nay, cả nước có hơn 66 bảo tàng ngoài công lập đang hoạt động có hiệu quả và thu hút nhiều đối tượng công chúng đến tham quan học tập và nghiên cứu.

Ở Thừa Thiên Huế, bên cạnh 05 bảo tàng công lập (Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Huế, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung) còn có 05 bảo tàng ngoài công lập được cấp phép hoạt động (Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn, Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ, Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương, Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm). Thông qua công tác trưng bày, tuyên truyền, các bảo tàng đã ngày càng khẳng định vị thế của mình trong hệ thống thiết chế văn hóa cả nước, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị, giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức giữ gìn, tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời đáp ứng nhu cầu phổ biến kiến thức khoa học và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của công chúng. Bảo tàng trở thành nơi gìn giữ những giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, phản ánh xuyên suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

## Từ việc hình thành các bảo tàng ngoài công lập ở Thừa Thiên Huế

Thừa Thiên Huế là vùng đất còn bảo lưu nhiều di sản văn hóa phong phú, đa dạng với nhiều loại hình khác nhau về vật thể và phi vật thể: các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản Hán Nôm, nghệ thuật ca Huế, kịch Huế, tuồng Huế, các lễ hội dân gian, lễ hội cung đình, lễ hội tín ngưỡng tôn giáo, các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia... các giá trị văn hóa này hiện đang được lưu giữ tại các bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập, di tích, nhà thờ, phủ đệ... Để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa này, từ rất sớm, nơi đây đã hình thành hệ thống các thiết chế văn hóa phù hợp, trong đó phải kể đến sự đóng góp không nhỏ của hệ thống bảo tàng. Cùng với hệ thống 05 bảo tàng công lập và 05 bảo tàng ngoài công lập, cùng với đó, Thừa Thiên Huế còn có hơn 20 nhà sưu tập tư nhân hiện đang lưu giữ hàng ngàn hiện vật quý hiếm, với chất liệu kim loại, kim loại quý thuộc các loại hình đồ gia dụng, đồ nghi lễ, đồ tế tự, đồ trang sức,



*Lễ khai mạc trưng bày chuyên đề “Câu chuyện từ những dòng sông”  
tại Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế (Nguồn Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế)*

vũ khí... rất phong phú về kiểu dáng, có giá trị văn hóa và nghệ thuật cao, đây là cơ sở để hình thành các bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn là bảo tàng ngoài công lập đầu tiên tại tỉnh Thừa Thiên Huế tại địa chỉ số 114 Mai Thúc Loan, thành phố Huế. Bảo tàng được thành lập theo Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bảo tàng có diện tích 379,6 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 226,9 m<sup>2</sup>, diện tích trưng bày 120 m<sup>2</sup>, diện tích kho bảo quản 40 m<sup>2</sup>. Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn đang trưng bày và lưu giữ các bộ sưu tập có giá trị từ thế kỷ I đến thế kỷ XX như: Bộ sưu tập đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn (1802-1945) gồm các vật phẩm bằng sứ phục vụ sinh hoạt của hoàng gia, triều đình được gửi kiểu thức đặt làm tại các lò sứ danh tiếng của Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản dưới các triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Thành Thái, Khải Định; Bộ sưu tập các sản phẩm thủ công mỹ nghệ bằng vàng, ngọc, ngà voi, gỗ khảm xà cừ... thời Nguyễn; Bộ sưu tập đồ gốm Việt Nam từ thế kỷ X - XX; Bộ sưu tập tứ thú người Việt - Vật phẩm ăn trà, hút thuốc, thưởng trà, uống rượu... Từ khi được phép đi vào hoạt động (tháng 4 năm 2013) đến nay, bảo tàng luôn duy trì hoạt động thường xuyên như một bảo tàng công lập.

Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ hoạt động tại địa chỉ số 01 đường Phạm Hồng Thái. Bảo tàng được thành lập theo Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Bảo tàng có diện tích 929,7 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích trưng bày và nhà làm việc 332,5 m<sup>2</sup>. Khi được thành lập, bảo tàng trưng bày gần 500 tác phẩm, hiện vật, tranh ảnh, tài liệu gồm các thể loại chính: Tranh thêu, tranh thêu 2 mặt, điêu khắc chỉ và các hiện vật liên quan đến nghề thêu, được thể hiện qua 3 chủ đề chính: “*Cơ thể nghề thêu*”; “*Gương mặt nghề thêu*”; “*Một tiếng nói cho nghề thêu*”... Sự ra đời của Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ đã tạo thêm một điểm nhấn du lịch độc đáo,

trở thành điểm đến hấp dẫn, mới lạ cho du khách trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên, hiện nay bảo tàng đang tạm ngưng hoạt động để di chuyển đến vị trí phù hợp do nhu cầu quy hoạch và phát triển của tỉnh.



*Ông Phan Ngọc Thọ - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế tham quan không gian trưng bày của Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham tại buổi lễ ra mắt Bảo tàng (Nguồn: Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham)*

Bảo tàng Gốm

cổ Sông Hương hoạt động tại địa chỉ số 120 Nguyễn Phúc Nguyên, thành phố Huế. Bảo tàng được thành lập theo Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Bảo tàng Gốm cổ sông Hương có số lượng 2.410 hiện vật, gồm 04 bộ sưu tập chính: Bộ sưu tập sành (2017 hiện vật), Bộ sưu tập đất nung (35 hiện vật), Bộ sưu tập bán sứ (38 hiện vật), Bộ sưu tập sành sứ (320 hiện vật). Tuy nhiên, khi đăng ký thành lập bảo tàng Gốm cổ sông Hương đăng ký và tổ chức trưng bày Bộ sưu tập chính gồm 331 hiện vật với chất liệu: sành, đất nung, bán sứ. Từ khi thành lập đến nay, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã tổ chức nhiều trưng bày, triển lãm thu hút sự tham gia đông đảo của công chúng trong và ngoài nước như: triển lãm “*Sông Hương - Nơi gặp gỡ của các nền văn hóa*”, triển lãm điêu khắc “*Con giống*”, triển lãm “*Áo dài xưa triều Nguyễn*”...

Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh được thành lập theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, tại địa chỉ số 144 Đặng Thái Thân, phường Thuận Hòa, thành phố Huế. Ngày 02 tháng 7 năm 2022, Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tại Thừa Thiên Huế tổ chức lễ khánh thành và chính thức đi vào hoạt động. Bảo tàng trưng bày 395 hình ảnh, tư liệu, hiện vật, gồm 06 chủ đề chính: Gia đình, quê hương, tuổi trẻ (1934-1937); Đấu tranh giải phóng dân tộc (1939-1945); Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954); Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1964); Cách mạng miền Nam (1964-1967); Vĩ thanh. Ngoài các chủ đề trưng bày chính, Bảo tàng còn giới thiệu các tiểu đề về đối ngoại, xây dựng công nghiệp ở miền Bắc và hơn 100 đầu sách do các tác giả viết về Đại tướng, do chính Đại tướng viết và một số tuyển tập các bài viết mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng cùng nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước là tác giả. Một số phim tư liệu về Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, sa bàn Bình Trị Thiên khói lửa, các tác phẩm mỹ thuật là phù điêu, tượng, nhóm tượng có ý nghĩa nhằm phát huy tốt nhất công tác tuyên truyền giáo dục lịch sử truyền thống cho các đối tượng khách tham quan trong và ngoài nước và nhân dân Thừa Thiên Huế, đặc biệt là thế hệ trẻ. Hiện nay, bảo tàng thường xuyên mở cửa đón khách đến tham quan, học tập và nghiên cứu về cuộc đời của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham hoạt động tại địa chỉ số 53 Hàm Nghi, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế. Bảo tàng được thành lập theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham có số lượng trên 1000 hiện vật bao gồm các tác phẩm mỹ thuật của Việt Nam, các nước trong khu vực và trên thế giới, gồm các bộ sưu tập chính: sưu tập tượng phật, kinh phật, đồ thờ, đồ pháp khí (nhiều chất liệu); sưu tập đồ gia dụng và trang trí (chất liệu pháp lam); sưu tập tượng, đồ thờ, vật trang trí (chất liệu gốm sứ); sưu tập tượng và phù điêu phong cách Champa (chất liệu đá); sưu tập tranh của các họa sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới (nhiều chất liệu). Khi đăng ký hoạt động, Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham đăng ký và tổ chức trưng bày Bộ sưu tập chính gồm 250 hiện vật thuộc các sưu tập hiện vật về văn hóa, mỹ thuật qua các thời kỳ. Đây là những sưu tập hiện vật có giá trị về văn hóa, mỹ thuật được chế tác bằng các kỹ thuật và chất liệu khác nhau như: vàng, bạc, đồng, đá, gốm sứ, vải, giấy, gỗ... Sau khi có Quyết định cho phép hoạt động, ngày 24/4/2023, Bảo tàng chính thức làm lễ ra mắt hoạt động, góp phần cùng hệ thống các bảo tàng Thừa Thiên Huế trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

### **... đến hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế**

Sự ra đời và tồn tại của các bảo tàng ngoài công lập là một nhu cầu thực tế của xã hội. Đây là cơ sở để huy động các nguồn lực xã hội, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Trên cơ sở quan điểm này, tỉnh Thừa Thiên Huế được xem là địa phương đi đầu trong việc xây dựng các chính sách nhằm khuyến khích sự ra đời và phát triển của các bảo tàng ngoài công lập. Theo đó, ngày 07 tháng 12 năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 với các chính sách hỗ trợ cụ thể: *Hỗ trợ giá thuê cơ sở nhà, đất phục vụ hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Hỗ trợ hoạt động trưng bày, triển lãm; Hỗ trợ phát triển sản phẩm lưu niệm đặc trưng của bảo tàng; Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; Hỗ trợ quảng bá hình ảnh.*

Các bảo tàng ngoài công lập song hành cùng hệ thống bảo tàng công lập tại Thừa Thiên Huế sẽ tạo ra sự phong phú, đa dạng trong các hình thức hoạt động do có sự giao lưu, trao đổi, hợp tác trong phối hợp hoạt động, mặt khác sẽ tạo ra sự cạnh tranh, đổi mới trong hoạt động để thu hút công chúng. Điều này thúc đẩy cả bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập từng bước hoàn thiện, phát triển hơn, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công chúng.

Năm 2022, ngay sau khi mới ra mắt hoạt động một thời gian, Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương đã phối hợp Bảo tàng Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức trưng bày chuyên đề *“Câu chuyện từ những dòng sông”* nhân dịp Festival Huế 2022. Trong đợt phối hợp tổ chức hoạt động lần này, Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương và Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế tổ chức trưng bày 2 chủ đề chính. Chủ đề *“Sông Hương kể chuyện”* giới thiệu những hiện vật gốm thời Lý, Trần, Lê sơ cho đến nhà Nguyễn từ thế kỷ XI cho đến thế kỷ XX được tìm thấy dưới dòng sông Hương. Các hiện vật gốm thời kỳ này cũng mang nhiều nét đặc trưng gắn bó mật thiết với người dân Việt Nam nói chung và người dân vùng đất Cố đô nói riêng; và chủ đề *“Dấu tích xưa bên dòng Ô Lâu”* giới thiệu bộ sưu tập gốm với các loại hình phong phú, có niên đại từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX được phát hiện dưới dòng sông Ô Lâu, chủ yếu mang đặc trưng của lò gốm Mỹ Xuyên. Những hiện vật này mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, là minh chứng khẳng định cho sự phát triển các làng nghề truyền



Trung bày chuyên đề “Việt Nam - Đất nước, mùa xuân” và Hội thi “Tự hào trang sử quê hương” tại trường Trung học cơ sở Lê Xuân, xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền (nguồn: Bảo tàng Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế)

thống của vùng đất Thừa Thiên Huế, là cơ sở về mặt khoa học và lịch sử quan trọng phục vụ trong công tác nghiên cứu. Với gần 300 hiện vật được trưng bày, đây được coi như mảnh ghép quan trọng trong bức tranh chung về di sản văn hóa, ghi lại sự hiện diện của các nền văn hóa qua các thời kỳ lịch sử, cũng như quá trình hình thành, phát triển của vùng đất Cổ đô xưa. Tạo mối liên kết, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm giữa bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập, đồng thời thông qua trưng bày giúp cho các nhà nghiên cứu và du khách đến với Huế có thêm tư liệu quý trong việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản dưới nước, có điều kiện chiêm ngưỡng, thưởng ngoạn những cổ vật có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật của Thừa Thiên Huế.

Chào mừng 48 năm ngày giải phóng quê hương Thừa Thiên Huế (26/3/1975-26/3/2023) và 92 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2023); Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh phối hợp Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế và Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Quảng Điền tổ chức khai mạc trưng bày chuyên đề “Việt Nam - Đất nước, Mùa Xuân” và Hội thi “Tự hào trang sử quê hương”. Với hơn 100 hình ảnh, 30 hiện vật và phim tư liệu gắn liền những sự kiện lịch sử tiêu biểu của của quê hương, đất nước, trưng bày “Việt Nam - Đất nước, Mùa Xuân” được thể hiện qua 2 chủ đề: Đảng Cộng sản Việt Nam - Những mùa Xuân lịch sử; *Khát vọng những mùa Xuân đổi mới, hội nhập và phát triển*. Bên cạnh hoạt động trưng bày, còn tổ chức Hội thi tìm hiểu về lịch sử với chủ đề “Tự hào trang sử quê hương”, qua đó tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần củng cố thêm kiến thức lịch sử cũng như kỹ năng giao tiếp, giao lưu học hỏi cho các em học sinh trên địa bàn huyện Quảng Điền nói chung và các em học sinh 05 trường trung học cơ sở: Lê Xuân, Trần Thúc Nhẫn, Đặng Hữu Phổ, Đặng Tất, Phạm Quang Ái nói riêng. Hoạt động phối hợp lần này, bên cạnh việc giúp cho các em học sinh ôn lại lịch sử, truyền thống vẻ vang,



những chiến công oanh liệt của nhân dân ta trong công cuộc dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc, qua đó giúp các em học sinh càng thêm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc và ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập để xứng đáng với truyền thống yêu nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của bao thế hệ đi trước.

Ngày 24/4/2023, tại địa chỉ số 53 Hàm Nghi, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham chính thức làm lễ ra mắt công chúng. Mỗi một hiện vật, bộ sưu tập được trưng bày và lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham đều gắn liền với những câu chuyện của quá trình chủ nhân bộ sưu tập từ các quốc gia thuộc 4 châu lục (châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ). Các sưu tập hiện vật này được sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, các nhà nghiên cứu, mà đặc biệt là Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã giúp đỡ, hướng dẫn công tác chuyên môn cũng như hoạt động trưng bày để Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham ra mắt công chúng. Bảo tàng hứa hẹn sẽ là một điểm đến văn hóa độc đáo nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước.

Từ thực trạng hoạt động của hệ thống bảo tàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong thời gian tới, để các bảo tàng ngoài công lập song hành hoạt động có hiệu quả cùng các bảo tàng công lập, bên cạnh các chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương, các bảo tàng ngoài công lập cần nâng cao hơn nữa về vai trò và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng xã hội, tiếp tục tăng cường phối kết hợp với các bảo tàng công lập trong việc tổ chức trưng bày, giới thiệu các sưu tập hiện vật đến với công chúng, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực nhằm góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế trong bối cảnh đương đại. ■

## LÊ VIẾT XUÂN

*Trên đường*

*Tình cờ gặp trên đường đi bộ  
Đôi vợ chồng chậm chậm dắt nhau đi  
Người to mập dựa người gầy nhỏ  
Họ vừa đi vừa nói thắm thùi*

*Không nghe rõ họ nói chuyện gì  
Rộng rãi cười, xem chững khoai lăm  
Cây bên đường dài theo lặng ngắm  
Gió mơn man, trong trẻo, mát lành*

*Niềm vui nhân lên theo mỗi bước chân  
Nỗi buồn lo tan dần trong khoảng lặng  
Khoảng lặng lắng tình sâu nghĩa nặng  
Chỉ con đường mới biết mà thôi...*

*Bỏ đằng sau vương bận chuyện đời  
Nắm chặt tay nhau đi về phía trước  
Đi đến bao giờ...? tôi thầm mong ước  
Sáng sớm mai lại gặp họ trên đường...*

## VĂN BIA MỘ THƯỢNG THƯ HỒNG NHUNG

■ TRẦN ĐẠI VINH\* - TRẦN VĂN DŨNG\*\*

**T**hượng thư Hồng Nhung (1844-1923) là một trong những danh nhân văn hóa tiêu biểu của Huế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Công tử Hồng Nhung có tên tự là Tiêu Khanh, hiệu là Hạnh Phố, con trai thứ 8 của Tuy Lý Vương Miên Trinh và bà chánh thất Phạm Thị Thìn. Ông sinh ngày mùng 5 tháng 12 năm Quý Mão (tức ngày 24/01/1844) tại làng Vĩ Dạ, Huế. Năm Thành Thái thứ 7 (1895), Hồng Nhung được tập phong tước Tuy Lý Quận công, sung Tôn Nhơn phủ Tả Tôn khanh. Đến năm Thành Thái thứ 14 (1902), ông được thăng chức Tham tri bộ Lễ. Với những huân công và đóng góp to lớn với Nam triều, cụ Hồng Nhung được chính quyền Nam triều, chính phủ Bảo hộ phong thưởng Đại Nam ngân tiền, Kim tiền, Kim khánh, Bắc Đẩu Bội tinh, Long Bội tinh...

Cụ Hồng Nhung qua đời vào ngày 16 tháng 12 năm Nhâm Tuất (tức ngày 01/02/1923). Sau đó, cụ Hồng được vua Khải Định truy phong hàm Thượng thư và ban thụy là Trang Lượng. Nhà thờ của cụ Hồng Nhung hiện tọa lạc tại số 128 Nguyễn Sinh Cung, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế. Có thể kể tên một số trước tác tiêu biểu của cụ Hồng Nhung như:

- Tác phẩm chữ Hán: Kinh trị phương pháp lược biên (bộ 4 quyển); Hạnh Phố thi văn sao; Dịch vương trung thư khuyến hiếu ca; Kính tín lục...

- Tác phẩm chữ Nôm: Kính dịch Hoàng Nam nhất thống diễn nghĩa từ; viết chung Việt sử diễn nghĩa (bộ 4 quyển); Việt sử diễn nghĩa tứ tự ca và Khuyến hiếu quốc âm ca...

Lăng mộ của Thượng thư Hồng Nhung tọa lạc tại địa phận làng Dương Xuân Thượng (nay ở địa chỉ số 3 kiệt 239 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế), gần viên tẩm đức ông Tuy Lý Vương. Trước ngôi mộ hợp táng của ông bà Hồng Nhung - Nguyễn Văn Thị Vị có dựng một tấm bia đá ghi chép về cuộc đời và hành trạng, cũng như ca tụng công nghiệp và đức hạnh của Thượng thư Hồng Nhung. Bia có kích thước cao 1,44 m, rộng 0,57 m, rộng 0,6 m được khắc trên loại đá thanh với kiểu thức trang trí đường diềm theo lối kỷ hà. Văn bia này do Tiến sĩ, Hồng lô tự khanh, Tá lý Lễ bộ sự vụ Mai Khê Nguyễn Duy Phiên<sup>1</sup> soạn và con trai Ứng Ân sao chép, khắc lên bia đá vào ngày 14 tháng 12 năm Khải Định thứ 7 (1922). Đây có thể được coi là áng văn thơ sắc sảo, góp phần bổ khuyết thêm nguồn tư liệu cho văn chương triều Nguyễn, soi sáng một nhà văn nổi bật vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tại miền Trung.

\*,\*\* Hội Văn nghệ Dân gian tỉnh Thừa Thiên Huế

<sup>1</sup> Nguyễn Duy Phiên (1885-?) người thôn Lý Hòa thuộc Hà Bạc, huyện Bồ Trạch, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay thuộc xã Lý Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình). Ông là con trai Cử nhân Nguyễn Duy Miễn, cháu nội của Tiến sĩ Nguyễn Duy Huân. Ông đỗ Cử nhân năm Quý Mão (1903), và đến năm 1907 đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ khoa Đinh Mùi niên hiệu Thành Thái năm thứ 19. Sự nghiệp của ông hiện chưa rõ, chỉ biết ông từng làm chức Tá lý.



Toàn cảnh lăng mộ cụ Hồng Nhung

Dưới đây là nguyên tác Hán văn, phiên âm, dịch nghĩa bản văn bia độc đáo này:

### Hán văn:

綏理郡公禮部尙書杏圃先生神道碑銘

先生諱洪（上草下耳）字肖鄉號杏圃綏理王第八子也生母故左軍信武侯之女元姬范氏於紹治三年歲次癸卯十二月乙丑初五日癸卯癸丑牌生先生幼而聰穎及長孝友敦睦博學強記先賢王曾稱許焉賞賜金磬一面（前刻孝乎惟孝後刻友于兄弟）布政范公登進賀聯有云磬題考友果先知則先生之孝友非惟昆弟無間言而朋輩亦深敬服矣先生於嗣德七年正月日奉準入尊學堂肄業九年二月日奉御題察核于左待漏院蒙賜赤色南紗衣一領帛裙一腰三十六年八月奉上諭內一款綏理王之子洪茸有學著擢翰林院典簿分補諸部衙俾得習知政體爾宜凜循德意尤加勤謹以稱委用欽此是年九月日蒙補大理寺正八品同慶三年十二月日聖體違和尊人府臣奏綏理王與其子洪茸素精醫理請宣召恭胗御脈蒙準同入太醫院預商即奉敕宣召綏理王與其子洪茸同入高明中正殿恭胗御脈成泰元年三月日恭遇八旬大慶節八月日蒙準恩封爲畿內侯三年奉充陪祀南郊蒙賞紀錄一次七年十二月日先賢王具片陳請云臣察得臣之子畿內侯洪茸行次居先年已長成頗有學行請加恩襲封爲綏理郡公以承臣身後祀事奉上諭內一款伊王係親藩耆碩齒德俱尊所當格外推恩用示敦親至意其洪茸準恩襲爲綏理郡公此係朕優待親勲餘不得援欽此九年二月日南郊奉充分獻蒙賞大小龍文銀錢各一枚紀錄一次是年四月日恭遇七旬大慶節蒙賞赤色洋花八絲衣一領十一年三月日奉準以本爵兼充尊人府左尊卿是年五月日恭遇九旬大慶節蒙賞赤色八絲衣一領十三年六月日蒙準兼充玉牒所副總裁十四年正月日玉牒告成蒙賞二項金磬一面（前刻成泰敕賜後刻嘉善旌能）是年三月日扈從駕幸廣南省蒙賞三項金磬一面（內刻勞能可獎）十四年十二月日奉準改授禮部參知仍充尊人府左尊卿十五年二月日蒙準致事解綬後卜居于葦野社杏圃別墅立三壽棚開詩社以吟咏自娛啓定三年親子膺蔥蒙陞從三品銜恭遇慶節蒙頒給官員父綵貨一次五年又蒙頒給一次朝野榮之先生官嚴明仁恕經攝府務皇派九系敬畏而景慕之在家溫和孝友凜遵家訓勸勉房內弟姪修德勤學多有成達（先生之弟官至三品之子官至二品之姪官至三四品者有之

餘皆榮達）青紫滿庭冠冕成里汾陽公之福祿壽考今日其僅見焉啓定六年五月日開四代同堂賀筵當路諸公多有詩詠誌盛事也七年八月日蒙頒給壽官（八十壽）銀貨各項開上壽賀筵（先生以十二月初五日生因蒙頒給設筵喜賀）尊人機密大臣列憲同來喜賀是年十二月十六日申牌無病而終其親子膺蔥（現刑部參知）乞假限一个月料理襄事機密院爲之奏請片面欽奉硃批故洪茸已登上壽而謝世況伊曾充府務茲院臣擬請追授頗合其伊故員著準追授尙書銜以慰潛馨以彰敦睦欽此袞華一字其榮幸爲向如享齡八十窆于楊春上社男八（膺蔥現刑部參知膺藝現銜編修領祠祭右司正八品膺草膺茗膺 現從學業堅守膺蒲待詔膺葳公孫膺萱皆革化）女七（治絲疴弭秋好冬燠存無非治繭治饌皆革化）孫男九（寶蓮寶荊寶發寶 寶蒜寶菸寶苔寶芎寶苔）孫女九（氏和氏忍氏慶氏圓氏免氏滿氏齋氏莫氏學）曾孫男二（永 永蒹）曾孫女一（氏娥）先生所著經治方法畧編一部四卷杏圃詩文抄一集南越史演義一部敬譯皇南一統演義詞越史演義四字歌譯王中書勸孝歌並八反歌繙譯敬信錄一集均行于世嗚呼先生之文章之政績之德行之壽考完福完名當世罕見此特碑其梗概焉耳爰繫之以銘其詞曰：

賢哉先生  
孝友家庭  
篤學不厭  
克己爲銘  
才推子建  
文企蘭  
攝蒞尊府  
價重藩屏  
奉公之暇  
闡發內經  
杏林植德  
橘井流馨  
身膺多福  
天賜遐齡  
猴山羽化  
名垂汗青  
恩承九陛  
用慰潛靈  
煌煌諭語  
千古留名

啓定萬萬年之八春二月清明前二日夫人阮文氏（左胃右言）其父乃葦野社鄉目阮文諱（上立下里）之第三女也於嗣德二年歲次己酉五月庚午初五日午牌生父長端雅誠樸於嗣德十七年八月二十日公娶爲配性勤儉布荆自奉不尙奢華媳行姊妹多推許焉夫人所生男五（膺蒲膺蔥膺藝膺葳膺草）女五（氏潤治繭治絲治饌疴彌）於啓定十年歲次乙丑九月丙戌二十日甲午卯牌卒享年七十有七是年十月出事日己牌合塋晚生

賜丁未科二甲進士鴻臚寺卿佐理禮部事務梅溪阮惟勸盥手拜題不孝男膺蔥薰沐泣寫

### **Phiên âm:**

Tuy Lý Quận công Lễ bộ Thượng thư Hạnh Phổ tiên sinh thân đạo bi minh.

Tiên sinh huý Hồng “thượng thảo hạ nhi” tự Tiêu Hương, hiệu Hạnh Phổ. Tuy Lý vương đệ bát tử dã, sanh mẫu cố Tả quân Tín Vũ hầu chi nữ, nguyên cơ Phạm Thị, ư Thiệu Trị tam niên tuế thứ Quý Mão thập nhị nguyệt Ất sửu sơ ngũ nhật Quý Mão Quý sửu bài sanh. Tiên sinh ấu nhi thông dĩnh cập trưởng hiếu hữu đôn mục, bác học cường ký, tiên hiền vương tăng xưng hứa yên, thường tứ kim khánh nhất diện (tiền khắc “Hiếu hồ duy hiếu”, hậu khắc “Hữu vu huynh đệ”). Bộ chánh Phạm công Đăng Tiến hạ liên hữu vân: “Khánh đề hiếu hữu quả tiên tri”, tặc tiên sinh chi hiếu hữu phi duy côn đệ vô gián ngôn nhi bằng bối diệc thâm kính phục hỹ. Tiên sinh ư Tự Đức thất niên chính nguyệt nhật phụng chuẩn nhập Tôn học đường dị nghiệp, cửu niên nhị nguyệt nhật phụng ngự đề sát hạch vu. Tả đái lậu viện, mông tứ xích sắc nam sa y nhất lãnh, bạch quần nhất yêu. Tam thập lục niên bát nguyệt phụng thượng dụ nội nhất khoản: “Tuy Lý Vương chi tử Hồng Nhung hữu học trước trạc Hàn lâm viện điển bạ, phân bổ chur bộ nha ti đắc tập tri chánh thể. Nhĩ nghi lưỡng tuần đức ý vu gia cần cần, dĩ xưng uỷ dụng. Khâm thử!” Thị niên cửu nguyệt nhật, mông bổ Đại lý tự chánh bát phẩm. Đồng Khánh tam niên thập nhị nguyệt nhật, thánh thể vi hòa, Tôn Nhon phủ thần tấu Tuy Lý Vương dữ kỳ tử Hồng Nhung tố tinh y lý thỉnh tuyên triệu cung chiêm ngự mạch, mông chuẩn đồng nhập Thái Y viện dự thương. Tức phụng sắc tuyên triệu Tuy Lý Vương dữ kỳ tử Hồng Nhung đồng nhập Cao minh Trung chánh điện cung chẩn ngự mạch. Thành Thái nguyên niên tam nguyệt nhật cung ngô Bát tuần đại khánh tiết, bát nguyệt nhật mông chuẩn ân phong vi Kỳ Nội hầu, tam niên phụng sung bồi tự Nam Giao, mông thường Kỳ lục nhất thứ, thất niên thập nhị nguyệt nhật tiên hiền vương cụ phiến trần thỉnh vân: “Thần sát đắc thần chi tử Kỳ Nội hầu Hồng Nhung hàng thứ cư tiên, niên dĩ trưởng thành, phả hữu học hạnh, thỉnh gia ân tập phong vi Tuy Lý Quận công dĩ thừa thần thân hậu tự sự”. Phụng thượng dụ nội nhất khoản: “Y vương hệ thân phiên kỳ thạc xỉ đức câu tôn, sở đương cách ngoại suy ân, dụng kỳ đôn thân chí ý. Kỳ Hồng Nhung chuẩn ân tập vi Tuy Lý Quận công. Thử hệ trăm ưu đái thân huân, dư bất đắc viên. Khâm thử!” Cửu niên nhị nguyệt nhật Nam Giao, phụng sung phân hiến, mông thường Đại tiểu long văn ngân tiền các nhất mai, kỳ lục nhất thứ. Thị niên tứ nguyệt nhật cung ngô Thất tuần đại khánh tiết, mông thường xích sắc dương hoa bát ti nhất lãnh. Nhất niên tam nguyệt nhật phụng chuẩn dĩ bổn tước kiêm sung Tôn Nhon phủ Tả Tôn khanh. Thị niên ngũ nguyệt nhật, cung ngô Cửu tuần đại khánh tiết, mông thường xích sắc bát ti nhất lãnh. Thập tam niên lục nguyệt nhật, mông chuẩn kiêm sung Ngọc điệp sở Phó Tổng tài. Thập tứ niên chính nguyệt nhật, ngọc điệp cáo thành, mông thường Nhị hạng kim khánh nhất diện (tiền khắc “Thành Thái sắc tứ”, hậu khắc “Gia thiện tinh năng”). Thị niên tam nguyệt nhật, hồ tòng giá hạnh Quảng Nam tỉnh, mông thường Tam hạng kim khánh nhất diện (nội khắc: “Lao năng khả tưởng”). Thập tứ niên thập nhị nguyệt nhật phụng chuẩn cải thụ Lễ bộ Tham tri nhưng sung Tôn Nhon phủ Tả Tôn khanh. Thập ngũ niên nhị nguyệt nhật mông chuẩn trí sự. Giải thụ hậu bốc cư vu Vi Dã xã Hạnh Phổ biệt thự, lập tam thọ bằng, khai thi xã dĩ ngâm vịnh tự ngu. Khải Định tam niên thân tử Ứng Ân mông thăng tòng tam phẩm hàm. Cung ngô khánh tiết mông ban cấp quan viên

phụ thái hoá nhất thứ, ngũ niên hựu mông ban cấp nhất thứ, triều dã vinh chi. Tiên sinh tại quan nghiêm minh nhân thứ, kinh nhiếp phủ vụ hoàng phái cửu hệ kính úy nhi cảnh mộ chi. Tại gia ôn hoà hiếu hữu, lẫm tuân gia huấn, khuyến miễn phòng nội đệ diệt tu đức cần học, đa hữu thành đạt (tiên sinh chi đệ quan chí tam phẩm chi tử quan chí nhị phẩm chi diệt quan chí tam tứ phẩm giả chi dư giai vinh đạt). Thanh tử mãn đình, quan miện thành lý, Phần Dương công chi phước lộc thọ khảo kim nhật kỳ cận kiến yên.

Khải Định lục niên ngũ nguyệt nhật khai tứ đại đồng đường hạ diên, đương lộ chư công đa hữu thi vịnh chí thành sự dã. Thất niên bát nguyệt nhật mông ban cấp thọ quan (bát thập thọ) ngân hóa các hạng, khai thượng thọ hạ diên (tiên sinh dĩ thập nhị nguyệt sơ ngũ nhật sanh nhân mông ban cấp thiết diên hỷ hạ), Tôn nhơn, Cơ mật đại thần liệt hiến đồng lai hỷ hạ. Thị niên thập nhị nguyệt thập lục nhật thân bài vô bệnh nhi chung. Kỳ thân tử Ứng Ân (hiện Hình bộ Tham tri) khát giả hạn nhất cá nguyệt liệu lý tương sự. Cơ mật viện vị chi tấu thỉnh phiến diện khâm phụng châu phê: “Cố Hồng Nhung dĩ đẳng thượng thọ nhi tạ thể huông y tăng sung phủ vụ, tư viện thần nghĩ thỉnh truy thụ phẩm, kỳ y cố viên trước chuẩn truy thụ Thượng thư hàm dĩ uỷ tiềm hình, dĩ chương đồn mục. Khâm thử!” Cồn hoa nhất tự kỳ vinh hạnh vi hướng như hưởng linh bát thập, biếm vu Dương Xuân Thượng xã. Nam bát (Ứng Ân hiện Hình bộ Tham tri, Ứng Nghệ hiện nha Biên tu lãnh Từ tế hữu ti, chánh bát phẩm Ứng Thảo, Ứng Lão, Ứng Xi hiện tông học nghiệp kiên thủ Ứng Bồ đãi chiếu, Ứng Châm, công tôn Ứng Huyền giai cách hoá) nữ thất (Trị Ty, A Nhị, Thu Hảo, Đông Úc, tôn vô Phi, Trị, Kiển, Trị Soạn giai cách hoá) tôn nam cửu (Bửu Liên, Bửu Kinh, Bửu Phát, Bửu Đệ, Bửu Toán, Bửu Yên, Bửu Đáp, Bửu Hoa, Bửu Đài), tôn nữ cửu (Thị Hoà, Thị Nhẫn, Thị Khánh, Thị Viên, Thị Miển, Thị Mãn, Thị Trai, Thị Mạc, Thị Học), tăng tôn nam nhị (Vĩnh Tứ, Vĩnh Khiêm), tăng tôn nữ nhất (Thị Nga). Tiên sinh sở trước “Kinh trị phương pháp lược biên” nhất bộ tứ quyển, Hạnh Phó thi văn sao” nhất tập, “Nam Việt sử diễn nghĩa” nhất bộ, “Kính dịch Hoàng Nam nhất thống diễn nghĩa từ”, “Việt sử diễn nghĩa tứ tự ca”, “Dịch Vương trung thư khuyến hiếu ca”, “Tịnh bát phản ca phiên dịch”, “Kính tín lục” nhất tập quân hành vu thể. Ô hô! Tiên sinh chi văn chương, chi chánh tích, chi đức hạnh, chi thọ khảo hoàn phước hoàn danh đương thể hãn kiến. Thử đặc bi kỳ ngạnh khái yên nhĩ. Viên hệ chi dĩ minh. Kỳ từ viết:

Hiền tai tiên sinh  
Hiếu hữu gia đình  
Đốc học bất yếm  
Khắc kỷ vi minh  
Nhân tài suy Tử Kiến  
Văn xí Lan Đình  
Nhiếp lý Tôn phủ  
Giá trọng phiên bình  
Phụng công chi hạ  
Xiển phát nội kinh  
Hạnh lâm thực đức

Quất tỉnh lưu hình  
Thân ưng đa phước  
Thiên tứ hà linh  
Hầu sơn vũ hóa  
Danh thủy hãn thanh  
Ân thừa cửu bệ  
Dụng uỷ tiềm linh  
Hoàng hoàng dụ ngữ  
Thiên cổ lưu danh.

Khải Định vạn vạn niên chi bát xuân nhị nguyệt thanh minh tiền nhị nhật.

Phu nhân Nguyễn Văn thị (tả vị hữu ngôn), kỳ phụ nãi Vi Dĩ xã hương mục Nguyễn Văn huý (thượng lập hạ lý), chi đệ tam nữ dã, ư Tụ Đức nhị niên tuế thứ Kỷ Dậu ngũ nguyệt Canh ngọ sơ ngũ nhật ngọ bài sanh phụ trưởng đoan nhã thành bộc, ư Tụ Đức thập thất niên bát nguyệt nhị thập nhật công thú vi phối tính cần kiệm bố kinh tự phụng bất thượng sa hoa tức hàng tử muội đa suy hứa yên phu nhân sở sinh nam nữ (Ứng Bồ, Ứng Ân, Ứng Nghệ, Ứng Châm, Ứng Thảo), nữ nữ (Thị Nhuận, Trị Kiến, Trị Ty, Trị Soạn, A Nhị), ư Khải Định thập niên tuế thứ Ất Sửu cửu nguyệt Bính tuất nhị thập nhật Giáp ngọ mao bài tốt, hưởng niên thất thập hữu thất thị niên thập nguyệt xuất sự nhật kỷ bài hợp táng văn sanh.

Tứ Đinh Mùi khoa nhị giáp Tiến sĩ Hồng lô tự khanh Tá lý Lễ bộ sự vụ Mai Khê Nguyễn Duy Phiên quán thủ bái đề. Bất hiệu nam Ứng Ân huân mục khắp tá.



## **Dịch nghĩa:**

Bia minh thần đạo của Tuy Lý Quận công, Thượng thư bộ Lễ, Hạnh Phổ tiên sinh.

Tiên sinh húy Hồng Nhung tự Tiêu Hương hiệu Hạnh Phổ, là con trai thứ 8 của Tuy Lý Vương, sanh mẫu là nguyên cơ Phạm Thị, con gái của Tả quân Tín Võ hầu<sup>2</sup>, sinh vào giờ Quý Sửu, ngày mồng 5 Quý Mão, tháng 12 Ất Sửu năm Quý Mão, Thiệu Trị thứ 3 (1843). Thuở ấu thơ đã thông minh, đỉnh ngộ, khi lớn lên thì hiếu hữu, hòa thuận, học rộng nhớ nhiều. Thuở trước Tuy Lý Vương từng khen ngợi, ban thưởng cho 1 chiếc kim khánh (mặt trước khắc “Hiếu hồ duy hiếu”, mặt sau khắc “Hữu vu huynh đệ”). Bó chánh sứ Phạm Đăng Tiến mừng câu đối rằng: “Khánh đề hiếu hữu quả tiên tri, tắc tiên sinh chi hiếu hữu phi duy côn đệ vô gián ngôn nhi bằng bồi diệc thâm kính phục hỷ” (chiếc khánh đề chữ hiếu, hữu quả biết trước, thì tiên sinh là hiếu hữu, chẳng phải là chỉ có anh em mới nói không ngót mà bạn bè cũng rất kính phục vậy). Ngày tháng Giêng năm Tự Đức thứ 7 (1854), tiên sinh được cho vào học ở Tôn học đường. Tháng Hai năm thứ 9 (1856) được vua ra đề sát hạch tại Tả đái lậu viện, được ban 1 chiếc áo Nam sa màu đỏ, 1 chiếc quần lụa. Tháng 8 năm Tự Đức thứ 36 (1883) kính vâng thượng dụ về khoản: “Con trai của Tuy Lý Vương là Hồng Nhung có học được bổ Hàn lâm viện Điển bạ, phân bổ về các bộ nha để tập luyện chính thể, người hãy tuân đức ý, càng thêm siêng năng cẩn thận để xứng sự ủy dùng. Kính thay!” Ngày tháng mười năm ấy được bổ Chánh bát phẩm ở Đại lý tự. Đồng Khánh năm thứ 3 (1888) tháng mười hai thánh thể bất an, bèn tới ở Tôn Nhơn phủ tâu rằng: “Tuy Lý Vương và con trai là Hồng Nhung vốn tinh thông y lý, xin tuyên triệu kính chẩn ngự mạch”, được chuẩn cùng vào Thái Y viện dự bàn, liền đó vâng sắc tuyên triệu Tuy Lý Vương cùng con là Hồng Nhung cùng vào điện Cao minh Trung chính để xem ngự mạch.

Thành Thái năm đầu (1889) ngày tháng ba kính gặp lễ Bát tuần đại khánh được chuẩn ân phong làm Kỳ Nội hầu. Năm thứ 3 (1891) được sung làm Bồi tự ở Nam Giao, được thưởng Kỳ lục nhất thứ. Năm thứ 7 (1895) ngày tháng mười hai, Tuy Lý Vương dâng phiến tâu xin rằng: “Bề tôi xét được trong các con trai của bề tôi, Kỳ Nội hầu Hồng Nhung đứng trước hàng thứ, tuổi đã trưởng thành, lại có học hạnh, xin gia ân tập phong làm Tuy Lý Quận công để kính vâng việc phụng thờ khi bề tôi không còn”. Kính được thượng dụ về khoản: “Vương này bậc kỳ thạc trong thân phiến, tuổi và đức đều cao, đáng được suy ân đặc biệt, để tỏ rõ lòng rất mực tôn thân. Con của vương là Hồng Nhung được chuẩn ân tập phong làm Tuy Lý Quận công. Đó là trẫm ưu đãi bậc thân huân, ngoài ra không được vin theo. Kính đấy!”

Năm thứ 9 (1897) ngày tháng hai được sung làm phân hiến ở lễ tế Nam Giao, được thưởng ngân tiền long vân lớn nhỏ mỗi thứ 1 chiếc và kỳ lục nhất thứ.

Tháng tư năm ấy lại gặp lễ Thất tuần đại khánh được chuẩn thưởng 1 chiếc áo bát ty màu đỏ tây dương. Ngày tháng ba năm thứ 11 (1899) vâng chuẩn lấy bốn tước sung làm Tả Tôn khanh ở Tôn Nhơn phủ. Tháng năm năm ấy kính gặp lễ Cửu tuần đại khánh được thưởng 1 chiếc áo bát ty màu đỏ. Năm thứ 13 (1901) ngày tháng sáu được chuẩn

<sup>2</sup> Túc Tả quân Phạm Văn Điển (1769- 1842), người Dưỡng Mông Hạ (nay thuộc huyện Phú Vàng, tỉnh Thừa Thiên Huế).



kiêm sung Phó Tổng tài sở Ngọc điệp. Năm thứ 12 (1902), ngày tháng Giêng, Ngọc điệp cáo thành, được thưởng 1 chiếc kim khánh hạng nhì (mặt trước khắc “Thành Thái sắc tứ”, mặt sau khắc “Gia thiện tinh năng”). Ngày tháng ba năm ấy hồ tòng giá đi tỉnh Quảng Nam, được thưởng 1 chiếc kim khánh hạng Ba (khắc chữ “Lao năng khả tướng”). Tháng mười hai năm ấy vâng chuẩn cho đổi trao Tham tri bộ Lễ vẫn sung làm Tả Tôn khanh ở Tôn Nhơn phủ.

Ngày tháng hai năm thứ 15 (1903) được chuẩn cho trí sự. Sau khi về nghỉ hưu đã chọn chỗ ở là biệt thự Hạnh Phố tại làng Vĩ Dã. Dựng chiếc bằng Tam thọ, mở thi xã để ngâm vịnh tự vui.

Khải Định năm thứ 3 (1918), con là Ứng Ân được thăng hàm Tòng tam phẩm, kính gặp lễ mừng, được ban cấp hàng lụa màu, quan viên phụ một lần. Năm thứ 5 (1920) lại được ban cấp một lần. Trong triều ngoài nội về vàng.

Tiên sinh lúc làm quan nghiêm minh nhơn hậu, đã từng quyền coi phủ Tôn Nhơn. Chính hệ của hoàng phái đều kính nể mà hâm mộ. Lúc ở nhà thì ôn hòa hiếu hữu, kính tuân gia huấn, khuyến khích em cháu trong bồn phòng sửa đức siêng học, nhiều người thành đạt (Em của tiên sinh làm quan đến Tam phẩm, con của tiên sinh làm quan đến Nhị phẩm, cháu làm quan đến Tam Tứ phẩm cũng có, ngoài ra đều đạt về vàng). Áo xanh, áo tía đầy sân, mũ miện thành áp. Phúc lộc thọ khảo của ngài Phần Dương ngày nay lại thấy ở đây.

Năm Khải Định thứ 6 (1921) ngày tháng năm mở tiệc mừng Tứ đại đồng đường. Các ngài đến dự phần nhiều có thơ vịnh ghi lại việc tốt này. Năm thứ 7 (1922) ngày tháng tám được ban cấp các hạng bạc, lụa Thọ quan (nhân thọ 80 tuổi), mở tiệc mừng thượng thọ (ngày mùng 5 tháng mười hai lấy làm sinh nhật tiên sinh, nhân đó được ban cấp, mở tiệc vui mừng. Giờ Thân ngày 16 tháng mười hai năm ấy vô bệnh mà mất. Con là Ứng Ân (đương chức Tham tri bộ Hình) xin nghỉ 1 tháng để liệu lý tang sự. Cơ Mật viện làm tấu xin, mặt ngoài của phiến kính được châu phê: “Hồng Nhung quá cố đã lên thượng thọ mới tạ thế, huống chi ông đã từng sung việc phủ [Tôn Nhơn], nay bề tôi Viện Cơ mật nghĩ xin truy thụ là hợp. Viên quá cố được chuẩn truy thụ hàm Thượng thư để an ủi vong linh, để sáng tỏ lòng đôn thân mục tộc. Khâm thờ!” Cồn hoa một chữ, vinh hạnh biết bao. Hưởng thọ 80 tuổi, an táng ở làng Dương Xuân Thượng. Tám nam (Ứng Ân hiện Tham tri bộ Hình, Ứng Nghệ hiện biên tu ở nhà, lãng Bát phẩm ty Hữu từ tế, Ứng Thảo, Ứng Lão, Ứng Xi hiện theo học nghiệp, giám thủ Ứng Bồ, đãi chiếu Ứng Hàm, công tôn Ứng Huyền đều qua đời). Bảy nữ (Trị Ty, A Nhị, Thu Hảo, Đông Úc, còn Vô Phi, Trị Kiến, Trị Soạn đều qua đời). Cháu nội trai 9 (Bửu Liên, Bửu Kinh, Bửu Phát, Bửu Đệ, Bửu Toán, Bửu Ư, Bửu Đáp, Bửu Khoa, Bửu Đài). Cháu nội gái 9 (Thị Hoà, Thị Nhẫn, Thị Khánh, Thị Viên, Thị Miễn, Thị Mãn, Thị Trai, Thị Mạc, Thị học). Chắt trai 2 (Vĩnh Tứ, Vĩnh Khiêm). Chắt gái 1 (Thị Nga).

Tiên sinh biên soạn: “Kinh trị phương pháp lược biên” 1 bộ 4 quyển, “Hạnh Phố thi văn sao” 1 tập, “Nam Việt sử diễn nghĩa” 1 bộ, “Kính dịch Hoàng Nam nhất thống diễn nghĩa từ”, “Việt sử diễn nghĩa tứ tự ca”, “Dịch Vương trung thư khuyến hiếu ca”, và “Tịnh bát phản ca phiên dịch”, “Kính tín lục” 1 tập đều lưu hành ở đời.

Hỡi ôi! Văn chương, chính tích, đức hạnh, thọ khảo của tiên sinh, vẹn phúc, vẹn danh trong đời ít thấy. Bia này chỉ nêu đại lược vậy. Kèm theo bài minh. Lời rằng:

Hiền thay tiên sinh  
Hiếu hữu gia đình  
Dốc học không chán  
Nén mình làm minh  
Tài như Tử Kiến  
Văn tựa Lan Đình<sup>3</sup>  
Quyền nghiệp Tôn Phủ  
Thế gia phiên bình  
Việc công khi rảnh  
Khai triển Nội Kinh  
Rừng hạnh trồng đức  
Y phổ lưu kinh  
Thân trọn nhiều phúc  
Trời cho hà linh  
Núi Hào mọc cánh  
Tên ghi sử xanh  
Ôn nhờ chín bệ  
An ủi tiềm hình  
Rõ ràng dụ ngữ  
Ngàn năm lưu danh.

Niên hiệu Khải Định muôn năm năm thứ 8 (1923) tháng hai trước tiết Thanh Minh 2 ngày. Phu nhân họ Nguyễn Văn (húy Vị), thân phụ là Hương mục làng Vĩ Dạ Nguyễn Văn (húy Đòng). Thân mẫu là Lê Thị (húy Tình), là con gái thứ 3. Sinh vào giờ Ngọ ngày mùng 5 tháng 5 Canh Ngọ, năm Tự Đức thứ 2 năm Kỷ Dậu (1849). Lớn lên đoan nhã, thành thật chất phác. Ngày 20 tháng tám năm Tự Đức thứ 17 (1864) được cưới làm phối thất. Tính cần kiệm, bình dị không chuộng xa hoa, hàng chị em dâu, chị em gái nhiều người ngợi ca. Phu nhân sinh được 5 nam (Ứng Bồ, Ứng Ân, Ứng Nghệ, Ứng Hàm, Ứng Thảo), 5 nữ (Thị Nhuận, Trị Kiến, Trị Ty, Trị Soạn, A Nhị). Bà mất vào giờ Mão ngày Giáp Ngọ 20, tháng 9 Bính Tuất, năm Ất Sửu, năm Khải Định thứ 10 (1925), hưởng thọ 77 tuổi. Tháng 10 năm ấy ngày xuất sớ, giờ Ty hợp tang.

Văn sinh được ban Nhị giáp Tiến sĩ Khoa Đinh Mùi (1907) Hồng lô tự khanh, Tá lý sự vụ bộ Lễ Mai Khê Nguyễn Duy Phiên kính cẩn bái đề. Con trai bất hiếu là Ứng Ân huân một khóc viết. ■

<sup>3</sup> Tên đất thuộc tỉnh Chiết Giang, nơi nhà danh bút Vương Hi Chi từng ngâm thơ, làm văn với bạn bè, và trở tài viết chữ đẹp trên những tấm thiếp. Bởi vậy thiếp Lan đình là chỉ nét chữ tuyệt đẹp. Đoạn trường tân thanh có câu: “Khen rằng bút pháp đã tinh. So vào với thiếp Lan đình nào thua”.

# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN NGHỆ THUẬT CA HUẾ TRONG BỐI CẢNH ĐƯƠNG ĐẠI

■ NGUYỄN THỊ LỢI - HOÀNG LONG

## 1. Lời dẫn

Huế là kinh đô cuối cùng của Việt Nam dưới thời quân chủ, được các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ của Đàng Trong (1636-1775), rồi kinh đô của vương triều Tây Sơn (1788-1801) và triều Nguyễn (1802-1945), vùng đất này đã có quá trình hội tụ, bồi đắp và tỏa sáng các giá trị đặc sắc khi đóng vai trò là trung tâm chính trị, văn hóa của Việt Nam suốt giai đoạn từ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX. Chính điều này đã tạo tiền đề làm cho Cố đô Huế có hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú, đa dạng, trong đó có di sản nghệ thuật Ca Huế vô cùng độc đáo.

Trải qua biết bao biến cố thăng trầm, có lúc nghệ thuật Ca Huế tưởng chừng như không thể tồn tại, nhưng với những đặc trưng về loại hình nghệ thuật đặc sắc, sự phối hợp tuyệt vời giữa ca từ và giọng hát hòa cùng các nhạc khí: đàn Tam, đàn Tỳ, đàn Nhị, đàn Nguyệt đã đi vào lòng người mộ điệu Ca Huế từ xưa đến nay.

## 2. Vài nét về di sản nghệ thuật Ca Huế

Cùng với Ca Trù (hát Á Đào) ở miền Bắc và Đờn ca tài tử ở Nam bộ, Ca Huế là một trong ba loại hình âm nhạc độc đáo trong di sản âm nhạc truyền thống Việt Nam vừa mang tính chuyên nghiệp, bác học, lại vừa phổ biến rộng rãi trong đời sống bình dân. Theo các nhà nghiên cứu, thời điểm hình thành Ca Huế vào khoảng thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII, đây là giai đoạn phát triển dưới thời chúa Nguyễn. Thời kỳ thịnh đạt nhất của nghệ thuật Ca Huế vào khoảng thế kỷ XIX, nhiều phủ đệ, dinh thự ở Kinh đô Huế thường có một đội nhạc để phục vụ riêng cho tầng lớp hoàng thân quốc thích, danh gia vọng tộc. Lực lượng sáng tác chủ yếu trong giai đoạn này là các vua chúa, quan lại, văn nhân, nho sĩ.

Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Bình Thúc Gia Thị (1877-1961) đã cho chúng ta biết Ca Huế ra đời dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu và mối quan hệ giữa các bài bản Ca Huế với âm nhạc cung đình: “Đức Hiếu Minh, hiệu Thiên Túng đạo nhơn, là ông chúa thượng văn, năng đề vịnh. Con ngài là ông Tứ (tức Đán), cháu là ông Dục đều có tiếng giỏi từ chương... Lạ chi, gặp đời ông chúa thượng văn, thời triều đình sao cũng có ban nhạc phủ. Triều đình có nhạc phủ, thời tao nhơn, mặc khách ở trị hạ tất phải hưởng ứng mà thành ra ca khúc, ca chương... Ca Huế bản nào về dip nào, đã sẵn có khuôn khổ “Xàng xê xự”, hễ ưa đến điệu nghệ, mà có tình tứ thì làm được; miễn sao văn cho thuận, câu cho xuôi, ý nghĩa cho rõ ràng, mạch lạc cho thông suốt, ấy là bản ca dễ ca, mà dễ lưu truyền vào nhạc phủ”<sup>1</sup>. Học giả Thái Văn Kiểm trong cuốn sách chuyên khảo “Cố đô Huế” cũng đồng quan điểm với cụ Ứng Bình khi cho rằng: “Các điệu ca Huế thì có lẽ như mới sản xuất từ đời Chúa Minh Tộ Quốc Công Nguyễn Phúc Chu, tức là Hiền

<sup>1</sup> Ứng Bình Thúc Dạ Thị (1942), *Bán buồn mua vui*, Nxb Khánh Quỳnh, Huế, tr.VI.



Trình diễn Ca Huế tại Lạc Tịnh viên

Tông Hiếu Minh Hoàng Đế (1691 - 1725)”<sup>2</sup>.

Nhà sử học Đào Duy Anh đã nhận định: “Ở miền Nam thì từ khi chúa Nguyễn khai thác bờ cõi vào đất của Chiêm Thành, âm nhạc ở Bắc truyền vào đã chịu ngay ảnh hưởng của âm nhạc Chiêm Thành, mà thành những khúc nhạc cung nam mà người ta

hay đem đối với các khúc cung Bắc. Những cung Nam như Nam ai, Nam bình, Nam xuân có vẻ trầm bi oán vọng, hợp với tâm thuật của một dân tộc điêu tàn là dân tộc Chiêm Thành, cùng với cảnh non nước dũ dằng ở xung quanh kinh đô. Những cung Bắc (Khách) như Lưu thủy, Phú lục, Cổ bản, mười bản Tàu, thì có vẻ linh hoạt, vui vẻ và mạnh mẽ hơn, thực thích hợp với tính chất tiến thủ hăng hái của người Bắc kỳ, cùng với cảnh đồng điền rộng rãi, sông ngòi mãnh liệt ở miền Trung châu. Trong khi âm nhạc ở Đàng Ngoài đương suy thì ở Đàng Trong, nhờ các chúa Nguyễn cùng các bậc vương công ham chuộng, và nhờ ảnh hưởng của Chiêm Thành, nên trở nên phong phú và thịnh vượng hẳn. Nhiều nhà quý phái như ông hoàng Nam Sách, ông phò Trần Quang Phổ ở đời Tự Đức là tay danh cầm xưa nay không ai hơn nổi”<sup>3</sup>.

Sau một quá trình nghiên cứu tìm hiểu, GS. Trần Văn Khê đã xếp Ca Huế vào loại quan nhạc để phân biệt với tục nhạc. Sự phân chia này đã có từ thời Lê: “Từ đời Lê, âm nhạc chia ra làm hai loại: quan nhạc, lối nhạc dùng trong các nhà khá giả, nhà quan quyền hay trong cung phủ và tục nhạc là lối nhạc dùng trong dân gian. Ca Huế là một loại “quan nhạc”. Những nhạc, nhạc công còn để tên lại trong loại ca hay đàn Huế, ngoại trừ một vài nhạc công nhà nghề, tuy sinh trưởng ngoài dân gian, nhưng thuộc về các đội ngự nhạc trong cung, còn hầu hết là những hoàng thân hay quan chức trong triều đình. Lần này, lối nhạc ấy được nhiều người ưa thích nên từ đầu thế kỷ thứ XX, có nhiều gia đình khá giả cho con học đàn để làm một thú tiêu khiển, không lấy âm nhạc làm nghề sinh sống. Những nhạc công, nhạc sĩ chỉ học đàn để tiêu khiển, là những nhạc sĩ “tài tử”. Danh từ “nhạc tài tử” sau này lại được thông dụng trong Nam hơn ở miền Trung, và lối “nhạc tài tử” trong Nam là con đẻ của lối “ca Huế” miền Trung”<sup>4</sup>.

Ca Huế là thể loại âm nhạc truyền thống mang tính tri âm, tri kỷ. Vì vậy, không

<sup>2</sup> Thái Văn Kiểm (1960), *Cố đô Huế*, Bộ Quốc Gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, tr.186-187.

<sup>3</sup> Đào Duy Anh (1938), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Quan Hải Tùng Thư ấn hành, Huế, tr. 209-210.

<sup>4</sup> Trần Văn Khê (1961), Lối “ca Huế” và lối “nhạc tài tử”, Tạp chí *Bách Khoa*, Số 101, Sài Gòn, tr.67.

gian diễn xướng Ca Huế không thể tụ họp chốn đông người, náo nhiệt; mà chỉ phù hợp với không gian mang tính tư thất hoặc ngòi tựa mạn thuyền để mang lại cảm giác tĩnh lặng, trầm tư, bỗng bèn sông nước Hương giang thơ mộng; người nghe sẽ cảm nhận rõ hơn về ca từ ý nghĩa, giai điệu ngọt ngào. Để minh chứng cho điều này, phóng viên “Hà Thành ngọc báo” trong một lần tác nghiệp, được thưởng thức nghệ thuật Ca Huế tại Kinh đô Huế đã từng bình luận: “Ca Huế là một điệu hát nghe rất du dương, có thể nói là một điệu hát có âm tiết hơn cả các điệu hát trong nước. Mấy năm trước đã có người soạn thành vở để diễn, nhưng bị thất bại. Mà thất bại là lẽ tất nhiên, vì lối hát này chỉ có tính cách ai oán, du dương, không được lúc nào mua vui cho khán giả, bị nhốt trong rạp hàng mấy tiếng đồng hồ. Khách ngoài Bắc vào thăm đất Thần kinh, quên sao được cái thú nghe ca trên sông Hương. Dưới bóng trăng, con thuyền đung đỉnh xuôi dòng, khách cảm thấy mình như bước chân vào thế giới mơ mộng!”<sup>5</sup>.

Ca Huế đã phát triển, lan tỏa ra ngoài dân gian, nó đã tiếp nhận thêm một số điệu hò, lý có cùng chung một môi trường địa văn hoá để trở thành một sắc thái độc đáo trong kho tàng âm nhạc cổ truyền Việt Nam. Nhạc điệu của Ca Huế là nguồn cảm hứng cho nhạc dân gian Bình Trị Thiên và các thanh âm của Ca Huế phát sinh từ tiếng nói, ngữ điệu của người dân xứ Huế. Ca Huế là nhịp cầu nối giữa cung đình-dân gian, dòng âm nhạc dân gian chính là cơ sở để hình thành và phát triển, là cái nôi nuôi dưỡng cho dòng âm nhạc bác học, cung đình Huế. Các bài bản Ca Huế có cấu trúc chặt chẽ, giai điệu phong phú với nhiều luyện láy tinh tế, lời ca giàu chất văn chương. Ca Huế được xây dựng trên 3 điệu chính gồm điệu Bắc (Khách) với chất nhạc tươi vui, trong sáng, sang trọng bao gồm 10 bản Ngự và 3 bản lẻ là Cổ bản, Hành vân và Lưu thủy, điệu Nam với tính chất buồn thương, bi ai, vương vấn, tiêu biểu là các bản Nam ai, Nam bình, Quả phụ... điệu Nam xuân với tính chất pha trộn giữa hai điệu Bắc và Nam, băng khuâng, mơ hồ như các bản Nam xuân, Tứ đại, Phú lục. Ngoài 3 điệu chính trên, Ca Huế còn có một cách hát làm thay đổi tính chất các bài bản được gọi là hơi dựng. Nét độc đáo của Ca Huế là sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa, tinh tế giữa hai dòng nhạc bác học và dân gian, nhất là trong thể loại dân ca Hò Huế và Lý Huế. Chúng ta rất dễ nhận ra ảnh hưởng của nó qua một số làn điệu như Lý Giao duyên, Lý Tử vi. Ca Huế là sự kết hợp giữa thanh nhạc và khí nhạc trong một hệ thống những bài bản có cấu trúc chặt chẽ, chuẩn mực. Người ta thường hay sử dụng các dàn nhạc tứ tuyệt, ngũ tuyệt hoặc lục tuyệt với hai chức năng chính là hòa tấu và đệm. Tuy nhiên, nghệ thuật hòa âm đặc trưng của nhạc đệm trong Ca Huế là dàn ngũ tuyệt (Tranh, Nguyệt, Bầu, Tỳ, Nhị) được coi là dàn nhạc đệm chín chu nhất. Ca Huế đã lan tỏa đến trong Nam, ngoài Bắc, dễ dàng đồng điệu với quan họ của Bắc Ninh, với các chiếu chèo ở vùng đồng bằng Bắc bộ, nhất là mối quan hệ mật thiết với Đờn ca tài tử Nam Bộ. Với những giá trị đặc sắc đó, Ca Huế đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào năm 2015. Vào năm 2017, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã phê duyệt “Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2017-2022”.

### **3. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Ca Huế**

#### **3. 1. Công tác tuyên truyền, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản Ca Huế**

<sup>5</sup> Hà Thành ngọc báo (1934), *Ngó qua kịch giới nước nhà*, Số 1959 (Ngày 17 tháng 3 năm 1934), Hà Nội, tr. 1.

Công tác tuyên truyền, quảng bá về giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế được triển khai hiệu quả. Sở Văn hóa và Thể thao (Sở VH&TT) đã xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền quảng bá về Ca Huế trên các phương tiện truyền thông. Đồng thời, Sở cũng đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Thừa Thiên Huế thực hiện các chương trình nghệ thuật Ca Huế trên sóng truyền



*Chương trình đưa di sản Ca Huế vào trường học*

hình và phát thanh của Đài. UBND thành phố Huế đã xây dựng và duy trì phòng trưng bày tư liệu, hiện vật, hình ảnh về nghệ thuật Ca Huế tại cơ sở Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế được công chúng trong và ngoài nước đánh giá cao. Thông qua các chương trình tuyên truyền, quảng bá nêu trên đã góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực, nhận thức của cán bộ làm công tác văn hóa, cán bộ ở các cấp chính quyền nói chung và cộng đồng xã hội về công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế.

Sở VH&TT đã phối hợp với Học viện Âm nhạc Huế tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục một số bài bản Ca Huế cổ có nguy cơ mai một, thất truyền, theo hướng phục hồi nguyên bản, đảm bảo chất lượng để khẳng định giá trị độc đáo, tính đặc trưng, bản sắc của Ca Huế. Ngoài ra, Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế cũng đã tập trung sưu tầm các bài bản Ca Huế; hệ thống hóa các làn điệu thu âm, ghi hình, ký âm lập tổng phổ âm nhạc các làn điệu đưa vào lưu trữ 10 làn điệu Ca Huế (tiểu biểu như: Nam ai, Nam bình, Tứ đại cảnh, Phú lục, Cổ bản, Nam xuân, Phẩm tiết, Cổ bản dựng, Phẩm tiết...) và hơn 15 làn điệu Dân Ca Huế.

### **3.2. Chương trình đưa di sản Ca Huế vào trường học**

Từ năm 2019 đến năm 2022, Sở VH&TT đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức 03 lớp tập huấn và cấp giấy chứng nhận hát Ca Huế cho 113 giáo viên bộ môn Âm nhạc của 100 trường THCS trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Cùng với nội dung dạy hát, biểu diễn Ca Huế, trong các buổi tập huấn, đều hướng dẫn kỹ năng và tổ chức thu Âm nhạc beat một số bài bản Ca Huế và làn điệu dân Ca Huế cho giáo viên để các giáo viên có thể sử dụng nhạc beat thay cho dàn nhạc đệm khi dạy các em học hát và biểu diễn Ca Huế. Bên cạnh đó, tại các buổi tập huấn đều phối hợp với Câu lạc bộ Ca Huế (CLB Ca Huế) thỉnh phòng tổ chức cho các học viên giao lưu với nghệ sĩ, nghệ nhân Ca Huế. Sau khi hoàn thành khóa tập huấn hát Ca Huế, các giáo viên Âm nhạc đã đưa Ca Huế vào dạy lồng ghép trong chương trình môn Âm nhạc để giới thiệu, truyền

dạy cho các học sinh.

Có thể nói, Chương trình đưa di sản Ca Huế vào trường học không chỉ đơn thuần là dạy cho học sinh tập hát Ca Huế mà còn giúp các em nhận ra những giá trị nhân văn ẩn chứa trong nội dung từng bài bản. Từ đó, giúp các em biết trân trọng, yêu quý di sản Ca Huế. Đồng thời, việc đưa di



*Không gian Ca Huế thính phòng*

sản Ca Huế vào trường học sẽ giúp các em có niềm đam mê với Ca Huế nói riêng và âm nhạc truyền thống dân tộc nói chung, có khả năng thực hành biểu diễn, cảm thụ những làn điệu Ca Huế. Qua đó, nâng cao ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản Ca Huế.

### **3.3. Tổ chức các hoạt động Câu lạc bộ Ca Huế**

Tiếp tục duy trì, củng cố hoạt động các CLB Ca Huế trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức và nội dung sinh hoạt phong phú, phù hợp với yêu cầu hiện nay về việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản Ca Huế. Với mong muốn đưa nghệ thuật Ca Huế đến gần hơn với đông đảo khán thính giả, CLB Ca Huế thính phòng do nhà thơ Võ Quê sáng lập đã hoạt động tại Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế để phục vụ người dân và du khách miễn phí. Trong không gian âm cúng của Ca Huế thính phòng, các nghệ nhân, nghệ sĩ gửi đến người nghe những bài bản Ca Huế ngọt ngào, sâu lắng. Ngoài các nghệ nhân, nghệ sĩ kỳ cựu, chương trình còn có sự xuất hiện của những nghệ sĩ trẻ và cả những giọng ca từ hàng ghế khán giả. Tại đây cũng xuất hiện một số tác giả soạn lời mới, vừa làm phong phú nội dung các bài bản Ca Huế, vừa phản ánh sinh động cuộc sống đương đại của quê hương. Bên cạnh đó, CLB Ca Huế thính phòng còn tổ chức biểu diễn nghệ thuật Ca Huế tại phố đêm Hoàng thành Huế.

Ngoài ra, CLB Ca Huế thính phòng còn tổ chức dạy nhạc cụ truyền thống gồm các loại: đàn tranh, đàn bầu, đàn tỳ, đàn nhị. Đối tượng đăng ký học là những người yêu thích các loại nhạc cụ truyền thống, trong đó ưu tiên dạy cho các em học sinh, trẻ em khuyết tật, những người đã học nhạc cụ truyền thống muốn nâng cao trình độ và kỹ năng thực hành đàn, ca Huế. Lớp học do CLB Ca Huế thính phòng tổ chức đều dạy hoàn toàn miễn phí, với mục đích truyền tình yêu Ca Huế và nhạc cụ truyền thống cho các bạn trẻ.

Sở VH&TT đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thí điểm một số CLB Ca Huế cho học sinh tại các Trường ở thành phố Huế như THCS Nguyễn Tri Phương, THCS Thống Nhất, THCS Trần Cao Vân thu hút nhiều học sinh tham gia. Các CLB đều có kế hoạch sinh hoạt định kỳ, có chủ đề, chủ điểm. Ngoài ra, các trường học đều hình thành và tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ âm nhạc, trong đó đa phần đều lồng ghép đưa nghệ thuật Ca Huế vào trong những nội dung sinh hoạt của CLB, trong

giờ Chào cờ đầu tuần. Ngoài ra, các trường học đã lồng ghép các nội dung Ca Huế vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các ngày lễ, hoạt động giáo dục của nhà trường. Đây là những nội dung được đông đảo phụ huynh và học sinh hưởng ứng và ủng hộ, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản Ca Huế.

#### **3.4. Hoạt động tổ chức và biểu diễn Ca Huế trên sông Hương**

Thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, Sở VH&TT đã chủ trì phối hợp với UBND thành phố Huế và các ngành liên quan tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động biểu diễn Ca Huế trên sông Hương. Do đó, hoạt động Ca Huế trong thời gian qua cơ bản đảm bảo về chất lượng, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của du khách trong và ngoài nước. Trước đây, Trung tâm Quản lý và Tổ chức biểu diễn Ca Huế là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở VH&TT có nhiệm vụ quản lý và tổ chức hoạt động biểu diễn Ca Huế trên sông Hương. Tuy nhiên, theo chủ trương tinh giảm, sáp nhập, ngày 12/11/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2656/QĐ-UBND giải thể Trung tâm Quản lý và tổ chức biểu diễn Ca Huế. Từ đó, các doanh nghiệp tổ chức biểu diễn Ca Huế hoạt động theo Luật Doanh nghiệp các tổ chức cá nhân được phép đăng ký kinh doanh, tổ chức biểu diễn Ca Huế theo quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 và Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức dịch vụ biểu diễn Ca Huế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện nay, hoạt động biểu diễn ca Huế thực hiện theo Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 và Quyết định 62/2020/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Hoạt động biểu diễn và tổ chức dịch vụ biểu diễn Ca Huế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên địa bàn tỉnh hiện có 12 doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh Ca Huế với tổng số 519 nhạc công và diễn viên. Trong đó, có 287 diễn viên và 232 nhạc công, nhạc công.

Theo Nghị định của Chính phủ về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, các chương trình biểu diễn Ca Huế được các doanh nghiệp đăng ký thẩm định chương trình, Sở VH&TT không thẩm định từng cá nhân, nhưng yêu cầu diễn viên tham gia các chương trình Ca Huế phải hát được tất cả các thể loại bài bản Ca Huế, hò, lý, vè... để đảm bảo chất lượng tổng thể của chương trình, các doanh nghiệp đã đăng ký biểu diễn cả diễn viên, nhạc công lâu năm và diễn viên mới. Tổ kiểm tra liên ngành kiểm tra, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại khu vực bến thuyền du lịch Tòa Khâm, tuyến đường đi bộ, đặc biệt là khu vực đỗ của các phương tiện; xử lý dứt điểm tình trạng buôn bán hàng rong, đeo bám du khách, ăn xin, bán vé dạo nghe Ca Huế; chấn chỉnh tình trạng thuyền viên mang trang phục không đúng quy định, bán hàng trên thuyền nghe Ca Huế gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến du khách nghe Ca Huế.

Sở VH&TT phối hợp với UBND thành phố Huế tổ chức quán triệt vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp, các Câu lạc bộ, các diễn viên, nhạc công Ca Huế về xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh đô thị; nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Ca Huế tạo ấn tượng đẹp trong lòng du khách. Ngoài ra, UBND thành phố Huế đã đầu tư, mở rộng bến đỗ xe tại Bến thuyền du lịch Tòa Khâm để phục vụ nhu cầu khách du lịch khi tham gia thưởng thức Ca Huế



trên sông; chỉnh trang hệ thống đèn chiếu sáng, lắp đặt camera an ninh để giám sát các phương tiện để xử lý dứt điểm tình trạng buôn bán hàng rong, đeo bám du khách, ăn xin, bán vé dạo nghe Ca Huế.

### **3.5. Biên soạn, xuất bản ấn phẩm giới thiệu, nghiên cứu về Ca Huế**

Nhằm giới thiệu, nghiên cứu, khẳng định giá trị sâu sắc về văn hóa, lịch sử của nghệ thuật Ca Huế gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Thừa Thiên Huế, Sở VH&TT đã tổ chức biên soạn, xuất bản một số cuốn sách như “Ca Huế - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia” (Nxb Thuận Hóa, 2019), “Nghệ thuật Ca Huế trong xã hội đương đại” (Nxb Thuận Hóa, 2022), “Khúc Hương Bình” (Nxb Thuận Hóa, 2022), “Miền Hương Ngự” (Nxb Thuận Hóa, 2022). Đặc biệt, UBND tỉnh đã quyết định chọn ấn phẩm Ca Huế - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia của ngành Văn hóa để tái bản có bổ sung, đưa vào Tủ Sách Huế. Các công trình nghiên cứu này đã được các nhà khoa học cùng độc giả đánh giá cao về mặt học thuật cũng như chất lượng nội dung, góp phần bảo tồn di sản Ca Huế.

Ngoài ra, UBND thành phố Huế đã tổ chức vận động các thành viên CLB Ca Huế thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế tham gia soạn lời Ca Huế mới. Câu lạc bộ Ca Huế đã in lưu hành nội bộ những bài Ca Huế theo chủ đề: Tiếng lòng người nữ (chuyên các soạn giả nữ), Ca Huế (gồm các bài ca của các tác giả Khuyết danh xưa nay, của các văn nhân thi sĩ tên tuổi như Mai Am công chúa, Ứng Bình, Vu Hương, Thanh Tùng, Bửu Lộc, Á Nam Trần Tuấn Khải, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu...), Ca mừng Phật Đản, ca mừng mùa báo hiếu, mừng Giáng sinh,...

### **3.6. Phát huy giá trị và xây dựng Ca Huế trở thành sản phẩm dịch vụ văn hóa du lịch đặc sắc**

Ngày 07/7/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1645/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Phát huy giá trị và xây dựng Ca Huế trở thành sản phẩm dịch vụ văn hóa du lịch đặc sắc giai đoạn 2021-2025”; trên cơ sở Đề án phê duyệt, Sở VH&TT đã phối hợp với UBND thành phố Huế và các ngành liên quan tích cực triển khai Đề án và bước đầu đã đạt được kết quả nhất định.

Sở VH&TT đã triển khai xây dựng App Ca Huế nhằm mục đích tăng cường các biện pháp quản lý và quảng bá, giới thiệu về nghệ thuật Ca Huế. Tập trung công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ diễn viên, nhạc công Ca Huế phục vụ khách du lịch. Hằng năm, Sở VH&TT tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng biểu diễn cho các diễn viên, nhạc công của các Doanh nghiệp tổ chức biểu diễn Ca Huế; trong đó tập trung bồi dưỡng kiến thức về văn hóa, lịch sử, nâng cao trình độ điều hành chương trình, kỹ năng trình diễn các bài bản Ca Huế. Ngoài ra, Sở đã triển khai xây dựng các chương trình Ca Huế mẫu bao gồm: Chương trình Ca Huế chuẩn phục vụ du khách muốn tìm hiểu sâu giá trị Ca Huế và công tác bảo tồn nghiên cứu Ca Huế; chương trình Ca Huế phục vụ khách phổ thông, đại trà và chương trình Ca Huế phục vụ khách quốc tế để phổ biến tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Ca Huế, làm cơ sở để các Doanh nghiệp tổ chức biểu diễn Ca Huế xây dựng các chương trình biểu diễn phục vụ khách du lịch. Hiện nay, Sở VH&TT đang tiếp tục báo cáo UBND tỉnh để hình thành không gian Ca Huế thính phòng tại Di tích Ứng Bình (Châu Hương Viên) và cơ sở 148 Bùi Thị Xuân, Tp Huế. UBND thành phố Huế cũng tiếp tục chỉnh trang, nâng



*TS. Phan Thanh Hải, Giám đốc Sở VH&TT trao giải Nhất cho tác giả Nguyễn Bình Khiêm*

cấp bến thuyền du lịch, bãi đỗ xe, hạ tầng phục vụ du lịch gắn với hoạt động biểu diễn Ca Huế.

Cùng với Sở Văn hóa và Thể thao, Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế (thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế) đã tích cực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật truyền thống và khai thác dịch vụ trong môi

trường bảo tồn, phát huy giá trị Di sản Huế, tiêu biểu là hoạt động biểu diễn quảng bá Ca Huế. Cụ thể, nghệ thuật Ca Huế đã được Nhà hát đưa vào show biểu diễn bằng Ca Huế hàng ngày tại các điểm di tích: tại Xung Khiêm Tạ, Lăng vua Tự Đức, Nhật Thành Lâu, Đại Nội Huế; Ca Huế được đưa vào biểu diễn tại các chương trình nghệ thuật sự kiện, lễ hội quan trọng: chương trình Phố đêm Hoàng Thành, chương trình Khởi động mùa Hạ, chương trình Hương sắc mùa Thu... Qua đó, Nhà hát đã giới thiệu rộng rãi các bài bản Ca Huế đến với mọi tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước, góp phần đưa Ca Huế trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc của Huế và đẩy mạnh tăng cường xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Ca Huế gắn với phát triển du lịch để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của du khách trong và ngoài nước.

### **3.7. Triển khai Cuộc thi “Sáng tác lời mới dựa trên các bài bản Ca Huế”**

Sở VH&TT đã tổ chức Cuộc thi “Sáng tác lời mới dựa trên các bài bản Ca Huế năm 2021”, kêu gọi sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trên quy mô toàn quốc. Cuộc thi nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng đời sống văn hóa nghệ thuật cơ sở, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Cuộc thi cũng hướng đến việc sáng tác lời mới dựa trên các bài bản Ca Huế phù hợp với đời sống đương đại, phù hợp với tâm tư, cách nghĩ, cách thưởng thức của công chúng hôm nay và chương trình đưa Ca Huế vào trường học. Sau thời gian phát động, Ban Tổ chức Cuộc thi đã nhận được 86 tác phẩm của các tác giả sinh sống ở nhiều địa phương trong cả nước. Điều đó cho thấy sự quan tâm sâu sắc của các nghệ nhân, nghệ sĩ và cộng đồng xã hội đối với nghệ thuật Ca Huế. Kết quả Ban Giám khảo đã chọn 9 tác phẩm xuất sắc nhất để trao giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích.

Để ghi nhận sự tham gia và đóng góp có hiệu quả của các tác giả tham gia Cuộc thi Sáng tác lời mới dựa trên các bài bản Ca Huế năm 2021, đồng thời lan tỏa mạnh mẽ

nghệ thuật Ca Huế trong cộng đồng, trường học, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế, Sở VH&TT đã lựa chọn những tác phẩm có chất lượng để biên tập và phát hành cuốn sách “Ca khúc Hương Bình” trong năm 2022.

### **3.8. Công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ sĩ Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”, “Nghệ sĩ Ưu tú” trên lĩnh vực Ca Huế**

Việc tổ chức triển khai xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ sĩ Ưu tú được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25/6/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân, “Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú; Nghị định số 40/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2014/NĐ-CP ngày 29/9/2014 của Chính phủ.

Nhìn chung, công tác xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ sĩ Ưu tú trong lĩnh vực di sản nghệ thuật Ca Huế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình và thủ tục được quy định. Qua đó, đã thực hiện xét chọn và tôn vinh những nghệ nhân có tài năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, đang nắm giữ, truyền dạy và cống hiến to lớn, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nói chung và di sản Ca Huế nói riêng. Cụ thể hiện nay có 02 Nghệ nhân Nhân dân, 03 Nghệ sĩ Nhân dân, 09 Nghệ nhân Ưu tú, 36 Nghệ sĩ Ưu tú trong lĩnh vực nghệ thuật Ca Huế.

### **4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Ca Huế**

Để bảo tồn và phát huy các giá trị nghệ thuật Ca Huế trong bối cảnh hiện nay, chúng ta cần triển khai một số giải pháp như sau:

**Về quản lý Nhà nước:** Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các hoạt động dịch vụ Ca Huế phục vụ khách du lịch trên sông Hương và một số không gian trình diễn khác. Thường xuyên tập huấn nâng cao về kỹ năng biểu diễn Ca Huế cho đội ngũ diễn viên, nhạc công. Kịp thời chấn chỉnh các trường hợp tổ chức biểu diễn Ca Huế không tuân thủ các quy định, xử lý các hành vi làm ảnh hưởng đến chất lượng nghệ thuật Ca Huế.

**Nghiên cứu, kiểm kê khoa học:** Tiếp tục nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu di sản Ca Huế. Tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế về di sản Ca Huế nhằm phân tích, đánh giá các vấn đề về giá trị lịch sử văn hóa, nghệ thuật và nhận diện những nét tương đồng, dị biệt với các hình thức nghệ thuật tương đồng trên thế giới.

**Tổ chức truyền dạy trong cộng đồng:** Xây dựng và phát triển hệ thống các CLB Ca Huế; xây dựng giáo trình đào tạo nghệ thuật Ca Huế. Tiếp tục thực hiện Chương trình đưa di sản nghệ thuật Ca Huế vào trường học. Đồng thời tổ chức liên hoan hội diễn Ca Huế và dân ca Bình Trị Thiên để khuyến khích đẩy mạnh phong trào biểu diễn Ca Huế và dân ca trong cộng đồng.

**Quảng bá và phổ biến:** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhân dân về công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy niềm tự hào của cộng đồng, định hướng trong việc tìm tòi, sưu tầm và bảo tồn di sản nghệ thuật Ca Huế. Khuyến



Lễ trao tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân ưu tú

khích, động viên các nghệ nhân lão thành sinh hoạt và truyền dạy các kỹ năng, bí quyết thực hành di sản Ca Huế trong cộng đồng và các Câu lạc bộ.

**Chính sách đãi ngộ các nghệ nhân, nghệ sĩ:** Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đối với các nghệ nhân, nghệ sĩ có nhiều đóng góp

trong công tác truyền dạy, bảo tồn, phát huy, phát triển Ca Huế. Tôn vinh, tuyên dương các tổ chức cá nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ trong việc bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật Ca Huế. Có chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với các nghệ nhân, nghệ sĩ nhằm khuyến khích tài năng, nâng cao chất lượng hoạt động Ca Huế, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật Ca Huế.

**Về nguồn lực đầu tư:** Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách Nhà nước cần huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư kinh phí củng cố, chỉnh trang và xây dựng mới hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch gắn với hoạt động biểu diễn Ca Huế, cụ thể là các bến thuyền du lịch, cầu tàu, bãi đỗ xe,... đảm bảo thuận lợi, mỹ quan đô thị và trật tự, an toàn cho khách du lịch.

## 5. Thay lời kết

Có thể nói, di sản nghệ thuật Ca Huế đã tiếp thu, kế thừa và ảnh hưởng nhiều dòng âm nhạc cổ truyền dân tộc để trở thành một trong những loại hình âm nhạc truyền thống đặc sắc của Việt Nam. Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Vì vậy, Thừa Thiên Huế luôn ý thức sâu sắc di sản văn hóa Huế nói chung và nghệ thuật Ca Huế nói riêng là tài sản vô giá của các thế hệ tiền nhân để lại cho thế hệ hôm nay và mai sau, có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống lịch sử, văn hóa nghệ thuật, là phương tiện để quảng bá về hình ảnh địa phương cho du khách, tạo nền tảng cho việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế - xã hội một cách bền vững.

Hy vọng trong thời gian tới, với những giải pháp cụ thể nêu trên cùng sự chung tay của các Sở ban ngành, sự tham gia tích cực của cộng đồng, doanh nghiệp, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế trong bối cảnh đương đại sẽ có bước đột phá, hiệu quả hơn nữa ■

# ĐƯA NGHỆ THUẬT ĐIỀM PHÙNG THỊ VÀO CUỘC SỐNG

■ PHẠM ĐĂNG NHẬT THÁI\*

Nhà điêu khắc **Điềm Phùng Thị**<sup>(1)</sup> - Khi còn sống ở Pháp, bà đã có một ước nguyện cuối cùng là trở về quê hương để công hiến... Và cuối cùng “giấc mơ Huế” của bà đã thành hiện thực, Huế đang tay nồng nhiệt chào đón sự trở về của bà. Những tác phẩm của bà đã được trưng bày tại “Nhà trưng bày Nghệ thuật Điềm Phùng Thị” ở ngôi biệt thự số 1 đường Phan Bội Châu (1993-2018). Sau đó, những tác phẩm ấy đã được chuyển sang địa điểm bên dòng sông Hương tại số 17 Lê Lợi, thành phố Huế với tên gọi “Không gian trưng bày tác phẩm nghệ thuật Điềm Phùng Thị”.

Đã 30 năm, gần 400 tác phẩm nghệ thuật Điềm Phùng Thị được trưng bày, giới thiệu đến công chúng ở Huế, du khách trong và ngoài nước. Những cuộc hội thảo “Bảo tồn và phát huy nghệ thuật Điềm Phùng Thị”, tọa đàm “Tri ân nghệ sĩ Điềm Phùng Thị” hay chương trình các em thiếu nhi với chủ đề “Vui tết Trung thu cùng nghệ thuật Điềm Phùng Thị” (2018) đã mang lại một số hoạt động nhất định. Những ấp ủ chưa thành của bà là tìm “truyền nhân”, dự định mở lớp đào tạo cho trẻ em, trẻ mồ côi và khuyết tật vẽ tranh, tác tượng theo lối phối hợp các mô-đun đành khép lại<sup>(2)</sup>. Nhiều trăn trở của người có chuyên môn, yêu thích đam mê nghệ thuật, có tâm và tình để đưa tác phẩm Điềm Phùng Thị đến với công chúng nhiều hơn, trong bài viết “Cần cơ chế cho Nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật Điềm Phùng Thị”<sup>(3)</sup> của nhà báo Minh Hiền. Hay bài viết “Đưa tác phẩm Điềm Phùng Thị vào cuộc sống” tác giả Xuân Huy (2014) trên báo Thừa Thiên Huế Online trong việc cần “tiếp tục biến tấu những mô-đun của Điềm Phùng Thị thành những tác phẩm, sản phẩm ứng dụng phục vụ cộng đồng, đồ lưu niệm- quà tặng dành cho du khách tham quan, trò chơi lắp ghép cho thiếu nhi”<sup>(4)</sup>. Những hoài mong để nghệ thuật Điềm Phùng Thị đến gần hơn với công chúng, báo Đà Nẵng Online có bài viết “Nghệ thuật Điềm Phùng Thị và hàng lưu niệm” (2017), bài viết nhấn mạnh việc vận dụng nghệ thuật Điềm Phùng Thị để chế tác hàng mỹ nghệ làm quà lưu niệm, những mô-đun với nhiều kích cỡ khác nhau để tạo ra những món hàng mỹ nghệ theo kiểu trò chơi ghép hình<sup>(5)</sup>.

\* Khoa kiến trúc, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

<sup>1</sup> Nhà điêu khắc, nghệ sĩ Điềm Phùng Thị - tên thật là Phùng Thị Cúc (18/8/1920-29/01/2002) được sinh ra tại làng Châu Ê, xã Thủy Bằng, Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghệ sĩ Điềm Phùng Thị được đứng vào danh sách những tài năng lớn của nghệ thuật thế kỷ XX trong từ điển LaRousse (1991). Năm 1992, bà được phong làm Viện sĩ Thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học, Văn học và Nghệ thuật châu Âu. Sự độc đáo của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị là đã sáng tạo ra một loại hình điêu khắc trên cơ sở lắp ghép và biến tấu 7 mô-đun hình học thành muôn vàn tác phẩm nghệ thuật - Một thế giới Điềm Phùng Thị đậm phong vị và triết lý phương Đông.

<sup>2</sup> <https://baothuathienhue.vn/nho-diem-phung-thi-a83474.html>, (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>3</sup> <https://baothuathienhue.vn/van-hoa-nghe-thuat/my-thuat-dieu-khac/can-co-che-cho-nha-trung-bay-tac-pham-nghe-thuat-diem-phung-thi-8967.html>, (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>4</sup> <https://baothuathienhue.vn/van-hoa-nghe-thuat/my-thuat-dieu-khac/dua-tac-pham-diem-phung-thi-vao-cuoc-song-9247.html>, (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>5</sup> <https://baodanang.vn/channel/5433/201702/nghe-thuat-diem-phung-thi-va-hang-luu-niem-2539819/index.htm>, (truy cập ngày 10/5/2023)

Năm 2020, tại thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm nghệ thuật đương đại The Factory<sup>(6)</sup> đã diễn ra cuộc triển lãm của nghệ sĩ Phan Thảo Nguyên và 7 mô-đun của Điềm Phùng Thị<sup>(7)</sup>. Hãng bánh Bakes Saigon ở quận 3 đã cho ra đời mẫu bánh ngọt mang tên “Om” dựa trên tác phẩm “Ni Cô” của cố nghệ sĩ Điềm Phùng Thị<sup>(8)</sup>. Cùng với đó, năm 2021, tại Thừa Thiên Huế, KTS. Phạm Đăng Nhật Thái đã đạt 2 giải khuyến khích trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh, lần thứ XI và cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo với đề tài “Giáo dục Mỹ thuật cho trẻ 3 đến 11 tuổi qua ứng dụng sáng tạo từ những mô-đun Điềm Phùng Thị”<sup>(9)</sup> và ý tưởng dự án khởi nghiệp của “Mô hình giáo dục mỹ thuật cho trẻ từ những mô-đun Điềm Phùng Thị”<sup>(10)</sup>.

Như vậy, việc đưa nghệ thuật Điềm Phùng Thị vào cuộc sống cũng như triển khai ứng dụng, giáo dục sáng tạo nghệ thuật, mỹ thuật dành cho học sinh, sinh viên... để có thể học tập, sáng tác nhằm phát triển tinh hoa nghệ thuật này là một điều cần thiết. Bởi sứ mệnh của những tác phẩm nghệ thuật, của những mô-đun kỳ diệu từ nghệ sĩ Điềm Phùng Thị đã được chính bà trao cho những người đang sống.

### **Những tác phẩm của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị vào cuộc sống**

#### **- Tượng đài tưởng nhớ và tác phẩm ngôi mộ bên đồi Châu Ê**

Ngay trung tâm phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà (trước đây là thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà) có một tác phẩm tượng đài “Nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ” của nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị. Tượng đài đã được khánh thành đầu năm 2002 với kích thước tượng đài cao 9m, khối đế cao 2m, mặt bằng chân đế rộng 9m x 9m. Vào những năm 2000, để một tác phẩm nghệ thuật có tính trừu tượng, mới lạ và hiện đại “xuất hiện” giữa công chúng là một sự nỗ lực và thuyết phục rất lớn của chính quyền địa phương cũng như tâm huyết của ban dự án để hôm nay phường Hương Trà có được một tác phẩm tượng đài lớn của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị.



*Tượng đài Nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ và ngôi mộ nghệ sĩ Điềm Phùng Thị bên cạnh mộ người chồng Nguyễn Phước Bửu Điềm (Ảnh: Tác giả)*

Ngoài ra, ở phía Nam thành phố Huế, cách lăng vua Khải Định 400m có khu lăng mộ của nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị và người chồng bác sĩ Nguyễn Phước Bửu

<sup>6</sup> <https://factoryartscentre.com/gioi-thieu/ve-chung-toi/> (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>7</sup> <http://www.thaonguyenphan.com/thaonguyenphanxdiemphungthi>, (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>8</sup> <https://vietcetera.com/vn/om-chiec-banh-lay-cam-hung-tu-nghe-thuat-dieu-khac>, (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>9</sup> Quyết định số 2505/QĐ-UBND công bố danh sách các đề tài đạt giải Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XI, năm 2021.

<sup>10</sup> <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Chinh-sach-moi/tid/12-y-tuong-du-an-khoi-nghiep-dat-giai-thuong-Cuoc-thi-Khoi-nghiep-doi-moi-sang-cao-tinh-Thua-Thien-Hue-nam-2021/newsid/C34B900D-88C8-49F3-A75A-ADE200A03965/cid/2BEA0540-FCA4-4F81-99F2-6E8848DC5F2F>, (truy cập ngày 10/5/2023)

Điềm. Đây là một tác phẩm điêu khắc bằng đá ong màu nâu đỏ được chính nghệ sĩ Điềm Phùng Thị sáng tác cho vợ chồng bà khi về cõi vĩnh hằng.

- Cầu Kho Rèn với “Những trái tim Huế” và cầu Điềm Phùng Thị

Tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân (UBND) thành phố Huế có chủ trương, cải tạo, làm mới các hình ảnh, họa tiết lan can của những cây cầu bắc qua sông An Cựu. Ngõ ý cùng với Khoa Kiến trúc, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế để gợi mở ra các ý tưởng, phương án thiết kế cho sự thay đổi hình thức các họa tiết lan can cho các cây cầu. Ý tưởng “những trái tim Huế” được lấy từ những mô-đun Điềm Phùng Thị, phương án của KTS. Phạm Đăng Nhật Thái và cộng sự đã được đề xuất lựa chọn thi công cho cầu Kho Rèn, thành phố Huế. Trong đó, mô-đun có dạng hình trái tim của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị được sơn màu đỏ là điểm nhấn đặc biệt cho lan can, bởi trong ý tưởng thiết kế được đưa ra như là lời cảm ơn của những người đang sống, “những trái tim Huế”<sup>(11)</sup> gọi đến nghệ sĩ Điềm Phùng Thị, sự tri ân triu mến tưởng nhớ 20 năm kể từ ngày bà đi vào cõi vĩnh hằng (29/01/2022).



Cầu Kho Rèn, tp Huế - Với họa tiết từ những mô-đun Điềm Phùng Thị (Ảnh: Tác giả)

- Cầu Điềm Phùng Thị trên trục đường Điềm Phùng Thị

Cùng với kế hoạch xây dựng cây cầu bắc qua nhánh sông Như Ý và phát huy giá trị các tác phẩm nghệ thuật Điềm Phùng Thị trên trục đường Điềm Phùng Thị, nối Đường quy hoạch 36m - Khu B đô thị An Vân Dương, thành phố Huế<sup>(12)</sup>. Theo đơn đặt hàng của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Thừa Thiên Huế về việc thực hiện thiết kế ý tưởng kiến trúc và kết cấu lan can cho cầu Điềm Phùng Thị, KTS. Phạm Đăng Nhật Thái đã đưa ý tưởng từ tác phẩm điêu khắc gỗ “thuyền lơ lửng”, kích thước 23,5 x 18 x 65 (cm) của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị sáng tác năm 1985 để thể hiện trong thiết kế lan can cầu. Tác phẩm “thuyền lơ lửng” hiện đang được trưng bày ở tầng 2 của Không gian trưng bày tác phẩm nghệ thuật Điềm Phùng Thị. Thiết kế đã được UBND thành phố Huế phê duyệt, nghiệm thu ngày 12/12/2022 và sẽ được triển khai xây dựng thực tế trong thời gian tới.



Tác phẩm “Thuyền lơ lửng” và sự tiếp biến lan can cho cầu Điềm Phùng Thị (Ảnh: Tác giả)

<sup>11</sup> <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p2/c15/n31276/Nhung-trai-tim-Hue-Tri-an-nha-dieu-khac-Diem-Phung-Thi.html>, (truy cập ngày 10/5/2023)

<sup>12</sup> Hợp đồng Thiết kế kiến trúc - Cộng tác viên số 01-KT-CTV/2022/HĐ-TVTK ngày 01/3/2022

## Sản phẩm ứng dụng mô-đun nghệ thuật Điềm Phùng Thị cho giáo dục

Bên cạnh việc xây dựng các kế hoạch bảo tồn, việc phát huy giá trị nghệ thuật Điềm Phùng Thị, chúng tôi, trong thư xin phép sử dụng 7 mô-đun của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị để phát triển sáng tạo thành mô hình giáo dục mỹ thuật cho trẻ đã nhận được sự tán thành, ủng hộ của Bảo tàng Mỹ thuật Huế, hoạt động này phù hợp với định hướng mở rộng hợp tác về văn hóa nghệ thuật của đơn vị<sup>(13)</sup>.



Các trẻ trải nghiệm với mô hình giáo dục mỹ thuật từ những mô-đun Điềm Phùng Thị (Ảnh: Tác giả)

Ứng dụng từ 7 mô-đun của nghệ sĩ Điềm Phùng Thị kết hợp với 7 sắc cầu vồng tạo nên sự kết tụ của yếu tố kỹ thuật và cảm thụ màu sắc riêng của trẻ. Quy định 7 màu sắc tương ứng với 7 mô-đun của Điềm Phùng Thị đã được tiếp biến, sáng tạo và được cắt gọt, cân chỉnh tỷ lệ, để cho ra 28 mảnh lắp ghép thông minh (7 mô-đun x 4). Ưu điểm của bộ mô hình này là ngoài việc có thể lắp ghép, tạo hình, tư duy riêng của mỗi trẻ nhỏ trên diện mặt phẳng 2D và còn có thể lắp ghép, tạo hình trong không gian 3D. Ngoài ra, trẻ còn có thể tạo nên các trang trí hình vuông, hình tròn, hình đường điềm... mà trong môn học mỹ thuật của các cấp điều phải trải qua, đặc biệt là các học sinh tiểu học.



Sản phẩm mô hình và các lắp ghép trang trí từ bộ mô hình<sup>(14)</sup> của Phạm Đăng Nhật Thái (Ảnh: Tác giả)

\* \* \*

Nghệ sĩ Điềm Phùng Thị đã từng nói: “*Khi sáng tác, tôi đã hạnh phúc, đã đau khổ. Tác phẩm điêu khắc đó bây giờ không còn thuộc về tôi nữa. Tôi trao nó cho các bạn, hoặc đúng hơn, tôi trao tôi cho các bạn!*”<sup>(15)</sup>. Như vậy, sứ mệnh còn lại được trao cho những người đang sống, nghệ thuật Điềm Phùng Thị có được lan tỏa, kế thừa và phát

<sup>13</sup> Trích từ đơn số 157/BTMTH ngày 26/10/2021 của Bảo tàng Mỹ thuật Huế - Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế trả lời thư xin phép sử dụng 7 mô-đun Điềm Phùng Thị để phát triển sáng tạo thành Mô hình giáo dục mỹ thuật cho trẻ, của ông Phạm Đăng Nhật Thái - Giảng viên khoa Kiến trúc, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

<sup>14</sup> Sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền Tác giả Phạm Đăng Nhật Thái, loại hình: Mỹ thuật ứng dụng. Số 8938/2021/QTG ngày 08/12/2021 tại Cục Bản quyền Tác giả.

<sup>15</sup> <https://diemphungthiartfoundation.com/vi/>, (truy cập ngày 10/5/2023)



huy giá trị nghệ thuật này nhiều hay ít phụ thuộc vào tất cả chúng ta.

Những đóng góp của nghệ sĩ, nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị cho nền nghệ thuật Huế, cho nước nhà và thế giới là rất lớn. Trong đó 7 mô-đun đã kết nên nhiều tác phẩm nghệ thuật giá trị và mang lại giá trị giáo dục thẩm mỹ sâu sắc cho thế hệ trẻ ngày nay. Chúng tôi mong muốn nghệ thuật Điềm Phùng Thị lan tỏa, được phát huy nghệ thuật nhiều hơn đến với công chúng ở Huế. Đặc biệt, sản phẩm mô hình giáo dục mỹ thuật dành cho trẻ qua 7 mô-đun được sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân, các sở, ban, ngành... Để có thể kết hợp sản xuất, nhân rộng đưa vào các hoạt động giáo dục mỹ thuật, trải nghiệm sáng tạo hay trao tặng đến các trẻ mồ côi, khuyết tật, các Trung tâm bảo trợ trẻ em của Huế, các trường mẫu giáo, trường tiểu học ở vùng sâu, vùng xa trên đất nước Việt Nam này. Đó cũng là ước nguyện mà nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị hướng đến các em nhỏ, thiếu nhi lúc bà còn sống. Đó chính là hiệu quả xã hội thiết thực nhất mà chúng tôi mong muốn hướng đến. ■

## HỒ NGỌC DIỆP

*Nắng đỏ quê hương*

*Quê hương ơi!*

*Qua bao mùa khói lửa*

*Cái nghèo - bão lũ triển miên*

*Me còng lưng tất bật cánh cò*

*Tay ru con, tay nhặt vôi phù sa*

*Mắt mẹ bình lên*

*Sắc xuân gọi Bạch Mã - Chân Mây*

*Sông Hương chảy thành dòng thi tứ*

*Trường Tiền tà áo tím bay bay chiều lộng gió*

*Chuyến đò ngang tải thơ về Thôn Vỹ trăng lên*

*Thuyền rồng xuôi ngược Dã Viên - Đập Đá*

*Rặng hoàn hôn*

*Kính thành tơ trời rắc nắng*

*Ngõ phố cao đẹp xanh hơn*

*Cùng bạn bốn phương*

*Xây nhịp cầu nối bờ mây qua biển cả*

*Đường chửa quen tràn đầy sắc lạ*

*Nghiêng sông trăng trút xuống cuộc đời*

*Khởi vượn cao - gió hát reo cười*

*Hương thu tỏa nắng sâu vào đáy mắt*

*Me mỉm cười - nhìn Thành Huế nở hoa xuân.*

# TRANH DÂN GIAN LÀNG SINH TRONG MÔ HÌNH THIẾT CHẾ VĂN HÓA LÀNG NGHỀ XỨ HUẾ

■ PHAN THANH BÌNH

## 1. Lời dẫn

Trước yêu cầu bảo tồn và phát triển những làng nghề lâu năm mà với nghề in tranh thờ ở làng Sinh (làng Lại Ân - Phú Mậu) là một sự hiện hữu đòi hỏi cần có cái nhìn thực tế về phát triển du lịch bền vững trên cơ sở xây dựng các thiết chế văn hóa nhằm bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa địa phương. Bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành, triển khai, đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức hoạt động, nguồn lực tài chính và các nghệ nhân với tư cách là chủ thể hoạt động văn hóa. Yêu cầu củng cố, hoàn thiện quy chế quản lý ở các làng nghề trong điều kiện không gian địa lý mới thuộc thành phố Huế ngày càng được đặt ra mạnh mẽ, phản ánh tính cấp thiết trong việc cần xây dựng đồng bộ các thiết chế văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy có hiệu quả các giá trị mỹ thuật dân gian, với tư cách là một thành tố quan trọng của hệ thống các giá trị văn hóa tâm linh ở Huế. Đồng thời xây dựng tốt thiết chế văn hóa cũng là cơ sở, động lực để thực hiện tốt định hướng đã được Đại hội đại biểu lần thứ XIII (2021) của Đảng xác định: *“Có kế hoạch, cơ chế và giải pháp xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn đồng thời bảo vệ, gìn giữ tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau”*.<sup>1</sup>

## 2. Vài nét về làng Sinh và nghề in tranh thờ cúng

Làng Sinh cách thành phố Huế khoảng 7km, có lịch sử hình thành lâu đời từ khoảng thế kỷ thứ XV-XVI bên bờ Nam hạ lưu sông Hương, với hệ thống giao thông thuận tiện cho mở rộng lưu thông hàng hóa và phát triển theo hướng chuyên phục vụ du lịch. Hệ thống giao thông đường bộ và đường sông di chuyển từ thành phố Huế về xã Phú Mậu là khá thuận lợi bằng phương tiện xe ô tô, thuyền rồng đến tận đầu làng hay các bến sông tại làng Sinh. Là một làng nông nghiệp, đất đai tuy không rộng nhưng phù sa bồi đắp màu mỡ, lại ở cận kề với khu cảng thị cổ Thanh Hà, phố cổ Bao Vinh (bên kia sông) nên sớm hình thành các nghề sản xuất thủ công, trong đó có nghề in tranh thờ phục vụ nhu cầu cúng bái của người dân địa phương. Với những thế mạnh sẵn có của địa phương và vị trí địa lý thuận lợi, làng Sinh rất có tiềm năng để xây dựng mô hình làng nghề truyền thống trên mô hình thiết chế văn hóa của một làng nghề truyền thống phục vụ du lịch lâu dài, ổn định.

Xét về mặt mỹ thuật, tranh làng Sinh có nhiều điểm tương đồng với tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) và Hàng Trống (Hà Nội) về kỹ thuật, nguyên liệu, kỹ thuật khắc in, đường

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr 147

nét và bố cục, màu sắc. Trong quá trình di cư vào Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn, những nghệ nhân quê ở Thanh Hóa và vùng Kinh Bắc đã mang theo trong hành trang di sản nghệ in khắc tranh thờ làm sinh kế. Bên cạnh đó còn có những nhóm người Minh Hương ly loạn từ Trung Hoa sang và họ cũng có những người biết nghệ in tranh thờ. Chính vì vậy đã có khá nhiều dấu ấn của văn hóa dân gian giao hòa tất yếu trong lịch sử của ở dòng tranh thờ đặc biệt này của xứ Huế. Tác giả Bùi Văn Vượng trong *Di sản thủ công mỹ nghệ Việt Nam* có nhận định liên quan đến xuất xứ tranh dân gian ở phía Nam: “...rải rác trên nhiều vùng khác của đất nước, tranh khắc gỗ dân gian cũng được sản xuất ở một số trung tâm nhỏ hơn. Phần lớn những nghệ nhân chủ chốt ở những nơi này là từ Đồng Hồ di cư tới”<sup>2</sup>, và các tác giả khác cho biết tranh được: “...xếp chất ngất các kiện tranh, rồi chở đi các nơi, có thuyền đi đến Huế hoặc vào tận Nam Bộ”<sup>3</sup>. Sự tụ hội, gặp gỡ, giao hòa của các nhóm cư dân ly hương ở vùng đất ngã ba Sinh của dòng sông Hương xưa đã tạo lập nên làng Sinh, với sự kết hợp hài hòa giữa những nhóm người ly hương, trong đó có dòng họ Kỳ còn lại đến nay có gốc gác của nhóm Minh Hương từ Phúc Kiến (Trung Hoa) lưu lạc đến. Tranh Sinh xưa in trên giấy dó, in từng tờ bằng khuôn gỗ để lấy đường nét, rồi tô màu bằng sắc màu được chế tác từ các nguồn nguyên liệu tự nhiên như lá cây lá, tro bếp, gạch non... hòa với hồ và điệp được lấy từ nhiều vùng khác nhau như đầm phá, đồi núi, vườn nhà, đồng hoang. Trong đó sắc ánh của điệp được chiết tạo từ chất ánh vỏ trai, ốc có nhiều ở sông Hương vào mùa nước cạn. Qua hơn 20 khuôn gỗ xưa hiện tồn ở làng Sinh cho thấy bản in nét rất quan trọng với loại tranh thờ cúng này, bởi từ bản nét mới tô màu và tạo ra những bức tranh thờ in đậm tinh thần tâm linh cầu an, ước vọng, cúng đốt (hóa) thể mạng, cầu hồn siêu thoát. Tranh làng Sinh có các nhóm chính là tranh nhân vật như Tượng Bà với các mẫu tượng Đệ, tượng Chùa và tượng Ngang được treo dán cả năm trên bàn thờ đến cuối năm Tết đến mới thay chứ không đốt như các tranh khác. Loại con ảnh vẽ hình đàn ông hay đàn bà còn gọi là ảnh Xiêm và các Con Ảnh trẻ nam, nữ (ảnh Phèn), trong đó tranh bé trai cầm bút và bé gái cầm hoa là sự phân biệt, nhận dạng mang tính tượng trưng rất rõ. Loại ảnh Hoàng Cô và tranh Mẫu Thoải, Ông Diêu (Tra Diêu), Ông Đốc và Tờ Bếp, Ngũ vị hoàng tử, Tứ Cô, Tam Cô, chậu hoa, Áo Y... được đốt đi sau khi cúng cùng với tranh đồ vật vẽ các kiểu áo, tiền xu và dụng cụ để đốt cho người cõi âm như áo ông, áo bà, áo binh, cung tên, khí dụng... Tranh súc vật có tranh 12 con giáp vừa là tranh đơn in bản gỗ nhỏ vừa có tranh hợp chung trong bố cục tròn âm dương của một bản mộc. Ngoài ra còn có hình con voi, cạp trong các tranh Bà, tranh Hoàng hổ, con cá trong tranh Hoàng Cô, Mẫu Thoải và tranh Thuyền Linh. Với nội dung gắn liền với nghi lễ thờ cúng và các hoạt động tâm linh của người Huế, tranh Sinh có những nét chung của tranh dân gian Việt nhưng cũng có nhiều dấu ấn của dòng tranh xứ Huế miền Trung với phong vị Chàm qua một vài đề tài và sắc màu, có dấu ấn miền sông nước đầm phá qua những tranh Thuyền Linh, Thuyền Rồng, Ông Đốc, Mẫu Thoải... Tất cả biểu lộ những giá trị nhân văn tâm linh sâu sắc mà không quá huyền bí vì: “...tranh Sinh đã tạo nên một nét đặc thù không chỉ trong khía cạnh thẩm mỹ, mà nội dung tranh còn biểu lộ một

<sup>2</sup> Bùi Văn Vượng (2000) *Di sản thủ công mỹ nghệ Việt Nam*, NXB Thanh niên. Hà Nội, tr 111

<sup>3</sup> Nguyễn Bá Văn, Chu Quang Trứ (1984), *Tranh dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hoá. Hà Nội, tr120



PGS-TS. Trần Ngọc Nam - nguyên Giám đốc Sở KH-CN TT Huế và các chuyên viên tham gia khảo sát mô hình thiết chế văn hóa làng nghề in tranh Sinh.

thái độ, một quan niệm, một nếp sinh hoạt của con người ở đây trước thiên nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa của mình”<sup>4</sup>. Nhận thức được những đặc tính và giá trị của tranh dân gian làng Sinh đã làm cho sự nhận diện mọi thuộc tính của thể chế văn hóa làng nghề ở đây mang tính thực tiễn rõ nét, khơi gợi về ý nghĩa bảo tồn và sáng tạo, trao truyền văn hóa giữa các thế hệ, và giữa các nhóm nghề nhân in khắc tranh trong cộng đồng dân cư làng Sinh và cả các nhóm làm tranh dân gian khác ở Huế.

### 3. Một số bước xây dựng thiết chế văn hóa làng nghề in tranh Sinh - Huế

Khôi phục, phát triển làng nghề phục vụ du lịch là một trong những hướng đi ưu tiên của ngành du lịch ở Huế nhằm thu hút nhiều du khách đến với mảnh đất Cố đô. Bên cạnh những lợi ích về kinh tế, xã hội, hình thức du lịch này còn góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của các làng nghề truyền thống. Du khách khi đến Huế thường có nhu cầu đến tham quan, trải nghiệm cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất tại các làng nghề truyền thống và sẽ đầy thú vị, sinh động là du khách đến làng Sinh và được trực tiếp tham gia vào quá trình in tranh thờ theo lối thủ công truyền thống. Điều này dẫn đến sự cần thiết kế riêng một khu vực trình diễn, trải nghiệm để du khách có điều kiện tham gia in tranh và trải nghiệm. Để tranh đến được nhiều nơi, phục vụ du khách, tạo nguồn cho làng phát triển, nghệ nhân Kỳ Hữu Phước (một người gắn bó với nghề nhiều đời nay và cũng là “một báu vật sống” hiếm hoi còn lại và là người giữ và truyền lửa yêu nghề đến các thế hệ sau. Chính ông đã nghĩ ra việc khắc những bản mới với nội dung không bó hẹp trong việc thờ cúng như trước đây, như các trò chơi dân gian, phong cảnh, làm lịch rất được du khách yêu thích. Đội ngũ nghệ nhân có tay nghề cao giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện thuần thực các thao tác độc đáo của từng nghề cho du khách xem và hướng dẫn họ làm lại các sản phẩm của làng nghề trong thời gian trải nghiệm, tham quan tại làng Sinh. Dẫu vậy, truyền thống và quy luật truyền nghề ngàn đời của người Việt là “xưa bầy nay làm” đã không còn thật sự hữu ích khi hiện tượng “cha muốn truyền mà con không muốn nói” dường như phổ biến, dẫn đến nguy cơ thất truyền nghề truyền thống in tranh thờ cúng ở làng Sinh là rất lớn. Tính nhỏ lẻ, thiếu kết nối trong nghề, cùng với thực tế là các cơ sở sản xuất gắn liền với nhà ở, chủ yếu sử dụng lao động thủ công là rất phổ biến cũng làm suy yếu sức mạnh quảng bá của nghề

<sup>4</sup> Nguyễn Hữu Thông (1994), *Huế - Nghề và làng nghề thủ công truyền thống*, Huế: Nxb. Thuận Hóa, trang 154



*Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước phục dựng bút vẽ tô từ rễ cây dứa hoang*

in tranh dân gian làng Sinh. Trong khi ai cũng hiểu không có thể chế văn hóa chặt chẽ, tinh thần văn hóa trong lành thì việc sáng tạo, quảng bá, trình diễn và hưởng thụ các giá trị sáng tạo tranh in khắc làng Sinh sẽ trở nên xa lạ, đơn điệu với cuộc sống đương đại. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại là yêu cầu cần thiết, cấp bách trong giai đoạn hiện nay ở làng tranh dân gian Sinh, bởi đó là cơ sở, nền tảng đầu tiên để phát triển, bảo tồn nghề in tranh thờ cúng, phục vụ tâm linh và du lịch. Mặt khác, có được thể chế văn hóa sẽ kết nối, trao đổi giao lưu về sáng tạo và tạo được sự đồng thuận của làng xã và xã hội.

Tuy nhiên, việc xây dựng các thiết chế văn hóa cũng sẽ gặp những thách thức nảy sinh, đặc biệt trong vấn đề đặt ra một số giải pháp xây dựng thiết chế văn hóa. Sở dĩ như vậy vì mỗi làng nghề nói chung và làng Sinh nói riêng vốn đã hàng trăm năm giữ những lề lối, tập quán làm tranh cũ khó mà thay đổi ngay được, nhất là trong việc đảm bảo vệ sinh môi trường và khai thác nguyên liệu làm tranh, in màu. Nhằm phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ du lịch ở làng Sinh, cần có những cách thức vận hành, quản lý tích cực hơn trong một mô hình thiết chế văn hóa chung để làm sao làng nghề truyền thống phục vụ du lịch phải gắn với xu hướng phát triển du lịch hiện đại; đồng thời phải dựa trên nội lực của một địa phương nay đã trực thuộc thành phố Huế để khai thác mọi tiềm năng sẵn có nhằm ổn định, phát triển nghề in tranh theo hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường du lịch và đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân. Sự thiếu - thừa thông tin sản phẩm tranh dân gian cho thấy cần có cơ chế tạo dựng hoạt động trưng bày, triển lãm sản phẩm tranh in nhiều hơn nữa. Từ đó từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm du lịch cho nghề truyền thống in tranh dân gian phục vụ du lịch

Trong xây dựng, hoàn thiện thể chế văn hóa ở làng Sinh, tất yếu phải coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái của làng xã, bảo tồn và phát huy các truyền thống văn hóa, tập quán của địa phương. Thể chế văn hóa luôn phản ánh diện mạo văn hóa của cộng đồng, chất lượng cuộc sống, nhu cầu hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần của người dân, đồng thời cũng phản ánh tài nghệ sáng tạo của những chủ thể văn hóa là nghệ nhân in khắc tranh. Chính họ, những nghệ nhân tài hoa đã làm cho chúng ta càng trân quý tranh dân gian xưa như tác giả Ngô Đức Thịnh khẳng định: *“Tranh thờ là một*



*Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước phục dựng bút vẽ từ rễ cây dừa hoang*

*di sản văn hóa cổ truyền chứa đựng giá trị nhiều mặt, do vậy chúng ta cần phải lưu giữ và bảo tồn chúng khỏi sự “phá hoại” của thời gian và của chính thành kiến của con người”*<sup>5</sup>. Nếu có cách quản lý hợp lòng dân, phù hợp với pháp luật, thì những giá trị tranh in khắc dân gian làng Sinh trở thành quen thuộc không chỉ với người dân khi hưởng thụ các giá trị văn hóa mà còn là nơi thu hút giới trẻ, khơi gợi những ý tưởng, khát vọng sáng tạo ở họ, tạo nên sự lan tỏa những sản phẩm tranh khắc ở những giá trị nhân văn, tâm linh phù hợp. Trao quyền và khuyến khích mọi người tham gia quản lý cộng đồng làng nghề, phát huy vai trò sáng tạo, quảng bá văn hóa, từ đó họ thêm yêu quý và gắn bó với quê hương, làng xã là một khía cạnh tinh chế của mọi mô hình thiết chế văn hóa. Như vậy mô hình thiết chế văn hóa ở làng Sinh phải được xây dựng trên tinh thần dân chủ, chính quyền không làm thay hay áp đặt mà trở thành người tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn, tham gia quản lý để người dân phát huy được tinh thần tự quản, từ đó thể hiện được những giá trị đích thực của một nền tảng thiết chế văn hóa ưu việt. Tuy nhiên, với một cơ cấu đồng bộ của thiết chế văn hóa, nghề in khắc, làm tranh thờ cũng dân gian làng Sinh cũng phải hướng đến phục vụ nhu cầu đa dạng của phát triển du lịch ở địa phương. Muốn vậy, sản phẩm tranh in gắn với thương hiệu của nghề làm tranh dân gian làng Sinh cũng phải nghiên cứu nâng cao chất lượng, tạo mẫu mã mới bên cạnh những mẫu mã quen thuộc, ổn định. Thúc đẩy nhanh việc xây dựng thương hiệu sản phẩm tranh thờ cúng phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển du lịch. Trong đó cần nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống đặc trưng như tranh thê mạng, tranh con giáp, tranh Bát âm. Mặt khác, cần tìm kiếm thị trường cho làng nghề truyền thống thông qua các kỳ hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Trong đó có tính đến giới thiệu sản phẩm tranh dân gian làng Sinh ra nước ngoài trong điều kiện giao lưu văn hóa có thể thực hiện khi có cơ hội. Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, các sản phẩm của làng Sinh in tranh thờ cúng phục vụ du lịch phải giữ được nét độc đáo riêng

<sup>5</sup> Ngô Đức Thịnh (2007), *Về tính ngưỡng lễ hội cổ truyền*. Viện Văn hóa - NXB Văn hóa - Thông tin. Hà Nội, tr 404



*Bản khắc và tranh in thờ cúng làng Sinh*

mà không nơi nào khác có được. Trong quá trình in khắc tranh phải không ngừng phát triển các sản phẩm theo hướng kết hợp công nghệ sản xuất truyền thống với công nghệ sản xuất hiện đại như nhuộm, tạo màu, sử dụng công nghệ CNC trong khắc bản gỗ để tạo ra sản phẩm hàng lưu niệm là bản gỗ thu nhỏ tinh xảo và hiện đại nhưng bản chất vẫn mang hồn cốt dân gian, truyền thống xứ Huế và Việt Nam.

Trong xây dựng thiết chế văn hóa cần có tầm nhìn xa, cần xây dựng nhà triển lãm các sản phẩm làng nghề in tranh thờ cúng dân gian làng Sinh phục vụ du lịch tại địa phương. Nhà triển lãm không chỉ để giới thiệu sản phẩm mà còn nhằm để lưu giữ tài

liệu về địa phương có nghề thủ công truyền thống in tranh có giá trị lịch sử, văn hóa lâu đời. Ngoài ra, không chỉ phục vụ du lịch mà đồng thời có thể tổ chức các hội nghị, hội thảo liên quan đến làng nghề in tranh thờ cúng dân gian làng Sinh và các nghề thủ công khác phục vụ du lịch, trao đổi thông tin, kinh nghiệm phát triển nghề trong xu thế phát triển và thị hiếu thẩm mỹ hiện nay. Huế là thành phố Festival của Việt Nam nên cũng là thị trường đầy tiềm năng về tiêu thụ sản phẩm thủ công mỹ nghệ, vì vậy cần nghiên cứu nắm bắt thị hiếu thẩm mỹ của từng đối tượng khách hàng, tạo ra những gian hàng giới thiệu các sản phẩm đa dạng, thỏa mãn cho nhu cầu về sản phẩm lưu niệm của khách du lịch tham quan và trải nghiệm văn hóa làng ở Huế. Cuối cùng là từ thiết chế văn hóa ổn định, cần có đầu tư phát triển thương mại điện tử trao đổi về tranh dân gian làng Sinh, tạo ra sự bình đẳng trong cạnh tranh với các làng tranh khác trong nước, khu vực và quốc tế.

#### 4. Lời kết

Với lịch sử lâu đời và những đặc trưng địa lý của một làng quê ở ngã ba sông nước, đã tạo cho nghề in tranh thờ cúng dân gian ở làng Sinh một bản sắc văn hóa riêng độc đáo trong dòng chảy văn hóa Huế. Điều đó làm cho việc xây dựng thiết chế văn hóa ở đây không thể không gắn kết với hương ước truyền đời của một làng nghề. Những thuộc tính của một thể chế văn hóa tích cực được hiện hữu là khi thấy được và làm nổi bật dấu ấn của các giá trị văn hóa nơi đây, tạo nên phong vị Huế nền nã, chân chất và sâu lắng cảm thức Huế xưa đọng lại. Ngày nay, với những gì còn lưu giữ, trong nghề tranh in thờ cúng dân gian ở làng Sinh được đánh giá cao về những giá trị nghệ thuật tạo hình dân gian gắn liền với chức năng tâm linh của cư dân Huế nói riêng và cư dân các làng quê miền Trung nói chung. Tự thân mỗi bức tranh dân gian đã có tiếng nói tâm linh- thẩm mỹ với sức mạnh biểu cảm niềm tin linh diệu, thiêng liêng và sâu nặng tinh thần nhân văn đáng trân trọng trong đó. Cùng với chủ trương bảo tồn, phát triển các làng nghề truyền thống, sự quan tâm của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, sự hình thành thể chế văn hóa phù hợp với người làm tranh in khắc sẽ giúp họ có thêm động lực để tiếp tục duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống. Điều đó càng có ý nghĩa khi đời sống hiện đại đang làm mờ dần ký ức về những gì quý giá xưa cổ, trong đó có những bức tranh dân gian xưa cần được sớm bảo tồn, cho dù thực tế khó tránh được một nghịch lý mà từ rất lâu các nhà nghiên cứu đã sớm nhận ra: “*xã hội đang công nghiệp hóa và đô thị hóa tạo ra những điều không thuận lợi cho việc bảo tồn*”.<sup>6</sup>

Sự hoàn thiện các chính sách và mô hình thiết chế văn hóa như nhà trưng bày, bảo tồn, không gian trải nghiệm in tranh, quy hoạch khu vực nguyên liệu, truyền nghề và đội ngũ nghệ nhân trẻ... có ý nghĩa rất lớn đối với phục vụ hoạt động tâm linh, với những phẩm chất nhân văn sâu sắc ẩn dấu, được lưu giữ bao trăm năm qua. Chính điều này tạo nên sức hút du lịch mạnh mẽ trong đó, làm cho những giá trị tâm linh, nghệ thuật được gìn giữ và trở nên tỏa sáng hơn trong dòng chảy văn hóa của xứ Huế nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung. Cùng với yếu tố tâm linh, thờ cúng, tranh dân gian

6 Tô Ngọc Thanh (2007), *Văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, vai trò, địa vị của nó, trách nhiệm của chúng ta và giải pháp Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*. Viện Văn hóa - Thông tin. Hà Nội



làng Sinh còn là những sản phẩm văn hóa mẫu mực giúp cho các nghệ sĩ, nhà văn hóa nghiên cứu sáng tác, tìm hiểu các giá trị nghệ thuật, giá trị nhân văn, góp phần vào công cuộc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Khi mỗi người đã biết yêu và quý trọng di sản văn hóa dân tộc sẽ tự khám phá, tìm hiểu đi sâu, thâm thấu giá trị của đời sống văn hóa tâm linh, cũng như học tập, phát huy và kế thừa những kinh nghiệm sống, kinh nghiệm ứng xử văn hóa quý báu của cha ông.

Sự thích ứng và hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa ở làng Sinh là ở chỗ khai thác được khả năng làm cho các tổ chức văn hóa quốc tế quan tâm, nghiên cứu, hỗ trợ để tranh dân gian thờ cúng làng Sinh có cơ sở tồn tại, phát triển bền vững, phục vụ nhu cầu du lịch tốt hơn. Để làm được điều đó, mô hình thiết chế văn hóa hướng về tính mở, tính kết nối tạo dựng được địa chỉ văn hóa đáng tin cậy cho du khách đến tham quan du lịch, góp phần gìn giữ một địa chỉ làng nghề truyền thống trong không gian văn hóa của xứ Huế. ■

## ĐẶNG NGUYỄN

# Lan Viên cơ tịch

*Thêm cố then cài  
phong kín dấu xata  
Vọng dư âm*

*Vườn xanh  
vọng tiếng thơ  
Tình mệnh mang*

*Gắm cổ sông Hương  
bên sông xanh  
Thủy chung*

*Phong lan nương gió  
cây mình  
Tri âm*

# TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN Y A NA (Pô Inur Nagar) TẠI HUẾ NHÌN TỪ HỆ THỐNG SẮC PHONG LÀNG HẢI CÁT

■ VÕ VINH QUANG \*

## 1/ Lời mở

Tín ngưỡng thờ Thiên Y A Na (Pô Inur Nagar) là một trong những tín ngưỡng thờ Mẫu (gốc bản địa) đặc trưng hiện hữu trong đời sống và tâm thức của cư dân miền Trung nói chung, xứ Huế nói riêng. Tại Huế, những dấu ấn và di tích Chăm-pa đã và đang tồn tại ở hầu hết các làng xã chốn Thần kinh, với những di tích kiến trúc văn hóa hiện tồn độc đáo như phế tích tháp Vân Trạch Hòa, tháp Chăm - Linh Thái, tháp đôi Liễu Cốc, tháp Chăm Phú Diên (tức tháp Mỹ Khánh), thành Lồi - Long Thọ, Điện Hòn Chén (Huệ Nam điện) làng Hải Cát, tượng Chăm ở các làng Ưu Đàm, Chiết Bi, Thanh Phước... Đồng thời các vị nữ thần Chăm được hiện hữu trong rất nhiều đền miếu và nhất là hệ thống văn bản sắc phong qua các đời (phổ biến nhất vẫn là hệ thống sắc phong triều Nguyễn 1802-1945).

Tại Huế, các nữ thần Chăm có nhiều hiện thân, được cộng đồng làng xã tôn kính phụng thờ, và lịch đại vương triều ban cấp sắc phong, chỉ chuẩn cho thờ phụng hàng trăm năm nay như Thạch Tượng Dương thần (bà Dàng), Thai Dương Phu nhân, Kỳ Thạch Phu nhân, Hồng Hoa phu nhân, và nhất là Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi... đã góp phần làm phong phú, đặc sắc cho đời sống tâm linh tín ngưỡng của cư dân xứ sở này.

Trong các miếu điện thờ nữ thần Chăm, bên cạnh những ngôi tự miếu linh thiêng do người dân lập ra và thực hiện nghi lễ tế tự truyền thống, thì vùng đất Cố đô nổi bật lên ngôi Huệ Nam điện (điện Hòn Chén) ở núi Ngọc Trản, làng Hải Cát – một chính điện mang tầm quốc gia, do triều đình nhà Nguyễn cho dựng lập và tổ chức lễ “quốc tế” (lễ tế cấp quốc gia) để tế tự các vị tôn thần tại đây, đứng đầu là Thánh mẫu Thiên Y A Na, Vân Hương Thánh mẫu, rồi đến Thủy Long thánh phi, Nhị vị Thượng ngàn... từ đời vua Đồng Khánh (1885-1888) trở đi.

Theo lời kể của dân làng, vào triều Nguyễn, vua Gia Long<sup>1</sup> là vị hoàng đế đã ban phong cho nữ thần *Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi* 敕天依阿那演玉妃 (hoặc còn gọi là *Thiên Y A Na Diễm Phi Chúa Ngọc* 敕天依阿那演妃主玉) danh hiệu cao quý *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Cảm thượng đẳng thần* 洪仁普濟靈感上等神, chuẩn cho dân làng phụng thờ tế lễ. Kể từ đó, các đời vua Nguyễn tiếp theo đều có những đợt sắc phong cho chư vị tôn thần ở núi Ngọc Trản và làng Hải Cát.

Bài viết dưới đây của chúng tôi xin được tập trung luận bàn về hệ thống sắc phong làng Hải Cát, nhất là những sắc phong liên quan đến các tôn thần được thờ phụng tại điện Huệ Nam (điện Hòn Chén)<sup>2</sup>.

\*Trung tâm Bảo tồn Di tích cố đô Huế

<sup>1</sup> Thực tế, theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của Nội Các triều Nguyễn, thì phải đến triều vua Minh Mạng, vào năm Minh Mạng thứ 15 (1834), tôn thần Thiên Y A Na (thượng đẳng thần) mới được ban cấp sắc phong, chứ không phải được ân ban từ triều vua Gia Long như dân gian lưu truyền. Thông tin cụ thể được chúng tôi chuyển tải ở đoạn dưới của bài viết.

<sup>2</sup> Các bài viết khảo tả về điện Hòn Chén cũng như các nghi lễ tế tự ở điện Hòn Chén qua từng thời kỳ thì do đã có nhiều công trình khảo cứu, giới thiệu, vì vậy nội dung bài viết của chúng tôi xin được giới thiệu và luận

## 2/ Lược khảo về hệ thống sắc phong làng Hải Cát

Nói về việc triều đình nhà Nguyễn ban cấp tặng sắc, chuẩn cho thờ phụng các vị thần ở điện Hòn Chén núi Ngọc Trản (điện thờ ở núi Ngọc Trản này gọi là Ngọc Trản sơn từ 玉盞山祠), sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, quyển 122 *Xếp hạng* (mục *Phong tặng sắc cho các thần kỳ*) của Nội các triều Nguyễn có đoạn:

“Năm [Minh Mạng] thứ 15 (1834), xuống Dụ: Đền ở núi Ngọc Trản, chuẩn cho bộ Lễ truy nguyên mà tra xét, nếu chưa được ban thần sắc thì ban cấp ngay, phải kính tuân đầy. Chuẩn lời tâu: chúa Ngọc [Thiên Y A Na] vốn là thượng đẳng chính thần, từ trước đến nay chưa được phong tặng, chiếu cấp 1 đạo tặng sắc. Vị thần Thủy Long Thánh phi, đã tặng 2 chữ mỹ tự, thì cấp 1 đạo tặng sắc, còn 2 chữ Thánh phi, đổi làm 2 chữ Tôn thần, 3 chữ “Hương Chén sứ” đổi làm núi Ngọc Trản; 2 đạo sắc văn ấy, đều ở bên dưới chữ “Sắc” viết rõ các chữ “Ngọc Trản sơn từ” rồi đến thần hiệu”<sup>3</sup>. Quy định này được thể hiện khá rõ trong một số đạo sắc phong giai đoạn đầu triều Nguyễn ở đền Ngọc Trản (điện Hòn Chén).

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, mục Đền Miếu (Thừa Thiên phủ): “Đền thần núi Ngọc Trản: Ở sườn núi Ngọc Trản xã Hải Cát huyện Hương Trà, gọi là đền Hàm Long, thờ thần Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc và thần Thủy Long. Năm Minh Mệnh thứ 13 sửa lại. Phía trước có vực rất sâu, tương truyền, đáy vực là hang thủy tộc, có con rùa lớn bằng tám chiếu, mỗi khi nổi lên tất có sóng dữ dội, người ta trông thấy gọi là sứ giả của Hà Bá”<sup>4</sup>.

Trong thực tế thì điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) ở núi Ngọc Trản hiện không chỉ thờ thần Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc và Ngọc Trản sơn từ Thủy Long tôn thần, mà còn là sự phối thờ nhiều vị thần khác. Điều đó có nhiều nguyên do, nhưng tựu trung lại là bởi các biến động của lịch sử, thời cuộc nên có nhiều thay đổi qua từng thời kỳ. Mặt khác, sắc phong thần điện Huệ Nam trước nay vẫn được chức sắc và dân làng Hải Cát cất giữ, bảo vệ. Cho nên, việc tìm hiểu sắc phong điện Huệ Nam, nằm trong hệ thống sắc phong thần làng Hải Cát sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện về hệ thống thần linh hiển rõ linh ứng, được phối thờ nơi đây (mà nổi bật là Thánh mẫu Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc thượng đẳng thần).

Hệ thống sắc phong làng Hải Cát, theo tìm hiểu của chúng tôi, hiện nay có 20 sắc phong, phân bổ trong các đợt ban cấp từ năm Minh Mạng nguyên niên (1820) cho đến năm Khải Định thứ 9 (1924), ghi nhận các vị tôn thần liên quan tại đây được triều đình ban phong và sắc chuẩn cho thờ tự (bên cạnh hai vị thần Thiên Y A Na, Thủy Long tôn thần) như *Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần* 大乾國家南海四位上等神, *Cao Các Quảng Độ thượng đẳng thần* 高閣廣度上等神, *Tiên Cung Thông Minh*

---

bản về hệ thống sắc phong làng Hải Cát, chứ không đi sâu vào việc giới thiệu tín ngưỡng thờ phụng và quy trình thực hành tín ngưỡng thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na tại đây.

<sup>3</sup> Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 8 (bản dịch Viện Sử học), Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.177

<sup>4</sup> Quốc Sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1 (Bản dịch Phạm Trọng Điềm, viện Sử học), Nxb Thuận Hóa, tr. 196

*Thượng tướng quân tôn thần 僊宮聰明上將軍尊神, Sơn Trung Tiên Nương trung đẳng thần 山中僊娘中等神, Tiên Cung Linh Thông Đại tướng quân tôn thần 僊宮靈通大將軍尊神, Ngũ Hành Tiên Nương thượng đẳng thần 五行僊娘上等神, Thủy Tinh Lực Dũng Tướng quân tôn thần 水晶力勇將軍尊神, Thủy Tinh Uy Dũng Tướng quân tôn thần 水晶威勇將軍尊神, Sơn Tinh Quả Dũng Tướng quân tôn thần 山精果勇將軍尊神, Sơn Tinh Vũ Dũng tướng quân tôn thần 山精威勇將軍尊神...*

Trong các vị tôn thần được phụng thờ nơi đây, có những vị thần khá phổ biến trong đời sống tín ngưỡng của cư dân xứ Huế, như Thánh mẫu Thiên Y A Na, thần Cao Các Quảng Độ (từ Hà Tĩnh trở ra thì gọi là thần Cao Sơn Cao Các), thần Thủy Long Thánh phi, thần Ngũ Hành tiên nương, song cũng có một số vị chính thần khá đặc trưng và hiếm thấy ở các nơi khác, như *Tiên Cung Thông Minh Thượng tướng quân tôn thần, Sơn Trung Tiên Nương trung đẳng thần, Tiên Cung Linh Thông Đại tướng quân tôn thần, Thủy Tinh Lực Dũng Tướng quân tôn thần, Thủy Tinh Uy Dũng Tướng quân tôn thần, Sơn Tinh Quả Dũng Tướng quân tôn thần, Sơn Tinh Vũ Dũng tướng quân tôn thần...* Đây hẳn nhiên là điểm nhấn độc đáo để thấy rõ sự đa dạng, phong phú trong tín ngưỡng thờ phụng ở mỗi nơi, mỗi vùng đất trong hệ thống tín ngưỡng chung của toàn bộ vùng đất.

Dưới đây là bản liệt kê hệ thống sắc phong làng Hải Cát<sup>5</sup>.

TT	Tôn thần (thần hiệu)	Mỹ tự (gia tặng)	Hình thức (hộp phong/sắc đơn)	Niên đại	Ấn triện
1	Thủy Long thánh phi	Linh Diệu Chiêu Ứng 靈妙昭應	Sắc đơn	Ngày 26/07/ Minh Mạng 01 (1820)	Phong tặng chi bảo
2	Ngọc Trân sơn từ Thiên Y A Na Diển Phi Chúa Ngọc tôn thần	Hồng Nhân Phổ Tế Linh Cảm thượng đẳng thần 洪仁普 濟靈感上等	Sắc đơn	Ngày 30/03/ Minh Mạng 15 (1834)	Sắc mệnh chi bảo
3	Ngọc Trân sơn từ Thủy Long tôn thần	Linh Diệu Chiêu Ứng trung đẳng thần 靈妙昭應中等神	Sắc đơn	Ngày 30/03/ Minh Mạng 15 (1834)	Sắc mệnh chi bảo
4	Ngọc Trân sơn từ Linh Diệu Chiêu Ứng Thủy Long trung đẳng thần	Mục Uyên 穆淵	Sắc đơn	Ngày 08/10/ Thiệu Trị 02 (1842)	Sắc mệnh chi bảo
5	Ngọc Trân sơn từ Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Thiên Y A Na Diển Ngọc Phi thượng đẳng thần	Diệu Thông 妙通	Sắc đơn	Ngày 08/10/ Thiệu Trị 02 (1842)	Sắc mệnh chi bảo

<sup>5</sup> Theo ghi nhận của các nhà nghiên cứu trước, làng Hải Cát có tổng cộng 22 bản sắc phong. Nhưng, hiện chúng tôi chỉ tiếp cận được 20 bản sắc phong (có thống kê cụ thể ở mục dưới của bài viết). Số còn lại, chúng tôi xin được bỏ khuyết sau, khi đã tiếp cận thêm được.

6	Ngọc Trần sơn từ Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần	Mặc Tướng 默相	Sắc đơn	Ngày 08/11/ Thiệu Trị 2 (1842)	Sắc mệnh chi bảo
7	Ngọc Trần sơn từ Linh Diệu Chiêu Ứng Mục Uyên Thủy Long trung đẳng thần	Hoàng Bác 弘博	Sắc đơn	Ngày 08/11/ Thiệu Trị 02 (1842)	Sắc mệnh chi bảo
8	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức tứ vị thượng đẳng thần	Phổ Bác 溥博	Sắc đơn	Ngày 27/11/ Thiệu Trị 05 (1845)	Sắc mệnh chi bảo
9	Hồng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Cao Các Quảng Độ thượng đẳng thần	Phu Hữu thượng đẳng thần 孚佑上 等神	Sắc đơn	Ngày 27/11/ Thiệu Trị 05 (1845)	Sắc mệnh chi bảo
10	Hồng Mô Vĩ Lược Đôn Hậu Cao Các Quảng Độ thượng đẳng thần	Trạc Dương 濯洋	Sắc đơn	Ngày 26/Chạp/ Thiệu Trị 5 (23/01/1846)	Sắc mệnh chi bảo
11	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác tứ vị thánh nương	Hiển Hóa 顯化 - thượng đẳng thần 上 等神	Sắc đơn	Ngày 26/Chạp/ Thiệu Trị 5 (23/01/1846)	Sắc mệnh chi bảo
12	Ngọc Trần sơn từ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi (nguyên tặng: Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng thượng đẳng thần)	Trang Huy 莊徽	Sắc đơn	Ngày 06/08/Tự Đức 03 (1850)	Sắc mệnh chi bảo
13	Ngọc Trần sơn từ Thủy Long tôn thần (nguyên tặng: Trứ Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoàng Bác trung đẳng thần)	Uông Nhuận 汪潤	Sắc đơn	Ngày 06/08/Tự Đức 03 (1850)	Sắc mệnh chi bảo
14	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị tôn thần (nguyên tặng: Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hóa thượng đẳng thần)	Trang Huy 莊徽	Sắc đơn	Ngày 06/08/Tự Đức 03 (1850)	Sắc mệnh chi bảo
15	1- Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hóa Trang Huy Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần; 2- Hồng Huệ Phổ tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Ngọc Trần Sơn Từ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần; 3-Trứ Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Uông Nhuận Thủy Long trung đẳng thần.	Cho phụng thờ như cũ, ghi vào “quốc khánh” (khánh tiết quốc gia), đưa vào Tự điển (điển chế thờ tự)	Hợp phong	Ngày 24/11/ Tự Đức 33 (1880)	Sắc mệnh chi bảo
16	1-Tiên Cung Thông Minh thượng tướng quân tôn thần; 2-Tiên Cung Linh Thông đại tướng quân tôn thần; 3- Thủy Tinh Lực Dũng tướng quân tôn thần; 4- Thủy Tinh Uy Dũng tướng quân tôn thần; 5-Sơn Tinh Quả Dũng tướng quân tôn thần; 6-Sơn Tinh Vũ Dũng tướng quân tôn thần.	Đều gia tặng: <i>Dục Bảo Trung Hưng tôn thần.</i> 翊保 中興尊神	Hợp phong	Ngày 11/08/ Đồng Khánh 01 (1885)	Sắc mệnh chi bảo

17	1- Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiên Hóa Trang Huy Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần; 2- Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Ngọc Trần Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi thượng đẳng thần; 3-Trứ Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Ưông Nhuận Thủy Long Thánh phi trung đẳng thần; 4- Diệu Phu Quảng Độ Linh Chiêu Ý Nhã Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi trung đẳng thần.	<i>Dục Bảo Trung Hưng thượng; trung đẳng thần</i> 翊保中興上中等神	Hợp phong	Ngày 11/08/ Đồng Khánh 01 (1885)	Sắc mệnh chỉ bảo
18	Ngũ Hành Tiên Nương	Tán Hóa Mặc Vận Thuận Thành Điều Tự Tư Nguyên Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng thượng đẳng thần 贊化默運順成調序資元莊徽翊保中興上等神	Sắc đơn	Ngày 20/02/ Thành Thái 2 (1890)	Sắc mệnh chỉ bảo
19	1-Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiên Hóa Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần; 2-Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi thượng đẳng thần; 3- Tán Hóa Mặc Vận Thuận Thành Hòa <sup>6</sup> Tự Tư Nguyên Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương thượng đẳng thần; 4- Trứ Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Ưông Nhuận Dục Bảo Trung Hưng Thủy Long trung đẳng thần; 5- Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Dục Bảo Trung Hưng Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi trung đẳng thần.	Cho phụng thờ như cũ, ghi vào “quốc khánh” (khánh tiết quốc gia), đưa vào Tự điển (điền chế thờ tự)	Hợp phong	Ngày 11/08/ Duy Tân 03 (1909)	Sắc mệnh chỉ bảo
20	1-Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiên Hóa Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần; 2-Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi thượng đẳng thần; 3- Tán Hóa Mặc Vận Thuận Thành Hòa Tự Tư Nguyên Trang Huy Dục Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương thượng đẳng thần 4- Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Trai Tĩnh Dục Bảo Trung Hưng Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi trung đẳng thần	Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thánh nương và Thiên Y A Na Diễm Ngọc Phi, cùng Ngũ Hành Tiên Nương thượng đẳng thần được thờ phụng như cũ; Anh Bình Sơn Trung Tiên phi trung đẳng thần được gia tặng Trang Huy thượng đẳng thần 莊徽上等神.	Hợp phong	Ngày 25/ 07/ Khải Định 09 (1924)	Sắc mệnh chỉ bảo

<sup>6</sup>Đổi chữ “Điều” 調 đời vua Thành Thái (ở sắc phong Ngũ Hành tiên nương năm Thành Thái thứ 2 (1890) thành chữ “Hòa” 和 đời các vua Duy Tân (sắc phong năm Duy Tân thứ 3 – 1909) - vua Khải Định (1924), theo hình thức kiêng húy Từ Minh Thực Thiên Nhu Thuận Huệ hoàng hậu (慈明淑善柔順惠皇后), tức bà Phan Thị (húy) Điều 潘氏調 - vợ vua Dục Đức, mẹ ruột vua Thành Thái. Điều đó chứng tỏ ở triều vua Thành Thái thì không kiêng húy Điều. Về sau mới có lệ kiêng húy Điều mà sắc phong niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924) đã thể hiện như trên.

### 3- Một số nhận xét về hệ thống sắc phong làng Hải Cát (thay lời kết luận).

Qua bảng thông kê chi tiết về 20 sắc phong gốc hiện được làng Hải Cát giữ gìn, lưu trữ ở trên, cùng những thông tin được ghi chép trong chính sử triều Nguyễn (*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Đại Nam nhất thống chí*) chúng tôi thấy rằng tín ngưỡng thờ phụng Thánh Mẫu Thiên Y A Na - một nữ thần gốc Chăm - được lưu truyền từ lâu đời. Và, rõ ràng triều đình cũng đã nắm chắc, và khẳng định vị thế hiển hách của Thượng đẳng thần Thiên Y A Na - Diễn Phi Chúa Ngọc. Dẫu vậy, khác với tôn thần Thủy Long được ban cấp sắc phong từ đầu niên hiệu Minh Mạng (1820), chính thần Thiên Y A Na chính thức được tặng sắc của triều Nguyễn bắt đầu từ năm Minh Mạng thứ 15 (1834), chứ không phải từ triều vua Gia Long như thông tin được lưu truyền trong dân gian. Điều đó được chứng thực bởi *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (đã dẫn) cũng như văn bản sắc phong đầu tiên cho *Ngọc Trản sơn từ Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc tôn thần* vào ngày 30 tháng 03 niên hiệu Minh Mạng thứ 15 (1834).

Đồng thời, hệ thống sắc phong làng Hải Cát nêu trên góp phần khẳng định vị thế ngày càng cao của Thánh Mẫu Thiên Y A Na không chỉ trong đời sống tín ngưỡng làng xã mà còn trong chế định của triều Nguyễn. Xuyên suốt từ triều vua Minh Mạng cho đến triều vua Khải Định, Thánh mẫu Thiên Y A Na được phong tặng ở 8 sắc phong (niên hiệu Minh Mạng: 1 sắc; niên hiệu Thiệu Trị: 2 sắc; niên hiệu Tự Đức: 2 sắc; niên hiệu Đồng Khánh: 1 sắc; niên hiệu Duy Tân: 1 sắc và niên hiệu Khải Định: 1 sắc), và sắc phong nào hầu hết đều gắn liền với tiền tố “Ngọc Trản sơn từ” (đền thờ núi Ngọc Trản) của Thánh mẫu.

Nếu theo ghi nhận của *Đại Nam nhất thống chí*, đền Ngọc Trản cơ bản thờ Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi và Thủy Long tôn thần, thì qua hệ thống sắc phong, chúng tôi thấy rằng dẫu là Sắc phong đơn (Phong riêng cho từng vị thần) hay sắc phong gộp (hợp phong nhiều vị thần), tôn thần Thiên Y A Na vẫn luôn hiện hữu và ở vị trí cao, còn Thủy Long tôn thần thì có thể không hiện diện (như tại sắc hợp phong năm Khải Định thứ 9 - 1924 chỉ có 4 vị thần được xưng danh là thần *Đại Càn*, *Thiên Y A Na*, *Ngũ Hành Tiên nương* và *Sơn Trung Tiên phi*). Thế nên, có thể thấy vai trò vị thế của nữ thần Thiên Y A Na tại đền Ngọc Trản, làng Hải Cát là không thể thay thế được.

Hệ thống sắc phong làng Hải Cát cũng cho thấy rằng quy định đổi chữ “*thánh phi*” (ở mỹ tự của *Thủy Long thánh phi*) thành chữ “*tôn thần*” được áp dụng từ năm Minh Mạng thứ 15 (1834)<sup>7</sup> như *Hội điển* ghi chép đã bị “phá vỡ” 1 lần vào năm Đồng Khánh nguyên niên (1885). Bởi, văn bản sắc hợp phong ngày 08 tháng 11 năm Đồng Khánh nguyên niên ghi danh hiệu vị thần thứ 3 là “*Trì Linh Chiêu Ứng Mục Uyên Hoằng Bác Ưông Nhuận Thủy Long Thánh phi trung đẳng thần*”. Điều này hẳn nhiên có thể hiểu rằng sau khi lên ngôi, vua Đồng Khánh vì rất mến mộ công đức của các vị thần đền Ngọc Trản (nhất là sự linh ứng giúp vua được đăng cơ) nên danh xưng có sự nâng tầm, tức không dùng “*Thủy Long tôn thần*” mà sử dụng “*Thủy Long thánh phi*”. Đây cũng là điều khá thú vị, gợi mở nhiều suy nghĩ về triều vua Đồng Khánh.

Cũng vào niên hiệu Đồng Khánh, chúng ta thấy xuất hiện sắc hợp phong cho 6 vị tôn thần mới, đó là: 1 - *Tiên Cung Thông Minh thượng tướng quân tôn thần*; 2 - *Tiên Cung Linh Thông đại tướng quân tôn thần*; 3 - *Thủy Tinh Lực Dũng tướng quân tôn thần*; 4 - *Thủy Tinh*

<sup>7</sup> Theo ghi chép của *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, đã trích dẫn ở trên.

Uy Dững tướng quân tôn thần; 5 - Sơn Tinh Quả Dững tướng quân tôn thần; 6 - Sơn Tinh Vũ Dững tướng quân tôn thần (Bản sắc phong ngày 08 tháng 11 năm Đồng Khánh nguyên niên - 1885). Đây ắt là các vị thần án ngự tại những cung điện do nhà vua cho xây dựng (1 - Minh Kính Cao đài đệ nhất cung 明鏡高臺第一宮 - Thượng cung; 2 - Minh Kính Trung đài đệ nhị cung 明鏡中臺第二宮 - cung Hội đồng; Minh Kính Tiểu Đài đệ tam cung 明鏡小臺第三宮 - Tiền điện) cũng như các vị thần xung quanh của điện Huệ Nam - một ngôi điện thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na mang tầm quốc gia thời bấy giờ.

Các sắc phong làng Hải Cát còn thể hiện sự hợp hòa trong tín ngưỡng thờ phụng của dân làng nơi đây, đó là những đạo sắc phong cho một số vị thần phổ biến trong đời sống làng xã miền Trung gồm Đại Càn Quốc gia Nam hải Tứ vị thánh nương, Ngũ Hành tiên nương<sup>8</sup>, Cao Các Quảng Độ tôn thần, cùng đó là một vị thần mới như Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Trai Tĩnh Dục Bảo Trung Hưng Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi trung đẳng thần (bên cạnh 6 vị thần Tiên Cung, Thủy Tinh, Sơn Tinh... đã kể ở trên). Những dấu ấn văn hóa ấy góp phần cung cấp thêm sự đa dạng cho việc tìm hiểu tín ngưỡng thờ phụng thần linh xứ Huế./.

Tài liệu tham khảo chính:

1/ Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 8 (bản dịch Viện Sử học), Nxb Thuận Hóa, Huế

2/ Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1 (Bản dịch Phạm Trọng Điềm, Viện Sử học), Nxb Thuận Hóa, Huế.

3/ Nguyễn Đình Hòe (1997), “Điện Huệ Nam”, *Những người bạn cố đô Huế - BAVH 1915* (bản dịch), tập 2, tr. 342-346, Nxb Thuận Hóa, Huế.

## PHỤ LỤC: BẢN DỊCH MỘT SỐ SẮC PHONG LÀNG HẢI CÁT

### 1. Sắc phong cho Thủy Long Thánh phi (năm 1820)



Nguyên văn:

敕水 聖妃護國庇民顯有功德原肇豐府香茶縣金 總海葛社香礮處從前奉事肆今甫膺大寶廣貴新恩盍隆顯號可加封靈妙昭應聖妃准許海葛社依舊奉事神其

<sup>8</sup> Hiện tại điện Huệ Nam (điện Hòn Chén) có đình Ngũ Hành, thờ Mộc Tinh Chúa Thôi Tiên Bà [Phi] và Ngũ Hành tiên nương (Bắc Phương Nhâm Quý Thủy Bà; Tây Phương Canh Tân Kim bà; Trung Ương Mậu Kỷ Thổ bà; Nam phương Bính Đinh Hỏa bà’ Đông phương Giáp Ất Mộc bà)



相佑保我黎民故敕

明命元年七月二十六日 [硃印]: 封贈之寶

Phiên âm:

Sắc Thủy Long Thánh phi hộ quốc tí dân hiển hữu công đức. Nguyên, Triệu Phong phủ Hương Trà huyện Kim Long tổng Hải Cát xã, Hương Chén xứ tòng tiền phụng sự. Tứ kim phủ ưng Đại bảo, quảng bí tân ân, hạp long hiển hiệu, khả gia phong Linh Diệu Chiêu Ứng Thánh phi. Chuẩn hứa phụng sự, thần kỳ tướng hữu bảo ngã lê dân. Cố sắc!

Minh Mạng nguyên niên thất nguyệt nhị thập lục nhật

[Châu ấn]: phong tặng chi bảo

Dịch nghĩa:

Sắc ban cho Thủy Long Thánh phi bảo hộ quốc gia, che chở dân tình, công đức rực rỡ. Vốn [thần được dân làng] xứ Hương Chén, xã Hải Cát, tổng Kim Long, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong thờ phụng từ trước. Cho nên nay, ta đảm nhiệm ngôi báu to lớn [lên ngôi hoàng đế], phát dương bao trùm rực rỡ ân điển tươi mới, sao chẳng nêu cao hiển hách danh hiệu [của thần], bèn gia phong là *Linh Diệu Chiêu Ứng Thánh phi*, chuẩn cho thờ phụng. Thần cùng che chở giúp đỡ muôn dân của ta. Cho nên ban sắc!

Ngày 26 tháng 07 năm Minh Mạng thứ nhất [1820]

[Ấn son]: Phong tặng chi bảo

## 2. Sắc phong cho Thánh mẫu Thiên YA Na (1834)



Nguyên văn:

敕玉蓋山祠天依阿那演妃主玉尊神護國庇民顯有功德經有社民奉事奉我世祖高皇帝統一海宇慶被神人肆今光紹鴻圖緬念神庥宜隆顯號可加贈洪仁普濟靈感上等神仍準香茶縣海葛社依舊奉事神其相佑保我黎民欽哉

明命拾五年參月參拾日 [硃印]: 救命之寶

Phiên âm

Sắc Ngọc Trản sơn từ Thiên YA Na Diễn Phi Chúa Ngọc tôn thần hộ quốc tí dân hiển hữu công đức, kinh hữu xã dân phụng sự. Phụng ngã Thế tổ Cao hoàng đế thống nhất hải vũ, khánh bị thần nhân. Tứ kim, quang thiệu hồng đồ, miến niệm thần hữu, nghi long hiển hiệu, khả gia tặng Hồng Nhân Phổ Tế Linh Cảm thượng đẳng thần. Nhưng chuẩn Hương Trà huyện, Hải Cát xã y cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hựu, bảo

ngã lê dân. Khâm tai.

Minh Mạng thập ngũ niên tam nguyệt tam thập nhật.

[châu ấn]: sắc mệnh chi bảo

Dịch nghĩa:

Sắc cho Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc tôn thân ở đền thờ núi Ngọc Trản, bảo vệ đầy nước, che chở dân tình, rục rờ công đức, trải đã được dân xã phụng thờ. Vàng mệnh Thế tổ Cao Hoàng đế [vua Gia Long] triều ta thống nhất non sông biển trời, thần người đều vui sướng. Cho nên nay cơ đồ sáng rõ, nghĩ đến công lao che chở của thần, nên long trọng nêu cao danh hiệu, bèn gia tặng là *Hồng Nhân Phổ Tế Linh Cảm thượng đẳng thần*. Chuẩn cho xã Hải Cát, huyện Hương Trà phụng thờ như cũ. Thần hãy che chở giúp đỡ dân ta. Khâm tai!

Ngày 30 tháng 3 năm Minh Mạng thứ 15 (1834). [ấn son]: sắc mệnh chi bảo

**3. Sắc hợp phong năm Duy Tân thứ 3 (1909)**



Nguyên văn

敕旨承天府香茶縣海葛社從前奉事含弘光大至德浦博顯化莊徽翊保中興大乾國家南海四位上等神弘惠普濟靈感妙通默相莊徽翊保中興天依阿那演玉妃上等神贊化默運順成和序資元莊徽翊保中興五行僊娘上等神著靈顯應穆淵弘博汪潤翊保中興水中等神妙孚廣度靈應懿雅翊保中興英平山中僊妃中等神節經頒給敕封準其奉事維新元年晉光大禮經頒寶詔覃恩禮隆登秩特準依舊奉事用誌國慶而申祀典欽哉

維新參年捌月拾壹日

Phiên âm

Sắc chỉ Thừa Thiên phủ, Hương Trà huyện, Hải Cát xã tòng tiền phụng sự Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hoá Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị thượng đẳng thần, Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần, Tán Hoá Mặc Vận Thuận Thành Hoà Tự Tư Nguyên Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương thượng đẳng thần, Trừ Linh Hiển Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Ôn Nhuận Dực Bảo Trung Hưng Thủy Long trung đẳng thần, Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Dực Bảo Trung Hưng Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi

trung đẳng thần, tiết kinh ban cấp sắc phong chuẩn kỳ phụng sự. Duy Tân nguyên niên, tấn quang đại lễ, kinh ban bảo chiếu đùm ân, lễ long đăng trật. Chuẩn y cựu phụng sự, dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển. Khâm tai.

Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật. [chu ấn]: sắc mệnh chi bảo

*Dịch nghĩa*

Sắc chi xã Hải Cát, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, theo xưa phụng thờ Hàm Hoàng Quang Đại Chí Đức Phổ Bác Hiển Hoá Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị thượng đẳng thần, Hoàng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi thượng đẳng thần, Tán Hoá Mặc Vận Thuận Thành Hoà Tự Tư Nguyên Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Ngũ Hành Tiên Nương thượng đẳng thần, Trứ Linh Hiển Ứng Mục Uyên Hoàng Bác Ưông Nhuận Dực Bảo Trung Hưng Thuỷ Long trung đẳng thần, Diệu Phu Quảng Độ Linh Ứng Ý Nhã Dực Bảo Trung Hưng Anh Bình Sơn Trung Tiên Phi trung đẳng thần, trái đã ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ tự. Duy Tân năm đầu (1907), nhân đại lễ đăng quang [lên ngôi Hoàng đế], từng ban Chiếu báu ân sâu, nghi lễ thịnh dày phẩm trật to lớn. Đặc biệt chuẩn cho thờ phụng như xưa, dùng để ghi nhớ ngày khánh tiết quốc gia và đưa vào tự điển (điển chế thờ phụng). Khâm tai!

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 [1909].

[Ấn son]: Sắc mệnh chi bảo ■

# PHỦ PHÚ BÌNH QUẬN VƯƠNG VÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ

■ Bài và ảnh: TRẦN VĂN DŨNG

**G**ia Hội - Chợ Dinh là vùng đất nằm về phía Đông Nam của Kinh thành Huế, vốn là một khu thương mại sầm uất dưới triều Nguyễn sau khi phố cảng Thanh Hà - Bao Vinh rơi vào cảnh suy tàn. Với những yếu tố thuận lợi “cận kinh, cận thị, cận giang”, mảnh đất cát tường này quy tụ ngày càng nhiều các tầng lớp hoàng thân quốc thích, quan lại, thương nhân (người Việt, Hoa, Ấn) đến sinh cơ lập nghiệp khiến nơi đây trở thành một nơi đô hội, dân cư tập trung đông đúc. Vì vậy, Gia Hội - Chợ Dinh là nơi tọa lạc của nhiều phủ đệ, tư thất, đình, chùa, miếu, hội quán... để làm không gian sinh sống, thực hành tâm linh và nơi kết nối văn hóa truyền thống giữa các thế hệ.

Đi vào con ngõ trên đường Tô Hiến Thành thuộc phố cổ Gia Hội - Chợ Dinh, chúng ta sẽ bắt gặp một xóm nhỏ mang tên “xóm Phú Bình”. Địa danh này chính là dấu ấn còn sót lại để nhắc nhớ và hoài niệm về một biệt phủ Phú Bình Quận vương vang bóng một thời. Đó cũng chính là một phần của ký ức đô thị di sản Huế. Thông qua bài viết này, chúng tôi hy vọng sẽ cung cấp những nguồn tư liệu điền dã và thư tịch quý, góp phần phác thảo về chân dung ông hoàng Phú Bình Quận vương cũng như ngôi vương phủ nổi tiếng của Ngài.

## 1. Vị hoàng tử uyên thâm Nho học

Đức ông Phú Bình Quận vương Miên Áo 富平郡王綿 (1817-1865) là con trai thứ 6 của vua Minh Mạng, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Ông hoàng Miên Áo sinh ngày 27 tháng 11 năm Gia Long thứ 5 (tức ngày 4/1/1817), khi vua Minh



Bức hoành phi đề Phú Bình Quận vương tử

Mạng vẫn còn mang danh phận hoàng tử dưới triều vua Gia Long. Lúc còn nhỏ, hoàng tử Miên Áo đã có tiếng am hiểu kinh sử. Năm Minh Mạng thứ 4 (1823), ông hoàng Miên Áo cùng 4 hoàng tử Miên Tông, Miên Định, Miên Nghi, Miên Hoàn được vua cha ban

thường mỗi người 1 lượng vàng, 20 lượng bạc. Tháng Giêng năm sau (1824), cả 5 hoàng tử lớn này đều được triều đình định lương bổng mỗi năm 800 quan tiền và 600 phương gạo để chi dùng cho cuộc sống.

Niên hiệu Minh Mạng năm thứ 11 (1830), hoàng tử Miên Áo được vua Minh Mạng phong làm Phú Bình Công 富平公, cùng 4 hoàng tử Miên Tông, Miên Định, Miên Nghi, Miên Hoành đều được phong tước Công. Sách Đại Nam thực lục có đoạn chép: “Phong hoàng trưởng tử làm Trường Khánh Công, hoàng tử Miên Định làm Thọ Xuân Công, Miên Nghi làm Đức Thọ Công, Miên Hoành làm Vĩnh Tường Công, Miên An làm Phú Bình Công, cho sách ấn và ấn quan phòng (sách ấn đều làm bằng bạc mạ vàng, ấn quan phòng dùng bạc), chi tuế bổng hằng năm mỗi người 1.000 quan tiền, 1.000 phương gạo”. Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), nhân dịp Kiến An Công lên thọ 40 tuổi, vua sai Phú Bình Công cùng Quản thị vệ Vũ Văn Giải mang đồ quý báu và nhiều hoa đến thưởng để tỏ lòng ưu ái người thân.

Năm 1836, với tài năng và đức độ của mình, ông hoàng Phú Bình được vua Minh Mạng tin nhiệm giao trọng trách làm Hữu Tôn nhân ở Tôn Nhân Phủ. Đến năm Minh Mạng thứ 21 (1840), vua cho đúc các con thú bằng vàng để ban thưởng cho các hoàng thân, hoàng tử. Phú Bình Công Miên Áo được vua Minh Mạng ban cho một con sư tử bằng vàng nặng 14 lượng 8 đồng cân.

Niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 6 (1846), nhà vua sai Hữu Tôn chánh Thọ Xuân Công, Tả Tôn nhân Ninh Thuận Công, Hữu Tôn nhân Phú Bình Công sung chức Tổng lý Giám tu để biên soạn bộ “Đại Nam sự lệ hội điển”. Đây là bộ Hội điển ghi chép lại khá đầy đủ, chính xác các hoạt động của triều Nguyễn vào nửa đầu thế kỷ XIX. Bản sắc dụ của Hoàng đế Thiệu Trị có đoạn viết: “Hoàng đế sắc dụ cho Kiêm nhiếp Tôn Nhân phủ Hữu Tôn nhân Phú Bình Công Miên An. Năm trước lệnh cho Phủ Tôn Nhân, các nha môn thuộc Lục bộ phái các thuộc viên tìm tất cả dụ, chỉ, điều lệ và nghị bàn của bộ cùng tấu chương trong Kinh ngoài tỉnh đã vâng chỉ chuẩn cho thi hành từ năm Gia Long thứ nhất (1802) đến năm Minh Mệnh thứ 21 (1840). Phạm việc có quan hệ tới chính thể thì chiếu theo năm, tháng, phân môn, định loại, biên tập thành sách, đơi bản thảo xong tấu xin chọn phái sửa chữa, đính chính, đặt nhan đề là Đại Nam sự lệ hội điển. Đã giáng dụ thi hành. Nhân nghĩ bậc đế vương trị nước gốc ở đạo, mà đạo ẩn ở việc làm. Đời xưa đặt quan làm việc, tất có phép tắc để lại, để tỏ bảo người ở ngôi Vua biết tin dùng, sửa trị các quan, mong muốn công nghiệp rộng lớn nên lệnh cho kính làm sách này, cốt muốn phân chia cương, mục, đầu mối rõ ràng. Phạm đặt ra thể lệ để bảo các ti, mong về sau thực hiện đều có được để noi theo mà làm khuôn phép, là pháp điển rất lớn. Vì vậy phải chọn phái để có chuyên trách mà cốt cho được thành tựu. Nay chuẩn cho người sung chức Tổng lý Giám tu theo chức phận làm việc cho hợp nghi, lần lượt theo dụ chỉ lo liệu sửa sang, đính chính cho xong việc mà việc đều được chu toàn để hoàn thành tập điển chương lớn, lưu truyền pháp chế của đời thịnh trị, xứng với sự ủy nhiệm, lòng mong mỏi của trẫm. Khâm tai!”

Dưới triều vua Tự Đức, trong mấy kỳ lễ tế Đông hưởng (1849) và Xuân hưởng

(1850), Hợp hưởng (1851), Đông hưởng (1858), Xuân hưởng (1859)... vì nhà vua đều không đảm bảo sức khỏe hành lễ nên đã cử Phú Bình Công thay mặt làm lễ tế thay. Những lần đảm đương chức phận này, hoàng thân Phú Bình đều hoàn thành nhiệm vụ một cách chu toàn. Đặc biệt vào năm 1862, Phú Bình Công được làm nhiếp hiến (đứng hầu) vua Tự Đức làm lễ Tế Giao. Đây là nghi lễ tế trời, đất và các vị thần linh được đặt lên hàng Đại tự (lễ lớn). Bởi dưới chế độ quân chủ, nghi lễ này được tiến hành trang trọng bậc nhất và chỉ nhà vua mới có quyền làm lễ Tế Giao.

## 2. Nội thăng trầm danh phận

Tháng 8/1864, con thứ của ông hoàng Phú Bình là công tử Hường [Hồng] Tập vì bất bình với bản Hòa ước Nhâm Tuất (1862) với Pháp đã mưu giết Chánh sứ Phan Thanh Giản, Phó sứ Trần Tiễn Thành... Âm mưu chưa thực hiện thì sự việc bị bại lộ. Công tử Hường Tập bị xử tử, cha là Phú Bình Công Miên Áo cũng bị liên lụy. Đức ông Phú Bình bị vua Tự Đức thu hồi tước Công. Vài tháng sau (1/2/1865), hoàng tử Miên Áo lo buồn mà qua đời, hưởng thọ 50 tuổi. Viên tẩm của ông hoàng Miên Áo được xây dựng tại làng Dương Xuân Thượng (nay thuộc phường Thủy Xuân, Tp Huế). Sau khi hoàng thân Miên Áo mất, vua Tự Đức thương tình, ân chuẩn khai phục tước vị Phú Bình Quận công nhưng không được ban thụ, con trai và con gái được trở lại hàng Công tử, Công nữ. Cuốn đồng sách khôi phục tước vị Phú Bình Quận công do vua Tự Đức ban có nội dung như sau:

“Ngày 6 tháng Giêng năm Ất Sửu, Tự Đức thứ 18 (01/02/1865)

Thừa thiên hưng vận, Hoàng đế ban rằng:

Trẫm nghe: Đế vương thương yêu người thân, vì tình mà đặt lễ; nước nhà xót thương kẻ chết, phá lệ để ban ơn: Lòng dạ như nhau, cành lá cũng cùng gốc rễ; thân ái làm gốc, ơn đức tiếp nối

rắn đẽ, là theo luân thường mà

tỏ tình nghĩa vậy. Nghĩ Phú Bình Công bị cách đã quá cố: Con vua cùng họ; lá ngọc cành liềm, noi phép nhà rèn lòng nhân hậu; vâng lời hay giữ dạ khiêm cung. Tiên triều để lại tử tôn, đồng tính phong cho tước lộc. Vốn có đức cả, vẫn lo làm rạng tiếng nhà; đầu gối trẻ ngu lại nữ kết cùng giặc dữ. Tuy lấy trung mà dạy con cháu, Khanh vốn chẳng có lòng nào; nhưng trị tội không chừa họ hàng, trẫm cũng đâu tha riêng được. Nên phải truất tước phong từ trước; để tỏ sự trừng phạt qua loa. Nay đã biết lỗi nghĩ tự sửa mình; há lại để đau lòng mà nhắm mắt. Dối hồng bay không trở lại, pháp luật nhớ việc nghị thân; than hạc ruồi biết năm nào, ân điển thương người Tôn thất. Nay đặc biệt khai phục làm Phú Bình Quận công, ban cho sách mệnh. Than ôi, người thân tử không tức giận, chuyện qua nhớ lại đau lòng; chôn tuyền đài có khôn thiêng, ơn lớn nghĩ càng

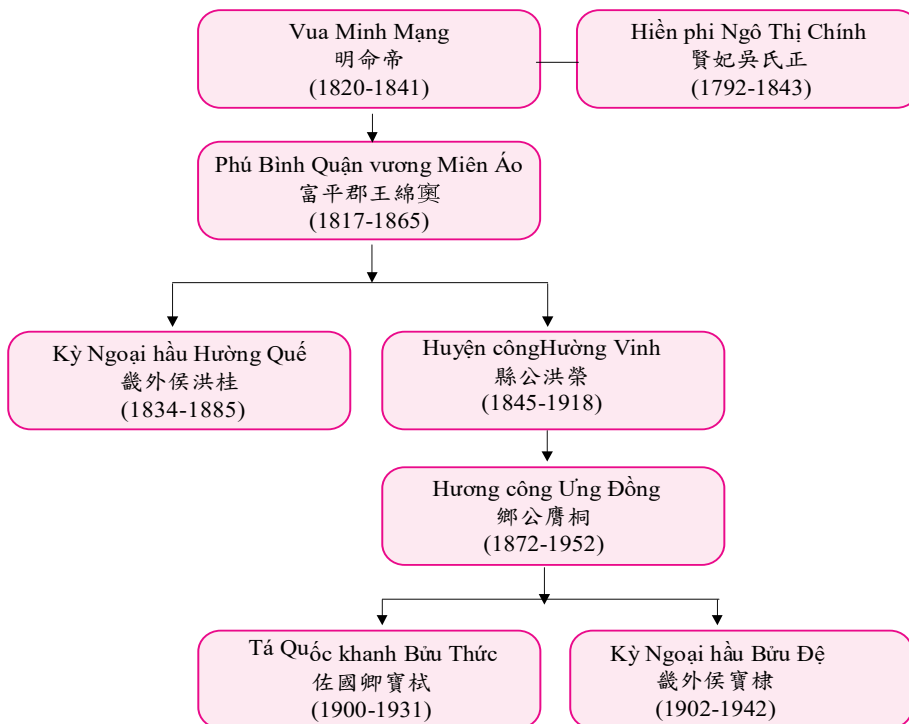


*Cuốn đồng sách khôi phục tước vị Phú Bình Quận công*

nên khắc cốt. Dưới cỗi u minh, hãy vâng sách mệnh!”

Ngày 15 tháng Giêng năm Tự Đức thứ 31 (1878), nhân dịp Ngũ tuần đại khánh của vua Tự Đức, nhà vua ban dụ miễn tội cho hoàng tử Miên Áo và khai phục tước Phú Bình Công. Dụ rằng: “Nguyên Phú Bình công Miên Áo là người hiền hòa, điềm đạm, cũng là bậc phiên hàn rất tốt, chỉ vì quá ư nhu nhược nên không dạy được con, đến nỗi bị liên lụy phải giáng làm Quận công, nay nghĩ cũng truy phục cho nguyên tước Công”.

Đến năm Bảo Đại thứ 12 (1937), Đức ông Miên Áo được nhà vua ban ân huệ truy phong tước Phú Bình Quận vương. Năm 1941, vua Bảo Đại tiếp tục truy phong Đức bà Nguyên cơ Võ Thị Trinh (1814-1907) tước vị Phú Bình Quận vương phi. Đức bà là con gái của Khinh xa Đô úy Võ Khánh, cháu nội Hoài Quốc công Võ Tánh (1768-1801). Như vậy, có thể thấy rằng sở dĩ Đức ông Phú Bình và Đức bà Võ Thị Trinh được vua Bảo Đại ưu ái, ban đặc ân truy phong tước vị như trên, bởi vì ngoài địa vị và danh phận hoàng thân quốc thích cao quý thì phòng Phú Bình Quận vương có nhiều con cháu làm quan lớn trong triều đình Huế lúc bấy giờ. Đặc biệt là Hiệp tá Đại học sĩ, Thượng thư Bộ Lễ Ưng Đồng nổi danh là vị quan đại thần đức độ, yêu nước, thương dân, có nhiều công lao đóng góp cho đất nước.



Sơ đồ phong tước tại phủ Phú Bình Quận vương

### 3. Những hậu duệ danh tiếng

Đức ông Phú Bình Quận vương Miên Áo và các thế hệ hậu duệ khai mở Phòng 6, Đệ Nhị chánh hệ và được ngự chế ban bộ chữ Mộc 木 để đặt tên cho các con cháu trong phủ - phòng. Ông hoàng Miên Áo có 10 con trai<sup>1</sup> và 7 con gái.

<sup>1</sup> Gồm các công tử Hoàng Quế, Hoàng Du, Hoàng Tập, Hoàng Trì, Hoàng Sử, Hoàng Phiêu, Hoàng Vinh, Hoàng Mai, Hoàng Dịch, Hoàng Dinh.

Công tử Hường Quế<sup>2</sup> 洪桂 (1834-1885) là con trưởng của Phú Bình Quận vương. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), ông được triều đình ân phong làm Hoài Ân Đình hầu, đến năm Tự Đức thứ 21 (1868) được tập phong tước Kỳ Ngoại hầu. Niên hiệu Tự Đức năm thứ 17 (1864), Hường Tập bị buộc tội mưu phản nên Hường Quế cũng phải chịu trách nhiệm liên đới vì không biết can ngăn em trai, sau đó bị triều đình cách bỏ tước Hầu, trở lại làm Công tử.

Công tử Hường Tập 洪楨 (?-1964) là con trai thứ 3 của Phú Bình Quận vương. Ông là một trong số những người cầm đầu cuộc nổi dậy tại Kinh thành Huế vào năm 1864.

Công tử Hường Vinh 洪榮 (1845-1918) là con trai thứ 7 của Phú Bình Quận vương. Năm Kiến Phúc nguyên niên (1884), ông được tập phong làm Phú Bình Huyện hầu, đến năm Khải Định thứ 2 (1917) được cải tập phong làm Phú Bình Huyện công.

Công tôn Ứng Đồng 膺桐 (1872-1952), hiệu Y Viên 椅園, tự Châu Khuê 周圭 là con trai trưởng của Huyện công Hường Vinh, cháu nội Đức ông Phú Bình Quận vương. Năm Thành Thái thứ 4 (1892), ông học Trường Quốc Tử Giám. Cụ Ứng Đồng từng giữ các chức vụ như Hàn lâm viện kiểm thảo (1898), Biên tu (1900), Bó chánh tỉnh Bình Thuận (1920), Thị lang Bộ Lễ (1/1922), Bó chánh tỉnh Phú Yên (7/1922), Tham tri Bộ Công kiêm Tả Tôn khanh Tôn Nhân Phủ (1925), Tham tri Bộ Binh kiêm Tả Tôn khanh Tôn Nhân Phủ (1926), Phủ doãn Phủ Thừa Thiên (10/1926 -1/1928). Sau khi về hưu vào tháng 2/1928, công tử Ứng Đồng được thăng chức Thượng thư Bộ Lễ trí sự. Đến tháng 7/1928 được tập phong tước Phú Bình Huyện hầu. Ngày 20 tháng 3 năm Bảo Đại thứ 8 (1933) được nhà vua thăng hàm Hiệp tá Đại học sĩ. Sau này, công tôn Ứng Đồng được cải tập phong Phú Bình Hương công<sup>3</sup>.

Công Tôn Nữ Thị Thân 氏坤 (1866-1923), tự Tâm Hương là trưởng nữ của Huyện công Hường Vinh. Bà có tài kinh doanh, làm ăn phát đạt và cũng là người đã sáng lập ra chùa Thiên Minh (nay thuộc phường Trường An, thành phố Huế).

Công tăng tôn Bửu Thức 寶楫 (1900-1931), tự Ấu Trương 幼張 là con trai thứ 2 của Hiệp tá Ứng Đồng. Năm Khải Định thứ 5 (1920), ông được tập phong tước Tá Quốc khanh. Tháng 8 năm Bảo Đại thứ 2 (1927) được bổ chức Miếu lang, đến năm Bảo Đại thứ 5 (1930) thì cải thụ Thị giảng học sĩ. Năm Bảo Đại thứ 6 (1931), ông bị bệnh qua đời và được truy tặng hàm Hồng lô tự khanh.

Công tăng tôn Bửu Đệ 寶棣 (1902-1942), tự Ấu Đường 幼棠 là con trai thứ 3 của Hiệp tá Ứng Đồng. Năm Bảo Đại thứ 3 (1928), ông được tập ấm hàm Hàn lâm viện biên tu, sau này được tập phong tước vị Kỳ Ngoại hầu.

Công Tăng Tôn Nữ Thị Diệu 氏妙 (1897-1970), tự Lệ Khanh 卿 là con gái thứ 2 của Hiệp tá Ứng Đồng và là nữ sĩ nổi tiếng trên văn đàn ở Kinh đô Huế vào đầu thế kỷ 20.

#### 4. Hộ trì Tam bảo

Một số hậu duệ của đức ông Phú Bình Quận vương đã có nhiều đóng góp trong

<sup>2</sup> Công tử Hường Quế có tên cũ là Hường Hiệ.

<sup>3</sup> Soverains et Notabilités d' Indochine [Các đấng quân vương và các nhà quyền quý của Đông Dương] (1943), Editions du Gouvernement Général de l'Indochine [Phủ Toàn quyền Đông Dương xuất bản], Nhà in Trường Viễn Đông Bác Cổ (I.D.E.O), Hà Nội, tr. 21.



việc xây dựng, trùng tu nhiều chùa chiền và xiển dương Phật giáo ở đất Đé đô. Điền hình có Công Tôn Nữ Thị Thân, hiệu Hương Thiện, pháp danh Trùng Giáp rất sùng mộ đạo Phật. Bà phát nguyện ăn chay trường và phát tâm thọ giới Sa di ni. Năm 1916, bà Công Tôn Nữ Thị Thân xuất tiền mua một sớ đất ở ấp Trường Giang, bên trái đường Nam Giao Tân Lộ (nay là đường Điện Biên Phủ), gần các Tổ đình Báo Quốc, Từ Đàm, Thiên Lâm để lập chùa Thiên Minh thờ Phật, phụng thờ cha mẹ và tu tập. Sau đó, Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Đồng cúng dường cho chùa 1 bức hoành phi, 1 câu đối và 750 đồng để mua 1 mẫu 3 sào ruộng tại làng Bàn Môn (huyện Phú Lộc) làm tam bảo tự điền.

Bà Công Tôn Nữ Thị Thân sống và tu hành tại chùa Thiên Minh đến lúc viên tịch vào năm 1923, nhục thân nhập bảo tháp xây dựng gần viên tâm đức ông Phú Bình Quận vương. Đến năm 1930, con cháu thừa kế đất đai hương hỏa của bà đã cung thỉnh Hòa thượng Thích Quảng Huệ (1903-1950) thuộc dòng thiền Lâm Tế đời thứ 43 về làm Trụ trì đầu tiên của chùa và ngài cũng được truy tôn làm Tổ khai sơn chùa Thiên Minh<sup>4</sup>. Hiện nay, chùa Thiên Minh vẫn còn gìn giữ bức hoành phi do cụ Ứng Đồng dâng cúng cho chùa vào năm 1919. Nội dung bức hoành phi đề ba đại tự: “Thiên Minh Tự 天明寺” (Chùa Thiên Minh), với

dòng lạc khoản: “Khải Định tứ niên hạ 啓定四年夏; “Bình Định Bó chánh sứ Ứng Đồng phụng cúng 平定布政使膺桐奉供” (Mùa hạ năm Khải Định thứ 4 [1919]; Bó chánh sứ tỉnh Bình Định là Ứng Đồng phụng cúng). Đặc



Bức hoành phi đề chữ “Thiên Minh Tự”

điểm bức hoành phi này có nền màu sơn đen, tất cả các chữ Hán và hoa văn đều khảm xà cừ. Chung quanh hoành phi được viền bằng một khung chạm nổi, trên đó trang trí đề tài chữ vạn, bát bửu một cách công phu và tinh xảo.

Ngoài ra trong phủ Phú Bình Quận vương còn có Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Đồng, pháp danh Tâm Minh được người đương thời biết đến là một cư sĩ uyên thâm Phật học và có nhiều đóng góp trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Hiệp tá Ứng Đồng là người đã phụng duyệt bài văn bia chữ Hán ghi chép về cuộc đời và sự nghiệp hồng dương chánh pháp của Hòa thượng Phước Chỉ (1858-1921)<sup>5</sup> dựng tại tháp mộ ngài ở

<sup>4</sup> Hiện nay, chùa Thiên Minh do Hòa thượng Thích Khế Chơn trú trì.

<sup>5</sup> Năm 1882, ngài được Hòa thượng Linh Cơ thế độ, ban pháp danh là Thanh Thái, tự Phước Chỉ, và liền được cử giữ chức Tri sự chùa Tường Vân. Sau đó, ngài cử làm Tri sự chùa Từ Hiếu (1889),

nghĩa trang chùa Tường Vân<sup>6</sup>.

### 5. Từ biệt thợ Châu Khuê đến phủ thờ Phú Bình Quận vương

Năm Minh Mạng thứ 11 (1830), ông hoàng Miên Áo được vua cha phong tước Phú Bình Công, đồng thời cũng được ban cấp phủ đệ ở làng Xuân Dương, huyện Hương Trà. Sau khi hoàng tử Miên Áo qua đời vào năm 1865 thì phủ đệ chuyển đổi thành phủ thờ để thờ phụng vị hoàng tử và gia quyến quá vãng. Đến năm Tự Đức thứ 23 (1870), được sự đồng ý của Phủ Tôn Nhân, con cháu ngài đã chuyển phủ thờ Đức ông Phú Bình đến xây dựng tại ấp Dinh Thị Thượng<sup>7</sup>(nay tại số 33/2 Tô Hiến Thành, phường Gia Hội, Tp Huế). Lúc bấy giờ, phủ thờ quay về hướng Đông Nam, bao gồm các hạng mục kiến trúc chính như cổng phủ, bình phong, la thành và nhà chính theo kiểu nhà rường 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt. Đây cũng là nơi diễn ra nghi lễ truy phong tước Phú Bình Quận vương vào năm Bảo Đại thứ 12 (1937). Tòa soạn báo Tràng An (số 258, ra ngày 24/9/1937) ở Huế đã đăng bản tin tường thuật sinh động về khung cảnh lễ tuyên phong tước vị Phú Bình Quận vương theo nghi thức hoàng gia như sau: “Ngày 22 tháng năm (30 Juin 1937), phụng Dụ đức Kim thượng đặt chuẩn truy phong ngài Phú Bình Công lên tước Quận vương. Con thứ 6 đức Minh Mạng. Ngài là một nhà Nho học uyên thâm. Hai mươi tám năm trời, kiêm nhiếp chức Hữu Tôn Nhon là chức rất lớn ở triều đình. Sanh thời Ngài ưa chơi cờ vầy. Lúc bấy giờ không những người trong nước không ai sánh nổi mà đến người Tàu cũng phải khâm phục. Cháu ngài là cụ Hiệp tá trí sự Ứng Đồng và cháu Tăng tôn Ngài là Lệ Khanh, một nữ thi sĩ có tiếng ở đất Thần kinh mà các bạn đã từng được thưởng thức thi văn trên báo chí. Ngày 16 tháng 8 Annam vừa rồi, lễ tuyên phong đã cử hành tại phủ thờ Ngài ở phường Phú Cát Huế, do quan Tả Tôn Khanh Bửu Thỏa làm khâm mạng. Hôm ấy tuy trời lấm tấm mưa nhưng không làm giảm được vẻ long trọng. Những chiếc ô tô nối đuôi nhau đỗ ở trước đường quan, những lá cờ lộ tất khoe màu cùng xác pháo đỏ, những vị đại thần mặc áo gấm xanh, huy chương, bài vàng chói lọi, những tiếng nhã nhạc du dương xen lẫn vào tiếng reo hò của đám trẻ con thỏa thích vì xem được một đám rước lạ mắt”<sup>8</sup>.

Trải qua thời gian và khí hậu khắc nghiệt, kiến trúc phủ Phú Bình Quận vương bị xuống cấp nghiêm trọng vào những năm 40 của thế kỉ XX. Vì vậy, không gian thờ tự Đức ông Phú Bình không còn được tôn nghiêm. Trước thực trạng này, vào khoảng năm 1944<sup>9</sup>, Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Đồng và Chủ tự Bửu Dung đã bàn bạc với các thành

---

trú trì chùa Thánh Duyên (1911).

<sup>6</sup> Tháp mộ Hòa thượng Phước Chỉ còn có tên gọi khác là tháp mộ ngài Yết ma hòa thượng. Bởi năm 1906, Hòa thượng Pháp Hỷ ở chùa Từ Quang (tỉnh Phú Yên) mở đại giới đàn, mời sư ngài Phước Chỉ làm hòa thượng Yết ma.

<sup>7</sup> Vào năm Thành Thái 11 (1899), đất đai của ấp Dinh Thị Thượng được chuyển đổi thành phường Đệ Ngũ thuộc thành phố Huế, đến năm Bảo Đại thứ 10 (1935) cắt thêm đất đai phường Đệ Lục sáp nhập vào và đổi thành tên thành phường Phú Cát; đến ngày 1/7/2021 trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số phường Phú Cát và Phú Hiệp để thành lập phường Gia Hội.

<sup>8</sup> Tràng An báo (1937), “Lễ tuyên phong”, Số 258, phát hành ngày 24/9/1937, Huế, tr. 1.

<sup>9</sup> Căn cứ vào cuốn “Hoàng tộc lược biên” do Kiêm nhiếp Tôn Nhon Phủ đại thần Tôn Thất Cồn biên soạn vào năm 1943 cho biết phủ thờ Phú Bình Quận vương tọa lạc tại phường Phú Cát. Vì vậy,

viên trong phòng Phú Bình Quận vương đồng thuận chuyển khám thờ, thần chủ Đức ông Phú Bình và các tự khí đến thờ phụng tại biệt thự Châu Khuê (ở làng Vĩ Dạ) để được trang nghiêm, thanh tịnh. Từ đây, biệt thự Châu Khuê của Hiệp tá Ứng Đồng được chuyển đổi thành phủ thờ ông hoàng Phú Bình Quận vương; còn ngôi nhà rường (trước là phủ thờ) trở thành nhà thờ phái của công tử Hường Mai □□<sup>10</sup>, con trai thứ 8 của Phú Bình Quận vương.

Hiện nay, phủ thờ Phú Bình Quận vương<sup>11</sup> tọa lạc tại địa chỉ số 2/305 Nguyễn Sinh Cung (thuộc phường Vĩ Dạ, Tp Huế), tọa độ: 16,488549; 107,594805. Ngôi phủ thờ này vừa mang dấu ấn kiến trúc hoàng gia triều Nguyễn, lại vừa có màu sắc văn hóa dân gian truyền thống. Từ ngoài vào, phủ thờ



*Toàn cảnh biệt thự Châu Khuê, nay là phủ thờ Phú Bình Quận vương*

có các công trình được xây dựng theo thứ tự như cổng ngõ, la thành, bình phong, bể cạn, nhà thờ chính, sân vườn và bên nước.

Lối vào phủ thờ là một cổng nhỏ, đi tiếp một đoạn ngắn sẽ thấy bức bình phong che chắn trước nhà thờ chính. Sau bình phong là bể cạn nuôi cá cảnh. Bình phong xây bằng gạch, dạng cuốn thư cách điệu, với chức năng nhằm ngăn chặn tà khí từ các hướng xấu xâm nhập vào trung tâm, và cũng để cầu mong điềm lành, an toàn và trường thọ. Ngoài những ứng dụng về mặt phong thủy, bình phong còn hàm chứa giá trị nghệ thuật độc đáo, là nơi nghệ nhân thể hiện cái tài tạo tác và gửi gắm tâm ý qua việc lựa chọn những đồ án trang trí như bát bửu, tứ quý, song lân hý cầu, hoa lá... Đây là bức bình phong có hình dáng trang trọng, quý phái, được đánh giá là một tác phẩm có giá trị nghệ thuật đích thực.

Nhà thờ chính thể hiện sự pha trộn độc đáo giữa kiến trúc Đông - Tây và giao thoa văn hóa Việt - Pháp. Nếu như bên trong ngôi nhà được thiết kế theo kiến trúc nhà rường truyền thống Huế, thì bên ngoài mặt tiền lại ảnh hưởng phong cách cổ điển Pháp với các hoa văn trang trí đắp nổi bằng vôi vữa thật cầu kỳ, tạo ra sự sống động, mềm mại

---

chúng tôi cho rằng khám thờ và thần chủ của Đức ông Phú Bình Quận vương được chuyển đến thờ phụng tại biệt thự Châu Khuê vào khoảng năm 1944.

<sup>10</sup> Hiện nay, nhà thờ này do bà Công Huyền Tôn Nữ Thị Mộng Hoa (sinh năm 1946), con gái của cụ Bửu Dung (1920-1995), cháu nội của công tôn Ứng Hàng quản lý và thờ phụng.

<sup>11</sup> Hiện nay, phủ thờ Phú Bình Quận vương do ông Bảo Tuấn (sinh năm 1970), con cụ Vĩnh Cường (1928 - 2008), cháu của Kỳ Ngoại hầu Bửu Độ quản lý và chăm lo hương khói thờ tự.

và hài hòa với tổng thể trang trí khác. Đặc biệt, chính giữa mặt tiền phủ thờ có tạo hình bức hoành phi bằng vôi vữa đắp nổi dòng chữ Hán: “Châu Khuê biệt thự 周圭別墅”, lạc khoản viết: “Bảo Đại tứ niên xuân 保大四年春, 1929”, sử dụng chất liệu nê đắp nổi, khảm sành sứ. Những thông tin này cho người đời sau biết phủ thờ Phú Bình Quận vương nguyên là biệt thự Châu Khuê, xây dựng hoàn thành vào mùa Xuân năm Bảo Đại thứ 4 (1929).

Nối với mặt tiền nhà thờ là một nhà võ cửa dẫn đến công trình kiến trúc chính là ngôi



*Bức bình phong có chất lượng nghệ thuật cao*

nhà rường 3 gian 2 chái có hàng cột hiên bằng gạch trát vữa, quét vôi màu vàng, với những chi tiết trang trí theo kiểu nhà Pháp, vốn rất thịnh hành ở Huế vào hồi đầu thế kỷ XX. Bộ khung sườn bằng gỗ với những rui, xà, kèo, cù đều có các đồ án trang trí điêu khắc chạm trổ khéo léo, tinh tế và mái lợp ngói liệt.

Nền phủ thờ được lát gạch hoa hình vuông loại nhỏ kích thước 20 cm x 20 cm được nhập về từ Pháp. Ngay giữa chính đường là gian thờ trung tâm, được bài trí theo nguyên tắc “tiền Phật hậu linh”, phía trước thờ Phật, phía sau thờ phụng vong linh các vị: Đức ông Phú Bình Quận vương, Đức bà Nguyên cơ Võ Thị Trinh, Hương công Hoàng Vinh, Hiệp tá Ứng Đồng cùng với các thế hệ hậu duệ đã khuất của phủ - phòng. Đáng chú ý nhất ở không gian thờ này là bức tranh vẽ chân dung Hương công Hoàng Vinh do công tử Hoàng Cao<sup>12</sup> vẽ vào năm 1911.

Phía trên liên ba gian giữa treo bức hoành phi đề chữ: “Phú Bình Quận vương từ 富平郡王祠” (phủ thờ Phú Bình Quận vương), với dòng lạc khoản “Bảo Đại nguyên niên thu cát nhật tạo 保大元年秋吉日造” (Tạo dựng xong vào mùa thu năm Bảo Đại thứ 1 [1926])<sup>13</sup>. Ở hai bên tả hữu gian chính đường cũng treo hai bức hoành phi đề chữ: “Tôn

<sup>12</sup> Công tử Hoàng Cao (1867-?), tự Sĩ Chánh là con trai thứ 19 của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm (1819-1870). Ông có biệt tài về hội họa.

<sup>13</sup> Hoàng tử Miên Áo được truy phong tước Phú Bình Quận vương vào năm Bảo Đại thứ 12 (1937) nhưng bức hoành phi này lại đề dòng lạc khoản tạo dựng vào năm Bảo Đại thứ 1 (1926). Về vấn đề này, chúng tôi cho rằng bức hoành phi nguyên gốc được chế tác vào năm 1926 với dòng chữ đại tự: “Phú Bình Công từ 富平公祠” (phủ thờ Phú Bình Công), đến năm 1937 thì được các nghệ nhân thay đổi dòng chữ đại tự: “富平郡王祠 Phú Bình Quận vương từ” (phủ thờ



Nội thất phủ thờ Phú Bình Quận vương

家雨露” (Ôn mưa móc của hoàng gia), với dòng lạc khoản “Bảo Đại Bính Tý xuân 保大丙子春 (Mùa xuân năm Bính Tý triều vua Bảo Đại [1936]), “Vị nê tân thủ Nguyễn Đình Nhu, Tổng dụng Phạm Thuận, Phó tổng Võ Truy trang phụng 渭泥汛守阮廷濡總用范純副總武追莊奉” (Tân thủ Vị Nê Nguyễn Đình Nhu, Tổng dụng Phạm Thuận, Phó tổng Võ Truy kính dâng). Các bức hoành phi này đều có hoa văn trang trí tinh xảo, mang dấu ấn đặc trưng mỹ thuật thời Nguyễn, đồng thời nó không chỉ có giá trị về văn hóa lịch sử, nghệ thuật tạo hình mà còn là một di sản tư liệu gốc gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của các thành viên trong phủ Phú Bình Quận vương.

Người tuy đã khuất, song trí tuệ, đức hạnh của ông hoàng Phú Bình Quận vương vẫn còn hiện hữu trường tồn, được các thế hệ con cháu hậu duệ noi gương và tiếp nối truyền thống gia phong lễ giáo của ông cha. Bởi thế sau này, nhiều con cháu của Đức ông Phú Bình đã nổi danh ở chốn quan trường, đặc biệt là Hiệp tá Đại học sĩ Ứng Đòng luôn giữ tiết tháo, được triều đình trọng thị, nhân dân ở những nơi ông từng sống, từng làm quan ngưỡng mộ và kính trọng.

Nhìn chung, mặc dù phủ Phú Bình Quận vương đã trải qua biết bao biến thiên của lịch sử và những lần thay đổi về vị trí nhưng vương phủ này vẫn thực sự là một di sản văn hóa sống động, độc đáo ở Cố đô Huế. Bởi vì, phủ Phú Bình vẫn lưu giữ trong mình những nét đẹp riêng, có giá trị kiến trúc nghệ thuật đặc sắc và mang đậm nét dấu ấn văn hóa cung đình triều Nguyễn.

*Năm Nhâm Ngọ, Tự Đức 35 (1882), Ngài được Hoà thượng Linh Cơ thế độ, ban Pháp danh là Thanh Thái, tự Phước Chỉ, và liền được cử giữ chức Tri sự chùa Tường Vân ■*

Phú Bình Quận vương) cho phù hợp với tước vị được vua Bảo Đại truy phong nhưng dòng lạc khoản vẫn giữ nguyên không thay đổi.

tử duy thành 尊子維城” (Con cháu hoàng tộc giữ gìn giềng mối [cương lĩnh] quốc gia), với lạc khoản “Bảo Đại nguyên niên đông 保大元年冬”, Công bộ thuộc đồng bái 工部屬全拜” (Mùa thu năm Bảo Đại thứ 1 (1926), Bộ Công cùng kính bái); “Hoàng gia vũ lộ 皇

## ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN - ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐI QUA ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

■ LÊ THỊ MAI AN\*

Như Bác Hồ đã từng nói: “*Nhiệm vụ giao thông liên lạc là hàng đầu, vì bắt nối được liên lạc là tổ chức được sự chỉ đạo, nối liền được hệ thần kinh, hơi thở, mạch máu. Giao thông liên lạc mà giữ vững được là ta thắng*”.

Sau Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương khóa II diễn ra ở Hà Nội (1/1959), Tổng Quân ủy Trung ương đã họp bàn về việc xây dựng lực lượng vũ trang miền Nam và chuẩn bị tìm cách đưa một số bộ phận quân đội cùng với vũ khí, đạn dược, thuốc men, lương thực vào chi viện cho chiến trường miền Nam một cách bí mật, an toàn, tránh sự kiểm soát, phát hiện của địch. Ngày 19/5/1959, Tổng Quân ủy Trung ương quyết định thành lập “*Đoàn quân sự đặc biệt*” (sau này gọi là Đoàn 559) có nhiệm vụ mở xuyên đường Trường Sơn vào miền Nam. Trong suốt 16 năm (1959-1975) từ con đường chỉ đặt lọt lòng bàn chân, xuyên qua những thung lũng sâu, vực thẳm, những đỉnh núi cao chót vót, những cánh rừng già, đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đã tỏa ra chiều dài gần 20.000km từ Tây Quảng Trị đến Lộc Ninh (Bình Phước) gồm 5 trục dọc và 21 trục ngang.

Thừa Thiên Huế nằm trên một dải đất hẹp với chiều dài 127 km, chiều rộng trung bình gần 60 km, với đầy đủ các dạng địa hình rừng núi, gò đồi, đồng bằng duyên hải và biển. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Trị, phía Nam giáp Đà Nẵng, phía Tây giáp Lào, phía Đông giáp biển. Tập trung một không gian hẹp thấp dần từ Tây sang Đông. Với điều kiện tự nhiên này, Thừa Thiên Huế có một vị trí chiến lược quan trọng.

Với nhiệm vụ “*cầu nối*” giữa hai miền Bắc Nam và trực tiếp chi viện sức người, sức của cho chiến trường Trị Thiên Huế, đoạn đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua miền Tây Thừa Thiên Huế, đã vươn ra với chiều dài gần 400 km và hơn 100 cầu cống các loại, đi qua các huyện A Lưới, Phong Điền, Nam Đông, Phú Lộc.

Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế là nơi ghi dấu sức mạnh, ý chí quyết tâm, tinh thần quả cảm của quân và dân Thừa Thiên Huế trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Đó là một cuộc đấu trí, sự sáng tạo, quyết đoán, thông minh đã chiến thắng các phương tiện, vũ khí chiến tranh của đế quốc Mỹ được xem là hiện đại nhất lúc bấy giờ. Đây vừa là con đường chiến lược vừa là con đường chiến dịch, đã đảm bảo đưa vũ khí, đạn dược, thuốc men, lương thực và các cơ sở vật chất hậu cần phục vụ cho các chiến dịch lớn của tỉnh Thừa Thiên Huế.

### 1. Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua Thừa Thiên Huế

Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế, là vị trí đầu cầu nối liền từ Bắc vào Nam với các chiến trường Tây Nguyên và Nam Bộ. Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế đi qua địa bàn các huyện A Lưới, Phong Điền, Nam Đông, Phú Lộc, gồm nhiều nhánh nhỏ, gắn liền với nhiều địa danh

\* Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế

và các di tích lịch sử quan trọng trên vùng đất này, bắt đầu từ đường 71 thuộc xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và điểm cuối là cụm di tích Ngã ba Ràng Bò, bến Cây đa Đá Bạc, thuộc huyện Phú Lộc. Hiện nay đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế nằm trong hệ thống Di tích Quốc gia đặc biệt.

### **Đường 71 - điểm đầu: Thuộc xã Hồng Vân, huyện A Lưới**

Cuối năm 1966, Ban Bí thư Trung ương và Quân ủy Trung ương quyết định nhiệm vụ của Đoàn 559. Quân ủy Trung ương chỉ rõ: phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ chi viện cho miền Nam còn lâu dài, là con đường vận chuyển chiến lược cho đến khi chiến thắng đế quốc Mỹ ở Việt Nam và Lào. Trước hết để phát huy trận thắng phủ đầu và phá tan âm mưu lấn chiếm vùng rừng núi hòng gây cho ta bị động, ta phải tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam, để chủ động tấn công địch, đảm bảo các trận đánh mạnh, đánh lớn, đồng thời ngăn chặn âm mưu lấn chiếm vùng Hạ Lào và chủ động đối phó với âm mưu chiếm đóng từng vùng trên đường số 9 để ngăn chặn chi viện của ta. Do đó vận chuyển phải thỏa mãn yêu cầu cấp bách, tối thiểu của chiến trường, có dự trữ cần thiết ở gần chiến trường miền Nam và phía Nam đường 9, phục vụ cho mặt trận Trung Hạ Lào, chủ động đối phó với địch khi chúng đánh đường 9.

Đầu năm 1967, thực hiện nhiệm vụ của Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh quyết định mở chiến dịch vận tải quy mô lớn trên toàn tuyến, lợi dụng lúc địch còn sơ hở, giành bắt ngờ và chủ động tấn công, vận chuyển khối lượng hàng lớn, đáp ứng yêu cầu cấp thiết cho chiến trường. Bộ Tư lệnh đã nhanh chóng triển khai lực lượng trên toàn tuyến, triển khai hệ thống giao liên cơ giới phục vụ cho binh khí kỹ thuật hành quân và tổ chức mở đường B71.

Điểm đầu của đường 71 thuộc xã Hồng Vân, huyện A Lưới, được mở vào cuối năm 1967 đầu năm 1968 có chiều dài 70 km bắt đầu từ La Num (huyện A Lưới) nối với đường 14B qua Dốc Chè xuống Tam Dền đến Hòa Mỹ (huyện Phong Điền), do lực lượng công binh 559 thi công. Năm 1971 Lữ đoàn công binh Quân khu Trị - Thiên 414 do đồng chí Nguyễn Hoa trực tiếp chỉ huy mở tiếp và hoàn thiện con đường nhằm đưa vật chất, vũ khí chi viện cho các huyện phía Nam Quảng Trị và phía Bắc Thừa Thiên Huế. Là nơi lực lượng chủ lực của Trung đoàn 6 đứng chân đồng thời đưa pháo xuống Tam Dền chi viện cho các đơn vị bộ binh. Trong chiến dịch Xuân 1975, con đường này đã phát huy mạnh mẽ, là đường tiến quân của các đơn vị phía Bắc Huế như Trung đoàn 4, Tiểu đoàn pháo cao xạ, Đại đội 12 tiến đánh quận lỵ giải phóng huyện Phong Điền.

### **Đường 71 - điểm cuối: Thuộc xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền**

Con đường này còn có tên gọi là đường 25N. Trong chiến dịch Xuân 1975, con đường này được sử dụng cho xe tăng, pháo lớn cùng các đơn vị bộ binh của ta tiến đánh giải phóng phía Bắc Thừa Thiên Huế<sup>1</sup>.

### **Đường 72 - 14B: Thuộc 3 xã Phú Vinh, Hồng Thượng, Sơn Thủy.**

Ngã ba đầu đường 72-14B và địa điểm Bốt Đò, nguyên trước đây là con đường mòn có từ thời Pháp, gọi là đường 49 (đường 12) đi từ Huế lên Bình Điền, Tà Lương, Bốt Đò, A Lưới. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ta chủ trương lợi dụng con đường sẵn có này để phát huy lực lượng, tấn công xuống Huế khi có điều kiện. Trước năm 1968 ta đã sửa chữa đường 49 từ A Lưới xuống đến gần Tà Lương (khoảng 40 km) nhằm đưa vật chất, phương tiện, lực lượng vũ trang xuống áp sát mục tiêu chính là

<sup>1</sup> Theo hồ sơ di tích của Bảo tàng Đường Hồ Chí Minh, do Thượng úy Trần Thúy Mai viết

thành phố Huế và sân bay Phú Bài, khi đó địch đã rải nhựa đường 49 từ Huế đến Bình Điền và lập hệ thống phòng thủ ngăn chặn hoạt động của ta, khi phát hiện ta làm đường, địch đã tập trung hỏa lực nhằm ngăn chặn nhưng với quyết tâm của ta, tuyến đường vẫn được mở. Đường 49 là trục đường tiến quân và triển khai lực lượng xuống hướng Nam Bắc Huế. Trong suốt thời kỳ chiến tranh, đường B72 đã trở thành trục đường chính phục vụ công tác chi viện cơ sở vật chất giải phóng thành phố Huế, trong chiến dịch Mậu Thân 1968, đồng thời là nơi diễn ra các cuộc chống hành quân càn quét lớn của Mỹ - Ngụy vào khu vực A Sầu; A Lưới, đảm bảo yêu cầu chi viện chiến lược trong chiến dịch Xuân Hè 1972 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975.

#### **Đường 73 - 14B: Thuộc xã Hương Phong, huyện A Lưới.**

Đường 73 là một đường xuất quân của các lực lượng ta trong chiến dịch giải phóng Thừa Thiên Huế xuân 1975. Nguyên trước đây, đường 73 đã có đường mòn. Năm 1972, Quân khu Trị - Thiên quyết định mở con đường này thành đường cơ giới hướng xuống đồng bằng Nam Thừa Thiên. Đường 73 (còn gọi là đường 74A) nối với đường 14B xuống động Tà Lại, gặp đường 74 ở km 24 rồi về Tà Ve xuống phía Tây khu vực Lương Miêu, Dương Hòa. Trong Xuân 1975, Khu ủy và Quân khu Trị - Thiên Huế đóng cơ quan ở Tam Dền (khu vực đường 71) một bộ phận quân cánh Bắc đóng ở Hòa Mỹ (cuối đường 71) cánh Nam đóng ở Khe Bút (khu vực đường 73). Đường 73 là một đường xuất quân của các đơn vị bộ đội trong chiến dịch Xuân 1975 xuống các huyện phía Nam Thừa Thiên Huế. Khi mở đường 74 - đường vận tải cơ giới, thì đường 74 được sử dụng chủ yếu hơn<sup>2</sup>.

#### **Đường 74-14B: Thuộc xã Hương Lâm, huyện A Lưới.**

Đường 74 nối với đường 14B ở km 116-117 phía Nam đèo A Sầu, xuống A Roàng, về Động Do xuống Nam Đông (đoạn này dài 64 km). Đường 74 được bắt đầu thi công vào giữa năm 1974, sau sáu tháng thì hoàn thành, lực lượng làm đường gồm toàn bộ lữ đoàn công binh 219 của Quân đoàn 2 và được tăng cường thêm hai tiểu đoàn công binh Quân khu Trị - Thiên Huế do đồng chí Nguyễn Hoa - Lữ đoàn trưởng công binh 219 trực tiếp phụ trách thi công. Mục tiêu của chúng ta khi mở đường 74 nhằm đưa vật chất, phương tiện, khí tài và lực lượng ta xuống Quốc lộ 1A, chuẩn bị cho hướng tiến công chủ yếu của ta trong chiến dịch Xuân 1975. Do vị trí và tác dụng của tuyến đường này trong ý đồ chiến dịch nên Bộ tư lệnh quân khu Trị - Thiên Huế và Bộ tư lệnh Quân đoàn 2 trực tiếp chỉ đạo, tăng cường thêm phương tiện như máy móc, thuốc nổ, lương thực, thực phẩm. Đặc biệt khi tiến xuống sâu như mũi dao nhọn, hấp thúc vào sườn địch nên chúng xuống cao điểm 64 (km 6) để ngăn chặn đường tiến quân của ta. Nhưng với phương châm “*Mở đường để đánh địch, đánh địch để mở đường*” lực lượng công binh ta đã dùng hỏa lực để đánh địch, buộc địch phải rút ngay trong ngày khi chúng đổ quân xuống. Đường làm đến đâu, vật chất, binh khí kỹ thuật, xe tăng, pháo 130 ly cũng theo dần chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công xuân 1975<sup>3</sup>.

#### **Điểm ngã ba Ràng Bò và bến Cây Đa Đá Bạc: Thuộc xã Lộc Điền, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc.**

<sup>2</sup> Đường 72, đường 73 theo hồ sơ di tích của Bảo tàng đường Hồ Chí Minh, do Trung tá Trần Thị Lan Anh viết  
<sup>3</sup> Đường Hồ Chí Minh qua Bình Trị Thiên (1992), *Tất cả cho con đường*, Nguyễn Vạn (nguyên Bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, khu ủy viên Khu Trị - Thiên Huế), tr 100-101



Đây là điểm cuối cùng của đường 74 từ Vũng Tròn chạy thẳng xuống Quốc lộ 1A (ngã ba Ràng Bò Bạch Thạch - Đá Bạc). Trong chiến dịch giải phóng Thừa Thiên Huế, đường 74 và đường 10C là hướng tiến công chủ yếu của bộ đội chủ lực Quân đoàn 2, Sư đoàn 325 cắt đứt Quốc lộ 1A làm chủ khu vực này nhằm ngăn chặn sự tháo chạy của địch vào Đà Nẵng, đồng thời tiến quân về phía Bắc đánh chiếm sân bay Phú Bài, vây ép đồn địch và cửa Thuận An, khóa chặt cửa Tư Hiền góp phần cùng các lực lượng vũ trang giải phóng hoàn toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Động So - A Túc: Thuộc xã Hồng Bắc, huyện A Lưới.**

Để chuẩn bị sức người, sức của, chi viện kịp thời cho các chiến trường, ngay từ những năm 1966 quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng đã chủ trương xây dựng một số hầm chứa vũ khí, quân trang, quân dụng, gần ngay tuyến đường Hồ Chí Minh và cụm địa đạo Động So - A Túc ra đời trong hoàn cảnh đó. Cụm địa đạo Động So - A Túc khoảng 10 cái, được thiết kế theo hình chữ U, cửa vòm cao 1,55m-1,8m, rộng 1,2m, dài từ 12 đến 18m<sup>4</sup>. Sự tồn tại và hoạt động của cụm di tích Động So - A Túc đã giải quyết tốt yêu cầu về vật chất kỹ thuật cho bộ đội ta trong cuộc Tổng tấn công Mậu Thân 1968. Đồng thời là trạm trung chuyển một khối lượng hàng hoá lớn, kịp thời cho các chiến trường miền Nam. Cụm địa đạo Động So - A Túc gắn liền với sự lớn mạnh và phát triển của tuyến đường mang tên Bác là niềm tự hào của quân dân Thừa Thiên Huế anh hùng.

#### **Động Tiên Công: Thuộc xã Hồng Kim, huyện A Lưới.**

Động nằm ở độ cao 1.091m, còn có tên khác là Cóp Va thuộc địa phận xã Hồng Kim, cách trung tâm thị trấn A Lưới 5km về Tây Bắc. Động nằm ở lưng chừng núi A Túc, bên dưới là sông Tà Rình và phía trước là đường Hồ Chí Minh.

Đứng trên động ta có thể quan sát toàn cảnh thung lũng A Lưới. Chính điều đó mà trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bộ đội ta đã sử dụng như một trạm quan sát. Ở đây luôn có một đại đội công binh túc trực tại một quảng đất trống và bằng phẳng có bề dài hơn 300m, rộng 150m, và đây cũng là nơi tập kết chuyên chở hàng hoá lương thực, thực phẩm, pháo 175 ly, xe tăng thiết giáp vào kho 61 và còn là nơi trú ẩn kiên cố, an toàn cho hàng vạn lượt cán bộ chiến sĩ khi đi công tác qua đây từ năm 1965 đến 1967.

#### **Dốc Con Mèo: Thuộc địa phận xã Hồng Vân, huyện A Lưới**

Dốc Con Mèo nằm cách đường Hồ Chí Minh 1km, đây là một trong những trọng điểm chủ yếu trên tuyến vận tải chiến lược đường Hồ Chí Minh, ta quyết tâm giữ còn địch quyết tâm phá. Dốc Con Mèo có địa hình phức tạp, núi non hiểm trở, trước tình hình đó, năm 1969 Bộ Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên quyết định mở đường tránh Dốc Con Mèo để phá vỡ thế độc quyền và phân tán mục tiêu đánh phá của địch, đồng thời vẫn bảo đảm thông tuyến chi viện tốt cho các chiến trường, chuẩn bị đầy đủ mọi cơ sở vật chất cho chiến dịch Xuân 1975.

## **2. Đóng góp của đồng bào miền núi Thừa Thiên Huế trên đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh**

Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ, nhân dân A Lưới nói riêng và cả đồng bào miền Tây Thừa Thiên Huế nói chung đã lập bao chiến công hiển hách trên con đường huyền thoại này, như: Đồng khởi năm 1960, chiến thắng A So năm 1966, chiến thắng A Bia năm 1969. Miền Tây Thừa Thiên Huế đã trở thành căn cứ địa

<sup>4</sup> Theo số liệu khảo sát của Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế

vững mạnh. Để mở đường, xây dựng và bảo vệ đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh con đường huyết mạch đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế, hàng ngàn người dân, đã đi dân công vận tải đưa vũ khí, lương thực cùng các đoàn xe quân sự trên các con đường 71, 72, 73, 74 từ miền núi xuống đồng bằng, tham gia chiến đấu góp phần làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975. Riêng huyện A Lưới trong kháng chiến chống Mỹ đã đóng góp 33.837 tấn lương thực, thực phẩm, hàng vạn lượt dân công hỏa tuyến, 577 liệt sĩ, 1018 thương binh, hàng ngàn gia đình có công, 8296 người tham gia cách mạng, 2011 đồng chí bộ đội (số liệu theo *lịch sử Đảng bộ huyện A Lưới*).

**Phong trào Đồng khởi năm 1960:** Tháng 7/1959, Tỉnh ủy Thừa Thiên mở hội nghị tiếp thu Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành trung ương Đảng tại thôn Cà Chê (xã Hương Sơn, huyện Nam Đông). Tháng 10/1960, Tỉnh ủy chủ trương phát động đồng khởi miền núi, giành chính quyền về tay nhân dân. Đêm 18/10/1960, cán bộ cùng du kích xã Phong Lâm (huyện A Lưới) tiến hành diệt ác, trừ gian và cảnh cáo một số tên tay sai, đồng thời phát động nhân dân nổi dậy giành quyền. Được cổ vũ bởi thắng lợi của du kích xã Hương Lâm phong trào đồng khởi nhanh chóng lan rộng khắp địa bàn miền núi, giải phóng hầu hết các xã thuộc hai huyện Nam Đông và A Lưới. Trong số 18 căn cứ ở miền núi trước đây, địch phải rút bỏ hết 15, chỉ còn lại 3 vị trí Nam Đông, A So và Khe Tre<sup>5</sup>.

Thắng lợi của phong trào đồng khởi miền núi Thừa Thiên Huế đã thiết lập được căn cứ địa ở miền núi đồng thời tuyến vận tải chiến lược đi qua khu vực này được giữ vững, đảm bảo hành lang chiến lược của cả nước đi qua tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Chiến thắng A So năm 1966:** Sân bay A So nằm trên địa phận thôn Sam, xã Đông Sơn cách đường Hồ Chí Minh 2 km về phía Đông. Sân bay được đế quốc Mỹ xây dựng từ những năm 1960 hòng tăng cường tiềm lực, khả năng quân sự để chống lại các hoạt động vũ trang của quân và dân ta, đặc biệt chống phá sự lớn mạnh của đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh đi qua khu vực này. Cùng với sân bay A So chúng còn xây dựng sân bay A Co ở xã Hồng Thượng, sân bay A Lưới ở thị trấn A Lưới với mục đích không chế hành lang chiến lược phía Tây dãy Trường Sơn, và ngăn chặn sự lớn mạnh của con đường chiến lược Hồ Chí Minh từ miền Bắc vào và miền Nam ra.

Tháng 11/1965, tại Bộ Tư lệnh Quân khu 4, đồng chí Lê Trọng Tấn - Tổng tham mưu phó, trực tiếp giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Sư đoàn 325 "*Tiêu diệt cụm cứ điểm A So, giải phóng miền Tây Thừa Thiên Huế mở rộng hành lang Tây Trị - Thiên*". Tháng 12/1965, Sư đoàn hành quân vào chiến trường. Sau một tháng chuẩn bị, ngày 10/3/1966, trung đoàn bộ đội chủ lực, phối hợp với bộ đội và du kích địa phương dùng súng cối 120, DKZ tiến hành tập kích hỏa lực và bắn phá công sự địch suốt đêm và cả ngày hôm sau, làm cho kẻ địch không thể ngóc đầu dậy được. Tối 10/3/1966, Bộ Tư lệnh mặt trận quyết định ra lệnh cho Trung đoàn 95 tấn công chiếm lĩnh trận địa.

Mất vị trí chiến lược quân sự quan trọng này, Mỹ và tay sai đã bằng mọi giá tìm cách phá hoại. Kẻ địch tập trung lực lượng binh khí và không từ bỏ bất kỳ hình thức, thủ đoạn tàn bạo nào để hòng đạt được mục đích của chúng, kể cả dùng vũ khí hóa học, chất độc màu da cam, chất phát quang, nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng. Từ tháng 8/1965 đến 12/1970, A Lưới có tới 256 phi vụ rải chất độc hóa học, mà dư lượng chất độc

<sup>5</sup> Lịch sử đảng bộ huyện A Lưới (1998), Ban chấp hành Đảng bộ huyện A Lưới, nxb Thuận Hóa, tr 73,74

ây còn để lại hậu quả đến ngày hôm nay. A So trở thành nơi ghi dấu những chiến công của quân và dân ta ở A Lưới, đồng thời là chứng tích tội ác của đế quốc Mỹ<sup>6</sup>.

Hiện nay, địa điểm chứng tích chiến tranh hóa học của đế Quốc Mỹ tại sân bay A So (Sân bay A So) được công nhận Di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 678/QĐ-BVHTTDL vào ngày 7/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch

**Chiến thắng A Bia năm 1969:** A Bia là điểm cao nhất (937 mét so với mặt nước biển) nằm giữa vùng rừng núi trùng điệp gần biên giới Việt - Lào. Đỉnh A Bia có ba mỏm đứng thế chân kiềng cao xấp xỉ nhau, cách nhau khoảng 400 mét. Tại đây, sau thất bại trong Tổng tiến công Xuân 1968, đế quốc Mỹ điên cuồng mở nhiều đợt tấn công vào khắp các địa bàn Thừa Thiên Huế, đặc biệt là những cuộc càn quét vào thung lũng A Lưới. Địch chọn A Bia làm địa điểm tập kết quân, tại đây chúng tập trung 13 tiểu đoàn Mỹ - Việt Nam Cộng hòa kết hợp với lực lượng không quân, pháo binh, xe tăng yểm trợ hùng hậu đẩy quân ta ra sát biên giới Việt - Lào, phá vỡ hành lang vận chuyển chiến lược 559. Song lợi dụng địa thế hiểm trở cùng thời tiết khắc nghiệt rừng núi, các đơn vị bộ đội chủ lực phối hợp với lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích đã chủ động tấn công đập tan cuộc hành quân của địch, tiêu diệt gần 1.600 tên, phá hủy nhiều phương tiện, vũ khí chiến tranh<sup>7</sup>.

Chiến thắng A Bia cùng với những thắng lợi trong năm 1969 đã góp phần phá vỡ kế hoạch hành quân đánh chiếm miền núi của địch. Thế đứng chân của lực lượng vũ trang và hệ thống kho tàng, hậu cứ của ta được củng cố ngày càng mạnh; tuyến đường vận tải chiến lược 559 được giữ vững, tiếp tế lương thực, vũ khí, đạn dược cho chiến trường miền Nam tiếp tục là sợi dây nối liền chiến lược.

Với những chiến thắng hiển hách của đồng bào miền núi Thừa Thiên Huế, chúng ta không thể quên những hình ảnh và những chiến công của các anh hùng như: Hồ Vai, Hồ Kan Lịch, Hồ A Nun, Hồ Thị Đom...

**Hồ Vai:** Hồ Đức Vai, tức A Vai sinh năm 1940, ông là người dân tộc thiểu số đầu tiên ở miền Nam được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1965, người được gặp Bác Hồ 5 lần. Ông là biểu tượng cho sự chiến đấu ngoan cường, mưu lược một thời của dân tộc Việt Nam. Hồ Vai từng chỉ huy bộ đội địa phương đánh địch tại đồn A Lưới (năm 1965), đánh đồn A So (năm 1966), thu thắng lợi lớn. Năm 1964, ông Vai cùng Pi Năng Tắc (dân tộc Rắc Lây, tỉnh Ninh Thuận) là 2 du kích người dân tộc thiểu số được mời dự Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn miền Nam và được phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**Hồ Thị Đom:** Tên gọi khác là Kăn Đom, sinh năm 1940, dân tộc Pa Cô, quê ở thôn Kăn Tôm, xã Hồng Thượng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên. Tham gia cách mạng năm 1959, nhập ngũ năm 1966. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, tên tuổi của nữ Anh hùng Kăn Đom vang dội khắp vùng đất cách mạng A Lưới. Không một địa danh nào mà không có dấu chân của bà Kăn Đom. Nào là Hồng Hạ, A Ngo, nào là những trận đánh lớn ở làng Kăn Tôm, Kôn Tút, Rapat, Khe Máu, đèo Mẹ Oi, Kim Quy, Mỏ Qua,

<sup>6</sup> Xã Hồng Quảng có 300 người, xã Hương Lâm có 51 người chết vì chất độc da cam. Theo số liệu thống kê của huyện A Lưới

<sup>7</sup> Theo hồ sơ tư liệu Cục Di sản văn hóa

sông A Sáp, đồi A Bia...

Trong đó, trận đánh đồi A Bia giữa vùng núi rừng gần biên giới Việt - Lào ở địa phận xã Hồng Bắc (huyện A Lưới) là trận đánh ác liệt nhất ở vùng đất A Lưới mà Anh hùng Kăn Đom có công rất lớn. Kăn Đom chỉ huy một đại đội chiếm giữ được máy bay và pháo binh yểm trợ, diệt 51 tên địch, thu 8 súng và nhiều đồ dùng quân sự, bắn rơi 2 máy bay lên thẳng (riêng Kăn Đom diệt và làm bị thương 17 tên Mỹ).

**Hồ Kan Lịch:** Sinh năm 1943, cháu ruột của Hồ Vai, cũng là một biểu tượng đẹp của gia đình họ Hồ - những đứa con của đồng bào Pacô ở A Lưới. Bà Kan Lịch được phong Anh hùng lực lượng vũ trang vào tháng 7/1967, với 49 trận chiến mang dấu ấn “*Kan Lịch*”, giết 150 tên địch, một mình bắn rơi 1 chiếc máy bay giặc chơ trên 50 tên và nhiều trận chiến oanh cường đầy hào khí của người phụ nữ dân tộc ít người - “lòng gang dạ sắt”. Kan Lịch được vinh dự 7 lần gặp Bác.

**Hồ A Nun:** Sinh năm 1944, em ruột của bà Kan Lịch, người được mệnh danh là kiện tướng gùi hàng. Trong vòng từ năm 1961 đến 1969, Hồ A Nun gùi 179 tấn vũ khí (*trong 7 năm anh đã gùi trên vai 138 tấn hàng tính ra phải dùng 63 ô tô loại trọng tải 2,5 tấn mới chuyên chở hết số hàng đó, tương đương một đoàn xe chiến lược*<sup>8</sup>). Có lúc gùi 192 kg trên núi đồi 30 km và được báo chí trong ngoài nước thời bấy giờ xướng danh, ngợi ca. Với những chiến công đó, ông Hồ A Nun được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1969.

Đồng bào các dân tộc miền núi Thừa Thiên Huế, dưới sự lãnh đạo của Đảng, một lòng một dạ theo Đảng, theo bác Hồ, đóng góp sức người sức của cho chiến trường, những chiến công thầm lặng đó đã góp phần to lớn trong việc xây dựng, chiến đấu và bảo vệ hệ thống đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, một địa bàn đã từng là hậu phương trực tiếp, vừa là cửa ngõ của tuyến đường, một nơi đã vinh dự gánh sứ mệnh lịch sử nặng nề, giữ liền mạch máu giao thông, giữ vững một hành lang chiến lược cực kỳ quan trọng, là “cuống họng”, là nơi dồn sức mạnh của hậu phương lớn miền Bắc Xã hội chủ nghĩa đến với tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng. Thừa Thiên Huế cũng chính là nơi đã cùng cả nước đổ biết bao mồ hôi và xương máu để tạo ra và phát triển tuyến đường này cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Trong trang sử hào hùng của đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh, lực lượng công binh Trường Sơn và Đảng bộ, nhân dân Thừa Thiên Huế vinh dự, tự hào, đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình trong chiến công chung của toàn dân tộc. Mỗi dấu ấn lịch sử (di tích) trên con đường huyền thoại ấy là những sự kiện vô cùng quan trọng gắn liền với sự tồn tại, trưởng thành, phát triển của lịch sử con đường. Con đường ấy, huyền thoại ấy đang chuyển mình nối tiếp những truyền thống vẻ vang và một lần nữa tinh thần “Xe dọc Trường Sơn...” lại vang lên với khí thế hào hùng, đó là biểu tượng của ý chí quyết tâm, nghị lực, tài năng, sức sáng tạo của con người Việt Nam trong thời kỳ xây dựng đất nước. ■

<sup>8</sup> Lịch sử đảng bộ huyện A Lưới (1998), Ban chấp hành Đảng bộ huyện A Lưới, nxb Thuận Hóa, tr 116

# HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ VỀ CUỘC TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1968 Ở THỪA THIÊN HUẾ CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

■ NGUYỄN ĐỨC LỘC<sup>1</sup>

**T**rong bài thơ chúc Tết Xuân Kỷ Dậu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang  
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to  
Vì độc lập, vì tự do  
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào  
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào.  
Bắc - Nam sum họp xuân nào vui hơn.*

“Năm qua thắng lợi vẻ vang” là Bác Hồ muốn nhắc tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, quân và dân ta đồng loạt đánh địch trên toàn miền Nam, trọng tâm là Sài Gòn - Gia Định, thành phố Huế, Đường 9 Khe Sanh. Trong đó, Huế là địa bàn quan trọng thứ hai ở miền Nam, có cơ quan đại diện chính phủ Sài Gòn miền Trung và Tây Nguyên, các tổng lãnh sự quán Mỹ và nước ngoài<sup>2</sup>. Chính vì vậy, thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1968 của quân và dân Thừa Thiên Huế đã làm nức lòng đồng bào cả nước và bè bạn quốc tế, như dưới đây đề “Một thành phố bị hạ sát” đăng trên tờ Thế giới ngày 13/2/1968 đã viết: “*Nếu cần có một tượng trưng, nó đã có ngay đó là Huế, Huế sẽ ở lại như một Giécnica<sup>3</sup> của Việt Nam*”<sup>4</sup>. Thắng lợi đó đã góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “Phi Mỹ hóa chiến tranh”, ngừng ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh, mở ra bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Huế - Xuân 1968 đã đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc và của Đảng bộ, nhân dân Thừa Thiên Huế với những trang sử hào hùng, chói lọi. Mỗi tên đất, tên làng, tên đường phố đều ghi dấu những chiến công lẫy lừng. Ngày nay, những địa danh đó đã trở thành những di tích có giá trị lịch sử, được phân bố trên khắp địa bàn của thành phố Huế và các huyện.

Liên quan tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, có rất nhiều di tích lịch sử vẫn đang được chính quyền và Nhân dân Thừa Thiên Huế gìn giữ, phát huy, trở thành “địa chỉ đỏ” để giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam cho các thế hệ đặc biệt là thế hệ trẻ.

<sup>1</sup> Giám đốc Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế

<sup>2</sup> Nguyễn Văn Quang (2018), *Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Huế*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 - Bài học lịch sử, Đại học Huế, tr.337.

<sup>3</sup> Bức tranh “Guernica” - 1937, của danh họa Tây Ban Nha Pablo Picasso (1881-1973) là tiếng nói đánh thép chống chiến tranh phi nghĩa, chống bạo lực phân lại nhân dân, chống phát xít, chống tập đoàn Franco, bảo vệ hòa bình và quyền sống của con người.

<sup>4</sup> Nguyễn Thị Hiền (2018), Ý nghĩa lịch sử của cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968 ở Huế - 50 năm nhìn lại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 - Bài học lịch sử, Đại học Huế, tr.409.

## I. MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ LIÊN QUAN TỚI CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1968 Ở THỪA THIÊN HUẾ

### 1. Địa điểm trận đánh của 11 cô gái sông Hương

Cuối năm 1967, chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, Thành ủy thành phố Huế chọn 11 cô gái thôn Vân Thê, xã Thanh Thủy, huyện Hương Thủy, tuổi đời mới mười tám, đôi mươi thành lập một Tiểu đội, lấy tên Tiểu đội 11 cô gái sông Hương. Tiểu đội do Phạm Thị Liên làm Tiểu đội trưởng, Đỗ Thị Cúc làm Tiểu đội phó và các chiến sĩ: Hoàng Thị Sao, Đỗ Thị Hoa, Hoàng Thị Hết, Nguyễn Thị Diên, Nguyễn Thị Hợi, Nguyễn Thị Hoa, Hoàng Thị Nở, Chế Thị Mừng, Nguyễn Thị Xê.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, Tiểu đội 11 cô gái sông Hương được giao nhiệm vụ: Trinh sát nắm tình hình địch trên thành phố Huế, dẫn đường cho bộ đội vào các mục tiêu tấn công theo hướng đông nam thành phố, tổ chức tiếp nhận và vận chuyển lương thực về Trạm phẫu thuật tiền phương, tổ chức tiếp tế cho bộ đội.

Đúng đêm 30 Tết năm 1968, Tiểu đội chia làm nhiều tổ, dẫn bộ đội đánh chiếm nhiều mục tiêu trong nội thành phố Huế. Quân địch bị đánh bất ngờ, trở tay không kịp, thiệt hại vô cùng nặng nề. Đúng 9 giờ ngày 31/01/1968, chiến sĩ Nguyễn Văn Tuyển kéo cờ giải phóng lên Kỳ đài, hàng vạn người dân thành phố hân hoan xuống đường ăn mừng chiến thắng.

Sau những đòn phủ đầu của quân và dân Thừa Thiên Huế, bọn địch mất tinh thần, phải hơn 10 ngày chúng mới tổ chức lực lượng phản công. Đến ngày 11/2/1968, đồng chí Bảy - Chính trị viên Tiểu đoàn K.10 báo tin cho chị Liên biết địch sẽ đưa Tiểu đoàn 2/4 từ Phú Bài lên “giải vây” khu vực làng Phú Xuân (nay là phường Xuân Phú, thành phố Huế). Đây là vị trí quan trọng, là địa bàn tấn công trực tiếp vào khách sạn Hương Giang, Thuận Hoá, Ty Công an của chính quyền Sài Gòn nên chúng quyết tâm chiếm lại. Nhiệm vụ cấp trên giao cho K.10 là phải giam chân địch một ngày chờ chi viện đến. Tuy nhiên, lúc này lực lượng của ta ở đây không nhiều. Trước tình hình đó, chị Liên và đồng đội đã quyết tâm sát cánh cùng các đồng chí bộ đội K.10 trực tiếp đánh Mỹ.

Trận địa kéo dài từ chợ Cống đến sân vận động, tiểu đoàn lính Mỹ được trang bị hiện đại có xe tăng, xe bọc thép, máy bay, pháo binh yểm trợ tấn công chiếm khách sạn Hương Giang và trường Đại học Sư phạm. Tiểu đội và các chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương triệt để lợi dụng địa hình, địa vật đánh địch nhiều mũi, nhiều hướng, làm cho kẻ thù lúng túng, bị động. Đến chiều tối ngày 12/2/1968, địch liên tiếp tổ chức nhiều đợt tấn công, càng về cuối càng ác liệt, quân Mỹ dùng cả đạn hơi độc, loa kêu gọi đầu hàng. Sau mỗi đợt phản kích, các chị lại củng cố trận địa, cùng với bộ đội chủ lực kiên cường đánh giặc. Chính vì vậy, mặc dù có hỏa lực hiện đại nhưng quân Mỹ, quân Sài Gòn thiệt hại nặng nề, bị tiêu diệt tại chỗ 70 tên, bắn cháy 4 xe tăng giữa mảnh đất Cổ đô. Trong trận này, Tiểu đội hy sinh 2 đồng chí là Hoàng Thị Sao, Đỗ Thị Hoa.

Chiều ngày 25/2, địch tiếp tục dùng một lực lượng rất mạnh để đánh phản kích quân ta. Tiểu đội chặn đánh địch quyết liệt trên đường Nguyễn Công Trứ. Trận đánh diễn ra không cân sức, Tiểu đội hy sinh thêm 2 đồng chí nữa. Đó là đồng chí Nguyễn Thị Diên, Hoàng Thị Hết. Kết thúc chiến dịch Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968, Tiểu đội còn lại 7 đồng chí, sau đó thành lập Trung đội Võ Thị Sáu. Khi nghe kể về tinh thần chiến đấu của tiểu đội nữ du kích sông Hương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khen và tặng bài thơ:

*Dũng dạc trong tay khẩu súng trường  
Khôn ngoan dàn trận khắp trong phường  
Bác khen các cháu dân quân gái  
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương...*

Từ năm 1969-1975, 2 trong số 7 người còn lại của tiểu đội sông Hương cũng đã anh dũng hy sinh, đó là tiểu đội phó Nguyễn Thị Cúc (hy sinh ngày 15/9/1969) và tiểu đội trưởng Phạm Thị Liên (24/4/1972). Năm 1994, Phạm Thị Liên được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, ở thành phố Huế có một con đường mang tên chị. Ngày 2/9/2008, Tiểu đội du kích 11 cô gái sông Hương vinh dự được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân vì những chiến công xuất sắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1998, Bia tưởng niệm 11 cô gái sông Hương được xây dựng ở gần sân vận động Tự Do, đường Bà Triệu, thành phố Huế. Đến năm 2016, tỉnh khánh thành Bia chiến công 11 cô gái sông Hương tại công viên phường Vỹ Dạ do cán bộ viên chức lao động,



*Bia chiến công 11 cô gái sông Hương tại công viên phường Vỹ Dạ  
(đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế)*

lực lượng vũ trang, hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, nữ tu các tôn giáo, các doanh nghiệp và nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đóng góp. Đây trở thành địa điểm sinh hoạt văn hóa, thấp lửa truyền thống cho thế hệ trẻ.

## **2. Địa đạo Khu ủy Trị - Thiên Huế**

Địa đạo Khu ủy Trị Thiên Huế nằm ở khu vực Khe Trái, xã Hương Vân, huyện Hương Trà (nay là phường Hương Vân, thị xã Hương Trà) tỉnh Thừa Thiên Huế, cách thành phố Huế khoảng 25 km theo hướng Tây Bắc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chiến trường Trị Thiên nói chung, Thừa Thiên Huế nói riêng luôn là điểm nóng. Giữa năm 1967, thế và lực của ta trên chiến trường phát triển mạnh mẽ. Nắm vững thời cơ, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế chủ trương chỉ đạo các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là thành phố Huế phá thế kìm kẹp, phát triển cơ sở cách mạng trong lòng địch, xây dựng địa bàn để các đội biệt động, trinh sát, an ninh vũ trang và cán bộ chính trị bám trụ xung quanh Huế, làm bàn đạp để tấn công quân sự, chính trị vào nội thành Huế và các trung tâm căn cứ của địch, mở rộng vùng giải phóng, từng bước tăng cường sự chỉ đạo xây dựng các căn cứ địa cách mạng ở khu vực giáp ranh. Tháng 8/1967, Trung ương Đảng chỉ thị cho Khu ủy và Quân ủy Trị Thiên Huế chuẩn bị mọi mặt để tổ chức tấn công và nổi dậy ở Huế. Và địa đạo khu ủy Trị Thiên Huế ra đời trong hoàn cảnh đó.

Địa đạo được đào để đảm bảo cho Thường vụ Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Tư lệnh Mặt trận Huế hoạt động. Đồng chí Tư Minh - Phó Bí thư Khu ủy, Bí thư Thành ủy Huế chỉ huy mặt trận và đồng chí Đặng Kinh - Phó Tư lệnh quân khu, Ủy viên thường vụ Khu ủy trực tiếp chỉ đạo, lực lượng đào địa đạo chủ yếu là đội công an bảo



Toàn cảnh địa đạo Khu ủy Tru Thien Hué

vệ, đa số là người dân tộc thiểu số.

Sau khi hoàn thành, địa đạo là cơ quan đầu não của Khu ủy Tru Thien, Thành ủy Hué, chỉ đạo mọi hoạt động của lực lượng quân giải phóng trước và sau cuộc tấn công mùa Xuân năm 1968. Tại địa đạo đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng đi đến những quyết định đúng đắn, góp phần to lớn vào sự thành công của cuộc Tổng tiến công

và nổi dậy mùa Xuân 1968 trên địa bàn Thừa Thiên Hué.

Địa đạo khu ủy Tru Thien là bằng chứng hùng hồn về sức mạnh, thế trận chiến tranh nhân dân là sự phát huy cao độ sức mạnh của ba thứ quân, trên cả ba vùng chiến lược, làm giàu cho kho tàng lý luận quân sự Việt Nam, nghệ thuật chiến tranh nhân dân của quân đội Việt Nam. Di tích địa đạo Khu ủy Tru Thien Hué được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia tại Quyết định số 310-QĐ/BT ngày 13/11/1996).

Vào ngày 05/10/2022, tỉnh Thừa Thiên Hué khánh thành dự án Bảo tồn, phát huy khu chứng tích tại di tích Địa đạo Khu ủy Tru Thien Hué. Trong đó gồm các hạng mục: Tu bổ, phục hồi 3 cửa hầm địa đạo theo nguyên trạng bằng bê tông cốt thép; phục dựng, tôn tạo 1 bếp Hoàng Cầm của Huyện ủy Hương Trà; phục dựng, tôn tạo 2 hầm cảnh vệ số 1 và số 3, diện tích mỗi hầm khoảng 3m<sup>2</sup>. Ngoài ra còn xây dựng hệ thống giao thông hào bao quanh theo nguyên trạng; xây mới nhà bia tưởng niệm; dựng bia đá tự nhiên nguyên khối, khắc chữ theo nội dung tưởng niệm của di tích; xây dựng chòi nghỉ dừng chân diện tích khoảng 44m<sup>2</sup>; xây dựng mới cầu tàu kích; lắp cột thủy chí bằng bê tông cốt thép theo tiêu chuẩn; xây dựng đường dẫn lên địa đạo và vào các cửa hầm dài khoảng 472m; trang bị hệ thống PCCC, bể nước ngầm và hệ thống chống sét.

Việc tu bổ, tôn tạo di tích Địa đạo Khu ủy Tru Thien Hué là nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân từ bao thế hệ, đáp ứng nhu cầu mong muốn tham quan của cộng đồng, nhất là các Cựu chiến binh đã từng chiến đấu, hoạt động tại đây. Đây cũng là “địa chỉ đỏ” giáo dục truyền thống cách mạng, là điểm đến hấp dẫn của tour tham quan di tích lịch sử kết hợp với trải nghiệm dịch vụ du lịch sinh thái ở khu vực lân cận.

### 3. Cụm địa đạo Động So-A Túc

Di tích lịch sử cụm Địa đạo động So-A Túc thuộc dãy A Túc, trên địa phận thôn TânR Hôi, thôn A Lê Ninh, Xã Hồng Bắc, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Hué.

Địa bàn huyện A Lưới trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là căn cứ địa cách mạng vững chắc của Tỉnh Thừa Thiên Hué. Giữa những ngày tháng ác liệt nhất của các cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965-1967), để chuẩn bị sức người, sức của cho các chiến trường miền Nam, mà trước hết là tập trung



lực lượng cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Quân khu Trị Thiên Huế sau một thời gian khảo sát địa hình đã quyết định chọn khu vực dưới chân núi A Túc, A So thuộc địa bàn thôn TânR Hối và A Lê Ninh, xã Hồng Bắc, nơi rất gần đường Hồ Chí Minh làm điểm tập kết, trung chuyển vũ khí, quân trang, quân dụng, đồng thời cũng là điểm lưu trú của nhiều đơn vị quân đội, đoàn công tác trong Nam ngoài Bắc khi đi qua đây và cụm Địa đạo Động So-A Túc ra đời nhằm đáp ứng những yêu cầu cấp bách đó.

Cụm địa đạo Động So-A Túc khoảng 10 cái, được thiết kế theo hình chữ U, cửa vòm cao 1,55m-1,8m, rộng 1,2m, dài từ 12 đến 18m. Cụm địa đạo Động So-A Túc gắn liền với sự lớn mạnh và phát triển của tuyến đường mang tên Bác là niềm tự hào của quân dân Thừa Thiên Huế anh hùng, đã được xếp hạng là di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia tại Quyết định số 45/2005/QĐ-BVHTT ngày 22/8/2005 của Bộ Văn hóa và Thông tin.



*Cụm địa đạo Động So-A Túc (Nguồn: Internet)*

#### **4. Địa đạo A Đon**

A Đon là một ngọn đồi, thuộc xã Hồng Quảng, huyện A Lưới, cách thị trấn A Lưới khoảng 3 km về phía Tây, cách thành phố Huế 72 km về phía Tây Bắc.

Tại đây, trong những ngày diễn ra cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, dưới sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, sự góp sức của Đài Tiếng nói Việt Nam, Thường vụ Khu ủy quân khu Trị Thiên Huế đã quyết định đào địa đạo để đặt hệ thống phát thanh giải phóng của quân khu Trị Thiên Huế. Lực lượng đào địa đạo bao gồm một trung đội công binh của Binh trạm 7, Đường 559 và Trung đội dân quân tự vệ người dân tộc của huyện A Lưới. Sau một thời gian làm việc khẩn trương, hệ thống hầm, công sự được hình thành bao gồm 2 đường hầm (địa đạo) khá kiên cố ăn sâu vào lòng đất, nằm ở hai khu vực khác nhau, cách nhau khoảng 30 m (Khu vực địa đạo 1 nằm ở phía đông nam của đồi A Đon; Khu vực 2 nằm ở phía Tây Bắc của đồi A Đon). Sự xuất hiện kịp thời của Đài Phát thanh giải phóng quân khu Trị Thiên Huế, đã kịp thờ cổ vũ, động viên tinh thần các cán bộ chiến sĩ, góp phần làm nên thắng lợi của quân dân Trị Thiên Huế trong những ngày này.



*Địa đạo A Đon (Nguồn: Internet)*

Địa đạo A Đon là bằng chứng hùng hồn về trí thông minh, sáng tạo của quân và dân ta, vượt qua mọi khó khăn thử thách để chuyển những thông tin liên lạc cần thiết

phục vụ cho chiến trường. Với những giá trị khoa học, lịch sử, Địa đạo A Đơn đã được UBND tỉnh công nhận là di tích lịch sử cách mạng cấp Tỉnh theo Quyết định số 4296/QĐ-UBND ngày 21/12/2005.

### **5. Đình Vân Thê**

Đình Vân Thê thuộc xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), cách Huế 6 km về phía đông nam. Đây là địa điểm đặt Sở chỉ huy của cánh Nam Huế, nơi tập kết của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương đánh vào thành phố Huế.

Di tích được xếp hạng quốc gia theo Quyết định số 958-QĐ/VH ngày 7/5/1997.

## **II. NHỮNG ĐỊA ĐIỂM, ĐỊA DANH LIÊN QUAN TỚI CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1968 Ở THỪA THIÊN HUẾ**

Ngoài những di tích nêu trên, còn có nhiều địa điểm, địa danh tiêu biểu như: Cửa Đông Ba, Cửa Chánh Tây, Cửa Thượng Tứ, Cửa An Hòa... là những nơi giao tranh ác liệt giữa ta và địch trong suốt hàng chục ngày đêm, bộ đội ta đã anh dũng đánh trả nhiều đợt phản kích của địch. Đồn Mang Cá (phường Thuận Lộc), nơi ta tấn công Sở Chỉ huy Sư đoàn 1 bộ binh ngụy; sân bay Tây Lộc (phường Tây Lộc), ta tổ chức nhiều đợt tấn công địch với quy mô lớn; núi Tam Thai (Phường An Tây), là địa điểm diễn ra trận đánh tiêu diệt Lữ đoàn 7 Thiết giáp ngụy; Lao Thừa Phủ (Phường Vĩnh Ninh), ta giải phóng 2.200 người bị địch bắt giam; tòa Tỉnh trưởng (Phường Vĩnh Ninh), ta đánh chiếm tiêu diệt một Phó Tỉnh trưởng và bắt sống một Phó Tỉnh trưởng khác, thu nhiều tài liệu... Miếu Đại Càn, khách sạn Hương Giang, khách sạn Thuận Hóa, Đài Phát thanh Huế, cầu An Cựu, cổng Thủy Quan, cầu Lòn, Đập Đá, kho xăng chợ Dinh, cầu Bạch Hổ, Văn Thánh, Kim Long, khu phố Gia Hội, chợ Đông Ba, cầu Kho Rèn, nhà thờ Phủ Cam... và ở các huyện như: Đồn Thanh Thủy Chánh, đồn Bàu Sen, đồn Xuân Hòa, khu vực An Thủy, Mỹ Thủy, Lương Miêu, Dương Hòa (Hương Thủy); Tứ Hạ, Bồn Trì, Bồn Phở, Hương Càn (Hương Trà); Cầu Hai, cầu Nước Ngọt, đồn An Bằng, đồn Thừa Lưu (Phú Lộc); Sịa, đồn Phở Lại, Thủ Lễ, Phước Yên, An Thành (Quảng Điền); Cửa Thuận An (Phú Vang); An Lỗ, Phò Trạch, Thanh Hương (Phong Điền)...

## **III. CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC DI TÍCH, ĐỊA ĐIỂM, ĐỊA DANH LIÊN QUAN TỚI CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1968 Ở THỪA THIÊN HUẾ**

Cùng với công tác bảo tồn, tôn tạo di tích, công tác phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử về cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân 1968 ở Huế đã được lãnh đạo các cấp quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo.

Trong những năm qua, Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế đã tích cực sưu tầm, tuyên truyền, giới thiệu về sự kiện Xuân 1968 với nhiều hình thức như: Phối hợp với các trường Đại học ở Huế, các địa phương, lực lượng vũ trang, Cựu chiến binh tổ chức các đợt sưu tầm tư liệu, hiện vật; Tổ chức triển lãm lưu động, chuyên đề, trưng bày ảnh, phim tư liệu về chiến dịch Xuân 1968 ở Thừa Thiên Huế phục vụ khách tham quan, đặc biệt là phối hợp với các trường học tổ chức cho học sinh, sinh viên sinh hoạt ngoại khóa tìm hiểu về lịch sử đấu tranh của quân và dân ta, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về di tích lịch sử cách mạng, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến Xuân 1968... Bên cạnh đó, một số di tích như Địa đạo Khu ủy Trị Thiên Huế, Địa điểm ghi dấu các trận đánh của 11 cô gái sông Hương, Địa điểm Cửa Chánh Tây, Kỳ Đài... đã phát huy có hiệu quả, hàng năm đều có các đoàn tổ chức hành hương về chiến khu xưa, dâng hoa tại bia 11 cô gái sông Hương, ...

Hệ thống di tích về cuộc Tổng tấn công, nổi dậy mùa Xuân 1968 là những di tích tiêu biểu trong toàn bộ hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn Thừa Thiên Huế. Bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích này là thể hiện đạo lý “*Uống nước, nhớ nguồn*”; Thể hiện trách nhiệm, tình cảm thiêng liêng và lòng tự hào của Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế đối với những thế hệ đã đóng góp công sức, xương máu của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương đồng thời còn góp phần xây dựng một môi trường sinh thái văn hóa tốt đẹp cho hôm nay và mai sau theo phương châm: Hội nhập, phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong những năm tới, bên cạnh việc thu hút đông đảo khách trong và ngoài nước đến với di sản văn hóa Huế thì hệ thống di tích lịch sử cách mạng, trong đó có các di tích về cuộc tổng tấn công, nổi dậy mùa Xuân 1968 sẽ làm phong phú, đa dạng thêm loại hình tham quan, du lịch, không chỉ góp phần vào việc giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ mà còn là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà. ■

## “NGHĨA TRƯNG XỨ” LÀNG MỸ LỢI

■ TIẾN VINH

**T**rong một chuyến thực địa, chúng tôi đã phát hiện một nghĩa trang đặc biệt ở làng Mỹ Lợi (Vinh Mỹ, Phú Lộc), dành riêng cho những người không có gia đình, bà con thân thích. Trung tâm của nghĩa trang là một nơi đặt tấm bia đá khắc ba chữ Hán lớn “Nghĩa Trưng xứ” với lịch sử gần 1,5 thế kỷ.



“Nghĩa Trưng xứ” ở làng Mỹ Lợi là nơi an nghỉ cuối cùng cho những người qua đời không có gia đình, không có họ tộc, nằm giữa một bãi cát lớn thuộc thôn 2. Hằng năm vào ngày tết Thanh Minh (ngày 4 hoặc 5 tháng 4 âm lịch), cư dân làng Mỹ Lợi tổ chức lễ “chạp mả làng” - một nghi lễ truyền thống để tưởng nhớ và thờ cúng tổ tiên của con dân trong làng.

Khu nghĩa trang vẫn còn tấm bia cổ nhỏ khoảng 40cm x 70cm, khắc ba chữ “Nghĩa Trưng xứ”, phía bên phải ghi dòng chữ nhỏ “Tự Đức Bính Tý niên thất nguyệt cát nhật” (ngày tốt tháng Bảy năm Bính Tý đời Tự Đức), tức năm 1876, dòng bên trái ghi “Mỹ Lợi áp phụng kiến” (Áp Mỹ Lợi kính dựng).

Theo tài liệu được lưu trữ tại làng Mỹ Lợi, bia “Nghĩa Trưng” có nguồn gốc từ thời danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), người xuất thân từ làng Bác Vọng, huyện Quảng Điền ngày nay. Nguyên từ thời trẻ, ông đã giàu lòng nhân đạo, nhất là đối với người lao động vất vả và nghèo khó, thông cảm với kẻ sống, ông còn thương cho kẻ chết, đặc biệt chết lạc loài, mồ mả không hương khói.

Vào năm 1857, ông Đặng Huy Trứ được điều đến Thanh Hoá làm Thông phán Ty Bố chánh sứ. Ông đã lập một “Nghĩa Trưng” ở huyện Quảng Xương để chôn cất những người chết không có người thân. Sau khi được chuyển đến làm Ty Bố chánh xứ Quảng Nam, ông tiếp tục cho lập một Nghĩa Trưng khác phía đông ngoại thành thuộc xã La Qua với quy mô rộng rãi... Nhưng ông nghĩ làm vậy chẳng qua là tự phát và bó hẹp trong một hai huyện, chi bằng biến thành “quốc sách” để cứu mang những cô hồn không chốn nương thân, vừa làm quang sạch môi trường, ngăn ngừa dịch bệnh. Năm Tự Đức 17 (1864), ông dâng sớ lên vua đề xuất của mình và được đáp ứng ngay.

Vua Tự Đức chuẩn cho “trong kinh, ngoài các tỉnh cùng xã dân xây dựng nghĩa địa mồ mả. Ở kinh thời những nơi An Vân, Đốc Sơ, bên cạnh đường thiên lý, ở ngoài các

tỉnh thời các nơi quanh tỉnh, đều do các thượng ti thông sức cho trong hạt, từ trước tới nay và sau cũng thế, nếu có người chết đường mà chôn ở bên cạnh đường xác thực không có người đến nhận đều do thượng ti chi của và khuyến miễn các người có lòng từ thiện, gom góp mà làm, mỗi mộ tiền 1 quan 5 tiền, vải trắng 15 thước, sức cho thuộc hạ đưa đến chỗ mộ, bảo dân bóc lấy hài cốt lên để hợp táng tất cả, hằng năm cùng với ba sở chọn một khu đất hoang cao ráo, xung quanh bồi đắp lũy đất, dựng bia khắc ba chữ Nghĩa Trũng Xứ’.

Theo cụ Nguyễn Hải, cụ Trưởng làng Mỹ Lợi, bia “Nghĩa Trũng xứ” của làng được dựng sau hai năm ông Đặng Huy Trứ mất, hiện có hơn 80 mộ. Những người từng là khai canh, sống và gắn bó lâu đời với Mỹ Lợi, như họ Sào, họ Đỗ, họ Bùi, họ Đồng, khi qua đời đều được đưa về Nghĩa Trũng. Các cụ có công với làng thường được xây dựng lăng mộ, còn những người khác được dựng bia ghi “mộ làng” nhằm phân biệt với các ngôi mộ khác, để con dân trong làng hằng năm tiện bề chăm nom, hương khói. Thế hiện nghĩa cử cao đẹp “uống nước nhớ nguồn” của con cháu đời sau, đối với thế hệ ông cha đi trước với công cuộc khai phá, thành lập làng.

Vào năm 2002, bà con trong làng đã tổ chức vận động, quyên góp nâng cao, xây dựng thêm phần mái che cho bia “Nghĩa Trũng xứ”. Nhờ đó, “Nghĩa Trũng xứ” Mỹ Lợi giờ đây trở nên khang trang hơn.

Nhìn vào “Nghĩa Trũng xứ” Mỹ Lợi, chúng ta có thể thấy sự tôn trọng và tri ân của con dân trong làng đối với những người đã có công với làng. Đây không chỉ là nơi an nghỉ cuối cùng của những người không có gia đình, tuyệt tự tuyệt tôn, mà còn là biểu tượng của lòng biết ơn và tình cảm đối với ông bà tổ tiên. “Nghĩa Trũng xứ” làng Mỹ Lợi là một nơi đáng tự hào và đáng trân trọng trong lịch sử và văn hóa hình thành và phát triển của làng này. ■

## BẢO TÀNG MỸ THUẬT HUẾ ĐỒNG HÀNH VỚI FESTIVAL BỐN MÙA 2023

■ Bài và ảnh: NGUYỄN QUANG TRUNG



Festival Huế là một sự kiện văn hóa lớn của Việt Nam, có quy mô quốc gia, quốc tế. Khởi đầu là Festival Huế 2000 đã thu hút sự tham gia của các vùng văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam và tiếp cận với nghệ thuật đương đại của Pháp, gắn mở rộng giao lưu văn hóa với phát triển kinh tế du lịch, từng bước tiếp thu công nghệ Festival quốc tế, xây dựng Huế xứng đáng là thành phố Festival của Việt Nam. Sau thành công của Festival Huế 2000, Festival Huế các kỳ tiếp theo được tổ chức với sự phối hợp giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và các đối tác trong khối ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia khác đã tạo tiếng vang lớn trong và ngoài nước, làm cơ sở để Chính phủ cho phép “*Xây dựng thành phố Huế trở thành thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam*” và tiếp tục chỉ đạo tổ chức các kỳ Festival quốc tế định kỳ theo Quyết định số 143/2007/QĐ-TTg ngày 30/8/2007 phê duyệt Đề án xây dựng thành phố Huế trở thành thành phố Festival với mục tiêu: Xây dựng thành phố Festival Huế mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế với đặc trưng của Việt Nam; xây dựng Huế trở thành thành phố du lịch trong mối gắn kết hài hòa với thành phố Festival.

Trên cơ sở kết nối, khai thác thế mạnh các sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa dân gian, lễ hội dân gian diễn ra quanh năm trên địa bàn tỉnh, xây dựng Huế thực sự trở thành một thành phố lễ hội với các hoạt động chuyên nghiệp, đa dạng, đa lĩnh vực trải suốt bốn mùa trong năm, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách cũng như đời sống văn hóa của cư dân Huế; đồng thời khai thác thế mạnh các di tích, điểm du lịch, các giá trị văn hóa

lịch sử trên địa bàn; Festival được phân bố 4 mùa trong năm nhằm thu hút du khách, phát triển kinh tế - xã hội, để Huế thực sự là thành phố festival đặc trưng của Việt Nam.

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, trong Lễ hội mùa Xuân và mùa Hạ của Festival bốn mùa năm 2023, Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã đóng góp vào thành công chung của Lễ hội bằng các hoạt động trưng bày triển lãm, trải nghiệm với mục tiêu góp phần giới thiệu, tôn vinh và quảng bá giá trị văn hóa Việt Nam, truyền thống văn hóa Huế đến với công chúng, du khách và bạn bè quốc tế.

Lễ hội mùa Xuân có nhiều hoạt động, nhiều lễ hội truyền thống nhất trong năm, một trong những điểm mạnh để khai thác nhằm phục vụ nhu cầu du khách tìm hiểu về nét văn hóa truyền thống dân tộc của địa phương. Mở đầu cho Lễ hội mùa Xuân là chuỗi hoạt động của Lễ hội đền Huyền Trân diễn ra trong 02 ngày mùng 8 và mùng 9 tháng Giêng năm Quý Mão 2023 nhằm ngưỡng vọng tiền nhân. Trong khuôn khổ Lễ hội Đền Huyền Trân, Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã tổ chức trưng bày triển lãm bộ sưu tập tranh dân gian Việt Nam với chủ đề “*Sắc Xuân*” cùng hoạt động trải nghiệm in tranh dân gian làng Sinh, Đông Hồ. Triển lãm “*Sắc Xuân*” trưng bày và giới thiệu đến công chúng 60 bức tranh tiêu biểu về đề tài mùa xuân, Tranh Tết, được chọn lọc từ bộ sưu tập mỹ thuật dân gian truyền thống của Bảo tàng Mỹ thuật Huế với 4 dòng tranh dân gian nổi tiếng như: Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống, Kim Hoàng (Hà Nội) và tranh làng Sinh (Huế). Tranh dân gian ngày Tết là thứ không thể thiếu trong nếp văn hóa của nhiều gia đình người Việt. Dù là dòng tranh dân gian nào cũng có một điểm chung là đều mang ý nghĩa chúc tụng, thể hiện ước vọng, mong chờ ở một năm mới sắp đến. Tranh Tết thể hiện khát vọng ấm no, sum vầy, hạnh phúc đón mừng năm mới, là thông điệp, gửi lời cầu chúc cho gia chủ một năm phát tài phát lộc, vạn sự như ý. Hoạt động trưng bày triển lãm và trải nghiệm in tranh dân gian tại Lễ hội đền Huyền Trân đã góp phần tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi trong những ngày đầu năm mới và Tết cổ truyền của dân tộc, phục vụ nhu cầu tìm hiểu và hưởng thụ mỹ thuật dân gian Việt Nam cho người xem và du khách, đó cũng là lời chúc tốt đẹp, hạnh phúc, bình an mà Bảo tàng Mỹ thuật Huế muốn gửi tới công chúng, du khách và tất cả mọi người nhân dịp đầu Xuân Quý Mão; đồng thời góp thêm sắc màu tươi thắm cho Lễ hội mùa Xuân.

Tiếp nối thành công và ý nghĩa của Chương trình “Hành trình ký họa di sản Cổ đô Huế 2020, 2021, 2022”; Bảo tàng Mỹ thuật Huế phối hợp với UBND huyện A Lưới tổ chức chương trình “Hành trình ký họa Nét đẹp văn hóa truyền thống A Lưới, 2023” với sự tham gia của các thành viên đến từ Nhóm Ký họa đô thị Hà Nội và các họa sĩ, nghệ sĩ Huế, những người yêu thích ký họa và văn hóa Huế yêu Huế không giới hạn tuổi tác, nghề nghiệp đến từ Hà Nội, Huế thông qua các hoạt động sáng tác hội họa, ký họa trực tiếp các khía cạnh di sản vật thể và phi vật thể như di tích lịch sử văn hóa hào hùng và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú như: dãy rừng nguyên sinh, thác A Nôl, suối Đăk Pling, Suối Pâr le, địa đạo Đông Sơn, đồi A Biah, đường Hồ Chí Minh huyền thoại; kiến trúc dân gian với các kiểu kiến trúc nhà cộng đồng của đồng bào dân tộc thiểu số như nhà Moong (nhà sàn dài) của người Pa Cô, nhà Rông của người Tà Ôi, nhà Gươl của người Cơ Tu. A Lưới là vùng đất hội tụ những sắc màu văn hóa vật thể, văn hóa phi vật



thể và văn hóa ẩm thực của đồng bào các dân tộc anh em miền núi Thừa Thiên Huế đã tạo nên bức tranh văn hóa đa dạng, nhiều màu sắc, là bảo tàng sống về kiến trúc, về phong tục tập quán, sinh hoạt hằng ngày của đồng

bào qua nhiều thế hệ. Trong xu hướng đô thị hóa hiện nay, những di sản văn hóa này đang dần bị mai một, lãng quên hoặc có thể bị phá bỏ, vì vậy cần phải được bảo tồn và gìn giữ. Do đó, “Hành trình ký họa Nét đẹp văn hóa truyền thống A Lưới, 2023” được tổ chức để góp phần bảo tồn và quảng bá những giá trị văn hóa truyền thống này. Thông qua chương trình sáng tác này, Bảo tàng Mỹ thuật Huế sưu tập gần 200 tác phẩm ký họa, bổ sung vào bộ sưu tập chuyên đề của Bảo tàng.

Cũng trong dịp này, Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã phối hợp tổ chức Triển lãm “*Đồng vọng*” nhằm trưng bày và giới thiệu các tác phẩm hội họa bằng chất liệu sơn dầu vẽ về Huế của họa sĩ Lê Văn Nhưông. “*Đồng vọng*” như là sự lưu giữ những giá trị di sản của vùng đất Cố đô, như một nhịp chậm để nhìn về Huế hôm qua, hôm nay và ngày mai. Các tác phẩm triển lãm là sự minh chứng cho tình yêu của người nghệ sĩ đối với Huế và làm lan toả thông điệp đến với cộng đồng: Hãy cùng nhau gìn giữ, bảo vệ và tôn vinh giá trị di sản văn hoá Huế. Triển lãm “*Đồng vọng*” đã mang đến cho công chúng những cảm nhận và góc nhìn mới về nét đẹp di sản văn hoá Huế qua các tác phẩm, đồng thời tạo nên sự kết nối giữa những người yêu quý và trân trọng giá trị di sản văn hoá, làm lan toả tình yêu thiên nhiên và con người trên mảnh đất Cố đô.

Festival Nghệ truyền thống Huế 2023 là một trong những hoạt động trọng tâm của Lễ hội mùa Hạ, giới thiệu và tôn vinh các làng nghề truyền thống vẫn là yếu tố tạo nên sự khác biệt của địa phương Thừa Thiên Huế để thu hút du khách. Tuần lễ Festival Nghệ truyền thống Huế “*Tinh hoa nghệ Việt*” diễn ra từ ngày 28/4/2023 đến 5/5/2023, là một trong những sự kiện của Lễ hội mùa Hạ đã được tổ chức thành công và đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người dân và du khách. Góp phần vào sự thành công của Lễ hội mùa Hạ và Tuần lễ Festival Nghệ truyền thống Huế 2023; Bảo tàng Mỹ thuật Huế cũng đã tổ chức thành công các hoạt động hưởng ứng như Triển lãm “*Một số dòng tranh dân gian tiêu biểu của Việt Nam và nghệ thủ công truyền thống Huế*”, Triển lãm gồm Nhật chủ đề “*Yakishime - Dáng hình của đất*”. Những hoạt động văn hoá nghệ





thuật của đơn vị đã bắt kịp hơi thở của thời đại và đã hoà nhập vào không khí lễ hội đầy màu sắc, sôi động, ấn tượng, hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của đông đảo công chúng và du khách.

Triển lãm “*Một số dòng tranh dân gian tiêu biểu của Việt Nam và nghề thủ công truyền thống Huế*” và các hoạt động thao diễn, trải nghiệm được xem là hoạt động tiền đề hướng ứng chuỗi các sự kiện diễn ra tại Tuần lễ Festival Nghề truyền Huế “*Tinh hoa nghề Việt*” do Bảo tàng Mỹ thuật Huế phối hợp với một số nghệ nhân nghề truyền thống tổ chức. Triển lãm trưng bày, giới thiệu đến công chúng, du khách hơn 150 bức tranh tiêu biểu, được chọn lọc từ bộ sưu tập mỹ thuật dân gian truyền thống của Bảo tàng Mỹ thuật Huế, với nhiều dòng tranh dân gian nổi tiếng như: Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống, Kim Hoàng (Hà Nội); tranh Làng Sình (Thừa Thiên Huế) và hơn 80 mộc bản các dòng tranh dân gian, mộc bản tranh thờ Nam Bộ. Trong khuôn khổ của Triển lãm, Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã trưng bày, giới thiệu sản phẩm thủ công truyền thống Huế như: tranh làng Sình, hoa giấy Thanh Tiên, nón lá Huế, điêu khắc gỗ mỹ nghệ, điều Huế, dệt Dèng A Lưới và các nghệ nhân đã hướng dẫn, giới thiệu quy trình, công đoạn tạo ra sản phẩm thủ công truyền thống; góp phần bảo tồn, quảng bá và tôn vinh giá trị văn hoá dân tộc và đưa nghề truyền thống địa phương đến với cộng đồng, du khách, kết nối du lịch, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh trưng bày giới thiệu tranh dân gian và sản phẩm thủ công truyền thống; các hoạt động trải nghiệm, giáo dục mỹ thuật có tính thực nghiệm cho công chúng, du khách yêu thích nghệ thuật dân gian và nghề truyền thống, đặc biệt là các em học sinh được tổ chức tham gia trải nghiệm in tranh dân gian Đông Hồ, Kim Hoàng, làng Sình; tham gia trải nghiệm làm các sản phẩm thủ công truyền thống như làm hoa giấy, làm điều Huế, vẽ lên nón lá, nặn tò he dưới sự hướng dẫn của các nghệ nhân. Triển lãm “*Một số dòng tranh dân gian tiêu biểu của Việt Nam và nghề thủ công truyền thống Huế*” và các hoạt động thao diễn, trải nghiệm đã tạo nên

một không gian nghệ thuật sinh động, lý thú thu hút hơn 3.000 lượt khách đến tham quan, trải nghiệm. Thông qua hoạt động này giúp cho công chúng, các em học sinh, thế hệ trẻ hiểu được giá trị và ý nghĩa các dòng tranh dân gian Việt Nam; hiểu thêm nét đặc trưng của văn hóa truyền thống qua các dòng tranh dân gian và nghề truyền thống Huế; khơi gợi lòng tự hào về bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam; góp phần quảng bá và phát huy nghề truyền thống Huế.

Tiếp tục trong chuỗi sự kiện hưởng ứng Festival Nghề truyền thống Huế, là hoạt động triển lãm gốm Nhật “*Yakishime - Dáng hình của đất*” do Bảo tàng Mỹ thuật Huế phối



hợp với Trung tâm Giao lưu văn hoá Nhật Bản tại Việt Nam tổ chức. Đây cũng là hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (21/9/1973-21/9/2023). Triển lãm “*Yakishime - Dáng hình của đất*”

trưng bày, giới thiệu đến công chúng các tác phẩm đồ gốm yakishime Nhật Bản và nhiều ảnh tư liệu về các tác phẩm gốm thuộc bộ sưu tập của Trung tâm Giao lưu văn hoá Nhật Bản. Yakishime là một kỹ thuật làm gốm nung, đồ gốm không tráng men ở nhiệt độ cao. Tuy là một trong những phương pháp sản xuất gốm cơ bản nhất, yakishime đã phát triển theo những hướng đặc biệt của Nhật Bản. Qua đó, giới thiệu một khía cạnh của văn hoá Nhật Bản qua việc nghiên cứu yakishime từ những hình mẫu sớm nhất đến các tác phẩm đương đại. Triển lãm giới thiệu hai loại đồ gốm yakishime thực dụng: dụng cụ dùng trong trà đạo - một nét văn hóa có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn hóa truyền thống Nhật Bản, và dụng cụ ăn uống - một phần thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày ở Nhật Bản. Triển lãm cũng trưng bày nhiều sản phẩm gốm phi thực dụng được sáng tạo bởi các nghệ nhân gốm đương đại làm việc với gốm yakishime. Với không gian trưng bày đẹp và hấp dẫn bên dòng Hương Giang thơ mộng, Triển lãm “*Yakishime - Dáng hình của đất*” đã thu hút hơn 13.000 lượt khách đến tham quan, thưởng lãm; làm phong phú thêm cho Festival Nghề truyền thống Huế. Hoạt động góp phần tăng cường công tác giao lưu đối ngoại, mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Nhật Bản.

Nhân kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5, Bảo tàng cũng phối hợp tổ chức triển lãm chuyên đề, Liên hoan sáng tác hội họa chủ đề: “Thiếu nhi với Bác Hồ”; tìm hiểu và trải nghiệm in tranh dân gian, tìm hiểu về thân thế và sự nghiệp

của Bác Hồ kính yêu trong khuôn khổ của Lễ hội Làng Dương Nỗ với chủ đề “Tháng Năm nhớ Bác”. Các hoạt động đã mang lại một không gian nghệ thuật sáng tạo sinh động, lý thú, khơi gợi niềm yêu thích và mong muốn tìm hiểu về nghệ thuật dân gian, văn hoá truyền thống Việt Nam đối với công chúng, du khách, đặc biệt là thế hệ trẻ, các em học sinh; đồng thời, đã tạo một sân chơi cho các em thỏa sức thể hiện năng khiếu hội họa của mình, cũng là dịp để các em có cơ hội bày tỏ, thể hiện lòng biết ơn và sự tôn kính của mình dành cho vị Lãnh tụ vĩ đại của dân tộc; cũng như thể hiện những suy nghĩ, nguyện vọng hay những thông điệp mà các em muốn gửi gắm đến cộng đồng qua những tác phẩm sáng tác của mình.

Với những hoạt động phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức đã thu hút và hấp dẫn các thành phần khách tham quan trong nước và nước ngoài, do đó, trong những tháng đầu năm 2023, qua 2 mùa Festival Mùa Xuân và Mùa Hạ; Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã đón tiếp và phục vụ gần 40 ngàn lượt khách đến tham quan, trải nghiệm tại Không gian trưng bày nghệ thuật cũng như các chương trình văn hóa nghệ thuật do Bảo tàng tổ chức.

Tuần lễ Festival Nghệ truyền thống Huế khép lại và đã tạo nên ấn tượng đẹp trong lòng công chúng, du khách về một lễ hội đa sắc màu, hấp dẫn, mang đậm nét văn hoá truyền thống đặc sắc với sự đa dạng, độc đáo của các nghề truyền thống trên khắp mọi miền đất nước và văn hoá truyền thống đặc trưng của một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc.... Hoà trong nhịp sôi động của Festival bốn mùa năm 2023, Bảo tàng Mỹ thuật Huế sẽ tiếp tục hưởng ứng bằng các hoạt động văn hoá nghệ thuật của đơn vị để góp phần xây dựng nên một sự kiện văn hoá lớn của tỉnh nhà và đất nước nhằm thực hiện mục tiêu chung: Tôn vinh và quảng bá các giá trị văn hóa Việt Nam, truyền thống văn hóa Huế gắn với phát triển kinh tế dịch vụ du lịch, thương mại, củng cố môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú với phương châm: an toàn, bình đẳng, thân thiện và nhân văn. ■



# ĐIỂM LẠI MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH NGHỆ THUẬT NỔI BẬT TẠI FESTIVAL NGHỆ TRUYỀN THỐNG HUẾ NĂM 2023

■ THÁI ĐÌNH DŨNG\*

**F**estival Nghệ truyền thống Huế là một sự kiện văn hóa, ẩm thực và nghệ thuật lớn diễn ra hai năm một lần, đã thu hút hàng triệu lượt khách tham gia, thưởng thức và khám phá vẻ đẹp tinh hoa của các làng nghề gắn với di sản văn hóa Huế. Festival Nghệ truyền thống Huế thông qua các hoạt động trưng bày - triển lãm, thao diễn, biểu diễn đặc sắc của các nghệ nhân từ các làng nghề truyền thống Huế về điêu khắc, đúc đồng, dệt thổ cẩm, làm nón lá... đã mang đến cho người xem không khí vui tươi, phấn khởi, khơi dậy tự tò mò, thích thú và nuôi dưỡng sự tự hào đối với nhiều nghề truyền thống độc đáo còn lưu giữ trên miền đất cố đô.

Đặc biệt, Festival Nghệ truyền thống Huế năm 2023 còn có sự góp mặt của nhiều chương trình nghệ thuật đặc sắc, lần đầu tiên được tổ chức như:

## **Chương trình nghệ thuật “Bàn tay người thợ”**

Chương trình nghệ thuật Khai mạc Festival Nghệ truyền thống 2023 được thiết kế, dàn dựng theo một câu chuyện xuyên suốt mang tên “Bàn tay người thợ”. Nội dung chương trình được kết nối như một câu chuyện, trong đó, phần âm nhạc được vận dụng sáng tạo, dựa trên chất liệu chủ đạo của âm nhạc Huế, nhưng trên tiết tấu hiện đại và phối khí mới mẻ, phần vũ đạo nghệ thuật có nhiều nét sáng tạo mới.

Một điểm đặc biệt khác trong Lễ khai mạc, đó là cách thiết kế sân khấu. Khác với nhiều kỳ Festival cũng như những sự kiện khác từng diễn ra ở Bia Quốc học, đó là sân khấu được trải dài từ Bia Quốc học sang công trường THPT chuyên Quốc học và hoàn toàn mở, sử dụng thực cảnh hiện hữu, không lắp đặt thêm các cấu kiện ảnh hưởng đến vẻ đẹp tuyệt tác của hai công trình mang dấu ấn lịch sử Huế. Khán giả ngồi trên hai khán đài, chiêm ngưỡng trọn vẹn chương trình nghệ thuật từ trên cao, ngắm nhìn các màn trình diễn trên sân khấu với hình ảnh đồ họa được chiếu tràn khắp quảng trường, đồng thời có thể xem qua livestream trên điện thoại thông minh hoặc xem qua màn hình LED. Đây là trải nghiệm xem hybrid, vừa offline vừa online. Du khách đến Huế lần này là dịp để chứng kiến Huế vẫn giữ được nét cổ kính nhưng không kém phần hiện đại.

## **Lễ hội Quảng diễn đường phố**

Lễ hội Quảng diễn đường phố đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo người dân và du khách. Lần đầu tiên trong Festival Nghệ truyền thống Huế Lễ hội Quảng diễn đường phố được tổ chức, với sự kết hợp giữa di chuyển và biểu diễn âm nhạc cũng như múa trên các giai điệu đặc sắc. Ngay sau lễ khai mạc, hàng trăm nghệ nhân, nghệ sĩ của các đoàn nghệ thuật đã biểu diễn qua các tuyến đường chính của thành phố Huế. Các đoàn nghệ thuật trên địa bàn tỉnh sẽ trình diễn những tiết mục mang sắc màu văn hóa truyền thống của các làng nghề...

Lễ hội Quảng diễn đường phố thực sự là một điểm mới lạ về nghệ thuật diễn ra trên đường phố, làm say lòng người ở nơi đây cũng như du khách trong và ngoài nước với lễ hội tung bồng này. Bên cạnh đó, người xem còn được thưởng thức nét văn hóa nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc Cơ Tu (Huế); hoạt cảnh đánh bắt cá trong lễ cầu ngư của ngư dân phường Thuận An, thành phố Huế... đoàn diễu hành đi qua nhiều địa điểm trong thành phố Huế, đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo người dân xứ Huế và du khách.

\* Trường TC Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế

## Chương trình nghệ thuật “Tri ân dòng Hương”

Nằm trong khuôn khổ Festival Nghệ truyền thống Huế 2023, vừa qua Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế phối hợp với Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Thừa Thiên Huế tổ chức Chương trình nghệ thuật “Tri ân dòng Hương”.



Chương trình với sự tham gia biểu diễn của nhiều ca sĩ, nghệ sĩ như: Vân Khánh, Long Nhật, Thanh Lan, Phong Thủy, Cẩm Thủy, Quang Vinh... cùng các diễn viên múa đến từ Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế. Trong đó phải kể đến: Hoạt cảnh sông nước Hồ mái nhì; đơn ca Dòng sông ai đã đặt tên, Thành Huế chúng mình thương, Nhớ Huế mùa mưa; tổ khúc dân ca: Mạch nguồn phù sa; múa: Dòng sông huyền thoại... sôi động, hấp dẫn.

Tổng đạo diễn chương trình - ThS Nguyễn Văn Mãi, Hiệu trưởng Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Thừa Thiên Huế cho biết: “Chương trình được thực hiện công phu, tổ chức bên bờ sông Hương, trên cầu gỗ lim và phố đi bộ Nguyễn Đình Chiểu đã tạo ra một không gian đầy sắc màu trên dòng sông Hương thơ mộng. Không chỉ tôn vinh, tri ân những giá trị mà dòng sông di sản đã mang lại cho người dân xứ Huế mà chương trình nghệ thuật còn tạo điều kiện cho cộng đồng thể hiện tình yêu mến con sông đã đem lại mùa màng cây trái, lưu dấu những trầm tích văn hóa tạo nên tính cách của con người Huế”.

Trong bối cảnh Thừa Thiên Huế đang xây dựng các lễ hội văn hóa mới, góp phần vào tiến trình xây dựng Huế trở thành đô thị di sản theo tinh thần Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị, việc tổ chức chương trình nghệ thuật Tri ân dòng Hương, phục vụ cộng đồng và du khách đã tạo được điểm nhấn cho các không gian văn hóa, thu hút người dân tham gia. Qua đó, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc.

**Ly Na**

## Chương trình nghệ thuật “Giai điệu trẻ”

Nếu chương trình nghệ thuật “Tri ân dòng Hương” được đánh giá như một câu chuyện nhẹ nhàng, lắng đọng và mang tính nhân văn cao thì chương trình nghệ thuật “Giai điệu trẻ” là một đêm nhạc bùng nổ, thu hút hàng nghìn bạn trẻ cũng như du khách đổ về sân khấu trước Trung tâm Thể thao Huế để thưởng thức. Đây cũng là một trong những điểm nhấn nổi bật của Festival Nghệ truyền thống Huế 2023.

Sân khấu được thiết kế rất độc đáo, có thể xoay 360 độ, hệ thống âm thanh, ánh sáng và LED rất hiện đại, chương trình được dàn dựng công phu và có sự tham gia của các ban nhạc, những ca sĩ nổi tiếng, họ đã cùng nhau khuấy động sân khấu tạo nên sự sôi động và mang nhiều dấu hiệu của sự đổi mới, đặc sắc và hiện đại.

Trên đây là một số chương trình nghệ thuật mới, nhằm tôn vinh và lan tỏa giá trị di sản văn hóa dân tộc; đổi mới sáng tạo các sản phẩm nghệ thủ công truyền thống dựa trên nền tảng văn hóa Huế, văn hóa dân tộc. Đồng thời, có những chương trình mới lạ sẽ xúc tiến quảng bá nhằm tiếp cận đến cộng đồng cũng như mang đến những kỳ lễ hội hấp dẫn, chất lượng, công phu và hoành tráng. Quảng bá hình ảnh Cố đô Huế, qua đó phát huy thương hiệu và vị thế của Huế thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam. ■

## BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA HUẾ QUA GÓC NHÌN CỦA NGHỆ THUẬT KÝ HỌA

■ Bài và ảnh: ĐINH THỊ HOÀI TRAI

**B**ảo tàng Mỹ thuật Huế là một trong những thiết chế văn hóa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/12/2018 trên cơ sở sắp xếp, kiện toàn Trung tâm Nghệ thuật Lê Bá Đảng và Diềm Phùng Thị



(Theo Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế), đã đóng góp vai trò quan trọng vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa nghệ thuật vùng đất Cố đô nói riêng, của các vùng miền các dân tộc Việt Nam nói chung.

Nhằm triển khai thực hiện một trong những nhiệm vụ giải pháp quan trọng của Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó, nhấn mạnh nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa Huế. Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã triển khai nhiều hoạt động chuyên môn nghiệp vụ bảo tàng của đơn vị theo hướng đổi mới, sáng tạo và hiệu quả, trong đó có các hoạt động sáng tác về di sản văn hóa Huế, tiêu biểu là chương trình sáng tác “Hành trình ký họa di sản Cố đô Huế” với mục đích bảo tồn, lưu giữ, quảng bá và tôn vinh giá trị di sản văn hóa Huế đến du khách trong nước và quốc tế qua góc nhìn của mỹ thuật tạo hình. “Ký họa di sản Cố đô Huế” là hành trình nghệ thuật sáng tác, ký họa trực tiếp những nét độc đáo, những công trình kiến trúc, vẻ đẹp thiên nhiên và con người của vùng đất Cố đô với sự tham gia của các Kiến trúc sư, nghệ sĩ, họa sĩ, nhà thơ, nhà văn và người yêu ký họa, yêu di sản Huế đến từ Hà Nội và Huế với mong muốn góp phần lưu giữ, quảng bá giá trị hệ thống di sản văn hoá Huế được bảo tồn nguyên vẹn cả vật thể lẫn phi vật thể, từ văn hoá cung đình đến văn hoá dân gian, từ cảnh quan thiên nhiên đến lối sống, phong tục tập quán, con người Huế...

Có thể nói Huế - mảnh đất lãng mạn, mộng mơ, đậm chất thơ, một miền di sản độc đáo là nguồn cảm hứng bất tận trong sáng tác thi ca, nhạc họa từ bao đời nay. Qua nghệ thuật ký họa, với những rung cảm và tình yêu với Huế; những kiến trúc sư, họa sĩ, những người yêu thích ký họa không giới hạn tuổi tác, nghề nghiệp đến từ Hà Nội và Huế đã “khai



thác” và “đánh thức” về đẹp tiềm ẩn của di sản Huế qua bút pháp của mình. Mỗi tác phẩm được sáng tác chứa đựng sự đam mê, những cảm xúc lắng đọng, những trải nghiệm, cống hiến được chính tác giả lưu lại trong những tác phẩm của mình, đó

cũng là minh chứng sinh động cho tình yêu đặc biệt với Huế và sẽ góp phần lan tỏa thông điệp: Hãy cùng nhau giữ gìn, bảo vệ và tôn vinh giá trị di sản văn hóa vùng đất Cố đô.

Đối với những thành viên, mỗi lần đến Huế tham gia chương trình ký họa, sáng tác về vẻ đẹp di sản văn hóa Huế do Bảo tàng Mỹ thuật Huế tổ chức là mỗi dịp được khám phá, tác nghiệp, chiêm ngưỡng vẻ đẹp Huế cũng như trải nghiệm văn hóa Huế với nhiều hoạt động phong phú như mặc áo dài truyền thống, thưởng thức ẩm thực cung đình Huế, ẩm thực Huế,... là mỗi lần khám phá thêm vẻ đẹp, thêm yêu Huế với cảm xúc khác nhau, muốn làm gì đó cho Huế để góp phần tôn vinh, quảng bá nét đẹp di sản của vùng đất này. Vì vậy, đối với mỗi thành viên tham gia, đó là một hành trình ký họa đầy đam mê và cảm xúc, với tình yêu thương trân trọng di sản cố đô, khâm phục công sức dựng xây và gìn giữ của bao thế hệ, để thế hệ hôm nay may mắn được chiêm ngưỡng, được ghi lại những tuyệt tác của người xưa với mong muốn góp phần lưu giữ và tôn vinh những giá trị văn hóa đô thị thông qua ký họa nét đẹp di sản kiến trúc, văn hóa, con người, hướng đến mục tiêu xã hội, kết nối và nâng cao ý thức cộng đồng về giá trị của các di sản.

Qua đây xin được trích dẫn một số cảm nhận của thành viên tham gia chương trình sáng tác:

*“Qua lăng kính cảm xúc của nghệ thuật Hội họa, ta lại nhận ra một “Huế” khác: Rạo rực hơn - tươi mới hơn - long lanh hơn với một sức hút vô hình làm say những tâm hồn mãi cảm. Cái cảm hứng tức thì, cách diễn bút ngẫu hứng của lối trực họa đã giúp tạo nên một thần thái mới cho Huế. Giữa cái bình yên sâu lắng lại có một Huế “lung linh và xao động” mà chúng ta khó nhận thấy trong đời thường”* (Tiền sĩ, họa sĩ Nguyễn Thiện Đức - Chủ tịch Hội Mỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế)

Hay cảm xúc của KTS.Trần Thị Thanh Thủy - Giảng viên trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trưởng Nhóm Ký họa đô thị Hà Nội: *“Để cảm nhận, để vẽ Huế có lẽ một vài tháng cũng chưa hết. Giữa cái nắng đầu hè oi bức, bằng tâm hồn nhạy cảm và sự tôi luyện trong nhiều hành trình ký họa, các họa sỹ say mê vẽ, tranh thủ hoàn thiện cả lúc nghỉ trưa, tối, miệt mài lưu giữ, đánh thức về đẹp tiềm ẩn của Cố đô. Chỉ có tình yêu ký họa, yêu Huế mới khiến con người ta đam mê nhiệt tình đến vậy. Mỗi lần đến Huế lại một cảm xúc tươi mới, điều rất quan trọng làm nên thành công của tác phẩm ký họa, ngoài yếu tố kỹ thuật, góc nhìn, bút pháp.... Có gì đó của Huế đã ăn sâu trong tim*

chúng tôi về mảnh đất này. Những nét vẽ ký họa đôi khi còn nguệch ngoạc, vệt màu có lúc còn ngu ngơ... nhưng rồi từ đó, dần từng góc nhỏ của Huế, của Kinh thành, của ngôi chùa, của nhà thờ cổ, từng góc phố cứ hiện dần lên đây cảm xúc. Mỗi bức ký họa là một góc nhìn, một cảm xúc khác nhau về Huế. Có nét ngây thơ trong sáng của con trẻ, có nét hoài niệm của chị nhà văn, cô giáo, nét mạnh mẽ của kiến trúc sư, nhà báo.... Thật thú vị. Với hành trình đi và ký họa không ngơi nghỉ, trân quý từng phút giây bên nhau, được vẽ, cống hiến, chia sẻ, các họa sỹ đã có những sáng tác trường thành vượt bậc đáng ngạc nhiên. Các tác phẩm thu hoạch được sau những ngày mài miết khám phá con người, cảnh vật xứ Huế là minh chứng cho tình yêu đặc biệt với Huế. Mỗi lần đến Huế lại một cảm xúc tươi mới, điều rất quan trọng làm nên thành công của tác phẩm ký họa, ngoài yếu tố kỹ thuật, góc nhìn, bút pháp... Thời khắc chia tay cứ lưu luyến không rời xa. Cảm ơn Huế và cùng hẹn nhau ở Hành trình tiếp theo. Trên đường về Hà Nội chúng tôi cứ vẫn vương mãi những câu hát trong Nàng thơ xứ Huế của nhạc sỹ Hồ Hoài Anh:

Ngã nghiêng cho đời ngân ngơ  
 Ngã nghiêng nét đẹp Nàng thơ  
 Ngã nghiêng thấy hoa cười với ai?

Về đây sao nghe  
 đời thanh thoi”.

Họa sỹ Đặng Mậu Tựu - Nguyên Chi hội trưởng Hội Mỹ thuật Việt Nam tại Thừa Thiên Huế, Chủ tịch Hội Mỹ thuật Thừa Thiên Huế cũng có nhiều cảm xúc khi tham gia chương trình “Với tôi, được tham



gia vào hoạt động ký họa rất thú vị và ý nghĩa này mới có dịp gặp gỡ anh chị em họa sỹ và người yêu thích vẽ phong cảnh Hà Nội và một số thành phố khác đã dự dịp này và cũng là tìm gặp những hình ảnh cũ, có cái vẫn nguyên nhưng có cái đã tu sửa, cái cũ làm mình nhớ lại những ngày xưa... vẫn rêu phong ủ kín những đường nét nhưng đầy hoài cảm. Cũng qua đây người quan tâm sẽ nhận ra ở nơi mình sống có nhiều cái đáng yêu mà vì sao những người biết vẽ ít quan tâm để có những cuộc trình làng những ghi chép đáng quý đó cho công chúng thưởng lãm!? Cũng thâm nghĩ thêm nên chẳng mỗi họa sỹ cần thêm một thói quen ghi chép bằng ký họa ở bất cứ nơi nào, biết đâu một mai cuốn sổ ấy là một tài sản quý cho mình!”

Thông qua hoạt động sáng tác này (được tổ chức trong 4 năm từ 2020 đến nay), Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã lưu giữ được gần 800 tác phẩm ký họa về di sản văn hóa Huế, bổ sung vào nguồn tư liệu, hiện vật cho Bảo tàng cũng như Bảo tàng xây dựng từ bộ sưu tập này thành chuyên đề triển lãm “Nét đẹp di sản Cố đô Huế qua nghệ thuật Ký họa” để trưng bày giới thiệu đến công chúng trong nước và nước ngoài, góp phần bảo tồn, tôn vinh, quảng bá giá trị di sản văn hóa Huế. Thông qua triển lãm chuyên đề





về những tác phẩm ký họa di sản Cố đô Huế, công chúng sẽ nhận ra rằng: Bằng sự tự do cảm nhận và sáng tác, những tác phẩm ký họa đã vượt qua việc ghi chép những công trình di sản bằng bút vẽ mà trở nên sống động, tinh tế qua nét chấm phá, chất lọc của nghệ thuật ký họa, khiến người xem ngỡ ngàng trước những điều mà chúng ta vẫn nhìn thấy thường ngày nhưng ít khi nhận ra. Nét dịu dàng, trữ tình với Sông Hương, Núi Ngự; thành quách rêu phong đầy hoài niệm... Đồng thời sẽ hiểu thêm về các chi tiết kiến trúc, hoa văn trang trí mỹ thuật thời Nguyễn, được các nghệ nhân tài hoa xưa chạm khắc tinh tế trên các đồ đồng, đồ gỗ, các bức

hoành phi câu đối, bức bình phong tại các cung điện, lăng, miếu, nhà rường ở cố đô Huế và các đình chùa, làng cổ được thể hiện sinh động bởi sắc màu và hình khối. Kiến trúc, vườn chùa, lầu bia, hệ thống tháp mộ... vẫn còn được giữ nguyên vẹn đặc trưng nét tạo hình và thẩm mỹ của giai đoạn mỹ thuật thời Nguyễn. Nghệ thuật trang trí có sự giao lưu chuyển hóa, là gạch nối giữa mỹ thuật cung đình và mỹ thuật dân gian, tạo ra dòng chảy kiến trúc mỹ thuật Huế có sức sống bền bỉ và những giá trị văn hóa lâu bền.

Bên cạnh sử dụng thành quả sáng tác của “Hành trình ký họa di sản Cố đô Huế” để xây dựng chuyên đề triển lãm “Nét đẹp di sản Cố đô Huế qua nghệ thuật Ký họa” với gần 800 tác phẩm ký họa về nét đẹp di sản Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Huế còn sử dụng hình ảnh ký họa nét đẹp di sản Cố đô Huế để khắc họa lên những tà áo dài duyên dáng, nón Huế, túi xách và xuất bản ấn phẩm sách ảnh về các tác phẩm ký họa di sản Cố đô Huế nhằm phục vụ trưng bày trình diễn trong những dịp Festival Huế, trong một số sự kiện triển lãm quảng bá về di sản văn hóa Huế ở địa phương và tình bạn nhằm góp phần quảng bá di sản và áo dài Huế. Chương trình đã để lại sự thích thú, hấp dẫn cho người xem khi tiếp cận di sản văn hóa Huế qua góc nhìn mới.

“Hành trình ký họa di sản Cố đô Huế” đã, đang và sẽ tiếp tục tạo ra một không gian “Gặp gỡ” giữa những người yêu nghệ thuật, trân trọng và ứng xử tốt đẹp với di sản; lan tỏa sự trân trọng, đồng cảm và ứng xử tốt đẹp với di sản; gắn kết được các giá trị rất nhân văn, giữa thiên nhiên - di sản - nghệ thuật với con người; sự “giao lưu” giữa văn hóa, nghệ thuật với du lịch đồng thời góp phần lan tỏa tình yêu thiên nhiên đất nước con người, khám phá nét đẹp di sản vùng đất Cố đô Huế, khơi gợi niềm tự hào, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá di sản vật thể và phi vật thể của Cố đô Huế đến cộng đồng trong nước và quốc tế; góp phần thúc đẩy phát triển văn hoá, du lịch và kinh tế, đồng thời góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 “Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh...” ■

# DI SẢN VÀ CỘNG ĐỒNG

■ NHẬT MINH

*Đất Thừa Thiên trai hiền gái lịch  
Non xanh nước biếc điện ngọc đền rồng*

Câu ca dao cổ như vẽ lên một bức tranh tuyệt mỹ về cố đô Huế, một vùng đất có đủ cả “Thiên thời, địa lợi, nhân hòa”, từng được chọn làm thủ phủ của Đàng Trong, rồi kinh đô của nước Đại Việt/Việt Nam/ Đại Nam suốt mấy trăm năm (1636-1945).

Nằm ở vị trí trung độ của đất nước, không chỉ sở hữu hơn 120km đường biển với nhiều vịnh đẹp nổi tiếng, dãy đèo phá ven biển rộng lớn nhất Đông Nam Á với hơn 22.000 ha và dòng Hương Giang được đánh giá là một trong những dòng sông đẹp nhất trên thế giới, Thừa Thiên Huế còn có một kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể khổng lồ với hàng nghìn công trình di tích và địa điểm lịch sử, hàng trăm lễ hội cung đình và dân gian, hàng chục làng nghề thủ công truyền thống, hàng nghìn món ẩm thực với hương vị riêng gắn liền với thương hiệu “món Huế” lừng danh. Và ngành du lịch, một trong các mũi nhọn phát triển của cố đô Huế, từ rất sớm đã gắn liền với các thương hiệu và loại hình du lịch văn hóa, di sản.

Du lịch và dịch vụ dựa trên nền tảng của văn hóa, di sản không chỉ góp phần to lớn vào phát triển kinh tế xã hội, tạo nhiều công ăn việc làm cho cộng đồng nhân dân địa phương mà còn là một kênh quảng bá hữu hiệu để các giá trị di sản văn hóa lan tỏa rộng rãi ở trong nước và quốc tế. Có một sự gắn bó ngày càng mật thiết giữa chính quyền, cộng đồng nhân dân địa phương với các di sản văn hóa và tự nhiên ở vùng đất này. Và chính sự gắn bó, chia sẻ ấy đã giúp cho việc giải quyết các mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển trở nên mềm mại và dễ dàng hơn.

Hơn 200 năm trước, cư dân của tám xã nằm trên và xung quanh địa bàn của Vương đảo đã tình nguyện dời đi để triều đình lấy đất xây dựng Kinh thành Huế rộng hơn 1.100 mẫu (520 ha). Và ngày nay, hàng nghìn hộ dân sống trong vùng lõi khu di sản Kinh thành lại một lần nữa vui vẻ di chuyển đến an cư ở các vùng đất mới khi chính quyền vận động, vì mục đích bảo tồn, gìn giữ các di sản vô giá của tổ tiên. Đó là sự trùng hợp rất đặc biệt của hai cuộc di dân lịch sử cách nhau hơn hai thế kỷ, đều thành công nhờ có được lòng dân.

Nhưng sự chia sẻ luôn phải đến từ hai phía. Di sản chỉ thật sự tỏa sáng khi nó chứng tỏ được giá trị đối với cộng đồng, được cộng đồng bảo vệ, gìn giữ và tôn vinh. Vì vậy, cộng đồng địa phương phải được chia sẻ, không chỉ là trách nhiệm mà còn phải có những quyền lợi thiết thực, cụ thể từ di sản.

Cố đô Huế đang mạnh dạn triển khai một kiểu quy hoạch mới đối với quần thể thể di tích cố đô, mà trong đó các cộng đồng dân cư nằm trong vùng lõi vùng đệm sẽ trở thành một phần của khu di sản, cùng chia sẻ các quyền lợi và trách nhiệm trong việc bảo tồn và khai thác, phát huy giá trị di sản. Và như vậy, cộng đồng nhân dân địa phương sẽ chính là người bảo vệ và tôn vinh di sản, vừa có thể sống và làm giàu từ di sản, đồng thời làm cho di sản đẹp hơn, có giá trị hơn trên mọi ý nghĩa.

Từ hơn chục năm trở lại đây, người dân Huế được hưởng nhiều quyền lợi hơn từ di sản không chỉ là từ sự phát triển của ngành du lịch dịch vụ mà còn từ các chính sách ưu đãi cụ thể của chính quyền địa phương như miễn giảm vé vào tham quan di tích, bảo

tàng, được tuyển dụng để đào tạo và làm việc tại các công trường tu bổ di tích, khai thác các dịch vụ gắn liền với khu di sản... Và điều đó cũng khiến các cộng đồng địa phương hiểu biết hơn, gắn bó hơn với di sản. Chính quyền tỉnh và thành phố Huế cũng ngày càng tăng cường công tác quảng bá, giáo dục về di sản, đưa di sản vào học đường, tạo nhiều điều kiện để giới trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên tiếp cận với di sản bằng các hình thức tham quan, trải nghiệm thực tế, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về di sản và lịch sử, tham gia và làm nòng cốt cho phong trào Chủ Nhật Xanh, tham gia vào các hoạt động lễ hội và sự kiện được tổ chức quanh năm theo đề án festival bốn mùa... Nhờ đó mà di sản ngày càng trở nên gần gũi, gắn bó hơn với cộng đồng, nhất là với giới trẻ, thế hệ chủ nhân của tương lai...

Với quyết tâm sớm trở thành Thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn di sản, văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa Huế, cả hệ thống chính trị cùng cộng đồng nhân dân Thừa Thiên Huế đang nỗ lực triển khai hàng loạt đề án, dự án quan trọng, trong đó văn hóa, di sản vừa được xem là nền tảng vừa là nguồn lực to lớn để biến “Giấc mơ Huế” thành hiện thực. Di sản đã trở thành một phần vô cùng quan trọng để Huế phát triển và thăng hoa. Bởi di sản vốn đã là một nét đặc trưng của Tính cách Huế, Con người Huế.

Năm 2023 này, Thừa Thiên Huế sẽ kỷ niệm 30 năm ngày Quần thể di tích cố đô được UNESCO vinh danh, đồng thời cũng kỷ niệm 20 năm ngày Nhã nhạc- Âm nhạc cung đình Việt Nam trở thành Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây cũng chính là cơ hội để Huế chứng tỏ vị thế hàng đầu cùng vai trò tiên phong của mình trong việc gìn giữ, bảo vệ và tôn vinh các di sản văn hóa và thiên nhiên của đất nước. Và cũng là để khẳng định, Di sản Huế đã và đang được bảo vệ vững chắc trong lòng cộng đồng. ■

## TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

■ Bài và ảnh: THU MỸ

**Đ**ây là một nội dung trọng tâm của công tác gia đình năm 2023 được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt ra trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ đã có nhiều tác động tích cực lẫn tiêu cực đến mỗi gia đình. Đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình được cải thiện, công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và chăm sóc người cao tuổi, gia đình có công luôn được quan tâm và có nhiều tiến bộ. Vấn đề bình đẳng giới, quyền trẻ em, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được đề cao. Việc giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Thừa Thiên Huế gắn với xây dựng những giá trị mới, tiên tiến của gia đình hiện đại ngày càng được chú trọng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, một số cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng gia đình. Nhận thức về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trong gia đình của một bộ phận người dân còn hạn chế. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ gia đình vẫn còn thiếu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ chưa chặt chẽ...

Những năm gần đây, được sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp giữa các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến các xã, phường, thị trấn, công tác gia đình được thường xuyên quan tâm, chú trọng. Ngày 29 tháng 9 năm 2021, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. Chỉ thị nhấn mạnh: “Công tác gia đình ở Thừa Thiên Huế ngày càng tiệm cận đến các chuẩn mực mới, hiện đại hơn, văn minh hơn, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, văn hóa Huế, con người Huế”.

Công tác xây dựng gia đình trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các đơn vị, địa phương thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền về xây dựng gia đình trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng như: VTV8 - Truyền hình Việt Nam tại Huế, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, trang tin điện tử, tạp chí, ấn phẩm tuyên truyền của các ngành, các đoàn thể... Phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật liên quan đến gia đình như: Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Trẻ em, Pháp luật dân số, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới,... đến quần chúng nhân dân, cán bộ, đảng viên. Với hình thức thường xuyên được đổi mới, đa dạng hóa nội dung, nâng cao chất lượng, hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, phòng ngừa tác động tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển của gia đình, đặc biệt là các gia đình trẻ ngày càng phát huy hiệu quả và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Tập trung tuyên truyền vào các đợt cao điểm: Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3; Ngày Gia đình Việt Nam 28/6; Tháng hành động phòng, chống bạo lực gia đình (tháng 6) và Ngày Thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ 25/11, phát động tổ chức “Bữa cơm gia đình ấm áp yêu thương” trong khoảng thời gian 17h-19h ngày 28/6... Các nội dung về gia đình cũng được các ngành, các cấp tích cực lồng ghép tuyên truyền vào Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày



Quốc tế Thiếu nhi (1/6), Tháng hành động vì trẻ em hàng năm (tháng 6), Ngày Dân số Thế giới (11/7), Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10), Ngày Dân số Việt Nam (26/12), Ngày Quốc tế người cao tuổi (1/10), Ngày Người cao tuổi Việt Nam (6/6),... Tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, giá trị của gia đình; xây dựng nhân cách đạo đức, lối sống văn minh

cho thế hệ trẻ thông qua sự phối hợp giáo dục từ gia đình, nhà trường và xã hội. Xây dựng gia đình là một môi trường an toàn cho trẻ em; bài trừ lối sống vị kỷ, thực dụng.

Hàng năm, Sở Văn hóa và Thể thao phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức các Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác xây dựng gia đình. Mỗi đợt tập huấn thu hút gần 200 lượt là cán bộ, công chức Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao các huyện, thị xã, thành phố; công chức văn - hóa xã hội xã phường, cán bộ, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Cập nhật những văn bản mới của Trung ương và tỉnh trong việc tham mưu triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến lĩnh vực văn hóa, gia đình,... trong tình hình mới.

Công tác xây dựng Gia đình văn hóa được thực hiện gắn với các tiêu chí xây dựng gia đình no ấm, tiên bộ, hạnh phúc, văn minh. Các huyện, thị xã, thành phố đã đẩy mạnh công tác xây dựng gia đình văn hóa, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng bằng việc tuân thủ quy trình đăng ký, bình xét và công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa theo Nghị định số 122/NĐ-CP của Chính phủ, bổ sung đưa tiêu chí bình đẳng giới, gia đình không có bạo lực để bình xét hàng năm. Năm 2022 toàn tỉnh có 279.089 gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa.

Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình ở cơ sở tiếp tục được duy trì và nhân rộng. Hiện nay, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 30 Mô hình Phòng chống bạo lực gia đình theo chuẩn của Bộ VHTTDL. Có 153 Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững; 278 nhóm phòng chống bạo lực gia đình sẵn sàng phản ứng nhanh, kịp thời can thiệp các vụ bạo lực và 573 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng và 224 đường dây nóng. Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được các địa phương triển khai đồng bộ, tập trung vào tuyên truyền nội dung bộ tiêu chí gồm có Tiêu chí ứng xử chung: Tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ. Các tiêu chí cụ thể khác gồm: tiêu chí ứng xử của vợ, chồng: Chung thủy, nghĩa tình; tiêu chí ứng xử của cha mẹ với con, ông bà với cháu: Gương mẫu, yêu thương; tiêu chí ứng xử của con với cha mẹ, cháu với ông bà: Hiếu thảo, lễ phép; tiêu chí ứng xử của anh, chị, em: Hòa thuận, sẻ chia.

Công tác phối hợp liên ngành giữa các sở, ban, ngành được triển khai tương đối chặt chẽ. Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo lồng ghép việc giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình vào hướng dẫn nhiệm vụ chính trị, công tác học sinh đối với các đơn vị;



triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2030”; tổ chức hội thi xây dựng clip

tuyên truyền về thực hiện quyền con người gắn với phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường trong các trường học và tổ chức các hoạt động truyền thông thực hiện quyền con người gắn với phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường tại các trường trung học. Sở Thông tin và Truyền thông triển khai hướng dẫn tuyên truyền xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh cho các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh. Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã tăng thời lượng, tần suất tuyên truyền sâu rộng các chính sách, pháp luật về công tác gia đình, xây dựng gia đình văn hóa, phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em... Ban Dân tộc tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho gia đình người dân tộc thiểu số về xây dựng gia đình hạnh phúc; thực hiện bình đẳng giới trong gia đình; phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống xâm hại trẻ em trong gia đình, ngăn ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống...

Hiện nay tỉnh đang tiến hành lập quy hoạch chung của tỉnh trong đó tập trung đầu tư xây dựng nhiều dự án, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở tạo môi trường hoạt động góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho các thành viên trong gia đình. Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 bảo tàng công lập gồm Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Huế, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung; 02 nhà hát: Nghệ thuật Ca kịch Huế, Nghệ thuật truyền thống cung đình Huế; 01 Trung tâm Văn hóa Điện ảnh; 01 Trung tâm Thanh Thiếu nhi; 01 Thư viện Tổng hợp tỉnh; 09 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp huyện; 103 nhà văn hóa cấp xã và 904 nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng cấp thôn. Những thiết chế văn hóa này không chỉ bao gồm công trình văn hóa và còn hội tụ đầy đủ các yếu tố: hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động. Đây là các thiết chế đóng vai trò rất quan trọng trong việc tuyên truyền, đưa các chủ trương chính sách của nhà nước đến với đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là ở các khu vực vùng sâu vùng xa. Hơn 20 công trình thể thao hiện đại như sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi được đưa vào sử dụng phục vụ các giải cấp tỉnh, cấp quốc gia, phục vụ việc tập luyện của các đội tuyển, sinh hoạt tập luyện thể thao của cán bộ, công nhân viên chức, học sinh, sinh viên... Có hơn 400 sân cầu lông ngoài trời, hơn 100 sân cầu lông trong nhà, 32 sân quần vợt, gần 180 nhà tập thể thao (trong đó gần 175 nhà tập do các doanh nghiệp, cá nhân, cơ quan ban ngành đầu tư xây dựng), 200 sân bóng đá (50 sân cỏ nhân tạo) hơn 150 sân bóng

chuyên, bóng rổ. Tại các huyện, thị xã đều có sân bóng đá của huyện được đầu tư xây dựng tương đối tốt; ở các xã, phường, thị trấn đều dành quỹ đất xây dựng sân bóng đá của địa phương; xây dựng các bể bơi tư nhân phục vụ nhu cầu người dân.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã đề ra các giải pháp thiết thực và cụ thể. Đảng viên, cán bộ, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền cần phát huy vai trò, trách nhiệm, tích cực nêu gương, vận động nhân dân tham gia xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh gắn với gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục mang tính đặc thù của Thừa Thiên Huế. Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác xây dựng gia đình. Tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng Chỉ thị 06-CT/TW, ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới” cho toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị với các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể, phù hợp với đặc điểm của địa phương, đơn vị. Đưa việc triển khai thực hiện công tác xây dựng gia đình trở thành nội dung quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ phát

triển văn hóa - xã hội hằng năm.

Phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác xây dựng gia đình. Tiếp tục tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia, hưởng ứng nhằm đẩy mạnh, nâng



cao hiệu quả xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Gia đình hiếu học” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào, cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Giữ gìn và lan tỏa những chuẩn mực giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống gia đình, phát huy giá trị truyền thống đặc trưng của con người xứ Huế; bản sắc văn hóa đặc trưng, tiêu biểu của các dân tộc trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc nuôi dưỡng, định hướng giá trị, giáo dục thế hệ trẻ về vai trò của gia đình.

Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản đối với gia đình, hỗ trợ gia đình phát triển bền vững, hạnh phúc và thực hiện bình đẳng giới. Có cơ chế, chính sách huy động các cá nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng tham gia hỗ trợ các gia đình nghèo, khó khăn; bảo đảm gia đình được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản công bằng, bình đẳng, thuận lợi.

Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, nề nếp, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết,

thương yêu nhau. Đề cao vai trò của gia đình trong nuôi dưỡng, định hướng giá trị, giáo dục thế hệ trẻ. Kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình. Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của gia đình, nhà trường, xã hội và mỗi người dân trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần hoàn thiện nhân cách, xây dựng con người Thừa Thiên Huế phát triển toàn diện từ gia đình.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân nhằm thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác gia đình, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Chỉ đạo sử dụng có hiệu quả internet và mạng xã hội đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới. ■

## KIM ĐÔNG

# Bên dòng Hương

*Bên dòng Hương thì thầm em hát  
Tiếng hát trong một thuở dây thì  
Dòng sông chảy êm đềm gợn sóng  
Chợt ngấm ngùi nhìn tuổi thơ đi*

*Bên dòng Hương trăm mặc kinh kỳ  
Một Hoàng cung thăm thẳm riêng mình  
Đường Nội thành phượng hồng sắc thắm  
Dòng Hương - huyền thoại chốn Thần kinh*

*Bên dòng Hương ngồi ngắm chuyện tình  
Nỗi niềm riêng rộn sóng lăn tăn  
Thuyền nhẹ lướt câu ca vắng vọng  
Dây lời thơ trăm bóng "Tiếng lòng".*



# VAI TRÒ CỦA HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC TRONG VIỆC BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA, CON NGƯỜI XỨ HUẾ

■ Bài và ảnh: NGUYỄN TRÍ

## 1. Lời dẫn

Là vùng đất cổ đô, Huế đã mang trong mình bao trăm tích văn hóa lịch sử. Sự đan xen, hòa quyện giữa văn hóa cung đình với văn hóa dân gian đã tạo nên những đặc trưng, phong vị riêng của văn hóa, con người Huế, góp phần củng cố tính thống nhất trong đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Ngoài



Thực hành nghi lễ tế tự tại đình làng Phú Xuân

những di sản vật thể và phi vật thể đã được UNESCO vinh danh, nét văn hóa đạo đức, lối sống và cốt cách của con người xứ Huế cũng đã tạo nên nét độc đáo của vùng đất này. Tuy nhiên hiện nay, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã đưa đến những biến đổi về đời sống kinh tế, văn hóa xã hội, nhiều giá trị văn hóa, phong tục tập quán truyền thống tốt đẹp của cộng đồng đang dần bị mai một, có nguy cơ biến mất. Để gìn giữ các phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục, mỗi cộng đồng có cách thức riêng để bảo vệ và hương ước, quy ước đã trở thành một trong những công cụ quan trọng để điều chỉnh hành vi, quan hệ ứng xử, gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của các gia đình, dòng họ. Chính những giá trị văn hóa, con người Huế đặc sắc là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Thừa Thiên Huế ngày nay.

## 2. Văn hóa, con người Huế: nhận diện giá trị bản sắc

Văn hóa Huế tồn tại trong không gian vùng Huế qua hơn 700 năm hình thành và phát triển trên mảnh đất Thuận Hóa - Phú Xuân - Thừa Thiên Huế, được gìn giữ và phát huy qua bao đời nay. Trong lịch sử, Cổ đô Huế được xem là vùng đất “phên dậu” của Đại Việt từ thời Lý, Trần, Hồ, Lê, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong (1636-1775), rồi kinh đô của 2 vương triều Tây Sơn (1788-1801) và triều Nguyễn (1802-1945). Chính điều này đã tạo tiền đề làm cho Huế có mật độ di sản dày đặc, nhiều loại hình đa dạng và phong phú. Ngày nay, Huế là cổ đô duy nhất ở Việt Nam còn bảo lưu được khá nguyên vẹn tổng thể kiến trúc thành quách, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu, phủ đệ...; cùng hàng vạn hiện vật, cổ vật đặc biệt quý hiếm. Huế cũng là nơi có di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, hệ

thống di tích lịch sử cách mạng vô cùng quý giá. Di sản Huế là nơi hội tụ trí tuệ của cả dân tộc mà đỉnh cao là 7 di sản đã được UNESCO vinh danh: Quần thể Di tích Cố đô Huế (1993), Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam (2003), Mộc bản triều Nguyễn (2009), Châu bản triều Nguyễn (2014), Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016), Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (2016), Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ (2017). Toàn tỉnh có gần 1000 công trình, địa điểm được kiểm kê, trong đó có 3 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 89 di tích cấp quốc gia và 94 di tích cấp tỉnh.

Sự hội tụ, kết tinh của di sản Huế còn được thể hiện qua nhiều loại hình độc đáo như: Ca Huế, Ca kịch Huế, Tuồng, áo dài, ẩm thực, lễ hội, làng nghề thủ công truyền thống thể hiện đời sống tinh thần của cư dân xứ Huế qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Trên địa bàn tỉnh, có 3 di sản đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Ca Huế (2015), Nghề dệt Dèng của dân tộc Tà Ôi (2016) và Lễ hội truyền thống AĐa Koonh (Mừng lúa mới) của người Pa Cô (2019). Ngoài ra, tư liệu Hán Nôm là nguồn di sản đặc trưng của mảnh đất Cố đô Huế. Di sản Hán Nôm là thông điệp quan trọng bằng ngôn ngữ viết để kết nối giữa quá khứ với hiện tại, là tư liệu quan trọng giúp cho thế hệ hôm nay và mai sau có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về cội nguồn lịch sử văn hóa của dân tộc. Trong đó, những dấu ấn về truyền thống làng xã, các phong tục, tập quán, hương ước, gia phong lễ giáo làm nền tảng vững chắc góp phần xây dựng, phát triển toàn diện quê hương Thừa Thiên Huế.

Người Huế luôn coi trọng truyền thống nề nếp gia phong, lễ giáo, hiếu học, tôn sư trọng đạo trong mỗi gia đình, dòng họ. Mỗi người Huế luôn tâm niệm sống khoan dung, hòa thuận, mẫu mực, nhẹ nhàng, gần gũi với thiên nhiên. Tất cả điều này đã tạo nên tính cách con người Huế đặc trưng, sống trong sự hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Vì vậy, gìn giữ, phát huy, lan tỏa được những giá trị đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán tốt đẹp của con người Huế sẽ đưa những nét đẹp đó trở thành động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Sự phong phú, đa dạng, đặc sắc của văn hóa Huế, những phẩm chất tốt đẹp của con người Huế chính là nguồn lực nội sinh quan trọng, là động lực và sức mạnh mềm để tỉnh Thừa Thiên Huế phấn đấu phát triển nhanh và bền vững. Coi trọng và đánh giá cao việc phát huy tiềm năng, lợi thế về văn hóa, con người Huế, Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã xác định đến năm 2025 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

Hiện nay, sự nghiệp văn hóa của Thừa Thiên Huế đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa được chú trọng thực hiện có hiệu quả. Hệ thống các di tích lịch sử, văn hóa được trùng tu, tôn tạo thường xuyên, các giá trị văn hóa phi vật thể được khai thác đưa vào phục vụ phát triển du lịch - dịch vụ. Hoạt động lễ hội, sự kiện văn hóa nghệ thuật trên địa bàn diễn ra quy mô mang tầm quốc gia, quốc tế, lan tỏa mạnh các giá trị nhân văn và bản sắc văn hóa dân tộc, văn hóa Huế, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước

đến tham quan thường lãm. Bên cạnh đó, các sản phẩm thương hiệu đặc trưng như “Festival Huế”, “Festival Nghề truyền thống Huế”, “Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam”, “Huế - Kinh đô ẩm thực”, “Huế - Thành phố Lễ hội” được xây dựng và khai thác phục vụ phát triển du lịch một cách có hiệu quả.

### **3. Vai trò, vị trí của hương ước, quy ước trong việc bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, con người Huế**

Dưới triều Nguyễn, hương ước tồn tại song song với hệ thống pháp luật, giữ vai trò là một công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng và để quản lý hiệu quả các làng xã vùng Huế. Nó là phương tiện để chuyển tải pháp luật và tư tưởng Nho giáo vào làng, hỗ trợ và bổ sung cho pháp luật. Mỗi làng xã ở Thừa Thiên Huế có những điều kiện, đặc điểm khác nhau, do đó, các hương ước cũng có sự khác nhau cả về nội dung, bố cục, hình thức trình bày. Song nội dung cơ bản mà các hương ước đều đề cập đó là những quy định về trách nhiệm của người dân đối với chính quyền, với làng xã; quy định việc sử dụng đất đai, khuyến nông, phát triển sản xuất, đặc biệt là phát triển sản xuất nông nghiệp; quy định về việc giữ gìn trật tự an ninh làng xã; động viên, khuyến khích con em trong làng tích cực phấn đấu học tập để đỗ đạt làm quan; quy định về trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ tài sản công, nhất là những di sản văn hóa truyền thống như: đình, chùa, đền, miếu, những danh lam thắng cảnh, việc bảo vệ môi trường; quy định việc thực hiện thuần phong mỹ tục, phong tục, tập quán như: các nghi thức về quan, hôn, tang, tế, thực hiện các mối quan hệ với người thân trong gia đình, dòng họ, với cộng đồng làng xã. Điển hình như hương ước làng Phú Bài, làng Thủ Lễ, làng Bàn Môn, làng Lễ Khê, làng Thanh Thủy, làng Dã Lê Thượng, làng Dã Lê Chánh...

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg ngày 19/6/1998 về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư với chủ trương khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, các quy chế về nếp sống văn minh ở các thôn, xóm đã trở thành nền móng cho việc xây dựng hệ thống thể chế về hương ước, quy ước, hạt nhân là Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Và đến nay, hương ước, quy ước tiếp tục được khẳng định và đề cao, ngày 8/5/2018 Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 8/5/2018 về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước nhằm tiếp tục vận dụng vai trò hương ước, quy ước trong xây dựng môi trường văn hóa, điều chỉnh các mối quan hệ ở cộng đồng dân cư. Đồng thời hướng đến 2 mục tiêu quan trọng: Thứ nhất, phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thứ hai, bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp; hạn chế và từng bước loại bỏ phong tục, tập quán lạc hậu; xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư. Việc soạn thảo và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước là nội dung quan trọng của phong trào “Xây dựng làng văn hóa ở khu dân cư”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Sự ra đời của quy ước xây dựng đời sống văn hóa là một đòi hỏi tất yếu với sự phát triển làng xã toàn diện trong tình hình mới, và đến nay hương ước, quy ước

vẫn đóng vai trò quan trọng trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Hương ước, quy ước là những quy tắc, chuẩn mực về đạo đức, xã hội do cộng đồng dân cư lập ra, nhằm điều chỉnh các hành vi, ứng xử của tập thể và các thành viên trong cộng đồng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái của thôn, tổ dân phố, góp phần duy trì trật tự trong cộng đồng dân cư. Có thể thấy, hương ước, quy ước ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò trong việc xây dựng, thực hiện nếp sống văn minh, thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò tự quản và phát huy truyền thống, tập quán tốt đẹp của cộng đồng. Qua đó, góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống của người dân; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy dân chủ ở cơ sở và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời xây dựng đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa và phát huy tính chủ động sáng tạo của mỗi người dân, mỗi gia đình; loại bỏ các hiện tượng mê tín dị đoan; phòng chống các tệ nạn xã hội như: ma túy mại dâm, cờ bạc... và đẩy lùi sự xâm nhập của văn hóa độc hại.

Trong thời gian qua, việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế từng bước hoàn thiện và ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc gìn giữ và phát huy những truyền thống, những nét đẹp của văn hóa gắn với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn toàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo báo cáo của Sở Văn hoá và Thể thao về tình hình thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước, cụ thể (tính đến 31/12/2022): Tổng số thôn, tổ dân phố: 1.104 thôn, tổ dân phố. Trong đó tổng số hương ước, quy ước đã được công nhận: 1.068 (tỷ lệ 96,7%); tổng số thôn, tổ dân phố chưa có hương ước, quy ước được công nhận: 36 (chiếm tỷ lệ 3,3%).

Thừa Thiên Huế đã và đang nỗ lực phổ cập hơn nữa hương ước, quy ước trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của hương ước, quy ước xưa để gìn giữ bản sắc văn hóa, đẩy lùi hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới. Những làng xã có lịch sử lâu đời thường là nơi lưu giữ nhiều phong tục, tập quán từ xưa để lại. Tuy nhiên, cuộc sống luôn vận động, đổi thay, không phải những gì thuộc về quá khứ đều nên coi là truyền thống. Xây dựng đời sống văn hóa chính là quá trình gạn đục, khơi trong, phát huy những gì tốt đẹp và loại bỏ những gì không phù hợp với xã hội. Xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy là một thí dụ điển hình. Với cơ cấu tổ chức 1 làng 1 xã, làng Phú Bài cũng là xã Thủy Phù. Thông qua hương ước, quy ước của làng, mối quan hệ giữa chính quyền xã với 12 thôn trên địa bàn hết sức mật thiết. Điều này giúp làng Phú Bài thuận lợi trong việc bảo tồn và phát huy những nét văn hóa, tập quán, phong tục truyền thống đặc sắc, đồng thời là địa phương đầu tiên của thị xã Hương Thủy triển khai xây dựng làng văn hóa.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nổi bật như đã nêu trên, việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trong các cộng đồng dân cư ở Thừa Thiên Huế vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Một số hương ước, quy ước chưa kịp thời điều chỉnh những mối quan hệ phát sinh trong đời sống xã hội đương đại mà pháp luật không quy định nên chưa sát với tình hình thực tế của địa phương, một số nội dung còn mang tính rập

khuôn và chưa đúng quy định, chưa đảm bảo tính dân chủ, mang tính áp đặt. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các quy định của hương ước, quy ước còn nhiều hạn chế và chưa thường xuyên. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện và xử lý vi phạm các quy định của hương ước, quy ước chưa kịp thời.

#### **4. Giải pháp phát huy vai trò hương ước, quy ước đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, con người Huế**

Để hương ước, quy ước thực sự đi vào cuộc sống của người dân, phát huy những giá trị tích cực của hương ước, quy ước trong việc xây dựng đời sống văn hóa mới, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người xứ Huế, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vị trí, vai trò hương ước, quy ước trong việc khơi dậy, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, sức mạnh con người xứ Huế - nguồn lực nội sinh quan trọng nhất để hiện thực hóa khát vọng phát triển bền vững.

Thứ hai, gắn kết việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước với việc thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”,... nhằm phát huy các nguồn lực xã hội, phát huy hiệu quả vai trò của hương ước, quy ước trong việc gìn giữ, lan tỏa những giá trị văn hóa, con người Huế trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba, khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong đời sống nhằm phát huy tính tự quản của cộng đồng với việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, con người Huế. Đồng thời cần phát huy vai trò của cộng đồng, đặc biệt vai trò của trưởng tộc, những người có uy tín cộng đồng như già làng, trưởng bản, trưởng các họ tộc, phát huy tinh tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên để tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước ở thôn, tổ dân phố.

Thứ tư, cần thống nhất quan điểm xây dựng làng văn hóa dựa trên các giá trị truyền thống riêng có. Các nội dung của hương ước, quy ước phải phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương, có như vậy nội dung của hương ước, quy ước mới đi vào thực tiễn đời sống của người dân, được mọi người chấp hành và thực hiện nghiêm túc. Ngoài ra việc lựa chọn, thành lập Tổ soạn thảo hương ước, quy ước phải là các cá nhân có uy tín, trình độ, hiểu biết nhất định về pháp luật, phong tục tập quán truyền thống văn hóa của địa phương.

Thứ năm, tăng cường thực hiện công tác rà soát, bổ sung, xây dựng, hoàn thiện và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố để đảm bảo phù hợp với nội dung của Hiến pháp, các quy định về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước. Đẩy mạnh việc phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương và sự chung sức của cả cộng đồng để hương ước, quy ước phát huy được vai trò là thiết chế xã hội quan trọng trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, giữ gìn thuần phong mỹ tục của cộng đồng. Đồng thời, nâng

cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ xây dựng hương ước, quy ước cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị có liên quan. Tổ chức biên soạn, cập nhật tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về xây dựng, theo dõi thực hiện hương ước, quy ước và cấp phát cho các địa phương tham khảo.

Thứ sáu, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở địa phương trong việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước. Tăng cường công tác chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, cần định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, rà soát, bổ sung, sửa đổi hương ước, quy ước cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và đề ra các giải pháp thực hiện có hiệu quả. Kịp thời động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước có hiệu quả.

### **5. Thay lời kết**

Hương ước, quy ước ngày càng khẳng định vị trí, vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa, con người xứ Huế trong bối cảnh đương đại. Vì vậy, việc xây dựng, triển khai thực hiện hương ước, quy ước cũng được nhìn nhận trở lại, có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp với đời sống thực tiễn, gắn với đặc thù phong tục tập quán của từng địa phương, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý nhà nước bằng pháp luật, bảo đảm dân chủ cơ sở và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời góp phần thực hiện Nghị quyết số 54 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường. ■

# ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

■ MINH TÚ

Quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh và đều khắp ở Thừa Thiên Huế. Nhiều khu quy hoạch được hình thành, nhiều khu tái định cư ra đời, nhiều công trình cơ sở hạ tầng đô thị được cải tạo và xây dựng dẫn đến nhiều tuyến đường làng, đường kiệt nhỏ hẹp ở thành phố, thị xã, thị trấn được mở rộng và nâng cấp... đặt ra nhiều vấn đề cho công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn tỉnh đang nỗ lực, phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị, hoạt động đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh sẽ phát triển nhanh và nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Do vậy, việc nhìn nhận lại thực tiễn để đề ra những giải pháp nâng cao hoạt động quản lý Nhà nước trong công tác này trong thời gian tới là rất cần thiết.

## I. Tổng quan công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh

### 1. Xây dựng Đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng

Công tác đặt tên, đổi tên đường, phố trên địa bàn tỉnh bắt đầu tiến hành xây dựng thành phương án, đề án để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua kể từ năm 1996. Từ đó đến nay, các địa phương đã nghiên cứu xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 23 đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng với 935 tuyến đường đã được đặt tên: thành phố Huế đã điều chỉnh, đặt tên đường phố 11 đợt với 555 tuyến đường đã được đặt tên; thị xã Hương Thủy đã điều chỉnh, đặt tên đường phố 3 đợt với 130 tuyến đường đã được đặt tên; thị xã Hương Trà đã điều chỉnh, đặt tên đường phố 2 đợt với 79 tuyến đường đã được đặt tên; huyện Phong Điền đã đặt tên 1 đợt cho 23 tuyến đường; huyện Quảng Điền đã đặt tên 1 đợt cho 25 tuyến đường; huyện Phú Lộc đã đặt tên 2 đợt cho 40 tuyến đường; huyện Phú Vang đã đặt tên 2 đợt cho 36 tuyến đường; huyện A Lưới đã đặt tên 1 đợt cho 29 tuyến đường; huyện Nam Đông đã đặt tên 1 đợt cho 18 tuyến đường.

Đối với các công trình công cộng, hầu hết thường được các địa phương, cơ quan, đơn vị giao làm chủ đầu tư dự án đặt tên gắn với tên dự án hoặc tên của đặc điểm gắn vị trí thực hiện dự án... Năm 2012, việc đặt tên cầu đường bộ qua sông Hương - một công trình có quy mô, có ý nghĩa quan trọng, mang dấu ấn lịch sử quan trọng trong thời kỳ đổi mới của tỉnh Thừa Thiên Huế đã được các cơ quan chuyên môn báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh lập thành đề án và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua với tên gọi là cầu “Dã Viên”.

### 2. Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (gọi tắt là Nghị định số 91/2005/NĐ-CP) và Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT

ngày 20 tháng 03 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 (gọi tắt là Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT), Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập vào năm 2006, với cơ quan thường trực của Hội đồng Tư vấn là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước đây (nay là Sở Văn hóa và Thể thao) và thành phần của Hội đồng Tư vấn bao gồm đại diện các cơ quan quản lý, đơn vị chuyên môn có liên quan cùng sự tham vấn của các nhà nghiên cứu khoa học, các chuyên gia uy tín của tỉnh. Hội đồng Tư vấn đã qua nhiều lần được kiện toàn, lần kiện toàn gần đây nhất là vào ngày 12/7/2022 (Quyết định số 1369/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh).

Từ khi thành lập đến nay, Hội đồng Tư vấn đã hoạt động hiệu quả trong việc nghiên cứu, góp ý cho các địa phương hoàn thiện các đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, cũng như tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh về những vấn đề liên quan trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua theo đúng quy định hiện hành.

### ***3. Dữ liệu ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế***

Để xây dựng cơ sở khoa học và tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, đơn vị liên quan trong việc xây dựng đề án đặt tên hoặc đổi tên đường, phố và công trình công cộng, từ năm 2006, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã giao cho Sở Văn hóa Thông tin (nay là Sở Văn hóa và Thể thao) thực hiện đề tài “*Nghiên cứu xác lập Ngân hàng tên đường phố Huế và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*”. Đến năm 2016, Sở Văn hóa và Thể thao tiếp tục được giao thực hiện đề tài “*Nghiên cứu bổ sung và phân bổ ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn Thừa Thiên Huế*”. Sau 2 lần thực hiện đề tài, đã nghiên cứu xây dựng cho quỹ tên đường phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh gồm 2.140 mục từ. Dữ liệu ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã được sử dụng một cách hiệu quả và đã phần nào đáp ứng nhu cầu cấp thiết trong việc đặt tên đường tại các thị trấn, thị xã, thành phố Huế trong thời gian qua.

## **II. Một số bất cập và khó khăn trong công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh**

*Một là*, Nghị định 91/2005/NĐ-CP; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT về cơ bản, đã kịp thời hướng dẫn công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại tỉnh Thừa Thiên Huế, tuy nhiên, vẫn có một số quy định chưa cụ thể, gây khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn địa phương: quy định về quy mô của đường, phố (chiều rộng, chiều dài) đủ điều kiện đặt tên; công trình công cộng thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của quy định; chưa làm rõ các khái niệm, định nghĩa như thế nào là “*anh hùng dân tộc*”, “*danh nhân*”, “*nhân vật lịch sử*”; quy định về quy mô của đường, phố (chiều rộng, chiều dài) và công trình công cộng đủ điều kiện đặt tên danh nhân tầm quốc gia, danh nhân quốc tế... trình tự, thủ tục lập đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng...

*Hai là*, theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, việc đặt tên, đổi tên các công trình công cộng bao gồm quảng trường, công viên, vườn hoa, cầu, bến xe, công trình văn hoá - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban Nhân



dân tỉnh hoặc Ủy ban Nhân dân cấp huyện (nếu được Ủy ban Nhân dân tỉnh ủy quyền) quyết định việc đặt tên, đổi tên các công trình này. Tuy nhiên, thời gian qua, nhiều cơ quan, địa phương đã tiến hành đặt tên, đổi tên một số công trình công cộng chưa đúng với thẩm quyền.

*Ba là*, do các yếu tố lịch sử để lại nên hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều công trình công cộng tại tỉnh Thừa Thiên Huế bị đặt sai, dễ gây nhầm lẫn như trường hợp cầu Kim Long (đúng ra là cầu Bạch Thỏ); cầu đường sắt Bạch Hồ (đúng ra là cầu Dã Viên), cầu Trường Hà (đúng ra là Trùng Hà) trước đây; cầu Bạch Yến (theo dịch lý và thuật phong thủy, tên gọi đúng phải là Huyền Hạc) hoặc một số trường học đặt tên cùng một nhân vật lịch sử như: Trường Trung học Phổ thông Tố Hữu tại huyện Quảng Điền và Trường Trung học Cơ sở Tố Hữu tại thành phố Huế; Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Chí Thanh tại huyện Quảng Điền và Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tại thành phố Huế hoặc tên gọi không có ý nghĩa, không góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc (trường hợp này thường đặt tên gắn với tên dự án hoặc tên của đặc điểm gần vị trí thực hiện dự án)...

*Bốn là*, dữ liệu ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số tồn tại trong việc lựa chọn những mục từ phù hợp với tập quán để không bị trùng lặp, chòng chéo; bên cạnh đó, một số mục từ còn chưa thống nhất hoặc chưa đảm bảo về nội dung và một số mục từ cần nghiên cứu rà soát, bổ sung đối chiếu với các tài liệu để khẳng định tính thuyết phục... Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế nên nhu cầu đặt tên đường, phố và công trình công cộng trong thời gian tới đòi hỏi phải cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng phù hợp với tốc độ phát triển hạ tầng đô thị và đặc điểm của từng địa phương.

### **III. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong công tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh**

*Thứ nhất*, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định 91/2005/NĐ-CP; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT chưa cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh, thành thực hiện tốt hơn ông tác đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng khi áp dụng vào thực tiễn địa phương.

*Thứ hai*, sớm ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó, quy định rõ quy trình, thủ tục xây dựng đề án đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; thẩm quyền đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh...

*Thứ ba*, cần tổ chức khảo sát và đánh giá hiện trạng đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng trong thời gian qua để rà soát, điều chỉnh các tên đường, phố, công trình công cộng bị đặt sai, dễ gây nhầm lẫn hoặc tên gọi không có ý nghĩa, không góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc. Trên cơ sở đó, lấy ý kiến các cơ quan lý Nhà nước, chuyên gia để đưa ra những giải pháp mang tính định hướng cho công tác đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

*Thứ tư*, tiến hành rà soát, cập nhật và chỉnh lý các mục từ tên đường phố, công trình

công cộng chưa đảm bảo yêu cầu nội dung lịch sử, văn hóa, đồng thời, nghiên cứu bổ sung các mục từ mới để tạo tính khoa học, thuyết phục của dữ liệu ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị như hiện nay.

Cùng với đó, thực tế trong cả nước đã có nhiều tỉnh, thành tiến hành đặt tên danh nhân người nước ngoài cho nhiều tuyến đường, công trình công cộng và qua thời gian cũng đã đi vào tiềm thức của nhân dân, phục vụ thông tin liên lạc, chẳng hạn như: đường Yersin tại *Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Bình Dương, tỉnh Lâm Đồng*; đường Calmette, đường Pasteur, đường Alexandre de Rhodes tại thành phố Hồ Chí Minh... Do vậy, đối với Thừa Thiên Huế - vùng đất có sự giao lưu, hội nhập quốc tế từ rất sớm, thành phố festival của Việt Nam cần xem xét nghiên cứu, đề xuất đặt tên một số nhân vật lịch sử người nước ngoài, địa danh hay sự kiện quốc tế tiêu biểu, gắn bó mật thiết với tiến trình lịch sử, văn hóa Huế để đặt tên cho một số tuyến đường hoặc công trình công cộng của tỉnh. ■

MAI VĂN HOAN

## *Độc ẩm trên giao thừa*

*Ta lặng lẽ ngồi trầm ngâm trên ghé  
Bàn thờ nghi ngút khói hương bay  
Pháo hoa nở bung trời xít Huế  
Ai có cùng ta thức đêm nay?*

*Người xưa độc ẩm mờ trăng sáng  
Trăng đầu có đến tới ba mươi  
Uống rượu một mình không bầu bạn  
Ta chỉ biết mờ bóng ta thôi*

*Ta ngắm hình ta in trên vách  
Ngỡ như người cũ ghé về thăm  
Bao nhiêu hờn giận, bao xa cách  
Chuyện trò cho hết cả năm canh*

*Tỉnh ra mới biết trời sắp sáng  
Bóng người trên vách đã chia tay  
Rượu mới lụng chai chưa dốc cạn  
Chẳng còn ai chúc để mà say.*

# DỮ LIỆU SỐ THƯ VIỆN TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ SỐ: THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC

■ THANH PHONG

## 1. Vấn đề chung

Sự gia tăng của kết nối mạng, thông tin hóa và số hóa dẫn tới những tác động rõ rệt về tốc độ, phạm vi, quy mô đã làm xuất hiện tính độc lập, tính duy nhất và tính chủ quan của các cá nhân trong xã hội, bên cạnh đó cũng khiến cho đời sống xã hội ngày càng cởi mở và thay đổi nhanh chóng. Có thể thấy rằng, công nghệ số và dữ liệu số là những yếu tố cốt lõi của thời đại thông tin, chính vì vậy để người dùng dễ dàng tiếp cận, sử dụng thông tin bình đẳng và có hiệu quả trên môi trường số thì vấn đề xây dựng nguồn thông tin gắn với các công cụ hỗ trợ trên môi trường mạng là yếu tố quan trọng đóng vai trò then chốt để hướng đến mục tiêu cung cấp tối đa khả năng tiếp cận, tìm kiếm và khai thác thông tin một cách đầy đủ, tiện lợi và hiệu quả.



Trang thông tin điện tử thư viện được đầu tư nâng cấp phiên bản mới

## 2. Xu thế chuyển đổi số và cơ hội của thư viện:

Hiện nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã dần nhận thức được chuyển đổi số cơ hội và thách thức trong sự lan tỏa mạnh mẽ của cuộc cách mạng 4.0. Đây không còn là việc lựa chọn mà dần trở thành xu thế phát triển tất yếu của thời đại, đòi hỏi các cấp, các ngành phải nỗ lực.

Tại Hội nghị Sơ kết 01 năm triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư,

định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và tổng kết hoạt động năm 2022, triển khai các nhiệm vụ năm 2023 và trong thời gian tới của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã nhấn mạnh: “Dữ liệu là tài nguyên đặc biệt, cần phải lưu trữ, chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách an toàn, bảo mật, khoa học, hiệu quả, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp và các chủ thể liên quan, tạo nên các giá trị gia tăng, thông qua đó hỗ trợ chuyển đổi phương thức quản trị quốc gia...”

Cũng trong hoạt động Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ hai năm 2023, chiều ngày 21/4/2023 diễn ra tại Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang cũng đã phát biểu nhấn mạnh: “Thông điệp chính của Ngày sách và Văn hóa đọc năm nay “Sách: nhận thức - đổi mới - sáng tạo; Sách cho tôi, sách cho bạn; thời đại mới đòi hỏi cần phải có nhận thức mới, cách làm mới”. Tức là đề phù hợp với xu thế cần nhận thức, sáng tạo, phương thức xuất bản và cách tiếp cận bạn đọc để sách nhưng đa dạng các loại hình để sách đến với hàng triệu người... Hoạt động xuất bản cần phải phát triển mạnh mẽ hơn, theo hướng dân tộc hóa nhưng phải hiện đại hóa (bằng công nghệ số) và đại chúng hóa (thông qua đa nền tảng số) để nhằm tạo ra các sản phẩm tốt, làm phong phú thêm nguồn tri thức cho mọi người, mọi nhà.

Trước yêu cầu giao tiếp thông tin ngày càng cao, lượng dữ liệu khổng lồ ngày càng mở rộng trên không gian mạng, do đó phương thức xây dựng và quản lý hệ thống dữ liệu trong thời đại số đòi hỏi mỗi cơ quan, đơn vị trong bộ máy nhà nước Việt Nam, nhất là đối với đơn vị có nguồn tài nguyên dữ liệu lớn như: Trung tâm lưu trữ dữ liệu, hệ thống thư viện... cần xem đây là một thách thức để sẵn sàng tìm hướng đi phù hợp để quản lý dữ liệu trên môi trường số phục vụ khai thác nguồn tin trên không gian mạng, giảm độ phức tạp và đáp ứng nhu cầu trải nghiệm tiện ích cho người dùng.

Dữ liệu số là một tập hợp có tổ chức nhiều tài liệu đã được số hóa dưới nhiều hình thức khác nhau (văn bản, hình ảnh, audio, video...) về một chủ đề. Mặc dù mỗi loại hình dữ liệu có sự khác nhau về cách thể hiện, nhưng nó đều cung cấp một giao diện đồng nhất mà qua đó các dữ liệu số có thể truy cập, tìm kiếm và sử dụng dễ dàng.

Công nghệ số được xem là một quá trình thay đổi từ phương thức thủ công truyền thống sang áp dụng công nghệ với các trụ cột là big data, Internet kết nối vạn vật, điện toán đám mây,... hoặc có thể hiểu công nghệ số là biến dữ liệu được số hóa rồi sau đó chúng ta phải sử dụng các công nghệ như AI, Big Data,... để phân tích dữ liệu, biến đổi nó và tạo ra một giá trị mới.

Như vậy, quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động dựa trên công nghệ số, dữ liệu số được xem là quá trình chuyển đổi số. Việc lựa chọn công nghệ số để tiến hành thực hiện phân tích và khai thác dữ liệu là rất quan trọng bởi nó là công cụ đắc lực giúp ta thực hiện các công việc trong quy trình tạo lập và vận hành của dữ liệu số.

Thư viện số là một thư viện điện tử cao cấp trong đó toàn bộ các tài liệu chủ yếu của thư viện đã được số hóa và được quản lý bằng một phần mềm chuyên nghiệp có tổ chức giúp người dùng dễ dàng truy cập, tìm kiếm và xem được nội dung toàn văn của chúng từ xa thông qua hệ thống mạng thông tin và các phương tiện truyền thông. Một Thư viện số hoàn chỉnh phải thực hiện được tất cả các dịch vụ cơ bản của thư viện truyền

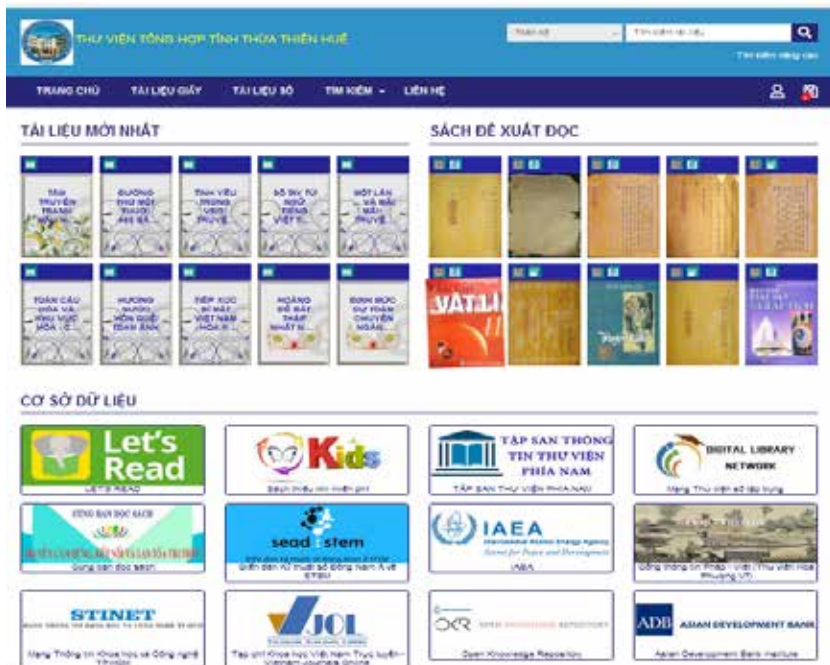
thống kết hợp với việc ứng dụng các lợi thế của công nghệ thông tin, mạng trong việc lưu trữ, tìm kiếm và phổ biến nội dung thông tin, đồng thời tăng hiệu quả, tối ưu hóa hiệu suất làm việc và mang lại sự phù hợp với người sử dụng các dịch vụ trong hoạt động thư viện.

Hiện nay, trong thế giới công nghệ số, dữ liệu số, con người, quy trình và mọi thứ đều cần có sự liên kết với nhau, chắc chắn rằng trong các hoạt động của mỗi đơn vị, các ngành chức năng và nhất là trong hoạt động thư viện cần phải định hình lại bản chất của vấn đề kết nối nguồn thông tin qua môi trường số. Vì thực tế cho thấy, dữ liệu số đang lưu trữ tại các Thư viện là một hệ thống thông tin vô cùng to lớn được tạo nên từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài chuyển giao, chia sẻ, tài trợ, viện trợ, tặng cho, đóng góp, xây dựng...

Theo số liệu thống kê năm 2022, tài nguyên thông tin của hệ thống thư viện trong toàn quốc là 27.824.986 bản sách (tăng 10% so với năm 2021); số tài nguyên thông tin được phục vụ thông qua các hình thức đạt 76.735.880 lượt (tăng 52%).

Để phù hợp với xu thế chuyển đổi số, trong năm 2022, các thư viện công cộng đã chú trọng phục vụ có hiệu quả bạn đọc với tài nguyên điện tử thông qua không gian mạng. Trong năm 2022, tại hệ thống thư viện công cộng cấp tỉnh và cấp huyện đã phục vụ 36 triệu lượt tài nguyên điện tử thông qua không gian mạng (trong khi đó có 7,6 triệu lượt người và 13,8 triệu lượt tài nguyên thông tin thông qua hình thức lưu động, luân chuyển).

Từ một số kết quả đạt được và thực tế nhận thấy rằng dữ liệu hiện đang lưu trữ trên không gian mạng là một nguồn tài nguyên có giá trị, đây được xem là tài sản, là nguồn tài nguyên cần thiết để tối ưu hóa các nguồn lực và đã được ứng dụng thành công trong các loại hình thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.



Phần mềm khai thác dữ liệu số thư viện được đầu tư nâng cấp

### 3. Một số kết quả bước đầu đạt được trong hoạt động chuyển đổi số của Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ, và sự phát triển nguồn dữ liệu số tại đơn vị, bước đầu hoạt động chuyển đổi số của Thư viện cơ bản đã một phần làm thay đổi quy trình nghiệp vụ, quy trình xử lý trong hoạt động thư viện theo hướng tự động hóa.

Đến nay, Thư viện Tổng hợp tỉnh có khoảng gần 450.000 trang tài liệu điện tử đang lưu trữ tại các thiết bị chuyên dụng. Có 2.380 sách điện tử tại <https://sachweb.com/ebookthuvien/thuvientinhthuathienhue>, dữ liệu này có thể tra cứu trực tuyến trên mạng internet và cung cấp cho bạn đọc những cuốn sách hay nguyên bản. Hàng năm, trung bình xử lý nghiệp vụ trên phần mềm với khoảng hơn 3500 tên sách/tương ứng khoảng 10.000 bản sách.

Xác định phát triển dữ liệu số và khai thác các tính năng của công nghệ số là bài toán duy nhất để tháo gỡ những khó khăn trở ngại trước đây, thúc đẩy các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin. Ngay khi dự án BGMF-VN triển khai, với hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo triển khai trong hệ thống thư viện công cộng, Thư viện Tổng hợp tỉnh đã chủ động kết nối với các thư viện trong cả nước để hướng dẫn và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý chuyên ngành thư viện tại các huyện, thị xã. Từ đó đến nay, các thư viện đều cùng chung một hệ thống và có khả năng kết nối cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và đồng bộ.



Phân hệ quản trị dữ liệu dành cho bộ phận nhân viên thư viện

Về đầu tư phát triển phần mềm và các dịch vụ thư viện: Trong năm 2022, Thư viện Tổng hợp tỉnh đã đầu tư phần mềm quản lý Thư viện khá hoàn chỉnh, cung cấp đầy đủ các phân hệ tương ứng với quy trình làm việc thực tế tại thư viện, với các công cụ: Tự động hóa các khâu hoạt động của thư viện, có thể tích hợp đưa các cơ sở dữ liệu đã chuẩn hóa trên môi trường mạng, thực hiện việc bổ sung, biên mục, bạn đọc, lưu thông, ấn phẩm định kỳ, báo cáo thống kê... Trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội của Thư viện cũng đã chủ động liên kết các Trang tin, phần mềm quản lý và các trang mạng xã hội nhằm tạo thuận lợi cho bạn đọc trong vấn đề tìm kiếm, khai thác sử

dụng tài nguyên không giới hạn về mặt không gian và thời gian, từng bước hình thành thói quen và kỹ năng sử dụng tài nguyên trên môi trường mạng, đảm bảo tính thống nhất, tính tin cậy trong việc cung cấp thông tin đến với người sử dụng các dịch vụ.

Cơ sở vật chất thiết bị số hóa, hệ thống máy tính, mạng có hệ thống máy chủ (server) có hệ thống sao lưu dự phòng, bảo mật được kết nối với hệ thống máy trạm (client) đối với bộ phận quản trị, nhân viên và bạn đọc.

#### **4. Một số giải pháp, đề xuất phát triển dữ liệu số trong lĩnh vực thư viện trong thời đại công nghệ số**

Vấn đề phát triển đồng bộ giữa dữ liệu số và công nghệ số trong hoạt động lĩnh vực thư viện là một quá trình lâu dài, phức tạp, thực hiện trong nhiều năm, bao gồm nhiều bước. Vì vậy, để thực hiện có hiệu quả vấn đề này cần giải quyết một trong các vấn đề sau:

- Xây dựng và thực thi chiến lược dữ liệu số mở bằng cách tạo ra một hành lang pháp lý, bản quyền tài liệu phù hợp để tạo điều kiện khai thác giá trị, chia sẻ và sử dụng dữ liệu một cách tối ưu nhất.

- Đa dạng hóa nguồn dữ liệu số nội sinh và các nguồn sản phẩm thông tin khác để làm phong phú thêm nguồn tài nguyên số; kịp thời giải quyết được sự phân tán, thiếu đồng nhất và bất tiện trong sử dụng khi khai thác tài nguyên thông tin, nhất là đối với tài nguyên số lưu trữ trong hệ thống thư viện; áp dụng các kỹ thuật và phương pháp quản lý mới.

- Cung cấp các chức năng, dịch vụ khai thác nguồn tài nguyên trên môi trường số theo hướng mở, thân thiện và thông minh, đồng thời khuyến khích phát triển các ý tưởng để tạo ra công cụ mới nhằm khai thác, phân tích và quản trị dữ liệu.

- Nâng cao khả năng tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ, sử dụng hạ tầng cơ sở thông tin, hạn chế đầu tư trùng lặp giữa các thư viện.

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ, đặc biệt là công nghệ số để tối ưu hóa hoạt động thư viện; tăng cường hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng để dùng chung dữ liệu.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ trong lĩnh vực công nghệ thông tin để đảm bảo công việc xây dựng dữ liệu số và tiếp cận, xây dựng các nền tảng công nghệ số trong hoạt động thư viện.

#### **5. Kết luận**

Sự phát triển nhanh chóng của dữ liệu số và công nghệ số đã đặt ra những yêu cầu mới đối với vấn đề cung cấp thông tin đến người dùng. Việc nắm bắt xu hướng thay đổi trong hoạt động tự động hóa thư viện theo hướng ứng dụng công nghệ số giúp cho các thư viện dễ dàng thực hiện tự động hóa, tiếp cận với các trang thiết bị kỹ thuật mới để phát triển dữ liệu số đã tạo ra hướng đi phù hợp trong hoạt động thư viện. Để thực hiện có hiệu quả vấn đề tối ưu hóa và phát triển nền tảng dữ liệu số trong thời đại công nghệ số trong hoạt động thư viện thì đòi hỏi các thư viện cần nắm bắt kịp thời các cơ hội, nhận diện và giải quyết hợp lý, hài hòa giữa phát triển dữ liệu số trên nền tảng công nghệ số để đảm bảo cung ứng nguồn thông tin, tri thức từ các sản phẩm thông tin trong lĩnh vực thư viện thông qua môi trường số để người dân tiếp cận, sử dụng và khai thác thuận lợi ở mọi nơi, mọi lúc, từ đó góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo cho toàn xã hội.

## NGÀY GIA ĐÌNH VIỆT NAM 28 THÁNG 6: "GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC - QUỐC GIA THỊNH VƯỢNG"

### ■ NGHI DUNG

Ngày 04 tháng 5 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72/2001/QĐ-TTg về ngày Gia đình Việt Nam: "Lấy ngày 28/6 hàng năm là ngày Gia đình Việt Nam".

Quyết định nêu rõ: "*Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của trẻ em. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc là góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày Gia đình Việt Nam được tổ chức thống nhất trong toàn quốc. Nhân Ngày Gia đình Việt Nam, ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, ngành liên quan, ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận chỉ đạo tổ chức thực hiện những hoạt động thích hợp với một chủ đề cụ thể và thiết thực, nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào "Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc".*

Ngày Gia đình Việt Nam là một sự kiện có ý nghĩa hết sức thiêng liêng, tôn vinh mái ấm gia đình người Việt, những giá trị văn hóa truyền thống của gia đình Việt Nam, là dịp để các gia đình giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng gia đình hạnh phúc, hướng tới sự phát triển bền vững của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Năm nay, chủ đề ngày Gia đình Việt Nam được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn là: "*Gia đình hạnh phúc - Quốc gia thịnh vượng*". Đồng thời tập trung truyền tải các thông điệp: Gia đình hạnh phúc là nền tảng của quốc gia hạnh phúc; Đầu tư cho công tác gia đình là đầu tư cho phát triển bền vững; Gia đình: điểm xuất phát và đích đến của chính sách; Hệ giá trị gia đình là hạt nhân của hệ giá trị quốc gia; Gia đình là nơi nuôi dưỡng, trao truyền các giá trị văn hóa tốt đẹp; Xây dựng nhân cách con người Việt Nam bắt đầu từ giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; Hạnh phúc sẽ tỏa sáng trong gia đình không có bạo lực; Hành vi bạo lực gia đình là vi phạm pháp luật; Phòng, chống bạo lực gia đình là trách nhiệm của toàn xã hội.

Tại Thừa Thiên Huế, nhiều hoạt động thiết thực được tổ chức trong đợt cao điểm này gồm: Lễ phát động triển khai đăng ký thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; Lễ phát động Tháng hành động quốc gia Phòng, chống bạo lực gia đình; Hội thi Gia đình Thể thao toàn tỉnh; các chương trình nghệ thuật, triển lãm tranh về gia đình... Đây là lần thứ III Hội thi Gia đình Thể thao được tiếp tục tổ chức sau thời gian gián đoạn



do ảnh hưởng của dịch Covid 19. Năm nay, Sở Văn hóa và Thể thao tiếp tục tổ chức Hội thi với các môn cầu lông và bóng bàn. Hội thi đã quy tụ gần 150 vận động viên đến từ các gia đình đại diện cho 9 huyện, thị xã và thành phố Huế tham gia. Các vận động viên tranh tài hai môn cầu lông và bóng bàn theo nội dung: đôi vợ chồng, đôi bố con trai, đôi bố con gái, đôi mẹ con gái... chia làm nhiều nhóm tuổi tương ứng. Hội thi nhằm hưởng ứng Cuộc vận động *“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”* và khuyến khích việc tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe của các thành viên trong mỗi gia đình, là dịp để đánh giá phong trào tập luyện thể dục thể thao quần chúng của các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

Cũng trong dịp này, tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Hội thi vẽ tranh dành cho thiếu nhi với chủ đề *“Gia đình - nơi của yêu thương và chia sẻ”* với mục đích khuyến khích, tạo điều kiện phát triển hoạt động mỹ thuật của thanh thiếu nhi trong và ngoài nhà trường; tạo môi trường hoạt động sáng tạo nghệ thuật có ý nghĩa cho các em thiếu niên, nhi đồng trên địa bàn thành phố Huế. Hội thi đã thu hút hơn 200 học sinh đến từ các trường, trung tâm, các Câu lạc bộ mỹ thuật tham dự. Ban Tổ chức Hội thi đã chọn 53 tác phẩm có chất lượng tốt về nội dung, ý tưởng và nghệ thuật trong số 220 tác phẩm dự thi để trao giải, trong đó có: 02 Giải Nhất, 05 Giải Nhì, 11 Giải Ba và 35 Giải Khuyến khích. Những tác phẩm các em sáng tác tại Hội thi vẽ tranh *“Gia đình - Nơi của yêu thương và chia sẻ”* sẽ được trưng bày triển lãm tại không gian nghệ thuật Đầm Phùng Thị - Bảo tàng Mỹ thuật Huế, phục vụ nhu cầu thưởng lãm của công chúng, các vị phụ huynh, các thầy cô giáo và đông đảo học sinh.

Ở cơ sở, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố đã tăng cường các hoạt động truyền thông trực quan nhằm tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, từng bước ổn định, ngăn chặn các tệ nạn xã hội ảnh hưởng đến gia đình; tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi, đa dạng hưởng ứng Ngày Gia đình Việt Nam: Hội thi Gia đình Thể thao; Hội nghị biểu dương Gia đình văn hóa tiêu biểu; Hội thi cắm hoa nghệ thuật chủ đề *“Khát vọng gia đình trẻ”*; *“Bữa cơm gia đình ấm áp yêu thương”* đối với toàn thể các hộ gia đình trên địa bàn trong khung giờ từ 17h00 đến 19h00 ngày 28 tháng 6.

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình càng cần được chú trọng giữ gìn và lan tỏa mạnh mẽ hơn nữa, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đông đảo quần chúng nhân dân về vai trò, vị trí của gia đình để từ đó khơi gợi tình yêu thương, chia sẻ trách nhiệm giữa các thành viên trong việc xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh, làm nền tảng xây dựng cộng đồng, quốc gia phồn thịnh, hạnh phúc; góp phần cùng toàn đảng, toàn dân nỗ lực thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 như kỳ vọng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021: *“Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam...”* ■

# LAN TỎA GIÁ TRỊ VÀ NÉT ĐẸP CỦA VĂN HÓA ĐỌC TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG

■ Bài và ảnh: THIÊN NGÂN

## 1. Đặt vấn đề

Đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến 2020 định hướng 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 329/QĐ-TTg ngày 15 tháng 03 năm 2017, xác định quan điểm văn hóa đọc là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục của đất nước, mục tiêu là xây dựng và phát triển thói quen, nhu cầu, kỹ năng và phong trào đọc (xuất bản phẩm in và điện tử) trong mọi tầng lớp Nhân dân, nhất là trong thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên và chú trọng tới người dân ở vùng nông thôn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; cải thiện môi trường đọc; góp phần nâng cao dân trí, phát triển tư duy, khả năng sáng tạo, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật, hình thành lối sống lành mạnh trong con người, xã hội Việt Nam, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Việc lan tỏa giá trị và nét đẹp của văn hóa đọc trong đời sống cộng đồng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần hình thành những con người mới có tri thức, đạo đức, nhân cách, lối sống tốt đẹp để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam trong bối cảnh, tình hình hiện nay.



Khai mạc Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2023

## 2. Một số kết quả đạt được

Trong những năm qua, với những chính sách, chủ trương và quyết sách lớn của Đảng, Nhà nước được ban hành đã tạo được hành lang pháp lý cho hoạt động phát triển văn hóa đọc trong cả nước, như: Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 01/11/2022 về đẩy mạnh đổi mới hoạt động thư viện trong phục vụ, phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin cho thiếu nhi; Chương trình “Đẩy mạnh các hoạt động phục vụ học tập suốt

đòi trong các thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa đến năm 2030”; Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Kế hoạch tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 09/05/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng trên địa bàn;... Đồng thời, các cấp, ngành đã đẩy mạnh việc đầu tư, đa dạng hóa và huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phát triển văn hóa đọc, qua đó góp phần thúc đẩy tinh thần tự học, nỗ lực vươn lên và khát vọng cống hiến, dựng xây quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, phồn vinh trong các tầng lớp Nhân dân.

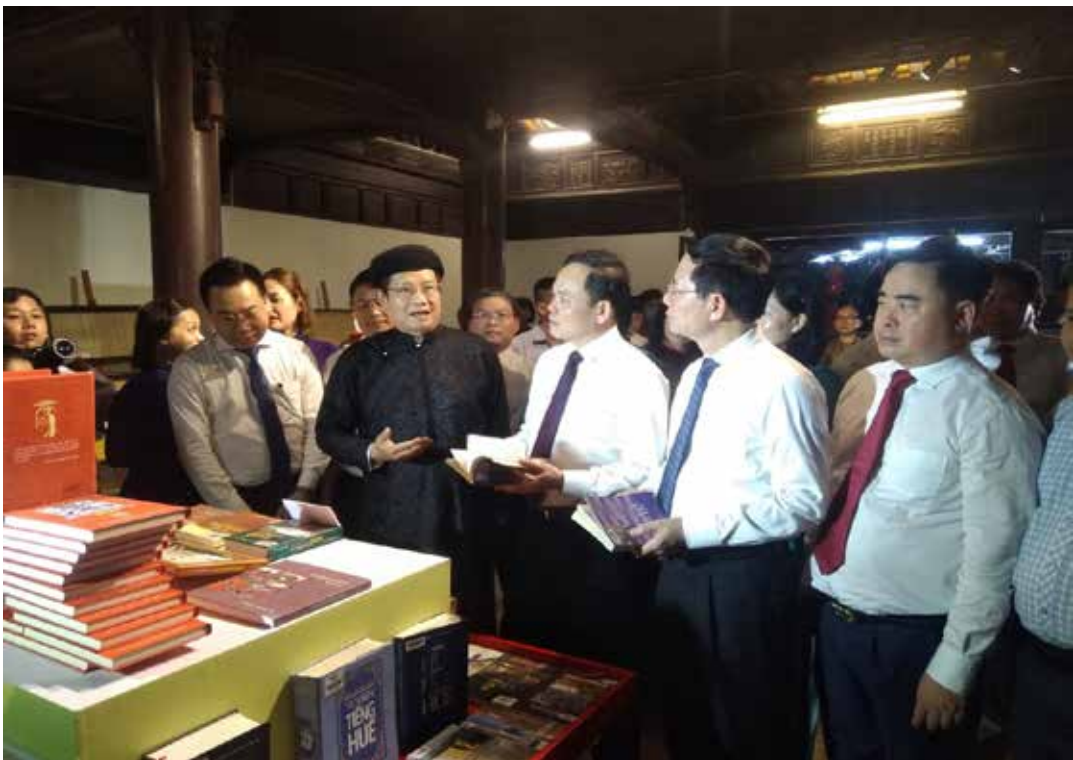
Một trong những kết quả nổi bật trong vấn đề phát triển văn hóa đọc đó là đã phát triển nhiều mô hình, tổ chức trong lĩnh vực thư viện với những hình thức đọc sách đa dạng, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia. Cụ thể trong năm 2022, theo số liệu của Vụ Thư viện, Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tại các đơn vị, địa phương trên phạm vi toàn quốc, kết quả vòng sơ khảo đã có 1.271.935 học sinh, sinh viên tại gần 8.000 trường tham dự, chọn ra 1.364 bài dự thi vào vòng Chung kết; Cuộc thi Giới thiệu sách trực tuyến năm 2022 với chủ đề “Sách và Khát vọng cống hiến” với hơn 4.500 bài dự thi, chọn ra 1.731 bài dự thi vào vòng chung kết, trong đó có tổng lượt bình chọn cho các tác giả tham gia dự thi gần 2,5 triệu lượt; Giải thưởng Phát triển Văn hóa đọc năm 2022 với 68 hồ sơ...

Cùng với việc đa dạng hóa các mô hình thư viện thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết lập mạng lưới thư viện cơ sở cũng đã được các cấp, các ngành, nhà nước quan tâm, số lượng hình thành các thư viện sách tư nhân, thư viện cộng đồng, các tủ sách trong cơ quan, trường học, tư nhân, thôn, bản, dòng họ... cũng ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, hoạt động thư viện lưu động và luân chuyển tài nguyên thông tin cũng được các đơn vị triển khai thực hiện thường xuyên và mang lại nhiều cơ hội, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi nhất để các tầng lớp nhân dân tiếp cận thông tin, tri thức, nâng cao trình độ dân trí cho cộng đồng, xã hội.



*Đại biểu tham quan không gian trưng bày sách, tài liệu của Thư viện Tổng hợp tỉnh TT. Huế trong Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2023*

Theo số liệu thống kê của Vụ Thư viện năm 2022, tổng số thư viện công cộng trong cả nước có được là 3.615 thư viện (tăng 6,9% so với năm 2021, trong đó có 2.897 thư viện cấp xã, 654 thư viện cấp huyện, 63 thư viện cấp tỉnh, thành phố). Tổng số thẻ bạn đọc trong thư viện công cộng cấp năm 2022 là 490.871 thẻ (tăng 49% năm 2021). Tổng số lượt bạn đọc đến thư viện công cộng là hơn 63,7 triệu lượt (tăng 70% so với năm 2021). Tại hệ thống thư viện công cộng cấp tỉnh và cấp huyện đã phục vụ trên 7,6 triệu lượt người và 13,8 triệu lượt tài nguyên thông tin thông qua hình thức lưu động, luân chuyển; phục vụ 36 triệu lượt tài nguyên điện tử được phục vụ thông qua không gian mạng. Cũng trong năm này, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện cấp 5.912 thẻ bạn đọc, tổng lượt bạn đọc 1.151.915 lượt, trong đó phục vụ tại chỗ 38.475 lượt; phục vụ lưu động: 12.890 lượt; qua không gian mạng: 550.000 lượt; tổng lượt tài liệu luân chuyển: 179.690 lượt. Ngoài ra, đơn vị cũng đã đẩy mạnh các hoạt động giới thiệu, quảng bá với nhiều hình thức phong phú, đa dạng giúp thu hút người đọc đến với Thư viện và khai thác thông tin trên website <https://thuvien.thuathienhue.gov.vn> tăng cao so với các năm trước; hoạt động luân chuyển tài liệu, trưng bày triển lãm phục vụ cơ sở được đẩy mạnh và được cộng đồng đánh giá cao...



*Đại biểu tham quan không gian trưng bày sách, tài liệu của Thư viện Tổng hợp tỉnh TT.Huế trong Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2023*

Qua số liệu cho chúng ta thấy, việc đẩy mạnh công tác phục vụ bạn đọc để thúc đẩy văn hóa đọc trong cộng đồng trong năm qua được các địa phương, đơn vị chú trọng thực hiện hiệu quả và đã đạt được những kết quả tích cực. Từ những kết quả này đã mang lại diện mạo mới cho ngành Thư viện trong giai đoạn mới, góp phần phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng và đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong thư viện.

### 3. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động văn hóa đọc trong đời sống cộng đồng ngày nay vẫn tồn tại một số khó khăn, thách thức như:

- Sự phát triển của các phương tiện truyền thông mới, đặc biệt là các thông tin, hình ảnh thời sự, các chương trình vui chơi, giải trí trên không gian mạng đã thu hút phần lớn thế hệ trẻ quan tâm do đó đã không ít một số bộ phận trong giới trẻ dần xa lánh, thờ hững và thiếu quan tâm đến sách và việc đọc sách truyền thống;

- Chính sách đề khuyến khích và huy động sự tham gia của các cá nhân, tổ chức cho vấn đề phát triển lĩnh vực thư viện chưa tương xứng; hệ thống thư viện cấp xã còn thiếu và yếu; nhiều địa bàn không có thư viện, không có cán bộ phụ trách, theo dõi mảng thư viện và văn hóa đọc;

- Công tác tổ chức tuyên truyền, phát động hưởng ứng “ngày hội đọc sách” ở một số nơi vẫn mang tính phong trào, hình thức; chưa thực sự hiểu sâu sắc, toàn diện về ý nghĩa của các chương trình, các phong trào nên chưa tạo được sức ảnh hưởng lớn trong công chúng, bạn đọc.

### 4. Đề xuất, kiến nghị

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền và lan tỏa mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn về ý nghĩa nhân văn, nhân bản của việc đọc sách, vai trò của sách và việc hình thành không gian văn hóa đọc.

- Chú trọng đổi mới mô hình, phương thức tổ chức các hoạt động để thúc đẩy phát triển văn hóa đọc, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, hướng đến mô hình thư viện số, tài liệu điện tử với những ấn phẩm phong phú, đa dạng, có nội dung tốt, hình thức đẹp, đáp ứng tốt nhu cầu ngày cao của công chúng, bạn đọc.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động văn hóa, huy động các nguồn lực và sự đóng góp, cống hiến của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc xây dựng hệ thống thư viện cơ sở, nhất là thư viện ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Có chính sách khuyến khích, tôn vinh và ghi nhận những cống hiến của những cá nhân trong việc phát triển và lan tỏa văn hóa đọc.

- Ưu tiên nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển lĩnh vực thư viện; bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp để tham mưu, tổ chức và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

### 5. Tổng kết

Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng là vô cùng cần thiết trong thời đại công nghiệp 4.0 ngày nay, việc duy trì, phát triển văn hóa đọc là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đọc sách, phát triển tư duy, rèn luyện nhân cách, phẩm chất đạo đức con người Việt Nam, hướng tới xây dựng gia đình học tập, cộng đồng học tập, xã hội học tập, từ đó góp phần hình thành những con người mới có tri thức, đạo đức, có lý tưởng, khát vọng cống hiến để xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. ■

## HIỆU QUẢ TỪ VIỆC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, THỂ THAO CHO HỌC SINH

■ NGÂN HÀ

*V*ới mục đích giáo dục lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, văn hóa Huế gắn với giáo dục thể chất, hình thành và nâng cao ý thức tôn trọng, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, hình thành kỹ năng vận động, thói quen luyện tập thể thao cho học sinh, Sở Văn hóa và Thể thao đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo ký kết và triển khai Chương trình phối hợp về đẩy mạnh tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho học sinh giai đoạn 2019 - 2022. Qua hơn bốn năm triển khai thực hiện, Chương trình đã gặt hái được nhiều thành công, tạo cơ sở và động lực để tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao ý nghĩa cho các đối tượng học sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

### **Giáo dục truyền thống cho học sinh thông qua di sản văn hóa**

Công tác giáo dục truyền thống cho học sinh thông qua di sản văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Sở Văn hóa và Thể thao cùng Sở Giáo dục và Đào tạo tích cực triển khai nhằm giáo dục, giữ gìn, trao truyền, giúp học sinh có ý thức tôn trọng, bảo vệ, phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống của Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Thực hiện Đề án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2017-2022”, Sở Văn hóa và Thể thao đã phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai hiệu quả Chương trình đưa di sản nghệ thuật Ca Huế - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào trường học. Từ năm 2019 đến năm 2022, đã tổ chức 03 lớp tập huấn và cấp giấy chứng nhận hát Ca Huế cho 113 giáo viên bộ môn Âm nhạc của 100 trường Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi hoàn thành khóa tập huấn hát Ca Huế, các giáo viên Âm nhạc đã đưa Ca Huế vào dạy lồng ghép trong chương trình môn Âm nhạc để giới thiệu, truyền dạy cho các em học sinh các cấp học. Đối với cấp học mầm non, các trường đã đưa các làn điệu Ca Huế vào giảng dạy qua các hoạt động dạy hát cho trẻ (Lý Ngựa ô, Lý Chiều chiều, Hò Ru con...). Các trường đã tổ chức liên hoan “Bé với làn điệu dân ca Huế” được đông đảo phụ huynh đồng tình, ủng hộ. Đối với cấp Tiểu học, các giáo viên đã lựa chọn nội dung các làn điệu Ca Huế để đưa vào giảng dạy môn Âm nhạc lớp 4,5 (2 tiết/lớp) với nội dung “Dân ca địa phương”; đối với các lớp 1,2,3, trong kế hoạch dạy học môn Âm nhạc có các tiết dạy về dân ca, giáo viên đã tích hợp nội dung các làn điệu Ca Huế đưa vào giảng dạy. Đối với cấp Trung học cơ sở, các trường đã đưa Ca Huế vào tiết Âm nhạc địa phương của môn học Âm nhạc lớp 7,8,9 theo Chương trình GDPT 2006 (các bài bản như: Mười bản Ngự, Hành vân, Trương tư khúc, Nam ai, Nam bình, Nam xuân, Quả phụ...). Chương trình đưa di sản nghệ thuật Ca Huế vào trường học không chỉ đơn thuần là dạy cho học sinh tập hát Ca Huế mà còn giúp các em nhận ra những giá trị nhân văn ẩn chứa trong nội dung từng bài bản. Từ đó, giúp các em biết trân trọng, yêu quý di sản Ca Huế.

Ngoài Chương trình đưa di sản nghệ thuật Ca Huế vào trường học, việc tổ chức cho học sinh tham quan, học tập tại các bảo tàng là một trong những nhiệm vụ được triển khai thường xuyên, hiệu quả trong thời gian qua. Các bảo tàng thuộc Sở Văn hóa và Thể thao thường xuyên đổi mới nội dung và hình thức trưng bày; chú trọng đầu tư, nghiên cứu, tiếp cận nội dung trưng bày, triển lãm, tuyên truyền theo hướng hiện đại, sử dụng các giải pháp mỹ thuật, phương tiện, chất liệu và hình thức trưng bày, triển lãm, tuyên truyền mới tạo được ấn tượng tốt, giúp cho các em học sinh tiếp thu được kiến thức từ thực tiễn sau mỗi hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm. Xây dựng hệ thống thuyết minh tự động bằng công nghệ quét mã QR; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng bảo tàng ảo (3D) để phục vụ nhu cầu tìm hiểu của các em học sinh.

Các bảo tàng đã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương tổ chức các cuộc trưng bày, triển lãm chuyên đề, tuyên truyền lưu động phục vụ các đối tượng học sinh. Bảo tàng Lịch sử tổ chức thành công các cuộc thi Rung chuông vàng, cuộc thi tìm hiểu về các sự kiện lịch sử, di tích lịch sử văn hóa hay các danh nhân, nhà hoạt động cách mạng, anh hùng dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước; các cuộc tuyên truyền lưu động với chủ đề “Em yêu lịch sử quê hương”; phối hợp với các trường phổ thông trên địa bàn có di tích tổ chức các hoạt động chăm sóc di tích, nâng cao ý thức của các em học sinh về truyền thống “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, về việc bảo vệ và phát huy các giá trị di sản quý báu của cha ông.

Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế tổ chức thường xuyên các hoạt động thi kể chuyện, hùng biện, thi tìm hiểu theo hình thức sân khấu hóa, chiếu phim tư liệu, triển lãm hình ảnh, hiện vật về thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tổ chức các hoạt động khám phá tại các di tích, học sinh đến tham gia được trải nghiệm nhiều hoạt động bổ ích như: viết thư pháp, tằm trà, vẽ tranh, tô màu, đọc sách, viết cảm nghĩ, trò chơi vận động tìm hiểu về chủ đề Bác Hồ... thu hút hàng ngàn lượt học sinh hào hứng tham gia. Từ năm 2019 đến 2022, Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế đã đón 340 đoàn đến kết nạp Đoàn, Đội; 45 đoàn đến phát thưởng và cấp giấy chứng nhận cháu ngoan Bác Hồ; 2.220 đoàn học sinh đến dâng hoa, báo công; 278 đoàn xem phim tư liệu tại Bảo tàng và các điểm triển lãm, tuyên truyền lưu động; 164 đoàn đến sinh hoạt ngoại khóa tại Bảo tàng và các di tích. Trung bình hàng năm, Bảo tàng tổ chức 3-4 cuộc triển lãm chuyên đề tại Bảo tàng, với các chuyên đề phong phú, hình ảnh, hiện vật thu hút khách tham quan như “Hồ Chí Minh - Những nét phác họa chân dung”; “Người đi tìm hình của nước”; “Quê hương - Đất nước - Mùa xuân”...

Bảo tàng Mỹ thuật Huế kết nối, tổ chức cho các em học sinh ở một số trường học trên địa bàn thành phố tham quan, trải nghiệm, học tập tại Triển lãm “Tranh dân gian truyền thống Việt Nam”; “Ký họa di sản Cố đô Huế 2020”; “Di sản Cố đô Huế qua góc nhìn hội họa”; “Nét đẹp di sản Cố đô Huế qua thơ ca, hội họa”; “Búp bê truyền thống Nhật Bản” và Triển lãm “Ningyo - Nghệ thuật và vẻ đẹp của Búp bê Nhật Bản”. Tổ chức “Cuộc thi Mỹ thuật thiếu nhi tỉnh Thừa Thiên Huế”, thu hút đông đảo các em học sinh từ 6-15 tuổi thuộc 150 trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh tham gia với hơn 3.000 tác phẩm dự thi. Tổ chức một số hoạt động thi vẽ tranh với đề tài về cảnh đẹp quê hương đất nước, tô tượng, tô màu tranh, trải nghiệm in tranh dân gian làng Sinh, tranh

Đông Hồ... cho các em học sinh tiểu học và trung học cơ sở; tổ chức triển lãm lưu động ở các trường học, địa phương trên địa bàn tỉnh, tạo sân chơi bổ ích giúp học sinh trải nghiệm, trong tác, học tập, rèn luyện các kỹ năng và phát huy tính sáng tạo, cách thể hiện ý tưởng, năng khiếu, suy nghĩ của các em học sinh về nghệ thuật qua những tác phẩm sáng tạo của mình.

### **Chú trọng phát triển văn hóa đọc trong các đối tượng học sinh**

Đó là nội dung quan trọng được đặt ra trong Chương trình phối hợp giữa hai Sở nhằm hình thành thói quen, nhu cầu và kỹ năng đọc sách cho các em học sinh, lan tỏa văn hóa đọc đến cộng đồng đối với lứa tuổi thanh thiếu nhi, góp phần phát triển văn hóa đọc trong nhà trường. Thời gian qua, nhiều hoạt động phát triển văn hóa đọc trong học sinh được triển khai hiệu quả, đặc biệt là Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc cho đối tượng học sinh trên địa bàn toàn tỉnh. Năm 2021, Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc đã thu hút được 11.040 bài/81 trường trong tỉnh tham gia; trong đó, 03 bài thi đạt giải của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (giải khuyến khích), 32 giải của tỉnh. Năm 2022, Cuộc thi đã có 10.327 bài/91 trường tham gia với 30 cá nhân và 02 tập thể đạt giải.

Bên cạnh đó, Cuộc thi Giới thiệu sách trực tuyến; các cuộc thi về tuyên truyền giới thiệu sách, kể chuyện sách nhân các ngày lễ lớn và Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4), Ngày Sách và bản quyền thế giới (24/4) đã được tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức phong phú: Trưng bày, triển lãm, Giới thiệu Tủ sách Huế, Giới thiệu sách, Kể chuyện theo sách, Gian sách 0 đồng, Chia sẻ sách; trưng bày tủ sách lớp học, giao lưu chia sẻ sách hay, thi khéo tay làm bookmark... đã thu hút đông đảo các em học sinh tham gia. Tiêu biểu như: Ngày hội đọc sách tại Trường THCS Trần Thúc Nhẫn, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền; Ngày hội đọc sách với chủ đề “Chấn hưng văn hóa và phát triển văn hóa đọc” tại trường THCS Phú An, huyện Phú Vang; “Tuần lễ sách và Văn hóa đọc” năm 2022 tại huyện A Lưới; hoạt động “Đọc sách cho ngày mai” tại trường tiểu học Hương Lộc huyện Nam Đông; Ngày Hội lan tỏa Văn hóa đọc năm 2022 tại Trường THPT Phan Đăng Lưu, thành phố Huế; Trường Tiểu học Thủy Biều, thành phố Huế với Hội chợ sách “Mỗi cuốn sách là một giấc mơ”...

### **Duy trì và nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất, tổ chức các hoạt động thể thao trường học**

Trong những năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo cùng Sở Văn hóa và Thể thao đã phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học. Phương pháp giảng dạy, đánh giá môn giáo dục thể chất được đổi mới, các môn thể thao mới được đưa vào trường học các cấp, đặc biệt, võ thuật cổ truyền Việt Nam từng bước được đưa vào giảng dạy, vào các bài tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ trong các nhà trường; các CLB thể dục thể thao và các đội thể thao được thành lập; qua đó, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động tập luyện và phát triển thể chất. Năm 2022, có 100% trường THCS và THPT có giáo viên chuyên trách dạy môn thể dục; học sinh THCS và THPT cơ bản được tập luyện theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, 100% trường học đảm bảo chương trình nội khóa về thể dục thể thao cho học sinh, 50% trường có chương trình ngoại khóa.

Ngoài ra, việc xây dựng hệ thống thi đấu và tổ chức các giải thể thao trường học



cấp tỉnh và quốc gia đã được quan tâm thực hiện: Tổ chức và cử vận động viên tham gia thi đấu Giải bơi cứu đuối học sinh, Thanh thiếu nhi toàn quốc “Đường đua xanh” năm 2019; tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp Tỉnh, Giải Bóng đá truyền thống học sinh THPT tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2020 - 2021; Giải Bóng đá truyền thống học sinh THPT tỉnh Thừa Thiên Huế Lần thứ II, năm học 2021- 2022; Giải Điền kinh học sinh phổ thông toàn quốc năm 2022; tổ chức môn Bơi, Điền kinh, Bóng đá truyền thống học sinh phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022; tổ chức môn Bơi, Điền kinh, Bóng đá truyền thống học sinh phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023; tổ chức và tham gia Giải Vô địch Taekwondo học sinh, sinh viên toàn quốc lần thứ I năm 2023...

Kết quả nổi bật trong việc tổ chức các hoạt động thể thao trường học là việc triển khai hiệu quả Chương trình bơi an toàn, phòng, chống đuối nước cho học sinh các cấp. Đã tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên, giảng viên thể dục thể thao về kỹ thuật bơi an toàn và phòng chống đuối nước; tổ chức Lễ phát động Học sinh tập luyện môn Bơi phòng chống đuối nước và Giải bơi Học sinh phổ thông hàng năm. Giai đoạn 2019 - 2022, Trung tâm Thể thao tỉnh đã phối hợp phổ cập bơi cho hơn 2.000 học sinh các trường THCS Nguyễn Tri Phương, trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, trường Tiểu học số 1 An Đông, trường TH số 1 Phú Thượng, trường THCS Chu Văn An, trường THPT Nguyễn Huệ và trường THPT Phan Đăng Lưu và một số trường trong tỉnh. Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao các huyện, thị xã, thành phố Huế cũng đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhận thức cho học sinh, tổ chức dạy bơi, rèn luyện các kỹ năng nhận biết nguy cơ và kỹ năng phòng, tránh tai nạn đuối nước cho học sinh tại địa phương.

Việc đẩy mạnh tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho học sinh đã thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao; qua đó tạo ra sự phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, thể chất cho học sinh, góp phần xây dựng con người Thừa Thiên Huế phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ■

## CÂU LẠC BỘ TAEKWONDO Ở HƯƠNG VĂN - HỌC VÕ LÀ RÈN LUYỆN SỨC KHỎE VÀ NHÂN CÁCH

■ Bài và ảnh: XUÂN TRƯỜNG

Với các ưu điểm như nhanh, mạnh và độ chính xác cao, võ Taekwondo là một trong những môn võ dùng để tự vệ và tấn công một cách hiệu quả nhất. Nhưng đằng sau những điều đó, nó còn giúp người học võ rèn luyện được đức tính kiên nhẫn, chịu khó, giúp nâng cao sức khỏe qua quá trình luyện võ. Đó cũng là phương châm, mục đích chính mà môn võ này hướng đến. Tại TT-Huế, bộ môn Taekwondo thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia, bởi theo các võ sinh: “Học võ cũng chính là rèn luyện sức khỏe, rèn luyện nhân cách”.

Là một học sinh lớp 7 trường THCS Hồ Văn Tú (Hương Văn, Hương Trà), trước đây, ngoài giờ lên lớp, em Phạm Tiến Bảo, ở phường Hương Văn, thị xã Hương Trà thường dành nhiều thời gian cùng các bạn đến quán Internet để chơi game. Ngoài việc mất thời gian, việc chơi game, rồi “đam mê”



game đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập cũng như sức khỏe của em. Từ ngày đến với võ đường, Bảo thực sự cảm thấy đam mê và thích thú tập luyện với môn võ này. Ngoài việc nâng cao sức khỏe, qua quá trình luyện võ Bảo còn học được tính kiên nhẫn, chịu khó. Điều này đã giúp em rất nhiều trong việc học tập và trong cuộc sống.

Em Phạm Tiến Bảo vui vẻ cho biết: “Ngoài việc dạy võ, em được thầy dạy cho đức tính tôn sư trọng đạo, làm việc gì cũng phải chịu khó, không được bỏ cuộc giữa chừng. Từ ngày học võ em cũng không còn thích game nữa”.

Ngày mới thành lập, võ đường của anh Lê Đình Phước Thành - một võ sư trẻ của bộ môn Taekwondo chỉ có vài môn đệ, nhưng đến nay số lượng học viên đến tham gia theo học trên 55 võ sinh, nay đang tập luyện thường xuyên là trên 40 võ sinh. Trong đó, chủ yếu là các bạn học sinh từ tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Nhất là mùa hè, các em học sinh được nghỉ nên đăng ký tham gia tập luyện khá đông.

Ngoài việc truyền thụ võ thuật, trong quá trình giảng dạy, võ sư trẻ Lê Đình Phước Thành còn dành nhiều thời gian dạy các học viên cách rèn luyện đức tính kiên nhẫn, không nóng nảy và đạo lý tôn sư trọng đạo. Tất cả những điều này đều rất quan trọng



đối với một người học võ. HLV võ sư trẻ Lê Đình Phước Thành - Chủ nhiệm CLB Taekwondo Hương Văn: “Taekwondo là nghệ thuật sử dụng triết để các phần của thân thể dùng làm vũ khí để tự vệ và tấn công một cách hiệu quả nhất, đặc biệt là đôi tay và đôi chân. Ngoài hiệu quả đáng kinh ngạc như một phương cách tự

vệ, Taekwondo còn là một môn thể thao lý tưởng giúp cho thân thể được phát triển toàn diện một cách hài hòa. Bộ môn Taekwondo là một Bộ môn rèn luyện sức khỏe và kỹ năng tự vệ an toàn bậc nhất trong các môn thể thao đối kháng”.

Môn võ Taekwondo có xuất xứ từ Hàn Quốc. Vào thời xa xưa, trên những chiến trường, môn võ này được sử dụng chỉ với mục đích chính là giáng cho quân thù những đòn chí tử. Ngày nay, Taekwondo được nhiều người biết đến như một môn thể thao qua các đấu trường quốc gia, khu vực và quốc tế.

Để đạt đến cảnh giới cao nhất của võ thuật Taekwondo, người học võ phải có một tinh thần cương quyết, một ý chí kiên cường. Tất cả đều hướng đến một mục đích duy nhất là rèn luyện nhân cách, rèn luyện đạo đức con người. HLV võ sư trẻ Lê Đình Phước Thành - Chủ nhiệm CLB Taekwondo Hương Văn cho hay: “Điều quan trọng tôi mong muốn các em có thể nâng cao được sức khỏe, phục vụ việc học tập và cuộc sống”.

Ông Nguyễn Xuân Chinh - Chủ tịch UBND phường Hương Văn: “CLB Taekwondo Hương Văn đi vào hoạt động ngày 1/6/2019 trên 55 võ sinh tập luyện vào các buổi chiều các ngày thứ 2, 4, 6. CLB Taekwondo đã trải qua một kỳ thi nâng cấp đai vào ngày 29/9/2019 và tham gia một giải thi đấu Taekwondo cúp đồng đội CLB Phù Đổng mở rộng lần thứ I với nội dung nam dưới 13 tuổi vào ngày 24/11/2019. Mới đây, cuối tháng 12/2020, CLB Taekwondo Hương Văn đã tham gia giải Vô địch Taekwondo, Karatedo trẻ các CLB tỉnh TT Huế giành được 2 HCV. CLB Taekwondo Hương Văn đã đưa phong trào văn hóa thể thao của địa phương có nhiều chuyển biến tích cực và đóng góp nhiều VĐV cho địa phương tham gia các giải đấu do cấp trên tổ chức. CLB đã làm nền tảng cho việc phát động phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” ở địa phương”.

Điều mong ước lớn nhất của võ sư trẻ Lê Đình Phước Thành là có thể truyền bá tinh thần cao thượng, tính nhân văn của môn võ Taekwondo đến với tất cả mọi người. Qua đó, có thể góp phần nâng cao sức khỏe cho cộng đồng; đồng thời, giúp các học viên rèn luyện tính kiên nhẫn, đạo lý tôn sư trọng đạo, những phẩm chất quý của dân tộc Việt Nam và cũng là điều mà người học võ cần hướng đến. ■

## BÓNG ĐÁ HUẾ, NIỀM TIN TỪ CÁC TUYỂN BÓNG ĐÁ TRẺ

■ Bài và ảnh: KIM PHỤNG

**N**hững năm gần đây, công tác đào tạo bóng đá trẻ Huế đã có những chuyển biến tích cực. Các đội tuyển trẻ liên tục giành nhiều thành tích nổi bật, để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng khán giả hâm mộ. Trong đó, phải kể đến thành tích của các đội bóng U13, U15 và U17 khi các đội bóng này lần lượt góp mặt vào các Vòng chung kết các giải bóng đá trẻ quốc gia, đặc biệt là thành tích giành tấm huy chương đồng của đội bóng U15 ; nhiều VĐV đã được tập trung vào các đội tuyển bóng đá trẻ quốc gia.

*Từ công tác đào tạo chuyên môn...*

Có thể nói rằng, công tác đào tạo bóng đá trẻ luôn là một trong những vấn đề cần được chú trọng phát triển. Bởi công tác đào tạo trẻ là nguồn chủ yếu cung cấp lực lượng kế cận cho đội 1 tham gia làm nhiệm vụ tại các sân chơi chuyên nghiệp. Nếu không làm tốt ngay từ công tác đào tạo trẻ thì chắc chắn việc tuyển chọn những cầu thủ



*Cầu thủ đội tuyển U17 Quốc gia - Nguyễn Đăng Khoa (mặc áo trắng)*

có chất lượng cho đội 1 tham dự các giải đấu chuyên nghiệp là điều không thể.

Trước tiên, phải kể đến “đầu vào” của công tác đào tạo bóng đá trẻ ở Huế. Những năm trở lại đây, công tác tuyển chọn VĐV luôn được chú trọng. Ngoài việc tìm kiếm các VĐV năng khiếu bóng đá từ các giải bóng đá học sinh ở các huyện, thành phố, hàng năm, Đoàn Bóng đá còn tổ chức 2 đợt tuyển sinh VĐV năng khiếu tại sân vận động Tự Do. Qua 1 đợt tuyển sinh đã thu hút khoảng gần 2.000 các em có độ tuổi từ 10 đến 17 trong cả nước đến tham gia tuyển chọn. Từ các đợt tuyển sinh này, đã tìm kiếm được các năng khiếu bóng đá để thành lập, bổ sung vào các đội tuyển bóng đá trẻ của tỉnh.

Hàng năm, Đoàn Bóng đá đào tạo các tuyển bóng đá trẻ U11, U13, U15, U17, U19, U21 tham gia thi đấu tại các giải quốc gia do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam tổ chức. Đoàn Bóng đá Huế luôn quan tâm, tạo điều kiện để tất cả các các đội bóng được tham gia thi đấu cọ xát tại các giải bóng đá trẻ này. Vì thế, hầu hết các giải bóng đá trẻ do Liên đoàn Bóng đá Việt Nam tổ chức hàng năm (từ U11-U21), Đoàn Bóng đá Huế luôn cử các đội bóng trẻ tham gia. Từ các giải đấu này, các cầu thủ trẻ có cơ hội thi đấu, cọ xát nhiều hơn, trình độ chuyên môn được phát triển hơn.

Theo lộ trình đào tạo của bóng đá trẻ Huế, mỗi một tuyển sẽ được thi đấu 2 năm liên

tiếp theo đúng lứa tuổi của mình, ví dụ như đội bóng U17 (là các em có độ tuổi 16 sinh năm 2007) sẽ được thi đấu 2 mùa giải U17 liên tiếp vào các năm 2023, 2024. Tuy nhiên, theo quy định mới của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, năm 2024, các em sinh năm 2007 (đúng 17 tuổi) sẽ không được tham gia giải U17 mà giải U17 sẽ dành cho các em trong độ tuổi từ 15 đến 16 (sinh năm 2008, 2009). Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến công tác đào tạo bóng đá trẻ Huế, các em sẽ không được tham gia 2 giải liên tiếp theo đúng lứa tuổi đào tạo, ít được thi đấu cọ xát nâng cao trình độ chuyên môn.

Công tác đào tạo trẻ được quan tâm đầu tư từ những điều thiết thực nhất. Ngoài các bữa dinh dưỡng chính, các em được bổ sung thêm nhiều các dưỡng chất khác để tăng cường thể trạng và sức khỏe như sữa, trái cây, các thực phẩm chức năng tăng trưởng chiều cao... Vì thế, so với các địa phương khác, chúng ta không thua về thể hình, thể trạng, thậm chí còn nhỉnh hơn các tỉnh trong khu vực miền Trung như Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Nam...

Tuy nhiên, một vấn đề khó khăn trong công tác đào tạo bóng đá trẻ là sân bãi tập luyện. Thừa Thiên Huế là một trong số ít địa phương có hệ thống đào tạo trẻ đầy đủ (từ U11-U21) và tham gia tất cả các giải bóng đá trẻ quốc gia hàng năm. Với số lượng các tuyển VĐV như trên, song hiện nay chỉ có 1 sân tập luyện, vì thế đã gây ảnh hưởng lớn đến kế hoạch tập luyện của các đội bóng. Theo xu hướng phát triển của bóng đá hiện nay, việc cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ cho công tác tập luyện của các đội bóng đá trẻ là vô cùng quan trọng, nó góp phần quyết định việc phát triển chuyên môn của cầu thủ được đào tạo, tạo nguồn cầu thủ có chất lượng chuyên môn tốt bổ sung cho đội tuyển bóng đá của tỉnh nhà. Vì vậy, Thừa Thiên Huế phải mạnh dạn xây dựng được Trung tâm đào tạo bóng đá ở Huế trong tương lai. Chắc chắn, nếu Trung tâm bóng đá này được xây dựng, nó không những đáp ứng được phong trào mà còn là cơ sở để phát hiện, tuyển chọn, đào tạo lực lượng VĐV bổ sung cho các đội tuyển bóng đá của tỉnh; hơn nữa sẽ thu hút được nhiều giải bóng đá quốc gia, quốc tế về tổ chức tại địa phương.

### **... đến giáo dục đạo đức, kỹ năng sống**

Cùng với công tác đào tạo chuyên môn, việc đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử các tình huống trên sân cũng được đào tạo và từng bước xây dựng hình ảnh cầu thủ bóng đá Huế. Với đặc thù hầu hết VĐV được tuyển chọn từ bé, ăn ở tự lập xa gia đình, các em lại đang trong giai đoạn hình thành nhân cách nên nếu không quan tâm giáo dục, VĐV trẻ rất dễ sa đà vào những việc không hay, để lại điều tiếng xấu, thậm chí sa vào tệ nạn xã hội. Do đó, ngoài kiểm soát chặt chẽ quá trình luyện tập, các VĐV đều được theo sát trong suốt quá trình ăn ở, sinh hoạt tại nơi ở. Do được giám sát chặt chẽ và chân chính kịp thời khi các em có biểu hiện chưa tốt nên từ trước đến nay các tuyển bóng đá trẻ ở Huế không có những sự việc đáng tiếc liên quan đến đạo đức, lối sống của VĐV.

Đặc biệt, tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách” đã được hình thành trong các cầu thủ trẻ. Hàng năm, các em có những chuyến thiện nguyện, trao quà cho những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở các huyện, xã trong tỉnh từ những đồng tiền được các em tiết kiệm, dành dụm. Đây là một việc làm rất ý nghĩa trong hành trang hình thành nhân cách của các em. Ông Lê Chí Nguyên, huấn luyện viên trưởng đội bóng U17 Huế chia sẻ: *“Ban huấn luyện chúng tôi luôn quan niệm rằng, muốn thành tài thì trước hết phải là người tử tế, phải rèn luyện chuyên môn, sinh hoạt tốt. Ngoài đá bóng giỏi, các em còn phải biết chia sẻ, lan tỏa tình yêu thương đến mọi người. Và những chuyến đi thiện nguyện chính*



*Đội bóng U15 Thừa Thiên Huế nhận Huy chương Đồng tại Giải U15 Quốc gia năm 2022*

năm gần đây đó chính là thành tích giành quyền tham dự Vòng chung kết giải bóng đá U13 quốc gia năm 2020 của đội U13 Huế. Tại Vòng chung kết, các cầu thủ nhí đã thi đấu khá ấn tượng và dừng chân ở trận tứ kết. Cũng lứa VĐV này, năm 2022 (năm 2021 không tham gia do dịch Covid 19) các em đã thi đấu xuất sắc tại Vòng chung kết giải bóng đá U15 quốc gia năm 2022. Vượt qua nhiều đội bóng được đánh giá mạnh như Hoàng Anh Gia Lai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An..., U15 Huế tiến sâu vào đến trận bán kết và để thua Trung tâm

đào tạo PVF một cách đáng tiếc với tỷ số 0-1, giành tám huy chương đồng. Có thể nói rằng, năm 2022 được xem là năm khá thành công của bóng đá trẻ Huế. Sau thành công của đội bóng U15 với tám huy chương đồng, đội U17 cũng gây ấn tượng mạnh ở Vòng chung kết giải bóng đá U17 quốc gia khi xuất sắc vào chơi đến trận tứ kết. Từ các giải bóng đá trẻ này, Thừa Thiên Huế có 6 VĐV được triệu tập vào đội dự tuyển U16 quốc gia, giành

HCB giải bóng đá U16 Đông Nam Á. Đặc biệt, 3 VĐV và Nguyễn Lương Tuấn Khải, Vi Đình Thượng, Nguyễn Đăng Khoa tiếp tục triệu tập U17 quốc gia tham gia giải U17 Châu Á, thi đấu xuất sắc giành quyền tham dự Vòng chung kết giải bóng đá U17 Châu Á.

Vừa qua, đội U17 Huế cũng đã giành quyền vào Vòng chung kết Giải bóng đá U17 quốc gia năm 2023 vừa được diễn ra tại Hưng Yên vào tháng 3. Tại giải đấu năm nay, đội U17 dừng chân ở trận tứ kết. 2 VĐV Nguyễn Lương Tuấn Khải và Vi Đình Thượng tiếp tục được triệu tập vào đội tuyển U17 quốc gia chuẩn bị tham dự Vòng chung kết giải bóng đá U17 Châu Á.

Những thành tích đạt được trong những năm vừa qua là kết quả của sự nỗ lực, cố gắng hết mình của HLV, VĐV các đội bóng đá trẻ Huế. Những thành tích này chắc chắn sẽ tiếp thêm nhiều nỗ lực cho các giải đấu trong năm tiếp theo của bóng đá trẻ Huế. Người hâm mộ có thể hy vọng và tin tưởng ở sức trẻ và lòng nhiệt huyết, khát khao của bóng đá trẻ Huế trên những chặng đường tiếp theo. ■

*là cơ hội để các em trải nghiệm, hiểu hơn về tinh thần “Lá lành đùm lá rách” của dân tộc ta, hướng cho các em về một “Giấc mơ Huế” ngày càng tươi đẹp”.*

***Và những thành tích mới***

Sự trở lại của bóng đá trẻ Huế trong những



*Hoạt động thiện nguyện tại xã Phong Sơn, huyện Phong Điền của Đội Bóng đá U17 Thừa Thiên Huế*

# ĐỌC SÁCH BÙI HUY TÍN

## VỚI THỰC NGHIỆP DÂN BÁO VÀ TRÀNG AN BÁO

■ YÊN CHI

Chiều ngày 8/3, Nhà nghiên cứu Nguyễn Xuân Hoa gọi điện thoại cho tôi thông báo, bạn của ông, NNC Trần Việt Ngạc có nhã ý tặng tôi cuốn sách mới in “Bùi Huy Tín với Thực nghiệp Dân báo và Tràng An báo”, ông sẽ đem đến văn phòng cho tôi ngay và nói thêm, thầy Ngạc mong tôi xem và có vài ý kiến phát biểu vào ngày Chủ nhật tới, trong buổi ra mắt cuốn sách này tại vườn Ý Thảo. Dù khá bận, nhưng tôi sốt sắng nhận lời ngay.

Tôi đã dành cả đêm hôm đó để đọc hết cuốn sách dày 284 trang, đọc liền một mạch, không dừng lại như thói quen đọc sách thông thường. Không những thế, sau khi gấp cuốn sách, tôi còn tìm đọc một số bài viết liên quan đến Bùi Huy Tín, nhà in Đắc Lập, Thực nghiệp Dân báo, Tràng An báo... trên internet để có thêm thông tin, và cả những cách nhìn đa chiều.

Phải nói rằng, Bùi Huy Tín (1875-1963) là một nhân vật rất hấp dẫn với một tiểu sử đặc biệt. Xuất thân từ một gia đình yêu nước, tham gia kháng Pháp trong quân đội của Đề Thám, nhưng từ 3 tuổi ông đã trở thành trẻ mồ côi, rồi được những sỹ quan trong quân đội Pháp nuôi ăn học, dạy tiếng và dạy cả văn minh nước Pháp. Bước vào tuổi thanh niên ông đã trở thành một thông ngôn xuất sắc, am hiểu lối sống Tây, văn minh phương Tây nhưng Bùi Huy Tín không chọn con đường học thuật mà chọn nghề kinh doanh. Bắt đầu từ việc nhỏ là thâu nuôi và khai thác cá hồ Tây đến các gói thầu lớn dần là tham gia xây dựng hạ tầng đường sắt, đường bộ ở miền Bắc, miền Trung vào đến tận Tây Nguyên, rồi khi đủ tiềm lực ông tiến vào lĩnh vực nông nghiệp, đứng ra lập đồn điền ở nhiều nơi, quy tập dân chúng, phục hồi và phát triển sản xuất. Ông trở thành một trong tứ đại danh gia giàu có nổi tiếng của xứ Bắc kỳ: “Nhất Bưởi nhì Phú tam Thu tứ Tín” (Bạch Thái Bưởi, Hoàng Trọng Phú, Nguyễn Hữu Thu và Bùi Hữu Tín). Nhưng không giống phần lớn các nhà tư sản Việt Nam lúc đó thường chỉ dừng lại trong lĩnh vực kinh doanh, Bùi Hữu Tín lại không ngần ngại tham gia vào các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Ông đầu tư thành lập nhà in Đắc Lập tại kinh đô Huế từ năm 1920 dù biết việc đầu tư này khả năng cao sẽ bị thua lỗ. Ông thành lập và làm chủ nhiệm các báo Thực nghiệp Dân báo ở Bắc Kỳ, Tràng An báo và La Gazette de Hué (phiên bản tiếng Pháp của Tràng An báo) tại Trung kỳ và không ngần ngại bộc lộ quan điểm của mình cũng chính là quan điểm của tờ báo.

Đây cũng chính là nội dung chương I của cuốn sách, dù chỉ dài hơn chục trang nhưng đủ để khắc họa nên chân dung một Bùi Huy Tín chân thực, sống động và hấp dẫn. Trước đây, đã có một số bài viết về nhân vật đặc biệt này, nhưng thông tin về ông đều không đầy đủ bằng phần viết ở chương I.

Từ chương II đến chương VI là phần viết về các tờ báo do Bùi Huy Tín sáng lập và làm chủ nhiệm, trong đó chiếm dung lượng chính vẫn là phần viết về Thực nghiệp Dân báo, chiếm đến 4/5 chương.

Chương II là chương giới thiệu chung về Thực nghiệp Dân báo, tờ báo do ông cùng người bạn, cũng là một nhà tư sản nổi tiếng Nguyễn Hữu Thu đồng sáng lập, hoạt động

từ năm 1920 đến tháng 6/1935. Các chương III, IV và V giới thiệu chi tiết hoạt động của Thực nghiệp Dân báo với 3 sự kiện lịch sử tiêu biểu của nước ta hồi ấy: Phong trào đòi trả tự do cho Phan Bội Châu; Lễ tang Phan Châu Trinh và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (Bái). Chương VI giới thiệu về Trảng An báo và La Gazette de Hué. Phần Phụ lục đăng các bài viết của các tác giả Bùi Huy Tín, Nguyễn Khắc Thái, Đỗ Minh Điền, Bùi Bích Hà, phần lời giới thiệu khi ra mắt của tờ La Gazette de Hué. Ngoài ra còn có hai bài viết nhận xét về bản thảo cuốn sách của NNC Nguyễn Xuân Hoa và PGS.TS Nguyễn Phước Bửu Nam đăng cuối cùng ở mục Cảm nghĩ.

Nhìn chung, đây là một cuốn sách rất đáng đọc, nhất là đối với người làm công tác nghiên cứu văn hóa lịch sử. Đáng đọc vì một số điểm sau đây:

1. Cung cấp cho chúng ta một cái nhìn đầy đủ, đa chiều và toàn diện hơn về một nhân vật lịch sử, có cuộc đời thăng trầm, vốn còn nhiều uẩn khúc và chưa được đánh giá công bằng. Và chính điều đó khiến chúng ta phải suy nghĩ, trăn trở về thân phận con người, thân phận đất nước, dân tộc. Đó không chỉ là câu chuyện của thế kỷ trước mà thực sự vẫn mang đầy tính thời sự trong bối cảnh hiện nay;

2. Các thông tin phong phú, chi tiết, khách quan về 3 sự kiện lớn của đất nước ta và một số sự kiện khác trong thập niên 1920 và đầu thập niên 1930 được các tờ báo Thực nghiệp Dân báo, Trảng An báo và phiên bản tiếng Pháp (La Gazette de Hué) của nó phản ánh chính là nguồn sử liệu hết sức cần thiết và bổ ích cho các nhà nghiên cứu về lịch sử, văn hóa xã hội Việt Nam trong thời kỳ này.

\*

Cũng có chút đáng tiếc là cuốn sách vẫn còn một số lỗi morat, lỗi ngữ pháp, hay chú thích chưa chính xác, có lẽ do làm vội hoặc khâu biên tập chưa kỹ? Chẳng hạn ngay ở đầu sách có hai bức ảnh chân dung Bùi Huy Tín nhưng lại ghi năm mất khác nhau (bức ở trang 7 ghi 1875-1963, nhưng bức ở trang 11 lại ghi là 1875-1961). Hay ở mục lục sách lại ghi thiếu chương V (dù có đề mục chương, nhưng xếp chung vào chương IV).. vv. Tuy nhiên, những sai sót, hạn chế đó không nhiều, không lớn, ít ảnh hưởng đến giá trị cuốn sách.

Xin cảm ơn NNC, Nhà giáo Trần Viết Ngạc đã tặng cho chúng ta công trình khảo cứu công phu và có giá trị này. Thời điểm cuốn sách ra đời và được giới thiệu cũng rất có ý nghĩa, những ngày tháng 3/2023, khi Huế chuẩn bị kỷ niệm 48 năm ngày giải phóng, 30 năm (1993-2023) Quần thể Di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới và 20 năm (2003-2023) Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Việt Nam được UNESCO vinh danh là Di sản phi vật thể đại diện nhân loại. ■



## Giáo dục ứng xử trong gia đình: Bắt đầu từ vấn đề xưng hô

■ DƯƠNG HỒNG LAM

**T**hông qua giao tiếp để giáo dục về lối sống, ứng xử đối với các thế hệ, đặc biệt là thế hệ trẻ là câu chuyện không mới nhưng đang dần ít được các bậc phụ huynh quan tâm. Trong đó, xưng hô là cột rế của hoạt động giao tiếp. Do vậy, những người làm cha, làm mẹ cần hết sức quan tâm uốn nắn ngay từ nhỏ. Để khi các em bước chân vào đời, sẽ tạo được những thói quen tốt trong giao tiếp, tránh trường hợp tùy tiện, thiếu hiểu biết ảnh hưởng đến văn hóa giao tiếp ứng xử.

Người Việt có truyền thống xưng hô mang tính nhân bản đó là “xưng khiêm hô tôn”. Trong xưng hô có sự tương ứng giữa xưng và hô. Mọi sự không tương ứng giữa xưng và hô đều mang dụng ý và tạo ra những ý nghĩa nhất định. Xưng hô ngoài liên quan đến thói quen, phong tục truyền thống, thì xưng hô còn là một nội dung trong giáo dục lối sống và nhân cách.



Xưng hô, mới nghe qua tưởng thật đơn giản, đưa trẻ lên ba cũng biết.

Trong thực tế, trẻ nhỏ vừa học nói đã được cha mẹ, anh chị dạy cho cách xưng hô, thế nhưng đến khi trưởng thành vẫn còn sai sót. Nhiều khi chỉ vì một sai sót nhỏ trong cách xưng hô mà gây nên thành kiến nặng nề. Thế nên, cách xưng hô cũng ảnh hưởng không nhỏ đến giáo dục nhân cách, ứng xử cho giới trẻ.

Trong cuộc sống thường ngày, xưng hô là vấn đề quan trọng trong giao tiếp. Nó có tác dụng định hướng, duy trì quá trình giao tiếp, trao đổi thông tin của con người đồng thời thể hiện trình độ văn hóa, văn minh trong giao tiếp.

“Xưng” là người nói dùng ngôn ngữ để chỉ mình trong giao tiếp. “Hô” là người nói dùng ngôn ngữ để gọi người thứ hai trực tiếp tham gia hành động giao tiếp.

Từ ngữ xưng hô, cách xưng hô mang đậm giá trị nhân văn, mang đậm sắc thái văn hóa dân tộc, đặc biệt trong văn hóa ứng xử giao tiếp của con người. Từ xưng hô, chúng ta có thể nhận ra những giá trị văn hóa trong quan hệ ứng xử và giao tiếp. Mỗi một đối tượng cụ thể luôn có nhiều cách xưng hô trong nhiều ngữ cảnh, trong nhiều mối quan hệ khác nhau. Xưng hô gắn liền với mỗi quan hệ thân sơ, huyết thống hay không huyết thống, kính trọng hay khinh miệt, vui vẻ hay giận dữ. Xưng hô gắn với tâm lý, tình cảm và ngôn cảnh hết sức cụ thể. Chính vì thế việc xưng hô đúng vai giao tiếp, thể hiện sự kính trọng, quý mến thương yêu nhau cũng là một biểu hiện về nét đẹp văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh đất nước hội nhập phát triển và thời đại công nghệ, văn hóa truyền thống Việt Nam cũng ít nhiều chịu sự tác động và chi phối của văn hóa phương Tây trong quá trình giao thoa, tiếp biến. Trong đó, giao tiếp xã hội cũng bị ảnh hưởng ít nhiều trong xu thế đó.

Từ giao thoa về văn hóa, ngôn ngữ cũng có những thay đổi để phù hợp với môi trường giao tiếp rộng mở, hội nhập. Cách xưng hô cũng vì thế mà có nhiều biến chuyển mang

tính “thức thời”. Những từ ngữ tôn xưng, khiêm xưng vốn được sử dụng trong giao tiếp truyền thống hầu như ít xuất hiện. Đặc biệt trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển, ngôn ngữ internet sử dụng rộng rãi. Từ lóng, ẩn ngữ, mật ngữ, từ ngoại lai... xuất hiện nhiều hơn và được sử dụng phổ biến trong giới trẻ. Xu thế ngôn ngữ ngắn gọn, đơn giản theo lối “kiệm lời” được giới trẻ thường xuyên sử dụng đã ảnh hưởng rất nhiều đến ngôn ngữ giao tiếp, trong đó có vấn đề xưng hô.



Giao tiếp ứng xử trong gia đình là nền tảng, cơ sở cho quá trình hình thành nhân cách của trẻ. Trong đó, xưng hô có vai trò và tác động trực tiếp đến thói quen giao tiếp của trẻ. Bởi xưng hô chứa đựng nhiều tri thức, giá trị văn hóa của người Việt và mang tính đặc trưng riêng, độc đáo của từng vùng văn hóa. Chính vì thế giáo dục đạo đức, lối sống, ứng xử giao tiếp nên bắt đầu từ giáo dục xưng hô cho trẻ nhỏ ngay từ khi bập bẹ tập nói.

Từ lâu, ở Việt Nam đã thành thói quen ngay từ nhỏ, trong xưng hô luôn phân biệt rõ tôn ti trật tự, tùy vào tuổi tác và vai giao tiếp để sử dụng những từ xưng hô như: ông, bác, cô, chú; hay: anh, em, con, cháu... không được “mày tao chi tớ” theo kiểu “cá mè một lứa”. Trong tiếng Việt, đại từ nhân xưng rất đa dạng phong phú và phức tạp, luôn mang sắc thái biểu cảm cá nhân trong từng ngữ cảnh giao tiếp... Vì thế cho nên, qua cách xưng hô, biết đối phương đang có mối quan hệ thân sơ hay tâm trạng hi vọng ái ó (vui vẻ, buồn bực, giận dữ, yêu thương hay căm giận). Vì thế mà người Việt thường có câu nhắc nhở “No mất ngon, giận mất khôn”. Khi nóng nảy, con người ta thường không kiềm chế và buông nhiều lời lẽ thô lỗ, thiếu văn hóa, xưng hô tục tằn với đối tượng giao tiếp.

Trong cuộc sống có không ít những trường hợp “cơm không lành, canh không ngọt” xảy ra trong mỗi gia đình và nó bộc phát ra ngoài qua cách xưng hô, giao tiếp hằng ngày. Chồng có khi buông lời lẽ “mày” - “tao” với vợ con, làm cho không khí gia đình nặng nề, quan hệ rạn nứt. Cứ kiểu lời qua, tiếng lại của hai vợ chồng đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, đến quá trình hình thành nhân cách của trẻ. Khó có đứa trẻ nào ngoan ngoãn, lễ phép nếu trong gia đình luôn xảy ra mâu thuẫn xung đột giữa vợ và chồng, bố mẹ và con cái. Đặc biệt, nếu bố mẹ không biết kiềm chế cơn nóng giận sẽ buông lời lẽ cục súc, cộc cằn đối với các thành viên trong gia đình. Điều này sẽ tác động tiêu cực đến suy nghĩ, nhận thức và quá trình hình thành, phát triển nhân cách của trẻ. Bởi các em đang là những tờ giấy trắng tinh khôi, nếu những hình ảnh như thế cứ lặp đi lặp lại sẽ tạo nên những nét vẽ không tốt đẹp chính trên trang giấy cuộc đời đó.

Tục ngữ Việt có câu “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”, để khuyên con trẻ biết “chọn bạn mà chơi”. Đó cũng chính là để ngăn chặn những tác động xấu của môi trường giao tiếp đối với việc hình thành thói quen và nhân cách của trẻ. Nếu hằng ngày, các em luôn tiếp xúc với lối giao tiếp, xưng hô thô lỗ, ăn nói cộc cằn, hay nói tục, chửi bậy, bất chấp tôn ti trật tự, thì thử hỏi làm sao các em có thể có được thói quen ăn nói lịch sự, ngoan ngoãn, lễ phép với người lớn hay bạn bè được.

Trong giao tiếp từ xưa cho đến nay, tùy theo thứ bậc trong xã hội mà mỗi người có một

vai giao tiếp khác nhau. Cùng một người nhưng ở mỗi ngữ cảnh, mỗi vị trí sẽ sắm một vai khác nhau, vì thế mà việc xưng hô, giao tiếp cũng khác nhau. Cũng có thể trong một ngữ cảnh, một người có thể đóng nhiều vai giao tiếp, do có nhiều giềng mối quan hệ xã hội, nên phải tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực giao tiếp như lịch sự, lễ phép, đúng mực, đúng vai giao tiếp, đúng hoàn cảnh và tuân theo những ước định, chế định của xã hội và có tính khuôn mẫu trong văn hóa người Việt. Ví như phép xã giao “trưởng nhất tuế vi huynh, trưởng thập tuế vi phụ” (hơn một tuổi làm anh, hơn mười tuổi làm cha), tức là tôn lên ngang bằng với cha mà gọi chú, bác trong các mối quan hệ không phải họ hàng, huyết thống.

Một đứa trẻ, đến trường phải tôn xưng thầy, kính trọng anh chị, vui vẻ hòa đồng với bạn bè. Về nhà phải lễ phép với bố mẹ, “đi thưa về trình”. Ra đường gặp người lớn tuổi, người già phải chào hỏi kính trọng lễ phép... Giáo dục truyền thống Việt Nam luôn đề cao tôn chỉ “Tiên học lễ, hậu học văn”; trước khi học chữ, trẻ cần phải học làm người, đó là “học ăn, học nói, học gói, học mở”. Muốn có được những ứng xử văn hóa và thói quen lịch sự trong giao tiếp, trẻ phải được dạy dỗ thường xuyên thông qua các câu chuyện ứng xử trong gia đình, ngoài xã hội, các bài học đạo đức ở nhà trường. Ngoài hướng dẫn, bày vẽ, thì cha mẹ chính là tấm gương cho con trẻ khi ở nhà, thầy cô là tấm gương của học sinh khi ở trường, những người lớn tuổi làm gương cho trẻ nhỏ ở môi trường giao tiếp công cộng... Từ đó mới có thể hình thành môi trường giao tiếp chuẩn mực, hình thành thói quen ứng xử, giao tiếp lịch sự cho mọi người. Làm sao để mọi biểu hiện, hành động, lời nói thiếu văn hóa tự triệt tiêu khi môi trường văn hóa được duy trì và giữ vững. Đừng nên xem thường các biểu hiện phi văn hóa trong xưng hô, quan hệ giao tiếp, bởi những thói quen xấu đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành nhân cách, xây dựng nếp sống văn minh của mỗi người.

Và việc giáo dục thói quen xưng hô, giao tiếp, ứng xử thông qua môi trường gia đình, cộng đồng xung quanh như làng xóm, bạn bè ngay từ khi trẻ lọt lòng là quan trọng nhất. Nếu trong gia đình, dòng tộc, các thế hệ luôn giữ đúng vai vế, tôn ti trật tự trong xã hội, luôn giữ thói quen sử dụng từ ngữ xưng hô phù hợp với ngữ cảnh, sẽ tác động tích cực đến việc giáo dục nhận cách, đạo đức, quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, dòng tộc. Và xa hơn nữa là sự lan tỏa ra cộng đồng, khi từng cơ quan, công sở, đơn vị, hoặc ở những nơi công cộng như chợ búa, siêu thị, bến xe, bến tàu... chúng ta luôn luôn được nghe những lời xưng hô, giao tiếp lịch sự, những cuộc hội thoại có văn hóa, quan hệ ứng xử có trên có dưới, có trước có sau và phù hợp với môi trường, ngữ cảnh, không gian giao tiếp, thì cuộc sống sẽ ý vị và tốt đẹp biết bao.

Do vậy, xưng hô trong các ngữ cảnh, môi trường giao tiếp cũng là thể hiện tác phong, sắc thái tình cảm, trình độ, bề dày văn hóa của con người. Qua đó để giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, vun đắp tình cảm con người. Với tầm quan trọng như vậy cho nên việc chăm chút đến vấn đề xưng hô bắt đầu từ trẻ nhỏ chính là phương thức để giáo dục văn hóa giao tiếp, kỹ năng ứng xử, làm nền tảng cho quá trình giáo dục nhân cách con người. Thiết nghĩ, mọi người cần phải quan tâm và chú trọng hơn đến việc xưng hô sao cho đúng thứ bậc, đúng truyền thống, để hình thành nếp sống văn hóa, ứng xử, góp phần xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.

Trong bối cảnh các địa phương đang triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, thì việc quan tâm đến vấn đề xưng hô, giao tiếp - một biểu hiện của văn hóa ứng xử cũng cần được mọi người quan tâm, nhất là quan tâm đến những “búp trên cành”, để hình thành thói quen, điều chỉnh hành vi ngay từ nhỏ. ■

# ĐỂ LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH PHÁT HUY HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

## ■ BẢO MINH

### \* **Bạo lực gia đình - Trăn trở từ những con số**

Theo số liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh thành, trong **giai đoạn 2009 - 2021**, tổng số vụ bạo lực gia đình các địa phương đã phát hiện trên cả nước là **324.641 vụ**. Trong giai đoạn này, số vụ bạo lực gia đình giảm dần qua các năm: năm 2009 là **53.206 vụ**, giảm xuống còn **19.274 vụ** trong năm 2015 và **4.967 vụ** trong năm 2021. Ở Thừa Thiên Huế, giai đoạn từ **2010 - 2022**, toàn tỉnh có **3.628 vụ** bạo lực gia đình, trong đó người bị bạo lực gia đình là nữ chiếm tỷ lệ khá lớn (nữ là 2.945, nam là 417), người gây bạo lực gia đình là nam giới chiếm số đông (nam là 3.233, nữ là 408). Số vụ bạo lực gia đình cũng giảm dần qua các năm. Nếu năm 2010 có **425 vụ**, thì đến năm 2020 giảm còn **68 vụ**, năm 2022 còn **49 vụ**.

Bạo lực gia đình cũng được xem là một trong những tác nhân chính làm tan vỡ hôn nhân, hạnh phúc gia đình. Từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm **1.422.067 vụ** án ly hôn, giải quyết

**1.384.660 vụ**. Trong số **1.384.660 vụ** án ly hôn Tòa án đã giải quyết, có **1.060.767 vụ** xuất phát từ nguyên nhân bạo lực gia đình như: bị đánh đập, ngược đãi; vợ hoặc chồng nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc; ngoại tình (chiếm **76,6%** các vụ án ly hôn). Báo cáo của ngành Tư pháp cho thấy chỉ riêng năm 2014 tiếp nhận hòa giải **31.528 vụ** việc bạo lực gia đình, năm 2015 là **33.966 vụ**.

Vấn nạn bạo lực gia đình có xu hướng trầm trọng hơn, đa dạng hơn, phức tạp hơn đã và đang để lại những hậu quả thương tâm, đau xót cho nhiều gia đình, tạo ra những thiệt hại to lớn cho toàn xã hội, trong đó có nhiều đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc. Nếu không được giải quyết kịp thời, bạo lực gia đình sẽ đe dọa đến sự phát triển bền vững của gia đình, làm xói mòn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm suy yếu động lực phát triển và làm rào cản đối với tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

### \* **Luật phòng, chống BLGD có nhiều sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn**

Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 là hành lang pháp lý quan trọng để



triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống BLGD - một vấn đề bức xúc và để lại nhiều hậu quả khôn lường. Luật đã xây dựng trên nguyên tắc phòng ngừa là chính, lấy người bị BLGD là trung tâm. Người bị bạo lực gia đình là đối tượng chịu nhiều hậu quả trực tiếp cả về thể chất và tâm lý, là đối tượng cần được bảo vệ, đặc biệt khi họ là những người yếu thế trong xã hội.

Luật Luật phòng, chống bạo lực gia đình ban hành năm 2007, sau 15 năm thực hiện đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập và đã được sửa đổi, bổ sung trong Luật ban hành năm 2022. Trong đó, đáng chú ý là sửa đổi, bổ sung các khái niệm, đưa hành vi bạo lực tình dục vào Luật; sửa đổi các quy định về phòng, ngừa bạo lực gia đình. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hiệu quả không chỉ dừng hành vi bạo lực tức thời mà còn ngăn việc hành vi bạo lực gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Với vụ việc bạo lực gia đình đã kết thúc, ngoài xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật thì cũng cần có những biện pháp hỗ trợ để giúp người có hành vi bạo lực gia đình chuyển đổi hành vi bạo lực, nói cách khác là phòng ngừa vòng xoáy bạo lực gia đình tái diễn. Khắc phục những bất cập của các quy định về hòa giải, các quy định về bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; những bất cập trong xử lý hành vi và vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình... Hòa giải là biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình và phòng ngừa tái diễn bạo lực gia đình, không thay thế các biện pháp xử lý vụ việc bạo lực gia đình; Tuy nhiên, thực tế quá trình thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2017 cho thấy công tác hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình cũng chưa phát huy được hiệu quả. Luật mới ban hành đã khắc phục được những hạn chế đó. Các hành vi về bạo lực gia đình cũng được sửa đổi, bổ sung. Đây cũng là nội dung được nhiều ý kiến tranh luận trên diễn đàn Quốc hội và tại các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến về dự thảo Luật.

Trong thực tế, công tác phòng, chống bạo lực gia đình có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, sự liên kết giữa các cơ quan, tổ chức chưa được đề cập dẫn đến công tác phòng, chống bạo lực gia đình còn thiếu đồng bộ. Hiện nay, tại cấp tỉnh, huyện, xã có ban chỉ đạo công tác gia đình, trong đó có thực hiện việc phòng, chống bạo lực gia đình nhưng ở trung ương lại chưa có ban chỉ đạo, khiến các địa phương thiếu sự hướng dẫn, chỉ đạo theo ngành dọc từ trung ương; vai trò điều phối về phòng, chống bạo lực gia đình của cơ quan quản lý nhà nước cũng chưa được đề cập trong Luật 2007. Những bất cập và hạn chế đã được khắc phục trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022.

### **\* Để luật Phòng, chống bạo lực gia đình đi vào cuộc sống và phát huy hiệu lực, hiệu quả**

Luật phòng, chống BLGD là hành lang pháp lý quan trọng cho việc xây dựng các mô hình và tổ chức các biện pháp phòng, chống BLGD có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, để đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ BLGD là một quá trình, cần sự vào cuộc của các cơ quan, đơn vị, địa phương và sự chung tay của mọi người dân. Bởi đây là vấn đề nhạy cảm, phức tạp, chịu nhiều tác động và ảnh hưởng của truyền thống, văn hóa, phong tục, tập quán của mỗi địa phương và nhận thức, suy nghĩ của người dân.

Luật phòng, chống BLGD chỉ phát huy được hiệu lực, hiệu quả, trước hết bắt đầu từ thay đổi nhận thức, thói quen, điều chỉnh hành vi ứng xử. Phải làm cho mọi người

thông hiểu về BLGD, những hệ lụy, để có nhiều biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi.

1. Nhiệm vụ trọng tâm và then chốt, chính là làm tốt công tác truyền thông về Luật phòng, chống BLGD và nhận thức về phòng, chống



BLGD. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền để từng bước nâng cao nhận thức tiến tới chuyển đổi hành vi của các tầng lớp nhân dân về bạo lực gia đình. BLGD luôn liên quan đến bình đẳng giới, chính vì vậy giáo dục bình đẳng giới phải được thực hiện ngay từ trong gia đình đến nhà trường và xã hội. Phải nâng cao nhận thức của cả hai giới về quyền và nghĩa vụ của họ trong mối quan hệ với các thành viên trong gia đình.

2. Gia đình được xác định là thành tố quan trọng để làm tốt công tác phòng, chống BLGD. Trong bối cảnh hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình với những tiêu chí cụ thể. Đây cũng được xem là những động thái tích cực, nhằm tăng cường tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân hiểu đúng, hiểu đầy đủ về vai trò hình thành thói quen ứng xử trong gia đình, nhằm nâng cao giá trị chuẩn mực, đạo đức, giá trị văn hóa của gia đình, ứng xử, thắt chặt mối quan hệ giữa các thành viên gia đình, hướng tới giảm và tiến tới xóa bỏ bạo lực gia đình.

3. Phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam trong triển khai công tác phòng, chống BLGD. Truyền thống tốt đẹp gia đình Việt Nam được hun đúc và gìn giữ qua các thế hệ, từ đời này sang đời khác. Bên cạnh đó, vai trò của họ hàng, dòng tộc, làng xóm cũng là những tác động tích cực trong giáo dục đạo đức, lối sống của cộng đồng thông qua hệ thống các hương ước, quy ước xây dựng văn hóa ở địa phương, từng bước điều chỉnh các mối quan hệ với thứ tự tôn ti, tác động đến ý thức của từng cá nhân, cộng đồng trong việc gìn giữ sự hòa thuận, ứng xử đúng chừng mực trong gia đình theo quan niệm truyền thống mà ông cha đã đúc kết: “một sự nhịn, chín sự lành”, “Chồng giận thì vợ bớt lời; Cơm sôi nhỏ lửa biết đời nào khê”, giữ vững hòa khí, đoàn kết và êm ấm trong gia đình.

4. Đi liền với truyền thống, giáo dục về đạo đức, lối sống trong gia đình, các cấp, các ngành, địa phương cần quan tâm và làm tốt công tác hòa giải. Hòa giải là biện pháp hữu hiệu nhằm phòng ngừa BLGD và phòng ngừa tái diễn BLGD. Trong 15 năm thực hiện Luật cho thấy công tác hòa giải trong phòng, chống BLGD cũng chưa phát huy được hiệu quả. Trong thực tiễn, việc hòa giải đôi khi còn dẫn đến tình trạng “bạo lực kép” do người thực hiện hòa giải thiếu những kiến thức, kỹ năng về phòng, chống BLGD, về giới và về quyền con người. Việc hòa giải được coi như biện pháp xử lý vụ việc BLGD đã dẫn đến tình trạng BLGD kéo dài năm này qua năm khác. Luật cũng thiếu các quy định về tiêu chí (trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức) của hòa giải viên, tổ hòa giải...

Với những hạn chế nay, căn cứ Luật mới ban hành các địa phương, ban ngành liên quan cần quan tâm nâng cao hiệu quả công tác hòa giải, phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức, cá nhân trong công tác hòa giải, khắc phục những bất cập, hạn chế nhiều năm qua chưa được tháo gỡ, khắc phục.

5. Tiếp tục làm tốt công tác ngăn chặn và bảo vệ, hỗ trợ kịp thời nạn nhân của BLGD. Ngoài thực hiện tốt các quy định của Luật liên quan đến bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân BLGD, cần chú trọng việc trang bị cho nạn nhân sự hiểu biết và trang bị các kỹ năng để tự bảo vệ như: có nghề nghiệp, sự độc lập về tài chính; nâng cao trình độ học vấn; luôn có ý thức vươn lên làm chủ bản thân và gia đình; có kiến thức giữ gìn hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái... Trong thực tế những năm qua, các thủ tục hành chính và điều kiện để xử lý vụ việc BLGD còn nhiều phức tạp. Nhiều nạn nhân BLGD ngại tiếp xúc với chính quyền vì không biết phải trình bày thế nào và bị người gây bạo lực đe dọa nếu viết đơn hoặc tố cáo. Luật cũng thiếu các quy định cụ thể về việc cứu người trong trường hợp cấp thiết, đặc biệt với các nạn nhân là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ cũng như các nhóm dễ tổn thương, yếu thế khác. Với việc sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập trong Luật phòng, chống BLGD năm 2022 sẽ là cơ sở quan trọng để thực hiện tốt việc bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, trong đó huy động sự hỗ trợ của cộng đồng, sự vào cuộc tích cực của chính quyền địa phương, lực lượng công an địa phương. Góp phần ngăn chặn vụ việc BLGD, bảo vệ người bị BLGD, vừa có tính răn đe, giáo dục người gây BLGD và nâng cao nhận thức, thái độ của cộng đồng...

6. Lồng ghép và gắn các nội dung của công tác gia đình và phòng, chống BLGD vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Trong quá trình triển khai phong trào, cần chú trọng các mục tiêu, nội dung xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa; trong đó, đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp để không ngừng nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, làng văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, hướng phong trào đi vào thực chất, chiều sâu; trong đó cần gắn các tiêu chí không có bạo lực gia đình, không lạm dụng rượu bia, không có tệ nạn cờ bạc, ma túy, tệ nạn xã hội để xét công nhận gia đình văn hóa. Tăng cường giám sát của cộng đồng, làm tốt công tác truyền thông, tạo dư luận để ngăn chặn, phòng ngừa, tiến tới xóa bỏ bạo lực gia đình.

7. Xây dựng, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các cơ sở trợ giúp phòng, chống BLGD, bao gồm: các địa chỉ tin cậy; cơ sở khám chữa bệnh; cơ sở trợ giúp xã hội; trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống BLGD... để hỗ trợ, trợ giúp các nạn nhân phòng tránh bạo lực gia đình, ngăn chặn và ngăn chặn hiệu quả hành vi BLGD và hạn chế tối đa những hậu quả, thiệt hại, tổn hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản cho những người bị BLGD.

8. Xử lý nghiêm người có hành vi bạo lực gia đình theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua việc xử lý nghiêm đối với các cá nhân có hành vi BLGD để tăng cường tính răn đe, giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống BLGD. Bên cạnh đó, cần thực hiện nghiêm các quy định về cầm tiếp xúc, biện pháp giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Luật; trong đó thực hiện có hiệu quả biện pháp “thực hiện công việc phục vụ cộng đồng” nhằm

tuyên truyền, giáo dục, chuyển đổi hành vi; thực hiện các quy định và biện pháp bảo vệ người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình.

**9.** Để công tác phòng, chống BLGĐ đi vào thực chất và phát huy hiệu quả, cần phát huy vai trò của các cấp, các ngành, địa phương, phải đồng loạt vào cuộc, quan tâm, chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết liệt và có những giải pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp với thực tế của từng địa bàn để đạt các mục tiêu đề ra. Trên cơ sở quy định của Luật phòng, chống BLGĐ năm 2022, các ngành cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, bên cạnh thực hiện chức trách, nhiệm vụ đã được phân công trong Luật, cần làm tốt công tác phối hợp liên ngành và đảm bảo các điều kiện để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống BLGĐ. Trong đó chú trọng huy động công tác xã hội hóa và phát huy vai trò cộng đồng, xây dựng và nhân rộng các mô hình phòng, chống BLGĐ trong cộng đồng. Thực tế cho thấy lực lượng tham gia phòng, chống BLGĐ cần thiết phải thiết lập trong cộng đồng dân cư để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa. ■



# PHỤ NỮ CÓ VAI TRÒ QUAN TRỌNG TỪ TRONG CĂN BẾP RA NGOÀI XÃ HỘI

■ DƯƠNG KHẢ



Hội thảo khoa học quốc gia “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới: Thực trạng và giải pháp”, do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức ngày 28/11/2022, tại Hà Nội.

“Họ nghĩ ra mọi sáng kiến để đưa phụ nữ... trở về căn bếp” - đó là nhan đề của một bài báo đăng trên tạp chí dep.com.vn vào tháng 5 năm 2023. Nội dung bài báo nói những người phụ nữ Iran đang loay hoay tìm giải pháp cho cuộc đấu tranh thảm khốc của khi nhiều phụ nữ bị trừng phạt, đàn áp, bắt giam và thậm chí là đầu độc khi họ đứng lên giành lại quyền lợi của mình.

Ngay từ những trang đầu, Hiến chương Liên Hợp Quốc năm 1945 khẳng định: “...bình đẳng về quyền giữa phụ nữ và đàn ông...”. Kể từ đây, quyền của người phụ nữ đã được ghi nhận trong rất nhiều những tuyên ngôn, công ước quốc tế khác như: Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948 đã xác lập nguyên tắc nền tảng bảo vệ cho quyền phụ nữ tại điều 1 và điều 2 khi khẳng định: “Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền, đều được tạo hoá ban cho lý trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em”. Tiếp theo đó, hàng loạt các tuyên bố khác và điều ước quốc tế đã được Liên Hợp Quốc thông qua nhằm bảo vệ quyền của phụ nữ mà nổi bật công ước CEDAW về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Có thể nói CEDAW là văn kiện quan trọng và toàn diện nhất về quyền bình đẳng của phụ nữ. Tinh thần của Công ước được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu của Liên hợp quốc nhằm bảo đảm nhân cách, phẩm giá và các quyền cơ bản của con người cũng như quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới.

Việt Nam là nước tham gia sớm vào nhóm quốc gia công ước CEDAW (1982). Ngay sau khi tham gia Công ước, Việt Nam đã tích cực chuyển hóa những quy định của pháp luật quốc tế thành các quy định của pháp luật Quốc gia, phù hợp với Công ước quốc tế và

phù hợp với hoàn cảnh thực tế của đất nước. Về cơ bản, sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế được thể hiện trên nhiều phương diện. Thể hiện thông qua hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Hiến pháp 1992 (sửa đổi bổ sung 2001), 2013; Luật Bầu cử đại biểu quốc hội 1997 (sửa đổi bổ sung 2001), 2015; Luật Hôn nhân và Gia đình 2000, 2014, “Luật đất đai 2013”; Bộ luật Dân sự 2005, 2015... Đặc biệt, sự ra đời của Luật Bình đẳng giới 2006 được coi là bước ngoặt quan trọng trong việc tạo ra các hành lang pháp lý liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của Người phụ nữ. Sau khi có Luật bình đẳng giới, việc lồng ghép thực hiện Luật cùng với Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định 224/QĐ-BVHTTDL ngày 28/01/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trở thành một quy trình, thủ tục pháp lý bắt buộc khi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới nói chung và bảo đảm quyền của người phụ nữ nói riêng được thực chất và toàn diện hơn.

Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, dưới góc độ chủ quan của phụ nữ Việt Nam trong thời khắc giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, thiết nghĩ để giải quyết triệt để những vấn đề về sự bình đẳng của người phụ nữ hiện nay thì không ai có thể làm tốt hơn chính bản thân của mỗi người phụ nữ.

### **Phụ nữ từ căn bếp...**

Gia đình là tế bào của xã hội, gia đình là một mô hình cộng đồng thu nhỏ mà ở người phụ nữ không những được “chứa chấp” mà còn được thể hiện rõ nhất vai trò làm chủ, thể hiện tính nữ và trách nhiệm của người phụ nữ rõ ràng nhất.

Ở phương Đông nói chung và trong mỗi gia đình Việt Nam nói riêng, nam giới luôn được xem là trụ cột gia đình, là người kiếm tiền để đảm bảo kinh tế gia đình, còn người phụ nữ được đề cao với vai trò nội trợ, quản lý gia đình. “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”. Cho đến nay, để hiểu đúng ý nghĩa câu nói này thì vẫn còn nhiều tranh cãi về việc áp đặt vai trò giới nhưng xét về khía cạnh bình đẳng giữa người phụ nữ và người đàn ông trong xây dựng “một tổ chức xã hội thu nhỏ”, phản ánh hình ảnh xã hội, cộng đồng lớn hơn. Nhưng mặt khác nó cũng cho chúng ta thấy, người phụ nữ đóng góp một phần quan trọng vào quá trình tổ chức cuộc sống gia đình, cộng đồng.

Trong cuốn “Phụ nữ hiện đại viết lại luật thành công”, Ivanka Trump - con gái đầu lòng của cựu tổng thống Hoa Kỳ - là một người cực kỳ thành công trên tất cả mọi lĩnh vực đã viết: “*Nếu gia đình xếp thứ nhất thì công việc cũng không xếp thứ hai. Cuộc sống luôn phải có cả hai.*” Mặc dù cuốn sách được viết theo phong cách phương Tây, những công việc ở trong đó có thể hoàn toàn xa lạ đối với người phụ nữ Việt Nam chúng ta, nhưng càng đọc càng thấy, trong đó chứa đựng toàn là những đầu việc như bao người bình thường khác phải làm, chỉ có điều nó có kế hoạch, có ưu tiên, có lựa chọn, có mục tiêu rõ ràng, kiên cường, chăm chỉ, lạc quan, kết nối thông minh, làm việc linh hoạt... Ivanka Trump viết: “*Dù bạn là người thành lập công ty riêng hay bà mẹ nội trợ, trợ lý trong một tập đoàn lớn hay người làm việc tự do, tôi tin rằng, khi nói đến phụ nữ và công việc, thì không có câu trả lời nào là “chuẩn mực”. Tất cả chúng ta đều cố gắng tìm cách tạo dựng cuộc sống có ý nghĩa nhất cho bản thân và gia đình. Cuộc sống đó như thế nào và làm thế nào để đạt được nó là vấn đề khác nhau đối với mỗi người trong chúng ta.*”

Có rất người phụ nữ toàn tâm toàn ý cho gia đình, lui về hậu phương để vun vén những ngôi nhà ấm áp, căn phòng sạch sẽ, căn bếp luôn phảng phất mùi thức ăn, con cái thơm mát,

ngoan ngoãn, lễ phép... những người phụ nữ đó luôn ở đó, ngôi nhà của họ là nơi để về, thật sự dễ chịu, là nơi an trú cho chồng con. Nhưng cũng có những người phụ nữ không có lựa chọn đó, họ chọn những mối quan tâm bên ngoài như sự nghiệp, bạn bè, những mối quan hệ xã giao và xây dựng hình tượng thành công trong công việc xã hội, nhưng phần lớn trong số đó mất đi sự cân bằng, tính nữ vốn có của mỗi người phụ nữ truyền thống. Có thể đó là sự hiện đại và bình đẳng giới theo một phương diện nào đó, nhưng nếu như họ là “Phụ nữ hiện đại viết lại luật thành công” theo Ivanka Trump “*Nếu gia đình xếp thứ nhất thì công việc cũng không xếp thứ hai. Cuộc sống luôn phải có cả hai.*”, thì họ đã không có cả hai.

### **... đến việc giáo dục và tích cực phát triển bản thân...**

Khi bàn đến đấu tranh cho các quyền cơ bản của phụ nữ, chúng ta thường nhấn mạnh đến bình đẳng giới, đấu tranh chống phân biệt đối xử, kỳ thị trong gia đình và xã hội đối với phụ nữ... Điều này đúng nhưng chưa đủ. Trong cuộc đấu tranh để giải phóng thật sự phụ nữ cần chú ý đến một công cụ đặc biệt là giáo dục. Họ không chỉ cần được đến trường. Họ cần thực hiện quyền tới trường của mình và ở trường đủ thời gian cần thiết để phát triển tri thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để sinh tồn; quyền được có những điều kiện học tập tối thiểu cần thiết để có thể tận dụng được nhà trường và các cơ hội giáo dục khác, phát triển trọn vẹn khả năng...

Với sự phát triển của xã hội, các cô bé gái đều được đến trường như các cậu bé, được bình đẳng về mọi mặt học tập và phát triển bản thân. Ở đâu đó, phụ nữ vẫn còn có một số khó khăn cho việc học tập và phát triển bản thân, nhưng đổi lại, bản thân mỗi người lại có nhiều hơn những sự lựa chọn để được giáo dục và phát triển bản thân từ mọi nguồn lực thông tin, sách báo, các tổ chức phát triển xã hội và đảm bảo môi trường học tập cho người phụ nữ.

Theo thống kê năm 2022, nhờ kết quả việc thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới, phụ nữ Việt Nam đạt được nhiều thành tựu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như: 30,26% đại biểu Quốc hội là nữ; tỉ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt trên 50%; tỉ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đạt 29,8%, xếp thứ 6 trong số các quốc gia có tỉ lệ nữ doanh nhân cao nhất; nhà nghiên cứu khoa học nữ chiếm khoảng 46% tổng số nhân lực nghiên cứu phát triển của cả nước, cao hơn so với trung bình thế giới chỉ có 30% và nhiều thành tựu khác. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra cho phụ nữ nhiều cơ hội để phát triển toàn diện về cả trí tuệ, sức khỏe, năng lực; đồng thời cũng đem tới cho người phụ nữ không ít áp lực và thách thức, mà thách thức lớn nhất của thời đại ngày nay vẫn là những định kiến giới, khuôn mẫu giới đang tác động và ảnh hưởng tới phụ nữ trong việc tạo cơ hội cho họ tham gia vào các lĩnh vực khác nhau trong xã hội. Do đó, đòi hỏi bản thân mỗi người phụ nữ phải tự giáo dục và tích cực phát triển bản thân, nâng cao ý thức học hỏi, chủ động vươn lên, trau dồi văn hóa, vốn tri thức của mình, tự tin, bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, vượt mọi khó khăn; biết tận dụng ứng dụng công nghệ nhằm tăng năng suất hiệu quả công việc, dành nhiều thời gian hơn để quan tâm, chăm sóc và phát triển bản thân.

Riêng đối với phụ nữ Việt Nam hiện đại, nội hàm của người phụ nữ được xác định trong văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và kế thừa các nội dung phong trào thi đua, hướng đến mục tiêu phát triển con người toàn diện, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam. Với các nội hàm của người phụ nữ Việt Nam thời đại mới bước đầu được định hình là “*có tri thức, có đạo đức, có sức khỏe, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội*”

và *đất nước*” [Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới: Thực trạng và giải pháp, do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức ngày 28/11/2022, tại Hà Nội].

### ... bước ra xã hội:

Trong thời đại mới, bên cạnh vai trò quan trọng trong gia đình, người phụ nữ còn tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ngày càng có nhiều người trở thành chính trị gia, nhà khoa học nổi tiếng, nhà quản lý năng động. Quyền của phụ nữ về kinh tế đã được nâng lên thông qua việc pháp luật quy định phụ nữ cùng đứng tên với nam giới trong giấy chứng nhận quyền sở hữu đất đai, nhà ở và tài sản. Việt Nam cũng là một trong số ít các quốc gia đã hoàn thành báo cáo về tình hình thực hiện Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Đặc biệt, hệ thống các ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được thành lập ở các bộ ngành, tỉnh thành và địa phương. Mạng lưới cán bộ tư vấn về giới hoạt động hiệu quả, hệ thống pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ được tăng cường.

Phải thừa nhận rằng, hiếm có dân tộc nào phụ nữ lại đóng vai trò quan trọng trong xã hội như ở Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Ngay từ những buổi đầu thành lập nước, khi gặp nạn ngoại bang xâm lược, bà Trưng bà Triệu đã dấy binh khởi nghĩa đánh đuổi quân thù và giành thắng lợi. Với truyền thống đó, phụ nữ Việt Nam “*giỏi việc nước, đảm việc nhà*” tiếp tục vượt qua mọi khó khăn và thử thách, vươn lên đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, duy trì ảnh hưởng rộng rãi vai trò của mình trên nhiều lĩnh vực như tham gia quản lý nhà nước; tham gia xóa đói giảm nghèo; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tham gia phòng chống tệ nạn xã hội; thúc đẩy hoạt động đối ngoại nhân dân... Không chỉ đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội, kinh tế tuần hoàn, phụ nữ Việt Nam còn rất tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong lĩnh vực khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, rất nhiều phụ nữ hiện đại đã cống hiến cho nhiều hoạt động xã hội, đóng góp tích cực cho sự phát triển và công bằng, an sinh bằng cách tham gia vào các tổ chức, hội nhằm cung cấp nguồn lực và bảo vệ người yếu thế để xã hội ngày càng trở nên công bằng, văn minh, tốt đẹp hơn.

Tóm lại: Khi xã hội có bình đẳng giới, những nhận thức về vai trò và vị thế của người phụ nữ đã thay đổi hoàn toàn, họ không còn bị bó buộc trong không gian một căn bếp hay một ngôi nhà với những công việc nội trợ diễn ra như một vòng lặp không ngừng nghỉ. Bên cạnh vai trò làm vợ, làm mẹ trong gia đình, phụ nữ đã không ngừng trau dồi tri thức, kỹ năng và không ít người đã đạt đến những địa vị cao trong xã hội, đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng. Tuy nhiên, điều đó làm gia tăng trọng trách đặt lên vai người phụ nữ hiện đại. Hình ảnh người phụ nữ ngày càng tỏa sáng lấp lánh trong niềm tự hào, hãnh diện với những thành công lớn trên tất cả mọi mặt đời sống, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Do đó, vị thế và vai trò của người phụ nữ đã được khẳng định và nhìn nhận hoàn toàn khác, là một nửa quan trọng của thế giới.

“*Có những vấn đề của phụ nữ phải được giải quyết từ Quốc gia, có những vấn đề của Quốc gia phải giải quyết từ người phụ nữ.*” [Trích lưu bút của bà Trương Mỹ Hoa, nguyên Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam lưu tại điện thờ Huyền Trân Công Chúa (thành phố Huế)]. ■

## BÀI HÁT TỪ NÚI CÔI

■ DƯƠNG THƯỜNG

Núi có tên chữ là Từ Sơn, đứng ở hữu ngạn sông sừng sững một mình. Những hôm trời trong núi ánh lên sắc tím kỳ lạ.

Một thầy địa lý đi ngang qua làng, nhìn lên núi và phán: dưới chân ngọn núi tím kia có nhiều huyết đất vốn là nơi kết tinh của long mạch bắt đầu từ dãy Hy Mã Lạp Sơn chạy dài xuôi Trường Sơn và kết mạch tại hữu ngạn dòng sông...có nhiều huyết đất giàu sang, có huyết phát đến tướng soái, thậm chí có 1 huyết đất có 9 con rồng châu về có thể phát đến đế vương. Tiếc thay núi đứng một mình nên người thành công thì bị cô lập, đạt ngôi vị thì thành người cô quả. Dầu ở giữa vạn người trung thành, quan tâm cũng thấy lạnh buốt, lẻ loi. Nhân sinh hỗn tạp, điều tiếng thị phi như sóng nước trong mùa gió động...Làng này mấy trăm năm không có công làng nên con cháu trong làng ly phương tứ tán, ai thành đạt thì lại ở xứ người, người trở về đa phần là thất cơ lỡ vận. Dân làng nghe vậy, truyền miệng kể cho nhau. Quen rồi ít ai gọi tên chữ của núi mà chỉ gọi dân dã là núi Côi.

Nhà cha con lão Lưu nằm ở rìa làng phía gần chân núi. Chiều hoàng hôn nhìn lên sắc núi tím cả một góc trời. Lão Lưu thuở trai trẻ bôn ba đi ngược về xuôi. Sau thì thấy bồng về một đứa trẻ tầm hai tuổi. Có người nói lão lấy vợ, có con, vợ chê lão nghèo lại quê kệch mà bỏ đi theo người khác. Người thì nói lão Lưu nhặt được thằng bé người ta bỏ bên vệ đường... Cũng không biết thế nào, chỉ thấy lão thương thằng bé lắm.

Lúc đầu lão gửi thằng bé cho người quen ở làng để ngược xuôi buôn bán. Đi năm bảy hôm rồi lại về. Một lần thằng bé ở nhà bị cảm hàn mà trời thì mưa lụt. Lão về người còn ướt mưa đã bồng thằng bé trùm kín áo mưa dự định bơi qua sông đến trạm xá. Người làng cản lại, quát vào mặt lão, nước bạc độc địa thế này mà thằng bé đang bệnh, nước ngấm vào thì chỉ có chết. Lão nghe lời lạnh lẽo gật đầu rồi nhảy xuống sông, nương theo dòng chảy bơi qua sông chạy đến nhà bác sĩ cầu cứu. Đêm ôm thằng bé sốt hầm hầm, lão lẩm rầm khấn:

- Cúi lạy Trời Phật, con sống chừng này cũng đủ rồi, xin thương cháu thơ dại, xin bớt tuổi con đi cho cháu khỏi bệnh..

Trời thương nên mọi chuyện bình an. Từ đó lão Lưu ở nhà với thằng nhỏ.

Người làng kể, hôm lão Lưu ra chợ mua được mấy hộp sữa giấy, khi đạp xe về bị xe máy người ta tông ngã lăn ra đường. Mặt mũi trầy xước bê bết máu, túi áo rách tiền bay tứ tung. Lão gắng nhóm dậy, tiền không nhặt chỉ quỳnh quáng tìm mấy hộp sữa miệng kêu :

- May quá, mấy hộp sữa của thằng Minh vẫn còn...

Ôm mấy hộp sữa khư khư trong tay, lão đảo ngòai xuống cho người ta băng bó giúp.

Vụ tai nạn làm cho lão gãy nửa xương ống chân. Nhà người ta nghèo, lão không bắt đền, cũng không chịu vô bệnh viện, cứ qua quýt bó nẹp rồi hái lá đắp vào. Không chịu ngồi một chỗ tĩnh dưỡng, lão loay hoay, tập tành đi lại com nước cho thẳng nhỏ. Riết hồi cái chân đau thành tật, bước thấp bước cao.

Thằng Minh lớn, đi học, nghe người làng kể chuyện. Đêm về nó về hỏi:

- Cha ơi! Có phải con là cha nhật về nuôi đúng không?

Lão ôm thằng nhỏ nói:

- Con là con của cha mà.

Thằng bé ôm lấy ông nức lên rồi dần thiu thiu ngủ. Ông vỗ vỗ lưng thằng bé ru:

*“Con ai nhỏ nhỏ to gan  
Bón bẻ rú rậm đốt than một mình...”*

Đôi mắt trong đêm sâu àng ặc nước.

Lão Lưu đếm từng mùa hoa Ảng trâu tính tuổi cho thằng Minh. Cây Ảng trâu tháng ba ra lộc xanh như mỡ, từng bông hoa trắng muốt nhỏ xíu lung lay trong gió nhấp nháy như sao trời. Tháng 11 âm lịch từng chùm quả ảng chín vàng rồi rụng xuống với lá cây, chỉ còn trơ lại khung xương cây chỉ chít những gai nhọn trong gió mùa Đông Bắc hun hút

Năm thằng Minh được 15 mùa hoa Ảng, một ngày mưa gió có một con chó con bò lê đến vườn nhà của hai cha con. Con chó nhìn thấy thằng Minh thì tru lên một tiếng và lịm dần. Thằng bé đem con chó con bỏ lên chiếc áo đặt lại gần bếp lửa, vach miệng nó ra đồ từng thìa sữa, chó con dần dần tỉnh lại ngược đôi mắt tròn xoe nhìn thằng bé... Minh đặt tên cho con chó là Sếu, Sếu lớn rất nhanh. Nó có đôi mắt sáng lấp lánh như biết nói, chân cao, các cơ bắp săn chắc, răng nanh nhọn và dài, đặc biệt bộ lông đỏ như màu lửa cháy. Những đêm vắng Sếu cất tiếng hú vang lên tận núi Côi. Bằng sự từng trải, lão Lưu biết Sếu là giống chó sói thuộc dòng sói lửa, sói lửa thường là những con sói đầu đàn tinh khôn bậc nhất rừng già.

Sếu quán quýt thằng Minh, biết nghe lời lão Lưu đến kỳ lạ. Nó thường vào rừng bắt chồn, thỏ, có khi bắt cả con hoẵng hoặc dê rừng còn sống bằng cách cắn chặt vào vành tai rồi kéo về nhà. Hai cha con lão Lưu và Sếu chia nhau đến từng chút thức ăn. Năm thằng Minh học hết cấp 3, nó cứ nằng nặc xin lão Lưu cho đi vào nam kiếm tiền. Có những đêm thằng Minh và con Sếu dắt nhau đi, lão lạng lẽ đi tìm, ra bãi cỏ phía tây thì con Sếu chạy đến cắn nhẹ vào ống tay áo lão kéo đi. Theo con Sếu thì lão nghe tiếng thì cười của thằng Minh và con bé Hoa - hai đứa học cùng với nhau từ nhỏ.

- Ô, con Sếu đi đâu rồi.

- Minh hay thế, nó là chó mà cứ gọi Sếu làm nhiều người cứ tưởng nó là chim...

- Hoa chịu khó học đi nhé, Minh đi làm sẽ gửi phụ tiền học cho Hoa. Nhớ phải học thật giỏi, học luôn cho cả phần Minh.

Đôi cỏ mùa này trở những bông hoa li ti màu phớt hồng, hoa cỏ tỏa mùi thơm ngai ngái mà trắng thượng tuần thì treo ở phía tây làng tỏa sáng bàng bạc, đôi cỏ hồng bông rộng ra như thảo nguyên.

Ngày thằng Minh đi, lão Lưu đưa cho thằng bé một cái túi trong có đựng chiếc nhẫn 2 chỉ vàng. Minh ôm con Sếu rồi nói:

- Sếu ở nhà với cha thật ngoan nhé!

Rồi theo Hoa và đám bạn đạp xe về phía ga tàu. Con Sếu nhìn theo rồi chạy vụt đi, đến đầu làng thì nó quay về bên lão Lưu, hai dòng nước cứ lấp lánh tuôn ra từ dưới mắt nó. Lão Lưu ôm con Sếu rồi ngồi thần thờ đến hết mây ngày.

Lần này Trời không thương, Minh đi làm được 2 năm thì Hoa ở nhà phải lấy chồng khi đang đi học. Nghe nói con bé lỡ có con, mà nhà kia người ta cũng giàu có. Thăng Minh buồn, đi học tiếng mấy tháng rồi đi Hàn xuất khẩu lao động. Những đêm nhớ con, lão Lưu ôm con Sếu mà khóc rồi hát :

*“Đã thương thì thương cho chắc  
Đã trọc trặc thì trọc trặc cho luôn  
Đừng như con thỏ đừng đầu truông  
Khi vui giỡn bóng khi buồn chơi trăng..”*

Con Sếu nghe bài hát thì tru lên, tiếng hú bay lên đến tận núi Côi nghe chùng xót xa, thương nhớ!

Thời gian trôi đi thêm một mùa hoa Ấng, một đêm con Sếu cứ hú lên liên tục, hú xong thì nằm phục xuống, đôi mắt ướt nhèm. Sáng ra có người tìm về làng đến nhà lão Lưu với 1 bình tro cốt. Minh bị tai nạn, người ta kêu gọi anh chị em lao động xứ người gom góp nhau đưa về. Lão Lưu đưa bình tro của Minh chôn ở chỗ bãi cỏ hồng phía tây làng. Từ đó trở đi lão như người câm, cả ngày cũng không nói một câu. Con Sếu cứ quanh quẩn bên lão Lưu, đi săn chồn, thỏ... về rồi chạy ra mộ Minh nằm phủ phục xuống. Nhiều bữa lão Lưu phải ra dỡ dành nó mới chịu về.

Ở bệnh viện về mấy hôm, lão Lưu tìm đến tôi. Lão nói :

- Thừa với thầy, tôi thấy con Sếu gặp thầy cứ quần quýt, ngoài tui với thằng Minh ra thì lâu nay không ai sờ được đến nó. Thầy là người thứ ba nó cho vuốt ve. Biết thầy có lòng thương nó, thầy cho tui gửi con Sếu ở đây với.

Lúc lão Lưu chào tôi để về, con Sếu cứ lồng lên, giật mạnh sợi xích để chạy theo, rồi cất tiếng hú lên. Lão Lưu quay lại ôm lấy nó. Bóng người và chó như nương tựa vào nhau đi về phía cuối làng.

Lão Lưu bệnh nặng, nằm một mình ở nhà. Con Sếu chạy đi bắt thỏ, bắt chim, có khi là con cá...về. Lão Lưu nướng lên, chia nhau với con Sếu. Cho đến 1 ngày lão ngừng hơi thở vì căn bệnh ung thư giai đoạn cuối. Con Sếu tưởng lão đang ngủ. Mấy hôm nay trời rét, nó không bắt được con gì, bụng đói bước đi chân run run như muốn đổ xuống. Sếu đi vào làng, nhắm đến phía trang trại gà còn ánh lửa, nó chạy đến trước cửa trang trại, hú lên rồi nằm xuống chờ. Nó muốn xin người ta chút gì đem về cho lão Lưu. Nhưng người ta nhìn thấy, cứ nghĩ là nó đến bắt trộm gà. Loạt súng sẵn nổ đanh, chùm đạn bi và các mảnh chì ghim cả vào người nó. Sếu vùng lên chạy, lét được thân về đến nhà, nó bò đến nằm lên người lão Lưu rồi từ từ nhắm mắt.

Người làng chôn lão Lưu cùng với Sếu cạnh mộ của Minh trên đồi cỏ phía tây làng. Những đêm trăng thượng tuần bành bạc vào mùa cỏ trở bông người ta lại nghe tiếng hát. Tiếng hát lúc to lúc nhỏ lẫn với tiếng hú cứ bay lên tan vào hướng núi Côi. ■

# ĐẤT HỌC AN TRUYỀN

■ LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

Làng An Truyền được ghi nhận trong sách “*Ô châu cận lục*” do Dương văn An viết năm 1555, sách “*Phủ biên tạp lục*” do Lê Quý Đôn biên soạn mục địa chí có viết: xã An Truyền thuộc tổng Vỹ Dạ, huyện Hương Trà. Về tiến trình lập làng, bản gia phả các dòng họ đều có nhắc đến. Trong đó, bản gia phả họ Hồ được nhiều nhà nghiên cứu dùng để chứng minh quá trình lập làng vì bản gia phả này do Thượng thư bộ Lễ Hồ Đắc Trung soạn lại vào thời Vua Duy Tân. Hiện làng có các bản sắc phong từ thời vua Minh Mạng đến triều Bảo Đại đều xác nhận 7 họ được thờ trong đình làng là những họ đã có công khai canh, khai khẩn.

Dưới các triều đại phong kiến, dân làng An Truyền vừa lao động, sản xuất vừa đóng góp sức người sức của vào công cuộc chống ngoại xâm. Nhiều con dân làng An Truyền là những vị khoa bảng, quan lại phục vụ cho các chúa Nguyễn, triều đình Nhà Nguyễn. Năm 1870, ông Hồ Đắc Tuấn, người đầu tiên của làng đậu cử nhân, làm quan tri phủ ở Ninh Giang (Hải Dương). Tiếp sau đó, nhiều người đỗ đạt, đóng góp công lao xây dựng đất nước. An Truyền còn nổi tiếng với những người nghĩa sĩ, ý chí quật cường. Năm 1866, ba anh em Đoàn Hữu Trung, Đoàn Tư Trực, Đoàn Hữu Ái, vào đã khởi xướng cuộc đấu tranh chống lại vương triều của vua Tự Đức đòi giảm sưu cao, thuế nặng, đòi bãi bỏ lệnh huy động hàng ngàn người xây dựng lăng Vạn niên hao tổn sức người sức của. Họ là những thanh niên nhiệt tâm với vận nước sau khi triều đình ký hàng ước nhường 3 tỉnh miền Tây và 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đã thành lập Đông Sơn thi *từu hội* để kết giao đồng chí, dẫn đến cuộc binh biến bất thành năm 1866. Cuộc khởi nghĩa thất bại, 3 anh em họ đoàn đều bị xử tử. Bà con nhánh gần đã phải thay đổi họ, lánh tránh ở tha hương, nhiều người đến nay vẫn chưa phục hồi được dòng họ cũ.

Truyền thống yêu nước, khoa cử của họ Hồ và họ Đoàn nổi bật nhất nên vùng quê này từ lâu đã lưu truyền câu tục ngữ: “*Họ Hồ làm quan, họ Đoàn khởi nghĩa*”. Thật ra, làng An Truyền có 7 họ chính là Hồ, Nguyễn, Đoàn, Huỳnh, Trần, Võ, Lê và một số họ phái khác luôn giữ gìn tình đoàn kết, cùng nhau chung sức xây dựng quê hương giàu đẹp. An Truyền là một trong những nơi đầu tiên thành lập Hội đồng hương tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Cùng với các việc làm tình nghĩa, đoàn kết và chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, một trong những mục tiêu hướng tới của hội là thúc đẩy phong trào khuyến học và khuyến tài, tạo điều kiện cho con em trong làng gặp khó khăn có điều kiện vươn lên trong học tập.

Vùng đất văn vật này đã sản sinh ra nhiều bậc nhân sĩ trí thức, quan lại, danh y, văn nghệ sĩ nổi tiếng vượt ra ngoài vùng văn hóa Huế như Hồ Đắc Hóa (1793-1851), Hồ Đắc Trung (1861-1941), Hồ Đắc Khải (1894-1948), Hồ Đắc Diễm (1899-1986), Hồ Đắc Di (1900 -1984), Hồ Thị Hạnh, tức Sư bà Thích Nữ Diệu Không (1905 -1997)... Dân làng nhớ mãi tấm gương lương y của cụ Hồ Đắc Hóa, người đã học nghề y với ngài Đoàn Văn Hòa, được giới thiệu vào Viện Thái y làm đến Y phó của viện. Ngài giỏi nghề thuốc và có lòng nhân ái. Khoảng năm Kỷ Mùi (1849), Canh Thân (1850), bệnh



dịch tả tràn lan, nhiều người chết, ngài đã xuất tiền mua các vị thuốc, nấu thành cao, hoặc tán bột, phát cho bệnh nhân. Hết tiền, ngài phải mua chịu, đến khi bệnh dịch lui, các nhà thuốc đòi tiền, ngài phải bàn với vợ kế thất để bán vài chục mẫu ruộng hồi môn của bà để trả nợ. Nhận vật lịch sử có công kiến tạo, san định lại các nghi lễ của làng, ảnh hưởng cho đến tận ngày nay chính là Thượng thư Hồ Đắc Trung là con thứ 2 của ngài Hồ Đắc Tuấn (1836-1878), cháu nội Hồ Đắc Hóa. Thân mẫu là quận chúa Công Nữ Thức Huân, con gái Tùng Thiện Vương Miên Thẩm - hoàng tử thứ 10 của vua Minh Mạng và là nhà thơ nổi tiếng đất thần kinh. Dù là danh gia vọng tộc, nhưng từ nhỏ Hồ Đắc Trung được nuôi dạy trong cuộc sống thanh đạm của gia đình. Ông đỗ cử nhân năm 1884, thăng dần lên Tuần vũ Hà Tĩnh, Tổng đốc Nam Ngãi, Thái tử thiếu bảo, Hiệp tá đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Học, kiêm lý Bộ Hộ, tấn phong Khánh Mỹ tử, sung đại thần Viện Cơ mật, đổi Bộ Lễ kiêm Bộ Công, thăng Đông Các Đại học sĩ. Tháng 4 năm 1929 thì về hưu, tấn phong tước bá. Năm 1939 gia phong tước hầu. Ngài mất ngày 24 tháng 2 năm Tân Tỵ (1941), được truy phong Khánh Mỹ quận công. Người đời sau thường gọi ông với danh xưng là Đông Các Đại học sĩ Khánh Mỹ quận công Hồ Đắc Trung. Ông có 10 người con 6 trai, 4 gái đều thành đạt, mở ra một gia đình vọng tộc suốt thế kỷ XX. Những người con của cụ Hồ Đắc Trung cũng đều rất hiển đạt, đóng góp lớn cho quê hương, đất nước. Con trai thứ Hồ Đắc Diễm sau khi du học Pháp, tốt nghiệp tiến sĩ luật tại Paris, trở về nước làm ở Toà Thượng thẩm Hà Nội rồi chuyển làm quan Bộ Chánh tỉnh Bắc Ninh, Tổng đốc Hà Đông. Khi Nhật đảo chính Pháp, người ta hai, ba lần mời ông làm Khâm sai Bắc Bộ phủ, nhưng ông đều từ chối. Và ngay sau Cách mạng Tháng Tám, ông đã đứng về phía Việt Minh và đi theo Chính phủ Hồ Chí Minh. Ông từng được cử làm Chánh án Toà án nhân dân Hà Nội, là Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội... Tết năm 1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đích thân đến chúc tết gia đình cụ Hồ Đắc Diễm. Người con trai khác là bác sĩ Hồ Đắc Di được người đời mệnh danh là người thầy tiên phong với các công trình y học hiện đại, mở đường, định hướng cho những nghiên cứu về sau và được hội đồng giáo sư người Pháp đánh giá cao, bầu chọn là vị giáo sư đầu tiên tại Việt Nam. Ông du học tại Pháp, tốt nghiệp Khoa y tại trường Đại học Tổng hợp Paris. Năm 1932, ông được bác sĩ Leroy des Barres mời về giảng dạy phụ sản tại Trường Đại học Y - Dược thuộc Đại học Đông Dương ở Hà Nội. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng, giao nhiều trọng trách lớn như: Tổng thanh tra Y tế, Hiệu trưởng trường Đại học Y Hà Nội (1954), Tổng Giám đốc Đại học y, Giám đốc Bệnh viện Đồn Thủy... Cuộc đời Hồ Đắc Di trôi qua nhưng để lại cho đời sau những nhiều công trình nghiên cứu khoa học và đào tạo nổi tiếng làm thay đổi hoàn toàn nền Y học nước nhà. Trong những người con gái, Hồ Thị Hạnh là cô gái út trong gia đình, tuy chỉ học tại Trường Đồng Khánh (Huế) nhưng do chịu khó tự học, ham đọc sách, nên tinh thông chữ Pháp, chữ Hán, có vốn văn hoá phong phú cả Tây và Đông. Thời trẻ, bà rất ngưỡng mộ các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, tham gia Hội Từ thiện, Hội Nữ công, sáng lập viên Hội An Nam Phật học... Bà xuất gia, pháp danh là Thích Nữ Diệu Không và dần trở thành vị chân tu bậc thầy đứng đầu giới nữ tu Việt Nam, có đóng góp to lớn vào việc xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sư bà có công sáng lập và trùng tu nhiều chùa Ni và tịnh viện khác tại Thừa Thiên Huế, dịch thuật kinh sách và viết bài cộng tác với

nhiều tạp chí Phật giáo, sáng tác rất nhiều tập thơ văn khuyến tu và giáo dục phụ nữ, câu chuyện đạo lý.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, người An Truyền tham gia kháng chiến, nhiều người anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do. Từ năm 1975 đến nay, An Truyền tập trung phát triển kinh tế sản xuất, nhất là trong lĩnh vực đánh bắt nuôi trồng thủy sản, ngành nghề thủ công truyền thống và dịch vụ du lịch.

An Truyền là đất học nổi tiếng. Nhiều vị khoa bảng xuất thân từ làng, thi triển tài năng trên nhiều lĩnh vực, đóng góp không nhỏ công trạng được lịch sử ghi nhận. Tiếp nối truyền thống hiếu học, rất nhiều bậc trí thức tân học của làng, bằng tâm huyết và tài năng của mình đã làm vẻ vang cho quê hương, đất nước như tiến sĩ Dược khoa Hồ Đắc Ân, giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ Hồ Đắc Di, tiến sĩ Luật khoa Hồ Đắc Điềm, sư bà Thích Nữ Diệu Không, nhà thơ Võ Quê, nhà báo Võ Đại Đê... Sau năm 1975, việc học hành của con em làng An Truyền ngày càng được các gia đình, các dòng họ, các tổ chức đoàn thể trong làng, trong xã quan tâm và đầu tư thỏa đáng. Hội đồng hương An Truyền ở Thừa Thiên Huế, một trong những công việc có ý nghĩa lớn mà Hội đã làm cho làng là xây dựng “*Quỹ khuyến học, khuyến tài*”. Chính nhờ có những điều này và đặc biệt là sự nỗ lực học hành của cá thể hệ trẻ mà năm nào, làng An Truyền cũng có hàng chục học sinh thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng, trong đó có rất nhiều em là thủ khoa, á khoa, là người giành được các giải thưởng lớn trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp huyện, cấp tỉnh trở lên (Ví như các em: Đoàn Quốc Hoài Nam, Tôn Thất Ai Đăng, Võ Sao Khuê, Hồ Thị Mỹ Hương, Võ Thị Kim Thảo).

Đặc biệt, năm 2016, *Hồ Đắc Thanh Chương* đã trở thành nhà vô địch *Đường lên đỉnh Olympia*. Những ngày vinh danh con cháu có thành tích học tập trong làng là những ngày hội của các họ tộc, gia đình. Từ sáng sớm, tại sân đình làng đã rực rỡ cờ hoa và rộn ràng tiếng trống hội. Các già làng trong trang phục áo dài, khăn đóng, các vị khách từ tỉnh, từ huyện về, các bậc phụ huynh làm nghề buôn bán, cày cấy, lưới chài... không ai là không mừng vui, tự hào về kết quả học hành, thi cử của con em làng mình. Truyền thống hiếu học đến nay vẫn được giữ gìn, phát huy, là bản sắc văn hóa của cư dân An Truyền.

Với bề dày truyền thống lâu đời, An Truyền đã trải qua quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm, phòng chống thiên tai địch họa để xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước đã hình thành nên những truyền thống tốt đẹp của của con người nơi đây: yêu quê hương, đất nước, đoàn kết, gắn bó thủy chung, cần cù, hiếu học, chịu thương, chịu khó trong lao động và học tập. Những người nông dân, ngư dân cùng những bậc nhân sỹ, trí thức... của làng đã kề vai, sát cánh cùng nhau xây dựng làng trở thành một danh hương văn vật, trù phú, ấm no về kinh tế, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa, giáo dục. An Truyền là một ngôi làng xứ Huế truyền thống, là một đại diện tiêu biểu của những làng xã cổ truyền còn bảo lưu những truyền thống văn hóa tốt đẹp, giữ gìn cảnh sắc quê hương luôn yên bình, thơ mộng. Rời làng, nhưng tâm hồn tôi vẫn luyến lưu mãi nơi đây trong cảnh quê, trong chén rượu, trong tiếng chuông chùa An Phước, trong buổi chợ xôn xao mỗi sớm và trong từng câu chuyện đầy ân tình với những con người An Truyền chân chất, đôn hậu của ruộng đồng, của đầm phá. ■

# MƯA TRÊN NGÀY THÁNG

■ LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

**G**iữa mùa hạ chói chang, khô khốc, chợt thềm những cơn mưa phùn của đất trời xứ Huế. Ngày mưa, trên cảnh long nã, con chim già cô độc nhìn hàng đàn mây xám trên qua dòng sông tưởng chừng mơ ngủ. Con đường dọc bờ sông Hương luống tuổi, lá rụng nhuộm vàng, mực rã dưới mưa, trở màu xám xịt. Đường nhận ra tuổi lá phai, như bao con người của xứ sở này nhận ra tuổi mình phai theo năm già tháng muộn. Mưa thổi nổi buồn vào trong những đôi mắt u hoài. Mưa thăm thì kể chuyện cho dòng sông nghe, về những đại dương phía đông, những ngôi làng sẽ rục rờ mùa thay lá, về những cánh đồng xanh mướt, yên bình.

Những ngày đi học dưới mưa mù là những ngày yên ả. Tôi bé thơ đeo chéo cặp lên vai, mẹ khoác áo mưa rồi bước ra đường. Mưa bay bay. Con đường nhuốm lạnh. Những ngày mưa tôi chỉ nhớ đến nhà thơ già ở cuối đường về đình làng thuở nọ, một người yêu mưa và bóng tối. Có lần ba dẫn tôi gặp người, bấy giờ tóc đã dài chấm lưng, mặc tấm áo chùng màu nâu chấm gót, chân mang giày cỏ. Ông bảo từng đứng ngắm mưa bên sông, sông một bờ, còn mưa chỉ nửa dòng nước. Mưa ấy thế nhân này không chứa vào bể được, chỉ để ngắm tiêu sầu. Từ nhỏ ông thềm ngủ trong lều cỏ, bên dòng sông vắng để chờ mưa đầu mùa phôi pha. Ông trầm trồ với mùi đất bốc mưa mới đầu mùa làm ấm các mạch máu, xe tròn lại từng kí ức đã nhàu nhĩ. Mùi đất bốc mưa ấy da diết như mùi của dòng sông thuở nọ. Những bờ đá hoa cỏ hoang dại chen chúc nhau mọc. Rêu xanh mênh mông, xanh đá, xanh đường bước êm. Nhà thơ già cứ nói luôn về mưa, mưa đông và mưa xuân. Mưa xuân hoa rụng ven sông, đó là mưa của tri kỉ. Còn đâu bước chân hoa của những người thôn nữ của làng bên hòn nhiên. Rồi một ngày nào đó, ông sẽ về lại bờ sông kia để nói về thứ siêu hình tình yêu đã mắc cạn trong trí nhớ. Ông chợt cất tiếng hát từ vịnh cổ sầu. Mưa ngả nghiêng theo tiếng hát trong như suối reo của nhà thơ già. Đôi mắt người thơ trong trẻo, hồn nhiên như cây cỏ. “*Nhà ta ở dưới gốc cây dương... a ha, nhà ta ở dưới gốc cây dương... Thiên Thai chón đây hoa xuân chưa gặp bướm trần gian... Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần... a ha ha a a a a...*”. Ông ngửa mặt nhìn trời. “*Kìa đường lên tiên... kìa nguồn hương duyên... hương duyên chi mà hương duyên... Cánh đào rơi... đời...*”.

\*

Núi đồi thung sâu màu xanh biếc, hoa dại thăm thì nở hoang vu. Dưới khe nước chảy trong màu mắt. Tất cả chìm đi trong tiếng chim kêu gọi bầy xào xạc. Đất trời quện một cỏ hoa đua nở, người cũng ôm lòng rộn rã vào núi Châu Sơn để thấy khắp cây cỏ tràn trề nhựa sống, trong thung lũng và trên mặt hồ sương khói. Mỗi người bày biện ra chút vị tết nào là bánh chưng, dưa món, thịt sấy, trái cây... dưới những gốc sim già. Một đàn chim bay qua véo von trên bầu trời. Đâu đó, trên đỉnh núi, tiếng khứ bách thanh hót vang động núi rừng. Tiếng hót va vào vách núi và một dàn đồng ca lạnh lốt xa xăm. Chúng tôi đương trôi trên dòng sông của ước mơ không ngừng cuộn chảy.

Ai đó đem chuyện chàng thi sĩ ca dao ra kể. Về những ruộng đồng, sông hồ chàng

đã đi qua. Một thanh niên sống già trước tuổi, chán đời trước tuổi, không có gì để theo đuổi, không có gì để học hỏi. Chàng thi sĩ ca dao có đôi mắt của một vực thăm đen ngòm, mộng mị ngời uống rượu bên sông như chúng tôi hôm nay. Nước sông là rượu, rượu là nước sông. Thanh niên uống cạn, uống say, ngày như ngày. Mưa, mưa sông trát buốt mặt mày điên loạn. Khi con say voi, họ khát nước, những người bạn của thi sĩ ca dao dùng tay hứng những giọt nước mưa mát trong như ngọc. Và đêm hiền lành theo mưa về ngủ trong lều cỏ dựng tạm bên bờ sông thơm. Mưa đêm đó rơi tí tách, mặt sông buồn thăm thẳm. Vàng trán người trai trẻ cũng mưa, mưa nhãn nếp trán và chìm mãi vào cơn mộng không có lối ra. Chén rượu bẽn lễn bẽn rêu, nghe nước non kể chuyện đời xưa đời xưa. Tôi nhớ bài ca dao của mẹ hát mỗi đêm rằm:

*“Thiếp xa chàng như vàng sa xuống đất  
Như đôi đũa ngọc xa chén kiêu chén gà  
Bạn vàng ơi, nhớ lại cho ta,  
Đêm năm canh thiếp ăn sầu uống thăm  
Ngày sáu khắc xương bọc lấy da gầy mòn”.*

Bài ca dao buồn môi bao thế hệ những đêm trường mồi mòn thương nhớ. Chén rượu nói về ngày mai, về những ước mơ của tuổi trẻ, chuyện sách vở, chuyện viết lách có bao giờ cũ.

Tôi nhìn ra thảm hoa bát ngát trước mắt. Dòng suối nhỏ như tấm gương soi chảy qua màu trắng tinh khôi của thảm xuyên chi. Tôi chợt nhận ra thời gian nơi đây chậm chậm đi qua những con đường rậm lá hoang sơ của núi, thấy hồi ức ướp đậm hương thơm loài hoa dại mong manh. Những ngày xưa thân ái bước ra từ những bông hoa ngời sáng kỷ niệm. Con tim tôi nảy mầm từ đạo tình yêu giấu trong chiếc lá biếc xanh, những bông hoa dại tinh khiết của núi đồi.

Hôm nay, tôi về lại chôn xưa, mái nhà tranh ngày nào đập tạc vào lũy tre giờ biến mất. Xa rồi chôn tiêu sơ lả lẫm trong làn mù dày đặc của mưa của gió của hoa ngày xưa. Những con đường trải nhựa, phố thị, những nhà cao tầng đã thay đổi tất cả. Tôi đứng trân mình trong làn sương nhìn cảnh cũ tiêu điều trong trí tưởng tượng. Cái bàn uống nước làm bằng năm hòn đá tổ ong, lá cây rụng đóng một thảm lớn, dăm ba cỏ dại mọc thưa thưa, chồi xanh mơn. Một ấm trà nóng, một bông hoa dại... đã xa xưa rồi. ■

## ĐIỆU HỒN VĂN HÓA BÊN DÒNG Ô LÂU

■ Bài và ảnh: THÚY NHUNG

Từ đường quốc lộ 1A, rẽ phải, men theo con đường ngoằn ngoèo dọc bờ sông Ô Lâu dài hơn bốn cây số, gặp một làng quê yên ả. Những ngôi nhà mái ngói cổ xưa xen các ngôi nhà còn thơm mùi sơn mới quanh những rặng tre xanh, con đường xóm thôn quen thuộc. Đó là làng Phò Trạch mà người dân quen gọi là Phò Trạch đệm, thuộc xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi làng quê thơ mộng này còn lưu giữ những nét văn hóa dân gian mang điệu hồn dân tộc Việt mà không phải nơi nào cũng có được.

### VỀ PHÒ TRẠCH NGHE TIẾNG ĐẬP BÀNG

Sở dĩ gọi là Phò Trạch đệm bởi nơi đây nghề làm chiếu đệm có tự xa xưa. Cùng với gôm Phước Tích, điêu khắc Mỹ Xuyên, đan lưới Vân Trình... đệm Phò Trạch đã trở thành truyền thống trên quê hương Phong Điền.

Chất liệu của nghề đan đệm ở Phò Trạch là cây bàng, cây cói. Cây bàng thường được trồng ở những tràm nước mà người dân hay gọi là dòi trong vùng. Bên cạnh trồng lúa, dân làng Phò Trạch còn dành đất ruộng để thâm canh cây bàng. Về Phò Trạch nghe rộn rã tiếng đập bàng. Cây bàng được cắt về, chọn ra từng loại, phơi khô, cột thành từng lọn, từng neo đưa ra cói. Cói già bàng được làm bằng một khúc gỗ tròn dài. Trong làng có khoảng 4 đến 5 cái cói đập bàng. 3 hoặc 4 nhà rủ nhau đi đập bàng vì một người không thể già nổi cói. Tiếng cói kêu cọt két, tiếng đập bàng đều đặn theo nhịp đưa chân từ lâu đã trở thành âm thanh riêng của miền quê Phò Trạch.



Cối đập bàng ở làng Phò Trạch

Từ cây bàng người dân Phò Trạch tạo ra nhiều vật phẩm phong phú: mũ đội, giỏ xách, bao đựng và nhiều nhất là chiếu đệm. Chiếu đệm được đan kết từ cây bàng để trải nằm, ngày trước còn thay chăn để đắp. Chiếu đệm, bao đệm có khả năng hút ẩm lớn vì thế có thể dùng nó đóng gói hàng hóa chuyên đi xa. Vào những năm 80 là khoảng thời gian hưng thịnh nhất của nghề đệm Phò Trạch, nó trở thành công việc và thu nhập chính của bà con trong làng. Sản phẩm làm ra được xuất khẩu sang Liên Xô, các nước Đông Âu. Sau đó bị gián đoạn, nhưng rồi người dân trong làng vẫn gắn bó và tìm cách khôi phục... Những phiên chợ quê quanh vùng tụ họp hàng ngày không thể thiếu mặt hàng truyền thống của người Phò Trạch. Đã một thời, những chiếc túi đệm, chiếc mũ theo tuổi thơ đến trường. Những em bé sinh ra trên chiếc chệ đệm, nghĩa là các em lớn lên trên cây bàng quê hương và lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ. Nghề truyền thống này là hồn, là vía của làng quê... Một buổi đến trường, buổi còn lại các em học sinh giúp chị, giúp mẹ thoãn thoắt trên từng cây bàng. Bốn, năm o thiếu nữ rủ nhau đến một nhà ngồi đan bàng, vừa chuyện trò vui vẻ...

Cuộc sống đổi thay, trải qua bao thăng trầm dù không còn “ăn nên làm ra” như xưa nữa nhưng từ trong sâu thẳm tâm hồn, nhiều người con làng Phò Trạch thành đạt khắp bốn phương trời vẫn canh cánh một nỗi nhớ da diết về một làng quê nghèo, êm ả có tiếng đập bàng và đôi tay đan bàng mềm mại của các bà, các chị, các mẹ... Chị Liên, người có nghề đan bàng 25 năm chia sẻ: “Hiện nay làng vẫn còn duy trì nghề này nhưng không nhiều. Vì thế cây bàng cũng trồng ít đi. Nhớ nghề, gia đình tôi vẫn còn làm. Khi thì đan chiếc đệm nằm, khi thì cái bao đựng... Sản phẩm khi không có người đặt làm mua tại nhà thì mang ra chợ bán”.

### VỀ PHÒ TRẠCH THƯỜNG THỨC LỄ HỘI SẮC BÙA

Về làng Phò Trạch là về một miền quê bình dị để càng cảm nhận được chất văn hóa dân gian trở thành vẻ đẹp có tính truyền thống của làng quê Việt. Bến nước, dòng sông, cây đa, chùa miếu... vẫn lặng lẽ qua bao thời gian...

Tính cộng đồng thể hiện rõ ở làng Phò Trạch. Quá trình di dân mở cõi hình thành làng xã cách đây 600 năm trên đất Thuận Hóa, những gì còn lại với Phò Trạch hôm nay không phải là ngẫu nhiên mà đó là cả một quá trình gìn giữ và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Phò Trạch là địa danh diễn ra các sinh hoạt mang đậm triết lý nhân văn gắn liền không gian làng xã. Các trò chơi dân gian như hát trò, tập chèo, đi cầu nước, leo cột mỡ, ù mồi, giật cờ... hay những làn điệu dân ca độc đáo như hát bát đật, sắc bùa, chèo đồng ấu... luôn được duy trì.

Có một sinh hoạt độc đáo nhất ở Phò Trạch còn lưu giữ đến hôm nay là lễ hội sắc bùa với hơn 300 câu hát cổ. Đây là hình thức lễ hội dân gian đặc sắc. Sắc bùa là làn điệu dân gian mang nhiều yếu tố tâm linh với những lời cầu nguyện cho quốc thái dân an, bày tỏ niềm hy vọng, tin tưởng vào một năm mới mưa thuận, gió hòa, cuộc sống ấm no và hạnh phúc. Những đạo bùa được dán vào tường, cột nhà để trừ quỷ ma, đem lại cuộc sống an lành. Đầu tiên là cùng nhau làm lễ ở đình làng, sau đó ba, bốn đội tản ra thành nhiều hướng trong làng. Đạo cụ mang tính chất thần bí đạo giáo, xua đuổi ma tà. Nhà nào có đoàn sắc bùa đến là vui mừng với hy vọng năm đó gia đình mình sẽ được an lành... Ngày xưa, hát sắc bùa được tổ chức định kỳ 12 năm một lần - theo vòng con

giáp. Thời điểm đầu tiên mà sắc bùa làng Phò Trạch ngân vang là vào chiều ngày 30 Tết. Toàn đội hát sắc bùa sẽ đến đình làng để làm lễ cáo trình với bậc tiên linh. Sau đó, đội hát sắc bùa đến hát ở nhà thờ các họ, phái rồi đến từng gia đình ở trong làng. Riêng hát sắc bùa ở các gia đình được chia thành nhiều phần, như tiến hành cầu an trong gia đình, cầu an cho thổ công, thổ chủ... Phần cuối hát sắc bùa là chúc tụng gia đình năm mới an khang thịnh vượng; chúc gia chủ trường thọ; vật chất sung túc... Không chỉ hát trong làng, vào những ngày Tết, đội nhã nhạc hát sắc bùa làng Phò Trạch còn đi đến các làng bên cạnh để hát chung vui và chúc phúc năm mới. Theo ông Nguyễn Thế, nhà nghiên cứu văn hóa ở huyện Phong Điền thì “Sắc bùa ở Phò Trạch chủ yếu tập trung ở hai giáp Tây Phú và Triều Quý để đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong làng và các làng lân cận, họ tổ chức từ ba đến bốn đội và tổ chức sắc bùa trong nhiều ngày. Qua nghiên cứu văn bản sưu tầm được ở cả hai khu vực, chúng tôi đã phát hiện ở Phò Trạch có đến hai dòng sắc bùa khác nhau... Sắc bùa của giáp Tây Phú có phần ảnh hưởng màu sắc Lão giáo. Ngôn ngữ sắc bùa của giáp Tây Phú làng Phò Trạch có vẻ “bác học”, sử dụng nhiều ngôn từ Hán, nhưng vẫn còn một số chữ Nôm cổ như: *Min* nghĩa là ta, *chúng min* nghĩa là chúng ta, hoặc *chiêu đăm* tức là phải trái”.



*Đường làng Phò Trạch*

Tiêu biểu múa hát sắc bùa ở đây là múa bông, còn gọi là múa thiên hạ thái bình. Tham gia điệu múa này có khoảng 24 đến 48 người với độ tuổi từ 13 đến 17. Các động tác múa di chuyển sắp thành các chữ: *Thiên, hạ, thái, bình*. Đây là điệu múa công phu diễn ra trong những lần làng có lễ hội với ước mong: Thiên hạ được sống trong thái bình, không có chiến tranh...

Một trò chơi dân gian khác diễn ra trong những buổi sinh hoạt tập thể, hay trong những lễ hội dân gian ở làng Phò Trạch là Bịt mắt đánh trống. Tham gia trò chơi bao

gồm 2 người khiêng trống; 1 người đánh trống; 1 người cầm lộng. Cứ thấp 1 que diêm thì phải đánh 3 tiếng trống; nếu không thực hiện đủ thì người đánh trống trở thành người gánh trống và cầm lộng. Trò chơi này có ý nghĩa phê phán những ông quan không làm tròn trách nhiệm của mình...

Phò Trạch - một làng quê bình dị như bao làng quê khác, là nơi lưu giữ biết bao nét đặc trưng của văn hóa dân gian. Tìm về *nghề đan bàng, lễ hội sắc bùa, trò chơi bịt mắt đánh trống hay điệu múa bông...* là tìm về mạch nguồn văn hóa dân tộc với những tín ngưỡng dân gian thể hiện sự hòa sắc, hòa đồng giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người... Đó là sự đa dạng và thống nhất trong nhận thức về thiên nhiên và triết lý sống, về đạo làm người.

### **Làm gì để níu giữ hồn quê**

Trong một thời gian dài, vì nhiều lý do khác nhau, một số sinh hoạt và lễ hội dân gian ở Phò Trạch bị mai một. Thực hiện nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) về “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, cũng như ở các làng quê khác, nghề truyền thống, những nét sinh hoạt lễ hội dân gian ở Phò Trạch dần được khôi phục và làm sống lại. Trong lễ hội Festival tôn vinh nghề truyền thống Huế năm 2005, hát múa sắc bùa do các nghệ nhân của làng Phò Trạch biểu diễn tại sân khấu cộng đồng bên cạnh bên Tòa Khâm đã lôi cuốn người xem. Mới đây bài múa hát sắc bùa *Thiên hạ thái bình* của làng Phò Trạch đã trình diễn tại *lễ hội đường phố* trong dịp Festival Huế 2022 và lễ hội *Hương xưa làng cổ* ở Phước Tích (Phong Điền)

Trân trọng trước những nét văn hóa truyền thống ở làng quê bên con sông Ô Lâu hiền hòa này nhưng vẫn còn đó bao nỗi niềm trong hiện tại. Nghề đan bàng ở làng quê Phò Trạch đang bị mai một. Điều đó là tất yếu trước xu thế thời đại khi các vật dụng hiện đại được bày bán khắp nơi. Tuy nhiên với tác dụng và sự tiện lợi của những vật dụng làm ra từ cây bàng thì không phải nghề đan bàng ở Phò Trạch đã mất hết cơ hội. Vấn đề là ở cách thức tổ chức, sự quan tâm của chính quyền địa phương nhằm tìm ra một hướng đi làm hồi sinh, vực dậy một nghề thủ công truyền thống. Hy vọng một ngày không xa trở về Phò Trạch ta lại được nghe tiếng đập bàng rộn rã, được nhìn ngắm đôi tay thoăn thoắt của các cô thôn nữ đan bàng, được nhìn thấy phiên chợ quê bày bán đủ các sản phẩm được làm ra từ cây bàng, cây cối trên quê hương mình.

Vâng, người dân Phò Trạch đang cố gắng nhưng rất cần sự tiếp sức của nhiều ban ngành để các giá trị vật thể và phi vật thể không bị mai một theo dòng chảy thời gian. Tháng 6 năm 2022, với sự kết hợp giữa liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật và Hội văn nghệ dân gian tỉnh Thừa Thiên Huế, *Đội hát sắc bùa làng Phò Trạch* với 25 thành viên được thành lập. Những người nông dân sau lũy tre làng, bằng tình yêu thiết tha nét văn hóa truyền thống của quê hương mà vượt qua những khó khăn, bận rộn để luyện tập vào mỗi đêm. Phục dựng lại hình thức lễ hội dân gian truyền thống có tự bao đời ở miền quê Phò Trạch là dấu hiệu đáng mừng. Thiết nghĩ, nếu chúng ta biết cách đầu tư và khai thác đúng hướng thì chắc chắn một ngày không xa Phò Trạch sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn, nơi dừng chân trong tuyến du lịch về với những miền quê xanh êm ả của biết bao du khách muôn nơi. ■



## ANH NGHỀ VỚI PHÒNG ĐỌC BẢN HẠ LONG

■ Bài và ảnh: HỮU UY

Ở gác hai Nhà điều hành khu du lịch cộng đồng A doon bản Hạ Long, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền có một phòng đọc vừa được hình thành. Phòng đọc do anh Nguyễn Văn Nghề thành lập bằng cả sự tâm huyết của một người Pa Hy muốn gieo mầm văn hoá đọc cho bản làng còn lạ lẫm với việc đọc sách.

Được sự hỗ trợ của Sở Văn hoá và Thể thao Thừa Thiên Huế về giá, kệ, sách cùng một ít kinh phí, anh Nghề đã sửa sang gác hai vốn chẳng làm gì thành một phòng đọc khang trang. Anh tìm tòi khắp các nhà sách để mua những quyển sách hay như: Tuổi hoa niên đáng nhớ, Dành cho mẹ món quà của tình yêu, Hạt giống tâm hồn (trọn bộ), Đánh thức con người phi thường trong bạn, Tri thức là sức mạnh, Bí quyết để trở thành nhà quản lý tài ba, Hồ Chí Minh bàn về phong cách, học và làm theo Bác,...

Nhân Ngày sách và Văn hoá đọc lần thứ hai năm 2023 (21/4/2023), đồng chí Phan Ngọc Thọ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã dự buổi ra mắt phòng đọc của bản Hạ Long và phát biểu: “Đây là phòng đọc đầu tiên ở xã Phong Mỹ, việc hình thành được phòng đọc là một nỗ lực lớn đáng biểu dương của cá nhân anh Nguyễn Văn Nghề và Sở Văn hoá và Thể thao cùng chính quyền địa phương. Xây dựng được văn hoá đọc và tình yêu với sách sẽ góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Thông qua phòng đọc để tôn vinh giá trị của sách, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của sách trong đời sống xã hội...”



Tại phòng đọc bản Hạ Long, ngoài các kệ sách có gần 150 đầu sách phục vụ miễn phí cho bạn đọc, anh Nghề đã sưu tầm các nông cụ; lời bài hát của người Pa Hy in thành văn bản; phô tô các tấm bằng tiến sĩ,



thạc sĩ và đại học của con em người Pa Hy treo ngay ngắn trên tám phen tre của phòng đọc. Theo anh Nguyễn Văn Nghê: “Mô hình vừa góp phần lưu giữ bản sắc văn hoá, vừa biểu dương tấm gương hiếu học của những người con bản Hạ Long. Sự khác biệt ở mô hình này đó là sự kết



hợp giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Cụ thể đó là sự kết hợp giữa bảo tồn bản sắc văn hoá với định hướng phát triển tư duy mới theo sự phát triển chung của toàn xã hội. Quá khứ là những kỉ vật, những lời bài hát được lưu giữ lại cũng là một phần của bản sắc văn hoá riêng của người Pa Hy. Ngoài ra, việc trưng bày ở phòng đọc còn có tác dụng chứng minh cho thế hệ trẻ thấy hiện tại có nhiều cô chú, anh chị là dân tộc mình đã có những tấm bằng cao quý này và đang cống hiến cho đất nước, cho quê hương và cho đồng bào mình, họ làm được trong điều kiện khó khăn thì không có lý do gì mà các bạn trẻ không thành công như họ hoặc hơn họ trong điều kiện thuận lợi hơn.”

Để có được phòng đọc như hôm nay, anh Nghê đã bỏ không biết bao công sức gầy dựng. Từ một căn gác hai đơn sơ chỉ vài cuốn sách do anh sưu tầm; bốn bức vách là những tấm phen tre cũ kỹ nay được sơn quét sạch sẽ. Qua một thời gian vận động và được sự hỗ trợ của Sở Văn hoá và Thể thao, phòng đọc được trang bị bàn ghế, kệ sách mới. UBND xã Phong Mỹ cũng đã hỗ trợ một tủ sách và những điều kiện khác giúp phòng đọc đi vào hoạt động thuận lợi. Sau một thời gian ngắn đi vào hoạt động, phòng đọc đã thu hút khá nhiều các cháu thiếu niên, nhi đồng ở địa phương và du khách đến tham quan, đọc sách.

Anh Nghê cho biết thêm: “Tương lai, là phải giúp thế hệ trẻ xác định được, hình dung được 10 năm sau, 20 năm sau họ ước mơ điều gì, họ khát khao điều gì, mục tiêu 10 năm sau của mỗi bạn trẻ là gì? Và phòng đọc quý với tập hợp nhiều đầu sách hay giá trị nhất trong nước và thế giới sẽ góp phần giúp các bạn trẻ biết hình thành ước mơ, mục tiêu và kế hoạch hành động. Muốn mô hình luôn hoạt động hiệu quả mang lại nhiều lợi ích như mong muốn thì cần phải mở cửa thường xuyên, truyền thông rộng rãi. Như vậy, cần phải có người luôn mở cửa mỗi ngày.

Sắp đến chúng tôi sẽ lập một nhóm “hội phụ huynh mong muốn con em yêu sách, mê đọc sách” với độ tuổi từ 6 đến 10 tuổi tại xã Phong Mỹ, trong đó có bản Hạ Long. Chúng tôi cũng sẽ lập một nhóm “Hội cha mẹ tại bản Hạ Long cam kết, quyết tâm cho con có tấm bằng đại học”.

Nếu ai có dịp tham quan, thám thác A doon, bản Hạ Long mọi người sẽ thấy có một phòng đọc ngay đầu lối đi vào thác, ngày ngày luôn mở cửa đón mọi người đến đọc sách. ■

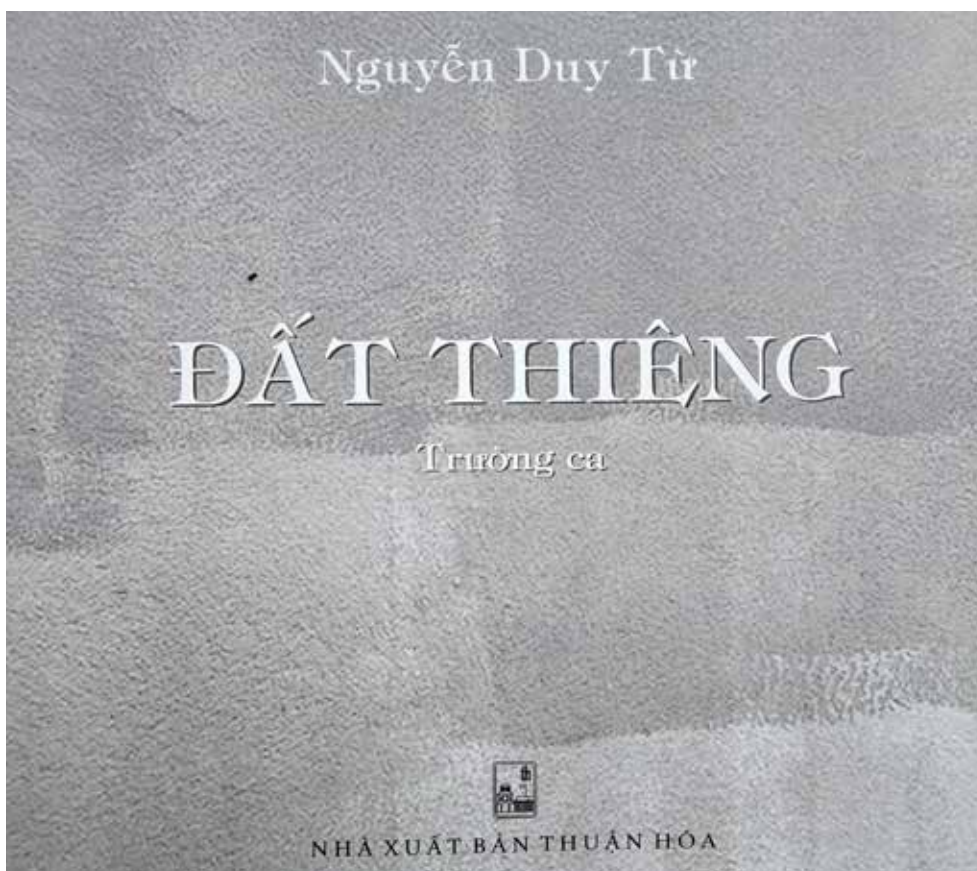
# GIỮ ĐẤT CHA ÔNG, GIỮ BÓNG THỜI GIAN

■ LÊ VIẾT XUÂN

Có thể xem đó là câu thơ “chốt” của tác giả Nguyễn Duy Từ gửi gắm trong trường ca Đất thiêng vừa mới xuất bản. Đây là trường ca thứ ba, (tiếp nối: Huế mùa đông 1999 xuất bản năm 1999, và Trại Covid-19 xuất bản năm 2020) vừa mang tính kế thừa, vừa thể hiện sự tìm tòi cái mới trong mạch nguồn cảm hứng sáng tạo “thay lời muốn nói” anh dành cho bạn đọc.

Đất thiêng đề cập đến dự án “di dân lịch sử”: di dời dân cư, giải phóng mặt bằng, phát huy giá trị khu vực 1, di tích Kinh thành Huế. Đây là một dự án lớn, mang tính đột phá trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, được sự đồng thuận của dân cư tại chỗ, ủng hộ của Chính phủ, quan tâm và theo dõi của nhân dân trong nước, và nước ngoài. Bước đầu dự án đã mang lại những kết quả khả quan, đáng mừng, dần trả lại dáng vẻ nguyên sơ, tạo nét khởi sắc mới duyên dáng của bộ mặt Kinh thành Huế. Để đưa câu chuyện “lịch sử” này vào văn xuôi, tiểu thuyết đã khó, chuyển nó thành thơ, trường ca lại càng không dễ. Với “kho tri thức” tích lũy bấy lâu (nổi trội là kiến thức lịch sử, văn hóa Huế), từ thể nghiệm ở hai trường ca trước, bằng sự đam mê, tâm huyết, Nguyễn Duy Từ đã nỗ lực “vượt lên chính mình”, trong một “khoảng lặng” cần thiết, dồn nén hơn chín mươi ngày (từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2023) để tạo nên hình hài và hồn vía Đất thiêng - đưa con tinh thần mà anh hằng ấp ủ, nâng niu, để trả ơn người, ơn đời.

Đất thiêng với 946 câu, chủ yếu viết theo thể thơ tự do (có xen thơ lục bát, ca dao, hò, vè...), được chia thành sáu phần: mở, 4 khúc (1 đến 4), và kết. Mở: là cuộc trò chuyện của hai cha con người đạp xích lô cư ngụ ở Thượng thành đã mấy đời; Tác giả đã “mượn” hình ảnh luống cải hoa vàng, đôi chim bạc má, chích chòe lửa, bò câu... và tiếng âm thanh tiếng gà tục tác... để diễn tả tâm trạng, nỗi lòng của họ trong đêm cuối cùng tại mảnh đất đã cưu mang, che chở mình vượt qua mưa nắng, bão giông, bươn chải ngược xuôi của kiếp mưu sinh nghèo khó... ngày mai phải rời xa nơi này, để định cư chỗ mới “*Ôi! Cha không ngủ được con ơi, ngày mai chúng ta lên đường/ về một tương lai?! Ngày mai tạ từ Thượng thành/ Gửi lại hồn đất bao nhớ bao thương/ gửi lại luống rau bao vất bao vương*”. Từ khúc một đến khúc bốn là cuộc du hành của nhân vật “tôi” (tác giả), bắt đầu nơi “cầu Thanh Long vẽ nửa vàng trắng” qua “xóm Lương Y”, “Tây Thành Thủy Quan”, “Quan Tượng Đài”, “Kỳ Đài”, “Thượng Thành”... kết thúc dừng chân “bên Cửa Hậu”. Thông qua cuộc du hành nhuộm màu thực ảo được kết nối bằng sợi dây tâm linh ấy, người viết đã khéo léo và tinh tế lồng ghép, pha trộn chất sử thi trên nền bản sắc văn hóa Huế, với tên đất, tên người, cảnh quan/ danh thắng, di sản... dựng lại bức tranh khá chân thực và sống động của vùng Đất thiêng, với những dấu mốc lịch sử lớn và nhân vật (danh nhân) tiêu biểu (từ ngày mở đất, lập nghiệp của



9 chúa Nguyễn), Kinh đô Phú Xuân của anh hùng dân tộc Quang Trung; sự ra đời, phát triển và kết thúc của Vương Triều Nguyễn (13 vua Nguyễn) gắn với quá trình xây dựng Kinh Thành Huế), cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ diễn ra nơi đây - đó không gì khác hơn, chính là tấm lòng thành kính tri ân của hậu thế với cha ông, niềm tin yêu và khát vọng trong cuộc hành trình tiếp nối quá khứ hào hùng, bùng dậy của của một tương lai tươi sáng “*Kinh thành sáng bừng lên/ Nhắc tên Thương Thành. Eo Bàu, Ngự Hà, Hộ Thành Hào, Tịnh Tâm, Học Hải, Trấn Bình Đài, Xã Tắc.../ và lòng người bất khuất/ giữ đất cha ông, giữ bóng thời gian!*”. Kết, là lời tâm tình, dặn dò, nhắn gửi của tác giả với cô con gái cưng của mình: “*Con ơi, ba đã gặp họ/ hai cha con đêm cuối cùng chôn cũ trú ngụ/ gọi lại năm đất thiêng/ Trả lại mảnh đất thiêng thành xưa/ Họ về với đất Hương Sơ*”, và “*Con sẽ đi qua năm châu, bốn bể/ Lên tầng trời cao, xuống lòng đất sâu/ đến ở nơi đâu/ Ba vẫn tin như lời nguyện cầu: Huế của Kinh Thành/ Huế của Quần thể di tích/ Huế - Di sản văn hóa nhân loại/ Báu ngọc tổ tiên, cha ông truyền lại*”.

Từ câu chuyện dung dị đời thường của hai cha con trong cuộc di dân lịch sử, với góc nhìn văn hóa, tác giả phần nào đã làm cho người đọc cảm nhận như được sống với những sự kiện, nhân vật lịch sử đã qua, hiểu hơn về chiều sâu lịch sử, bề dày văn hóa của mảnh Đất thiêng. Qua đó, gợi mở, và gửi gắm những điều thiêng liêng, tâm huyết (nhất là đối với thế hệ trẻ), đề thêm tự hào, tin yêu, sống có trách nhiệm với Đất thiêng Huế, trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Cố Đô và bản sắc văn hóa Huế lên một tâm cao mới.

Đó cũng chính là điều cần ghi nhận, đáng khích lệ, và đóng góp của Đất thiêng... ■

## Huế, thành phố của cây xanh, bóng mát

■ TRẦN HOÀNG

**P**hía sau căn nhà tôi ở thuộc chung cư Đông Đa (thành phố Huế) có mấy bụi cây tía tô, một loại cây hoang dại thường mọc nhiều ven các con đường làng. Sau mấy ngày mưa xuân, hoa tía tô màu đỏ, màu vàng khoe sắc làm rực rỡ cả một góc vườn. Song hành cùng các bông hoa tía tô sau nhà là các bông hoa giấy mỏng manh với một màu tím rất bắt mắt. Không chỉ có các cây hoa với nhiều màu sắc khác nhau, khu chung cư nơi gia đình tôi sinh sống mấy chục năm nay còn có rất nhiều cây cao bóng mát ví như cây bàng, cây phượng vĩ, cây hoa sữa... Được nương mình dưới các cây cao, bóng mát, người dân trong các khu chung cư ai cũng vui, cũng thấy gia đình mình thật hạnh phúc.

Không chỉ ở các khu chung cư mới có các cây cao, bóng mát mà ở thành phố từ đường ngang, ngõ tắt... đến các cung điện, đền chùa, công sở, trường học, nhà hàng, nơi vui chơi, giải trí... không có nơi nào là không có cây to, cây nhỏ, xanh lá, tươi hoa. Đường Hai Bà Trưng là một con đường rộng rãi mới được tu sửa gần đây, vậy mà chỉ ít lâu sau đã có những hàng cây xanh được đem về trồng. Việc làm này đã tạo cho một con đường mới được chỉnh trang lại trở nên trong lành hơn, đẹp đẽ hơn.

Thành phố Huế được người trong nước, ngoài nước yêu kính không chỉ bởi những giá trị, những sắc thái văn hoá độc đáo, cao đẹp mà còn bởi thành phố là nơi có bốn mùa cây xanh, bóng mát, không khí trong lành... Bên cạnh các con đường có bề dày lịch sử hàng mấy trăm năm như các đường Ngô Quyền, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Chi Lăng..., Huế còn có không ít con đường mới được khai mở trong các năm gần đây, chẳng hạn các con đường: Lê Hồng Phong, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... nhưng không có con đường nào là con đường vắng bóng các hàng cây xanh. Tôi đã không ít lần gặp các du khách trong nước, ngoài nước dạo chơi trên nhiều con đường của thành phố Huế mà họ không đội nón mũ gì bởi họ đã được các hàng cây xanh che nắng cho họ.

Huế là thành phố của cây xanh, bóng mát. Có được điều này là bởi từ thuở xưa nhân dân và các cấp chính quyền đã rất coi trọng, rất chú ý đến việc trồng cây, gây rừng, việc bảo vệ cây cao, bóng cả. Trước năm 1945, sau lễ tế cúng ở đàn Nam Giao, bao giờ nhà vua cũng cùng với các quan trong triều, ngoài trấn ra trồng cây và chăm sóc các hàng cây xanh ở sau đàn. Rồi nữa, ở đồi Vọng Cảnh, ở điện Hòn Chén, ở ven các lăng tẩm, chùa chiền, đền miếu... quan lại và cư dân ở quanh các nơi này đều rất quan tâm, rất tích cực trong việc trồng cây và bảo vệ cây xanh.

*Văn Thánh trồng thông, Võ Thánh trồng bàng  
Ngó về Xã Tắc, hai hàng mù u*

(Ca dao xưa)

Huế là thành phố của cây xanh, bóng mát. Dòng Hương Giang trong lành trôi giữa hai bờ cỏ xanh. Thảm cỏ xanh trước bến Phú Văn Lâu, bến Nghinh Lương Đình, trước cổng trường Đại học Sư phạm Huế... cùng với các hàng cây to nhỏ dọc các con đường từ nội thành đến ngoại thành... tất cả làm cho thành phố cổ đô có những nét đẹp thanh cao “chẳng nơi nào có được...” ■

# Sống hết lòng VỚI SINH VIÊN NGHÈO

■ DÂN VÕ

**S**uốt mấy chục năm qua, bà Huỳnh Thị Diệp, 90 tuổi, (trú 17/6, kiệt 104 đường Phạm Thị Liên, phường Kim Long, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế) đã âm thầm cứu mang hàng trăm sinh viên có hoàn cảnh khó khăn ở trong Nam ngoài Bắc đến xin trợ học miễn phí. Điều đáng nói, bà Diệp cũng chẳng khá giả gì về kinh tế, hàng tháng sống nhờ tiền trợ cấp khuyết tật, neo đơn của Nhà nước.

## Sống lấy đạo đức làm trọng

Sinh ra trong một gia đình nề nếp, từ nhỏ bà Huỳnh Thị Diệp đã được sống trong môi trường giáo dục kiểu mẫu. Khi tuổi thanh xuân, cũng có nhiều đáng mày râu theo đuổi nhưng bà một mực từ chối không lập gia đình. Hàng năm, cứ đến mùa thi đại học, thấy có nhiều người ở quê lên phố chạy vạy dáo dác khắp nơi tìm chỗ trọ cho con, trong số đó, đã có không ít bậc cha làm mẹ nước mắt lưng tròng vì không kiếm tìm được chỗ ở cho con, mặc dù họ đã bán hết tài sản quý giá của gia đình như: thóc lúa, đậu mè, gà vịt, heo bò... Đồng cảm trước những hoàn cảnh, số phận đáng thương ấy, con tim bà đã không ít lần thổn thức, xao xuyến. Đến năm 1991, hội đủ duyên lành, bà Diệp quyết định đón các sinh viên nghèo đến nhà mình ở miễn phí. Lúc đầu, chỉ có 7 em, con số cứ tăng dần lên, có lúc lên tới 12 em cùng trọ học ở nhà bà. Thuở đó, chưa có điều kiện xây riêng từng phòng, thế là con trai thì trái chiếu, nệm ngủ chung dưới nền nhà, con gái thì cho lên ngủ trên tầng gác. Lớp anh trước, lớp em sau, cứ 4-5 năm là có một lứa sinh viên ra trường, thế là nhà bà lại đón lứa sinh viên mới vào trọ học. Các em sinh viên đến trọ học miễn phí ở nhà bà có quê từ nhiều tỉnh, thành khác nhau: Hà Tĩnh, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kom Tum... mỗi em một hoàn cảnh, một số phận khác nhau, nhưng tất cả đều được đón nhận ở bà tấm lòng nhân ái, tình yêu thương như chính con cháu ruột thịt của mình.

Vừa tạo điều kiện cho các sinh viên nghèo trọ học miễn phí 100%, bà còn phải cất công đi lại nhiều lần, lên ủy ban phường, đến trụ sở công an, tổ dân phố... để làm thủ tục giấy tờ, khai báo tạm trú cho các em. Thậm chí, có một vài em chưa “thích nghi” chỗ ở mới, xảy ra xích mích, gây hấn với thanh niên trong khu phố... thì lúc ấy, bà Diệp chính là người đại diện bố mẹ các em để đến làm việc với cơ quan chức năng. Hết mực yêu thương, quan tâm chăm sóc, nhắc nhở các em từng ly từng tý: từ việc ăn ở, vệ sinh, giờ giấc cho đến chuyện học hành, tu rèn đạo đức. Nhưng bà cũng rất nghiêm khắc, đặc biệt là luôn chú trọng việc quản lý chặt chẽ, không để các em chơi bời lêu lổng, nhất là về ban khuya. Sau 9h 30 tối là khóa cổng, đâu là sinh viên năm mấy, học trường gì, trai hay gái, cứ tờ mờ sáng là bà đi gõ cửa kêu các em dậy sớm tập thể dục để nâng cao sức khỏe bản thân. Với phương châm “Mưa dầm thấm lâu” nên dần dần các em đều cảm thấy thoải mái, sớm thích nghi với chỗ ở mới để yên tâm lo chuyện đèn sách, phấn đấu gây dựng hạnh phúc cho cuộc sống tương lai. Hiện tại, bà Diệp sống nhờ tiền phụ cấp

neo đơn, khuyết tật của nhà nước 1.260.000đ/tháng. Trong dịp lễ, tết, hội hè, yến tiệc... nếu được chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm đến thăm, tặng quà như: gạo, mì tôm, dầu ăn, đường, bột ngọt, sữa, xà phòng... thì bà đem ra chia đều, san sẻ cho các sinh viên nghèo đang trọ học ở nhà mình. Bà Diệp khuyên nhủ các sinh viên trọ học ở nhà mình là phải thường xuyên đọc sách báo, bởi theo bà, chỉ có sách mới đem lại ánh sáng văn hóa, mở mang trí tuệ, góp phần hun đúc, dựng xây nếp sống văn hóa trong mỗi người Việt, đặc biệt là trong giới trẻ hiện nay. Bởi vậy, việc đầu tiên khi các sinh viên nghèo đặt chân tới “Ngôi nhà nhân ái” là được bà dọn dẹp, bố trí nơi để tủ sách vở, bàn ghế học tập sao cho hợp lí, khoa học.

### **Hàng trăm sinh viên nghèo được bà cứu mang**

Em Trần Thị Ngọc Ánh, quê Nghệ An, hiện là sinh viên năm hai ngành Y đa khoa, trường đại học Y Dược Huế, đang được bà Diệp cho ở trọ miễn phí, chia sẻ: “Ở đây thoải mái lắm chú ạ, vì được sống trong vòng tay yêu thương của bà. Sự thân thiện, gần gũi, quan tâm của bà làm em vui đi nỗi nhớ nhà và yên tâm học hành. Em ước tính, cứ 1 năm được bà cho ở miễn phí là em tiết kiệm được hơn 10 triệu đồng để mua thêm sách vở, giáo trình ôn luyện và để giảm chi phí cho các khoản học tập khác. Công đức của bà thật lớn lao, biết khi nào em mới trả nổi”. Còn em Hoàng Quốc Đạt, quê Hà Tĩnh, hiện là sinh viên năm cuối, ngành Công nghệ sinh học Trường Đại học Khoa học Huế, lại có duyên ở nhà bà Diệp từ năm 2014 đến nay, tâm sự: “Nhà đông anh em, bố mẹ thuần nông nên thu nhập thấp, lại không ổn định. Nếu không được bà Diệp cứu mang giúp đỡ thì chắc em cũng không trụ nổi đến năm thứ nhất. Bình thường, bà rất hiền, nhưng hề tụi em đi chơi về hơi khuya là bị bà kêu lên uốn nắn, răn đe. Nhiều lúc chúng em bất đồng nên to tiếng cãi vã nhau là bà làm quan tòa đứng ra phân xử, giải hòa. Thật sự, em vô cùng yêu quý bà như chính bà nội của em vậy”.

Ngoài việc kèm cặp, dõi theo giờ giấc học hành, giáo dục rèn luyện đạo đức cho các em vì thiếu vắng cha mẹ, người thân bên cạnh, những lúc rảnh rỗi bà còn chỉ dạy cho các nữ sinh viên “Nữ công gia chánh”, chuyện bếp núc, nấu nướng... để sau này các em có kỹ năng sống, trở thành người công dân phát triển toàn diện, có khả năng thích ứng với môi trường sống mới.

Mặc dù tuổi đã “gần đất, xa trời”, tai hơi lãng, đôi mắt không còn nhìn rõ như trước bởi phải trải qua nhiều lần tiểu phẫu, nhưng trông bà vẫn còn rất minh mẫn, sáng suốt. Bà còn nhớ rõ mồn một, đọc vanh vách tên từng đứa sinh viên khóa đầu (năm 1991) được bà bảo bọc, chở che: Tranh, Thuận, Thắng, Khuyến, Sơn, Thảo... trong số đó có nhiều người nay đã lên chức ông bà ngoại.

Hơn 30 năm qua, bà Huỳnh Thị Diệp đã đem ánh sáng văn hóa đến cho gần 200 sinh viên nghèo ở trong Nam, ngoài Bắc đến xin “lưu trú” ở nhà bà để học đại học. Trong số đó, có nhiều em nay đã trưởng thành, có việc làm ổn định. Nhiều bác sĩ, kỹ sư, linh mục, doanh nghiệp giỏi... cũng đã từng được trọ học ở “ngôi nhà nhân ái” này. Đơn cử, Trần Văn Duy - Giám đốc Trung tâm Âm nhạc Melody Huế, Châu Ngọc Quang - Chủ cửa hàng nhạc cụ Vĩnh Anh (Đà Nẵng), luật sư Đỗ Mạnh - đoàn luật sư Tp.HCM, Nguyễn Quang Cường - Giảng viên Toán kinh tế trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng), bác sĩ Trần Văn Hùng - công tác ở bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai, linh mục Trần Ngọc Tuyền - Giáo xứ Đại Lộc (Quảng Nam), linh mục Nguyễn Văn Đại - dòng tu Đa

Minh (Thủ Đức, Tp.HCM)...

Với sự cống hiến thầm lặng của mình trong suốt thời gian dài, không chỉ đơn thuần là sự hiến dâng vật chất, hỗ trợ kinh tế cho hàng trăm trường hợp khó khăn, ngặt nghèo có nơi ăn chốn ở để học hành thành tài; mà việc làm của bà còn mang giá trị nhân văn vô cùng sâu sắc- góp phần “khai tâm, mở trí”, đem lại đời sống văn hóa sáng lạng, rực rỡ cho nhiều bạn trẻ trong tương lai. Do đó, năm 2016 bà Huỳnh Thị Diệp vinh dự được VTV3 Đài truyền hình Việt Nam làm chương trình “Cà phê sáng”, năm 2018 bà còn được phát sóng trên chương trình “Điều ước thứ bảy” của VTV3 Đài truyền hình Việt Nam.

Thán phục trước hành động đẹp, giàu văn hóa, đậm nghĩa tình, cao cả hiếm có của bà, chúng tôi xin mượn mấy vần thơ mộc mạc, dung dị sau để kết thúc bài viết này. Kính chúc bà trường thọ để tiếp tục dâng hiến cho đời - mãi là bông hoa đẹp, chồi hoa bất tử trong lòng nhiều thế hệ sinh viên nghèo: “Bà Diệp tóc trắng như tiên/ Ba mươi năm cuu mang sinh viên nghèo/ Trong Nam, ngoài Bắc gieo neo/ Cùng chung số phận khó nghèo ấy thôi/ Tình thương bao phủ đây rồi/ Ánh sáng văn hóa cho đời “nở hoa.” ■



● **Chịu trách nhiệm xuất bản:**

TS. PHAN THANH HẢI

● **Chịu trách nhiệm nội dung:**

NGUYỄN THIÊN BÌNH

● **Biên tập:**

DƯƠNG HỒNG LAM

TRẦN TUẤN ANH

TRẦN HỮU AN

NGUYỄN NGỌC NGÂN HÀ

NGUYỄN THỊ LỢI

DƯƠNG NGỌC LINH

CÁI VĂN LỰC

NGUYỄN HOÀNG KHA

● **Trình bày và minh họa:**

ĐỖ VĂN LÂN

● **Chế bản:**

THY THY

In tại Công ty Cổ phần in Thuận Phát

15 Trần Cao Vân - Thành phố Huế

Thơ và bài xin gửi về:

08 Lý Thường Kiệt, TP. Huế

ĐT: 3826334 - 3826331

Email: baovanhoahue@gmail.com

**Giấy phép xuất bản:**

Số ....GP-STTTT do Sở Thông tin & Truyền thông

Thừa Thiên Huế

cấp ngày ... tháng 7 năm 2022

*Tranh bìa: .....*